

Dương Quân Tùng (đời Đường)
Nhược Quan Đạo Nhân (đời Thanh)

BÁT TRẠCH

MINH KÍNH

八字明鏡



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung "Bát trạch minh kính"
Bản quyền tiếng Việt: NS Minh Lâm

DƯƠNG QUÂN TÙNG (đời Đường)
NHƯỢC QUAN ĐẠO NHÂN (đời Thanh)

BÁT TRẠCH MINH KÍNH

Dịch và chữ giải: Gia Linh
Theo bản khắc đá đời Càn Long
Hiệu đính: Cổ Đô Thư

GIỚI THIỆU

"Bát trạch minh kính" là một bộ sách cổ nổi tiếng chuyên bàn về phong thủy dương trạch, đồng thời cũng là tác phẩm tiêu biểu của phái phong thủy Bát Trạch. Phái Bát Trạch là một trường phái phong thủy ra đời vào thời Đường và rất thịnh hành dưới thời Tống. Sau thời Tống, trường phái này vẫn tiếp tục được truyền thừa qua nhiều thế hệ, duy trì được vị trí độc tôn trong lĩnh vực bố trí phong thủy dương trạch. Lý luận của phái Bát Trạch từ lâu đã ăn sâu vào tâm tưởng của người Trung Hoa. Đối với dân tộc Trung Hoa, dù là trong nước hay ngoài nước, đều tôn Bát Trạch là trường phái phong thủy chính tông.

Sở dĩ phái Bát Trạch chiếm được địa vị hàng đầu trong nền phong thủy học truyền thống Trung Quốc, vì trường phái này đã hệ thống hoá, giản hoá các lý luận phong thủy phức tạp để trở nên đơn giản dễ hiểu hơn, quy nạp thành những luận điểm mà mọi người đều có thể tiếp nhận được, khái quát nên những tri thức mang tính chất tổng kết, để từ đó, có thể thâm nhập vào hệ thống lý luận phong thủy. Với tinh thần đó, "Bát trạch minh kính" đã đưa ra rất nhiều phương pháp thao tác cụ thể, trực quan, mang giá trị thực tiễn cao, rất phù hợp để ứng dụng trong đời sống thường ngày. Các lý luận của phái Bát Trạch chủ yếu xuất phát từ niên mệnh và Tam nguyên, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của hướng cửa, hướng bếp và tính chất lành dữ của các phương hướng, dung hoà các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất, tạo nên một hệ thống lý luận phong thủy dương trạch hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, do đây là một cuốn sách phong thủy được hình thành trong thời kỳ phong kiến cổ xưa, nên bên cạnh những giá trị khả thủ, tất yếu không tránh khỏi một số nội dung thiên về duy tâm. Nhưng nói một cách công bằng, đây cũng chính là đặc điểm chung của tất cả các bộ sách phong thủy cổ xưa. Bởi vậy, chúng ta cần nghiên cứu cuốn sách này với thái độ khoa học, tỉnh táo, gạt bỏ khơi trong, nhằm vận dụng những tinh hoa trí tuệ cổ xưa để tìm lấy sự cân bằng và hài hoà trong cuộc sống hiện đại.

LỜI NÓI ĐẦU

"*Bát trạch minh kinh*" là một bộ sách chuyên luận về địa lý phong thủy dương trạch. Địa lý phong thủy cổ đại chủ yếu tập trung vào hai lĩnh vực dương trạch và âm trạch. Âm trạch tức phần mộ của người chết, chủ yếu quyết định đến sự giàu nghèo, sang hèn của hậu duệ người đã khuất. Dương trạch tức nơi ở của người sống, như nhà ở, cửa hiệu, công xưởng..., sẽ tác động đến vận mệnh của người đang sống.

Dân tộc Trung Hoa là dân tộc bản địa của vùng đất Trung nguyên. Thuở xa xưa, khi tổ tiên viễn cổ của người Trung Hoa rời khỏi rừng rậm, từ văn hoá hang động quá độ sang nền văn hoá trung du (văn hoá bán pha - văn hoá cư trú tại vùng bán sơn địa), rồi tiến tới dựng gỗ làm nhà, bắt đầu cuộc sống định cư. Trong thời xa xưa đó, do sức sản xuất thấp, khoa học kỹ thuật lạc hậu, sức đề kháng của con người đối với thiên nhiên rất yếu ớt, thường xuyên bị đe dọa bởi thiên tai và các sức mạnh tự nhiên khác. Dưới sự thôi thúc của bản năng sinh tồn và khát vọng về một cuộc sống ấm no, con người hy vọng có thể lợi dụng kiến trúc nhà ở vào mục đích "rước lành tránh dữ", hoá giải những bất lợi do tự nhiên mang lại. Trong bối cảnh lịch sử đó, sự ra đời của thuyết địa lý phong thủy là một điều tất yếu.

Phong thủy dương trạch, âm trạch đã có lịch sử phát triển hàng ngàn năm, và cho ra đời nhiều trường phái, trong đó, phái Bát Trạch là một trường phái phong thủy dương trạch khá quyền uy. Trường phái này xuất hiện dưới thời Đường, rất thịnh hành vào thời Tống. Trong cuốn "*Tống sử*" phần "*Nghệ văn chí*" quyển thứ năm có sao chép lại một quyển "*Hoàng Đế Bát trạch kinh*", một quyển "*Hoài Nam Vương kiến cơ Bát trạch kinh*" và hai quyển "*Hoàng Thạch Công Bát trạch*", đây là ba bộ trước tác tiêu biểu của phái Bát Trạch do người đời Tống biên soạn. Ngay từ cách đặt tên cho ba tác phẩm này, cũng thấy được dụng ý của tác giả, tức đều mượn tên của các đế vương thời cổ hoặc thần tiên để củng cố địa vị cho hệ thống lý luận của mình. Phương cách này cũng góp phần mang lại hiệu quả thực tế, khiến từ đời Tống trở về sau, lý luận của trường phái Bát Trạch được nổi đời truyền tụng, chiếm được vị trí độc tôn trong lĩnh vực phong thủy dương trạch. Cho đến tận ngày nay, tại các khu vực chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa, đa số vẫn coi phái Bát Trạch là trường phái địa lý phong thủy chính tông.

"*Bát trạch minh kinh*" là tác phẩm mang tính đại diện cho trường phái Bát Trạch. Tác phẩm tương truyền là sáng tác của Đại sư phong thủy Dương Quân Tùng đời Đường, do Nhược Quan Đạo nhân đời Thanh biên soạn, chỉnh lý. Có thể nói rằng, đây là một tập đại thành của lý luận phong thủy Bát Trạch. Để độc giả

tiện theo dõi, sau đây, chúng tôi xin giới thiệu khái quát về những khái niệm, mệnh đề chủ yếu xuất hiện thường xuyên trong tác phẩm.

1. Niên mệnh và trạch mệnh

Hẳn chúng ta khá quen thuộc với khái niệm "bát tự", tức bốn cặp đôi can chi chỉ năm sinh, tháng sinh, ngày sinh, giờ sinh của mỗi người, mà các nhà mệnh tướng học còn gọi là "tứ trụ". Các phép xem bói tử vi, tướng số thường căn cứ vào quan hệ tương sinh tương khắc của "tứ trụ" để suy đoán về vận mệnh của mỗi người. Phái Bát Trạch chủ yếu chỉ coi trọng năm sinh, dùng cặp can chi của năm sinh kết hợp với Bát quái để khái quát thành tám loại niên mệnh hay mệnh quái, tức mệnh Càn, mệnh Khôn, mệnh Khảm, mệnh Tốn, mệnh Chấn, mệnh Ly, mệnh Cấn, mệnh Đoài. Tất cả mọi người, dù sinh vào năm tháng nào, là nam hay nữ, đều có thể quy nạp vào "bát mệnh" trên. Tám loại niên mệnh này còn được chia thành Đông tứ (bốn mệnh đông) và Tây tứ (bốn mệnh tây). Cách phân chia này dựa trên cơ sở nguyên lý "trung phối hợp" và "lão thiếu phối hợp" của Tiên Thiên Bát quái. Trong tám quẻ của Bát quái, Càn là lão phụ (cha), Khôn là lão mẫu (mẹ), Cấn là thiếu nam (con trai út), Đoài là thiếu nữ (con gái út); "Lão thiếu phối hợp" là Tây tứ mệnh, tức Càn, Khôn, Cấn, Đoài. Chấn là trưởng nam (con trai cả), Tốn là trưởng nữ (con gái cả), Khảm là trung nam (con trai thứ), Ly là trung nữ (con gái thứ); "Trung phối hợp" tức Chấn, Tốn, Khảm, Ly, là Đông tứ mệnh.

Chữ "Trạch" trong "Bát trạch" chỉ "mệnh trạch" (mệnh của nhà ở). Mệnh của trạch được xác định dựa vào hướng tọa của căn nhà, tức phương vị mà căn nhà dựa lưng vào. Phối hợp tám phương vị với Bát quái, có Ly chính nam, Khảm chính bắc, Đoài chính tây, Chấn chính đông, Càn tây bắc, Tốn đông nam, Khôn tây nam, Cấn đông bắc. Bởi vậy, mệnh của trạch cũng gồm "bát mệnh" Càn, Khôn, Khảm, Tốn, Chấn, Ly, Cấn, Đoài. Tương tự như niên mệnh, tám loại trạch mệnh này cũng được chia thành Tây tứ mệnh, tức trạch mệnh là Càn, Khôn, Cấn, Đoài, và Đông tứ mệnh, tức trạch mệnh là Chấn, Tốn, Khảm, Ly.

2. Tam nguyên

Tam nguyên là một phương pháp tính chu kỳ năm được sử dụng lâu đời nhất trong lịch sử Trung Quốc cổ đại, tức phương pháp tính niên đại theo vòng can chi Giáp Tý. Phương pháp này bắt nguồn từ thời Tây Hán và kéo dài cho đến khi nhà nước Trung Quốc mới ra đời. Đây cũng chính là thời kỳ phát triển, hưng thịnh và suy thoái của chế độ phong kiến. Chính bởi lịch sử phát triển lâu dài như vậy, nên đến tận nay, phương pháp tính thời gian theo vòng can chi Giáp Tý vẫn được sử dụng rộng rãi trong dân gian. Phương pháp này là sự kết hợp giữa mười thiên can với mười hai địa chi, hình thành nên sáu mươi nhóm kết hợp khác nhau, tạo

nên một chu kỳ 60 năm, được gọi là một Hoa giáp hay một vòng Giáp Tý, và chu kỳ 60 năm đó chính là một nguyên. Ba nguyên kết hợp với nhau tạo thành một chu kỳ 180 năm gọi là Tam nguyên, ba nguyên trong một chu kỳ Tam nguyên lần lượt được gọi là Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Mỗi nguyên lại bao gồm ba vận, mỗi vận kéo dài 20 năm. Khi một người được sinh vào một năm trong một nguyên nào đó, thì yếu tố không gian xung quanh người đó đã được xác định. Bởi vậy, kiến trúc nhà ở của người đó phải căn cứ vào Tam nguyên để xác định phương, hướng và suy đoán cát, hung. Khái niệm Tam nguyên được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực địa lý phong thủy, tướng mệnh tử vi, dự đoán, nhưng chỉ có phái Bát Trạch coi Tam nguyên là căn cứ lý luận quan trọng nhất cho học thuyết của mình.

3. Nhấn mạnh tầm quan trọng của cổng chính, bếp và hướng tốt hướng xấu

Theo quan niệm của phái Bát Trạch, các yếu tố long và thủy của các trường phái phong thủy truyền thống tất nhiên cũng có giá trị tham khảo nhất định, nhưng nhân tố mà phái này coi trọng nhất không phải là lai long hay thủy, mà là cổng chính và bếp của nhà ở. Phái Bát Trạch nhận định, cổng là Khí thần (thần quản khí), còn bếp là Thực thần (thần quản việc ăn uống), nên có mối quan hệ cực kỳ chặt chẽ đến nhà ở. Không đón được sinh khí vào nhà, nhà sẽ chết; Không rước được thực thần đến nhà, người sẽ chết. Dựa trên căn cứ lý luận về niên mệnh Tam nguyên, phái Bát Trạch quan niệm, hướng của cổng chính và bếp nhất định phải phù hợp với niên mệnh Đông, Tây của chủ nhà. Cùng sống trong một căn nhà với hướng cổng, hướng bếp như nhau, những người có niên mệnh khác nhau sẽ đi theo những vận mệnh hoàn toàn khác nhau. Đây là một lý luận mang tính chất đặc trưng, ít gặp ở những trường phái khác.

Sự tốt xấu của cổng hay bếp không được quyết định bởi quy mô, kiểu dáng kiến trúc, mà chủ yếu được quyết định bởi hướng, tọa của chúng. Mặt khác, lý luận Bát Trạch cũng quan niệm, căn cứ vào niên mệnh, không gian sinh tồn của mỗi người đều có bốn hướng xấu và bốn hướng tốt đặc định, cổng và cửa bếp nhất thiết phải nhìn về hướng tốt, và tại hướng xấu nên đặt các kiến trúc hoặc đồ vật mang tính trấn áp, như vậy sẽ đạt được mục đích "hướng cát trấn hung".

4. Coi trọng hôn nhân và thừa tự

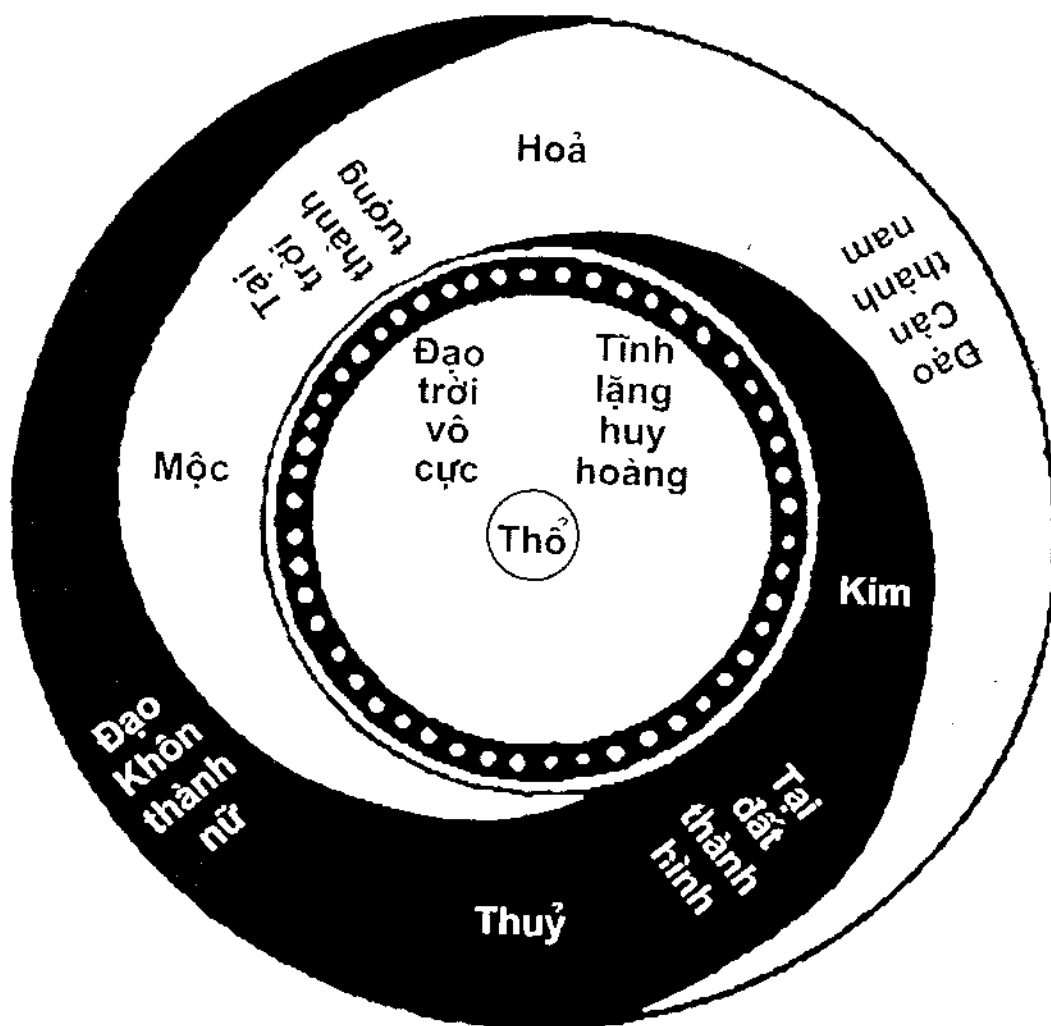
Địa lý phong thủy thường bao gồm rất nhiều nội dung, như cách thức chôn cất, cách đặt bài vị hoặc ban thờ, cách chọn ngày tháng cho việc xuất hành, kinh doanh... Phái Bát Trạch không quá sa đà vào những chi tiết thứ yếu, mà tập trung vào hai vấn đề chính là hôn nhân và thừa tự (con nối dõi). Hôn nhân và thừa tự là hai mặt của cùng một vấn đề. Theo quan niệm truyền thống của dân tộc Trung

Hoa (và của chung các nước Á Đông), tiêu chí của một cuộc hôn nhân tốt đẹp là "đông con nhiều phúc, con cháu đầy nhà". Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà phái Bát Trạch coi đây là hai vấn đề trọng tâm. Lý luận về hôn nhân của phái Bát Trạch cũng dựa trên cơ sở niên mệnh, về cơ bản, người mệnh Đông nên chọn bạn đời mệnh Đông, người mệnh Tây nên chọn bạn đời mệnh Tây, nếu kết hợp được với những phương vị tốt trong niên mệnh của đôi phương thì càng mỹ mãn. Nếu nhìn dưới lăng kính hiện đại, mức độ hạnh phúc của gia đình không thể chỉ được quyết định bởi niên mệnh của vợ hoặc chồng. Nhưng trong xã hội phong kiến, khi mà việc hôn nhân hầu hết được định đoạt bởi các bậc gia trưởng, và vấn đề "nối dõi tông đường" được đặt lên hàng đầu, thì đây chính là một căn cứ quan trọng để dựng vợ gả chồng.

Ngày nay, việc xây dựng ở các thành phố đã không còn có thể tùy thuộc vào ý muốn của mỗi cá nhân, nhà cửa ở nông thôn cũng từng bước đi vào giai đoạn quy hoạch. Vì vậy, rất nhiều nội dung trong cuốn sách này không dễ ứng dụng trong cuộc sống thực tế. Thế nhưng, đặc trưng của "*Bát trạch minh kinh*" là đã khái quát nên các lý luận và phương pháp thao tác đơn giản, trực quan, bên cạnh những nguyên lý kết hợp tiêu chuẩn, còn đưa ra rất nhiều biện pháp ứng biến tình thế trong những trường hợp phạm phải kiêng kỵ về phong thủy, nên chúng tôi nhận định rằng, có nhiều nội dung trong cuốn sách rất giàu giá trị tham khảo. Một đặc điểm nổi bật nữa trong lý luận của phái Bát Trạch là các luận điểm được trình bày một cách thẳng thắn, trực quan, ít vòng vo, ẩn dụ. Vì vậy, độc giả sẽ dễ dàng nhận ra, đâu là những nội dung có giá trị ứng dụng, đâu là những điểm không hợp lý trong lý luận của trường phái này, để tiếp thu và ứng dụng một cách có chọn lọc.

Bởi vậy, chúng tôi tiến hành phiên dịch cuốn sách này với mục đích giới thiệu cho độc giả diện mạo của một trường phái địa lý phong thủy cổ đại, bởi vì dù sao đi nữa, phong thủy đã trở thành một bộ phận cấu thành của nền văn hoá truyền thống, và vẫn tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của chúng ta hiện nay. Cho dù đã bước sang xã hội hiện đại, nhưng chúng ta không thể đoạn tuyệt những tri thức truyền thống một cách giản đơn, mà ứng dụng một cách có lựa chọn những tinh hoa cổ đại vào cuộc sống hiện đại mới chính là sự lựa chọn sáng suốt nhất của chúng ta.

Trong số các bản "*Bát trạch minh kinh*" hiện nay, bản in của Lạc Chân Đường vào năm Càn Long thứ 55 (1795) đời Thanh là hoàn chỉnh nhất, có kèm theo rất nhiều hình vẽ minh hoạ chi tiết. Đây cũng là văn bản mà chúng tôi lựa chọn để giới thiệu. Thế nhưng do bản thân văn bản gốc tồn tại khá nhiều lỗi sai về câu, chữ, hoặc thừa thiếu chữ, nên công việc phiên dịch không tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự góp ý của quý độc giả.



LỜI TỰA

Ta bản tính không tin vào phong thủy, không mê hoặc bởi địa lý, mơ mơ hồ hồ, tùy ý di chuyển. Lúc sang tây, lúc về đông, lạnh dữ đã khác; Khi xuống nam, khi lên bắc, sướng khổ đổi dời, mà không hiểu được tại sao lại như vậy.

Ngẫu nhiên vào giữa đông năm Kỷ Dậu, vừa hay có đạo nhân Nhược Quan đến thăm nhà, nói về cái hay của Bát Trạch. Ta bèn xin đạo nhân chỉ giáo cho thuật này, đạo nhân đáp: Bát trạch gồm Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, có hung có cát. Nhà phân Đông tứ trạch và Tây tứ trạch, người gồm Đông tứ mệnh và Tây tứ mệnh. Thế nào là Đông tứ trạch? Là nhà toạ ở bốn phương Khảm, Chấn, Tốn, Ly. Vậy thế nào là Tây tứ trạch? Tức nhà toạ ở bốn phương Khôn, Càn, Đoài, Cấn. Lại giảng: Người có Đông, Tây tứ mệnh, căn cứ vào vòng Giáp Tý mà chia ra ba nguyên thượng, trung, hạ; Vậy Khảm một, Chấn ba, Tốn bốn, Ly chín là Đông tứ mệnh; Khôn hai, Càn sáu, Đoài bảy, Cấn tám là Tây tứ mệnh. Đông tứ mệnh nên ở Đông tứ trạch, Tây tứ mệnh hợp cùng Tây tứ trạch. Nếu niên mệnh hợp với trạch mệnh, sẽ vượng phát cả về người và của. Nếu không thể chuyển nhà, thì một căn nhà có hai mươi tư phương hướng, có thể chuyển dịch hướng bếp, hướng giường theo đúng hướng tốt, lập tức ứng nghiệm.

Ta bèn xin đạo nhân dạy cho thuật Bát Trạch, đạo nhân Nhược Quan liền lấy trong túi ra hai cuốn sách trao cho ta, sách có tên "*Bát trạch minh kinh*", lại tặng thêm một cây "thiên xích" (thước trời). Đạo nhân nói rằng, cuốn sách này là do thầy Dương Quân Tùng^[1] soạn ra. Ví như nhà nằm hướng xấu, đổi hướng cổng chính sẽ hoá cát tường; Phòng đặt nơi bất lợi, đổi hướng cửa phòng lại ra may mắn; Mở cổng, chuyển giường đúng cách, có thể rước lành tránh dữ, ứng nghiệm vô cùng. Đây không phải loại thước chu thiên mà thợ mộc thường sử dụng. Đạo nhân dặn ta nên đọc kỹ, những ghi chép trong sách rất tường tận, rõ ràng. Nói xong đạo nhân cáo biệt ra về.

Ta từ đó ngày đêm tĩnh tâm nghiên ngẫm, lại thấy những bạn bè tài lộc vượng phát đều là hợp mệnh hợp trạch, những người bần hàn lụn bại, chính do mệnh trạch bất đồng. Quả thực dương trạch tốt xấu có nguồn, nhà cửa lành dữ có gốc, như trống và dùi tương ứng với nhau. Sách và thước, nguyên lý vốn là thống nhất, đi liền với nhau không sai lệch, sử dụng cùng nhau, ắt nhiều ích lợi. Tiếc thay

^[1] Dương Quân Tùng (834-906): Người Đâu Châu, làm quan đến Kim Tử Quang Lộc Đại phu dưới triều Đường Hy Tông, chức quân Lĩnh đài Địa lý sự. Gặp loạn Hoàng Sào phá kinh thành, ông cắt tóc bỏ vào núi Côn Lôn nghiên cứu núi non phong thủy. Sau gặp người hại ngầm, trúng độc mà chết, thọ 72 tuổi.

người đời vụng về hối hả, chẳng may mệnh trạch trái nhau, thật không phải chuyện nhỏ; Không những một đời vất vả, mà còn tuyệt tử tuyệt tôn, tai hoạ khôn lường! Vậy nên không dám cất kỹ gói đầu, mà đem in khắc, để tiện lưu truyền trong bốn bể. Khiến cho nơi nơi hưng vượng, xú xú an ninh, như vậy là ta đã thoả nguyện lắm lắm.

*Tháng hai năm Canh Tuất niên hiệu Càn Long thứ 55, Tư Giang Điếu Tẩu^[2]
Cố Ngô viết tựa.*

^[2] Tư Giang Điếu Tẩu: Ông già câu cá tại sông Tư Giang.

PHÀM LỆ

Cuốn sách này do đạo nhân Nhược Quan truyền thụ, mà không thấy có bản khắc in lưu hành trên đời. Cho dù thi thoảng có thầy địa lý am hiểu điều vi diệu của Cửu cung Bát trạch, thì cũng coi như của báu, khu khu giữ kín tựa giấu thiên cơ, không dám tùy tiện tiết lộ. Mỗi khi có người đến cầu xin chỉ dẫn cách đổi hướng nhà, lại kêu kỳ phách lối, dây dầy chối từ. Bởi vậy ta không dám cất lấy làm của riêng tây, mà thận trọng khắc in, truyền bá công khai ra bốn biển.

Phàm là Đông tứ mệnh nên ở nhà Đông tứ trạch, Tây tứ mệnh nên ở tại Tây tứ trạch, đó chính là phương hướng ngàn đời nay không thay đổi, nhất định phải dùng la bàn làm chuẩn, không được làm bừa, làm sai.

Về phép tra niên mệnh Cửu cung, cần áp dụng bài ca quyết bàn tay Cửu cung (Bài sơn chưởng quyết), người mới học khó có thể hiểu ngay được, nên chỉ bằng lật giở trang cuối của lịch "*Thời hiến*"^[1], phía sau phần năm tháng có bảng tra chín cung mệnh của nam và nữ. Sử dụng bảng tra đó, vừa chính xác lại vừa giản tiện.

Tam nguyên là cái mốc để tra cung mệnh. Ví dụ, nam sinh năm Giáp Tý Thượng nguyên, thuộc cung Khảm một, nữ sinh năm này thuộc cung Trung năm; Nam sinh năm Giáp Tý Trung nguyên thuộc cung Tốn bốn, nữ sinh năm này thuộc cung Khôn hai; Nam sinh năm Giáp Tý Hạ nguyên thuộc cung Đoài bảy, nữ sinh năm này thuộc cung Cấn tám. Từ đó mà loại suy ra các trường hợp còn lại.

Nếu gặp trường hợp người mệnh đông ở trạch tây mà không thể chuyển nhà, thì có thể đổi hướng cổng, chuyển hướng bếp, sẽ có thể đổi hoạ thành phúc.

Cuốn sách này không chỉ phù hợp cho dương trạch, mà áp dụng cho việc hôn nhân cũng rất hữu lý. Như người Đông tứ mệnh nên lấy vợ Đông tứ mệnh; Người Tây tứ mệnh nên tìm vợ Tây tứ mệnh. Như vậy, chẳng những con cái đầy đàn, mà còn ăn ở hoà hợp.

Phàm hiếm con nối dõi, cần tra kỹ cung mệnh, dựa theo quẻ, y theo tượng mà đổi cổng chuyển bếp, sẽ lại **lông con nhiều cháu**, ứng nghiệm như thần.

Phàm muốn thoát nghèo lên giàu, cần tra rõ phương vị Sinh Khí, để đổi hướng cửa thay hướng bếp, sẽ được **giàu có**.

Phàm mong dứt bỏ bệnh tật, cần xoay hướng bếp hướng lò về phương vị Thiên Y trong bản mệnh, thì **bệnh không cần thuốc cũng nhanh chóng thuyên giảm**.

Muốn tránh tai bay vạ gió, xem kỹ trong sách này, cũng có cách rước lành tránh dữ, chuyển hoạ thành phúc.

^[1] Lịch Thời hiến: Một loại lịch chế định vào cuối thời Minh, ban hành vào niên hiệu Thuận Trị thứ 2 đời Thanh (năm 1645).

Về kích thước cổng chính, các thầy địa lý thường dùng thước môn quang^[1], thợ mộc hay dùng thước chu thiên, còn kiểu thước trong cuốn sách này thực là trân gian hiếm thấy, nên cũng vẽ luôn ra để khắc in lưu truyền ở đời.

Các hình vẽ, các bài ca quyết như "*Ngọc liễn kinh*", "*Khai môn phóng thủy*" chỉ nên căn cứ vào đại ý của chúng, tốt nhất vẫn nên dùng thiên xích, sẽ hiệu quả hơn.

Trong sách có nhiều chỗ trùng lặp, vì là di bút của tiên hiền, nên không dám tự tiện cắt bỏ.

Nhà hay làm việc thiện, cho dù quay về hướng xấu, đối diện hung tinh, thì đạo trời cũng quyết không giá họa cho họ; Nhà chuyên gây điều ác, dẫu ở nơi hợp mệnh hợp hướng, châu về cát tinh, thì đạo trời chắc chắn không ban phúc lành cho họ. Bởi vậy nếu như cát hung không linh ứng, hẳn đều có nguyên nhân thiện ác.

Ván khắc cất giữ tại Lạc Chân Đường, chờ người tìm đọc, phát hành tại Học Cổ Trai của ông Đàm Văn Long, phố Học Sĩ trong cửa Tư Môn - Tô Châu.

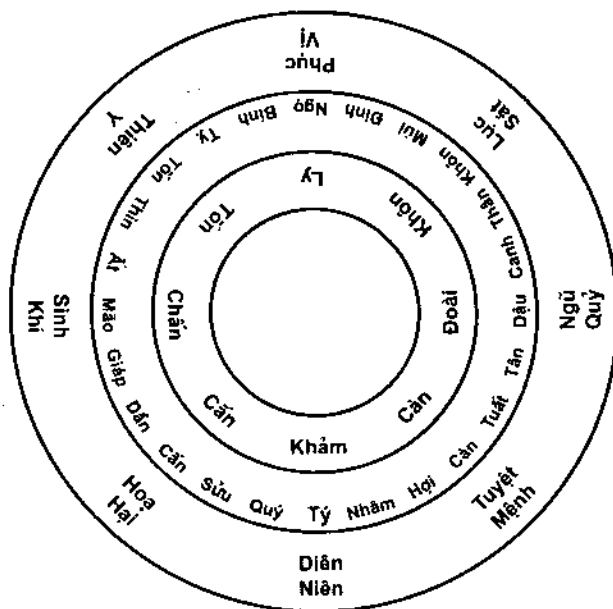
^[1] Thước môn quang: Một loại thước mà các thợ mộc xưa thường sử dụng để đo đạc, chế tác cổng chính, còn gọi là "thước đo cổng" hoặc "thước bát tự".

Đông tứ trạch - Đông tứ mệnh: Cung Ly

Đông tứ trạch

Cung Ly

Đông tứ mệnh



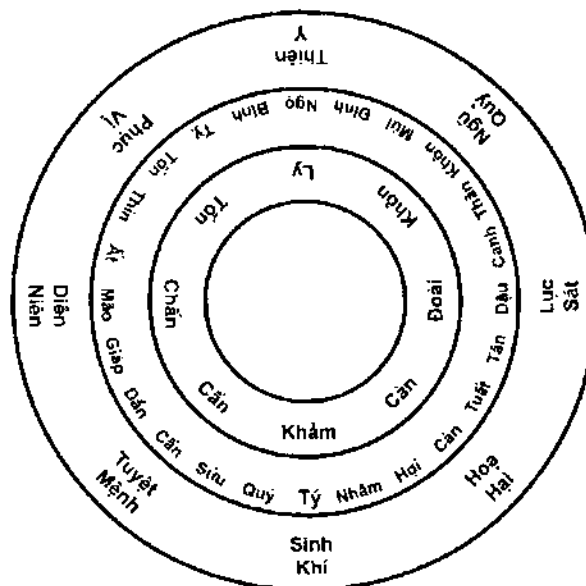
Cung

Đông tứ trạch - Đông tứ mệnh: Cung Tốn

Đông tứ trạch

Cung Tốn

Đông tứ mệnh



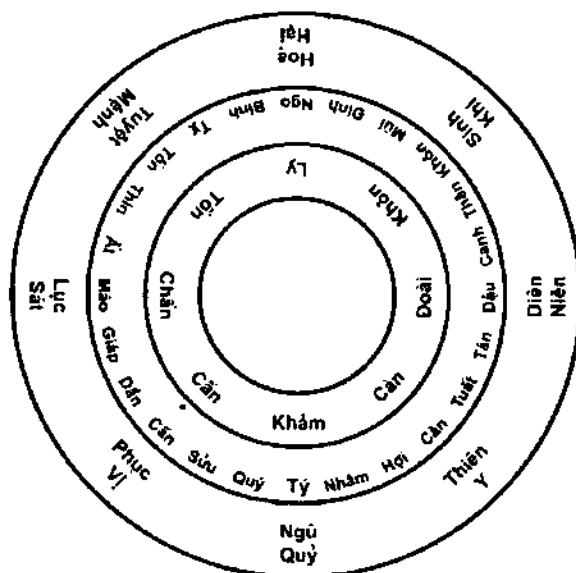
Cung

Tây tứ trạch - Tây tứ mệnh: Cung Cấn

Tây tứ trạch

Cung Cấn

Tây tứ mệnh



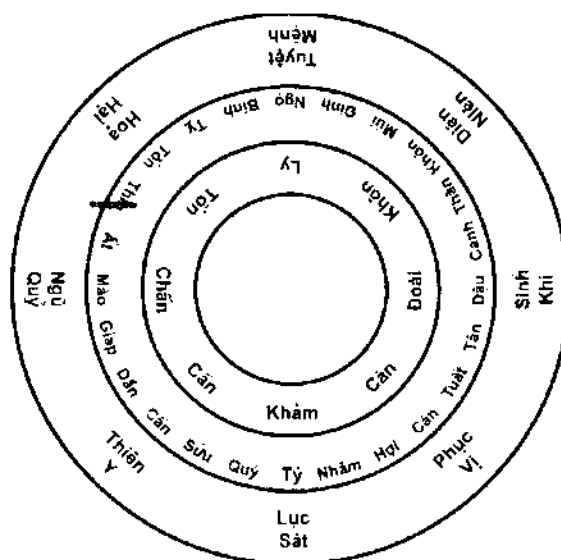
Cung

Tây tứ trạch - Tây tứ mệnh: Cung Càn

Tây tứ trạch

Cung Càn

Tây tứ mệnh



Cung

BÁT TRẠCH MINH KÍNH

QUYỂN THƯỢNG

BÀN VỀ SỐ MỆNH NAM NỮ

Nguyên văn:

Số mệnh của con người không giống nhau, nhà ở cũng có nơi xung nơi hợp, bởi vậy mà ông cháu có thịnh có suy, cha con có thành có bại, vợ chồng hoạ trước phúc sau bất nhất, anh em người may kẻ dở bất đồng. Có khi ở nơi này thì trắc trở, chuyển chốn khác lại an lành, thực chất đều là số mệnh hợp hay không hợp nên mới tạo nên những khác biệt như vậy. Người xưa có nói: "mệnh không dễ đoán". Bởi vậy, từ quẻ mà suy đoán ra cái lý của mệnh, để khiến mọi sự của nhà ở đều ổn thoả, nhằm hợp với mệnh trời, như vậy đại khái đã có thể được hài hoà, mà không đi ngược lại cái lý của trời đất, Bát quái, ngũ hành, để kéo dài được phúc lộc đến nhiều đời mà bản thân mình cũng được trọn cát. Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông tứ trạch, nam nữ căn cứ vào Tam nguyên để tính đếm, nếu rơi vào bốn cung này là Đông tứ mệnh. Càn, Khôn, Cấn, Đoài là Tây tứ trạch, nam nữ căn cứ vào Tam nguyên để tính đếm, nếu rơi vào bốn cung này là Tây tứ mệnh. Nam sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên bắt đầu đếm từ cung Khảm, sinh vào Giáp Tý Trung nguyên bắt đầu đếm từ cung Tốn, sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên bắt đầu đếm từ cung Đoài. Trình tự đếm là từ Khảm đến Ly, rồi đến Cấn, đến ~~Đoài~~, đến Càn, đến Trung, đến Tốn, đến Chấn, đến Khôn, tức đếm ngược chiều, gặp Trung cung thì gửi mệnh Khôn. Nữ sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên bắt đầu đếm từ Trung cung, sinh vào Giáp Tý Trung nguyên bắt đầu đếm từ cung Khôn, sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên bắt đầu đếm từ cung Cấn. Trình tự đếm là từ trung đến Càn, đến Đoài, đến Cấn, đến Ly, đến Khảm, đến Khôn, đến Chấn, đến Tốn, tức đếm xuôi chiều, gặp Trung cung thì gửi mệnh Cấn. Những cung đó đều được tính theo bài ca quyết Bàn tay Cửu cung.

Giải thích:

Đoạn văn trên nói về số mệnh của nam và nữ. Trong thế giới bao la vô cùng này, vận mệnh của mỗi người đều khác nhau, có người trước giàu có sau lụn bại, có người trước nghèo khổ sau phát đạt. Anh chị em cùng một nhà cũng mỗi người một cảnh, giàu nghèo mỗi khác. Thường người ta chỉ biết rằng số mệnh là khác nhau, nhưng lại không hiểu đâu là nguyên nhân của sự khác biệt đó. Tâm lý chung của tất cả mọi người là mong cầu hạnh phúc và tránh né tai hoạ, nên ai ai cũng muốn biết rõ được số mệnh của mình.

Dựa trên khát vọng đó, người xưa đã phát minh ra ngũ hành, Bát quái, xây dựng nên một hệ thống triết lý phong phú, nhằm mục đích làm sáng tỏ những uẩn khúc trong số mệnh của con người. Cuốn "*Bát trạch minh kinh*" cũng dựa trên nguyên lý Bát quái, để định ra *trạch mệnh* cho nhà ở cùng *niên mệnh* cho con người.

Theo nguyên lý đó, nhà ở dựa theo toạ phương được chia thành Đông tứ trạch, tức toạ tại Khảm, Ly, Chấn, Tốn, và Tây tứ trạch, tức toạ tại Càn, Khôn, Cấn, Đoài. Cung mệnh của người nam và người nữ được tính theo năm sinh căn cứ vào chu kỳ Tam nguyên, mệnh Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông tứ mệnh, mệnh Càn, Khôn, Cấn, Đoài là Tây tứ mệnh.

Từ các nguyên lý cơ sở đó, đã mở ra một trường phái nghiên cứu mới mà các nhà phong thuỷ lý số gọi đó là phái Bát Trạch.

Những chương sau đây sẽ lần lượt trình bày về các tầng lý thuyết của phái Bát Trạch. "*Bát trạch minh kinh*" sẽ giúp những độc giả yêu thích tướng mệnh, thuật số tiếp cận được với vốn kiến thức toàn diện của trường phái Bát Trạch.

BẢNG NẠP ÂM SÁU MƯƠI HOA GIÁP

Năm sinh	Mệnh
Giáp Tý	Hải trung Kim (Kim đáy biển)
Ất Sửu	
Bính Dần	Lô trung Hoả (Lửa trong lò)
Đinh Mão	
Mậu Thìn	Đại lâm Mộc (Cây rừng rậm)
Kỷ Ty	
Canh Ngọ	Lộ bàng Thổ (Đất bên đường)
Tân Mùi	
Nhâm Thân	Kiếm phong Kim (Kim mũi kiếm)
Quý Dậu	
Giáp Tuất	Sơn đầu Hoả (Lửa đầu núi)
Ất Hợi	
Bính Tý	Giản hạ Thuỷ (Nước dưới khe)
Đinh Sửu	
Mậu Dần	Thành đầu Hoả (Lửa trên thành)
Kỷ Mão	
Canh Thìn	Bạch lập Kim (Kim bạch lập)
Tân Ty	
Nhâm Ngọ	Dương liễu Mộc (Cây dương liễu)
Quý Mùi	
Giáp Thân	Tuyền trung Thuỷ (Nước trong suối)
Ất Dậu	
Bính Tuất	Ốc thượng Thổ (Đất trên nhà)
Đinh Hợi	
Mậu Tý	Tích lịch Hoả (Lửa sấm sét)
Kỷ Sửu	
Canh Dần	Tùng bách Mộc (Cây tùng bách)
Tân Mão	
Nhâm Thìn	Trường lưu Thuỷ (Nước chảy dài)
Quý Ty	

Năm sinh	Mệnh
Giáp Ngọ	Sa trung Kim (Kim trong cát)
Ất Mùi	
Bính Thân	Sơn hạ Hoả (Lửa dưới núi)
Đinh Dậu	
Mậu Tuất	Bình địa Mộc (Cây đồng bằng)
Kỷ Hợi	
Canh Tý	Bích thượng Thổ (Đất trên vách)
Tân Sửu	
Nhâm Dần	Kim bạc Kim (Kim dát vàng)
Quý Mão	
Giáp Thìn	Phúc đăng Hoả (Lửa đèn chụp)
Ất Ty	
Bính Ngọ	Thiên hà Thuỷ (Nước sông Ngân)
Đinh Mùi	
Mậu Thân	Đại dịch Thổ (Đất nhà lớn)
Kỷ Dậu	
Canh Tuất	Thoa xuyên Kim (Kim đâm vòng)
Tân Hợi	
Nhâm Tý	Tang giá Mộc (Cây dâu đay)
Quý Sửu	
Giáp Dần	Đại Khê Thuỷ (Thuỷ suối lớn)
Ất Mão	
Bính Thìn	Sa trung Thổ (Đất trong cát)
Đinh Ty	
Mậu Ngọ	Thiên thượng Hoả (Lửa trên trời)
Kỷ Mùi	
Canh Thân	Thạch lựu Mộc (Cây lựu đá)
Tân Dậu	
Nhâm Tuất	Đại hải Thuỷ (Nước biển lớn)
Quý Hợi	

Giải thích:

Bảng nạp âm sáu mươi hoa giáp là quy tắc chung mà tất cả các trường phái tướng số đoán mệnh cùng sử dụng, đồng thời cũng là một trong những cơ sở của tướng mệnh học.

Sáu mươi hoa giáp: Lục thập hoa giáp, còn được gọi là lục thập Giáp Tý, tức sáu mươi tổ hợp khác nhau do 10 thiên can và 12 địa chi kết hợp mà thành. Do số lượng các tổ hợp nhiều, lại không giống nhau, nên được gọi là "hoa". Mặt khác, tổ hợp Giáp Tý đứng ở vị trí đầu tiên, nên thường gọi Giáp Tý để đại diện cho 60 tổ hợp, nên lục thập hoa giáp còn được gọi là lục thập Giáp Tý. Trình tự sắp xếp của sáu mươi hoa giáp là cố định, tuyệt đối không được phép thay đổi, đảo lộn.

Nạp âm: Nạp âm vốn là thuật ngữ thuộc phạm trù nhạc lý của Trung Quốc cổ đại, về sau được các nhà tướng mệnh học vay mượn. Sau này, nạp âm đã trở thành một thuật ngữ của tướng mệnh học, và biến mất khỏi nhạc lý. Nhạc lý cổ Trung Quốc gồm 12 luật gồm: hoàng chung, thái thiếu, cô tảo, nhụy tân, di tảo, vô dịch, đại lữ, giáp chung, trọng lữ, lâm chung, nam lữ, ứng chung, phân làm sáu âm sáu dương. Mỗi luật đều có năm điệu: cung, thương, giốc, chuyển, vũ, kết hợp với nhau tạo thành 60 âm. Sau đó lại tiếp tục kết hợp với sáu mươi hoa giáp, mỗi cặp can chi lại lần lượt phối hợp với ngũ hành theo trình tự Kim, Hoả, Mộc, Thuỷ, Thổ để tạo nên các cung, đó chính là nguyên lý nạp âm. Ngũ hành nạp âm khác với ngũ hành của can và chi. Ví dụ sinh năm Canh Tý, Canh thuộc Kim, Tý thuộc Thuỷ, nhưng nạp âm lại là Thổ, mệnh Bích thượng Thổ. Hai cặp thiên can địa chi một âm một dương đi liền nhau có chung một ngũ hành nạp âm, như Giáp Tý và Ất Sửu đều thuộc hành Kim. Các nhà thuật số học đã tạo ra mối liên hệ giữa các nguyên lý này với trạng thái sinh diệt, thịnh suy, và dùng các hình tượng để tượng trưng cho chúng, gọi là mệnh. Như Hoả có Lô trung Hoả, Sơn đầu Hoả, Tích lịch Hoả, Sơn hạ Hoả, Phúc đăng Hoả, Thiên thượng Hoả. Từ đó đã hình thành nên nạp âm tướng số với một ý nghĩa hoàn toàn mới.

Giải nghĩa bảng nạp âm sáu mươi hoa giáp: Bảng trên có thể sử dụng để tra về năm, tháng, ngày, giờ sinh của mỗi người, vì trong hệ lịch Giáp Tý, sáu mươi hoa giáp được dùng để ghi cả giờ, ngày, tháng, năm. Tổ hợp bốn đơn vị năm sinh, tháng sinh, ngày sinh, giờ sinh tính theo sáu mươi hoa giáp được các nhà thuật số gọi là "tứ trụ". Mỗi đơn vị gồm một thiên can kết hợp với một địa chi, bốn đơn vị gồm tám chữ, nên dân gian quen gọi năm, tháng, ngày, giờ sinh là "bát tự" (tám chữ).

Sắp xếp "tứ trụ" này theo ngũ hành, sẽ hình thành nên các quan hệ sinh, khắc. Theo nguyên lý đơn giản nhất, tương sinh là cát, tương khắc là hung. Nhưng đòi người biến hoá vô thường, khó có thể khái quát theo một nguyên tắc giản đơn như vậy. Bởi vậy mà ngũ hành Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ mới tiếp tục được phân chia thành các tượng khác nhau.

Ngũ hành tương sinh: Kim sinh Thuỷ, Thuỷ sinh Mộc, Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim.

Ngũ hành tương khắc: Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hoả, Hoả khắc Kim.

Hành Kim trong nạp âm sáu mươi hoa giáp tiếp tục được chia thành Hải trung Kim, Kiếm phong Kim, Bạch lập Kim, Kim bạc Kim, Thoa xuyên Kim, Sa trung Kim.

Giáp Tý và Ất Sửu là Hải trung Kim, tức Kim dưới đáy biển, không dễ bị Hoả tương khắc, nhưng lại không có Thổ để tương sinh, người mệnh Thủy gặp được Giáp Tý và Ất Sửu sẽ giàu sang, phú quý.

Nhâm Thân và Quý Dậu là Kiếm phong Kim, tức Kim mũi kiếm. Mũi kiếm được tôi trong lửa, nên không sợ bị Hoả tương khắc. Mặt khác, mũi kiếm phải được mài bằng đá mài mới trở nên sắc nhọn, mà mài kiếm lại cần có nước, nên Kiếm phong Kim gặp nước giếng hoặc nước khe là cát lợi nhất.

Canh Thìn và Tân Tỵ là Bạch lập Kim, người xưa gọi các kim loại dễ nóng chảy như chì, thiếc là bạch lập, nên Bạch lập Kim tối kỵ Hoả. Có người giải thích bạch lập là nển, như vậy là nhìn chữ đoán mò, không rõ được ý tứ của người xưa.

Nhâm Dần và Quý Mão là Kim bạc Kim. Kim bạc tức những lá vàng hoặc vụn vàng rất mỏng dùng để dát hoặc quét lên trên đồ gỗ, nên kỵ gặp Hoả.

Canh Tuất và Tân Hợi là Thoa xuyên Kim, thoa, xuyên tức trâm thoa và vòng xuyên, những đồ trang sức của người giàu có, được bọc vàng, tốt nhất không nên gặp nước biển, nhưng nếu gặp nước khe suối sẽ càng thêm đẹp dễ.

Giáp Ngọ và Ất Mùi là Sa trung Kim, tức vàng trong cát, không dễ gặp lửa. Mặt khác, cát vốn cũng là Thổ, nên Sa trung Kim nếu gặp Mộc sẽ càng thêm khô khan, nếu được nước giếng hoặc nước khe suối tưới nhuận sẽ tốt hơn.

Hành Hoả trong nạp âm sáu mươi hoa giáp tiếp tục được chia thành Lô trung Hoả, Sơn đầu Hoả, Tích lịch Hoả, Sơn hạ Hoả, Phúc đăng Hoả, Thiên thượng Hoả.

Bính Dần và Đinh Mão là Lô trung Hoả, tức lửa trong lò, dễ bị phong toả, dễ bị dập tắt, nên gặp Thủy sẽ lụi tàn. Lửa trong lò ưa gặp Mộc để sinh vượng, không gặp được Mộc sẽ nhanh chóng tàn lụi. Nên Lô trung Hoả không gặp Mộc sẽ hung.

Giáp Tuất và Ất Hợi là Sơn đầu Hoả, tức lửa trên đỉnh núi. Sơn đầu Hoả gặp Đại lâm Mộc và Tùng bách Mộc sẽ được trợ giúp, là cát lợi nhất. Nếu gặp các mệnh Hoả khác sẽ trở nên quá khô táo, lại hoá hung.

Mậu Tý và Kỷ Dậu là Tích lịch Hoả, tức lửa phát ra từ sấm sét, nên uy lực cực lớn, có thể tàn phá núi rừng cây cối, tấn công đến tận đáy nước, nên không sợ Thủy tương khắc, mà còn rất ưa được gió và nước hỗ trợ.

Bính Thân và Đinh Dậu là Sơn hạ Hoả, tức là lửa dưới chân núi. Lửa dưới chân núi thường nổi lên vào mùa thu lạnh lẽo, khi cỏ cây xơ xác tiêu điều, nên loại Hoả này lại ưa gặp Thuỷ, nếu trong tứ trụ có Thuỷ của Hợi, Tý sẽ được đại quý. Ngoài ra, Sơn hạ Hoả còn ưa được Tùng bách Mộc và Bình địa Mộc tương trợ, gặp được sẽ đại cát.

Giáp Thìn và Ất Ty là Phúc đăng Hoả, tức lửa trong ngọn đèn chup. Đốm lửa đèn chỉ bằng hạt đậu, lại có chup đèn che kín. Đây là loại lửa yếu ớt nhất, nếu được Mộc cứu giúp sẽ khá, nếu không có Mộc nhưng gặp Kim cũng được thanh quý hiển đạt.

Mậu Ngọ và Kỷ Mùi là Thiên thượng Hoả, tức lửa trên trời. Thiên Hoả là vương, gặp được gió và Mộc trợ giúp là tốt nhất. Nếu gặp Đại lâm Mộc, Tùng bách Mộc và Thạch lựu Mộc sẽ được hiển quý.

Hành Thuỷ trong nạp âm sáu mươi hoa giáp tiếp tục được chia thành Giản hạ Thuỷ, Tuyền trung Thuỷ, Trường lưu Thuỷ, Thiên hà Thuỷ, Đại Khê Thuỷ, Đại hải Thuỷ.

Bính Tý và Đinh Sửu là Giản hạ Thuỷ, tức nước dưới khe suối, quanh co trong vạt, gặp đất sẽ ú đọng, nên Giản hạ Thuỷ gặp Thổ sẽ bị khắc, ưa gặp Sa trung Kim và Kiếm phong Kim.

Giáp Thân và Ất Dậu là Tuyền trung Thuỷ, tức nước trong suối (cũng gọi là Tĩnh tuyền Thuỷ, nước suối giếng). Nước suối sinh ra từ trong đất, nên bị Thổ khắc, khiến sức nước rất yếu. Kim ở dưới lòng đất sinh ra Thuỷ, nên Tuyền trung Thuỷ ưa gặp Kim tương sinh, mà không sợ bị Kim khắc, nhưng không nên gặp Bạch Lạp Kim.

Nhâm Thìn và Quý Ty là Trường lưu Thuỷ, tức dòng nước chảy dài, sẽ rẽ đất thành sông, nên Trường lưu Thuỷ không sợ gặp Thổ. Nếu gặp được Bạch Lạp Kim, Thoa xuyên Kim, Kim bạc Kim và Kiếm phong Kim sẽ cát lợi.

Bính Ngọ và Đinh Mùi là Thiên hà Thuỷ, tức nước sông Ngân hà - dòng sông trên bầu không, nên không sợ bị Thổ khắc, có gặp Thổ cũng không đáng ngại. Mặt khác, nước sông Ngân không được sinh từ Kim, nên gặp Kim chưa chắc đã tốt. Thiên hà Thuỷ chỉ ưa Trường lưu Thuỷ và Đại hải Thuỷ, vì gặp được sẽ là trời đất, âm dương giao hoà.

Giáp Dần và Kỷ Mão là Đại Khê Thuỷ, tức nước dưới suối lớn. Đại Khê Thuỷ ưa gặp Tuyền trung Thuỷ, Giản hạ Thuỷ, Thiên hà Thuỷ, Đại hải Thuỷ, không nên gặp Trường lưu Thuỷ. Đại Khê Thuỷ cũng ưa được Kim trợ giúp, gặp được Thoa xuyên Kim và Sa trung Kim là tốt nhất.

Nhâm Tuất và Quý Hợi là Đại hải Thuỷ, tức nước trong biển lớn, ưa gặp Mộc để tương sinh, đặc biệt là Tang giá Mộc, Dương liễu Mộc, Bình địa Mộc. Đại hải Thuỷ kỵ nhất là Tích lịch Hoả, vì sấm gặp lửa sẽ khiến nước biển sôi trào, chủ về một đời bần hàn vất vả.

Hành Thổ trong nạp âm sáu mươi hoa giáp tiếp tục được chia thành Lộ bàng Thổ, Thành đầu Thổ, Ốc thượng Thổ, Đại dịch Thổ, Bích thượng Thổ, Sa trung Thổ.

Canh Ngọ và Tân Mùi là Lộ bàng Thổ, tức là đất ven đường, ưa được Thuỷ tưới nhuận, cũng ưa được Kim trợ giúp, đặc biệt là khi được tương sinh bởi Thiên hà Thuỷ, Giản hạ Thuỷ, Đại Khê Thuỷ; Thế nước của Trường lưu Thuỷ và Đại hải Thuỷ quá vượng, sẽ xói mòn Lộ bàng Thổ, biến cát thành hung. Gặp Sa trung Kim, Thoa xuyên Kim, lại có Thuỷ tương trợ, là thế phú quý nhất.

Mậu Dần và Kỷ Mão là Thành đầu Thổ, tức đất trên thành, ưa được Mộc tương trợ, tốt nhất là Dương liễu Mộc, rồi đến Tang giá Mộc. Nhưng nếu gặp Tùng bách Mộc và Đại lâm Mộc thì dễ khiến tường thành sẽ bị sạt lở, chủ về không được sống yên ổn, nên hung. Gặp phải Đại hải Thuỷ hay Tích lịch Hoả đều là bất lợi.

Bính Tuất và Đinh Hợi là Ốc thượng Thổ, đất trên nhà, tức ngôi lợp nhà, cần có gỗ (Mộc) để dựa dẫm, nên gặp được Bình địa Mộc là tốt nhất, kế đến là Đại lâm Mộc. Ngôi được lửa nung thành, vì thế không nên gặp lại lửa. Nên Ốc thượng Thổ gặp Hoả sẽ hung, mà kỵ nhất là Lô trung Hoả. Gặp được Kiếm phong Kim và Thoa xuyên Kim sẽ cát lợi.

Mậu Thân và Kỷ Dậu là Đại dịch Thổ, tức đất nền nhà trạm lớn, cũng ưa Mộc, gặp Mộc sẽ cát lợi. Ngoài ra, cũng ưa gặp Tuyền trung Thuỷ và Giản hạ Thuỷ, gặp được Thiên hà Thuỷ sẽ càng hiển quý, không gặp Thuỷ sẽ thường thường.

Canh Tý và Tân Dậu là Bích thượng Thổ, tức đất trên tường, chủ yếu phải dựa vào Mộc, gặp được Bình địa Mộc và Tùng bách Mộc là tốt nhất. Đại lâm Mộc có gió, không nên lại gặp gió. Gặp được Ốc thượng Thổ và Thành đầu Thổ cũng tốt, kỵ nhất là gặp phải Đại hải Thuỷ, sẽ khiến một đời phiêu lưu không bến đỗ.

Bính Thìn và Đinh Tỵ là Sa trung Thổ, tức đất trong cát, ưa gặp Kim để chở che, dưỡng dục, nếu gặp được Thoa xuyên Kim, Sa trung Kim, Kiếm phong Kim, Kim bạc Kim là đẹp nhất, sẽ sớm được hiển quý. Sa trung Thổ cũng ưa được Giản hạ Thuỷ và Tuyền trung Thuỷ tưới nhuận. Nếu gặp phải Đại hải Thuỷ sẽ phá vỡ thế cát lợi. Sa trung Thổ cũng ưa gặp Thiên thượng Hoả, tạo thành thế "Chu tước thăng không" (chim sẽ dễ bay lên trời).

Hành Mộc trong nạp âm sáu mươi hoa giáp tiếp tục được chia thành Đại lâm Mộc, Dương liễu Mộc, Tùng bách Mộc, Bình địa Mộc, Tang giá Mộc, Thạch lựu Mộc.

Mậu Thìn và Kỷ Tỵ là Đại lâm Mộc, tức cây trong rừng rậm, nếu gặp Kiếm phong Kim sẽ trở thành rường cột trong nhà, chủ về phú quý tốt bụng. Nếu không gặp Kiếm phong Kim, thì vận mệnh chỉ bình bình. Đại lâm Mộc kỵ Hoả, ưa Thổ.

Nhâm Ngọ và Quý Mùi là Dương liễu Mộc, tức cây dương liễu, gặp được Thành đầu Thổ là tốt nhất, gặp Bích thượng Thổ cũng may mắn. Nếu gặp Kim thì chỉ có Hải trung Kim, Thoa xuyên Kim và Kim bạc Kim là tốt, gặp những mệnh Kim khác thì không có gì đặc biệt.

Canh Dần và Tân Mão là Tùng bách Mộc, tức cây tùng bách, sinh trưởng trong núi, ưa được Đại Khê Thuỷ, Thiên hà Thuỷ tưới nhuận, kỵ gặp Hoả. Nếu gặp Mộc, kỵ nhất là Đại lâm Mộc và Dương liễu Mộc; Gặp Tang giá Mộc không đáng ngại.

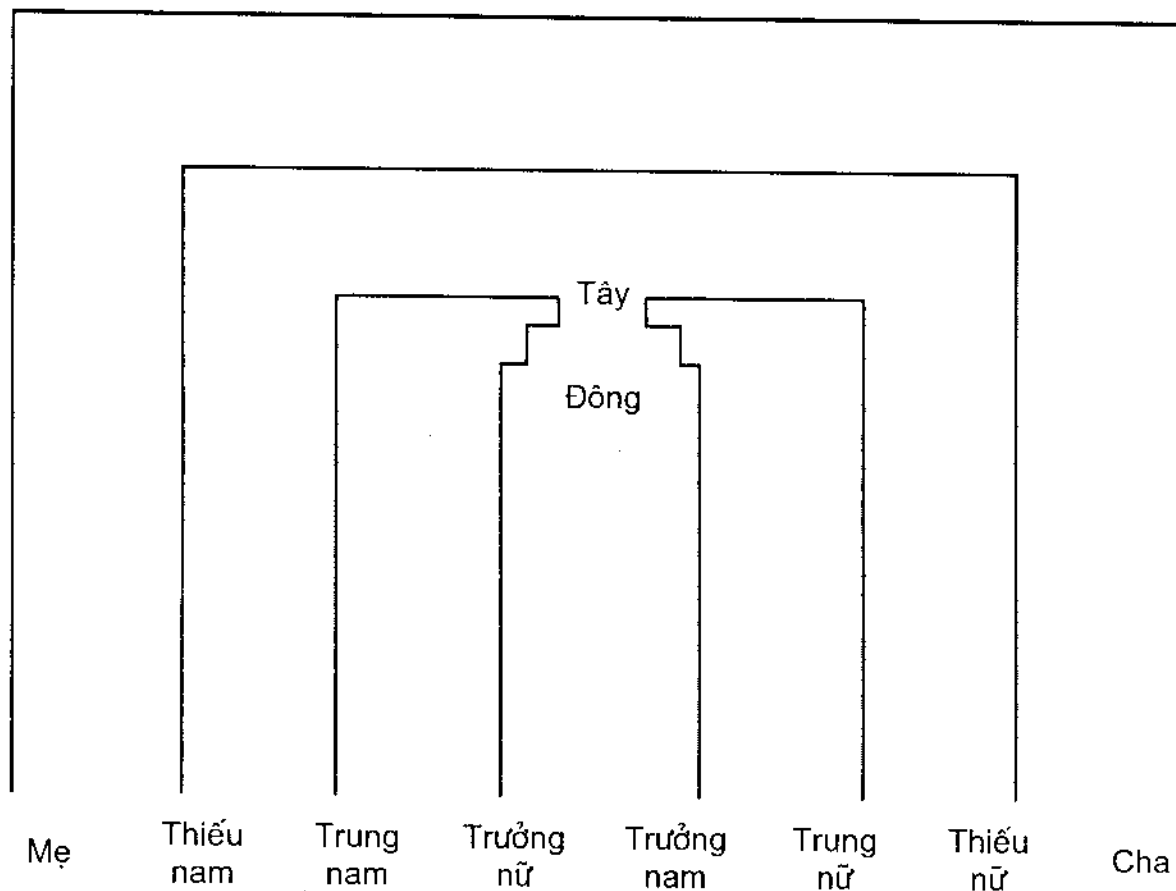
Mậu Tuất và Kỷ Hợi là Bình địa Mộc, tức cây trên đồng bằng, thích hợp nhất với Lộ bàng Thổ, Ốc thượng Thổ, Bích thượng Thổ, Thành đầu Thổ; Nếu gặp Sa trung Thổ và Đại dịch Thổ thì không có gì đặc biệt. Gặp Lô Trung Hoả sẽ có phúc, kỵ Đại khê Thuỷ và Đại hải Thuỷ. Trong các mệnh Mộc, thì kỵ Đại lâm Mộc, vì rừng rậm có gió, cây muốn lặn gió chẳng dùng, chủ về tai hoạ, chết yểu. Gặp Tùng bách Mộc sẽ nương tựa lẫn nhau, là thế cát lợi.

Nhâm Tý và Quý Sửu là Tang giá Mộc, tức cây dâu dầy, ưa gặp Sa trung Thổ và Lộ bàng Thổ, gặp những mệnh Thổ còn lại thì không có gì đặc biệt. Nếu gặp Trường lưu Thuỷ, Giản hạ Thuỷ và Tuyền trung Thuỷ sẽ cát lợi, gặp Đại hải Thuỷ chủ về lênh đênh, phiêu bạt, là hung. Gặp Phúc đăng Hoả sẽ cát lợi. Kiếm phong Kim có thể sửa sang Tang giá Mộc, nên cũng được coi là cát.

Canh Thân và Tân Dậu là Thạch lựu Mộc, tức cây thạch lựu, thích mọc ở trong thành, nên ưa gặp Thành đầu Thổ, Ốc thượng Thổ và Bích thượng Thổ. Nếu gặp được Sa trung Kim và Hải trung Kim sẽ cát lợi; Gặp Thiên thượng Thuỷ, Tuyền trung Thuỷ và Đại khê Thuỷ đều tốt; Gặp Đại hải Thuỷ sẽ hung. Nếu phối hợp với Mộc, tốt nhất nên chọn Dương liễu Mộc, vì sẽ kết hợp thành hình tượng "liễu xanh hoa đỏ" hài hoà. Gặp Tang giá Mộc cũng có hiệu quả tương tự. Nếu gặp Đại lâm Mộc, sẽ hình thành thế "một chấm hồng trong vạn gốc xanh" (*vạn lục tùng trung nhất điểm hồng*), càng là tốt đẹp quý hiếm, nên chủ về thanh quý.

Những quan điểm về sinh khắc, mạnh yếu của sáu mươi hoa giáp như trên được tóm tắt từ cuốn "*Tam mệnh thông hội*" của Vạn Minh Anh đời Minh. Trước đó, khi bàn về nạp âm, các nhà tướng số học thường chỉ dựa trên nguyên lý sinh khắc giản đơn để suy đoán số mệnh một cách đơn điệu, mặt khác, nhiều khi "tứ trụ" không hề có quan hệ sinh - khắc, nên rất khó xác định được cát hung, lành dữ. Cách giải thích trên đây căn cứ vào những mối quan hệ muôn hình vạn trạng giữa mỗi một hành với cả ngũ hành, bởi vậy, đã khiến cho nội dung đoán mệnh càng trở nên phong phú, đầy đủ.

TRÌNH TỰ BỐ CỤC TIÊN THIÊN BÁT QUÁI CỦA PHỤC HY



Khôn	Cấn	Khảm	Tốn	Chấn	Ly	Đoài	Cấn
Thái âm		Thiếu dương		Thiếu âm		Thái dương	
Nghì Âm				Nghì Dương			
Thái cực							

Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông tứ trạch, do Thiếu dương và Thiếu âm sinh ra, nên là "trung kết hợp" để tạo thành nghĩa của nhà ở. Cấn, Khôn, Đoài, Cấn là tây tứ trạch, do Thái dương và Thái âm sinh ra, nên là "lão thiếu kết hợp" để tạo thành nghĩa của nhà ở.

Giải thích:

Tiên thiên Bát quái, còn được gọi là Phục Hy Tiên thiên Bát quái, là một đồ hình được vạch ra dựa theo "Hà đồ". Trong "*Chu Dịch*" có ghi: "Sông Hoàng hiện Hà đồ, sông Lạc hiện Lạc thư, thánh nhân bèn mô phỏng theo đó" (*Hà xuất đồ, Lạc xuất thư, thánh nhân tắc chi*). "Hà đồ" là bức đồ hình trên lưng con Long mã^[1] nổi lên trên sông Hoàng Hà vào thời Phục Hy (*Xem hình vẽ "Hà đồ" ở phần sau*).

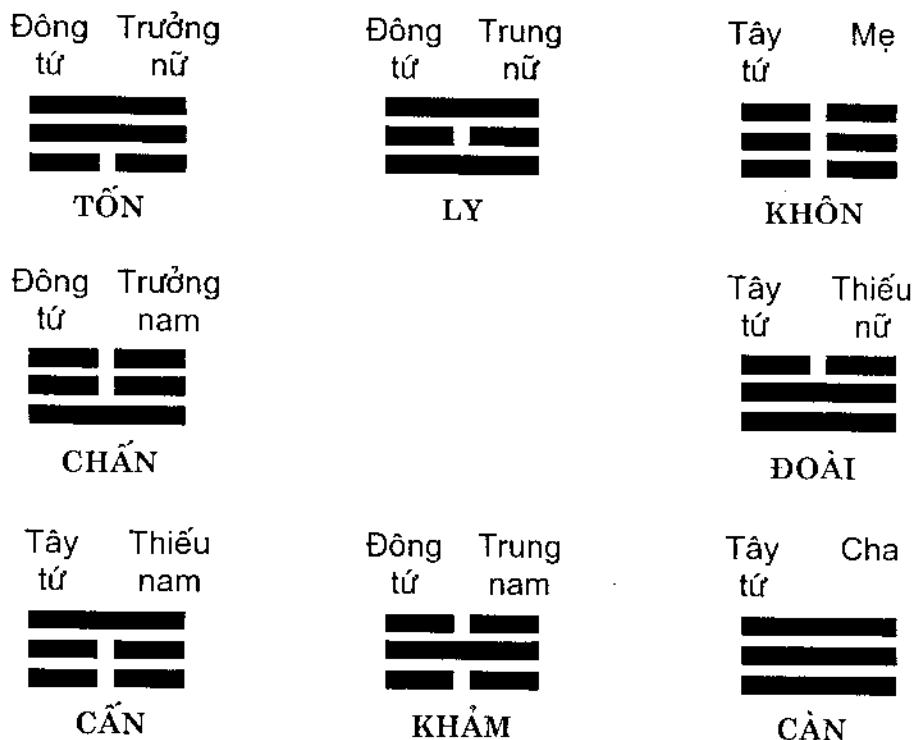
Trình tự sắp xếp của Tiên thiên Bát quái bắt đầu từ Càn, đếm ngược chiều kim đồng hồ có bốn quẻ, đếm xuôi chiều kim đồng hồ có bốn quẻ, đó là Càn một, Đoài hai, Ly ba, Chấn bốn, Tốn năm, Khảm sáu, Cấn bảy, Khôn tám.

Người xưa cho rằng: Trời một sinh Thái cực, Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng mà thành Bát quái. Thái cực vốn là một khối hỗn độn chưa phân chia thành âm dương, sau chia làm lưỡng nghi, tức hai nghi Dương (☰) và Âm (☷). Hai nghi lại tiếp tục chia thành tứ tượng, tức nghi Dương chia thành hai tượng Thái dương (☰) và Thiếu âm (☶), nghi Âm chia thành hai tượng Thái âm (☷) và Thiếu dương (☳). Từ bốn nghi này tiếp tục hình thành nên Bát quái Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn với bốn cặp đôi đối xứng nhau, tức: Càn là cha, Khôn là mẹ; Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ; Khảm là trung nam, Ly là trung nữ; Cấn là thiếu nam, Đoài là thiếu nữ. Âm dương giao hoà thì tượng sinh, còn dương gặp dương, âm gặp âm sẽ không sinh.

Các nhà tướng mệnh học đã áp dụng đồ hình Tiên thiên Bát quái của Phục Hy để định hướng phương vị nhà ở. Theo đó, Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông tứ trạch, do Thiếu dương và Thiếu âm sinh ra; Càn, Khôn, Đoài, Cấn là Tây tứ trạch, do Thái dương và Thái âm sinh ra. Thiếu dương và Thiếu âm sinh ra các tượng trưởng nam (Chấn), trưởng nữ (Tốn), trung nam (Khảm), trung nữ (Ly), đều nằm ở vị trí "trung" giữa "già" và "trẻ", nên nói Đông tứ trạch là "trung kết hợp" mà thành; Tương tự, Thái dương và Thái âm sinh ra các tượng cha (lão phụ, Càn), mẹ (lão mẫu, Khôn), tức "lão" (già), và thiếu nam (Cấn), thiếu nữ (Đoài), tức "thiếu" (trẻ), nên nói Tây tứ trạch là do "lão thiếu kết hợp" mà thành.

^[1] Long mã: Con thú linh trong truyền thuyết, đầu rồng mình ngựa, cổ dài, mình không thấm nước, trên lưng có đốm xoáy.

ĐỒ HÌNH ĐÔNG, TÂY TỨ TRẠCH THEO PHƯƠNG VỊ BÁT QUÁI



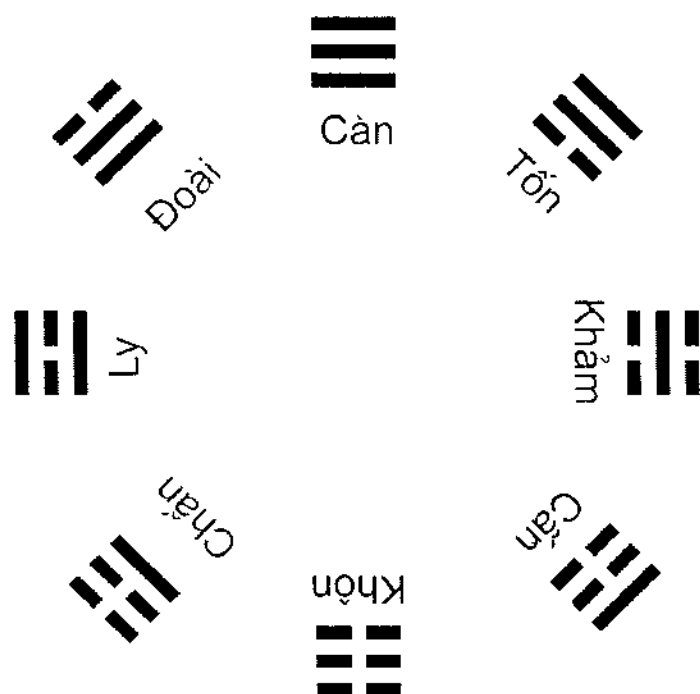
Giải thích:

Đồ hình Đông, Tây tứ trạch theo phương vị Bát quái trên đây tuân thủ theo nguyên tắc "trung phối hợp" và "lão thiếu phối hợp" của Tiên thiên Bát quái, đồng thời sắp xếp lại phương vị theo trình tự của Hậu thiên Bát quái. Vì vậy, đây được coi là đồ hình phương vị trạch mệnh dung hợp giữa Tiên thiên Bát quái và Hậu thiên Bát quái.

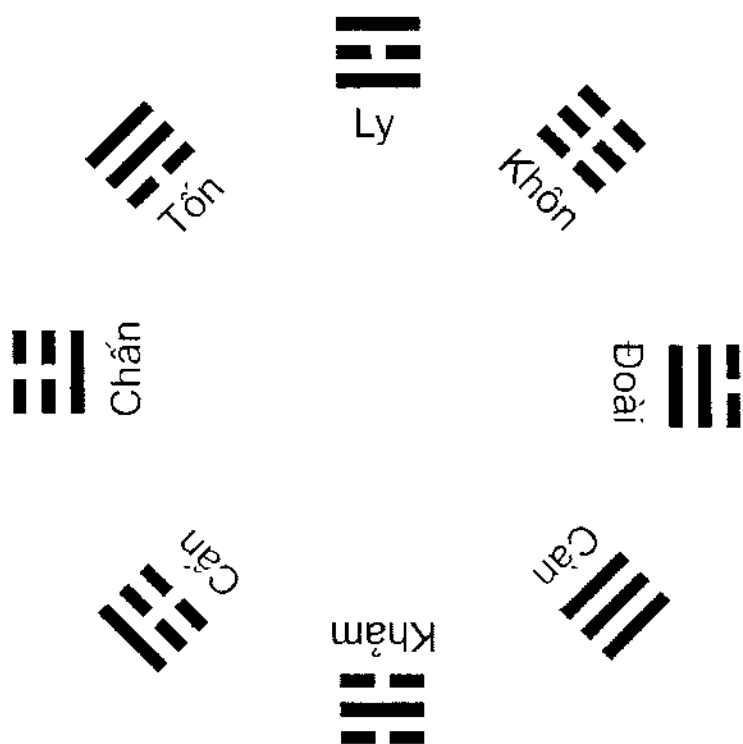
Tương truyền, Hậu thiên Bát quái do Chu Văn Vương tạo ra dựa trên đồ hình "Lạc thư", với trình tự Khảm một, Khôn hai, Chấn ba, Tốn bốn, Trung năm, Càn sáu, Đoài bảy, Cấn tám, Ly chín. Tức là, lấy số 1 của "Lạc thư" làm phương Khảm, lấy số 2 làm phương Khôn, lấy số 3 làm phương Chấn, lấy số 4 làm phương Tốn, lấy số 5 làm phương Trung (chính giữa, không tương ứng với bất cứ phương vị nào trong Bát quái), lấy số 6 làm phương Càn, lấy số 7 làm phương Đoài, lấy số 8 làm phương Cấn, lấy số 9 làm phương Ly. Như vậy, bốn hướng chính nam, chính bắc, chính tây, chính đông lần lượt là Ly, Khảm, Đoài, Chấn (tham khảo "Đồ hình phương vị Hậu Thiên Bát quái" và "Đồ hình Hậu thiên Bát quái phối số Lạc thư").

Đồ hình Bát quái này vẫn thể hiện được bốn nhóm âm dương đối xứng như đã nói ở phần trên, tức: Càn là cha, Khôn là mẹ, Cấn là thiếu nam, Đoài là thiếu nữ, đều thuộc Tây tứ trạch; Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ, Khảm là trung nam, Ly là trung nữ, đều thuộc Đông tứ trạch. Có hiểu rõ và nắm bắt được các phương vị cơ bản trong đồ hình này và vị trí tương đối giữa chúng mới có thể tiến hành suy đoán về mệnh lý.

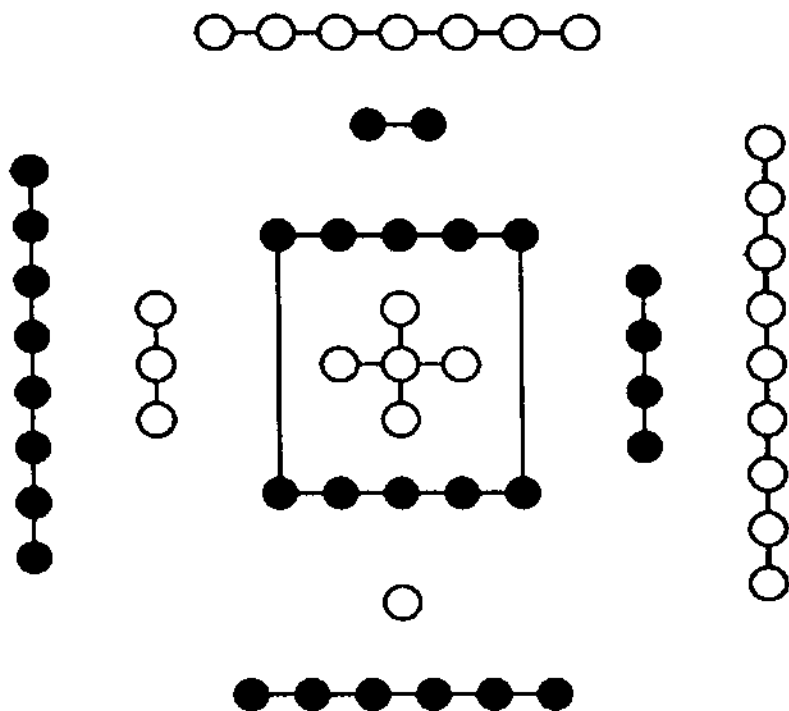
PHƯƠNG VỊ TIÊN THIÊN BÁT QUÁI



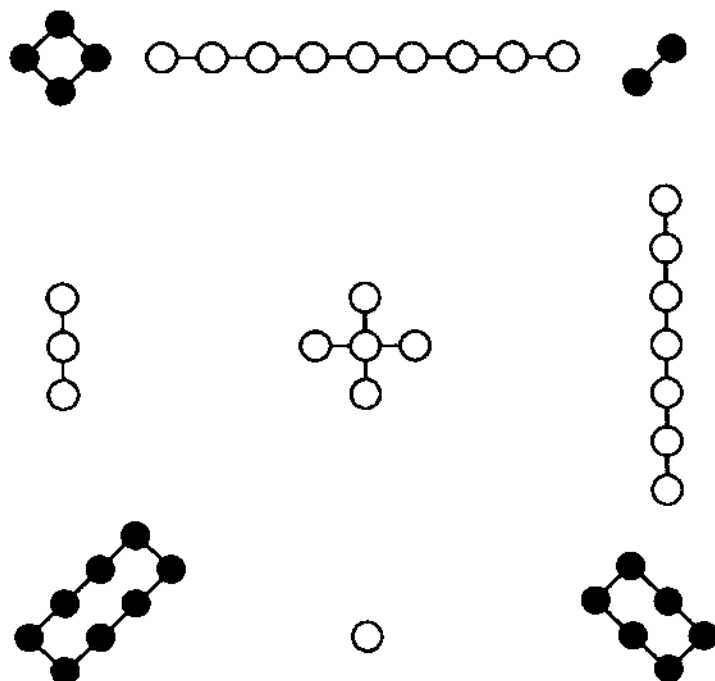
PHƯƠNG VỊ HẬU THIÊN BÁT QUÁI



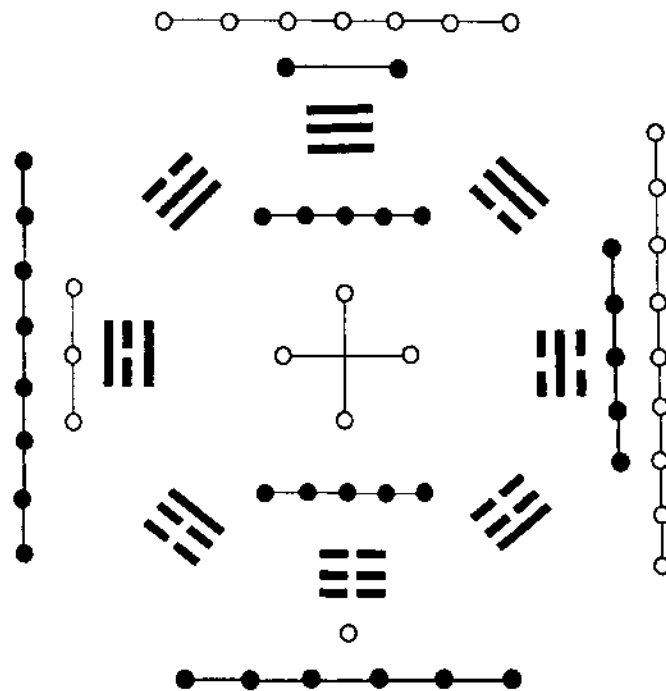
HÀ ĐỒ



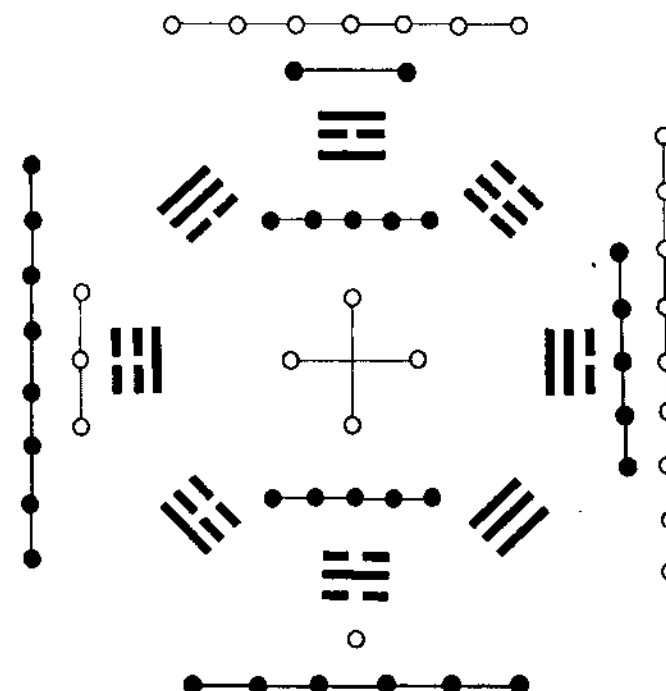
LẠC THU



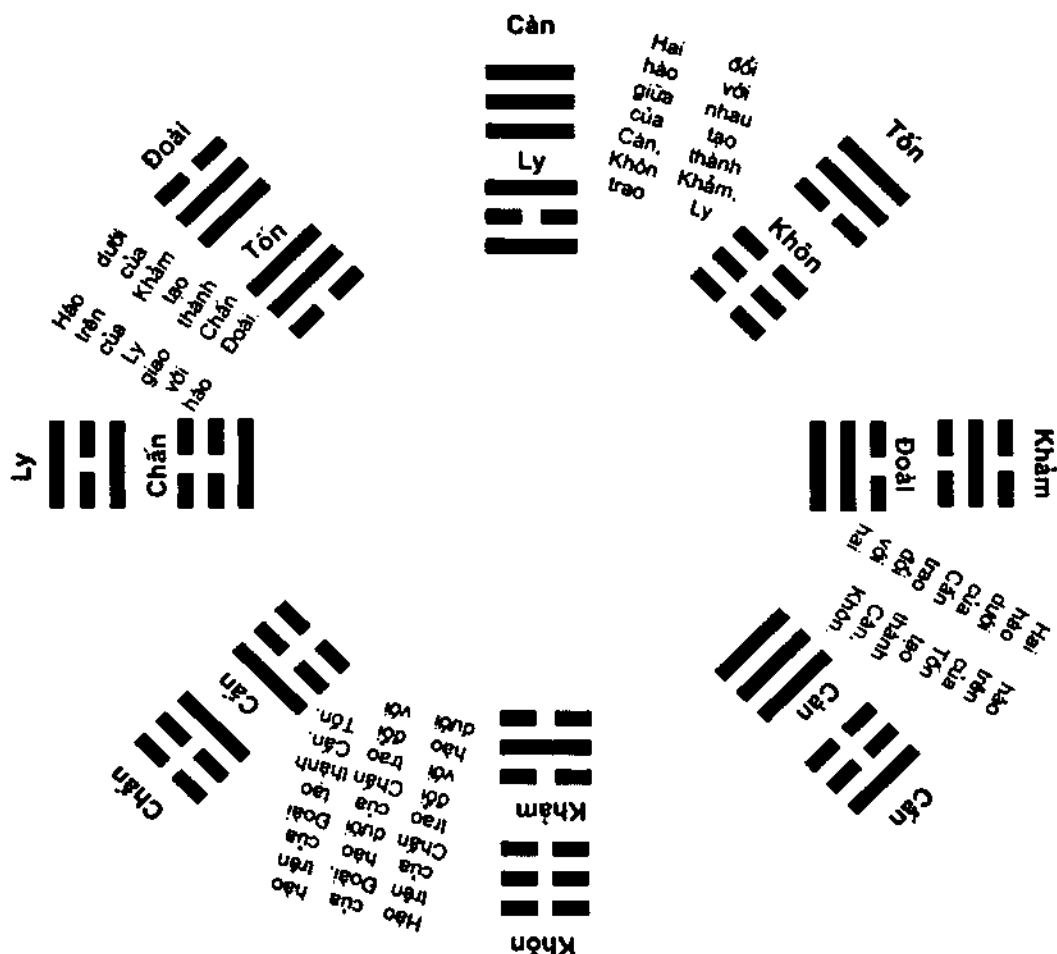
ĐỒ HÌNH THIÊN THIÊN BÁT QUÁI PHỐI TƯỢNG SỐ HÀ ĐỒ



ĐỒ HÌNH HẬU THIÊN BÁT QUÁI PHỐI TƯỢNG SỐ HÀ ĐỒ



ĐỒ HÌNH TIÊN THIÊN BÁT QUÁI CHUYỂN HOÁ THÀNH HẬU THIÊN BÁT QUÁI



Giải thích:

Đồ hình trên có tên gọi là "Tiên thiên Bát quái chuyển hoá thành Hậu thiên Bát quái", giải thích rõ về nguyên lý ra đời của Hậu thiên Bát quái.

Trước khi tiến hành phân tích những nguyên lý biến dịch trong đồ hình, cần hiểu rõ về khái niệm "hào". Hào chỉ các vạch trong mỗi tượng quẻ, mỗi vạch tương ứng với một hào. Hào được tính từ trên xuống, vạch trên cùng là hào trên (thượng hào), vạch giữa là hào giữa (trung hào), vạch dưới cùng là hào dưới (hạ hào). Vạch liền là hào dương, vạch đứt là hào âm.

Về nguyên lý biến đổi, như bốn câu trình bày trong đồ hình, sẽ được giải thích thông qua tượng của mỗi quẻ như sau:

Hai hào giữa của Càn, Khôn trao đổi với nhau tạo thành Khảm, Ly. Ta thấy quẻ Càn (☰) gồm ba hào liền; quẻ Khôn (☷) gồm ba hào đứt. Dùng hào giữa của Càn trao đổi với hào giữa của Khôn, ta được Ly (☲) thay vào vị trí của Càn, và Khảm (☵) thay vào vị trí của Khôn.

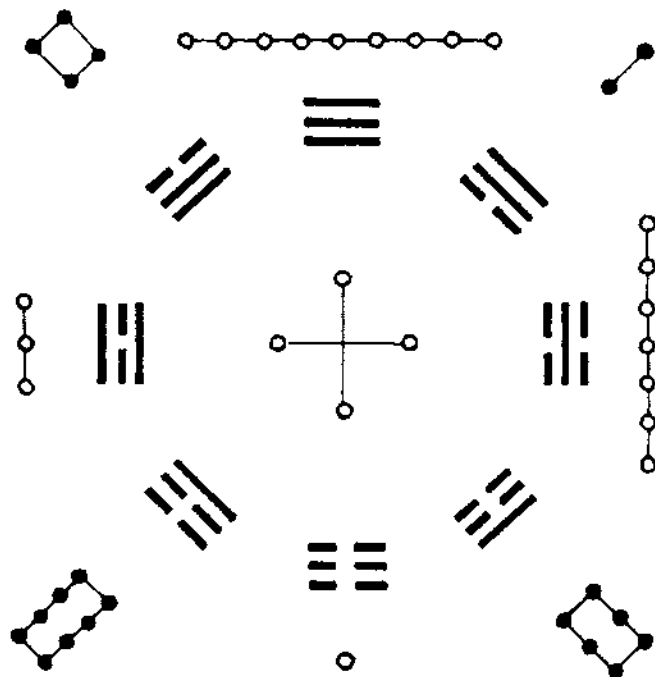
Hào trên của Ly trao đổi với hào dưới của Khảm mà thành Chấn, Đoài. Ta thấy quẻ Ly (☲) có hào trên là vạch liền, quẻ Khảm (☵) có hào dưới là vạch đứt, giao hoán hai hào này với nhau, ta được Chấn (☳) thay vào vị trí của Ly, và Đoài (☴) thay vào vị trí của Khảm.

Hai hào dưới của Cấn trao đổi với hai hào trên của Tốn tạo thành Càn, Khôn. Ta thấy quẻ Cấn (☶) có hai hào dưới là hào âm; Quẻ Tốn (☴) có hai hào trên là hào dương. Giao hoán hai hào dưới của Cấn với hai hào trên của Tốn, ta được Càn (☰) thay vào vị trí của Cấn, và Khôn (☷) thay vào vị trí của Tốn.

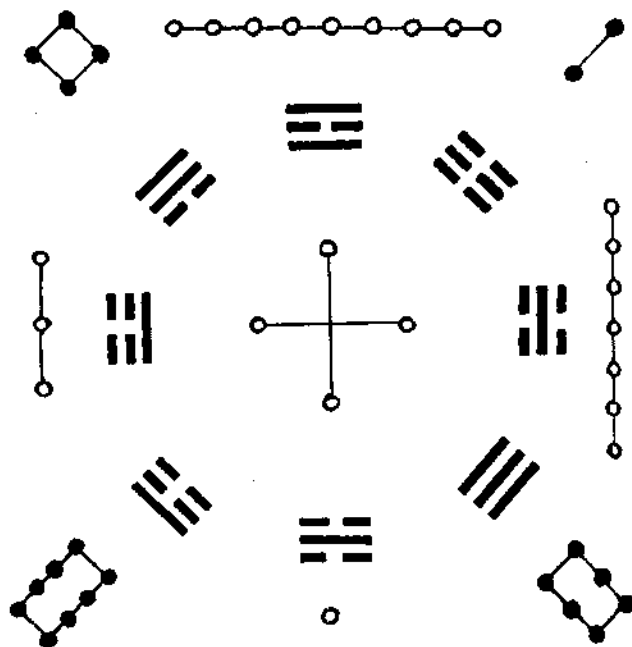
Hào trên của Chấn trao đổi với hào dưới của Đoài, hào dưới của Chấn trao đổi với hào trên của Đoài tạo thành Cấn, Tốn. Ta thấy quẻ Chấn (☳) có hai hào trên là hào âm; Quẻ Đoài (☴) có hai hào dưới là hào âm. Giao hoán hai hào trên của Chấn với hai hào dưới của Đoài, ta được Cấn (☶) thay vào vị trí của Chấn, và Tốn (☴) thay vào vị trí của Đoài.

Dựa trên những nguyên lý đó, tám phương vị trong Tiên thiên Bát quái đã chuyển biến hoàn toàn sang phương vị của Hậu thiên Bát quái. Các phương vị của Hậu thiên Bát quái lại tương ứng với số của Lạc thư, bởi vậy số của Lạc thư kết hợp với phương vị Hậu thiên Bát quái mà hình thành các tên gọi Khảm một, Khôn hai, Chấn ba, Tốn bốn, Trung năm, Càn sáu, Đoài bảy, Cấn tám, Ly chín.

ĐỒ HÌNH TIÊN THIÊN BÁT QUÁI PHỐI SỐ LẠC THU

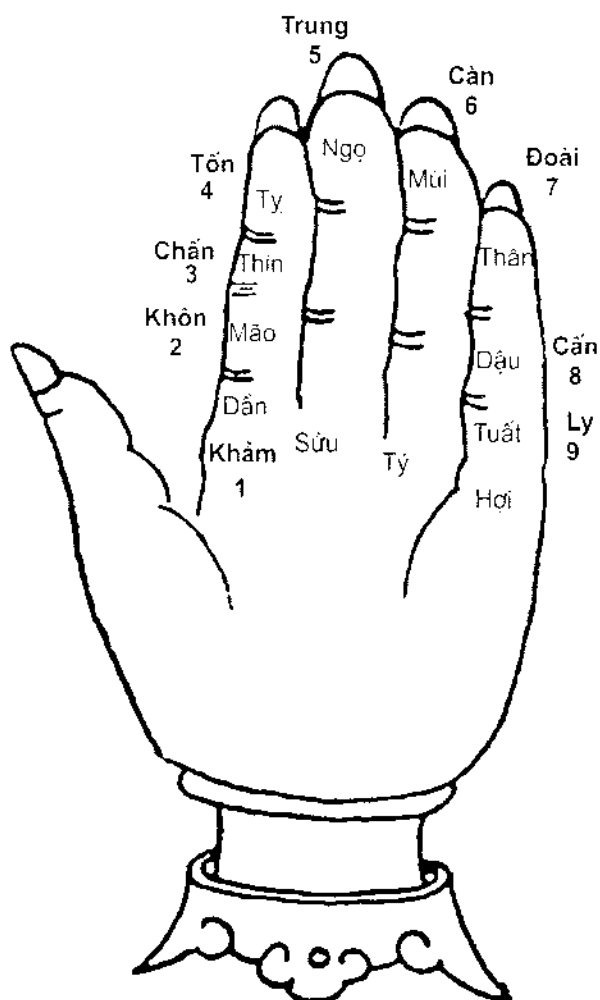


ĐỒ HÌNH HẬU THIÊN BÁT QUÁI PHỐI SỐ LẠC THU



BÀI CA QUYẾT TÍNH TAM NGUYÊN GIÁP TÝ TRÊN BÀN TAY

(BÀI SƠN CHƯỜNG QUYẾT)



Phiên âm:

Bài sơn chường thượng khởi; Tông Dần số đảo Cầu.

Nhất niên luân nhất vị; Bát dụng Hợi Tý Sửu.

Thượng nguyên Giáp Tý nhất cung liên

Trung nguyên khởi Tốn hạ Đoài gian,

Thượng ngũ trung nhị hạ bát nữ,

Nam nghịch nữ thuận khởi căn nguyên.

Phần nghĩa

Bàn tay trái xoè ra; Từ Dần đếm đến Tuất,
Một năm là một cung; Hợi Tý Sửu bỏ cách.

Giáp Tý Thượng nguyên từ cung một,
Trung nguyên từ Tốn Hạ nguyên Đoài
Nữ thượng năm, trung hai, hạ tám,
Nam ngược nữ thuận tính không sai.

Giải thích:

Hai bài ca quyết trên đây được dùng để suy đoán Tam nguyên Giáp Tý của nam và nữ dựa trên lòng bàn tay. Vạch ra trên lòng bàn tay 8 quẻ và 12 chi, như vậy có thể tra được Tam nguyên Giáp Tý một cách thuận tiện mà không cần dùng đến bất cứ một công cụ phụ trợ nào.

Trước tiên xin giải thích về "Bàn tay Cửu cung" hay "bài sơn chuông": Xoè bàn tay trái ra, xác định rõ vị trí của 9 cung và 12 chi: Thẳng dưới ngón tay trỏ, nơi giao với hồ khẩu là một, thuộc cung Khảm, chi Dần, nên gọi chung là "Dần Khảm 1". Đốt dưới của ngón trỏ là hai, thuộc cung là Khôn, chi Mão, gọi chung là "Mão Khôn 2". Đốt giữa của ngón trỏ là ba, thuộc cung Chấn, chi Thìn, gọi chung là "Thìn Chấn 3". Đốt trên cùng của ngón trỏ là bốn, thuộc cung Tốn, chi Ty, gọi chung là "Ty Tốn 4". Đốt trên cùng của ngón giữa là năm, thuộc cung Trung, chi Ngọ, gọi chung là "Ngọ Trung 5". Đốt trên cùng của ngón áp út là sáu, thuộc cung Càn, chi Mùi, gọi chung là "Mùi Càn 6". Đốt trên cùng của ngón út là bảy, thuộc cung Đoài, chi Thân, gọi chung là "Thân Đoài 7". Đốt giữa của ngón út là tám, thuộc cung Cấn, chi Dậu, gọi chung là "Dậu Cấn 8". Đốt dưới của ngón út là chín, thuộc cung Ly, chi Tuất, gọi chung là "Tuất Ly 9". Mé dưới ba ngón út, ngón áp út và ngón giữa lần lượt là các chi Hợi, Tý, Sửu, tổng cộng có mười hai chi, nhưng vì chỉ có chín cung, nên không cần dùng đến các chi này (nên viết "*Hợi Tý Sửu bỏ cách*").

Bài ca quyết thứ nhất trình bày khái quát về cách tính chín cung: "*Từ Dần đếm đến Tuất*", tức là bắt đầu đếm từ cung Dần Khảm 1 phía dưới ngón trỏ, lần lượt đếm lên ba đốt ngón trỏ, vòng qua đốt trên của ngón giữa, ngón áp út, lại đếm xuống ba đốt của ngón út cho đến cung Tuất Ly 9, tạo thành hình móng ngựa. Trình tự này không được phép đảo lộn, cũng không được nhảy cách, mỗi vị trí tương ứng với một năm. Nếu tính đến Tuất Ly 9 mà chưa hết vòng, thì bỏ qua Hợi, Tý, Sửu, đếm thẳng sang Dần.

Bài ca quyết thứ hai trình bày về phương pháp cụ thể dùng để tính đếm đối với Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên của nam và nữ. "*Giáp Tý Thượng nguyên từ cung một; Trung nguyên từ Tốn Hạ nguyên Đoài*", nghĩa là, nam sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên thì sẽ đếm từ

đầu, tức từ "Dần Khảm 1"; Nam sinh vào Giáp Tý Trung nguyên sẽ đếm từ "Ty Tốn 4"; Nam sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên sẽ đếm từ "Thân Đoài 7". "*Nữ thượng năm, trung hai, hạ tám*", nghĩa là: Nữ sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên sẽ đếm từ "Ngọ Trung 5"; Nữ sinh vào Giáp Tý Trung nguyên sẽ đếm từ "Mão Khôn 2"; Nữ sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên sẽ đếm từ "Dậu Cấn 8". Nam tính ngược chiều kim đồng hồ, nữ tính xuôi chiều kim đồng hồ (nam nghịch nữ thuận).

Ví dụ, người nam sinh vào năm Đinh Mão Thượng nguyên, xuất phát từ cung Dần Khảm 1 đếm ngược chiều kim đồng hồ: Dần Khảm 1 là Giáp Tý, Tuất Ly 9 là Ất Sửu, Dậu Cấn 8 là Bính Dần, Thân Đoài 7 là Đinh Mão; Như vậy, người này là cung Đoài, mệnh Đoài, thuộc Tây tứ mệnh.

Ví dụ, người nữ sinh vào năm Nhâm Thân Trung nguyên, xuất phát từ cung Mão Khôn 2 đếm xuôi chiều kim đồng hồ: Mão Khôn 2 là năm Giáp Tý, Thìn Chấn 3 là năm Ất Sửu, Ty Tốn 4 là năm Bính Dần, Ngọ Trung 5 là năm Đinh Mão, Mùi Càn 6 là năm Mậu Thìn, Thân Đoài 7 là năm Kỷ Ty, Dậu Cấn 8 là năm Canh Ngọ, Tuất Ly 9 là năm Tân Mùi, bỏ qua Hợi, Tý, Sửu, đến Dần Khảm 1 là năm Nhâm Thân; Vậy người nữ này là cung Khảm, mệnh Khảm, thuộc Đông tứ mệnh.

Quy tắc phân chia các mốc thời gian Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên đã được quy định từ thời xa xưa. Tương truyền Tam nguyên đầu tiên được tính từ thời Hiên Viên, Hoàng Đế. Mỗi nguyên gồm một vòng Giáp Tý sáu mươi năm, nên Tam nguyên tổng cộng có 180 năm. Ví dụ:

Từ năm 1864 đến 1923: Thượng nguyên

Từ năm 1924 đến 1983: Trung nguyên

Từ năm 1984 đến 2043: Hạ nguyên

Tam nguyên thượng, trung hạ được coi là một chu kỳ, mỗi chu kỳ đều trải qua toàn bộ chín cung, như vậy mỗi cung quản 20 năm. Ví dụ trong Tam nguyên gần đây nhất (từ 1864 đến 2043), cung Khảm 1 quản từ năm 1864 đến năm 1883, cung Khôn 2 quản từ năm 1884 đến năm 1903, cung Chấn 3 quản từ năm 1904 đến năm 1923, cung Tốn 4 quản từ năm 1924 đến năm 1943, cung Trung 5 quản từ năm 1944 đến năm 1963, cung Càn 6 quản từ năm 1964 đến năm 1983, cung Đoài 7 quản từ năm 1984 đến năm 2003, cung Cấn 8 quản từ năm 2004 đến năm 2023, cung Ly 9 quản từ năm 2024 đến năm 2043.

Ngoài phương pháp tính cung mệnh qua "Bàn tay Cửu cung", còn có nhiều cách tính khác giản tiện hơn. Xin đơn cử một cách tính: Lấy các số của năm sinh cộng với nhau, và tiếp tục cộng cho đến khi thành một số đơn nhỏ hơn 10. Nếu là nam, thì lấy 11 trừ đi số tìm được, rồi căn cứ vào số này để tìm ra cung mệnh. Nếu là nữ, lấy 4 cộng với số tìm được, nếu số đó lớn hơn 10 thì tiếp tục cộng hai số lại để thành số đơn, căn cứ vào số này để tìm ra cung mệnh. Ví dụ: Nam sinh năm 1969 = 1+9+6+9=25; 2+5=7; 11-7=4, chiếu theo quy tắc trên là mệnh Tốn; Nữ sinh năm 1969 = 1+9+6+9=25; 2+5=7; 4+7=11; 1+1=2, chiếu theo quy tắc trên là mệnh Khôn.

DU NIÊN CA

Càn	Lục Thiên Ngũ Hoạ Tuyệt Diên Sinh; (<i>Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài</i>)
Khảm	Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Hoạ Lục; (<i>Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài Càn</i>)
Cấn	Lục Tuyệt Hoạ Sinh Diên Thiên Ngũ; (<i>Chấn Tốn Ly Khôn Đoài Càn Khảm</i>)
Chấn	Diên Sinh Hoạ Tuyệt Ngũ Thiên Lục; (<i>Tốn Ly Khôn Đoài Càn Khảm Cấn</i>)
Tốn	Thiên Ngũ Lục Hoạ Sinh Tuyệt Diên; (<i>Ly Khôn Đoài Càn Khảm Cấn Chấn</i>)
Ly	Lục Ngũ Tuyệt Diên Hoạ Sinh Thiên; (<i>Khôn Đoài Càn Khảm Cấn Chấn Tốn</i>)
Khôn	Thiên Diên Tuyệt Sinh Hoạ Ngũ Lục; (<i>Đoài Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly</i>)
Đoài	Sinh Hoạ Diên Tuyệt Lục Ngũ Thiên; (<i>Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn</i>)

Giải thích:

Bài về "Du niên ca" trên đây dùng để đoán định vận số cát - hung dựa trên phương vị Cửu tinh. Các khái niệm *Phục, Lục, Thiên, Ngũ, Hoạ, Tuyệt, Diên, Sinh* xuất hiện trong bài về là tên gọi tắt của những sao Phục: Phục Vị, Lục: Lục Sát, Thiên: Thiên Y, Ngũ: Ngũ Quỷ, Hoạ: Hoạ Hại, Tuyệt: Tuyệt Mệnh, Diên: Diên Niên, Sinh: Sinh Khí.

Các cung tương ứng với các phương vị như sau: Khảm 1 bắc, Khôn 2 tây nam, Chấn 3 đông, Tốn 4 đông nam, Trung 5 chính giữa, Càn 6 tây bắc, Đoài 7 tây, Cấn 8 đông bắc, Ly 9 nam.

Mỗi câu của bài về liệt kê các phương vị lành - dữ của mỗi cung mệnh. Như câu đầu tiên "Càn Lục Thiên Ngũ Hoạ Tuyệt Diên Sinh", ý nói nhà tọa hướng Càn, thì Càn sẽ là Phục Vị, đếm ngược chiều kim đồng hồ sẽ là Khảm = Lục Sát, Cấn = Thiên Y, Chấn = Ngũ Quỷ, Tốn = Hoạ Hại, Ly = Tuyệt Mệnh, Khôn = Diên Niên, Đoài = Sinh Khí. Những câu còn lại cũng tương tự như vậy. Bởi vậy, "Bát trạch minh kinh" đã đem từng câu của "Du niên ca" đối chiếu với các phương vị tương ứng để tiện theo dõi. Trước kia "Du niên ca" thường được khắc trên mặt sau của la bàn, để các thầy địa lý, thầy tướng số tiện bề áp dụng.

TÍNH SÁT CÁT HUNG

(Tính chất cát hung của các sao)

Hữu Bật không có ngũ hành cố định, nên cát hung cũng bất định.

Sinh Khí: Sao Tham Lang, thuộc Mộc, thượng cát.

Diên Niên: Sao Vũ Khúc, thuộc Kim, thượng cát.

Thiên Y: Sao Cự Môn, thuộc Thổ, trung cát.

Phục Vị: Sao Tả Phụ, thuộc Mộc, tiểu cát.

Tuyệt Mệnh: Sao Phá Quân, thuộc Kim, đại hung.

Ngũ Quỷ: Sao Liêm Trinh, thuộc Hỏa, đại hung.

Hoạ Hại: Sao Lộc Tồn, thuộc Thổ, thứ hung.

Lục Sát: Sao Văn Khúc, thuộc Thủy, thứ hung.

Sinh Khí Phụ Bật Hợi Mão Mùi;

Diên Niên Tuyệt Mệnh Tỵ Dậu Sửu;

Thiên Y Lộc Tồn tứ Thổ cung;

Ngũ Quỷ hung niên Dần Ngọ Tuất;

Lục Sát ứng tại Thân Tý Thìn;

Chấn Tồn Khảm Ly vì Đông tứ;

Khôn Càn Cấn Đoài Tây tứ vị.

Giả dụ có người nam sinh vào năm Giáp Dần thuộc Thượng nguyên, đếm từ cung Dần Khảm 1 là Giáp Tý, ngược chiều kim đồng hồ đến Tuất Ly 9 là Giáp Tuất, đến Dậu Cấn 8 là Giáp Thân, đến Ngọ Trung 5 là Giáp Ngọ, đến Mùi Càn 6 là Giáp Thìn, và đến Ngọ Trung 5 là Giáp Dần, là nam nên gởi mệnh Khôn. Tìm ra mệnh Khôn, sẽ căn cứ vào câu "Khôn Thiên Diên Sinh Hoạ Ngũ Lục" trong "*Du niên ca*" để suy đoán cát hung.

Lại ví dụ: Có người nữ sinh vào năm Giáp Dần thuộc Thượng nguyên, đếm từ cung Ngọ Trung 5 là Giáp Tý, xuôi chiều kim đồng hồ đến Mùi Càn 6 là Giáp Tuất, đến Thân Đoài 7 là Giáp Thân, đến Dậu Chấn 8 là Giáp Ngọ, đến Tuất Ly 9 là Giáp Thìn, và đến Dần Khảm 1 là Giáp Dần, nên thuộc mệnh Khảm, vậy căn cứ vào câu "Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Hoạ Lục" sẽ tính toán được hoạ phúc.

Giải thích:

Trong bảng đối chiếu trên, chín sao (Cửu tinh) ngoài Hữu Bát không có thuộc tính cát - hung cố định, tám sao còn lại đều được sắp xếp theo các cung bậc lành - dữ khác nhau. Cửu tinh là một hệ thống chín ngôi sao được xác định bởi các nhà tướng mệnh học thời cổ đại, có mối quan hệ mật thiết với tính chất cát hung trong vận mệnh của con người. Chín ngôi sao này có nhiều hệ thống tên gọi khác nhau, trong đó, hệ thống tên gọi quen thuộc và phổ biến nhất là Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, Tả Phụ, Phá Quân, Liêm Trinh, Lộc Tồn, Văn Khúc, Hữu Bát. Còn Sinh Khí, Diên Niên, Thiên Y, Phục Vị, Tuyệt Mệnh, Ngũ Quỷ, Hoạ Hoạn, Lục Sát là một hệ thống tên gọi khác cũng của Cửu tinh. Quan hệ tương ứng giữa chúng được trình bày như tại bảng trên. Tính chất của mỗi sao trong Cửu tinh có thể tóm tắt như sau:

Sinh Khí: chủ vượng về người, tài lộc thịnh đạt.

Diên Niên: chủ về sống thọ, khoẻ mạnh, hoà khí, tài vận.

Thiên Y: chủ về sức khoẻ, không bệnh tật.

Phục Vị: chủ về tài vận, sức khoẻ khá.

Hoạ Hại: chủ về tán tài, kiện tụng thị phi.

Lục Sát: chủ về tài vận kém, kiện tụng thị phi, nhiều bệnh tật tai hoạ.

Ngũ Quỷ: chủ về phá tài bại nghiệp, sức khoẻ kém, gặp nhiều tai hoạ.

Tuyệt Mệnh: chủ về tài vận cực kém, đa bệnh yếu thọ, nhiều tai hoạ bất ngờ, tuyệt tự.

Vậy làm thế nào để biết được khi nào sẽ gặp phải những sao đó? Bài ca quyết thứ hai đã nói rõ về năm xuất hiện của mỗi loại cát tinh hay thần sát như sau:

Sao Tham Lang, sao Tả Phụ xuất hiện vào các năm Hợi, Mão, Mùi;

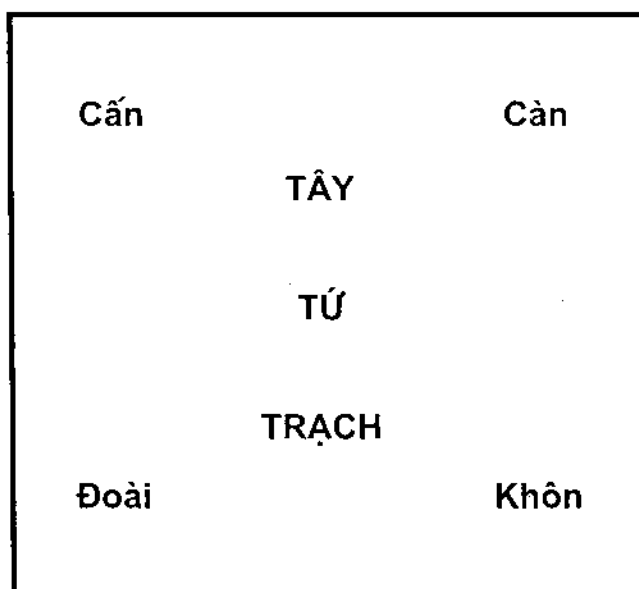
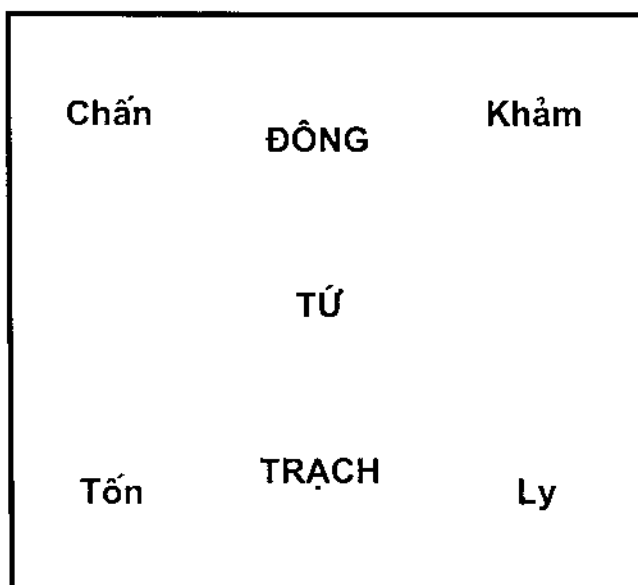
Sao Vũ Khúc, sao Phá Quân xuất hiện vào các năm Tý, Dậu, Sửu;

Sao Cự Môn, sao Lộc Tồn xuất hiện vào các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (bốn cung Thổ);

Sao Liêm Trinh xuất hiện vào các năm Dần, Ngọ, Tuất;

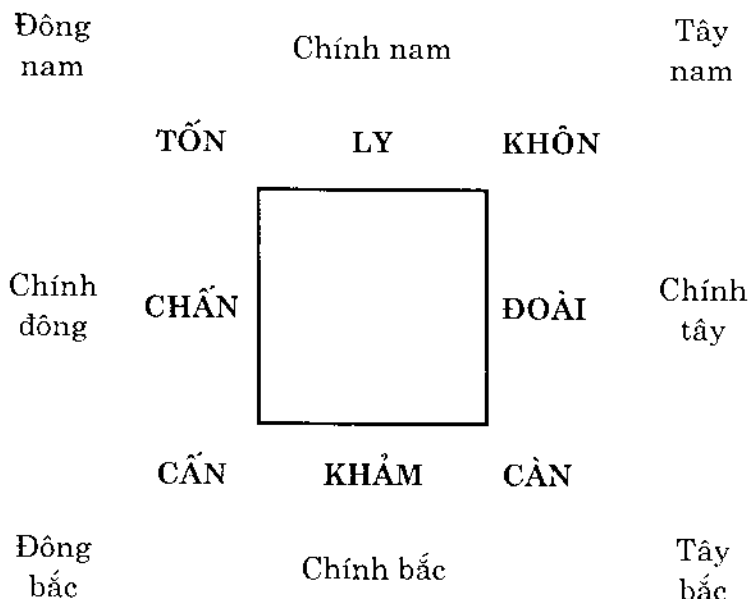
Sao Văn Khúc xuất hiện vào các năm Thân, Tý, Thìn.

Để dễ dàng hơn trong việc tra cứu trạch mệnh, Tam nguyên, Cửu cung, Bàn tay Cửu cung, xin tham khảo những đồ hình sau đây:



Giải thích:

Hai hình vẽ trên giải thích rõ về Đông tứ trạch và Tây tứ trạch: Đông tứ trạch gồm Chấn, Tốn, Khảm, Ly, Tây tứ trạch gồm Càn, Khôn, Cấn, Đoài.



Giải thích:

Trên đây là hình vẽ minh họa về tám loại trạch mệnh, lấy hình vuông nhỏ ở giữa làm trung tâm, thì Đông tứ mệnh ở các phương vị chính nam (Ly), đông nam (Tốn), chính bắc (Khảm) và chính đông (Chấn); Tây tứ mệnh ở phương vị chính tây (Đoài), tây bắc (Càn), đông bắc (Cấn) và tây nam (Khôn).

Ty Tốn 4	Ngọ Trung 5	Mùi Càn 6
Thìn Chấn 3		Thân Đoài 7
Mão Khôn 2		Dậu Cấn 8
Dần Khảm 1		Tuất Ly 9

Giải thích:

Hình vẽ trên là sơ đồ phân bố của Cửu cung, sẽ dễ hiểu hơn khi đối chiếu với phương vị Cửu cung trên Bàn tay Cửu cung.

BÀI CA QUYẾT VỀ ĐÔNG TỨ TRẠCH

Phiên âm:

*Chấn Tốn Khảm Ly thị nhất gia,
Tây tứ trạch hào mạc phạm tha.
Nhược hoàn nhất khí tu thành tượng,
Tử tôn hưng vượng định vinh hoa.*

Dịch thơ:

Chấn Tốn Khảm Ly là Đông trạch,
Hào Tây tứ trạch chớ lẫn vào.
Xây sửa trong nhà đều thống nhất,
Cháu con thịnh đạt hiển vinh cao.

BÀI CA QUYẾT VỀ TÂY TỨ TRẠCH

Phiên âm:

*Càn Khôn Cấn Đoài tứ trạch đồng,
Đông Tây quái hào bất khả phùng.
Ngộ tương tha tượng hỗn nhất ốc,
Nhân khẩu thương vong họa tất trùng.*

Dịch thơ:

Càn Khôn Cấn Đoài là Tây trạch,
Quẻ Tây không được lẫn quẻ Đông.
Nhà cửa nếu lầm sang tượng khác,
Trùng trùng tai họa người thương vong.

Giải thích:

Hai bài ca quyết trên nhấn mạnh rằng, nhà ở không được làm trái với trạch mệnh. Chấn, Tốn, Khảm, Ly là Đông tứ trạch, Càn, Khôn, Cấn, Đoài là Tây tứ trạch, khi xây cất, sửa sang nhà, cổng, bếp, giường, cần phải đặt đúng phương vị, không được để lẫn phương vị Tây tứ trạch vào nhà Đông tứ trạch hoặc ngược lại. Nếu các hướng nhà, cổng, bếp, giường... đều hợp với trạch mệnh, thì con cháu sẽ được vinh hoa phú quý; Ngược lại, nếu không hợp với trạch mệnh, sẽ gặp tai họa và tổn thất về người, về của.

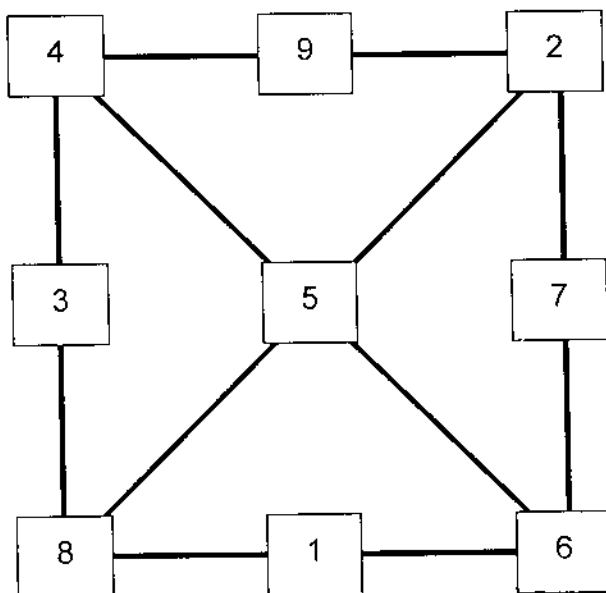
CỬU TINH ĐỒ PHỐI CỬU CUNG TAM NGUYÊN BÁT QUÁI

		Đội 9		
Vai 4	Trung nguyên TỐN Phụ Bát Phục Vị <i>Tứ Lục Mộc</i> Không biến đổi	Hạ nguyên LY Liêm Trinh Ngũ Quỷ <i>Cửu Tử Hoá</i> Biến 2 hào dưới	Thượng nguyên KHÔN Lộc Tồn Hoạ Hại <i>Nhị Hắc Thổ</i> Biến 1 hào dưới	Vai 2
Trái 3	Thượng nguyên CHẤN Tham Lang Sinh khí <i>Tam Bích Mộc</i> Biến 1 hào trên	Trung nguyên TRUNG <i>Ngũ Hoàng Thổ</i>	Hạ nguyên ĐOÀI Lộc Tồn Hoạ Hại <i>Thất Xích Kim</i> Biến hào giữa	Phải 7
Chân 8	Hạ nguyên CẤN Cự Môn Thiên Y <i>Bát Bạch Thổ</i> Biến 2 hào dưới	Thượng nguyên KHẨM Văn Khúc Lục Sát <i>Nhất Bạch Thủy</i> Biến hào trên dưới	Trung nguyên CÀN Vũ Khúc Diên Niên <i>Lục Bạch Kim</i> Đã biến hết	Chân 6
		Đạp 1		

Phương pháp phối trí: Sắp xếp theo thứ tự chín cung của Lạc thư, tức Cửu cung, là: Khảm 1, Khôn 2, Chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Càn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9. Trong đó, 1, 2, 3 là Thượng nguyên; 4, 5, 6 là Trung nguyên; 7, 8, 9 là Hạ nguyên, đó là trình tự của Tam nguyên. Khảm là Nhất Bạch, Khôn là Nhị Hắc, Chấn là Tam Bích, Tốn là Tứ Lục, Trung là Ngũ Hoàng, Càn là Lục Bạch, Đoài là Thất Xích, Cấn là Bát Bạch, Ly là Cửu Tử, đó là trình tự của Tử Bạch Cửu tinh. Khảm là Lục Sát Văn Khúc Thủy, Khôn là Hoạ Hại Lộc Tồn Thổ, Chấn là Sinh Khí Tham Lang Mộc, Tốn là Phục Vị Phụ Bát Mộc, Trung cung không có sao, Càn là Diên Niên Vũ Khúc Kim, Cấn là Thiên Y Cự Môn Thổ, Ly là Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hỏa, Đoài là Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim. Trên đây là đồ hình Loạn đầu Cửu tinh phối trí ngũ hành. (Về việc biến hào phối quẻ, sẽ có đồ hình trình bày cụ thể ở phần sau).

Giải thích:

Hình vẽ trên là sơ đồ định vị gộp chung cả Bát quái, Cửu cung và Tam nguyên, phương vị các số trong Lạc Thư được sắp xếp theo một trình tự cố định, có bài vẽ như sau để ghi nhớ: "Đội 9 dạp 1; Trái 3 phải 7; 2, 4 làm vai; 7, 8 làm chân; 5 nằm chính giữa". Vậy ta có sơ đồ phương vị các số của Lạc thư như sau:



Các nhà thuật số học đem Bát quái phối trí vào Cửu cung, thành Khảm 1, Khôn 2, Chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Càn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9. Lại lấy 1, 2, 3 tức Khảm, Khôn, Chấn làm Thượng nguyên; 4, 5, 6 tức Tốn, Trung, Càn làm Trung nguyên; 7, 8, 9 tức Đoài, Cấn, Ly làm Hạ nguyên. Lại tiếp tục phối trí với Cửu tinh, thành Khảm 1 là Văn Khúc Lục Sát, thuộc Mộc; Khôn 2 là Lộc Tồn Hoạ Hoạn, thuộc Thổ; Chấn 3 là Tham Lang Sinh Khí, thuộc Mộc; Tốn 4 là Phụ Bát Phục Vị, thuộc Mộc; Càn 6 là Vũ Khúc Diên Niên, thuộc Kim; Đoài 7 là Phá Quân Tuyệt Mệnh, thuộc Kim; Cấn 8 là Cự Môn Thiên Y, thuộc Thổ; Ly 9 là Liêm Trinh Ngũ Quỷ, thuộc Hoả.

PHỐI HƯỚNG BẾP VỚI CUNG MỆNH TAM NGUYÊN

Ví như năm Giáp Tý niên hiệu Thiên Khải thứ 4^[1] mở đầu Hạ nguyên, nên cung mệnh của người nam được tính từ cung Đoài, đếm ngược chiều kim đồng hồ. Nam sinh năm Ất Sửu thuộc mệnh Càn; Sinh năm Bính Dần thuộc Trung cung gửi mệnh Khôn; Sinh năm Đinh Mão thuộc mệnh Tốn, sinh năm Mậu Thìn thuộc mệnh Chấn, sinh năm Kỷ Tỵ thuộc mệnh Khôn, sinh năm Canh Ngọ thuộc mệnh Khảm, sinh năm Tân Mùi thuộc mệnh Ly, sinh năm Nhâm Thân thuộc mệnh Cấn, sinh năm Quý Dậu lại thuộc mệnh Đoài, cứ như vậy đếm ngược vòng Cửu cung trong vòng 60 năm.

Năm Giáp Tý niên hiệu Khang Hy thứ 23^[2] mở đầu Thượng nguyên, người nữ sinh vào năm Đinh Mão Thượng nguyên sẽ thuộc mệnh Cấn, nên tính "*Đại du niên*" từ cung Cấn: "*Cấn Lục Tuyệt Hoạ Sinh Diên Thiên Ngũ*". Cấn thuộc Tây tứ mệnh. Cửa bếp là cửa Hoả, nếu hướng về phương vị Tây tứ sẽ cát, quay sang phương vị Đông tứ là hung. (Càn, Khôn, Cấn, Đoài là Tây tứ mệnh; Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông tứ mệnh), dùng bài ca quyết "*Đại du niên*" để phán đoán hướng cát, hung. Phương vị của nhà và bếp nếu trấn tại các phương Tuyệt Mệnh, Lục Sát, Hoạ Hại, Ngũ Quỷ trong bản mệnh, tai hoạ sẽ không đến nhà, không nên đối nghịch với trạch mệnh. Nếu phải năm gặp Đô Thiên, Ngũ Hoàng, bếp nên quay về các phương vị Sinh Khí, Thiên Y, Phục Vị trong bản mệnh, cũng không nên quay về các hướng Đô Thiên, Ngũ Hoàng, Tuyệt Mệnh, Hoạ Hại trong trạch mệnh.

Nếu muốn phát tài, cửa bếp nên quay về hướng Sinh Khí. Nhưng với mệnh Khôn và mệnh Cấn, phương vị của Ngũ Hoàng nằm tại cung Khôn, cung Cấn, phương vị Sinh Khí cũng tại Khôn, Cấn. Vì đó cũng đồng thời là phương vị Ngũ Hoàng, nên không nên quay bếp về hướng Khôn, Cấn, nếu không sẽ gặp tai vạ.

Nếu muốn phát về người và của, cửa bếp nên quay về hướng Phục Vị. Nếu phải năm cung mệnh gặp Thiên Ất Quý Nhân sẽ sinh con, rất linh nghiệm. Thiên Ất Quý Nhân chính là quẻ Khôn.

Nếu là mệnh Tốn, thì cửa bếp nên đặt phương Phục Vị, tức phương Tốn, đợi khi Thiên Ất Quý Nhân bay đến phương Tốn chắc chắn sẽ sinh quý tử, phương pháp này rất linh nghiệm. Thiên Ất Quý Nhân chính là Khôn Nhị Hắc. Ví dụ vào Giáp Tý Thượng nguyên, đến năm Canh Thìn, bắt đầu tính từ cung Khảm đếm ngược chiều kim đồng hồ, đếm đến Canh Thìn là cung Chấn 3, tức Tam Bích Mộc.

^[1] Thiên Khải: Niên hiệu của Minh Hy Tông từ năm 1621 đến năm 1627. Niên hiệu Thiên Khải thứ 4 tức năm 1624.

^[2] Khang Hy: Niên hiệu của Thanh Thánh Tổ Ái Tân Giác La Huyền Diệp từ năm 1662 đến năm 1722. Niên hiệu Khang Hy thứ 23 tức năm 1684.

Như vậy, sẽ đưa Tam Bích Mộc nhập Trung cung, các sao còn lại sẽ an theo chiều Càn Tứ Lục, Đoài Ngũ Hoàng, Cấn Lục Bạch, Ly Thất Xích, Khảm Bát Bạch, Khôn Cửu Tử, Chấn Nhất Bạch, như vậy Khôn Nhị Hắc bay đến cung Tốn, tức gặp Thiên Ất Quý Nhân. Người mệnh Tốn đặt bếp quay về hướng Phục Vị tức Tốn, thì năm đó sẽ gặp được Thiên Ất Quý Nhân. Từ đó có thể loại suy ra các trường hợp tương tự. Định hướng của bếp, cần căn cứ vào Tử Bạch phi cung, hướng của bếp được phương Sinh Khí sẽ phát tài, cực kỳ linh nghiệm, trong vòng 60 ngày sẽ linh ứng.

Giải thích:

Trên đây là nguyên tắc đặt hướng bếp. Người xưa cho rằng, bếp là Thực thần, giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong nhà ở, vì vậy, hướng của bếp có mối quan hệ hết sức chặt chẽ với trạng thái hưng suy của cả căn nhà.

Sau khi đã hiểu rõ về Đông tứ mệnh và Tây tứ mệnh, cần tra cứu về cung mệnh của bản thân để định hướng bếp. Cửa bếp quay về hướng tốt trong cung mệnh của bản thân, thì gia đình sẽ được bình an, cát lợi. Hướng bếp nhìn về hướng xấu trong niên mệnh là hung. Nếu muốn được phát tài nhanh chóng thì tốt nhất nên đặt cửa bếp hướng về phương vị Sinh Khí.

Về phương pháp tính cung mệnh của người nam người nữ, như đã trình bày tại phần "Tính Tam nguyên Giáp Tý trên bàn tay". Người nam đếm ngược chiều kim đồng hồ, người nữ đếm thuận chiều kim đồng hồ, mỗi năm ứng với một ô, đếm cho đến năm sinh của mình thì dừng lại.

Trong phần chính văn cũng nói rõ, để tìm hướng tốt cho cửa bếp, không những cần căn cứ vào các phương vị trong niên mệnh, mà còn phải căn cứ vào Tử Bạch phi cung, tức quỹ đạo phi hành của Cửu tinh trong Cửu cung. Vị trí của Cửu tinh trong Cửu cung không cố định, mà sẽ phi hành theo quỹ đạo nhất định. Trạch mệnh thuộc sao nào, sao đó sẽ được an tại Trung cung, những sao còn lại căn cứ theo số thứ tự sẽ được an theo trình tự Càn - Đoài - Cấn - Ly - Khảm - Khôn - Chấn - Tốn.

Ví dụ như trong phần chính văn trình bày, muốn phát tài nên quay cửa bếp về hướng Sinh Khí. Với mệnh Khôn, Sinh Khí nằm tại Cấn. Nhưng nếu tính theo Tử Bạch phi cung, Khôn là Nhị Hắc Thổ nhập Trung cung, các sao còn lại sẽ di chuyển theo quỹ đạo: Càn Tam Bích, Đoài Tứ Lục, Cấn Ngũ Hoàng, Ly Lục Bạch..., vậy sát tinh Ngũ Hoàng cũng nằm tại Cấn, nên cửa bếp không được phép quay về hướng này. Với trường hợp mệnh Cấn cũng tương tự như vậy, tuy Khôn là phương Sinh Khí, nhưng sao Ngũ Hoàng lại bay đến cung này, nên không được chọn Khôn làm hướng của bếp.

BẢNG TÍNH CỬ CUNG TRẠCH MỆNH THEO TAM NGUYÊN

(Căn cứ vào quy tắc Bàn tay Cửu cung)

4 Tốn Khởi Trung nguyên (Nam sinh năm Giáp Tý Trung nguyên)	5 Trung Khởi Thượng nguyên (Nữ sinh năm Giáp Tý Thượng nguyên)	6 Càn Nam sinh Ất Sửu Hạ nguyên Nữ sinh năm Ất Sửu Thượng nguyên
3 Chấn Nam sinh năm Ất Sửu Trung nguyên Nữ sinh vào Ất Sửu Trung nguyên		7 Đoài Khởi Hạ nguyên (Nam sinh năm Giáp Tý Hạ nguyên)
2 Khôn Khởi Trung nguyên (Nữ sinh năm Giáp Tý Trung nguyên)		8 Cấn Khởi Hạ nguyên (Nữ sinh năm Giáp Tý Hạ nguyên)
1 Khảm Khởi Thượng nguyên (Nam sinh năm Giáp Tý Thượng nguyên)		9 Ly Nam sinh Ất Sửu Thượng nguyên Nữ sinh năm Ất Sửu Hạ nguyên

TIỆP QUYẾT

Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần (Tý, Tuất, Thân, Ngọ, Thìn, Dần đầu tiên trong mỗi vòng thiên can)

Phiên âm:

*Nhất tứ thất cung nam khởi bố,
Ngũ nhị bát cung nữ thuận thôi.
Nam ngũ ký nhị nữ ký bát,
Giáp Tý chu luân bản mệnh tâm.
Thượng nguyên Giáp Tý nhất cung liên,
Trung nguyên khởi Tốn hạ Đoài gian,
Thượng ngũ trung nhị hạ bát nữ,
Nam thuận nữ nghịch khởi căn nguyên.*

Dịch thơ:

BÀI VỀ ĐẾM TẮT

Nam đếm từ cung một, bốn, bảy,
Nữ năm, hai, tám đếm xuôi vòng.
Năm nam gửi hai, nữ gửi tám,
Một vòng Giáp Tý trọn chín cung.

Giáp Tý Thượng nguyên từ cung một,
Trung nguyên từ Tốn Hạ nguyên Đoài.
Nữ thượng năm, trung hai, hạ tám,
Nam ngược nữ thuận tính không sai.

Tính toán Tam nguyên, không thể sai lầm.

Nam sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên bắt đầu tính từ cung Khảm 1 đếm ngược chiều kim đồng hồ, thuộc mệnh Khảm, sinh năm Ất Sửu thuộc mệnh Ly, sinh năm Bính Dần thuộc mệnh Cấn; Nam sinh vào Giáp Tý Trung nguyên bắt đầu đếm từ cung Tốn 4, thuộc mệnh Tốn, sinh năm Ất Sửu thuộc mệnh Chấn, sinh năm Bính Dần thuộc mệnh Khôn. Nam sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên bắt đầu đếm

từ cung Đoài 7, nên thuộc mệnh Đoài, sinh năm Ất Sửu thuộc mệnh Càn, sinh năm Bính Dần thuộc cung Trung 5 gửi mệnh Khôn, Khôn là 2.

Nữ sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên bắt đầu đếm từ cung Trung 2 theo chiều kim đồng hồ, nên gửi mệnh Cấn 8, sinh năm Ất Sửu thuộc mệnh Càn, sinh năm Bính Dần thuộc mệnh Đoài. Nữ sinh vào Giáp Tý Trung nguyên đếm từ cung Khôn 2, nên thuộc mệnh Khôn, sinh năm Ất Sửu thuộc mệnh Chấn, sinh năm Bính Dần thuộc mệnh Tốn. Nữ sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên bắt đầu đếm từ cung Cấn 8, nên thuộc mệnh Cấn, sinh năm Ất Sửu thuộc mệnh Ly, sinh năm Bính Dần thuộc mệnh Khảm. Từ đó loại suy ra các trường hợp khác.

Nếu cung mệnh là cung Trung 5, nam phải gửi mệnh Khôn, nữ phải gửi mệnh Cấn, bao gồm những trường hợp có năm sinh như sau:

Nam:

Thượng nguyên	Kỷ Tý, Mậu Dần, Đinh Hợi, Bính Thân, Ất Tý, Giáp Dần, Quý Hợi
Trung nguyên	Nhâm Thân, Tân Tý, Canh Dần, Kỷ Hợi, Mậu Thân, Đinh Tý
Hạ nguyên	Bính Dần, Ất Hợi, Giáp Thân, Quý Tý, Nhâm Dần, Tân Hợi, Canh Thân

Nữ:

Thượng nguyên	Giáp Tý, Quý Dậu, Nhâm Ngọ, Tân Mão, Canh Tý, Kỷ Mùi, Mậu Ngọ
Trung nguyên	Đinh Mão, Bính Tý, Ất Dậu, Giáp Ngọ, Quý Mão, Nhâm Tuất, Tân Dậu
Hạ nguyên	Canh Ngọ, Kỷ Mão, Mậu Tý, Đinh Dậu, Bính Ngọ, Ất Mão

Niên hiệu Khang Hy thứ 23 (1684) là năm Giáp Tý Thượng nguyên.

Giải thích:

"Bảng tính Cửu cung trạch mệnh theo Tam nguyên" trên đây được sơ đồ hoá từ quy tắc tính Tam nguyên Giáp Tý trên bàn tay, đồng thời chỉ rõ cung nào là điểm khởi đầu dành cho người nam, người nữ tại Tam nguyên thượng, trung, hạ. Quy tắc tính bằng bảng tính cũng tương tự như quy tắc tính trên lòng bàn tay.

Vì mỗi nguyên gồm 60 năm, nên mỗi lần đếm nhiều nhất có tới 60 số. Bởi vậy mà sinh ra "bài về đếm tất" để tiện ghi nhớ. Cách đếm tất cũng tuân theo những quy tắc hết như cách đếm bình thường, nhưng không đếm lần lượt từng cặp can chi mà đếm tất bằng các vòng thiên can. Trong mỗi nguyên, vòng thiên can đầu tiên bắt đầu bằng Giáp Tý, vòng thiên can thứ hai bắt đầu

bằng Giáp Tuất, vòng thiên can thứ ba bắt đầu bằng Giáp Thân... Cứ như vậy, Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần lần lượt đứng đầu các vòng thiên can, hết một vòng lại quay trở về Giáp Tý. Đếm tắt qua các vòng thiên can như vậy sẽ giúp người tính toán tiết kiệm được thời gian, tránh nhầm lẫn, và không phải ghi nhớ thứ tự từng cặp can chi trong tổng cộng sáu mươi hoa giáp.

Về quy tắc đếm, cũng tương tự như quy tắc tính Tam nguyên trên lòng bàn tay: Nam đếm ngược chiều kim đồng hồ, sinh vào Thượng nguyên đếm từ Khảm 1, sinh vào Trung nguyên đếm từ Tốn 4, sinh vào Hạ nguyên đếm từ Đoài 7; Nữ đếm thuận chiều kim đồng hồ, sinh vào Thượng nguyên đếm từ Trung 5, sinh vào Trung nguyên đếm từ Khôn 2, sinh vào Hạ nguyên đếm từ Cấn 8. Như bài về đã viết: "*Nam đếm từ cung một, bốn, bảy; Nữ năm, hai, tám đếm xuôi vòng*", căn cứ vào cung mệnh tính được để phân biệt Đông tứ mệnh, Tây tứ mệnh. Còn: "*Năm nam gửi hai nữ gửi tám; Một vòng Giáp Tý trọn chín cung*", nghĩa là nếu kết quả rơi vào cung Trung 5, là nam thì gửi mệnh Khôn 2, là nữ thì gửi mệnh Cấn 8.

Ví dụ: Một người nam sinh vào năm Canh Thân Trung nguyên, nếu đếm lần lượt theo từng cặp Giáp Tý, sẽ rất mất thời gian vì số lượng lên đến 57 cặp. Trường hợp này có thể sử dụng cách đếm tắt như trên: Ta thấy Canh Thân thuộc vòng thiên can cuối cùng, tức đứng sau Giáp Dần. Nam Trung nguyên khởi đầu từ cung Tốn 4, vậy Tốn 4 là Giáp Tý, Chấn 3 là Giáp Tuất, Khôn 2 là Giáp Thân, Khảm 1 là Giáp Ngọ, Ly 9 là Giáp Thìn, Cấn 8 là Giáp Dần. Đến đây ta tiếp tục đếm từng cặp can chi: Đoài 7 là Ất Mão, Càn 6 là Bính Thìn, Trung 5 là Đinh Ty, Tốn 4 là Mậu Ngọ. Vậy người nam này thuộc mệnh Tốn. Cách tính này rõ ràng giản tiện hơn so với cách đếm lần lượt 57 cặp can chi.

Bảng tra ở dưới cùng liệt kê những trường hợp mệnh Trung cung phải gửi mệnh Khôn, Cấn. Nếu bạn sinh vào những năm này, chỉ cần tra bảng là biết mình thuộc trường hợp "Trung cung gửi mệnh", mà không cần mất thời gian tính toán.

BẢNG TRA CUNG MỆNH TAM NGUYÊN CỦA NAM NỮ

(Nam nữ sinh vào niên hiệu Càn Long thứ 9^[1] thuộc Trung nguyên)

	Giáp Tý		Ất Sửu		Bính Dần		Đinh Mão		Mậu Thìn		Kỷ Ty		Canh Ngọ		Tân Mùi		Nhâm Thân		Quý Dậu	
Thượng	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5
Trung	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2
Hạ	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8
	Giáp Tuất		Ất Hợi		Bính Tý		Đinh Sửu		Mậu Dần		Kỷ Mão		Canh Thìn		Tân Ty		Nhâm Ngọ		Quý Mùi	
Thượng	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6
Trung	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3
Hạ	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9
	Giáp Thân		Ất Dậu		Bính Tuất		Đinh Hợi		Mậu Tý		Kỷ Sửu		Canh Dần		Tân Mão		Nhâm Thìn		Quý Ty	
Thượng	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7
Trung	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4
Hạ	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1
	Giáp Ngọ		Ất Mùi		Bính Thân		Đinh Dậu		Mậu Tuất		Kỷ Hợi		Canh Tý		Tân Sửu		Nhâm Dần		Quý Mão	
Thượng	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8
Trung	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5
Hạ	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2
	Giáp Thìn		Ất Ty		Bính Ngọ		Đinh Mùi		Mậu Thân		Kỷ Dậu		Canh Tuất		Tân Hợi		Nhâm Tý		Quý Sửu	
Thượng	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9
Trung	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6
Hạ	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3
	Giáp Dần		Ất Mão		Bính Thìn		Đinh Ty		Mậu Ngọ		Kỷ Mùi		Canh Thân		Tân Dậu		Nhâm Tuất		Quý Hợi	
Thượng	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1
Trung	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4	1	5	9	6	8	7
Hạ	2	4	1	5	9	6	8	7	7	8	6	9	5	1	4	2	3	3	2	4

Giả dụ: Bên dưới ô Giáp Tý có hai dãy số, dãy số bên phải 1-4-7 là cung mệnh của nam tại ba nguyên thượng, trung, hạ; Dãy số bên trái 2-5-8 là cung mệnh của nữ thuộc ba nguyên thượng, trung, hạ. Các trường hợp khác cũng tương tự như vậy. Trình tự tương ứng là 1 Khảm, 2 Khôn, 3 Chấn, 4 Tốn, 5 Trung (nam gửi Khôn, nữ gửi Cấn), 6 Càn, 7 Đoài, 8 Cấn, 9 Ly, đó là phương vị Hậu thiên Bát quái kết hợp với số của Lạc thư. Ở đây căn cứ vào bảng Cửu cung Tam nguyên trong lịch "Thời hiền" cùng ghi chép trong "Bút chủ" của Vương Khăng Đường^[2].

^[1] Càn Long: Niên hiệu của hoàng đế Thanh Cao Tông Ái Tân Giác La Hoàng Lịch, từ năm 1736 đến năm 1795. Năm Càn Long thứ 9 tức năm Giáp Tý 1744.

^[2] Vương Khăng Đường (1549-1613), Tiến sĩ đời Minh, học rộng biết nhiều. "Bút chủ" tức "Uất Cương Trai bút chủ", một tác phẩm ghi chép về lịch pháp, y học cùng một số sự kiện lịch sử thời Nguyên - Minh.

Giải thích:

Trên đây là bảng tra về cung mệnh của nam nữ trong chu kỳ sáu mươi năm của Tam nguyên thượng, trung, hạ. Trong đó, các chữ thượng, trung, hạ tại cột đầu tiên chỉ Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Trong bảng liệt kê 60 cặp can chi, chia làm sáu hàng, mỗi hàng là một vòng thiên can. Dưới mỗi cặp can chi là hai dãy số, dãy số bên phải là cung mệnh của nam, dãy số bên trái là cung mệnh của nữ. Mỗi dãy số gồm ba chữ số, chữ số trên cùng là cung mệnh tại Thượng nguyên, chữ số ở giữa là cung mệnh tại Trung nguyên, chữ số dưới cùng là cung mệnh tại Hạ nguyên. Căn cứ vào quy luật "*Nam đếm từ cung một, bốn, bảy; Nữ năm, hai, tám đếm xuôi vòng*", ta thấy các tổ hợp 1-4-7, 7-4-1, 7-1-4 đều là những cung khởi đầu của nam; Các tổ hợp 8-5-2, 2-5-8, 8-2-5 đều là những cung khởi đầu của nữ.

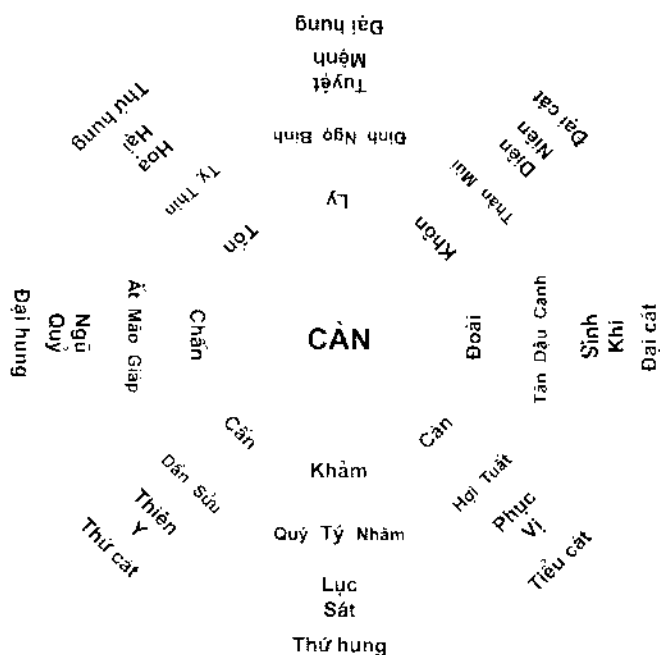
Khi đã có bảng tra này, việc tra cứu niên mệnh của bất kỳ một năm nào đã trở nên hết sức dễ dàng. Ví dụ: nam sinh năm Kỷ Dậu Trung nguyên, ta tìm cặp can chi Kỷ Dậu. Là nam nên tra cột số bên phải, là Trung nguyên nên tra chữ số ở giữa, ta được số 4, tức người này mệnh Tốn. Hay người nữ sinh năm Tân Hợi Hạ nguyên, ta tìm cặp can chi Tân Hợi. Là nữ nên tra cột số bên trái, là Hạ nguyên nên tra chữ số phía dưới, ta được số 1, tức người này mệnh Khảm.

ĐỒ HÌNH BÁT TRẠCH ĐÔNG TỬ, TÂY TỬ

Tây tứ trạch

Cung Càn

Tây tứ mệnh

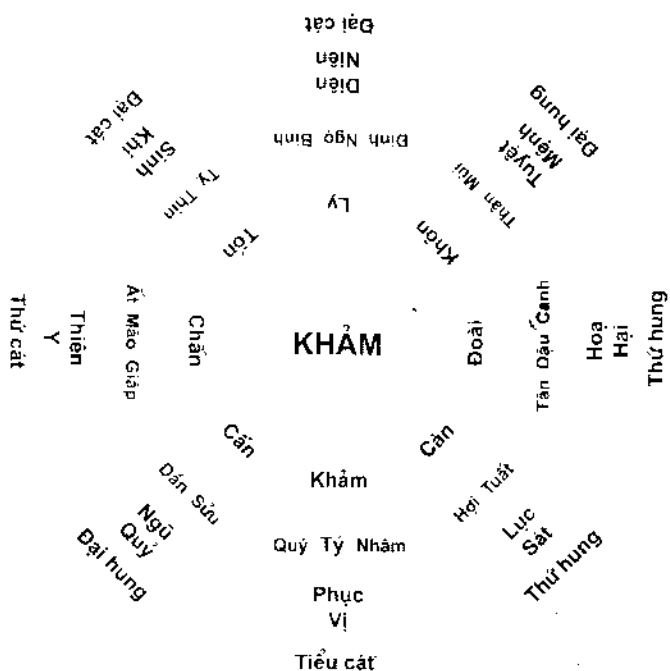


Cung 6

Đông tứ trạch

Cung Khảm

Đông tứ mệnh

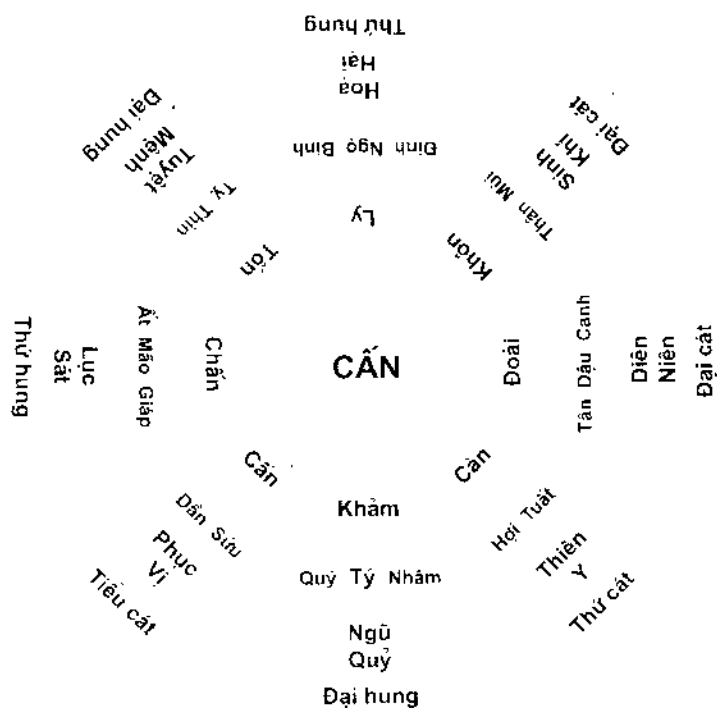


Cung 1

Tây tứ trạch

Cung Cấn

Tây tứ mệnh



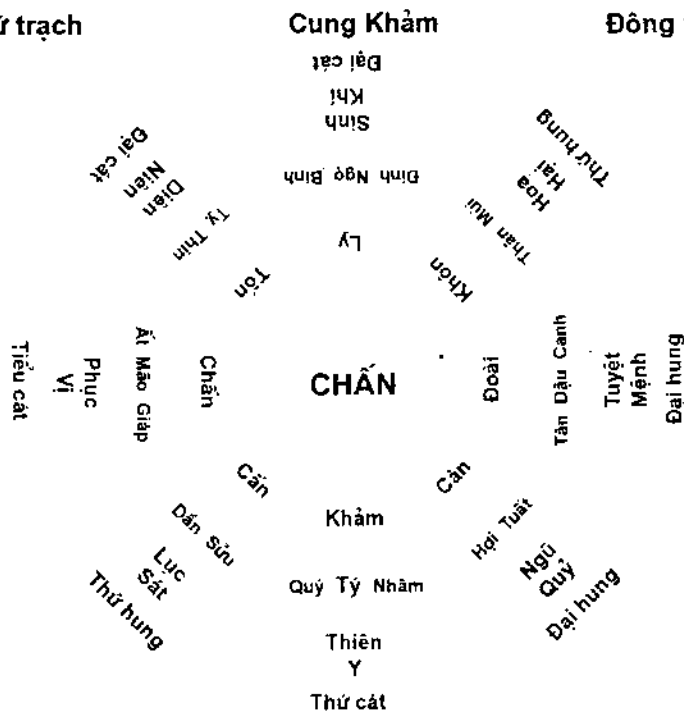
Cung 8

Đông tứ trạch
Đông tứ trạch

Cung Chấn

Đông tứ mệnh

Đông tứ mệnh

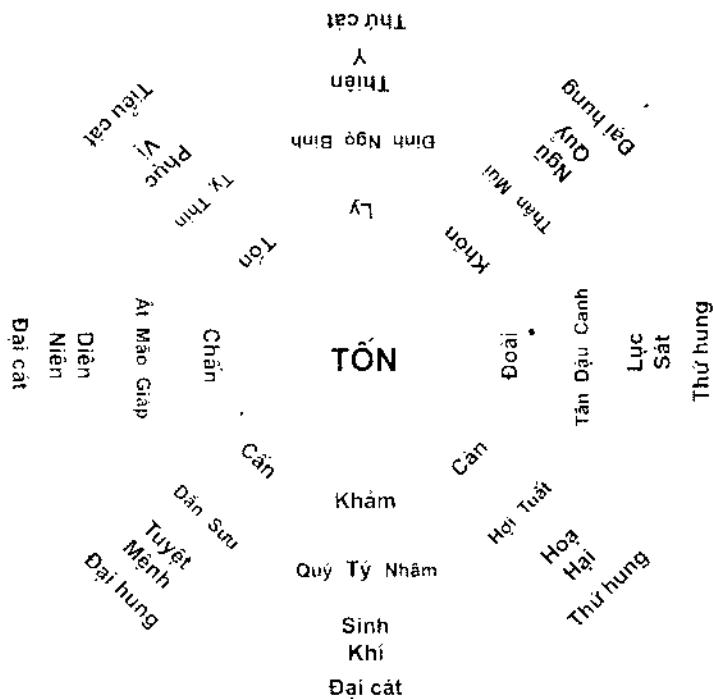


Cung 3

Đông tứ trạch

Cung Tồn

Đông tứ mệnh

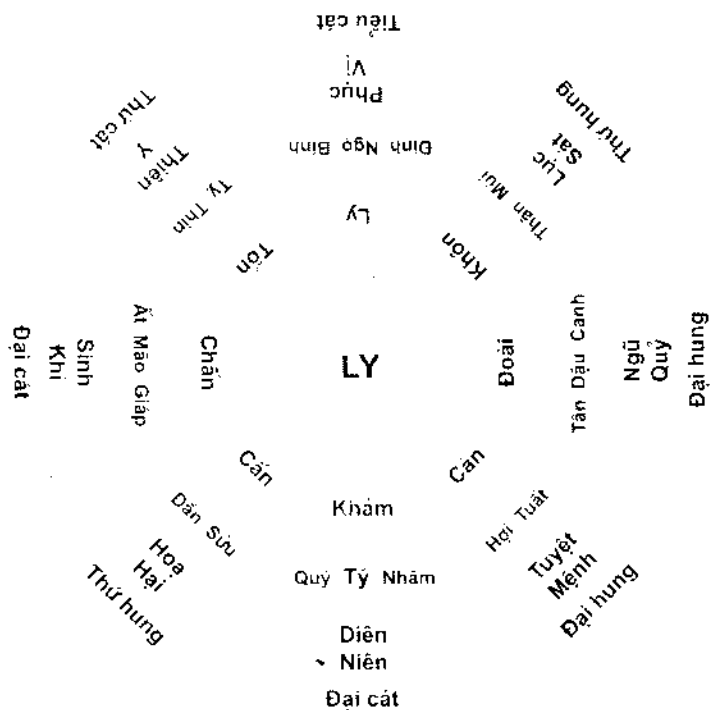


Cung 4

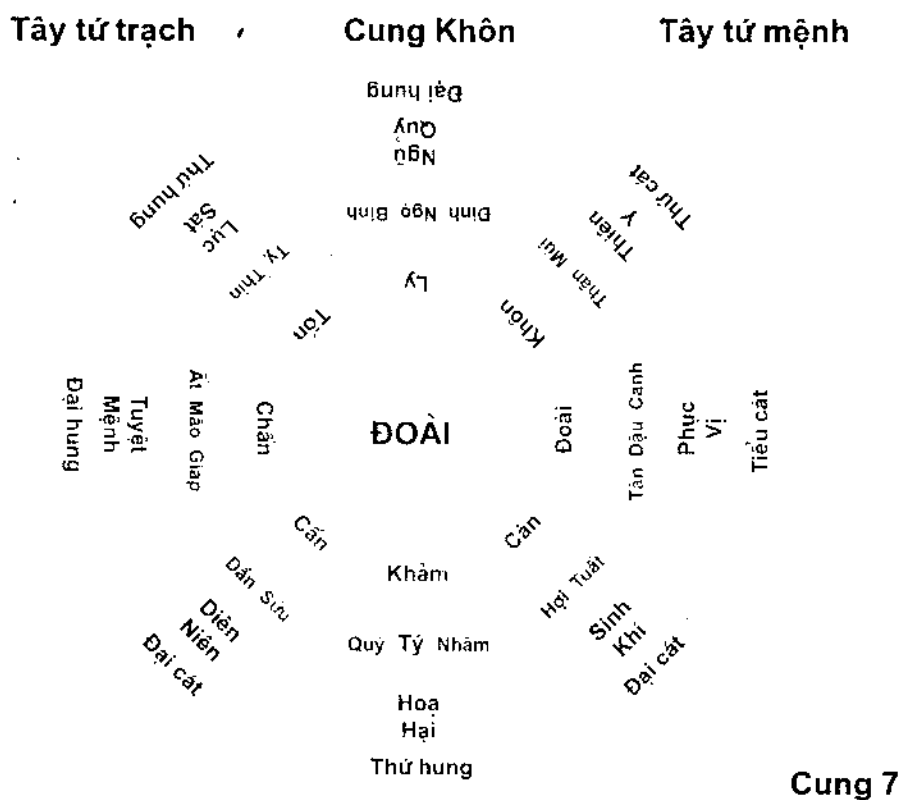
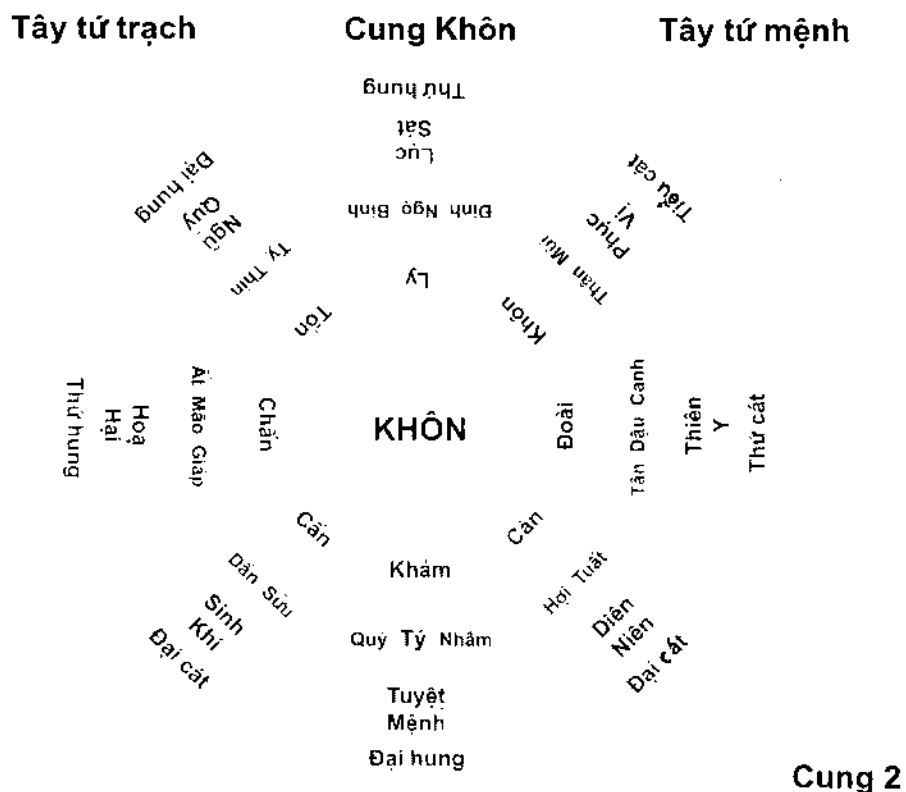
Đông tứ trạch

Cung Ly

Đông tứ mệnh



Cung 9



Giải thích:

Tám hình vẽ trên đây là đồ hình Bát trạch mô tả các phương vị cát - hung của Đông, Tây, Bắc, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Tây. Đồ hình Bát trạch gồm các bộ phận cấu thành sau đây:

Tâm điểm của các vòng tròn là tên cung, dựa vào tên cung để phân chia Đông, Tây tứ trạch, Đông, Tây tứ mệnh.

Tính từ trung tâm ra phía ngoài, vòng tròn đầu tiên là tên các quẻ Bát quái, tương ứng với tám phương vị. Vòng tròn thứ hai là phương vị 24 sơn, trong đó Khảm quản 3 sơn Quý Tý Nhâm, Càn quản 2 sơn Hợi Tuất, Đoài quản 3 sơn Tân Dậu Canh, Khôn quản 2 sơn Thân Mùi, Ly quản 3 sơn Đinh Ngọ Bính, Tốn quản 2 sơn Tỵ Thìn, Chấn quản 3 sơn Ất, Mão, Giáp, Cấn quản 2 sơn Sửu Dần. Tứ chính (bốn phương chính) Khảm, Đoài, Ly, Chấn mỗi phương quản 3 sơn, tổng cộng 12 sơn với bốn phương vị chính lần lượt là Tý, Dậu, Ngọ, Mão. Tứ duy (bốn phương chéo) Càn, Khôn, Tốn, Cấn mỗi phương quản 2 sơn. Thực chất cũng là quản 3 sơn, tức thêm bản thân phương vị đó vào giữa 2 sơn, trở thành Hợi Càn Tuất, Thân Khôn Mùi, Tỵ Tốn Thìn và Dần Cấn Sửu. Như vậy tổng cộng mới đủ phương vị 24 sơn, tạo thành 8 hướng đông, tây, nam, bắc, đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc.

Vòng thứ 3 là phương vị sắp xếp của Cửu tinh Phục, Lục, Thiên, Ngũ, Hoa, Tuyết, Diên, Sinh (trình tự sắp xếp xem trong "*Du niên ca*"). Vòng ngoài cùng giải thích tính chất cát - hung của các sao. Về phương vị của đồ hình, người xưa quen vẽ nam trên bắc dưới, đông trái tây phải, ngược lại so với thông lệ của bản đồ thời nay.

Trên đây chỉ là những đồ hình Bát trạch cơ bản, vì vẫn chưa đề cập đến Phi cung, tức quỹ đạo dịch chuyển của chín ngôi sao đã nhắc đến trong Đồ hình Cửu tinh phối trí Lạc thư phía trên, là Nhất Bạch, Nhị Hắc, Tam Bích, Tứ Lục, Ngũ Hoàng, Lục Bạch, Thất Xích, Bát Bạch, Cửu Tử. Cửu tinh sẽ lần lượt di chuyển khắp Cửu cung theo quỹ đạo nhất định, cũng có nghĩa là, tương ứng với Cửu tinh, mỗi cung sẽ lại có chín trạng thái cát hung khác nhau. Nếu không, chỉ với tám quy cách giản đơn và cố định kia sẽ không thể phản ánh được trạng thái đa biến, muôn hình ngàn vẻ trong vận số của mỗi con người.

VƯƠNG KHẮNG ĐƯỜNG BÀN LUẬN VỀ NGUỒN GỐC CÁT HUNG CỦA CÁC SAO TRONG BÁT TRẠCH

Từ Thái cực chia ra Âm Dương, trong Dương lại có âm và dương, âm trong dương được gọi là Thiếu âm, dương chứa âm được gọi là Thái dương; Trong Âm cũng có dương và âm, âm chứa dương gọi là Thái âm, dương trong âm gọi là Thiếu dương. Trong Thái dương lại có dương là Càn, âm là Đoài; Trong Thiếu âm lại có dương là Chấn, âm là Ly; Trong Thiếu dương lại có dương là Khảm, âm là Tốn; Trong Thái âm lại có dương là Cấn, âm là Khôn. Tiên thiên Bát quái, tức Càn là cha, Khôn là mẹ, Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ, Khảm là trung nam, Ly là trung nữ, Cấn là thiếu nam, Đoài là thiếu nữ. Còn về Hậu thiên Bát quái, vì đạo của Dương là đạo biến hoá, nên số của Dương lấy tiến làm cùng cực, bởi đó Càn cha được số 9, Chấn trưởng nam được số 8, Khảm trung nam được số 7, Cấn thiếu nam được số 6. Đạo của Âm là đạo hoá thành, nên số của dương lấy lùi làm cùng cực, vậy nên Khôn mẹ được số 1, Tốn trưởng nữ được số 2, Ly trung nữ được số 3, Đoài thiếu nữ được số 4. Đó là những số tự nhiên trong Hà đồ Lạc thư, mà không tách rời khỏi số 5. Bởi vậy hợp của tiên thiên là Sinh Khí, hợp của Hậu thiên là Diên Niên, số hợp của 5 là Thiên Y. Càn 9 với Cấn 6, Khảm 7 với Chấn 8, Khôn 1 với Đoài 4, Tốn 2 với Ly 3, Dương được 15 mà Âm được 5, nên đều là số hợp của 5.

Không hợp đều là hung. Càn với Ly, Đoài với Chấn, Khôn với Khảm, Cấn với Tốn đều lấy âm khắc dương, là cực hung, nên là Tuyệt Mệnh. Càn với Chấn, Tốn với Khôn, Khảm với Cấn, Đoài với Ly, đều lấy dương khắc âm, là thứ hung, tức Ngũ Quỷ. Càn với Khảm, Cấn với Chấn, Tốn với Đoài, Khôn với Ly là lục thân tương hình^[1], nên là Lục Sát. Càn với Tốn, Khảm với Đoài, Cấn với Ly, Khôn với Chấn, là Kim, Mộc, Thổ^[2] tương khắc, mà Tý Dậu, Sửu Ngọ tương phá, nên là Hoạ Hại. Nói tóm lại, hoà hợp sẽ cát; Không hợp và tương khắc sẽ hung. Dựa vào đó để phân chia thành Đông tứ trạch và Tây tứ trạch, mà các sao phân bố mỗi trạch mỗi khác.

Vạch quẻ thì vạch từ dưới lên trên, biến quẻ thì biến từ trên xuống dưới. Bởi vậy, biến 1 thì Càn được Đoài mà Đoài được Càn; Ly được Chấn mà Chấn được Ly; Tốn được Khảm mà Khảm được Tốn; Cấn được Khôn mà Khôn được Cấn, bởi vậy là Sinh Khí. Biến 2 thì Càn được Chấn mà Chấn được Càn; Khảm được Cấn mà Cấn được Khảm; Tốn được Khôn mà Khôn được Tốn; Đoài được Ly mà Ly được Đoài, vậy nên là Ngũ Quỷ. Biến 3 thì Càn được Khôn mà Khôn được Càn; Khảm được Ly mà Ly được Khảm; Chấn được Tốn mà Tốn được Chấn; Cấn được Đoài mà Đoài

^[1] Lục thân: Chỉ các quan hệ huyết thống thân thuộc của con người, như cha mẹ, anh em, vợ con.

^[2] Càn Kim khắc Tốn Mộc, Chấn Mộc khắc Khôn Thổ, Khảm Tý và Đoài Ngọ tương phá, Cấn Sửu và Ly Ngọ tương phá.

được Cấn, vậy nên là Diên Niên. Biến 4 thì Càn được Khảm mà Khảm được Càn; Cấn được Chấn mà Chấn được Cấn; Tốn được Đoài mà Đoài được Tốn; Ly được Khôn mà Khôn được Ly, vậy nên là Lục Sát. Biến 5 thì Càn được Tốn mà Tốn được Càn; Khảm được Đoài mà Đoài được Khảm; Cấn được Ly mà Ly được Cấn; Chấn được Khôn mà Khôn được Chấn, vậy nên là Hoạ Hại. Biến 6 thì Càn được Cấn mà Cấn được Càn; Khảm được Chấn mà Chấn được Khảm; Tốn được Ly mà Ly được Tốn; Khôn được Đoài mà Đoài được Khôn, vậy nên là Tuyệt Mệnh. Bài ca quyết "*Du niên ca*" mà người đời truyền tụng thực chất được bắt nguồn từ đây để tổng kết, khái quát lại. Các nhà địa lý tướng mệnh ngày nay chỉ biết vận dụng mà truyền miệng, không truy cứu về nguồn gốc của nó, bởi vậy mà cát hung trở nên không có căn cứ.

Giải thích:

Bài văn trên trình bày về nguyên lý cơ bản hình thành nên tính chất cát hung của các sao trong Cửu tinh.

Tiên Thiên Bát quái được chia thành 2 cực Âm và Dương. Trong cực Dương, thì Càn và Chấn là dương, Đoài và Ly là âm; Còn trong cực Âm, thì Khôn và Tốn là âm, Khảm và Cấn là dương. Càn hợp với Đoài, Chấn hợp với Ly, Khảm hợp với Tốn, Khôn hợp với Cấn là tương sinh, đó là nguồn gốc của Sinh Khí trong Cửu tinh. Bởi vậy bài văn trên viết: "*hợp của Tiên thiên là Sinh Khí*".

Trong Hậu thiên Bát quái, Càn là tượng cha, Khôn là tượng mẹ, Chấn là tượng trưởng nam, Tốn là tượng trưởng nữ, Khảm là tượng trung nam, Ly là tượng trung nữ, Cấn là tượng thiếu nam, Đoài là tượng thiếu nữ. Theo như phần đầu bài văn, thì các số của quẻ là như sau: Càn 9, Chấn 8, Khảm 7, Cấn 6, Đoài 4, Ly 3, Tốn 2, Khôn 1. Bởi vậy, Càn 9 với Khôn 1, Chấn 8 với Tốn 2, Khảm 7 với Ly 3, Cấn 6 với Đoài 4 đều có tổng số là 10, các nhà tướng mệnh gọi đó là "hợp thập", từng cặp hợp với nhau thành số 10, là cát lợi. Đây là nguồn gốc của Diên Niên trong Cửu tinh. Bởi vậy bài văn trên viết: "*hợp của Hậu thiên là Diên Niên*".

Càn 9 với Cấn 6, Khảm 7 với Chấn 8, Khôn 1 với Đoài 4, Tốn 2 với Ly 3, số tổng của hai cặp đôi quẻ dương Càn - Cấn, Khảm - Chấn đều là 15, số tổng của hai cặp đôi quẻ âm Khôn - Đoài, Tốn - Ly đều là 5, nên bài viết nói "*Dương được 15 mà âm được 5*", tướng mệnh học gọi đây là "số hợp của 5". Đó là nguồn gốc của Thiên Y trong Cửu tinh. Những trường hợp "hợp" như trên là cát, còn không hợp đều là hung.

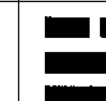
Càn 9 với Ly 3, Đoài 4 với Chấn 8, Khôn 1 với Khảm 7, Cấn 6 với Tốn 2, bốn tổ hợp này đều là âm khắc dương, nên chủ về hung. Đó là nguồn gốc của Tuyệt Mệnh trong Cửu tinh.

Càn 9 với Chấn 8, Tốn 2 với Khôn 1, Khảm 7 với Cấn 6, Đoài 4 với Ly 3, bốn tổ hợp này đều là dương khắc âm, nên chủ về hung, nhưng nhẹ hơn so với Tuyệt Mệnh. Đó là nguồn gốc của Ngũ Quỷ trong Cửu tinh.

Càn 9 với Khảm 7, Cấn 6 với Chấn 8, Tốn 2 với Đoài 4, Khôn 1 với Ly 3, đều là âm kết hợp với âm, dương kết hợp với dương, nên là lục thân tương hình, là Lục Sát.

Càn 9 với Tốn 2, Khảm 7 với Đoài 4 Cấn 6 với Ly 3, Khôn 1 với Chấn 8, bốn tổ hợp này là ngũ hành tương khắc, Tý Dậu, Sửu Ngọ tương phá, là nguồn gốc của Hoạ Hại trong Cửu tinh.

Bởi vậy, quy luật chung của chúng là: hợp thì cát, không hợp thì hung. Đó là nguồn gốc cát hung của Cửu tinh xét từ góc độ tương sinh tương khắc. Ngoài ra, cũng có thể truy nguyên nguồn gốc của chúng từ sự biến hoá của các quẻ trong Bát quái. Như trong bài văn đã viết, nguyên tắc biến quẻ là biến từ trên xuống dưới. Ta có tượng của các quẻ như sau:

Càn	Khảm	Cấn	Chấn	Tốn	Ly	Khôn	Đoài
							

Biến thứ nhất: Biến hào trên cùng, hào dương biến thành hào âm và ngược lại. Như vậy, Càn biến thành Đoài, Đoài biến thành Càn; Khảm biến thành Tốn, Tốn biến thành Khảm; Cấn biến thành Khôn, Khôn biến thành Cấn; Chấn biến thành Ly, Ly biến thành Chấn. Bởi vậy, các cặp đôi Càn - Đoài, Khảm - Tốn, Khôn - Cấn, Chấn - Ly là nguồn gốc của Sinh Khí.

Biến thứ hai: Biến hai hào trên, hào dương biến thành hào âm và ngược lại. Vậy ta có: Càn biến thành Chấn, Chấn biến thành Càn; Khảm biến thành Cấn, Cấn biến thành Khảm; Khôn biến thành Tốn, Tốn biến thành Khôn; Ly biến thành Đoài, Đoài biến thành Ly. Bởi vậy, các cặp đôi kết hợp Càn - Chấn, Khảm - Cấn, Khôn - Tốn, Ly - Đoài là nguồn gốc của Ngũ Quỷ.

Tương tự như thế, bài văn tiếp tục liệt kê ra bốn phương thức biến quẻ nữa để giải thích cho nguồn gốc cát hung của các sao, đó là: Biến thứ ba: biến cả ba hào, hình thành nên Diên Niên; Biến thứ tư: biến hào đầu và hào dưới, hình thành nên Lục Sát; Biến thứ năm: biến hào dưới, hình thành nên Hoạ Hại; Biến thứ sáu: biến hai hào dưới, hình thành nên Tuyệt Mệnh.

SƠ ĐỒ BỐ CỤC TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

8	7	6	5	4	3	2	1
Khôn	Cấn	Khảm	Tốn	Chấn	Ly	Đoài	Càn
Thái âm		Thiếu dương		Thiếu âm		Thái dương	
Âm				Dương			
THÁI CỤC							

Giải thích:

Hình vẽ trên là sơ đồ phân chia Âm Dương của Tiên thiên Bát quái: Thái cực tách đôi thành hai cực Âm Dương, trong đó cực Dương lại chia làm Thái dương và Thiếu âm, Thái dương là chủ, chứa đựng Thiếu âm; Cực Âm lại chia làm Thái âm và Thiếu dương, trong đó Thái âm là chủ, chứa đựng Thiếu dương. Bốn nghi này lại tiếp tục chia đôi. Thái dương chia làm Càn 1 dương, Đoài 2 âm, âm dương tương sinh. Thiếu âm chia làm Ly 3 âm, Chấn 4 dương, âm dương tương sinh; Thiếu dương chia làm Tốn 5 âm, Khảm 6 dương, âm dương tương sinh. Thái âm chia làm Cấn 7 dương, Khôn 8 âm, cũng là âm dương tương sinh.

PHÚC NGUYÊN

Hướng tọa của nhà ở được gọi là cung Phúc đức, mỗi người hợp với một hướng khác nhau. Người Đông tứ mệnh ở Đông tứ trạch, người Tây tứ mệnh ở Tây tứ trạch là có được phúc nguyên. Mệnh Tây mà ở nhà Đông, mệnh Đông mà ở nhà Tây, dẫu phương vị có tốt, cũng không được phúc. Nếu nhà khó chuyển, thì nên đổi hướng cổng. Nếu cổng khó đổi, nên chuyển phòng ngủ đến phương vị cát lợi. Nếu phòng ngủ khó đổi, nên chuyển hướng giường đến phương vị phù hợp. Như vậy, dù nhà bản hàn cũng nhận được phúc lộc.

Giải thích:

Phúc nguyên là chỉ nguồn gốc của phúc lộc. Các nhà thuật số cho rằng, mỗi người đều có nguồn phúc lộc tiền định, nhưng điều cốt yếu là phải xem phương vị nhà ở có hợp lý hay không. Khi

xác định phương vị nhà cửa, điều căn bản nhất là phải phân biệt rõ Đông, Tây tứ trạch mệnh, vì thông thường, người thuộc Tây tứ mệnh thì nên sống ở Tây tứ trạch, người thuộc Đông tứ mệnh thì nên sống ở Đông tứ trạch, nếu đi ngược lại với nguyên tắc trạch mệnh này sẽ khó có được phúc lộc. Nếu nhà ở đã cố định, khó thay đổi được, có thể áp dụng các phương pháp đổi vị trí cổng chính, phòng ngủ, giường ngủ như trong bài viết đã đề cập.

CỔNG CHÍNH

Cổng chính nên đặt ở bốn hướng tốt trong bản mệnh, không nên đặt tại bốn hướng xấu, mở cổng phải có được toạ sơn Thanh Long tốt, lại phải chọn được hướng có dòng nước chảy đến để trở cổng. Trọn vẹn được ba điều kiện trên, sẽ được phúc lộc đầy nhà, đời đời hiển đạt. Nhà ở có toạ, có hướng, mệnh có tây có đông. Nếu chỉ hợp sơn - hướng mà không hợp mệnh ắt đại hung; Chỉ hợp mệnh mà không hợp sơn - hướng là tiểu hung; Hợp mệnh, lại hợp toạ - hướng mới phú quý lâu dài. Ví như nhà toạ Càn hướng Tốn là thuộc Tây tứ trạch, cổng chính nên nhìn về các hướng Khôn, Đoài, Cấn để phối hợp với toạ sơn Tây tứ của Càn. Còn giường ngủ, ban thờ, cửa sau, cửa hàng, nhà kho..., cũng cần phải đặt tại phương vị cát lợi của Tây tứ để hợp với toạ sơn. Bếp, nhà xí, thớt cối nên đặt tại các hướng hung của Tây tứ trạch để trấn áp hung khí. Nhưng cửa bếp phải quay về bốn hướng tốt, ống khói nên mở về bốn hướng xấu, để hun đốt hung thần. Người mệnh Càn, Khôn, Đoài, Cấn, tức thuộc Tây tứ mệnh, ở nhà này sẽ cát lợi, còn người mệnh Khảm, Ly, Chấn, Tốn, tức thuộc Đông tứ mệnh, ở nhà này sẽ hung.

Lại có sách chép: Nhà ở, mộ phần ở gần nước hoặc đường đi, sẽ hình thành nên cừu cục. Được cục tốt, sức mạnh trợ giúp của nó còn lớn hơn cả toạ sơn.

Giải thích:

Đoạn văn trên bàn về phương pháp bố trí cổng chính của nhà ở cùng nhà bếp, nhà vệ sinh, cối xay giã,... Thông thường, khi đã biết được niên mệnh, sẽ xác định được bốn phương tốt và bốn phương xấu. Bốn phương tốt là Phục Vị, Sinh Khí, Diên Niên, Thiên Y; Bốn phương xấu là Tuyệt Mệnh, Hoạ Hại, Ngũ Quỷ, Lục Sát. Khi dựng nhà, cổng chính nhất định phải được đặt ở phương tốt, tối kỵ đặt tại phương xấu. Vì cổng chính là đường vào lối ra của cả căn nhà, nên giữ vai trò cực kỳ quan trọng. Lý thuyết phong thuỷ rất chú trọng đến phương hướng. Nhà ở có toạ và hướng (toạ sơn: phía sau lưng nhà, chỗ tựa của ngôi nhà; hướng: phía trước, đối diện với toạ sơn), như chúng ta thường nói nhà toạ Đông hướng Tây, toạ Nam hướng Bắc. Vì vậy, khi dựng nhà, phải chú ý đến cả toạ và hướng. Một ngôi nhà có phương vị vừa hợp niên mệnh, vừa hợp toạ hướng mới được coi là lý tưởng nhất.

Ngoài những thứ cần phải đặt đúng phương vị cát lợi trong niên mệnh, bài viết cũng chỉ rõ những thứ gì nên đặt ở phương hung. Bếp nấu, nhà vệ sinh, cối xay, cối giã,... nên đặt ở phương

hung để "trấn áp hung khí". Miệng ống khói, lưng bếp lò cũng phải đặt ở phương xấu để "hun đốt hung thần". Chỉ có điều của bếp cần phải hướng về phương tốt.

Đoạn cuối của bài văn chỉ rõ, phong thủy của dương trạch tốt hay xấu còn được quyết định bởi các nhân tố sa núi và nước, vì hướng nước có thể quyết định được cục diện phong thủy cơ bản, gọi tắt là "cục". Nếu gặp được "cục" tốt thì sẽ mang lại khí sinh vượng với khả năng phát tài tấn lộc còn mạnh mẽ hơn ảnh hưởng của toạ sơn.

LỤC SỰ

Nguyên văn:

Lục sự (sáu việc) tức cổng chính, đường đi, bếp, giếng, nhà vệ sinh và cối xay giã, chỉ những sự vật thiết yếu trong nhà ở, cần đặt đúng chỗ, để sử dụng thuận lợi. Nhưng người ta thường không chú ý đến quy tắc phương vị, đặt nhầm hướng xấu, nên đồ vật tiện ích lại trở thành căn nguyên gây hại, ngấm ngầm sinh tai ương, họa hại đến khi nào cũng không biết, thật đáng buồn thay!

Giải thích:

Đoạn văn trên nói về tầm quan trọng của "lục sự", tức sáu loại công trình, vật dụng thiết yếu trong nhà ở mà hầu hết các gia đình đều phải có, đó là cổng chính, đường đi, bếp, giếng, nhà vệ sinh và cối xay giã. Khi dựng nhà, nhất thiết phải đặt "lục sự" tại những phương vị phù hợp. Về phương vị của cổng chính, bếp, nhà vệ sinh và thớt cối, đã trình bày rõ trong bài "Cổng chính của nhà ở". Ngoài ra, cần chú ý, của sau nên đặt tại hướng xấu để "xả hung khí". Đường đi, tức những lối đi nhỏ trong sân, quanh nhà, trong phạm vi nhà mình, tốt nhất là bắt đầu từ hướng tốt, vòng sang hướng tốt, sau đó mới quanh về cổng chính, vẫn là hướng cát (vì cổng chính vốn đi nên mở về hướng tốt). Giếng cũng cần phải đào ở phương vị cát lợi, vì giếng cung cấp nước uống và nước tắm rửa cho con người, nên tầm quan trọng của nó chỉ đứng sau cổng và bếp.

NHÀ VỆ SINH

Nguyên văn:

Là nơi chứa đựng những vật bài tiết ô uế, nên đặt tại phương xấu trong bản mệnh, để trấn áp hung thần, như vậy sẽ có thể phát được phúc lớn, rất linh nghiệm. Phương vị nên đối xứng với ống khói bếp lò để trấn áp, như vậy sẽ cát lợi. Cần tra cứu kỹ phương vị, không nên nhầm lẫn. Nếu đặt lầm vào hướng tốt của nhà, thì cũng như gặp vận hung. Bởi vậy, cho dù nhà cửa có chật hẹp đến đâu, cũng phải tính toán rõ ràng, đích xác.

Giải thích:

Đoạn văn trên trình bày về phương vị đặt nhà vệ sinh cùng tầm ảnh hưởng của nó. Nhà vệ sinh nhất định phải được đặt tại hướng xấu trong bản mệnh của chủ nhà, như vậy sẽ trấn được hung, sớm muộn gì cũng phát tài tấn lộc. Tốt nhất nên đặt nhà vệ sinh đối diện với ống khói, vì hai thứ đó đều là hung, sẽ tạo ra cục diện hung khắc hung, sẽ tự triệt tiêu lẫn nhau. Tuyệt đối không được đặt lằm tại phương cát, vì sẽ gặp phải tai hoạ khó lường.

PHÒNG Ở

Nguyên văn:

Phòng ở, là các phòng riêng dành cho ông cháu, cha con, chú bác, anh em, tuy phân phòng nhưng không chia bếp, vẫn sống chung dưới một mái nhà, chỉ có điều mỗi phòng một góc đông, tây, nam, bắc khác nhau, có quy định rõ, nếu làm trái quy tắc là hung. Túc trong một căn nhà, dù chỉ chia một hai phòng, không gian có hẹp hòi chật chội, nhưng nếu hợp mệnh vẫn tốt. Như em trai mệnh Đông ở phòng đông, anh trai mệnh Tây ở phòng tây, chắc chắn sẽ có được phúc thọ. Nếu phòng ở không hợp mệnh, sẽ khó tránh khỏi nghèo túng, yếu mệnh.

Giải thích:

Đại gia đình gồm ông cháu, cha con, chú bác, anh em sống chung dưới một khu nhà, nhưng chia phòng ở riêng là một nét văn hoá gia đình truyền thống của Trung Quốc. Đoạn văn trên nhấn mạnh, niên mệnh của các thành viên trong nhà cũng chia thành Đông tứ mệnh và Tây tứ mệnh, các phòng riêng cũng được chia làm Đông, Tây tứ trạch. Nên cần chú ý, người mệnh Đông nên ở phòng Đông, người mệnh Tây nên ở phòng Tây, không được lẫn lộn. Phòng ở hợp mệnh sẽ được phúc thọ, phòng ở trái mệnh dễ nghèo túng chết yếu.

GIƯỜNG

Nguyên văn:

Trong các vấn đề của dương trạch, chỉ có giường ngủ là dễ dàng nhất. Nhà ở có bốn nguyên tắc sau: quan trọng nhất là phải quay về hướng tốt trong bản mệnh, thứ hai là phải hợp với hướng tốt của phòng riêng, thứ nữa là phải có toạ sơn tốt, cuối cùng là phải hợp với nguyên tắc của "*Chiếu thủy kinh*", căn cứ vào hướng của để xác định tính chất cát hung của nhà ở. Thế nhưng bốn nguyên tắc này rất khó toàn vẹn, nên theo những nguyên tắc nào có thể thực hiện được, để hợp với phương vị cát lợi, thì phúc lành cũng chỉ là chuyện sớm muộn mà thôi. Nếu chú tâm bài trí,

dịch chuyển vị trí giường cho đúng, thì việc sinh con phát phúc dễ như trở bàn tay. Nếu như toạ sơn của phòng chính không hợp với bản mệnh, thì nên đặt giường tại những phòng nhỏ, nhà phụ hợp mệnh để ở, còn nhà chính để cho những con cháu hợp mệnh đặt giường ở đó, như vậy sẽ không ai gặp tai hoạ, mà còn được phù trợ.

Giải thích:

Tuy chủ đề của đoạn văn là "*Giường*", nhưng lại mở đầu bằng việc nhấn mạnh bốn nguyên tắc quan trọng của dương trạch: Thứ nhất, phải quay về hướng tốt hợp với trạch mệnh; Thứ hai, nếu chia phòng để ở, phòng ở cũng phải hợp với phương cát trong niên mệnh; Thứ ba, dùng la bàn để xác định rõ phương vị 24 sơn, để tìm phương cát trong toạ sơn, đây lại là một khái niệm khác ở bên ngoài niên mệnh. Thứ tư, phía trước nhà cần có dòng nước chảy đến, hoặc có ao, hồ nước, đó là cục diện cát lợi theo "*Chiếu thủy kinh*". Nhìn chung, nhà ở khó có thể hội tụ đủ cả bốn điều kiện trên. Nếu có một điều kiện nào đó khó thực hiện được, thì có thể điều chỉnh bằng cách chuyển dịch vị trí của giường. Dịch chuyển vị trí giường là phương pháp "rước lành tránh dữ" đơn giản, nhanh gọn và tiết kiệm công sức nhất. Nếu người thuộc Tây tứ mệnh mà đầu giường lại quay về hướng Đông tứ, nên chuyển lại hướng giường theo phương Tây tứ. Hoặc như toạ sơn của phòng chính không hợp với niên mệnh của chủ nhà, thì chủ nhà nên chuyển giường đến phòng ở khác hợp với niên mệnh, còn phòng chính để lại cho những con, cháu hợp mệnh ở.

BẾP LÒ, CỬA LÒ

Nguyên văn:

Người ta thường coi bếp lò là chuyện vặt, mà không biết bếp cũng là một trong năm vấn đề trọng yếu nhất của nhà ở. Nếu bếp đặt ở phương Sinh Khí trong bản mệnh, dễ sinh quái thai hoặc sảy thai, vô sinh, dù có sinh con cái cũng không được thông minh, lại thêm không thu hút được tiền của, không thêm được nhân khẩu, ruộng vườn gia súc tổn thất. Nếu đặt tại phương vị Thiên Y, sẽ bệnh tật triền miên, thể trạng suy nhược, thuốc thang vô hiệu. Nếu đặt tại phương vị Diên Niên, sẽ không sống thọ, việc hôn nhân khó thành, vợ chồng bất hoà, tổn thương nhân khẩu, hao hụt ruộng vườn của cải, nhiều bệnh, nghèo khó. Nếu đặt tại phương vị Phục Vị, sẽ không có của cải, yếu mệnh, nghèo khó suốt đời.

Nếu đặt bếp tại phương vị Phá Quân Tuyệt Mệnh trong bản mệnh, sẽ không bệnh tật, được sống thọ, đông con cháu, phát tài lộc, có nhiều thuộc hạ trợ giúp, không gặp hoả hoạn. Nếu đặt tại phương vị Lục Sát, sẽ phát về người, vương về của, không gặp phải bệnh tật, kiện tụng, không gặp hoả hoạn, gia đình bình yên. Nếu đặt tại phương vị Hoạ Hại, sẽ không tán tài, không mất người, không bệnh tật kiện tụng. Nếu đặt tại phương vị Ngũ Quỷ, sẽ không gặp hoả hoạn, trộm cướp, nô bộc cần cù đắc lực, không bệnh tật, phát tài lộc, ruộng vườn gia súc sinh vượng.

Cần phải đo đạc tính toán nhà cửa đất đai để cố gắng đặt đúng phương vị, không nên lầm lẫn mà lỡ việc. Cần lấy một tờ giấy lớn, rồi đo đạc tỉ mỉ rõ ràng diện tích nền nhà và phòng ốc, sau đó vẽ lại thành sơ đồ, một trượng đất vẽ thành một tấc. Sau đó đem sơ đồ nhà ở chia thành Bát quái Cửu cung, viết rõ hai mươi tư phương hướng, sau đó xác định rõ những phương vị nào nằm ở góc nhà nào, gian nhà nào, như vậy đâu là hướng tốt đâu là hướng xấu đã rõ ràng.

Cửa lò nằm phía dưới bếp lò, là nơi đưa củi vào để đốt lửa, nên hướng về phương cát, sẽ phát phúc nhanh chóng, một vài tháng sẽ ứng nghiệm ngay. Cháu con nổi dõi, giàu nghèo, thọ yếu, bệnh tật tai hoạ, cùng việc ăn uống hàng ngày, đều có gốc từ đây. Ví như người thuộc Đông tứ mệnh, làm cửa bếp lò quay về các hướng đông là cát, quay về các hướng tây là hung; Người thuộc Tây tứ mệnh, làm cửa bếp lò quay về các hướng tây là lành, quay về các hướng đông là dữ. Cửa lò mệnh Tây, nghĩa là khi người ngồi đối diện với cửa lò để thổi cơm, sẽ quay lưng về hướng tây, quay mặt về hướng đông.

Câu nói "đo đạc tỉ mỉ rõ ràng diện tích nền nhà" cực kỳ chí lý. Như nhà toạ Nhâm hướng Bính, thì lấy Nhâm làm trung cung, bên phải là Hợi, lại sang phải là Cấn, lại sang phải là Tuất; Bên trái là Tý, lại sang trái là Quý, lại sang trái là Sửu, còn Cấn nằm tại chỗ đất không bên ngoài tường, tức lệch về phía bắc so với hướng đông nam. Nhà toạ Quý hướng Đinh, thì lấy Quý làm trung cung, bên trái là Sửu, lại sang trái là Cấn, lại sang trái là Dần; Bên phải là Tý, lại sang phải là Nhâm, lại sang phải là Hợi, còn Cấn nằm tại chỗ đất không bên ngoài tường, tức lệch về phía bắc so với hướng đông nam. Từ đó mà suy ra, các phương vị Đông, Tây đã rõ ràng rành mạch. Lại còn có lúc Quý, Đinh, Nhâm, Bính không nằm ở giữa mà lệch trái lệch phải, thì phải lấy hướng lệch đó làm trung cung

Giải thích:

Người xưa thường đắp lò để đun bếp, hình thành bệ bếp lò, có cửa lò bên dưới để đưa củi, than vào đun nấu.

Bếp lò không được đặt ở hướng tốt, đây là vấn đề được nhắc đi nhắc lại trong nhiều đoạn văn của cuốn sách này. Về những hậu quả khi đặt bếp tại các phương vị Sinh Khí, Thiên Y, Diên Niên, Phục Vị, và điểm có lợi khi đặt tại phương vị Ngũ Quỷ, Hoa Hại, Lục Sát, Tuyệt Mệnh đã được trình bày rất rõ trong phần nguyên văn trên đây. Như vậy, bếp lò đặt tại hướng xấu sẽ hoá lành, còn dựa vào phương hung lại gặp cát.

Nhiều người khi xây nhà chỉ chú trọng đến công trình chính, mà không để tâm đến công trình phụ, cho rằng bếp lò là việc vặt, chỉ cần nhà chính hợp toạ hướng, hợp niên mệnh là được. Đây là một quan niệm hết sức sai lầm, dễ dẫn đến tai hoạ. Bởi vậy, cần làm theo hướng dẫn trong đoạn văn trên: Trước khi làm nhà, cần vẽ sơ đồ chi tiết theo đúng phương hướng, vị trí thực tế, xác định rõ toạ sơn, bốn hướng tốt và bốn hướng xấu, từ đó cố gắng bố trí tất cả các công trình

kiến trúc trong nhà cho phù hợp với quy tắc, trong đó vị trí đặt lò và hướng của lò không được phép bỏ qua. Nguyên tắc thực ra rất đơn giản: người thuộc Đông tứ mệnh thì cửa bếp hướng về phía Đông, người thuộc Tây tứ mệnh thì cửa bếp hướng về phía Tây, như vậy là cát lợi.

XÂY BẾP

Nguyên văn:

Đặt bếp phải chọn ngày có được các sao tốt như Thiên Đức, Nguyệt Đức, Ngọc Đường, Sinh Khí, chọn đúng các ngày trực bình, định, thành.

Người thuộc Đông tứ mệnh cần xây bếp hướng về phía nam, đông nam hoặc đông; Người Tây tứ mệnh cần xây bếp hướng về phía tây hoặc tây nam, hướng bếp lấy cửa lò làm chuẩn, nên quay về phương Sinh Khí, sẽ vượng về người. Đặt bếp kỵ các ngày gặp sao xấu Chu Tước Hắc Đạo, Thiên Ôn, Thổ Ôn, Thiên Phú, Thiên Hoả, Độc Hoả, Thập Ác Đại Bại, Chuyển Sát; Cũng kỵ các ngày gặp Cửu Thổ Quỷ, Tứ Phế, Kiến Bá, Bính, Đinh, gặp Ngọ cũng kỵ. Mạc Giảng Sư^[1] trong "Đoán định cát hung khi đặt bếp" có viết: *"Bếp đặt cung Càn ấy diệt môn; Hai hướng Hợi Nhâm hại cháu con; Dần Thân được của Thìn Mão phát; Cấn gặp hoả hoạn Tốn tai ương; Phương Tý, Quý, Khôn đều khốn khổ; Sửu hao gia súc phúc không còn; Ất Bính lợi tầm Canh đại cát; Đặt vào cung Ngọ vượng cháu con; Phương Thân Dậu Đinh nhiều bệnh tật; Cung Tân tiểu cát Tuất khó phân."* Lại viết: *"Nhà sau bếp trước gia đạo hồng. Bếp sau nhà trước cháu con hư"*. Nếu đặt bếp tại các phương vị Mùi, Khôn, Sửu, Cấn phía trước nhà sẽ nảy sinh tai ương quý quái. *"Đặt bếp trước nhà, tìm bệnh chân đau. Đặt bếp dưới xà, mệt mỏi suy nhược. Đặt bếp đối cửa, tốn của hao tài. Bếp gần nhà xí, nhức mắt điên cuồng, tà hại đa đoan. Đặt bếp sau nhà, triển miên tai hoạ. Nhà xí sau bếp, mồ côi goá bụa, tuyệt tử tuyệt tôn. Bếp giếng liền nhau, dâu con bất hoà"*, và *"Bếp tại phương Mão, yếu thọ chết non. Bếp tại mé sau, chỉ sinh khó dưỡng. Bếp tại phương Cấn, gia đạo không dài"*.

Giải thích:

Đoạn văn trên trình bày về việc chọn ngày cất bếp và tầm quan trọng của hướng bếp. Ngày cất bếp nên chọn những ngày gặp sao tốt như Thiên Đức, Nguyệt Đức, Ngọc Đường, và tránh những ngày gặp sao xấu. Người xưa liệt kê ra mười hai sao Hoàng đạo và Hắc đạo, trong đó Hoàng đạo là sao tốt, Hắc đạo là sao xấu. Hoàng đạo gồm Thanh Long, Minh Đường, Kim Quỹ, Thiên Đức, Ngọc Đường, Tư Mệnh; Hắc đạo gồm Thiên Hình, Chu Tước, Bạch Hổ, Thiên Lao, Huyền Vũ, Câu Trăn. Ngoài ra còn rất nhiều loại cát tinh, thần sát khác. Ngày nào bị những sao nào chiếu, ngày nào hợp với những công việc nào, có thể tra trong Lịch Vạn niên.

^[1] Mạc Giảng Sư: Tức Mạc Giảng Sư, là một nhà địa lý rất giỏi thời Nguyên Minh, sau xuất gia, khi tiếp kiến người ngoài thường ngồi sau bức rèm, nên tục gọi là Mạc Giảng Sư (ông thầy ngồi sau rèm).

Đoạn văn có đề cập đến các ngày trực bình, định, ~~tiền~~ thích hợp cho việc đặt bếp. *Trực* là một khái niệm dùng để tính ngày tốt xấu. Có tổng cộng 12 trực, mỗi trực ứng với một ngày, mỗi trực có tính chất tốt xấu khác nhau, thích hợp để thực hiện hoặc không thực hiện những công việc khác nhau, đó là kiến (tốt), trừ (thường), mẫn (tốt), bình (tốt), định (tốt), chấp (thường), phá (xấu), nguy (xấu), thành (tốt), thu (thường), khai (tốt), bế (xấu). Cách tính trực bắt đầu từ tháng Giêng âm lịch, trực kiến là ngày Dần từ tiết Lập xuân trở đi, tiếp đó ngày Mão là trực trừ, ngày Thìn là trực mẫn, cứ thế luân chuyển. Tháng hai âm lịch trực kiến là ngày Mão từ sau tiết Kinh trập. Tháng ba âm lịch trực kiến là ngày Thìn sau tiết Thanh minh...

Thế nhưng khi đặt bếp, quan trọng nhất vẫn là bản mệnh và hướng. Trước tiên cần xác định rõ bản mệnh là Đông hay Tây, sau đó xác định hướng cửa lò. Khi xác định hướng, cần dùng la bàn định rõ phương vị 24 sơn để làm căn cứ. Vì như trong bài ca quyết trích dẫn từ "*Đoán định cát hung khi đặt bếp*" trên đây, bếp đặt phương Hợi, Nhâm tổn hại đến con cháu; Đặt tại phương Cấn tổn để gặp hoả hoạn, ôn dịch; Đặt tại phương Tý, Quý, Khôn một đời khổn khó; Đặt tại phương Sửu tổn hại đến gia súc; Đặt tại phương Tân, Dậu, Đinh ốm yếu đa bệnh; Đặt tại phương Dần, Thân, Thìn, Mão sẽ phát tài; Đặt tại phương Ất, Bính lợi việc tầm tang; Đặt tại phương Canh, Ngọ sẽ cát lợi. Đặt tại phương Tân, Tuất phúc họa lành dữ khó phân.

Phương vị cụ thể để đặt bếp cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, không nên đặt bếp trước nhà ở, trước cổng nhà, cạnh giếng, sau nhà, gần nhà vệ sinh,... tốt nhất là nên chọn phương tốt bên hông nhà hoặc bên góc nhà.

BÀN VỀ HÔN NHÂN

Nguyên văn:

Người Đông tứ mệnh lấy vợ Đông tứ mệnh, sẽ đông con, nhiều phúc. Nếu lấy lầm vợ Tây tứ mệnh, sẽ khó khăn về đường con cháu, vợ chồng bất hoà, kém về tài lộc. Ví dụ nam mệnh Khảm lấy nữ mệnh Tốn, Tốn là hướng Sinh Khí của mệnh Khảm, nên vợ có thể sinh đến năm con trai, ăn ở hài hoà, giúp được chồng, vun vén tốt gia đình. Nếu nam mệnh Khảm lấy nữ mệnh Cấn, thì Cấn là hướng Ngũ Quỷ của mệnh Khảm, tuy có sinh được hai con trai, nhưng chồng vợ bất hoà, nghèo khó.

Người xưa thường nói: "*Tham Lang năm trai Cự ba chàng; Vũ Khúc Kim tinh được bốn nam; Ngũ Quỷ Liêm Trinh trai hai đứa; Phụ Bát chỉ còn nửa phần nam; Văn Khúc Thuỷ tinh duy một gã; Phá Quân Tuyệt Mệnh chỉ có đơn; Lộc Tồn không con người sống thọ; Sinh khắc dữ lành phải xem tường*", nên chọn vợ hợp mệnh là có căn cứ, cũng như có được lai lộ hay hướng bếp hợp mệnh, sẽ có thể suy đoán được đường con cháu suy hay vượng, đứt hay nối. Như chồng Cấn vợ Đoài, vợ được hướng Sinh Khí, nên sinh năm con, nhưng Cấn Kim và Đoài Kim đối chọi với nhau, nên chủ bất hoà.

Nếu lấy vợ mệnh Khôn, sẽ được hưởng Diên Niên, nên sinh bốn con trai, vợ chồng hoà mục. Cũng có người cho rằng "Cần Khôn là hoà hợp nhất", sẽ sinh được sáu con trai.

Nếu lấy vợ mệnh Cần, sẽ là hưởng Thiên Y của chồng, có ba con trai. Nếu lấy vợ mệnh Cần, là hưởng Phục Vị của chồng, chỉ sinh được một nữ. Nếu lấy vợ mệnh Ly, là hưởng Tuyệt Mệnh của chồng, sẽ không có con cái. Lại thêm hành Hoả của Ly khắc hành Kim của Cần, sẽ dẫn đến tình trạng chồng sợ vợ.

Nếu lấy vợ mệnh Khảm, là hưởng Lục Sát của chồng, chỉ một con mà vợ chồng tranh chấp.

Nếu lấy vợ mệnh Chấn, là hưởng Ngũ Quỷ của chồng, được hai con mà khó phát tài. Lại thêm Cần khắc Chấn, tức chồng hiếp đáp vợ.

Nếu lấy vợ mệnh Tốn là hưởng Hoạ Hại của chồng, thì chẳng khác gì dòng nước xâm thực, vợ lười thường bị chồng lãng nhệch.

Vợ Lộc Tồn (Hoạ Hại) không có con, vợ chồng được trường thọ. Các mệnh khác đều loại suy từ đây.

Nhưng cần phải tính đến sự sinh khắc, cát hung của các sao, xem có đúng vị trí (đắc vị) hay không, để tìm cách cứu chữa, may ra có thể rộng đường con nối, thêm điều cát lợi. Phương pháp tính mệnh vợ chồng theo cách này còn có ích hơn so với phép tính "Lã Tài hợp hôn"^[1] trong lịch "*Thông thảng*", ta nhiều lần tính thử, đều thấy phương pháp này là chính xác và ứng nghiệm hơn hết. Người đời khi tính chuyện hôn phối, trước hết cũng nên lưu ý đến vấn đề này.

Chú thích: Phương pháp tính "Lã Tài hợp hôn" về cơ bản cũng xuất phát từ bài về "*Du niên ca*", nên các khái niệm Sinh Khí, Thiên Y, Ngũ Quỷ, Tuyệt Mệnh đều tương tự. Trong cách tính "Lã Tài hợp hôn", Phúc Đức chính là Diên Niên, Quý Hôn chính là Phục Vị, Du Hôn chính là Lục Sát, Tuyệt Thế chính là Hoạ Hại, tên gọi tuy khác nhưng bản chất tương đồng. Thế nhưng kiểm tra những số của Cửu cung ghi phía dưới mỗi cung, thì thấy số của Sinh Khí, Du Hôn, Tuyệt Mệnh, Quý Hôn đều trùng khớp, nhưng số của Phúc Đức, Thiên Y, Tuyệt Thế, Ngũ Quỷ đều sai lệch, đó là do người sau lấy ngoa truyền ngoa, không khảo cứu nguồn gốc, chỉ bắt chước theo chứ không hiểu biết.

Lại không hiểu trong Bát quái thì Cần, Đoài sinh từ Thái dương; Ly, Chấn sinh từ Thiếu âm; Tốn, Khảm sinh từ Thiếu dương; Cần, Khôn sinh từ Thái âm; Tức hai Thái sinh ra Tây tứ, hai Thiếu sinh ra Đông tứ, đó chính là nguồn gốc của sự phân chia mệnh quẻ và trạch mệnh. Mà tính chất cát hung của các sao, đều là

^[1] Phép tính Lã Tài hợp hôn: Một phương pháp tính toán mức độ phù hợp của hôn nhân do Lã Tài đời Đường xác lập nên, dựa trên cung mệnh Cửu cung của người nam và người nữ, nhằm làm căn cứ để từ chối các yêu sách cầu hôn của ngoại tộc với tông thất nhà Đường.

các quả biến hoá mà ra, xét về lý cố nhiên có căn cứ, xét về số cũng có gốc để tra xét, có sao lại lầm lẫn cái nguồn mà làm rối cái ngọn? Nên cần phải làm đính chính, phụ thêm vào phía sau.

Còn về cách tính Giáp Tý Thượng nguyên xuất phát từ cung 1, sách "*Thời hiến*" hiện nay không ghi chép về số cung mệnh nam nữ để tính toán hôn nhân, mà quan niệm xưa cho rằng Thượng nguyên xuất phát từ cung 7, khác với cách tính ngày nay. Cũng có người nói rằng, khảo sát trong sách "*Trúc thư kỷ niên*", thấy thời gian có sai lệch một nguyên, năm Giáp Tý Khang Hy là bắt đầu Hạ nguyên. Không biết là ai đúng ai sai, nên rút cuộc vẫn lấy lịch "*Thời hiến*" làm chuẩn.

Giải thích:

Đoạn văn này đã chuyển sang trình bày về một vấn đề khác, đó là hôn nhân. Phái Bát Trạch cho rằng, hôn nhân cũng gắn liền với cung mệnh, nguyên tắc chung vẫn là nam Đông tứ mệnh nên lấy vợ Đông tứ mệnh, nam Tây tứ mệnh nên lấy vợ Tây tứ mệnh. Dưới đây là những sự kết hợp tốt, đúng mệnh:

Nam mệnh Khảm lấy nữ mệnh Tốn, Nam mệnh Tốn lấy nữ mệnh Khảm;

Nam mệnh Càn lấy nữ mệnh Đoài, Nam mệnh Đoài lấy nữ mệnh Càn;

Nam mệnh Ly lấy nữ mệnh Chấn, Nam mệnh Chấn lấy nữ mệnh Ly;

Nam mệnh Cấn lấy nữ mệnh Khôn, Nam mệnh Khôn lấy nữ mệnh Cấn;

Nam mệnh Càn lấy nữ mệnh Khôn, Nam mệnh Khôn lấy nữ mệnh Càn;

Nam mệnh Khôn lấy nữ mệnh Đoài, Nam mệnh Đoài lấy nữ mệnh Khôn;

Nam mệnh Chấn lấy nữ mệnh Khảm, Nam mệnh Khảm lấy nữ mệnh Chấn;

Nam mệnh Chấn lấy nữ mệnh Tốn, Nam mệnh Tốn lấy nữ mệnh Chấn;

Nam mệnh Càn lấy nữ mệnh Cấn, Nam mệnh Cấn lấy nữ mệnh Càn;

Nam mệnh Tốn lấy nữ mệnh Ly, Nam mệnh Ly lấy nữ mệnh Tốn;

Nam mệnh Đoài lấy nữ mệnh Cấn, Nam mệnh Cấn lấy nữ mệnh Đoài;

Nam mệnh Ly lấy nữ mệnh Khảm, Nam mệnh Khảm lấy nữ mệnh Ly;

Nam mệnh Càn lấy nữ mệnh Càn, Nam mệnh Tốn lấy nữ mệnh Tốn;

Nam mệnh Đoài lấy nữ mệnh Đoài, Nam mệnh Khảm lấy nữ mệnh Khảm;

Nam mệnh Ly lấy nữ mệnh Ly, Nam mệnh Cấn lấy nữ mệnh Cấn;

Nam mệnh Chấn lấy nữ mệnh Chấn, Nam mệnh Khôn lấy nữ mệnh Khôn;

Những kết hợp khác đều là không tốt.

Người xưa rất coi trọng con nối dõi, tục ngữ có câu: "Bất hiếu giả tam, vô hậu vi đại" (bất hiếu có ba điều, không có con là bất hiếu nhất). Vì vậy theo quan niệm của người xưa, số lượng con cái nhiều hay ít chính là một tiêu chuẩn cực kỳ quan trọng để đánh giá độ mỹ mãn của một cuộc hôn nhân. Do đó, khi tính toán về hôn sự, người xưa thường nghiêng về lựa chọn những cặp đôi kết hợp lợi về đường con cái, như nam mệnh Càn lấy nữ mệnh Đoài, được hưởng Sinh Khí, số mệnh sẽ được năm con trai. Chỉ có điều Càn thuộc Kim, Đoài cũng thuộc Kim, hai Kim đối chọi nhau, chủ về chồng vợ bất hoà. Nam mệnh Càn lấy vợ mệnh Khôn, hoặc nam mệnh Khôn lấy vợ mệnh Càn là những kết hợp lý tưởng nhất, vì Càn cha Khôn mẹ vốn là tiêu chuẩn của vũ trụ, sẽ đông con nhiều phúc. Có nhiều sự kết hợp không những không có con nối dõi, mà còn chủ về chồng sợ vợ, như nam mệnh Càn lấy vợ mệnh Cấn là một kết hợp rất xấu, không những không có cả con trai lẫn con gái, mà chồng còn bị vợ khinh khi.

TÌM THÁNG TỐT CHO HÔN NHÂN THEO MỆNH NỮ

(Nếu ở rể tính theo mệnh nam)

	Tý Ngọ	Sửu Mùi	Dần Thân	Mão Dậu	Thìn Tuất	Ty Hợi
Tháng tốt	6, 12	5, 11	2, 8	1, 7	4, 10	3, 9
Mai mối bất lợi	1, 7	4, 10	3, 9	6, 12	5, 11	2, 8
Khắc cha mẹ chồng (nếu đã mất thì không kiêng)	2, 8	3, 9	4, 10	5, 11	6, 12	1, 7
Khắc cha mẹ (nếu đã mất thì không kiêng)	3, 9	2, 8	5, 11	4, 10	1, 7	6, 12
Khắc chồng	4, 10	1, 7	6, 12	3, 9	2, 8	5, 11
Bản thân bất lợi	5, 11	6, 12	1, 7	2, 8	3, 9	4, 10

Giải thích:

Trên đây là bảng tra cứu tháng tốt và tháng xấu đối với việc hôn nhân, căn cứ vào năm sinh của người nữ. Nếu là người nam ở rể nhà vợ, thì sẽ căn cứ vào năm sinh của người nam.

Bảng tra trên đây chỉ căn cứ vào địa chi, chứ không xét đến thiên can, bởi vậy, người sinh các năm Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý đều được quy vào năm Tý. Bảng tra chia các năm sinh thành sáu nhóm Tý Ngọ, Sửu Mùi, Dần Thân, Mão Dậu, Thìn Tuất, Ty Hợi như trên. Bên dưới lần lượt là những tháng tốt, tháng xấu không có lợi cho mai mối cưới gả, tháng khắc cha mẹ chồng, tháng khắc cha mẹ, tháng khắc chồng và tháng bất lợi cho chính bản thân cô dâu. Các tháng ở đây đều tính theo âm lịch.

Ví dụ, người nữ sinh năm Giáp Dần, nên tra cột "Dần Thân" trong bảng. Bất kể sinh vào năm nào, thì tháng tốt nhất cho việc cưới hỏi là tháng 2 và tháng 8, kỵ cưới xin mai mối vào tháng 3 và tháng 9; Tháng 4 và tháng 10 bất lợi cho cha mẹ bên chồng; Tháng 5 và tháng 10 bất lợi cho cha mẹ bên mình; Tháng 6, tháng Chạp khắc chồng; Tháng Giêng, tháng 7 bất lợi cho bản thân người nữ. Mỗi mục tốt, xấu đều liệt kê hai tháng, tháng đứng trước là tháng đại cát hoặc đại khắc, tháng đứng sau là tiểu cát, tiểu khắc. Đây mới chỉ là tính về tháng, ngoài ra, năm cũng có năm lành năm dữ, ngày cũng có ngày tốt ngày xấu, đều cần phải tính toán chu toàn.

HOÀ THƯỢNG SÁT

(Tính theo mệnh nam)

Người sinh vào năm Tỵ, Ngọ, Mùi kỵ ngày Thân, Tý, Thìn; Người sinh vào năm Thân, Dậu, Tuất, kỵ ngày Hợi, Mão, Mùi; Người sinh vào năm Hợi, Tý, Sửu, kỵ ngày Dần, Ngọ, Tuất; Người sinh vào năm Dần, Mão, Thìn kỵ ngày Tỵ, Dậu, Sửu, vì sẽ phạm phải "Hoà Thượng sát", hay "Cô Thân Quả Tú sát" và Tam Sát trong bản mệnh, nếu phạm phải sẽ tuyệt đường con cái. Phần này chỉ bàn về mệnh người nam, không bàn về mệnh người nữ, chỉ có phần tính tháng tốt tháng xấu là lấy mệnh người nữ làm chuẩn, nhưng "hoà thượng" là dành cho người nam, nếu luận theo mệnh người nữ là sai lầm. Nếu như được cả nam và nữ không phạm sát thì càng tốt đẹp hơn.

Giải thích:

Đoạn văn trên trình bày về những ngày kỵ đối với việc hôn nhân tính theo năm sinh của người nam. Nếu lấy vợ trong những ngày kỵ, ngày xấu này, sẽ không có con, nên người xưa gọi đó là "Hoà Thượng sát". Cô Thân Quả Tú sát là bộ đôi thần sát gồm sao Cô Thân và sao Quả Tú, gọi tắt là Cô Quả, chủ về cô đơn, phân ly.

Tam sát, tức tổ hợp cặp ba Kiếp Sát, Tai Sát và Tuế Sát. Những trường hợp trên đây phạm vào Tam Sát, vì Dần, Ngọ, Tuất là phương nam, thuộc hành Hoả, nên sẽ xung khắc với phương bắc là Hợi, Tý, Sửu, tức Hợi, Tý, Sửu là Tam Sát của Dần, Ngọ, Tuất (Hợi là Kiếp Sát, Tý là Tai Sát, Sửu là Tuế Sát). Thân Tý Thìn là hành Thủy, vượng ở phương bắc, nên Tỵ, Ngọ, Mùi tại phương nam là Tam Sát của Thân, Tý, Thìn. Hợi, Mão, Mùi thuộc hành Mộc, vượng tại phương đông, nên Thân, Dậu, Tuất tại phương tây là Tam Sát của Hợi, Mão, Mùi. Tỵ, Dậu, Sửu thuộc hành Kim, vượng tại tây, nên Dần, Mão, Thìn tại phương đông là tam sát của Tỵ, Dậu, Sửu.

Căn cứ vào những trường hợp nên tránh trên đây, thì người nam sinh năm Kỷ Tỵ không nên lấy vợ vào những ngày Giáp Thân, Giáp Tý, Giáp Thìn, Bính Thân, Bính Tý, Bính Thìn, Mậu Tý, Mậu Thân, Mậu Thìn, Canh Tý, Canh Thân, Canh Thìn, Nhâm Tý, Nhâm Thân, Nhâm Thìn, tức tất cả những ngày có địa chi là Thân, Tý, Thìn.

CÔ HƯ SÁT TRONG THÁNG CƯỚI GẢ CỦA NAM NỮ

Tuần Giáp Tý	Tháng 9, 10	Tháng 3, 4
Tuần Giáp Tuất	Tháng 7, 8	Tháng 1, 2
Tuần Giáp Thân	Tháng 5, 6	Tháng 11, 12
Tuần Giáp Ngọ	Tháng 4, 5	Tháng 9, 10
Tuần Giáp Thìn	Tháng 1, 2	Tháng 7, 8
Tuần Giáp Thân	Tháng 11, 12	Tháng 5, 6

Khúc Cước sát: nhập mệnh người sinh năm Kỷ Tý, Đinh Tý, Ất Tý, chủ về khắc vợ.

Giải thích:

Cô Hư và Khúc Cước đều là thuật ngữ trong tướng mệnh học, chỉ hai thần sát Cô Hư sát và Khúc Cước sát. Phạm phải Cô Hư sát sẽ cả đời cô độc, khổ sở; Đền ông phạm vào Khúc Cước sát chủ về khắc vợ.

Khoảng thời gian sáu mươi năm của một nguyên được chia làm 6 tuần, mỗi tuần gồm 10 năm, tức một vòng thiên can. Như tuần Giáp Tý là vòng thiên can đầu tiên gồm Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu.

ÂM DƯƠNG GIAO TẠP

Nguyên văn:

Âm dương giao tạp chớ hôn nhân;
Tân Mão Nhâm Thìn sang Quý Tý;
Bính Ngọ Đinh Mùi đến Mậu Thân;
Tân Dậu Canh Tuất lại Quý Hợi;
Bính Tý Đinh Sửu tiếp Mậu Dần;
Mười hai cung đó chớ nhận lầm.

Giải thích:

Bài về trên nhấn mạnh rằng, âm dương không nên giao tạp lẫn nhau. Trong sáu mươi hoa giáp của vòng Giáp Tý, có 12 cặp can chi Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Tý, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Tân Dậu, Canh Tuất, Quý Hợi, Bính Tý, Đinh Sửu, Mậu Dần thuộc trường hợp này. Trong những ngày đó, tốt nhất không nên tổ chức hôn lễ.

BẢNG LÃ TÀI HỢP HÔN

Sinh Khí				Phúc Đức			
8	6	3	1	7	6	4	1
2	7	9	4	8	2	3	9
2	7	9	4	8	2	3	9
8	6	3	1	7	6	4	1
Quy Hôn				Thiên Y			
4	3	2	1	4	7	3	6
4	3	2	1	9	2	1	8
9	8	7	6	9	2	1	8
9	8	7	6	4	7	3	6
Ngũ Quỷ				Du Hôn			
7	3	2	1	9	7	3	1
9	6	4	8	2	4	8	6
9	6	4	8	2	4	8	6
7	3	2	1	9	7	3	1
Tuyệt Mệnh				Tuyệt Thế			
6	4	3	1	6	9	3	1
9	8	7	2	4	8	2	7
9	8	7	2	4	8	2	7
6	4	3	1	6	9	3	1

Phúc Đức tức Diên Niên, Du Hôn tức Lục Sát, Tuyệt Thế tức Hoạ Hại, Quy Hôn tức Phục Vị.

Nếu hợp với các cung Phúc Đức, Sinh Khí, Thiên Y là hôn sự đại cát, chủ về con cháu hưng thịnh. Nếu rơi vào các cung Du Hôn, Quy Hôn, Tuyệt Thế là hôn sự trung bình, nếu biết cân nhắc sắp xếp, thì cũng cát lợi. Nếu rơi vào cung Ngũ Quỷ, sẽ cãi vã tranh chấp liên miên; Rơi vào cung Tuyệt Mệnh, hậu hoạ khôn lường, đều là hôn sự xấu, nếu tránh được là tốt nhất. Nên đây là chuyện không thể không biết.

Giải thích:

Bảng "Lã Tài hợp hôn" là bảng tra về kết hợp hôn nhân dựa trên chín cung mệnh của người nam và người nữ, do Lã Tài thời Đường lập ra. Chín cung mệnh (Cửu cung), vẫn là Khảm 1, Khôn 2, Chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Càn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9; nam gặp Trung cung gởi mệnh Khôn, nữ gặp Trung cung gởi mệnh Cấn. Nên các con số từ 1 đến 9 trong bảng tra "Lã Tài hợp hôn" cũng dùng để chỉ các cung mệnh Khảm, Khôn, Chấn, Tốn, Càn, Đoài, Cấn, Ly. Bảng "Lã Tài hợp hôn" liệt kê ra tất cả các cặp đôi kết hợp giữa cung mệnh của người nam và người nữ, và xếp chúng vào tám nhóm, mỗi nhóm ứng với một sao, tức Phúc Đức (Diên Niên), Sinh Khí, Thiên Y, Quý Hôn (Phục Vị), Lục Sát, Du Hôn (Ngũ Quỷ), Tuyệt Thế (Hoạ Hại), Tuyệt Mệnh. Mỗi nhóm gồm 8 cặp kết hợp, mỗi cặp tương ứng với một ô gồm hai số tương ứng với cung mệnh của người nam và người nữ. Mỗi nhóm kết hợp đều có những tính chất tốt, xấu khác nhau như sau:

Hôn nhân Diên Niên: Chủ về trường thọ, hạnh phúc, vợ chồng hoà hợp, phúc đức đầy đặn, trọn đời an Khang. Đây là kết hợp thượng cát. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

- 1-9: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Ly; 9-1: Nam mệnh Ly nữ mệnh Khảm;
- 4-3: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Chấn; 3-4: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Tốn;
- 6-2: Nam mệnh Càn nữ mệnh Khôn; 2-6: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Càn;
- 7-8: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Cấn; 8-7: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Đoài.

Hôn nhân Sinh Khí: Chủ về đông con, nhiều phúc, con cháu hiếu thuận, phúc lộc đủ đầy, cũng là kết hợp thượng cát. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

- 1-4: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Tốn; 4-1: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Khảm;
- 3-9: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Ly; 9-3: Nam mệnh Ly nữ mệnh Chấn;
- 6-7: Nam mệnh Càn nữ mệnh Đoài; 7-6: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Càn;
- 8-2: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Khôn; 2-8: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Cấn.

Hôn nhân Thiên Y: Tránh d ịch tai hoạ, bệnh tật, trộm cướp, trọn đời bình an, con cháu hoà thuận, vợ chồng chung thuỷ, cũng là kết hợp thượng cát. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

- 6-8: Nam mệnh Càn nữ mệnh Cấn; 8-6: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Càn;
- 3-1: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Khảm; 1-3: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Chấn;
- 7-2: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Khôn; 2-7: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Đoài;
- 4-9: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Ly; 9-4: Nam mệnh Ly nữ mệnh Tốn.

Hôn nhân Lục Sát: Chủ về gặp dữ hoá lành, vợ chồng hoà thuận, tuy không giàu có nhưng cũng đủ ăn đủ mặc, là kết hợp trung bình. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

1-6: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Càn; 6-1: Nam mệnh Càn nữ mệnh Khảm;

3-8: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Cấn; 8-3: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Chấn;

7-4: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Tốn; 4-7: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Đoài;

9-2: Nam mệnh Ly nữ mệnh Khôn; 2-9: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Ly.

Hôn nhân Hoạ Hại: Chủ về gặp dữ hoá lành, tai qua nạn khỏi, tuy vất vả bận rộn, nhưng mức sống được trung bình, là kết hợp trung bình. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

1-7: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Đoài; 7-1: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Khảm;

3-2: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Khôn; 2-3: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Chấn;

9-8: Nam mệnh Ly nữ mệnh Cấn; 8-9: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Ly;

6-4: Nam mệnh Càn nữ mệnh Tốn; 4-6: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Càn.

Hôn nhân Phúc Vĩ: Chủ một đời phảng lảng, có cả con trai con gái, gia đình hoà thuận, không gặp nguy hiểm, là sự kết hợp trung bình. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

1-1: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Khảm; 6-6: Nam mệnh Càn nữ mệnh Càn;

2-2: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Khôn; 7-7: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Đoài;

3-3: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Chấn; 8-8: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Cấn;

4-4: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Tốn; 9-9: Nam mệnh Ly nữ mệnh Ly.

Hôn nhân Ngũ Quỷ: Chủ về tranh chấp thị phi, cuộc sống bất ổn, hàng xóm bất hoà, thường gặp kiện tụng, là kết hợp thú hung. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

1-8: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Cấn; 8-1: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Khảm;

2-4: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Tốn; 4-2: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Khôn;

3-6: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Càn; 6-3: Nam mệnh Càn nữ mệnh Chấn;

7-9: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Ly; 9-7: Nam mệnh Ly nữ mệnh Đoài.

Hôn nhân Tuyệt Mệnh: Chủ về vận mệnh trắc trở, cuộc sống vất vả, gian nan, vợ chồng ly tán, tai hoạ triền miên, là kết hợp đại hung. Nhóm hôn nhân này gồm các cặp kết hợp sau:

1-2: Nam mệnh Khảm nữ mệnh Khôn; 2-1: Nam mệnh Khôn nữ mệnh Khảm;

3-7: Nam mệnh Chấn nữ mệnh Đoài; 7-3: Nam mệnh Đoài nữ mệnh Chấn;

4-8: Nam mệnh Tốn nữ mệnh Cấn; 8-4: Nam mệnh Cấn nữ mệnh Tốn;

6-9: Nam mệnh Càn nữ mệnh Ly; 9-6: Nam mệnh Ly nữ mệnh Càn.

SỐ CUNG MỆNH TAM NGUYÊN CỦA NAM NỮ

		Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân
		Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ
		Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần
		Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi
		Canh Tỵ	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân
		Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ
		Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi			
Thượng nguyên	Nam	7	6	5	4	3	2	1	9	8
	Nữ	5	6	7	8	9	1	2	3	4
Trung nguyên	Nam	1	9	8	7	6	5	4	3	2
	Nữ	2	3	4	5	6	7	8	9	1
Hạ nguyên	Nam	4	3	2	1	9	8	7	6	5
	Nữ	8	9	1	2	3	4	5	6	7

Trên đây là bảng tra hợp hôn dựa trên cung mệnh Tam nguyên của người nam và người nữ chép trong lịch "*Thông thảng*", các số cung mệnh trong bảng này khác với bảng tra của lịch "*Thời hiến*", nên phụ thêm vào đây để tham khảo.

Giải thích:

"*Thông thảng*" hay "*Thông thư*" tức "*Tượng cát thông thư*", một cuốn toàn thư về tướng mệnh học có địa vị khá quyền uy tại Trung Quốc thời cổ đại, bảng tra trên đây được trích từ cuốn sách này.

Bảng trên được chia thành hai phần, nửa trên là sáu mươi cặp can chi thể hiện năm sinh của cả nam và nữ, như Giáp Tý, Ất Sửu,... Phần dưới liệt kê số cung mệnh của người nam, người nữ trong ba nguyên thượng, trung, hạ. Tương ứng giữa số và cung mệnh vẫn là Khảm 1, Khôn 2, Chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Càn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9; nam gặp Trung cung gởi mệnh Khôn, nữ gặp

Trung cung gửi mệnh Cấn. Ví dụ: nam sinh năm Kỷ Tỵ thuộc Hạ nguyên, tra hàng dọc là Kỷ Tỵ, hàng ngang là Hạ nguyên - nam, được số 8, tức mệnh Cấn.

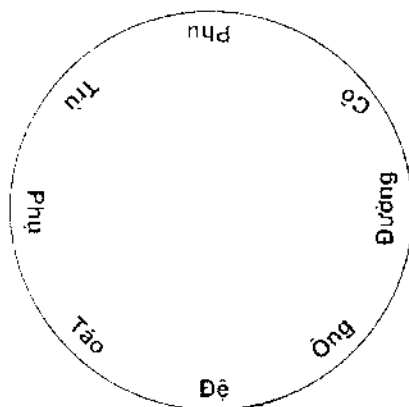
Một điều nữa cần nói rõ là, bảng tra cứu trên được chép trong "*Tượng cát thông thư*", so với bảng tra cung mệnh Tam nguyên nam nữ hợp hôn trong một bộ sách tướng số khác là "*Thời hiến thư*" có nhiều điểm bất đồng, nên dưới đây phụ thêm bảng tra cung mệnh Tam nguyên nam nữ trong sách "*Thời hiến*", để bạn đọc tiện tham khảo. (Chú ý: nam gặp Trung cung 5 gửi Khôn 2, nữ gặp Trung cung 5 gửi Cấn 8).

BẢNG TRA CUNG MỆNH TAM NGUYÊN NAM NỮ HỢP HÔN

(Trích trong lịch Thời hiến)

Can chi năm sinh của nam nữ							Thượng nguyên		Trung nguyên		Hạ nguyên	
							Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Giáp Tý	Quý Dậu	Nhâm Ngọ	Tân Mão	Canh Tý	Kỷ Dậu	Mậu Ngọ	1	5	4	2	7	8
Ất Sửu	Giáp Tuất	Quý Mùi	Nhâm Thìn	Tân Sửu	Canh Tuất	Kỷ Mùi	9	6	3	3	6	9
Bính Dần	Ất Hợi	Giáp Thân	Quý Tỵ	Nhâm Dần	Tân Hợi	Canh Thân	8	7	2	4	5	1
Đinh Mão	Bính Tý	Ất Dậu	Giáp Ngọ	Quý Mão	Nhâm Tý	Tân Dậu	7	8	1	5	4	2
Mậu Thìn	Đinh Sửu	Bính Tuất	Ất Mùi	Giáp Thìn	Quý Sửu	Nhâm Tuất	6	9	9	6	3	3
Kỷ Tỵ	Mậu Dần	Đinh Hợi	Bính Thân	Ất Tý	Giáp Dần	Quý Hợi	5	1	8	7	2	4
Canh Ngọ	Kỷ Mão	Mậu Tý	Đinh Dậu	Bính Ngọ	Ất Mão		4	2	7	8	1	5
Tân Mùi	Canh Thìn	Kỷ Sửu	Mậu Tuất	Đinh Mùi	Bính Thìn		3	3	6	9	9	6
Nhâm Thân	Tân Tỵ	Canh Dần	Kỷ Hợi	Mậu Thân	Đinh Tý		2	4	5	1	8	7

ĐỒ HÌNH GIÁ THÚ CHU ĐƯỜNG



Phạm là chọn ngày cưới gả, nếu là tháng đủ thì đếm xuôi chiều từ "Phu", nếu là tháng thiếu thì đếm ngược chiều từ "Phụ", nếu chọn những ngày rơi vào "Đường", "Đệ", "Trù", "Táo" là đại cát; Nếu ngày được chọn rơi vào "Ông", "Cô" cũng tạm được.

Giải thích:

Trên đây là đồ hình "Giá thú chu đường" chép trong sách "*Thông thư*", đây là một đồ hình dùng để tính toán ngày tốt để cưới gả. Các khái niệm xuất hiện trong đồ hình có nghĩa là: Phu: chồng; Cô: mẹ chồng; Đường: nhà; Ông: bố chồng; Đệ: em trai; Táo: bếp lò; Phụ: vợ; Trù: nhà bếp.

Nếu gặp tháng đủ, thì đếm từ "Phu" xuôi chiều kim đồng hồ; Nếu gặp tháng thiếu, thì đếm từ "Phụ" ngược chiều kim đồng hồ. Ví dụ, tháng Chạp năm Mậu Tý 2008 là tháng đủ, nên tính xuôi chiều kim đồng hồ bắt đầu từ "Phu". Rơi vào "Đường" có các ngày 11, 19, 27; Rơi vào "Đệ" có các ngày 5, 13, 21, 29; Rơi vào "Táo" có các ngày 6, 14, 22, 30; Rơi vào "Trù" có các ngày 8, 16, 24, đều là ngày cát lợi cho cưới gả.

PHÂN TÍCH NHỮNG SAI LẦM TRONG CÁCH TÍNH NAM NỮ HỢP HÔN

Nguyên văn:

Về những sai lầm trong chuyện hợp hôn, Trương Thần Phong^[1] nói rằng đã có từ rất lâu rồi, nhưng các nhà tướng mệnh học lại cứ bắt chước theo. Đạo bắt đầu từ cuốn sách "*Hiển thư*" khởi nguồn cho Bát trạch không có gì là không chính xác. Áp

^[1] Trương Thần Phong: Túc Trương Nam, nhà mệnh lý học nổi tiếng đời Minh.

dụng vào hợp hôn nam nữ, ứng nghiệm như thần. Nếu có điều gì không chuẩn, cần phải chuyển dịch hướng giường hướng bếp. Nhằm mở rộng đường nối dõi, thực không có phương pháp nào khác tốt bằng, nên mới lấy phương pháp này để tiến hành cải chính.

Từ số cung mệnh của nam nữ để suy ra niên mệnh, để tính toán sự tốt xấu của hôn nhân, phân chia thành Đông tứ, Tây tứ, định rõ hướng cát hướng hung của phòng ở, phân tả hữu để đặt giường mở cửa, dịch chuyển theo đúng hướng niên mệnh. Làm bếp đặt lò, xoay chuyển Càn Khôn trong lòng bàn tay, thần kỳ khó lường, biến vận tám phương. Bỗng dưng vấp phải đám man mọi, lại gặp Lã Tài đảo lộn tốt xấu, lật lọng cát hung để lừa gạt man di, nhưng lại gieo mối họa đến muôn đời. Nên nay đặc biệt tiến hành đính chính, để xác định lại chuẩn tắc, cho mọi người cùng nhận biết được điểm sai lầm về thuyết sinh mệnh và chỗ lệch lạc trong thuyết hợp hôn nam nữ.

Giả dụ nam mệnh Khảm nếu mở cửa nhà và quay hướng bếp về phương Tốn, cũng như lấy vợ mệnh Tốn, đều là được hướng Sinh Khí, con cái đề huề, gia đình phú quý. Từng có người nam mệnh Khảm lấy vợ mệnh Đoài, do mệnh vợ phạm phải hướng Hoạ Hại Lộc Tồn trong cung mệnh chồng, nên không có con. Người đó cho rằng mệnh phạm phải Cô Thần, nên tìm phương thuật để cứu vãn. Thấy tướng mệnh bèn bảo rằng: "Anh về đổi lại hướng bếp theo phương Tốn đông nam là phương cứu tinh cho mệnh Khảm của anh, sẽ được hướng sao Sinh Khí, ăn bếp ấy ắt sẽ có con. Lại xoay cửa lò phụ hoặc bếp lò nhỏ quay về hướng Càn, để vợ một mình nấu ăn bếp đó, thì vợ cũng có được hướng Sinh Khí trong bản mệnh của vợ, ắt cũng có con". Người này làm theo, quả nhiên sinh được năm trai. Cách này lần nào cũng ứng nghiệm.

Phàm là sinh trước tháng 7 đều tính theo Thượng nguyên.

Giải thích:

"Thuyết hợp hôn" xuất hiện khá muộn trong tướng mệnh học, trước thời Đường vẫn chưa có thuyết này. Sau thời Ngụy Tấn, các bộ tộc thiểu số ở phía Tây Trung Quốc ồ ạt tiến vào vùng Trung nguyên. Đến đời Đường, rất nhiều bộ tộc thiểu số đến cầu hôn với hoàng thất và con cháu các đại thần trong triều Đường. Vì không muốn thiết lập nhiều mối quan hệ thông hôn với họ, Đường Thái Tông đã lệnh cho Lã Tài lập ra một "bảng hợp hôn" để có căn cứ hợp lý nhằm loại bớt yêu sách cầu hôn của họ. Bảng hợp hôn của Lã Tài vì đó còn có tên gọi là "Giảm Man kinh" (tức hạn chế man di). Bởi vậy, sự ra đời của nó mang tính mục đích hết sức cụ thể, rõ ràng, hoàn toàn không phải xuất phát từ vấn đề hợp hôn cưới gả đơn thuần. Nhưng thời gian lâu dần, do tính chất lịch sử đã phai mờ, người đời sau quên đi mục đích chính trị của nó, mà khinh suất tin theo, cho đó là thiên kinh địa nghĩa, và vận dụng rộng rãi, truyền lại sai lầm cho các đời sau. Các nhà mệnh lý học thời xưa đã nhiều lần giải thích về vấn đề này. Bởi vậy, chúng ta không nên tin theo thuyết "Lã Tài hợp hôn".

Phái Bát Trạch không hoàn toàn phủ nhận thuyết hợp hôn, mà muốn chỉnh sửa, đính chính lại những chỗ "dảo lộn tốt xấu, lật lọng cát hung" của Lã Tài. Tương truyền hoà thượng Nhất Hạnh đời Đường khi tiến hành chú giải cho bản "Lã Tài hợp hôn" đã phát hiện ra những chỗ sai lầm "cố ý" của Lã Tài, nên đã ngầm đưa ra chú giải, đính chính dưới dạng gợi ý bằng câu đối. Các nhà tướng mệnh học đời sau phần lớn đều dựa vào những đính chính của Nhất Hạnh để tính toán chuyện nam nữ hợp hôn.

BÀN VỀ XÂY SỬA

(Xây mới cũng tương tự)

Nguyên văn:

Phạm là xây thêm, dỡ bớt phòng ốc hay thay rường xà, lợp lại ngói, sửa cổng cửa, xây sửa ở hướng nào sẽ lập tức ứng với sự lành dữ của hướng ấy. Nếu tu sửa hướng tốt trong cung mệnh, trong vòng mười ngày sẽ gặp phúc lành. Thầy của ta sai người xây sân phơi cao rộng tại hướng tốt trong bản mệnh, hơn một năm sau đã trở nên giàu có. Như người mệnh Càn xây sửa tại hướng Sinh Khí, tức phương Đoài chính tây, trong vòng một năm sẽ phát đại tài, sau lại thêm nhiều hiển quý. Hoặc cũng có thể xây sửa tại phương Khôn tây nam (Thiên Y), phương Cấn đông bắc (Diên Niên) hoặc bản vị (Càn tây bắc, tức Phục Vị), đều cát lợi. Nếu sửa lằm những hướng khác đều là hung. Các mệnh khác có thể loại suy từ đó. Cần phải tiến hành đo đạc nền móng nhà cửa, để xác định được chính xác các phương vị tốt, mới có thể ứng nghiệm. Tất cả những chuyện động đến gỗ lạt, gạch ngói, tường đất, xây bồn hoa, đình đài, đều được gọi là xây sửa (tu phương), nếu lai lộ, hướng bếp phạm hướng xấu, thì hung như xây sửa.

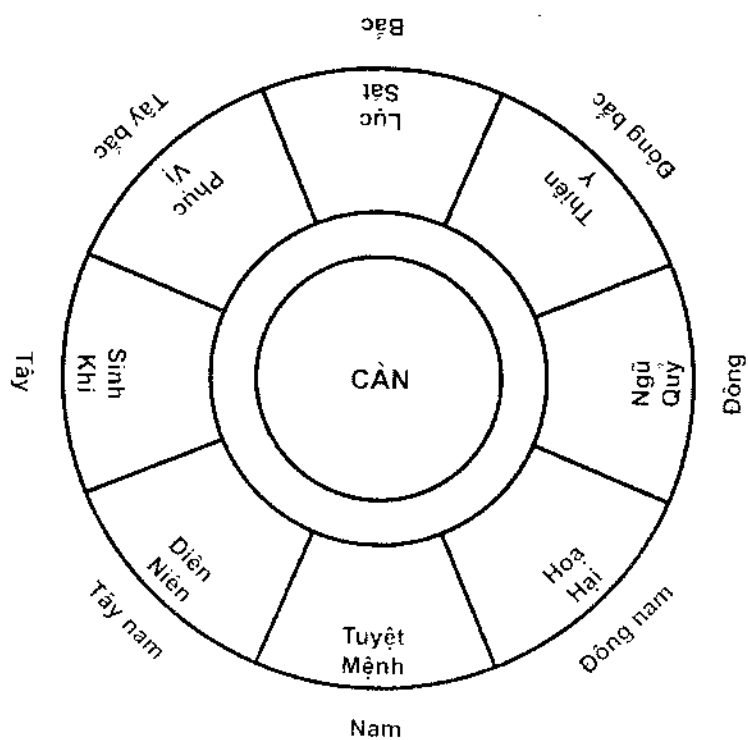
Đặt nhà xí tại phương Khảm, sẽ làm lợi cho trộm cướp; Đặt nhà xí tại phương Càn, nam mù nữ thọt.

Giải thích:

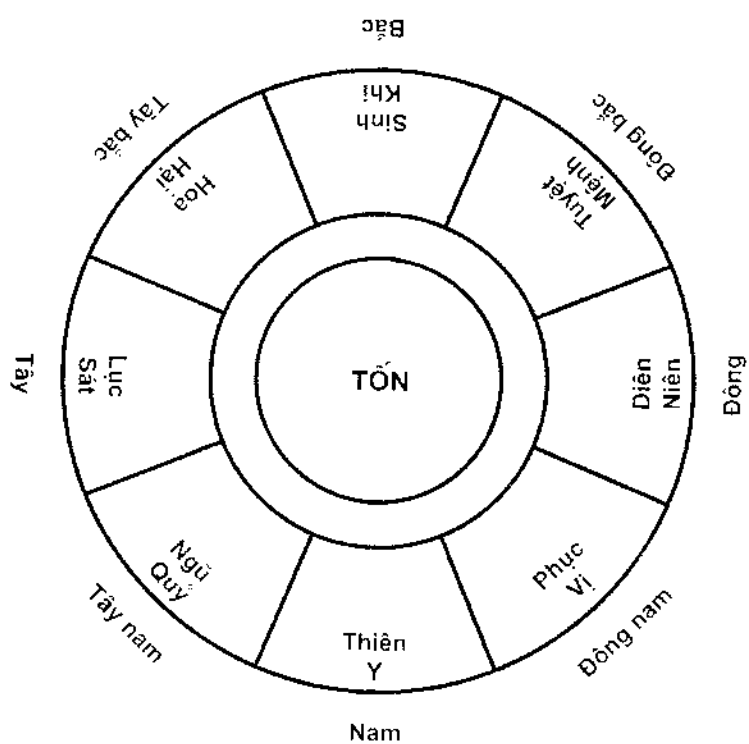
Sách phong thủy và mệnh lý thường đề cập đến ba khái niệm khai sơn, xây mới (khởi tạo) và xây sửa (tu phương). Khai sơn chủ yếu là chỉ việc xem xét, tìm kiếm nơi đặt huyệt mộ và tiến hành chôn cất; Xây mới tức đo đạc, xây dựng dương trạch. Xây sửa tức tu bổ nhà cửa, như thay rường xà, kèo cột, gạch ngói, trát lại tường, sửa sang cổng cửa, hoặc xây thêm bồn hoa, đình hóng mát... Tức những hành vi xây dựng, tôn tạo nhưng không phải với quy mô toàn bộ.

Xây sửa cũng phải chú ý đến phương hướng. Xây sửa tại bốn hướng Sinh Khí, Diên Niên, Thiên Y, Phục Vị sẽ cát lợi; Xây sửa tại các hướng Tuyệt Mệnh, Hoạ Hại, Ngũ Quỷ, Lục Sát sẽ hung. Mỗi cung mệnh sẽ có các hướng lành, dữ khác nhau, như các đồ hình sau đây:

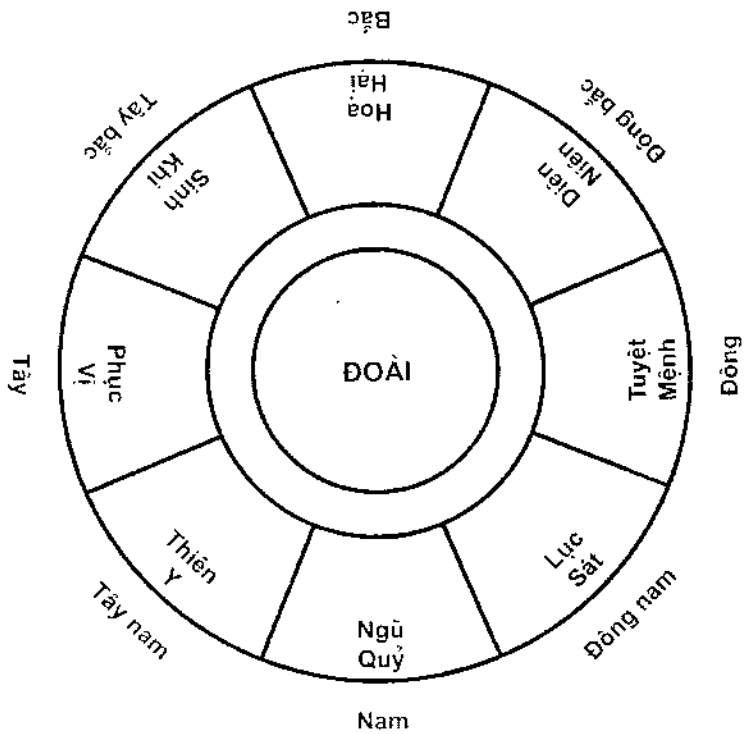
Mệnh Càn



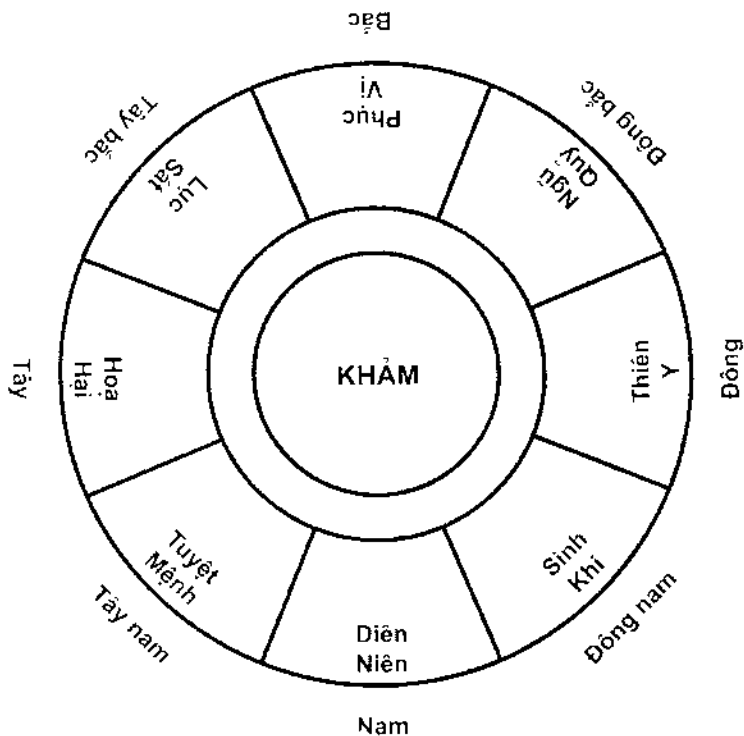
Mệnh Tốn



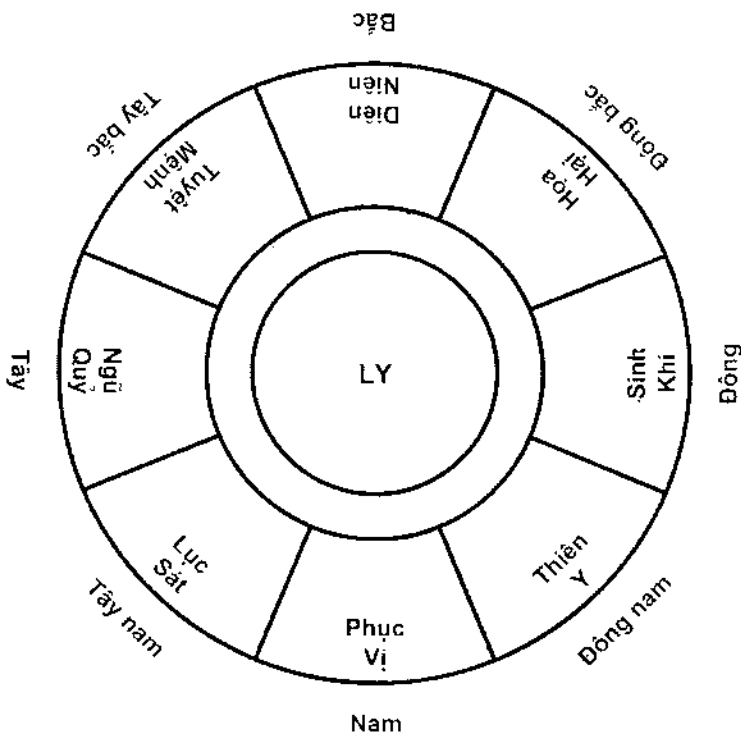
Mệnh Đoài



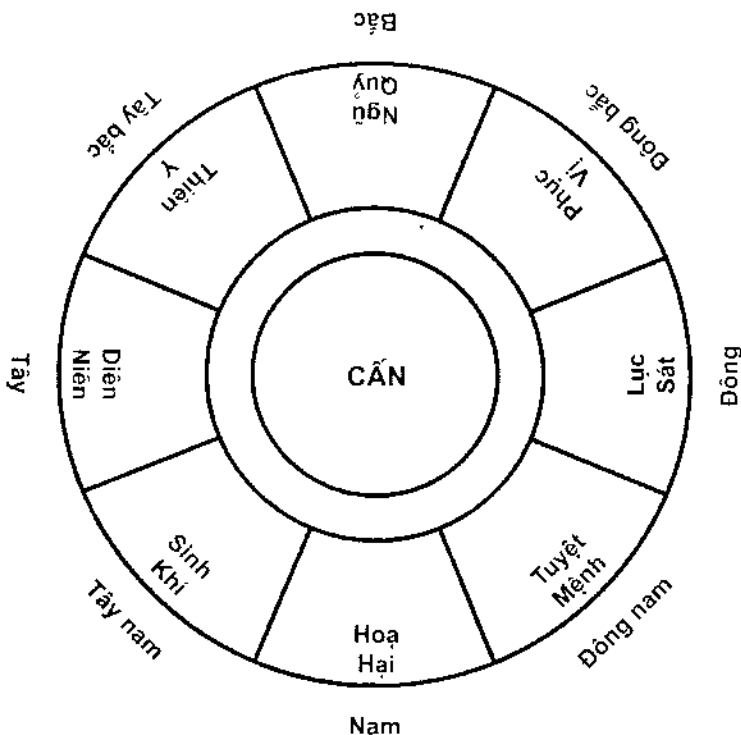
Mệnh Khảm



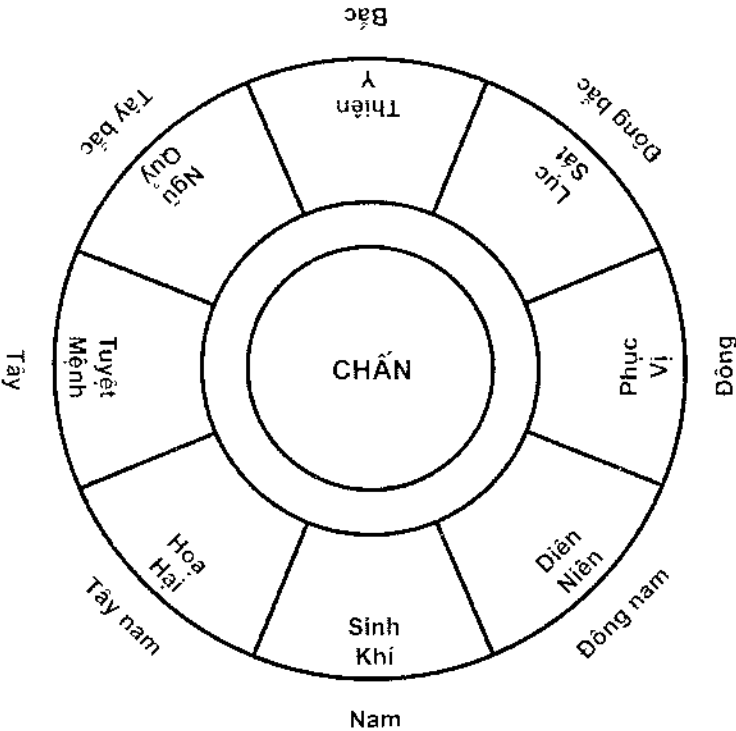
Mệnh Ly



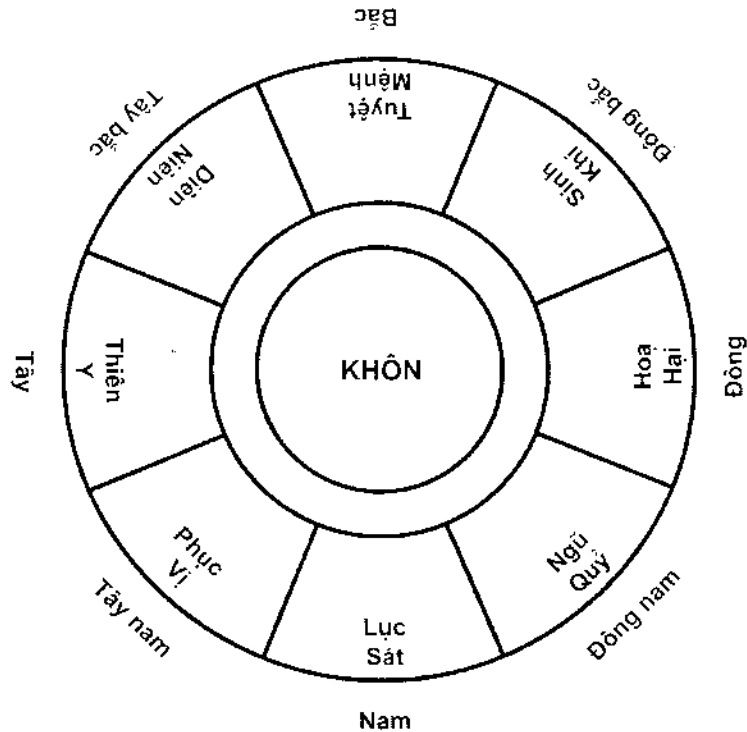
Mệnh Cấn



Mệnh Chân



Mệnh Khôn



DƯƠNG TRẠCH LỤC SÁT

Trước cao, sau thấp gọi là thế nhà nhô đầu, chủ về cô quả, nghèo hèn.

Hai bên sau nhà có hai dãy nhà thẳng, gọi là thế nhà xe đẩy.

Nhà phía trước, phía sau thấp, ở giữa có tầng cao vọt lên, là thế hai dãi chổng.

Phía sau gian nhà chính, tại mé đông, hoặc tây, hoặc nam, hoặc bắc, hay chính giữa có một, hai gian phòng nhô lên, là phạm "mai nhi sát" (hoạ chôn con).

Bốn xung quanh nhiều phòng ốc, ở giữa là thiên tỉnh, ra vào không có cổng cửa, là phạm "giang thi sát" (hoạ gánh xác).

Phía sau nhà có căn nhà thẳng dọc, là phạm "xạ sát" (hoạ bị bắn).

Nhà bên phải, bên trái thấp, ở giữa cao, là phạm "xung t_{ên} sát".

Nhà có hai dãy trước, sau, hai mé bên lại có hai dãy nhà chái nối liền hai dãy nhà chính lại, tạo nên sân giữa hình vuông, bốn góc chái nhà đâm vào nhau, là phạm vào "mai nhi sát" (hoạ chôn con).

Nhà có ba gian, gian ở giữa đặt bình phong, là phạm "đình táng sát" (hoạ tang ma).

Đằng trước hay đằng sau nhà bị nước từ mái nhỏ xuống thêm, chủ sinh bệnh tật về máu.

Trước nhà bị xà nhà, rường kèo, mái nhà chĩa vào, là phạm "xuyên tâm sát" (hoạ xuyên tim).

Sau nhà, ở mé Bạch Hổ có một gian nhà ngang, là phạm phải "tự ải sát" (hoạ treo cổ).

Sau nhà có hình tựa như mũi tên lao thẳng vào, là phạm phải "ám tiên sát" (hoạ tên ngầm).

Sau nhà, ở Thanh Long có một gian nhà ngang, là phạm phải "đầu hà sát" (hoạ nhảy sông).

Sau nhà chính làm hiên cao, lại có nhà chính hợp lại như hình chữ Công (工), là phạm "công tự sát" (sát chữ công).

Cửa phía trước hay phía sau bị trụ cổng, tay nắm cổng, trụ tường hoặc chái nhà chiếu thẳng vào, là phạm "cô độc sát" (hoạ cô độc).

Giữa hai dãy nhà phía trước và phía sau có một dãy nhà ngang nối liền hai đầu của hai dãy nhà, là phạm "vong tự sát" (sát chữ vong; vong (亡), tức chết chóc).

Phía trên xà chính của nhà ở có thanh gỗ hình chữ bát (八), là thế phản nghịch.

Hai bên giếng trời ở phía trước hoặc phía sau bị hồi, đốc nhà chiếu thẳng vào, là phạm "kim tự sát" (sát chữ kim 金), nếu ở phương tây lại càng nghiêm trọng.

Tầng một của nhà ở phía trước phía sau đều có mái hiên đua ra, chủ về vợ chồng, anh em bất hoà.

Trước cửa tường bao bốn phía, ở giữa mở một cổng, người ở hai nhà bên cạnh đều ra vào qua cổng này, tạo nên đường đi như hình chữ hoả (火), bất lợi.

Trục cuốn trên cửa lộ ra ngoài, chủ về việc sản xuất làm ăn khó khăn.

Một nhà mở liền ba cửa như hình chữ phẩm (品), chủ về điều tiếng tranh chấp.

Hai cổng chính đối diện với nhau là thế cãi nhau, chủ về bất hoà.

Trước cổng chính có nhiều ô cửa chiếu vào là bất lợi.

Mái hiên phía trước nhỏ nước vào mái hiên phía sau, mái hai nhà nối liền nhau là bất lợi.

Mé bên trái, bên phải phía trước nhà có ao nước nhỏ, khi nước đầy, thì ao bên phải chảy sang ao bên trái, hoặc ao bên trái chảy sang ao bên phải, là thế "liên lệ nhân" (mắt nối lệ), bất lợi.

Trước cửa phòng ngủ không nên đắp hòn giả sơn, vì sẽ phạm "truy thai sát" (hoạ sảy thai).

Trước cửa có bãi đá lởm chởm, là phạm "lỗi lạc sát" (hoạ trắc trở).

Trước cửa nhà có khu rừng rậm, là thế quái vật nhập môn.

Trước hoặc sau nhà có chùa miếu là bất lợi.

Phương Lộc Tồn không nên trồng cây cối bị dây leo bao phủ, gọi là "cây thắt cổ".

Trước cửa nhà có đường đi hình chữ Xuyên (川), tức ba đường dọc song song, là bất lợi.

Cổng chính bị đỉnh núi chiếu thẳng vào, là phạm xuyên sát, đại kỵ.

Phía trên giường có xà vắt qua là phạm "huyền châm sát" (sát do cây kim treo lơ lửng), chủ về tổn hại người nhỏ tuổi.

Giải thích:

Phần này liệt kê các loại sát trong kiến trúc nhà ở, trang viện, chủ yếu căn cứ từ góc độ tạo hình kiến trúc. Vì kiến trúc nhà ở truyền thống của Trung Quốc thường là giữa cao hai bên thấp, mái nhà lợp ngói để che mưa gió. Nếu nhà ở tạo hình trước cao sau thấp là trái với trạng thái hoà thuận vợ chồng, chắc chắn sẽ gây xung khắc, chết chồng chết vợ, tức là thế goá bụa.

Nếu xây hai gian nhà song song ở hai bên nhà chính, và nối liền với gian chính, thì nhìn từ trên xuống, gian nhà chính tựa như thùng xe, hai gian nhà phụ tựa như bánh xe áp hai bên, tạo

thành thế "xe đẩy". Người xưa rất kỵ thế nhà này, cho rằng như vậy cửa cải, phúc lộc trong nhà sẽ bị đẩy đi hết, chủ về bần hàn, suy thoái.

Các sát của dương trạch chỉ về bố cục của toàn thể khu nhà ở, đồng thời cũng bao quát đến từng chi tiết nhỏ, dựa vào hình để ngụ ý, trình bày dễ hiểu. Đối chiếu những nội dung trong sách này với các kiến trúc cụ thể, độc giả sẽ càng nắm bắt được dễ dàng hơn.

HOA PHẤN SÁT

(Dựa vào thiên can năm sinh của nam nữ)

Nguyên văn:

Sinh Giáp Ất tránh xa Mùi Sửu;

Sinh Bính Đinh, Mão Dậu chớ gần;

Sinh Mậu Kỷ, kỵ ngày Thân, Ty;

Sinh Canh Tân, sợ nhất Hợi Dân;

Sinh Nhâm Quý, Tuất Thìn chớ chọn;

Cưới gả ngày này ắt thiệt thân.

Giải thích:

Hoa Phấn sát là một loại sát cần tránh trong hôn nhân theo quan niệm dân gian. Người xưa thường cho rằng, nam nữ khi cưới gả nếu phạm vào Hoa Phấn sát, chắc chắn sẽ dẫn đến chuyện chết chóc. Tra ngày phạm Hoa Phấn sát, chỉ cần căn cứ vào thiên can trong năm sinh của hai bên nam nữ, còn ngày kỵ chỉ xem địa chi. Ví dụ, nếu sinh năm Giáp Tý chỉ cần xem can Giáp, can Giáp kỵ tất cả những ngày thuộc chi Sửu hoặc Mùi, vì cưới gả những ngày đó sẽ phạm phải Hoa Phấn sát.

LÀM BẾP TRÁNH NGÀY TUYỆT YÊN HOẢ

(Chủ về suy tàn)

Nguyên văn:

Tháng Giêng, tháng 5, tháng 9: ngày Đinh Mão;

Tháng 2, tháng 6, tháng 10: ngày Giáp Tý;

Tháng 3, tháng 7, tháng 11: ngày Quý Dậu;

Tháng 4, tháng 8, tháng 12: ngày Canh Ngọ;

Hai can Bính, Đinh kỵ ngày mệnh sát của bếp.

Hai can Mậu, Kỷ kỵ Thổ Hoàng sát, tức kỵ sáu ngày Nhâm tử vận.

Giải thích:

Xây dựng nhà bếp cũng có một số ngày kỵ, như trong đoạn văn trên đã liệt kê, cần tránh những ngày Tuyệt Yên Hoả, ngày phạm mệnh sát, phạm Thổ Hoàng sát, ngày tử vận trong Lục Nhâm. Xây bếp nếu phạm phải những ngày kỵ này, sẽ chủ về khuyên gia bại sản. Cụ thể như sau:

Tháng Giêng, tháng 5, tháng 9: kỵ ngày Đinh Mão.

Tháng 2, tháng 6, tháng 10: kỵ ngày Giáp Tý;

Tháng 3, tháng 7, tháng 11: kỵ ngày Quý Dậu;

Tháng 4, tháng 8, tháng 12: kỵ ngày Canh Ngọ;

Ngoài ra, những người sinh vào năm có thiên can Bính hoặc Đinh còn phải kỵ mệnh sát, tức là không được làm bếp vào những ngày Bính và Đinh;

Những người sinh vào năm thuộc can Mậu hoặc Kỷ phải kỵ Thổ Hoàng sát, tức không được làm bếp vào sáu ngày Nhâm Tý, Nhâm Dần, Nhâm Thìn, Nhâm Ngọ, Nhâm Thân và Nhâm Tuất.

TUYỆT YÊN HOẢ SÁT TRONG PHÂN PHÒNG (NGÀY KỶ ĐỐI VỚI VIỆC CHIA NHÀ)

Nguyên văn:

Giêng, bảy chia nhà kỵ Thìn, Tuất;

Tháng hai, tháng tám tránh rắn, heo;

Tháng ba, tháng chín kiêng Tý, Ngọ;

Tháng tư, tháng mười sợ dê, trâu;

Tháng năm, mười một, Dần Thân tránh;

Tháng sáu, mười hai, Mão Dậu nguy;

Người đời không sợ Tuyệt Yên Hoả;

Mười người phạm phải chín người suy.

Giải thích:

Khi một gia đình lớn tiến hành chia hộ chia bếp ở riêng, cũng cần phải tránh những ngày xấu, ngày Tuyệt Yên Hoả, như đã liệt kê trong bài ca quyết trên. Nếu chia nhà vào những ngày này, sẽ khó tránh tai họa người mất nhà tan.

CỬU TINH

Nguyên văn:

Tham, Cự, Lộc, Văn, Liêm, Vũ, Phá, Phụ, Bật.

Giải thích:

Thuật số học thường đem Cửu tinh phối vào tám phương của Bát quái. Chín ngôi sao trong Cửu tinh gồm Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phụ, Hữu Bật. Nguồn gốc của Cửu tinh là bảy ngôi sao trong chòm sao Bắc Đẩu cộng với hai ngôi sao ở hai bên chòm sao này, tức Tả Phụ và Hữu Bật. Vì Bát quái chỉ có tám phương vị, nên khi phối Cửu tinh vào Bát quái, Tả Phụ Hữu Bật được hợp nhất thành Phụ Bật.

BỐN HƯỚNG CÁT TINH

Nguyên văn:

Sinh Khí: tức sao Tham Lang, thuộc hành Mộc. Hướng này nên xây nhà cao, trở công, đặt giường, làm cửa bếp. Tối kỵ đặt nhà vệ sinh tại bốn hướng cát.

Diên Niên: tức sao Vũ Khúc, thuộc hành Kim. Hướng này nên xây nhà cao, đặt cổng chính, lai lộ, đặt giường, làm cửa bếp.

Thiên Y: tức sao Cự Môn, thuộc hành Thổ. Hướng này nên làm nhà cao, đặt cổng chính, đặt giường.

Phục Vị: tức sao Phụ Bật, không có thuộc tính ngũ hành. Nên đặt phòng ở, giường ngủ, nhưng chỉ sinh con gái.

BỐN HƯỚNG HUNG TINH

Nguyên văn:

Tuyệt Mệnh: tức sao Phá Quân, thuộc hành Kim, phạm phải hướng này sẽ bất lợi, tương khắc với Chấn, Tốn, Ly.

Lục Sát: tức sao Văn Khúc, thuộc hành Thủy, phạm phải hướng này sẽ hung, bất lợi với Khôn, Cấn, Tốn.

Ngũ Quỷ: tức sao Liêm Trinh, thuộc hành Hỏa, phạm phải hướng này sẽ bất lợi, không hợp với Khảm, Càn, Đoài.

Hoạ Hại: tức sao Lộc Tồn, thuộc hành Thổ, phạm phải hướng này sẽ hung.

Tại hướng hung trong bản mệnh đặt bếp lò quay lưng vào, và đặt nhà vệ sinh, giếng, thốt cối để trấn áp hung khí.

Giải thích:

Sinh Khí, Diên Niên, Thiên Y, Phục Vị, Tuyệt Mệnh, Lục Sát, Ngũ Quỷ, Hoạ Hại là một hệ thống tên gọi khác của Cửu tinh, lần lượt tương ứng với các sao Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, Phụ Bát, Phá Quân, Văn Khúc, Liêm Trinh, Lộc Tồn, mỗi sao có một thuộc tính ngũ hành khác nhau. Về tính chất cát, hung của mỗi sao, đã được trình bày cụ thể tại các mục trước.

PHƯƠNG PHÁP LÀM BẾP CẦU PHÁT TÀI

Nguyên văn:

Bếp lò nên đặt tại phương hung trong bản mệnh, cửa bếp lò nên quay về các hướng tốt như Sinh Khí, Diên Niên, Thiên Y trong bản mệnh để nhận lấy khí lành. Cửa bếp quay về hướng tốt trong niên mệnh sẽ phát tài, nếu quay về hướng Sinh Khí, sẽ giàu to. Sinh Khí thuộc Mộc, nên ứng vào tháng hoặc năm Hợi, Mão, Mùi. Cửa bếp quay về hướng Thiên Y cũng tốt, vì Thiên Y là sao Cự Môn, thuộc Thổ, sẽ ứng vào tháng hoặc năm Thân, Tý, Thìn. Diên Niên là sao Vũ Khúc thuộc Kim, ứng vào tháng hoặc năm Ty, Dậu, Sửu. Quay về hướng Phục Vị, là sao Phụ Bát thuộc Mộc, sẽ phát tiểu tài, ứng vào tháng hoặc năm Hợi, Mão, Mùi.

Giải thích:

Phát tài, giàu có là nguyện vọng chung của đại đa số mọi người. Ai ai cũng muốn được sống một cuộc đời sung túc, đủ đầy. Trong một ngôi nhà, bếp giữ vai trò quyết định đến tài vận của gia đình. Bản thân bếp lại sở hữu hai loại hướng, là hướng ống khói và hướng cửa bếp. Ống khói dùng để trấn áp hung khí, nên tài vận chủ yếu được quyết định bởi hướng cửa bếp. Trước tiên, cần phải xác định rõ bốn hướng tốt và hướng xấu trong bản mệnh. Muốn phát tài, cửa bếp nhất định phải quay về hướng tốt, điều này đã nhiều lần được nhấn mạnh tại nhiều mục phía trên. Trạng thái phát tài tại mỗi hướng cụ thể như sau:

Hướng Tham Lang Sinh Khí: phát tài lớn nhất, ứng nghiệm tại tháng, năm Hợi, Mão, Mùi.

Hướng Cự Môn Thiên Y: phát tài lớn, ứng nghiệm tại tháng hoặc năm Thân, Tý, Thìn.

Hướng Vũ Khúc Diên Niên: phát tài trung bình, ứng nghiệm tại tháng hoặc năm Tỵ, Dậu, Sửu.

Hướng Phụ Bát Phục Vị: phát tài nhỏ, ứng nghiệm vào tháng hoặc năm Hợi, Mão, Mùi.

PHƯƠNG PHÁP CẦU TỰ

Nguyên văn:

Bê bếp lò, mười loại nước thối^[1], nhà vệ sinh cần đặt tại phương hung trong bản mệnh; Cửa bếp hướng về phương Sinh Khí, trong vòng một năm sẽ sinh quý tử, muôn sự tốt lành.

Giải thích:

Quan niệm dân gian cho rằng đông con là nhiều phúc, bởi vậy, nên có con nối dõi hay không, con rồi dõi nhiều hay ít là một trong những tiêu chí để đánh giá sự thịnh suy của một gia tộc. Trên đây là một phương pháp cầu tự rất đơn giản dựa trên nguyên lý đón khí phương cát, trấn áp phương hung.

PHƯƠNG PHÁP CẦU TÀI

Nguyên văn:

Đặt mười loại nước thối, bếp lò, nhà vệ sinh tại phương Lục Sát để trấn áp hung khí, cửa bếp lò quay về hướng Diên Niên trong bản mệnh, trong vòng một tháng sẽ phát tài nhỏ, trong vòng ba tháng sẽ phát tài trung bình, trong vòng một năm sẽ phát tài lớn.

Giải thích:

Muốn cầu tài thì phải đặt cửa bếp hướng về phương Diên Niên của bản mệnh, còn rác rưởi, nhà vệ sinh và lung bếp phải tựa vào phương Lục Sát của bản mệnh. Có sự xếp đặt ổn thoả như vậy, cộng với sự cố gắng phấn đấu của bản thân, sẽ có được tài lộc.

^[1] Mười loại nước thối: Một vật phong thuỷ có tác dụng trấn áp hung khí, làm bằng cách lấy mười thứ nước canh hoặc nước từ các món ăn cho vào lọ hoặc hũ, nút kín, để mười ngày, rồi mang đặt tại các nơi cần trấn áp.

NHỮNG NGÀY KỶ LÀM GIƯỜNG VÀ ĐẶT GIƯỜNG

Nguyên văn:

Những ngày gặp các sao Tâm, Mão, Khuê, Lâu, Cơ, Vĩ, Sâm đều phải tránh.

Giải thích:

Tướng mệnh học cho rằng, có hai mươi tư ngôi sao (nhị thập bát tú) luân phiên nhau cai quản các ngày, nên được gọi là Trục nhật Thiên tinh, gồm Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích, Khuê, Lâu, Vĩ, Mão, Tất, Chuỷ, Sâm, Tinh, Quỷ, Liểu, Tinh, Trương, Dục, Chấn. Mỗi sao có tính chất tốt xấu khác nhau. Nếu gặp phải những ngày do các sao Tâm, Mão, Khuê, Lâu, Cơ, Vĩ, Sâm cai quản, kiêng làm giường và đặt giường.

Căn cứ vào la bàn có thể xác định được ngôi sao cai quản trong mỗi ngày. Hoặc nhanh chóng hơn, có thể tra trong "Lịch vạn niên".

NGÀY LA THIÊN ĐẠI KỶ NHẬT (KỶ XÂY SỬA)

Nguyên văn:

Mồng một đừng hời chuột;

Mồng ba tránh mặt dê;

Mồng năm cưới ngựa chạy;

Mồng chín bỏ gà quế;

Mười một không gặp thỏ;

Mười ba hổ cặp kê;

Mười bảy trâu cày ruộng;

Hăm mốt chuột trộm kê;

Hăm lăm sợ chó cắn;

Hăm bảy hổ lăm le;

Hăm chín xem khỉ múa;

Đều hung hại trăm bề.

Giải thích:

Quan niệm dân gian cho rằng, vào ngày La Thiên đại kỵ, tốt nhất không nên tiến hành xây dựng, tu sửa. Nếu như đã chọn đúng ngày La Thiên đại kỵ, không thể đổi ngày khác, nhất định phải tránh những giờ xấu nhất, như trong bài về trên, cụ thể như sau:

Mùng 1 tránh giờ Tý; Mùng 3 tránh giờ Mùi; Mùng 5 tránh giờ Ngọ; Mùng 9 tránh giờ Dậu; Ngày 11 tránh giờ Mão; Ngày 13 tránh giờ Dần; Ngày 17 tránh giờ Sửu; Ngày 21 tránh giờ Tý; Ngày 25 tránh giờ Tuất; Ngày 27 tránh giờ Dần; Ngày 29 tránh giờ Thân.

NGÀY HỐI KHÍ: KỶ XÂY SỬA

Nguyên văn:

Mệnh Bính Tý kỵ ngày Tân Sửu;

Mệnh Bính Thân kỵ ngày Tân Tý;

Mệnh Giáp Tý kỵ ngày Kỷ Sửu;

Mệnh Giáp Tuất kỵ ngày Kỷ Mão;

Mệnh Ất Hợi kỵ ngày Canh Dần;

Mệnh Đinh Hợi kỵ ngày Nhâm Dần;

Mệnh Mậu Dần kỵ ngày Quý Hợi;

Mệnh Đinh Sửu kỵ ngày Nhâm Tý.

Giải thích:

"Hối" nguyên nghĩa chỉ ngày cuối tháng của lịch mặt trăng, tức ngày tối nhất trong tháng, đối lập với "vọng" là ngày rằm, ngày trăng sáng nhất trong tháng. Về sau, khái niệm này cũng được sử dụng trong vận khí của con người. Trăng có khi sáng khi mờ, vận khí của con người cũng có lúc thịnh lúc hối. Xây dựng, sửa sang nhà cửa là việc hệ trọng, cần phải tránh những ngày "hối khí" trong mệnh số. Cách tính trong bài ca quyết trên dựa trên "mệnh" tức năm sinh. Như câu đầu tiên, người sinh năm Bính Tý phải kỵ ngày Tân Sửu.

NGÀY THÂN KHÓC QUỶ SÂU: KỶ LÀM MỌI VIỆC

Nguyên văn:

Tháng Giêng ngày Nhâm Tuất;

Tháng hai ngày Quý Hợi;

Tháng ba ngày Bính Tý;

Tháng tư ngày Đinh Sửu;

Tháng năm ngày Giáp Dần;

Tháng sáu ngày Ất Mão;

Tháng bảy ngày Nhâm Thìn;

Tháng tám ngày Quý Tỵ;

Tháng chín ngày Giáp Ngọ;

Tháng mười ngày Ất Mùi;

Tháng mười một ngày Giáp Thân;

Tháng mười hai ngày Ất Dậu.

Nếu có tháng nhuận thì cũng tính như trên.

Giải thích:

Vào những ngày trên, tốt nhất là nên thận trọng trong tất cả mọi việc, nên dưới nhan đề viết rõ "kỵ làm mọi việc".

NGÀY KỶ DỪNG ĐỒ CÚNG TRONG MA CHAY

Nguyên văn:

Mồng một, mồng tám, mười lăm (cốt là không nên dùng đồ cúng quá rườm rà).

Giải thích:

Vào ba ngày mồng 1, mồng 8 và ngày 15 các tháng, không nên sử dụng nhiều cúng lễ khi làm các việc chôn cất và thờ cúng, chỉ cần cúng đơn giản là được.

MẬU KỶ ĐÔ THIÊN

Nguyên văn:

Năm Giáp Kỷ: tại Thìn Tỵ; Năm Ất Canh: tại Dần Mão; Năm Bính Tân: tại Tuất Hợi; Năm Đinh Nhâm: tại Thân Dậu; Năm Mậu Quý: tại Ngọ Mùi.

Năm chi dương trọng Mậu Đô Thiên, năm chi âm trọng Kỷ Đô Thiên.

Giải thích:

Đô Thiên tức Đô Thiên La Hầu, một trong những hung thần theo quan niệm dân gian, nếu phạm phải Đô Thiên La Hầu, tốt nhất là nên tránh.

Trong Cửu cung, sao Ngũ Hoàng nằm ở Trung cung, nhưng tùy theo từng năm, nó sẽ di chuyển sang các cung khác, và trở thành một sát tinh có hung tính rất mạnh. Khi di chuyển đến các cung khác, nó sẽ trở thành thần sát Mậu Kỷ Đô Thiên. Nếu tính theo 24 sơn, thì mỗi năm Đô Thiên sát nằm tại ba sơn. Tính xuôi chiều kim đồng hồ, thì sơn thứ nhất là Mậu Đô Thiên, sơn thứ hai là Giáp Đô Thiên, sơn thứ ba là Kỷ Đô Thiên. Ví dụ, năm Giáp năm Kỷ, Đô Thiên tại Thìn, Tỵ, tức Thìn là Mậu Đô Thiên, Tốn là Giáp Đô Thiên, Tỵ là Kỷ Đô Thiên; Năm Đinh, Nhâm, Đô Thiên tại Thân, Dậu, thì Thân là Mậu Đô Thiên, Canh là Giáp Đô Thiên, Dậu là Kỷ Đô Thiên. Trong chính văn viết, năm chi dương trọng Mậu Đô Thiên, tức kỷ Mậu Đô Thiên nặng hơn; Tương tự, năm chi âm kỷ Kỷ Đô Thiên nặng hơn. Chi dương là các chi số lẻ, tức Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất; Chi âm là các chi số chẵn, tức Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi.

PHƯƠNG VỊ BÁT QUÁI

Nguyên văn:

Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Đây là phương vị của Hậu thiên Bát quái, mỗi quẻ cai quản ba sơn: Tuất, Hợi thuộc Càn; Nhâm, Quý thuộc Khảm; Sửu, Dần thuộc Cấn; Giáp, Ất thuộc Chấn, Thìn, Tỵ thuộc Tốn; Bính, Đinh thuộc Ly; Canh, Tân thuộc Đoài; Mùi, Thân thuộc Khôn. Hai mươi tư sơn này được quy chung thành Bát trạch.

Giải thích:

Về phương vị của Bát quái và 24 sơn đã trình bày chi tiết tại phần "Đồ hình Đông tứ, Tây tứ bát trạch".

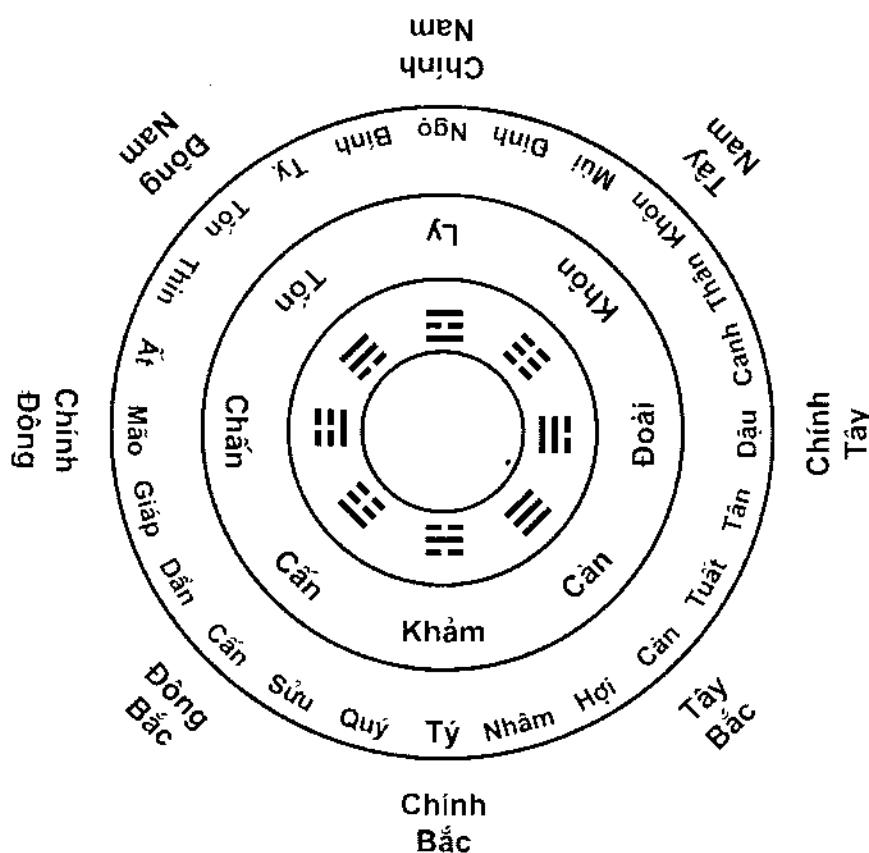
ĐÔNG, TÂY BÁT TRẠCH

Nguyên văn:

Càn, Khôn, Cấn, Đoài là Đông tứ trạch; Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Tây tứ trạch.

Giải thích:

Trên đây là nguyên lý cơ bản để xác định phương vị đông, tây, tham khảo đồ hình dưới đây:



Từ đó có thể xác định được Đông, Tây tứ trạch, sau đó căn cứ vào thuộc tính của ngũ hành Bát quái để xác định Đông, Tây tứ mệnh.

THUỘC TÍNH CỦA BÁT QUÁI

Nguyên văn:

Cần là cha, thuộc Kim; Khảm là con trai thứ (trung nam), thuộc Thủy; Cấn là con trai út (thiếu nam), thuộc Thổ; Chấn là con trai cả (trưởng nam), thuộc Mộc (đều thuộc dương).

Tốn là con gái cả (trưởng nữ), thuộc Mộc; Ly là con gái thứ (trung nữ), thuộc Hỏa; Khôn là mẹ, thuộc Thổ; Đoài là con gái út (thiếu nữ), thuộc Kim (đều là âm).

NGŨ HÀNH CỦA CỬU TINH

Nguyên văn:

Sinh Khí: sao Tham Lang, thuộc Mộc. Là dương Mộc, thượng cát;

Thiên Y: sao Cự Môn, thuộc Thổ. Là dương Thổ, thượng cát;

Diên Niên: sao Vũ Khúc, thuộc Kim. Là dương Kim, thứ cát;

Ngũ Quỷ: sao Liêm Trinh, thuộc Hỏa. Là độc Hỏa, hung;

Tuyệt Mệnh: sao Phá Quân, thuộc Kim. Là âm Kim, đại hung;

Lục Sát: sao Văn Khúc, thuộc Thủy. Là âm Thủy, hung.

Hoạ Hại: sao Lộc Tồn, thuộc Thổ. Là âm Thổ, thứ hung.

Tả Phụ, Hữu Bật: biến hoá tùy lúc.

Giải thích:

Về Cửu tinh cùng tính chất cát hung, thuộc tính ngũ hành của chúng, đã được trình bày cụ thể tại các phần trên. Phần này nhấn mạnh thêm về thuộc tính ngũ hành chi tiết của từng sao trong Cửu tinh, ví dụ Sinh Khí là dương Mộc, Ngũ Quỷ là độc Hỏa... Tả Phụ, Hữu Bật gọi chung là sao Phụ Bật, bản thân không có tính cát hung, mà gặp cát thành cát, gặp hung hoá hung, nên "biến hoá tùy lúc".

TAM NGUYÊN CỬU TINH

Thiên bàn (dụng)				Địa bàn (thể)		
Tốn 4	Trung 5	Càn 6		Tốn Tứ Lục	Ly Cửu Tử	Khôn Nhị Hắc
Chấn 3		Đoài 7		Chấn Tam Bích	Trung Ngũ Hoàng	Đoài Thất Xích
Khôn 2		Cấn 8		Cấn Bát Bạch	Khảm Nhất Bạch	Càn Lục Bạch
Khảm 1		Ly 9				

Giải thích:

Trên đây là đồ hình Tam nguyên Cửu tinh. Đồ hình này bao gồm hai bộ phận lớn, tức Địa bàn và Thiên bàn của la bàn. Tương mệnh học quan niệm: "tiên thiên là thể, hậu thiên là dụng, thể dụng kết hợp". Trình tự sắp xếp của Tiên thiên Bát quái là: Khảm 1, Khôn 2, Chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Càn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9. Hậu thiên Bát quái bắt nguồn từ Lạc thư, sắp xếp trình tự các quẻ theo hình thức: "Đội 9 đạp 1; Trái 3 phải 7; 2, 4 làm vai; 6, 8 làm chân; 5 nằm chính giữa".

TỔNG QUÁT

Nguyên văn:

Hoàng Thời Minh^[1] từng nói rằng: "Phàm là đô thành, phủ huyện, diện tích rộng rãi, đất tốt đều đã làm nha môn cả. Dân cư ở gần nha môn đều không cát lợi, vì khí lành đều đã bị sử dụng hết".

Sách "*Phát vi luận*" có viết: "Trước đền sau miếu là đất hương hoả, nơi âm khí tích tụ, nên tại đó không có vượng khí. Ngõ sâu chật hẹp, nhà xí tối tăm, là nơi tích tụ trệ khí, khí dương không phát triển được, đều không phải là thế đất phú quý. Bên cạnh nơi giết mổ, sẽ bị uế khí bao phủ. Gần am ni cô, phòng kỹ viện, là nơi tà khí nặng nề, cũng không phải là thế đất phú quý. Gần đàn tế, mộ cổ, cầu cống, cổng chào, là nơi sát khí trùng trùng. Bốn bề là đồng không mông quạnh, không một bóng nhà, là nơi dăng khí bao trùm. Núi sâu rừng vắng, cô quạnh một mình, là nơi âm khí dày đặc. Gần núi, gần tháp, là tượng Liêm Trinh hành Hoả, cũng không phải là cát địa.

Giải thích:

Đoạn văn trên khái quát về các nhân tố môi trường địa lý xung quanh của dương trạch: Nhà ở không nên xây quá gần với nha môn, phủ thự của quan lại, vì nếu có khí tốt cũng bị những kiến trúc đó chiếm hết. Cũng không nên ở gần chùa miếu, cung điện, lò giết mổ, kỹ viện, mồ mả, đàn tế lễ, cầu, cổng chào, và cũng không nên cất nhà ở những nơi quá hoang vu hẻo lánh, như đồng không, núi sâu,... vì đó là những nơi nhiều khí hung, khí xấu, hoặc âm khí ô uế.

HÌNH THỂ

Nguyên văn:

Dương trạch có nền móng vuông vắn, ngay ngắn, dễ xem phương hướng tốt. Nếu như quá cao, quá rộng, quá nhỏ hẹp, hoặc méo vẹo, trời thụt, chắc chắn sẽ hao của mất người. Sách xưa có viết: "Nhà cửa ngay ngắn, khí tượng hào hùng; Tuy từng nghiêm trang là nhà giàu sang". Tường rào kín kẽ, bốn vách rõ ràng, giếng trời sáng sủa, quy cách nhất quán, là nhà phú quý. Nam bắc đều có nhà lớn, đông tây đối hướng, thế như tranh giành lẫn nhau, bên trái bên phải đều cao lớn nguy nga, là thế nhà phản nghịch. Nhà nhỏ mà cao, trơ trọi một mình không có thế dựa, bốn xung quanh không có gì che chắn, là thế nhà đơn lạnh. Nhà nghiêng cửa vẹo,

^[1] Hoàng Thời Minh: Nhà tướng trạch nổi tiếng cuối Minh đầu Thanh.

mưa đột gió lùa, là thế nhà đau ốm. Nhà cửa tối tăm, quá trống rộng hoặc quá chật hẹp, đều là thế nhà yêu quái. Nhà cửa nứt vỡ, vách tường sập lở, đầu kèo hở hoác, đó là thế đất đơn độc khổ sở. Nền đất quá cao, trước sâu sau lẹm, nước không tụ lại, lan man không tập trung, là thế nhà bần cùng. Nhà cao mà đất hẹp, tiền cửa và nhân đinh đều hao tổn. Nhà thấp mà đất rộng, trong vòng một đời sẽ giàu có.

Hoàng Thời Minh từng nói: "Nhà ở và dinh quan nha không giống nhau. Nha môn nên rộng rãi cao lớn, nhà ở phải tập trung mới mong được phúc".

Phòng ngủ và phòng khách cũng khác nhau. Phía trước phòng khách có thể để khoảng không rộng rãi, nhưng nếu không gian phía trước phòng ngủ quá rộng thì khí sẽ tản mát. Với nhà ở, thì giếng trời là tượng trưng cho tài lộc, căn nhà phía trước mặt là án sơn. Giếng trời có kích cỡ hợp lý sẽ tụ tài; Căn nhà phía trước có chiều cao vừa phải, tương quan chủ khách cân xứng sẽ được phúc. Nhà phía trước nếu như quá cao, là thế chủ bị ăn hiếp; Nếu như quá thấp, là thế khách không tương xứng; Quá gần là thế bức bách, quá xa là thế trống trải. Mái nhà phía trước gần, nhà nên thấp; Mái nhà phía trước xa, có thể cao nhỉnh lên một chút. Sự cát hung của nhà ở đều dựa vào những điểm đó. Còn như đại sảnh phía ngoài cũng lại khác, giếng trời của đại sảnh là tiểu minh đường, mà tiền sảnh lại là tầng án sơn thứ nhất. Khoảng không trước tiền sảnh, phía trong cổng là trung minh đường, còn cổng là tầng án sơn thứ hai. Khoảng không phía trước cổng là đại minh đường, còn triều sơn (sa núi phía trước nhà) là tầng án sơn thứ ba. Tiểu minh đường cần phải kín và tập trung, trung minh đường nên rộng rãi hơn, hình dáng nên vuông vắn. Đại minh đường cần rộng rãi, nhưng cũng không nên là đồng không trống trải.

Sách xưa có viết: "Nhà hẹp người đông, tức người khắc nhà, là cát; Nhà rộng người ít, tức nhà lấn người, là hung". Lại viết: "Nhà cũ bị kẹp giữa hai bên là nhà mới xây, thì tuyệt đối không nên ở vào đấy. Nhà mới xây bị kẹp giữa hai bên là nhà cũ, là thế phú quý hiển hách. Nhà ở nửa cũ nửa mới, là thế bần hàn. Nhà cửa mới mẻ khang trang, là thế thịnh vượng muôn đời. Nhà cửa mỗi một, vì kèo mục ruỗng, chủ về mất mùa tai diếc. Cột nhà không tiếp đất, chủ nhà vắn số. Xà nghiêng cột lệch, là thế thị phi phản phúc. Cột nhà liền với đầu xà, ba năm một tang."

Nền nhà kỵ nhất là tham rộng, dễ khiến được chỗ nọ hụt chỗ kia. Sách xưa có viết: "Nền nhà Càn nếu khuyết ở phương Ly, chi thứ chắc chắn sẽ có con gái mù mắt. Nền nhà Khảm nếu khuyết ở phương Tốn, chi trưởng sẽ có nhiều người chết trẻ. Nền nhà Tốn nếu khuyết ở phương Khôn, chi trưởng sẽ tuyệt tự. Nền nhà Chấn nếu khuyết ở phương Càn, chi trưởng chắc chắn có con mồ côi cha. Nền nhà Tốn nếu khuyết ở phương Chấn, chi trưởng ắt chết yếu không người nối dõi. Nền nhà Ly nếu khuyết ở phương Càn, con trưởng chắc chắn sẽ không con. Nền nhà Đoài nếu khuyết không đủ, các chi đứt tuyệt một nhà không".

Sách còn viết: "Nền nhà Khảm đầy đủ ở phương Càn, chắc chắn chủ nhà sẽ ăn chơi trác táng".

Giải thích:

Phần này bàn luận về hình thể của bản thân dương trạch.

Nhà cửa nên vuông vắn, cân đối, không nên quá cao, quá rộng, quá dài, quá hẹp, hoặc méo mó, lệch vẹo, chỗ trời chỗ thụt, vì như vậy là không hợp quy chuẩn, sẽ không có phúc.

Các kiến trúc trong nhà ở cũng phải phù hợp với đặc điểm của bản thân chúng, ví dụ của phòng ngủ nên hẹp, cửa phòng khách phải rộng, giếng trời nên vuông vắn hoặc tròn trịa, không nên quá dài hoặc quá hẹp...

Nếu xét từ tám phương của bát mệnh, bát trạch, một khu nhà không nên thiếu khuyết một góc nào. Tám hướng nên đối xứng cân bằng với nhau, nếu như có hướng nào bị khuyết lõm hoặc vì quá hẹp nên mất cân xứng, sẽ không cát lợi.

TẦNG GÁC

Tầng trên tượng trưng cho trời, tầng dưới tượng trưng cho đất. Nếu trời khắc đất, sẽ chủ về hèn mọn, không cát lợi (ví dụ như tầng trên cao bảy phần, tầng dưới cao ba phần). Cửa phòng tầng trên và tầng dưới nhìn về hai hướng khác nhau, chủ về trong nhà có người phản nghịch hoặc dễ gặp trộm cướp. Tầng trên cao hơn tầng dưới, trong nhà dễ có người treo cổ hoặc uống thuốc độc.

Thường trên nhà chính không nên xây tầng gác, phòng khách chính cũng không nên có tầng trên, chỉ có nhà sau có thể xây tầng gác.

Nếu chỉ có một nhà mình có tầng cao hẳn lên, thì bốn phía gió lửa, người ở tầng dưới sẽ không tốt.

Bên cạnh nhà có tầng cao đè xuống, ở bên trái thì bên trái hung, ở bên phải thì bên phải hung.

SỐ GIAN

Nếu cần ngăn phòng, thì số gian phòng nên là số lẻ, không nên là số chẵn. Ba gian là cát, bốn gian sẽ hung, nếu là năm gian, phải có một gian không; Nếu là bảy gian, sẽ có hai gian hung. Thử xem sẽ thấy ứng nghiệm ngay.

Giải thích:

Hai đoạn văn trên bàn luận về vấn đề xây nhà tầng, gác cao và số lượng các gian phòng trong nhà. Vì tầng gác phải xây phía trên các phòng, nên sẽ xuất hiện vấn đề "chèn ép". Bởi vậy,

tốt nhất không nên chồng tầng gác phía trên nhà chính hoặc phòng khách chính. Bên trái, bên phải của nhà ở nên tránh các tầng lầu, nếu không, sẽ bị tầng lầu đè xuống nhà, rất bất lợi.

Số lượng các căn phòng nếu là số lẻ sẽ tốt, nếu là số chẵn sẽ hung. Kiến trúc nhà ở truyền thống thường tuân thủ theo nguyên tắc này. Vì vừa đảm bảo được sự đối xứng mỹ quan, mà xét từ góc độ mệnh lý, số lẻ là số sinh, số chẵn là số khắc.

CỔNG CỬA VÀ LỐI ĐI

Cổng cửa có năm loại: cổng chính, cổng giữa, cửa chính, cửa nách, cửa phòng. Cổng chính là cổng lớn phía bên ngoài cùng của cả căn nhà, có vai trò quan trọng nhất, cần đặt tại hướng tốt của căn nhà. Cổng giữa, là cổng nằm bên trong cổng chính, phía trước gian nhà chính, tức nghi môn, với tầm quan trọng kém hơn.

Trừ các nhà thuộc hướng Chấn, Tốn, Càn, Đoài không nên mở cổng thẳng hướng, tức đối diện với toạ sơn, vì nếu mở cổng thẳng hướng sẽ là cửa Tuyệt Mệnh, Hoạ Hại, rất hung. Các hướng còn lại đều có thể mở cửa thẳng từ sảnh chính trở ra. Nếu không có hai lớp cổng, thì cổng giữa cũng chính là cổng chính, cần phải quay về hướng tốt.

Cửa chung là ở bên trong sảnh chính, là cửa chung mở đến các gian phòng ngủ. Nếu nhà nhỏ ít phòng, thì chỉ tính sự tốt xấu của cổng chính. Nếu nhà lớn nhiều phòng, các phòng ở sẽ cách xa cổng chính, tác động tốt xấu của cổng chính cũng sẽ không thật rõ rệt. Khi đó, phương pháp tính cát hung là xem xét lối đi đến các phòng, nếu bên trái là hướng tốt thì chặn bên phải mà đi bên trái; Nếu bên phải là hướng tốt thì chặn bên trái mà đi bên phải, thì tốt hay xấu sẽ nhanh chóng ứng nghiệm.

Cửa nách, là những cửa nhỏ mở ở mé phải, mé trái căn nhà, dùng để chuyển củi cấp nước, cũng nên đặt ở ba hướng tốt, để trợ giúp cho vận tốt của cả nhà ở. Cửa nách còn được gọi là "xuyên cung", đây không phải là loại cửa "xuyên trời" được đề cập trong sách phong thủy xưa, mà vẫn là cửa "xuyên" vào trong nhà. Nếu cổng chính được hướng tốt, cửa nách cũng được hướng tốt, thì là cát lợi trọn vẹn.

Cửa phòng, tức cửa trước cửa sau của các phòng ở, cũng nên đặt ở ba hướng tốt. Tất cả các loại cửa nếu có từ hai cánh trở lên, thì các cánh cửa đều phải to bằng nhau mới cát lợi. Nếu cánh cửa bên trái lớn hơn, sẽ phải đổi vợ. Nếu cánh cửa bên phải lớn hơn, sẽ chủ về mồ côi goá bụa.

Nếu nhà cửa nhỏ hẹp, thì phải chú trọng đến cổng chính, và dùng cửa nách, hướng bếp để trợ giúp cho vận nhà. Nếu nhà lớn phòng nhiều, phòng ở cách xa cổng chính, tốt xấu khó ứng nghiệm, nên cần chú trọng đến cổng chung và cửa nách,

dùng cửa phòng và hướng bếp để trợ giúp cho vận nhà. Cổng chính quay về hướng tốt, thì cả nhà sẽ được cát lợi. Cửa chung quay về hướng tốt, thì khu nhà đấy sẽ được cát lợi. Cửa phòng quay về hướng tốt, thì gian phòng đó sẽ được cát lợi.

Bản thân nhà ở không có cát hung, mà phụ thuộc vào sự lành dữ của cổng cửa và đường đi. Toạ sơn của nhà ở nên đặt ở ba hướng Sinh Khí, Thiên Y, Diên Niên trong bản mệnh của chủ nhà, thì khí lành sẽ nhập trạch, mà khí vào hay ra đều theo đường tốt, tự nhiên sẽ có được phúc lành.

Nếu như ở chung với người khác, hai bên phải trái đều có cổng cửa đường đi, thì khí sẽ thất tán, vận nhà suy yếu, hoạ phúc sẽ không ứng nghiệm. Trong trường hợp đó, nếu bếp đặt ở hướng tốt sẽ cát lợi.

Hoặc nếu cổng chính quay về hướng xấu, nhưng vì thế đất không thể đổi hướng, thì nên mở một cửa phòng quay về hướng tốt để thu hút khí lành, bổ sung cho vận nhà.

Hoặc gian phòng khách vẫn quay về phía trước, nhưng phòng ngủ đổi hướng quay ra phía sau, phòng ngủ được hướng cửa, hướng đường đi tốt, cũng là cát lợi. Khi đổi hướng, thì phía sau phòng ngủ cần bịt kín, phía trước mở giếng trời. Không nên mở cửa ở chính giữa bức tường phía sau nhà vì sẽ thất tán khí tốt trong nhà. Bởi vậy, cửa bên nên mở ở những hướng tốt gần hai bên góc tường.

Khi mở cửa bên, cần phải dùng la bàn để định vị, đo đạc thật chính xác, sau đó mới được phép mở. Phương pháp đo đạc như sau: Đo từ mép mái sau của khu nhà phía sau đến mép mái phía trước của khu nhà trước, nếu được sáu mươi trượng, thì đặt la bàn ở vị trí ba mươi trượng rồi tìm hướng tốt để mở cửa. Phương vị mở cửa nên đặt tại địa chi, nên mới nói "cửa mở vào trong đất".

Không nên mở quá nhiều cửa, vì cửa nhiều khí sẽ thất tán. Đường đi trong khu nhà không nên quá quanh co, vì quá quanh co sẽ khiến vận nhà suy yếu.

Nếu cửa nhà đối diện với cửa nha môn, cửa nhà tù, cửa nhà kho, cửa đền chùa, cửa thành, sẽ rất bất lợi. Nếu cửa nhà bị đường đi đâm thẳng vào cũng bất lợi. Nếu đường đi vòng đến rồi lại quanh ra xa, như bị cánh cung hướng thẳng vào, cũng là bất lợi.

Trong nhà không nên có ba lớp cửa thẳng hàng với nhau, mà nên dịch qua dịch lại. Nóc cổng không nên cao quá nhà chính, vì dễ bị kiện tụng, tổn thương đến người nhỏ tuổi. Nếu bị cổng chào chèn khuất nhà chính, sẽ chủ về khắc vợ, điều tiếng thị phi, kiện cáo, đặc biệt là đối với những người ở nhà trên.

Nếu mở cửa ngách ở bên hông nhà, cần phải mở ở hướng tương sinh. Ví dụ: nhà toạ Quý, hướng Đinh, cửa ngách hướng Tỵ, Tỵ thuộc Hoả, nên bị Quý khắc, chủ con trai thứ bị tật bệnh về mắt. Vì cổng giữa đại diện cho chi trưởng, cửa ngách bên trái đại diện cho chi thứ, mà Khảm 2 cũng chính là trung nam.

Giải thích:

Phần này bàn về cổng cửa và lối đi, mà trọng tâm là cổng cửa.

Bài viết chia cổng cửa thành năm loại: cổng chính, cổng giữa, cửa chung, cửa nách và cửa phòng. Nhưng thường chỉ có những trang viên, những khu biệt thự lớn, kiểu cách, mới bao gồm đầy đủ các loại cửa này, còn thông thường, những hộ gia đình nhỏ không phải là hộ nào cũng có đủ. Nhưng cổng chính, cửa nách và cửa phòng thì hầu hết nhà nào cũng có. Cổng chính là lối ra vào chung của cả căn nhà, cửa nách là những cửa nhỏ dẫn đến nhà vệ sinh, giếng nước, phòng chứa củi, hay cối xay gạo. Cửa phòng là cửa ra vào của các gian phòng ở. Cổng chính và cổng giữa cần phải đặt tại hướng thượng cát của căn nhà. Cần hết sức chú ý đến hai loại cổng này, vì cổng chính nếu được đặt tại hướng tốt, thì sẽ đem lại vận tốt cho cả gia đình. Cho dù những cánh cửa khác trong nhà có ít nhiều không hợp trạch mệnh, cũng không đến nỗi có tai vạ lớn.

Trước cổng lớn có lối đi, lối đi này tốt nhất nên mở về các hướng Sinh Khí, Diên Niên, Thiên Y trong bản mệnh của chủ nhà, và không nên đối diện với cổng của nha môn, nhà kho, đền chùa, cổng thành...

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH DU TINH

Trước tiên, xuất phát từ toạ sơn để xác định du tinh, cho đến cổng chính, sau đó lại từ cổng chính xác định du tinh quay trở về hướng toạ (bản vị) của căn nhà. Nếu cát tinh nằm đúng hướng toạ, thì không nên mở cửa sau, hay mở cửa sổ phía sau, vì sẽ khiến khí tốt thất tán. Phía sau nhà có thể mở giếng trời, nhưng phía sau giếng trời nhất định phải có tường bao, phía trên không nên mở cửa hay cửa sổ.

Nếu như bị sao xấu bay đến hướng toạ, thì nên mở cửa hoặc cổng chính để bài trừ khí xấu, như vậy hung khí sẽ giảm bớt. Nếu trong khu nhà có nhà cao hơn hẳn, thì tính du tinh từ căn nhà cao nhất đó, tính đến cổng chính để xem thuộc sao nào. Nếu là nhà mới xây, thì bắt đầu tính từ cung cát đếm đến cổng chính.

Nếu nhà cao từ 4, 5 thước trở lên, thì lấy nóc nhà cao làm chủ. Nếu chỉ cao 2, 3 thước, thì vẫn căn cứ vào cổng chính để tính du tinh.

Ví dụ nhà toạ Khảm, cửa hướng Tốn, tại hướng Khảm có nhà cao làm chủ tinh. Như vậy, nếu tính lần lượt, thì hướng Tốn là hướng Sinh Khí, đại lợi. Nhưng nếu như nhà cao nằm ở phương Cấn, thì phải tính du tinh từ phương Cấn, như vậy, phương Tốn sẽ trở thành Tuyệt Mệnh. Sao khắc cung mệnh đã là hung, hơn nữa lại gặp phải cung Thổ! Những trường hợp khác có thể loại suy từ đó.

Sách "*Mãn Hải môn*" lại viết: "Nhà được hướng Sinh Khí Mộc tinh sẽ có nhiều con, cho dù ở cung Càn, cung Đoài cũng vậy, không kỵ cung mệnh khắc sao".

Giải thích:

Du tinh nghĩa là tám ngôi sao Thiên Y, Ngũ Quỷ, Hoạ Hại, Diên Niên, Tuyệt Mệnh, Lục Sát, Sinh Khí và Phục Vị, lần lượt nằm ở tám phương của Bát quái. Phi tinh được tính bắt đầu từ phương vị cung mệnh trong mệnh quái của chủ nhà, đếm đủ một vòng, để xác định các hướng tốt, xấu. Đó là nguyên lý cơ bản của phi cung. Khi xây nhà, làm cửa, đều phải căn cứ vào phương pháp này để xác định du tinh. Thế nhưng tùy từng loại hình kiến trúc mà có phương pháp tính đếm phi tinh khác nhau, và trình tự của phi cung cũng có khác nhau. Như trong phần nguyên văn đã viết, nếu nhà chính cao 4, 5 thước, thì du tinh phải được đếm từ căn nhà cao đó. Còn nếu như nhà chính chỉ cao 2, 3 thước, thì đếm du tinh từ cổng chính.

GIẾNG TRỜI

Nguyên văn:

Giếng trời cũng là một yếu tố quan trọng của nhà ở, quyết định đến tài lộc của gia đình. Giếng trời cần vuông vắn, phẳng phiu, không nên xiên lệch, lồi lõm, cũng không nên để bẩn thỉu, ảm thấp.

Nếu hai bên đại sảnh có đường phố, thì cổng thường nên đóng, để dưỡng khí tốt. Giếng trời ở nhà phú quý thường có hình dạng vuông vắn, ngay ngắn. Ở những nhà trung bình, giếng trời cũng mang ý nghĩa tích lũy.

Cổng chính ở hướng sinh khí, giếng trời đặt phương vượng, thì âm dương tự nhiên sẽ điều hoà, mà không tuôn vào ổ ạt, hai bên ắt sẽ được phù trợ.

Sách xưa viết: Không cao không lõm, không dài không hẹp, là thể vàng ngọc chất chồng, tài lộc bất tận. Nếu khuyết ở mé trái, thì người nam trong nhà sẽ bị tổn hại trước; Nếu khuyết ở mé phải, thì người nữ trong nhà sẽ bị tai vạ trước.

Giải thích:

Trong kiến trúc nhà ở, trang viên truyền thống thường có thiết kế giếng trời. Người xưa quan niệm giếng trời là nơi tích tụ tài lộc, nên có vai trò hết sức quan trọng. Phần chính văn nhấn mạnh, giếng trời cần phải vuông vắn hoặc tròn trĩnh, cân đối, ngay ngắn, sạch sẽ, không được cất xén giếng trời để dùng vào việc khác, cũng không nên để giếng trời ảm thấp, lồi lõm, sụt lún, lộn xộn.

GIƯỜNG

Nguyên văn:

Chỗ đặt giường không nên có xà nhà vắt qua. Xà nhà vắt qua đuôi giường, Kim thuộc âm, sẽ thường xuyên bị ác mộng, bóng đè; Xà nhà vắt qua đầu giường, Kim thuộc dương, chủ về bệnh ngấm.

Giường nên đặt đúng hướng Sinh Khí, không được có chút thiên lệch. Như nhà toạ Khảm hướng Tốn, xây bốn gian phòng, mà bốn gian phòng lại xây cao hơn hẳn, như vậy là Mộc được hướng Sinh Khí, là thượng cát. Giường nên đặt tại một trong bốn gian đó mới được hướng Sinh Khí, nếu lệch về phía đông sẽ là Tuyệt Mệnh, lệch sang phía Tây sẽ là Hoạ Hại, là bất lợi. Nếu hai bên nhà có nhà ngang, không cần phải câu nệ vào nguyên tắc này.

Khi đặt giường, chủ yếu căn cứ vào cửa phòng, giường nên quay đuôi vào hướng xấu, quay đầu về phương Sinh Khí (toạ sát hướng sinh), như vậy sẽ được phát tài, rộng đường nối dõi. Trở đuôi vào hướng xấu, quay đầu về hướng tốt, sẽ hoá giải được tai hoạ, nảy sinh phúc lộc.

Hướng giường nên có ánh sáng, không nên tối tăm, nếu tối tăm, trong nhà dễ có chuyện xui xẻo. Nếu phòng ở không thuận tiện để mở cửa lấy ánh sáng, có thể đặt đầu giường ở vị trí gần với ánh sáng mặt trời. Giường tránh kê đối diện với cửa phòng, nếu đối diện với cửa phòng, tốt nhất nên dùng bình phong chắn ở giữa..

Trong các việc sửa sang dương trạch, thì chuyển vị trí giường là dễ dàng nhất. Giường nên đặt ở hướng tốt trong bản mệnh và hướng tốt của phòng ở, đồng thời cũng phải đặt ở hướng tốt của toạ sơn, sẽ nhanh chóng được phát tài, có con nối dõi.

Giải thích:

Giường ngủ tốt nhất nên quay đầu về hướng Sinh Khí trong bản mệnh, để "đón sinh khí", trở đuôi về hướng xấu, vì thông thường phương vị đối diện với hướng Sinh Khí đều là hướng xấu, nên hướng của giường là "toạ sát hướng sinh".

Trong tất cả những công việc cải tạo, sắp xếp lại dương trạch, thì chuyển vị trí giường ngủ là việc dễ thực hiện nhất. Bởi vậy, trong trường hợp không thể đổi được hướng của hay hướng phòng, có thể sử dụng phương pháp chuyển vị trí giường để hoá giải hung khí.

BẾP BÀI CA QUYẾT ĐẶT BẾP

Phiên âm:

*An táo diện tây tử tôn lương;
Hướng nam thiêu hoả vô hoạ ương.
Diện đông bản cùng bất cát lợi;
Vụ yếu thôi cầu tử tế tường.*

Dịch thơ:

Quay bếp về tây lợi cháu con;
Hướng nam hoả hoạn chẳng tai ương;
Hướng đông nghèo khó không cát lợi;
Nếu muốn truy cầu nhớ xem tường.

Bếp tại cung Càn ấy diệt môn; (Ly trạch nên tránh)
Đặt ở Hợi, Nhâm hại đường con. (Khôn trạch nên tránh)
Dần Giáp đắc lộc Thìn, Mão phát; (hợp với Khảm trạch, Ly trạch)
Cấn, Ất hoả tai lại dịch ôn.
Tại Khôn, Tý, Quý nhà nghèo rớt; (Khôn trạch nên tránh)
Sử hao gia súc thai khó toàn. (Càn trạch nên tránh)
Tỵ Bính tốt tầm Canh đại cát; (Hợp với Chấn trạch)
Đặt vào phương Ngọ vượng cháu con.
Hướng Tân, Dậu, Đinh nhiều bệnh tật; (Khảm trạch nên tránh)
Thân, Tốn, Mùi, Tuất chẳng tai ương.

Nếu nhà toạ Nhâm hướng Bính, đặt bếp tại phương Càn, chỉ mấy tháng sau gia chủ sẽ gặp vạ; Nhà toạ Quý hướng Đinh, đặt bếp tại phương Càn, thì con trai cả sẽ bệnh tật; Nhà mệnh Đoài đặt bếp tại cung Càn, sẽ tổn thương đến con trai cả.

Cửa bếp cũng kỵ bị cửa hoặc đường đi trực xung, nếu bị ánh sáng từ cửa sổ chiếu thẳng vào, sẽ sinh bệnh tật.

Bếp lò nên tựa lưng về hướng xấu, cửa lò hướng về hướng tốt trong bản mệnh.

Giải thích:

Phần này bàn luận về tính chất cát hung của hướng bếp, như: Người mệnh Ly không nên đặt bếp quay về phương Càn; Người mệnh Khôn không nên đặt bếp quay về các hướng Hợi, Nhâm, Tý, Quý; Người mệnh Càn không nên đặt bếp quay về phương Sửu; Người mệnh Khảm không nên đặt bếp quay về các hướng Tân, Dậu; Người mệnh Khảm, mệnh Ly nếu đặt bếp quay về các hướng Dần, Thìn, Mão là đại cát; Người mệnh Cấn đặt bếp hướng về phương Ất là đại hung; Người mệnh Chấn đặt bếp quay về phương Ty, Bính, Canh, Ngọ là đại cát. Như vậy, hướng của bếp được xác định bằng 24 sơn. Và nguyên tắc cơ bản vẫn là, hướng bếp nên quay về ba phương Sinh Khí, Thiên Y, Diên Niên.

GIẾNG

Nguyên văn:

Giếng nên đào ở hướng sinh vượng của lai long, như vậy người nhà sẽ được thông minh trường thọ. Nếu đào giếng tại phương vị tuyệt khí của lai long, thì người nhà sẽ ngu ngốc, trì độn. Nước ở bên trái thì bên trái là Sinh Khí, nước ở bên phải thì bên phải là Sinh Khí, nếu nước dốc về bên trái thì bên trái có sinh khí, nếu dốc về bên phải thì bên phải có sinh khí. Nếu như nước dốc về phía bên trái, nhưng bên trái không có nước, thì khí sẽ ở phía trước (nếu đường ở bên phải cao hơn ở bên trái, là thế nước bên phải dốc sang bên trái, phong thủy gọi đó là thế "hữu thủy đảo tả"). Có bài ca quyết như sau:

Đào giếng phương Tý sinh diên loạn;
Phương Sửu anh em khó thuận hoà;
Dần, Mão, Ty, Thìn đều bất lợi;
Tuất Ngưu tìm nước, hoạ không xa.
Giếng tại Hợi Mùi là cực xấu;
Thân Dậu hung rồi lại hoá may;
Duy ở cung Càn chân phát bệnh;
Tại Giáp, Canh, Nhâm mặc sức đào;
Giếng bếp nhìn nhau nữ dâm loạn;
Phương Đoài khơi giếng quả không hay.

Đoài là đằm, là thiếu nữ, chủ về dâm loạn, nên tĩnh, không nên động.

Nếu đào giếng trên núi, nên đào ở chỗ long uốn mình. Nếu đào trên sông núi, sẽ không có nước.

Giải thích:

Phần này trình bày về vị trí đào giếng. Giếng có thể được đào trong khu nhà ở, cũng có thể được đào ở phía ngoài nhà để nhiều hộ hoặc cả làng sử dụng chung. Đào giếng cần phải xem hướng của lai long, lai long tức mạch núi; Đồng thời, phải căn cứ vào niên mệnh của gia chủ, dùng la bàn để đo đạc, xác định xem vị trí định đào giếng thuộc sơn nào trong hai mươi tư sơn, sau đó, mới có thể biết được vị trí đào giếng là tốt hay xấu.

Theo như bài ca quyết trong phần nguyên văn, nếu đào giếng tại mười hai sơn Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi, Càn, Đoài là không cát lợi; Đào giếng tại phương Khôn và Dậu thì xấu trước tốt sau; Mười sơn còn lại đều là cát lợi, trong đó ba phương Giáp, Canh, Nhâm là tốt nhất. Ngoài ra, không nên đào giếng đối diện với cửa bếp, nếu không may gặp trường hợp như vậy, cần phải thay đổi hướng bếp hoặc hướng giếng.

HÂM, HỔ

Nguyên văn:

Bất luận là ở vùng quê hay thành thị, nếu như đào hâm, hổ tại vị trí trọng yếu của lai long, thì sẽ tổn thương đến chủ nhà, nhẹ thì vướng chuyện kiện tụng, nặng thì mất mạng. Đào hổ tại phương Cấn, sẽ không phát được tài văn; Đào hổ tại phương Càn, phương Đoài, mẹ và con gái bé sẽ nhiều bệnh tật; Đào hổ tại phương Khảm, phương Ly, chủ về hồng mắt; Đào hổ tại phương Mão, phương Dậu, chủ về mồ côi goá bụa; Đào hổ tại phương Càn, chủ nhà sẽ gặp tai vạ.

Sách xưa có viết: *"Đào hổ tại Khôn Ly; Hao nhân đình hại vợ; Tại Đoài không bạc tiền; Nghèo khó thêm cơ nhờ; Tại Càn gặp Lộc Tôn; Mất đau, đầu vầng khổ; Phương Khảm đào hổ sâu; Cháu con thường yếu thọ; Đào hổ tại Cấn cung; Bệnh tật thêm đau khổ."*

Giải thích:

Xung quanh nhà ở không nên tùy tiện đào hổ. Nhà ở thường có lai long đem lại sinh khí, vượng khí, nếu như không biết mà đào đúng mạch khí, sẽ cắt đứt long mạch, là hết sức bất lợi. Nếu như cần thiết phải đào hổ, trước tiên, cần phải xác định rõ hướng của lai long, tuyệt đối không nên đào hổ nhằm đúng lai long. Phương pháp quan sát lai long khá đơn giản: Đứng trong khu vực nhà ở quan sát xung quanh, thấy núi ở phương nào, thì phương đấy không nên đào hổ.

HOÀNG TUYỀN QUYẾT

Phiên âm:

Canh Đình Khôn thượng thị Hoàng Tuyền;

Khôn hướng Canh Đình bất khả ngôn.

Át Bính tu phòng Tốn thủy tiên;

Tốn hướng Át Bính họa diệc nhiên.

Giáp Quý hương trung hưu kiến Cấn;

Cấn kiến Giáp Quý hung bách niên.

Tân Nhâm thủy lộ phạ đương tiên;

Càn hướng Tân Nhâm họa mạn thiên.

Dịch thơ:

Canh, Đinh gặp Khôn phạm Hoàng Tuyền;

Khôn gặp Canh Đinh chẳng phí lời.

Ất, Bính đề phòng nước phương Tốn;

Tốn gặp Ất, Bính hoạ mười mười.

Tại phương Giáp, Quý cần tránh Cấn;

Cấn gặp Giáp, Quý hung muôn đời.

Tân Nhâm gặp Càn là tối kỵ;

Càn đón Tân Nhâm vạ bằng trời.

Tại phương vị Hoàng Tuyền, tốt nhất không nên phạm phải. Tại phương vị Hoàng Tuyền nếu bị cửa trực xung, hoặc khuyết lõm, hoặc có dòng nước, lạch ngầm, hoặc bị góc nhà, góc tường, nóc nhà, cổng chào, đường đi, cột cờ chiếu thẳng vào, đợi khi Đô Thiên bay đến, tai hoạ sẽ nhanh chóng giáng xuống.

Cổng cửa, đường đi không nên phạm phải Hoàng Tuyền. Hoàng Thời Minh từng nói: Tứ lộ Hoàng Tuyền xuôi ngược, được xác định căn cứ vào phương hướng, chứ không căn cứ vào long mạch và toạ sơn. Lại chỉ có tám thiên can và bốn duy, nên mười hai địa chi sẽ không xuất hiện Hoàng Tuyền.

Xem Hoàng Tuyền thuỷ, bát luận có mấy tầng ~~nhà~~ đều đặt la bàn ở phía dưới giọt gianh để đo. Xem cổng Hoàng Tuyền, đặt la bàn tại phòng khách chính để đo. Xem các phòng ở, thì đặt la bàn ở chính giữa phòng. Xem đường Hoàng Tuyền, đặt la bàn phía dưới cổng chính, nếu là cổng hướng Càn, hướng Tốn, thì đặt la bàn dưới giọt gianh của mái trước, nếu thấy đường ở hướng Ất, Thìn, thì một chi trong nhà sẽ bị tuyệt tự. Cổng cửa phạm phải Hoàng Tuyền, thì cho dù mở về hướng Phúc Đức vẫn là hung.

Tính chất cát hung của Hoàng Tuyền là tương tự đối với dương trạch và âm trạch.

Giải thích:

Trên đây là bài ca quyết về cách tính Hoàng Tuyền. Hoàng Tuyền là những vị trí rất xấu về mặt phong thuỷ, đặc biệt sẽ nghiêm trọng hơn khi gặp nước. Bởi vậy, đây là vị trí không nên phạm đến, tuyệt đối không nên đào ao, đào giếng, xây hồ cá, làm đường trở cổng ở vị trí này. Tùy theo hướng nhà sẽ có vị trí Hoàng Tuyền bên ngoài nhà khác nhau. Vị trí Hoàng Tuyền được tính theo 24 độ số la bàn (24 sơn), và tính theo hướng nhà, chứ không căn cứ vào toạ sơn. Có nhiều loại Hoàng Tuyền, cách tính Hoàng Tuyền như trong bài ca quyết sau gọi là Tứ lộ Hoàng Tuyền. Cụ thể như sau:

Hướng Canh, hướng Đinh: Hoàng Tuyền tại Khôn.

Hướng Khôn: Hoàng Tuyền tại sơn Canh, sơn Đinh.

Hướng Ất, hướng Bính: Hoàng Tuyền tại Tốn.

Hướng Tốn: Hoàng Tuyền tại sơn Ất, sơn Bính.

Hướng Giáp, hướng Quý: Hoàng Tuyền tại Cấn.

Hướng Cấn: Hoàng Tuyền tại sơn Giáp, sơn Quý.

Hướng Tân, hướng Nhâm: Hoàng Tuyền tại Càn.

Hướng Càn: Hoàng Tuyền tại sơn Tân, sơn Nhâm.

Như vậy, ta thấy rằng, trong 24 sơn, chỉ có tám thiên can Canh, Đinh, Ất, Bính, Giáp, Quý, Tân, Nhâm và bốn duy Khôn, Tốn, Cấn, Càn là gặp Tứ lộ Hoàng Tuyền. Còn tại mười hai địa chi sẽ không xuất hiện Hoàng Tuyền.

TÍNH CHẤT CÁT HUNG CỦA HOÀNG TUYỀN

(Dương trạch - âm trạch đều như nhau)

Canh Đinh gặp Khôn phạm Hoàng Tuyền: Nhà hướng Canh, tại phương Khôn có nước chảy lại là cát, có nước chảy đi là hung; Nhà hướng Đinh, tại phương Khôn có nước chảy đi là cát, có nước chảy lại là hung. Thủy xuất phương Thìn, phương Đinh có nước chảy lại là cát; Thủy xuất phương Đinh, phương Khôn có nước chảy lại là hung.

Ất, Bính đề phòng nước phương Tốn: Nhà hướng Bính, tại phương Tốn có nước chảy lại là cát, có nước chảy đi là hung. Nhà hướng Ất, tại phương Tốn có nước chảy đi là cát, có nước chảy lại là hung. Thủy xuất phương Sửu, phương Ất có nước chảy lại là cát; Thủy xuất phương Ất, phương Tốn có nước chảy lại là hung.

Tại phương Giáp, Quý cần tránh Cấn: Nhà hướng Giáp, tại phương Cấn có dòng nước chảy đến là cát, có nước chảy đi là hung. Nhà hướng Quý, tại phương Cấn có nước chảy đi là cát, có nước chảy lại là Hung. Thủy xuất phương Tuất, phương Quý có nước chảy đến là cát; Thủy xuất phương Quý, phương Cấn có nước chảy đến là hung.

Tân Nhâm gặp Càn là rất kỵ: Nhà hướng Nhâm, tại phương Càn có nước chảy lại là cát, có nước chảy đi là hung. Nhà hướng Tân, tại phương Càn có nước chảy đi là cát, có nước chảy đến là hung. Thủy xuất phương Mùi, phương Càn có nước chảy đến là cát; Thủy xuất phương Tân, phương Càn có nước chảy đi là hung.

Giải thích:

Hoàng Tuyền là sát hung dữ nhất trong các sát về địa lý. Dù là dương trạch hay âm trạch đều phải tuyệt đối tránh Hoàng Tuyền đại sát. Bởi vậy, bài ca quyết trên phù hợp cho cả dương trạch và âm trạch.

Hoàng Tuyền sát được xác định bởi phương hướng của yếu tố nước bên ngoài nhà ở. Trước hết, dùng la bàn để xác định hướng nhà, sau đó định rõ hướng của 24 sơn. Sau khi các hướng đã được định rõ, tiếp tục quan sát cát hướng nước (thủy cục) quanh nhà để xác định các phương vị gặp Hoàng Tuyền sát. Căn cứ vào phương vị của hướng nhà để khởi Trường Sinh, để tính xem tính chất lành dữ của phương vị có nước xuất hiện. Nếu là hướng tốt, thì nước chảy đến là tốt, chảy đi là hung; Nếu là hướng xấu, thì nước chảy đi là cát, nước chảy đến là hung. Như nhà lập hướng Canh, thuộc Thổ, thì khởi Trường Sinh từ Thân, đến Khôn là Dũ, tức hướng Tham Lang cát, nên nước chảy đến là cát, chảy đi là phá thủy, phạm Hoàng Tuyền. Nhà lập hướng Đinh, Đinh thuộc Kim, khởi Trường Sinh từ Tỵ, đến Khôn là Văn Khúc, hung, nên nước chảy đi là cát, chảy lại là hung, phạm Hoàng Tuyền. Những trường hợp còn lại cũng tương tự như vậy. Về phương pháp khởi Trường Sinh, sẽ trình bày kỹ trong phần "*Khai môn phóng thủy Ngọc Liên kinh*" phía sau.

Lý thuyết phong thủy cho rằng, nếu như dương trạch phạm phải Hoàng Tuyền sát, cả gia đình sẽ không được yên ổn; Nếu như âm trạch phạm phải Hoàng Tuyền sát, gia tộc sẽ không thể phát đạt.

ĐỊA CHI HOÀNG TUYỀN

Phiên âm:

Mão Thìn Tỵ Ngọ, phạm Tốn cung;

Ngọ Mùi Thân Dậu, Khôn mạc phòng;

Dậu Tuất Hợi Tý Càn thượng lập;

Tý Sửu Dần Mão Cấn cung hung.

Dịch thơ:

Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ kỵ cung Tốn;

Ngọ, Mùi, Thân, Dậu chó tìm Khôn;

Dậu, Tuất, Tý, Hợi Càn nên tránh;

Tý, Sửu, Dần, Mão gặp Cấn hung.

BẠCH HỔ HOÀNG TUYỀN

Phiên âm:

*Càn, Giáp, Khảm, Quý, Thân, Thìn sơn;
Bạch Hổ chuyển tại Đinh Mùi gian.
Cánh hữu Ly, Nhâm, Dần kiêm Tuất;
Hợi sơn lưu thủy chủ ưu phiền.
Chấn, Canh, Hợi, Mùi tứ sơn kỳ;
Thủy nhược lưu Thân khước bất nghi.
Cánh hữu Đoài, Đinh, Tỵ kiêm Sửu;
Phạm trước Ất Thìn Bạch Hổ khi.
Khôn, Ất nhị cung Sửu mạc phạm;
Thủy lai sát nam định vô nghi.
Cấn, Bính sáu phùng Ly thượng, hạ;
Tốn, Tân ngũ Khảm họa nan di.
Thử thị Hoàng Tuyền chuyên hướng luận;
Khai môn, phóng thủy tất sâu bi.*

Dịch thơ:

Hướng Càn, Giáp, Khảm, Quý, Thân, Thìn,
Bạch Hổ gặp tại Đinh Mùi sơn.
Nếu tại Ly, Nhâm, Dần cùng Tuất,
Thấy nước sơn Hợi ắt thiệt thân.
Hướng Chấn thêm cùng Canh, Mùi, Hợi,
Nước chảy phương Thân thật chẳng nên.
Đoài, Đinh, Tỵ, Sửu bốn sơn đó,
Phạm phải Ất Thìn, Bạch Hổ nhờn.
Hai cung Khôn, Ất đừng phạm Sửu,
Gặp nước người nam ắt thiệt thân.
Cấn, Bính không ưa Ly trên, dưới,

Tốn, Tân gặp Khảm hoạ khôn yên.
Những hướng Hoàng Tuyền như thế ấy,
Trở công, gặp nước hẩn tai ương.

BÁT SÁT HOÀNG TUYỀN

Phiên âm:

*Khảm long, Khôn thố, Chấn sơn hầu,
Tốn kê, Càn mã, Đoài xà đầu,
Cấn hổ, Ly trư vi sát diệu,
Phạm chi mộ trạch nhất tề hưu.*

Dịch thơ:

Khảm rồng, Khôn thỏ, Chấn gặp khi,
Tốn gà, Càn ngựa, Đoài gặp xà,
Cấn hổ, Ly heo là hung sát,
Nhà, mộ phạm vào hoạ khó qua.

Giải thích:

Tại phương vị phạm Bát sát Hoàng Tuyền, cũng tuyệt đối không nên trở công, làm đường đi, đào giếng, hay có nước. Bát sát Hoàng Tuyền được tính theo toạ sơn, cụ thể như sau:

Nhà toạ Khảm: Bát sát Hoàng Tuyền tại Thìn;

Nhà toạ Khôn: Bát sát Hoàng Tuyền tại Mão;

Nhà toạ Chấn: Bát sát Hoàng Tuyền tại Thân;

Nhà toạ Tốn: Bát sát Hoàng Tuyền tại Dậu;

Nhà toạ Càn: Bát sát Hoàng Tuyền tại Ngọ;

Nhà toạ Đoài: Bát sát Hoàng Tuyền tại Tý;

Nhà toạ Cấn: Bát sát Hoàng Tuyền tại Dần;

Nhà toạ Ly: Bát sát Hoàng Tuyền tại Hợi;

Khi khởi công hay chôn cất cũng phải tránh ngày phạm Bát sát Hoàng Tuyền.

SỐ MỆNH

Nguyên văn:

Trở công, mở đường tại ba hướng tốt của trạch mệnh, sẽ được phúc lộc. Nếu làm ngược lại, sẽ rước vạ vào nhà. Ấy là do không hợp với số mệnh. Bởi vậy, nhà ở cần phải phù hợp với hướng sinh mệnh.

Ví dụ nhà Mộc, sao Mộc, nếu người mệnh Thuỷ ở đó, gọi là "hoá" (sinh); Nếu người mệnh Kim ở đó, gọi là "chế" (khắc). Sao Phá Quân ở phương Tốn sẽ khắc vợ, nhưng nếu là người mệnh Thuỷ ở nhà Hoả thì không kỵ.

Sách "*Đầu linh kinh*" có viết: "Khi tính phương hướng nhà, chỉ căn cứ vào niên mệnh của chủ nhà, chứ không tính cả niên mệnh của em trai, con trai, con gái, cháu, hay vợ. Nếu chủ nhà đã mất, thì tính theo niên mệnh của con trai cả, còn em trai, các con, cháu thì căn cứ theo niên mệnh của mỗi người để phân chia các phòng đông, tây. Nếu chỉ có người mẹ gánh vác gia đình, thì căn cứ vào niên mệnh của người mẹ.

Nếu như nhà là Tây tứ trạch, mà vợ là mệnh đông, chồng là mệnh tây, thì cần phải ở ra sao? Nếu ở phòng bắc, thì chồng ở gian phía tây, vợ ở gian giữa, vậy gian giữa được coi là Khảm. Nếu ở phòng nam, thì chồng ở gian phía tây, vợ ở gian giữa hoặc gian phía đông, trung và đông tức Tốn, Ly. Nếu ở phòng đông, thì chồng ở gian phía bắc, vợ ở gian giữa hoặc gian phía nam, trung và nam tức Chấn, Tốn. Nếu ở phòng tây, thì chồng ở gian giữa, vợ ở gian chính nam hoặc chính bắc, nam và bắc có thể coi là Khảm, Ly. Về hướng kê giường, thì đầu giường nên quay về hướng đông nam. Nhìn chung, nếu mệnh vợ, mệnh chồng khác nhau, thì lấy mệnh chồng làm chủ. Những trường hợp khác cũng loại suy ra từ đó.

Giải thích:

Phần này chủ yếu trình bày về trình tự trong cách tính niên mệnh. Thường một gia đình thường gồm nhiều thành viên, bởi vậy, trạch mệnh cần căn cứ vào niên mệnh của người nam có vai vế lớn nhất trong nhà. Nếu như chủ nhà đã qua đời, thì căn cứ vào niên mệnh của nữ chủ nhân. Nếu như vợ chồng chủ nhà đều đã mất, thì căn cứ vào niên mệnh của con trai trưởng. Đó là cách tính niên mệnh chung cho cả gia đình. Nhưng nếu như đã chia bếp ở riêng, thì cho dù vẫn sống chung trong một khu nhà, nhưng mỗi phòng sẽ căn cứ vào niên mệnh của mỗi người để lập toạ, hướng.

Nếu như mệnh vợ mệnh chồng khác nhau, thì nên ở hai phòng với phương vị khác nhau, như đã trình bày trong phần nguyên văn.

NGUYÊN TẮC CHẾ PHỤC CỦA CỬU TINH

Phiên âm:

*Sinh Khí hàng Ngũ Quỷ; Thiên Y khi Tuyệt Mệnh;
Diên Niên áp Lục Sát; Chế phục an bài định.*

Dịch thơ: Nguyên tắc khắc chế của Cửu tinh

Sinh Khí hàng Ngũ Quỷ;
Thiên Y khinh Tuyệt Mệnh;
Diên Niên chèn Lục Sát;
Chế phục như đã định.

Giải thích:

Phần này trình bày về quy luật ba cát tinh khắc chế ba hung tinh: Sinh Khí khắc chế Ngũ Quỷ; Thiên Y khắc chế Tuyệt Mệnh; Diên Niên khắc chế Lục Sát. Ba dạng khắc chế như trên được gọi là "chính áp", chủ về bình an vô sự.

BẤT TRẠCH MINH KÍNH

QUYỀN HẠ

ĐỒ HÌNH THÌN NAM TUẤT BẮC PHÂN CHÉO

Tôn	Ty	Bính	Ngọ	Đinh	Mùi	Khôn
Thìn	Tôn Âm Tây Phương nam Âm Ly Khôn Đoài					Thân
Ất						Canh
Mão						Dậu
Giáp						Tân
Dần						Tuất
Giết	Sửu	Quý	Tý	Nhâm	Hợi	Cấn

Trên đây là hai mươi tư phương vị âm dương, đông tây. Đông tây chia thành quẻ dương, quẻ âm. Quẻ dương quẻ âm ở đây là âm dương sinh ra từ Lưỡng nghi, chứ không phải là đông tây theo du niên. Bốn quẻ Tốn, Ly, Khôn, Đoài thuộc âm, mỗi quẻ quản ba sơn. Bởi vậy, mười hai sơn từ Thìn đến Tân là thuộc Âm, nằm về phía nam vạch chéo phân giới; Mười hai sơn từ Tuất đến Ất gồm bốn quẻ dương Cấn, Khảm, Cấn, Chấn, nên thuộc Dương, nằm ở phía bắc vạch phân giới. Dương là vạch liền, âm là vạch đứt, một phòng một vạch, sáu hào ghép thành quẻ, mà định ra sự cát hung của đông tây. Phàm là chuyện chuyển nhà, đổi bếp, đều có lai lộ. Tức đi ra ngoài, thuê nhà, tạm trú, thăng quan nhiệm chức, con gái gả chồng đi về nhà mẹ đẻ, dù trăm ngàn dặm hay chỉ vắn vện vài thước, đều có hướng đi đến, gọi là lai lộ. Như nhà cũ ở phía tây đường phố, sau dọn đến phía đông đường phố ở, tức nhà mệnh Chấn, đó là lai lộ Đông tứ trạch, người Đông tứ mệnh dọn đến ở sẽ cát; Người Tây tứ mệnh dọn đến sẽ hung, gọi là "lai lộ vô căn" (lai lộ không có gốc), ở nhà đó sau một tháng sẽ tổn hao tài lộc; Sau một trăm ngày sẽ sinh bệnh tật, thị phi; Sau nửa năm sẽ mất con, phá sản. Nếu người Tây tứ mệnh chuyển nhà đến bốn phương vị Tây lại là cát, ở một tháng sẽ phát tài nhỏ, sau một năm sẽ phát tài lớn, lại được sống thọ. Nhưng nếu người Đông tứ mệnh chuyển đến ở Tây tứ trạch, sẽ là hung.

Khi chuyển bếp, cũng theo nguyên tắc tương tự như vậy. Nếu lai lộ không tốt, cũng có thể áp dụng phương pháp "ăn nhờ bếp khác" trong 49 ngày, chọn lấy phương vị lai lộ tốt. Tác động cát hung của lai lộ không phân biệt gần, xa, lâu dài hay tạm thời, cho dù chuyển ngay sang nhà kế bên hay một thước một trượng, cũng có ứng nghiệm. Đó chính là nguồn gốc của hoạ phúc, nên khi xem nhà, không thể không thận trọng.

Giải thích:

Đồ hình "Thìn nam Tuất bắc phân chéo" trên đây đã chia hai mươi tư sơn thành hai nửa bằng một đường vạch chéo, tạo thành phương dương đông bắc và phương âm tây nam, dùng hai sơn Tuất, Thìn làm phân giới, mỗi nửa gồm mười hai sơn: Phương dương gồm Thìn, Tốn, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Canh, Dậu, Tân; Phương âm gồm Tuất, Càn, Hợi, Nhâm, Tý, Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp, Mão, Ất. Cách phân chia âm - dương như vậy là căn cứ vào Bát quái: Tốn, Ly, Khôn, Đoài là bốn quẻ âm, Khôn là quẻ thuần âm, cai quản Tốn, Ly, Đoài; Càn, Khảm, Cấn, Chấn là bốn quẻ dương, Càn là quẻ thuần dương, cai quản Khảm, Cấn, Chấn. Mỗi quẻ quản ba sơn, nên có mười hai sơn thuộc dương, mười hai sơn thuộc âm. Vạch chéo phân đôi hai nửa âm dương gọi là "vạch âm dương đông tây". Đưa các khái niệm âm - dương này vào bát quái, có thể quy nạp thành hai phương đông, tây, tức đã hợp nhất với trạch mệnh Đông - Tây. Đó là nền tảng lý luận để xác lập nên khái niệm "lai lộ". Lai lộ, tức chỉ hướng di chuyển hoặc xuất hành. Ví dụ như chuyển nhà từ mé tây sang mé đông, tức từ phương Đoài chuyển sang phương Chấn, đó là lai lộ Đông tứ trạch. Lai lộ không phân biệt khoảng cách gần xa, chỉ cần có sự dịch chuyển, dù rất ngắn, cũng đã động chạm đến vấn đề phương vị, nên trạch mệnh đều phải tính toán lại.

Lai lộ được tính căn cứ vào vị trí của nhà cũ. Khi chuyển nhà, cần phải xác định rõ hướng di chuyển, xem có cát lợi hay không. Trước tiên, cần dùng la bàn để xác định rõ đông tây, âm dương, sau đó căn cứ vào niên mệnh để phối quẻ, xem chọn hướng nào sẽ cát lợi. Người thuộc Tây tứ mệnh nên chuyển nhà về hướng tây của nhà cũ. Người thuộc Đông tứ mệnh nên chuyển nhà về hướng đông của nhà cũ. Nếu ngược lại, sẽ không cát lợi, thậm chí còn có thể gặp nhiều vận hạn, như trong phần chính văn đã đề cập đến. Trường hợp đổi bếp cũng tương tự như vậy.

Nhưng trong thực tế cuộc sống, rất khó có thể mọi sự đều theo đúng quy tắc phương vị. Nếu người Đông tứ mệnh phải dọn nhà đến phía tây nhà cũ, hoặc người Tây tứ mệnh phải dọn nhà đến phía đông nhà cũ, đều là bất lợi, là "lai lộ vô căn".

Trong trường hợp đó, có thể áp dụng một vài phương pháp thay đổi lai lộ để giảm nhẹ hoặc hoá giải hung hại của lai lộ xấu.

Ví như người Đông tứ mệnh phải dọn đến nhà mới ở phía Tây nhà cũ, có thể đi theo đường vòng. Trước tiên, đi từ nhà cũ vòng lên phía bắc, đến điểm cách nhà mới chừng một cây số về phía tây, dừng lại chừng nửa tiếng. Sau đó tiếp tục quanh về nhà mới. Như vậy, lai lộ đã được thay đổi, chuyển theo hướng từ tây sang đông. Nhưng tác dụng của phương pháp này không lớn. Nếu thực sự muốn tìm phương pháp thay đổi lai lộ có uy lực hơn, cần phải kết hợp với thuật Kỳ

môn dọn giáp, tìm đúng thời điểm Kỳ môn nằm tại phía tây của nhà mới, để dọn vào nhà từ Kỳ môn, như vậy mới có thể phát huy tối đa tác dụng của thuật thay đổi lai lộ.

Còn nếu như không rành về Kỳ môn dọn giáp, có thể áp dụng phương pháp "ăn nhờ bếp khác" trong 49 ngày như phần nguyên văn đã đề cập đến để thay đổi lai lộ. Như trong ví dụ trên, người Đông tứ mệnh chuyển nhà sang hướng tây là không cát lợi, vậy nên tìm một địa điểm ở phía tây nhà mới để ăn ở nhờ trong vòng 49 ngày, sau đó chuyển sang nhà mới. Như vậy, lai lộ đã trở thành từ tây sang đông. Còn về tại sao phải ở 49 ngày, là bởi vì cần có sự kết hợp về không - thời gian. Cứ 7 ngày là một "tiểu lai phục" (một tuần), cần phải qua bảy "tiểu lai phục" thì không gian mới có thể định được, vì bản thân phương vị không gian là bất định, cần phải kết hợp với thời gian, địa điểm. Sau 49 ngày mới có thể xác định được phương vị âm, dương. Không nên từ âm chuyển sang âm, vì như thế là cô âm, không sinh; Cũng không nên từ dương chuyển sang dương, vì như thế là cô dương, không phát triển, không có thừa tự.

BÀI CA QUYẾT CHÔNG QUÊ NGUYÊN KHÔNG TÍNH LAI LỘ CHUYỂN NHÀ

Phiên âm:

Nguyên Không trang quái quyết,

Đời khứ nhị hào hào,

Trú trạch vi tam tượng,

Khí khẩu phản vi sơ.

Dịch thơ:

Quê Nguyên Không muốn sắp,

Đi, đến tạo hai hào,

Nhà mới ba hào tiếp,

Khí khẩu trở hào đầu.

Giả sử nhà vốn ở phương chính đông, nay chuyển sang phương chính tây, tức là từ dương chuyển sang âm, hướng chính đông là lai lộ, chính tây là hướng của nhà mới. Chính đông là phương Chấn, nằm ở nửa phía bắc trong đồ hình âm dương Thìn nam Tuất bắc, tức thuộc phương dương, nên vạch một hào dương (—). Chính Tây là phương Đoài, nằm ở phía nam đồ hình âm dương Thìn nam Tuất bắc, là phương âm, nên vạch một hào âm (--) ở phía trên hào dương, tạo thành (==), đó chính là "Đi, đến tạo hai hào", tức hào thứ nhất thể hiện tính chất âm dương của phương vị nhà cũ, hào thứ hai thể hiện tính chất âm dương của phương vị nhà mới.

Nếu nhà mới là Trạch Đoài, thì tiếp tục vạch ra ba hào của quẻ Đoài (☱), chồng tiếp lên hai hào trước đó, tạo thành (☶), như vậy là "*Nhà mới ba hào tiếp*". Lại tiếp tục xem hướng cổng, hướng của bếp của nhà mới xem thuộc quẻ nào (cổng lớn và cửa bếp đều được gọi là "khí khẩu": cửa khí). Nếu quay về hướng nam và hướng tây, tức phía nam vạch phân giới âm dương, thuộc phương âm, thì tiếp tục vạch một hào âm xuống dưới năm hào đã vạch làm hào đầu, sắp thành (☷), tức "*Khí khẩu trở hào đầu*". Như vậy, ta có quẻ dưới (hạ quái) là quẻ Khảm, với ba hào gốc; Quẻ Đoài tức trạch mệnh của nhà mới là quẻ trên (thượng quái), với ba hào ngọn. Sáu hào trên dưới kết hợp thành quẻ Trạch Thuỷ Khôn. Lại lấy mệnh quái làm quẻ mình (thân quái), kết hợp với quẻ gốc và quẻ ngọn thành ba quẻ. Đoài thuộc Kim, Khảm thuộc Thủy, tuy Kim Thủy tương sinh, nhưng ngặt vì Đoài thuộc Tây tứ, Khảm thuộc Đông tứ, lại là Hoạ Hại Lộc Tồn Thổ tinh của Đoài, chủ về tổn hại đến phụ nữ, người nhỏ tuổi, là đại hung. Nếu người Tây tứ mệnh chuyển sang ở nhà đó, lập tức gặp hung hại, lụn bại. Nếu người Đông tứ mệnh chuyển đến ở nhà đó, thì tai hoạ có giảm bớt, cũng là vì đạo lý đó.

Nếu muốn gặp dữ hóa lành, cần phải nhanh chóng đổi hướng cổng, hướng bếp để chuyển sang phía bắc của đồ hình Thìn nam Tuất bắc phân chéo. Như vậy, hào đầu khí khẩu sẽ trở thành hào dương, quẻ dưới sẽ trở thành quẻ Đoài, tức phương Phục Vị của Đoài. Nếu người mệnh Càn, mệnh Cấn ở nhà đó sẽ tốt, vì đối chiếu niên mệnh với quẻ gốc, quẻ ngọn, thì sẽ gặp sao Sinh Khí, Diên Niên. Hoặc có thể xây thêm tầng thứ ba, để đổi hào thứ sáu, tạo thành quẻ Càn, hợp với cát tinh Sinh Khí của Đoài, sẽ nhận được phúc lộc. Những trường hợp khác cũng loại suy từ đó.

Khi làm bếp cho nhà mới, cũng cần áp dụng bài ca quyết này. Nếu cần đổi vị trí bếp, thì lấy phương vị của nhà ở làm ba hào, quẻ ngọn có thể không bàn đến, quan trọng nhất là đối chiếu niên mệnh với lai lộ âm dương để định cát hung. Nói tóm lại, quẻ sắp theo lai lộ là quẻ gốc, quẻ bản mệnh là quẻ mình (thân quái), cung quẻ của nhà mới là quẻ ngọn; Trong đó, quan trọng nhất là quẻ gốc và quẻ mình. Ví dụ, nhà mệnh Khảm, dời bếp từ hướng tây sang hướng đông, cửa bếp quay về hướng Tồn. Như vậy, quẻ của nhà là Khảm, quẻ của bếp là Tồn, được hướng Sinh Khí, người Đông tứ mệnh ở nhà đó sẽ cát lợi.

Giải thích:

Bài ca quyết về cách sắp quẻ Nguyên Không trên đây được dùng để phán đoán cát hung căn cứ vào lai lộ. Phương pháp sắp quẻ đã được trình bày chi tiết tại phần nguyên văn. Sau khi sắp quẻ xong, đối chiếu niên mệnh cùng với quẻ gốc, quẻ ngọn, nếu xuất hiện xung khắc, bất hợp là hung. Trong trường hợp đó, có thể sử dụng các phương pháp đổi hướng bếp, hướng cửa, rút hào đôi tượng như trong phần nguyên văn đã đề cập, để biến dữ thành lành.

BÀI CA QUYẾT VỀ HƯỚNG QUẺ LAI LỘ CỦA BẾP

Nguyên văn:

Bếp lò chỉ xem phương vị chứ không xem hướng; Cửa bếp chỉ xem hướng chứ không xem phương vị. Nhưng quẻ của bếp cần phải kiêm cả phương và hướng. Nhà một khi đã động, đều ứng với quẻ, tác dụng của quẻ có ba: Thứ nhất là xây nhà, xếp hào vạch quẻ, là phối quẻ. Thứ hai là sửa nhà, rút hào đổi tượng, dẫn khí Tam nguyên, là đổi quẻ. Thứ ba là đổi hướng bếp, phối hợp niên mệnh với lai lộ, đó là quẻ bếp. Trong ba thứ đó, đổi hướng bếp là ứng nghiệm nhanh nhất. Về phương pháp tính toán lai lộ, căn cứ vào hai mươi tư sơn của la bàn, từ Thìn là nam, từ Tuất là bắc, dùng vạch chéo phân giới, từ Thìn, Tốn đến Tân thuộc phương âm; Từ Tuất, Càn đến Ất thuộc phương dương. Nếu người mệnh Tây mà bếp cũ ở phương Tốn Ty là không cát lợi. Nay chuyển đến phương Càn Hợi tây bắc, tức chuyển từ âm sang dương. Cho dù khoảng cách chỉ ngắn vài thước hay xa ngoài trăm trượng, thì quẻ nên là Càn, Khôn, Cấn, Đoài, của bếp nên quay về hướng tây, như vậy sẽ hợp cả với hai phương pháp Bàn Cấn, Nguyên Không, người Tây tứ mệnh ở nhà đó sẽ cát lợi, trong vòng nửa tháng sẽ có lộc, chừng hơn một năm sẽ sinh con trai. Nếu người Đông tứ mệnh chuyển đến đó, sẽ gặp hung, trong vòng nửa tháng sẽ hao tài, chừng hơn năm sau sẽ mất con.

Người Đông tứ mệnh, bếp cũ ở phương Càn Hợi tây bắc là không cát lợi, nay dời về phương Tốn Ty, tức chuyển từ dương sang âm. Cho dù khoảng cách di chuyển là gần hay xa, thì quẻ nên là Khảm, Ly, Chấn, Tốn, của bếp nên hướng về phương đông nam. Như vậy, sẽ hợp với cả hai phương pháp Bàn Cấn, Nguyên Không, người Đông tứ mệnh sử dụng sẽ cát lợi, người Tây tứ mệnh sử dụng sẽ hung hại.

Lại xét đến vị trí đặt bếp, tức nơi thông khói, bộ bếp nấu, người đời thường coi đó là chuyện nhỏ, mà không biết nó có liên quan đến gia trạch. Nếu trấn tại hướng xấu trong bản mệnh sẽ cát, nếu đặt tại hướng tốt trong bản mệnh sẽ hung. Điều này rất ứng nghiệm. Ví như đặt bộ bếp tại phương Sinh Khí, sẽ chủ về truy thai, không con hoặc bị người dèm pha, không tụ tài, người phải lưu vong, gia súc tổn thất. Nếu đặt bộ bếp tại phương Thiên Y, sẽ chủ về bệnh tật liên miên, thể lực yếu ớt, thuốc thang vô hiệu. Nếu đặt bộ bếp tại phương Diên Niên, sẽ chủ về nghèo khó, yếu thọ, hôn nhân khó thành, vợ chồng bất hoà, người đau ốm, gia tài hao tổn. Đặt bộ bếp tại phương Phục Vị, chủ về không tiền của, nghèo khổ, mọi việc trắc trở. Nhưng nếu đặt bộ bếp tại phương Tuyệt Mệnh, sẽ được khoẻ mạnh trường thọ, thêm nhân đinh, được con trai, phát tài phát lộc. Nếu đặt bộ bếp tại phương Lục Sát, sẽ tránh được kiện tụng, có được tài lộc, không gặp hoả tai, không hại người nhà. Nếu đặt bộ bếp tại phương Hoạ Hại, sẽ không bệnh tật, kiện tụng, không hao tài. Đặt bộ bếp tại phương Ngũ Quỷ, sẽ tránh được trộm cướp, thu hút được nhân đinh, phụ tá trung thành giúp chủ phát tài, không bệnh tật tai hoạ, gia tài vượng phát.

Muốn xem xét đúng phương vị, cần phải tiến hành đo đạc khu đất làm nhà thật chính xác, không được đoán chừng dễ dẫn đến sai lầm. Nên lấy một tờ giấy lớn, rồi đo đạc các kích cỡ của nhà ở, vẽ lại trên giấy, cứ một trượng thu nhỏ thành một tấc, để tiện tính toán. Sau đó chia làm tám cung, cộng với phần chính giữa là chín phần, chia rõ ra để nhận biết được vị trí các phương vị, phân ra từng cung để xem bếp nằm ở phương nào thì phù hợp với niên mệnh của chủ nhà, nằm ở phương nào thì kỵ với niên mệnh của chủ nhà. Như vậy, sự cát hung đã trở nên rạch ròi. Theo phép xem nhà ở, thì bệ bếp xem phương vị, cửa bếp xem hướng. Như người mệnh Đoài, cửa bếp quay về hướng Đoài thì được hướng Phục Vị, vạn sự như ý. Người mệnh Đoài mà cửa bếp quay về hướng Cấn là được hướng Sinh Khí, phát tài, đông con. Người mệnh Đoài mà cửa bếp quay về hướng Khôn, tức được hướng Thiên Y, chủ về không bệnh tật, có bệnh cũng mau khỏi. Người mệnh Đoài mà cửa bếp quay về hướng Cấn, tức được hướng Diên Niên, chủ về hoà thuận, không bệnh tật, thêm tuổi thọ. Bốn phương vị trên và mệnh Đoài đều thuộc Tây tứ mệnh, bếp Tây tứ. Những hướng còn lại sẽ phạm phải Hoạ Hại, Lục Sát, Ngũ Quỷ, Tuyệt Mệnh, lập tức gặp hung hại.

Cửa phòng, giường, cối xay, nhà xí chỉ xem phương toạ, chứ không xem hướng. Như người Đông tứ mệnh, thì phòng ở và giường đều nên hướng về phương Đông tứ, nếu lỡ hướng về Tây, cần nhanh chóng đổi phòng, ở phía đông sẽ cát lợi. Những trường hợp khác có thể loại suy từ đó.

Nếu như có một khu nhà hướng về phía nam, thì lấy những gian bên tay trái làm hướng đông. Nếu chỉ có một gian nhà quay về hướng nam, thì cũng có thể coi phần bên trái nhà là hướng đông. Phạm là bệ bếp, ống khói, nhà xí, đều nên đặt ở hướng xấu trong bản mệnh, sẽ có được phúc lành. Nếu muốn dịch chuyển vị trí, cần phải cẩn thận với phương vị chuyển đến. Nếu chuyển nhầm hướng xấu, hoặc vì lai lộ âm dương có vấn đề, sẽ lập tức gặp chuyện hung. Chỉ cần dịch chuyển chừng hơn thước, điểm hung cũng sẽ ứng nghiệm.

Nói tóm lại, phòng ở, lai lộ, hướng bếp đều được hướng tốt, sẽ được phúc lành. Về âm dương của lai lộ, nếu lai lộ từ âm sang dương, hay từ dương sang âm sẽ cát lợi. Nếu từ dương sang dương, từ âm sang âm là hung. Trùng dương hại người nam, trùng âm hại người nữ. Phạm phải ba điều, phá sản, tuyệt tự.

Giải thích:

Phần này bàn luận về phương và hướng của bếp. Bếp gồm hai bộ phận, cửa bếp và bệ bếp. Cửa bếp chỉ xem hướng, chứ không cần xem xét được đặt ở phương vị nào. Thân bếp ứng với quẻ, nên vừa phải xem cả phương và hướng. Cửa bếp cần quay về ba hướng tốt sẽ cát lợi. Bệ bếp được đặt tại phương nào sẽ trấn áp sao tại phương đó, nên sẽ có ứng nghiệm hoạ phúc khác nhau, như trong phần chính văn đã trình bày. Bởi vậy, khi đặt bếp, cần phải xem xét vị trí cụ thể của bếp trong phạm vi nhà ở, đồng thời cũng phải tính toán đến hướng của cửa bếp và miệng ống khói.

TỔNG QUÁT VỀ TÁM PHƯƠNG VỊ CÁT HUNG

"*Kinh Dịch*" có tám quẻ, nhà ở cũng có tám phương hướng, lại chia thành bốn hướng tốt, bốn hướng xấu, đó là điều mà người nào cũng có. Trong tám phương đó, cát tinh thứ nhất là Sinh Khí Tham Lang Mộc tinh. Nếu được phương Sinh Khí, sẽ sinh được năm con trai, thăng quan chức, phú quý tột bậc, vượng phát về người, phúc lộc đầy nhà, chỉ vài tháng sẽ phát tài lớn. Cát tinh thứ hai là Thiên Y Cự Môn Thổ tinh. nếu niên mệnh của vợ chồng được hướng này, lai lộ, hướng phòng, giường, hướng bếp được hướng Thiên Y, sẽ sinh được ba con trai, giàu có, không bệnh tật, vượng phát về người, gia súc, diên sản, chừng hơn một năm sẽ phát tài. Cát tinh thứ ba là Diên Niên Vũ Khúc Kim tinh, nam nữ nếu hợp được quẻ Diên Niên, lai lộ, hướng phòng, giường, hướng bếp được hướng này, sẽ có bốn con trai, giàu có trung bình, sống thọ, ngày ngày đắc tài lộc, vợ chồng hoà thuận, hôn nhân sớm thành, vượng phát về người và gia súc, diên sản, cát lợi lâu dài. Cát tinh thứ tư là Phục Vị Phụ Bát Mộc tinh, nếu được hướng này, sẽ phát tiểu phú, tuổi thọ trung bình, ngày ngày đắc tiểu tài, sinh nhiều con gái ít con trai. Cửa bếp, cửa lò, cổng chính quay về hướng Phục Vị trong niên mệnh của chủ nhà, dợi khi Thiên Ất Quý nhân chiếu đến Phục Vị, thì năm đó ắt sinh quý tử, lại nuôi nấng dễ dàng, rất hiệu nghiệm. Bốn phương trên là phương tốt, nên đặt giường, trổ cổng, cửa phòng (nhưng còn phải hợp với nguyên vận), đặt hương hoả, ban thờ thổ địa, từ đường, cửa hàng, kho chuồng. Những kiến trúc trên đều phải hợp với bốn phương tốt, kỵ bốn phương xấu.

Sao xấu thứ nhất là Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim tinh. Nếu hướng nào trong nhà phạm phải phương vị này trong bản mệnh, sẽ chủ về tuyệt tự hoặc tổn hại đến con cháu, không sống thọ, bệnh tật, hao tài, gia súc diên sản hao hụt, tổn thương đến người nhà. Sao xấu thứ hai là Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hoả tinh. Phạm phải sao này, chủ về nô bộc, gia nhân bỏ trốn, gặp trộm cướp nhiều lần, lại bị hoả hoạn, bệnh tật, thị phi, hao tài, gia súc diên sản thất thoát, người nhà tổn thất. Sao xấu thứ ba là Lục Sát Văn Xương Thủy tinh, phạm phải sao này chủ về hao tài, thị phi, gia súc diên sản thất thoát, tổn hại người nhà. Sao xấu thứ tư là Hoạ Hại Lộc Tồn Thổ tinh, phạm phải sao này chủ về kiện tụng thị phi, bệnh tật, hao tài, tổn thương người nhà. Bốn hướng xấu trong bản mệnh nên đặt nhà xí, thùng phân, bể bếp, ống khói, giếng, cối xay, nhà chứa củi, chỗ ngồi cho khách, giường, bàn, làm phòng nhân rồi, nên người có nhà cần thận trọng tin theo.

Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Văn Khúc là sao dương; Lộc Tồn, Phá Quân, Liêm Trinh, Phụ Bát là sao âm. Càn, Khảm, Cấn, Chấn là cung dương; Tốn, Ly, Khôn, Đoài là cung âm. Cung là bên trong, sao là bên ngoài, trong khắc ngoài là hung một nửa; Ngoài khắc trong là hung hoàn toàn. Sao dương khắc cung âm bất lợi cho người nữ; Sao âm khắc cung dương bất lợi cho người nam. Ví dụ như Lộc Tồn Thổ tinh là sao âm, gặp trung nam thuộc cung mệnh Khảm dương là bất lợi.

Giải thích:

Phần này trình bày về tính chất cát hung cụ thể của tám phương vị tương ứng với tám sao Sinh Khí, Diên Niên, Hoa Hại, Tuyệt Mệnh, Ngũ Quỷ, Lục Sát, Thiên Y, Phục Vị. Bốn cát tinh và bốn hung tinh gắn liền với tám cung mệnh của con người, điều đó có nghĩa là tất cả mọi người đều phải đối diện với các sao tốt và sao xấu. Trong mối quan hệ tương tác giữa cung mệnh và các cát tinh, hung tinh, có trường hợp sao khắc mệnh, có trường hợp mệnh khắc sao, có trường hợp dương khắc âm, có trường hợp âm khắc dương, mỗi trường hợp có mức độ ảnh hưởng không giống nhau.

HƯỚNG CỦA BẾP

Nguyên văn:

Cửa bếp, tức là phần cửa ở phía dưới nơi đặt nồi chùng hơn thước, tức cửa để đưa củi, thổi hơi vào lò. Ảnh hưởng cát hung của cửa bếp là rất nhanh chóng, chùng một vài tháng là ứng nghiệm. Nếu người mệnh Đông mà cửa bếp hướng về đông là cát, hướng về tây là hung. Người mệnh Tây mà cửa bếp hướng về tây là cát, hướng về đông là hung. Người đốt lửa nấu cơm, lưng phải quay về phương tốt, mặt hướng về cửa lò, như vậy mới là hướng tốt thực sự.

Giải thích:

Về vấn đề cát hung của cửa bếp, trong cuốn sách này đã có nhiều lần đề cập đến. Phần này tiếp tục nhắc lại một lần nữa và nhấn mạnh "cát hung của cửa bếp là rất nhanh chóng, chùng một vài tháng là ứng nghiệm", để nhắc nhở mọi người nên chú trọng đến bộ phận này.

PHÒNG Ở

Nguyên văn:

Phòng ở, là nơi ông cháu, cha con, cháu chắt, anh em cư trú, cũng là nơi đặt hướng giường. Dẫu rằng chưa ở riêng từng phòng, nhưng một trương một thước giường ngủ trong một phòng cũng được coi là nơi ở. Ví dụ như người mệnh Tây, nên đặt giường ở phía tây giường ngủ của cha mẹ, sẽ cát lợi, nếu đặt ở phía đông sẽ hung. Phương pháp này không căn cứ vào tầng trên tầng dưới, mà chỉ cốt ở phương vị không gian hợp với cung mệnh, sẽ tránh được bệnh tật, lại có thêm phúc thọ. Bởi vậy, các anh em trong nhà, người mệnh Đông thì ở mé đông, người mệnh Tây thì ở mé tây, sẽ cát lợi. Không nên cứng nhắc theo tục lệ anh ở mé đông, em ở mé tây.

Giải thích:

Phần này tiếp tục nhấn mạnh rằng, khi chia phòng, chia bếp, nhất thiết phải theo nguyên tắc người Đông tứ mệnh ở phòng đông, người Tây tứ mệnh ở phòng tây. Cho dù anh em ở chung một phòng, thì giường ngủ cũng phải bố trí theo nguyên tắc đó, chứ không nên cứng nhắc theo quan niệm "tả tôn hữu ti" (bên trái cao, bên phải thấp) để bố trí anh ở mé đông, em ở mé tây.

TU PHƯƠNG

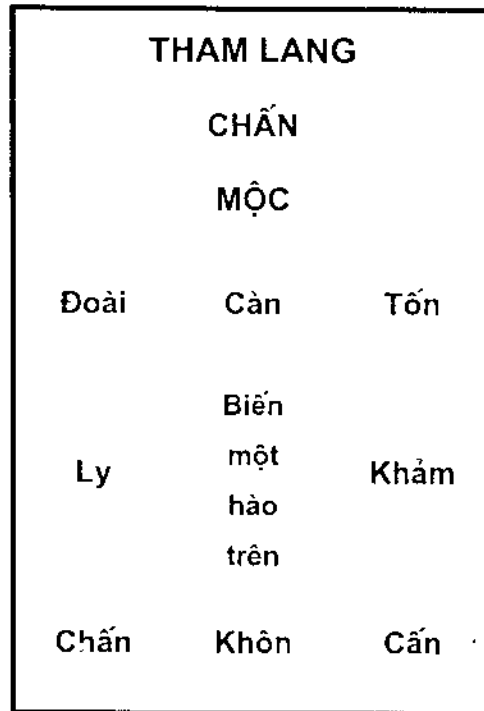
Nguyên văn:

Việc sửa chữa nhà cửa đều được gọi là "tu phương". Người mệnh Đông tu sửa ở phía đông nhà ở sẽ cát lợi, nhưng kỵ tu sửa ở phía tây. Trong vòng nửa năm, phúc hay họa sẽ thấy rõ, cực kỳ ứng nghiệm.

Giải thích:

Khi tu sửa nhà cửa, vẫn phải tuân thủ đúng nguyên tắc người Đông tứ mệnh nên tu sửa phần phía đông, người Tây tứ mệnh nên tu sửa phần nhà phía tây. Tuyệt đối không nên làm ngược lại.

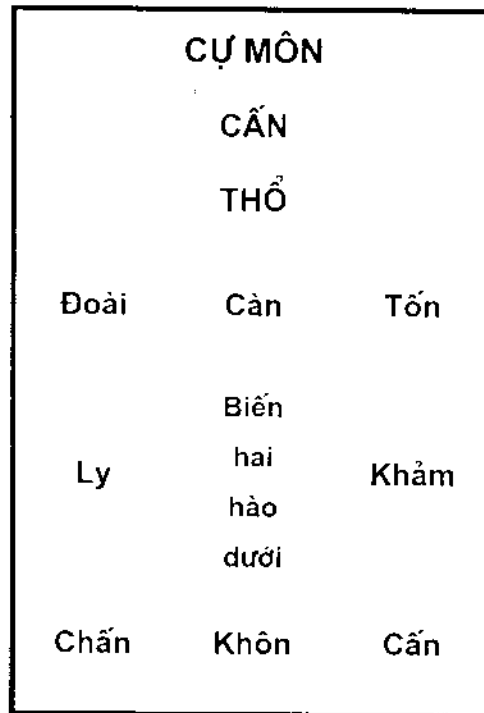
ĐỒ HÌNH SINH KHÍ



Biến một hào trên cùng là Sinh Khí, sinh hoá tự nhiên, nên là quý nhất trong các sao lành. Như Càn biến thành Đoài, Đoài biến thành Càn; Ly biến thành Chấn, Chấn biến thành Ly..., đều là Sinh Khí, đều là tương sinh, đều là tự nhiên. Càn, Đoài, Chấn, Ly là số đã qua đi theo chiều thuận; Tốn, Khảm, Cấn, Khôn là để biết việc tương lai, đi theo chiều nghịch. Mà 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 đều là các số tự nhiên. "Vua ra cửa Chấn"^[1], sinh khí khởi đầu từ đó, tính chất là thuần cát, không có hung. Tham Lang tại Khảm, Ly, Chấn, Tốn là đắc vị, cát; Tại Càn, Đoài là khắc trong (nội khắc); Tại Khôn, Cấn là khắc ngoài (ngoại chiến), giảm cát. (Sao bị cung khắc là khắc trong; cung bị sao khắc là khắc ngoài). Cát lợi của Sinh Khí ứng nghiệm tại năm hoặc tháng Mão, Mùi. Muốn cầu tài cầu tử, nên làm bếp hướng Sinh Khí.

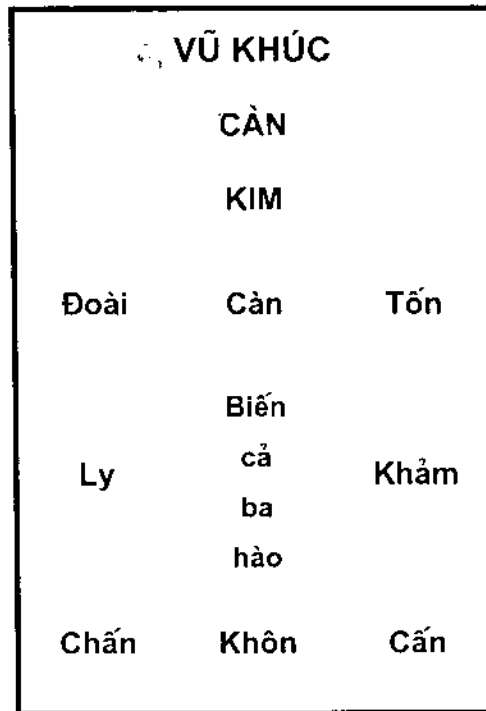
^[1] Vua ra cửa Chấn: Một câu trong phần "*Thuyết quái truyền*" của "*Kinh Dịch*", nguyên văn là "Đế xuất hồ Chấn". Vua ở đây nghĩa là thiên đế, người sáng tạo nên vạn vật, xuất phát từ Chấn. Chấn là phương đông, nơi mặt trời mọc; Cũng là mùa xuân, thời điểm sự sống nảy mầm.

ĐỒ HÌNH THIÊN Y



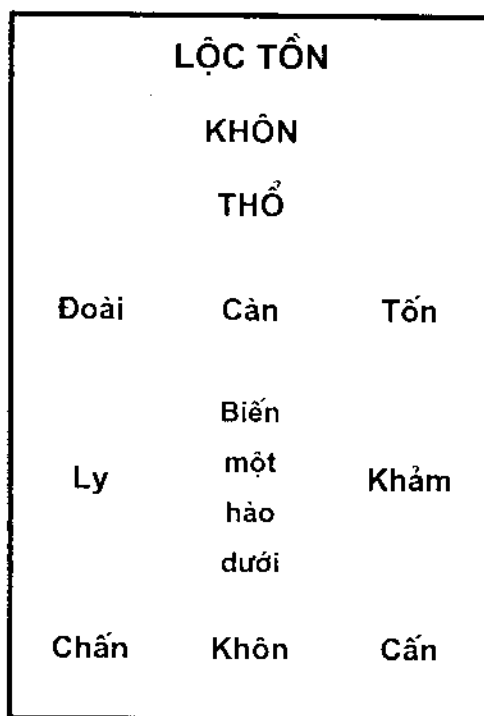
Biến hai hào dưới là Thiên Y, chưa hẳn đã cát lợi tự nhiên, nên đứng thứ hai. Như Càn biến thành Cấn, Cấn biến thành Càn; Đoài biến thành Khôn, Khôn biến thành Đoài..., đều là Thiên Y, là tương sinh. Càn 1 và Cấn 7 là Thiên Y, không tự nhiên bằng Càn 1 biến Đoài, bởi vậy mới nói "chưa hẳn đã cát lợi tự nhiên". Thiên Y tuy về ngũ hành vẫn là tương sinh, nhưng không trọn vẹn và kín kẽ bằng Sinh Khí, bởi vậy nó là sao tốt thứ hai. Tại Càn, Đoài, Khôn, Ly là đắc vị, cát; Tại Chấn, Tốn là khắc trong; Tại Khảm là khắc ngoài, giảm cát. Cát lợi của Thiên Y ứng nghiệm tại năm, tháng Thân, Tý. Muốn tránh bệnh trừ tai, nên làm bếp hướng Thiên Y.

ĐỒ HÌNH DIÊN NIÊN



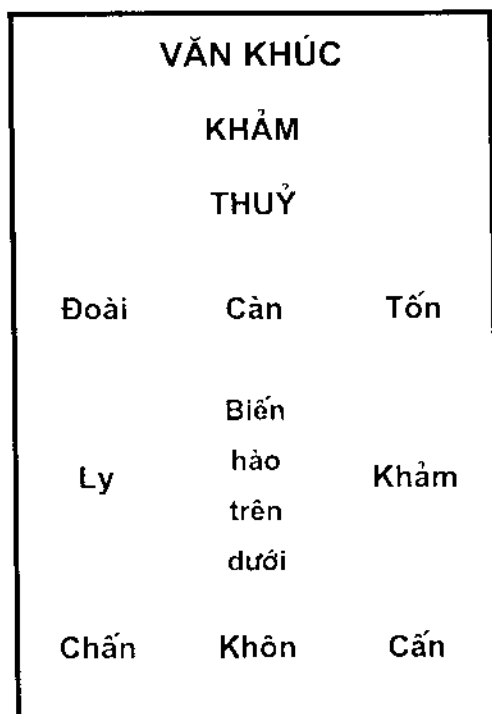
Ba hào đều biến là Diên Niên, chưa hẳn đều là tương sinh, nên mức độ cát lợi lại thấp hơn một bậc. Như Càn biến thành Khôn, Khôn biến thành Càn, Đoài biến thành Cấn, Cấn biến thành Đoài, đều là Diên Niên, là tương sinh. Nhưng Khảm, Ly biến đổi lẫn nhau, lại là Thuỷ Hoả tương khắc, tuy là vợ chồng, nhưng rốt cuộc cũng tổn hại lẫn nhau, nên mới nói "chưa hẳn đều là sinh". Đồ hình trên là phương vị trời đất, núi đầm thông khí, sấm gió cọ xát, nước lửa không diệt nhau, Càn là cha phối hợp với Khôn là mẹ. Tại Càn, Đoài, Cấn, Khôn là đắc vị; Tại Ly là khắc trong, tại Chấn, Tốn là khắc ngoài, giảm cát. Cát lợi của Diên Niên ứng nghiệm tại năm hoặc tháng Tỵ, Hợi, Sửu. Muốn tránh bệnh tật, tăng tuổi thọ, nên làm bếp hướng Diên Niên.

ĐỒ HÌNH HOẠ HẠI



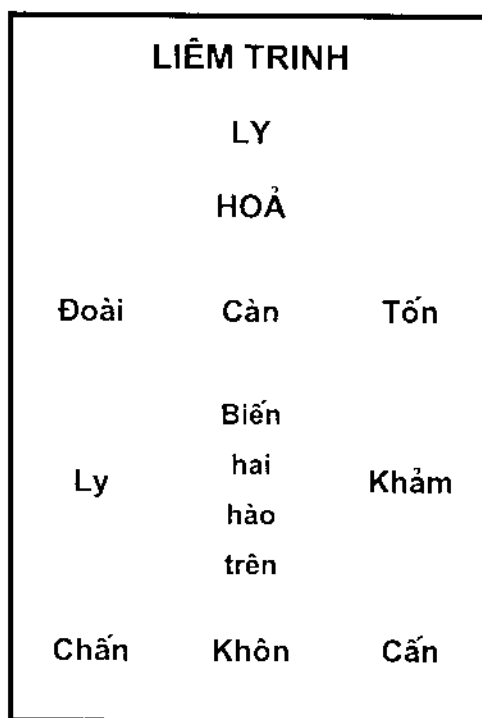
Biến một hào dưới là Hoạ Hại, có sinh có khắc, nên là hung vừa (thứ hung). Càn và Tốn, Chấn và Khôn tương khắc; Khảm và Đoài, Ly và Cấn tương sinh. Hoạ Hại có sinh có khắc, khác tất nhiên là hung, nhưng sinh lại không hung, tại sao lại như vậy? Như Chấn khắc Khôn, Càn khắc Tốn, là đông tây tương khắc, nguyên do dễ thấy; Còn Ly sinh Cấn, Đoài sinh Khảm, cái lý lại khó nhận ra. Nên mới nói: "Hoà sinh từ Mộc, Hoạ phát nhanh chóng. Có ơn sinh con, con chết vì ơn". Hung hại của Hoạ Hại phát tác tại năm, tháng Thân, Tý. Tranh chấp, thù hằn, là vì đặt bếp hướng Hoạ Hại.

ĐỒ HÌNH LỤC SÁT



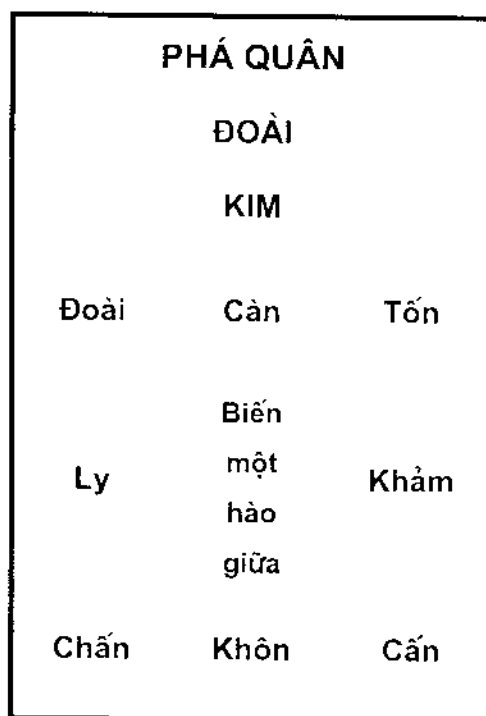
Hào trên, hào dưới đều biến, là Lục Sát, sinh khắc giao thoa, vui buồn lẫn lộn. Càn và Khảm, Ly và Khôn là Lục Sát tương sinh; Tốn và Đoài, Cấn và Chấn là Lục Sát tương khắc, bởi vậy mới nói "sinh khắc giao thoa". Lục Sát sinh khắc, tuy tương tự như Hoà Hại, nhưng quả lại khác nhau. Lại thêm Đoài Kim tây khắc Tốn Mộc đông; Chấn Mộc đông khắc Cấn Thổ tây; Ly Hoả đông sinh Khôn Thổ tây; Càn Kim tây sinh Khảm Thủy đông. Cái lẽ sinh không thuận, ngược lại còn dễ bị trộm cắp, rước tai hoạ, điều tiếng, nên là thứ hung. Hung hại của Lục Sát phát tác tại năm, tháng Giáp, Tý, Thìn. Hao tài, trộm cắp, là vì đặt bếp hướng Lục Sát.

ĐỒ HÌNH NGŨ QUỶ



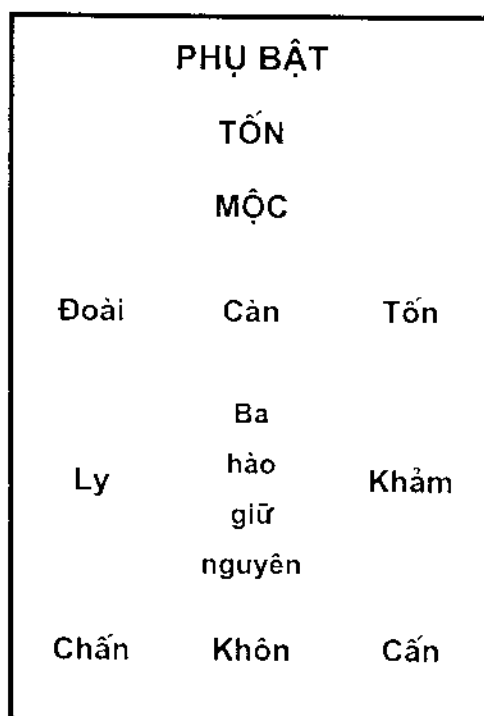
Biến hai hào trên là Ngũ Quỷ, Ngũ Quỷ là hung độc nhất, tất cả các phương vị đều xung khắc, tai hoạ phát ra từ phương vị, ứng nghiệm rất nhanh. Thần Ngũ Quỷ tuy giống với Tuyệt Mệnh, nhưng quả lại khác. Càn Kim Tây tứ khắc Chấn Mộc Đông tứ; Tốn Mộc Đông tứ khắc Khôn Thổ Tây tứ; Cấn Thổ Tây tứ khắc Khảm Thuỷ Đông tứ; Ly Hoả Đông tứ khắc Đoài Kim Tây tứ, thế đạo trác trở, ly hợp khôn lường, đều do hai sát tinh này gây ra. Hung hại của Ngũ Quỷ phát tác tại năm, tháng Dần, Ngọ, Tuất. Kiện cáo thị phi, là do đặt bếp hướng Ngũ Quỷ.

ĐỒ HÌNH TUYỆT MỆNH



Biến một hào giữa là Tuyệt Mệnh, đông tây trên dưới, ứng với sao này đều bị tổn thương. Tuyệt Mệnh là cực hung, được sinh từ sự khắc chế tiên thiên. Ly Hỏa Đông tứ khắc Càn Kim Tây tứ; Đoài Kim Tây tứ khắc Chấn Mộc Đông tứ; Khôn Thổ Tây tứ khắc Khảm Thủy Đông tứ; Tốn Mộc Đông tứ khắc Cấn Thổ Tây tứ. Thù hân tương khắc, không ngừng không nghỉ. Hung hại của Tuyệt Mệnh phát tác vào năm, tháng Tỵ, Dậu, Sửu. Bệnh tật chết chóc, là do đặt bếp hướng Tuyệt Mệnh.

ĐỒ HÌNH PHỤC VỊ



Ba hào đều không biến đổi là Phục Vị, yên tĩnh vô vi, có thể tiến, có thể lui. Càn gặp Càn, Khôn gặp Khôn, mọi việc điều hoà, muôn sự như ý. Cát lợi của Phục Vị ứng nghiệm tại năm, tháng Hợi, Mão, Mùi. Muốn mọi việc như ý, nên đặt bếp hướng Phục Vị.

Giải thích:

Tám đồ hình trên đây trình bày về tám hướng của bếp, mỗi hướng có một tác dụng hay tác hại khác nhau, cụ thể như sau:

Cầu tài, cầu tử: cửa bếp nên quay về hướng Sinh Khí trong bản mệnh.

Ngừa bệnh, trừ tai: cửa bếp nên quay về hướng Thiên Y trong bản mệnh.

Ngừa bệnh, tang tuổi thọ: cửa bếp nên quay về hướng Diên Niên trong bản mệnh.

Muôn sự như ý: cửa bếp nên quay về hướng Phục Vị trong bản mệnh.

Tranh chấp, giết chóc: vì đặt bếp quay về hướng Hoạ Hại trong bản mệnh.

Hao tài, phá sản: vì đặt bếp quay về hướng Lục Sát trong bản mệnh.

Kiên tụng, thi phi: vì đặt bếp quay về hướng Ngũ Quỷ trong bản mệnh.

Bệnh tật, chết chóc: vì đặt bếp quay về hướng Tuyệt Mệnh trong bản mệnh.

Căn cứ để lập nên tám đồ hình này là sự biến đổi các hào của tám quẻ Bát quái. Ví dụ trong phần "Sinh Khí", quẻ Càn (☰) là ba vạch liền, nếu biến hào trên, tức vạch dương biến thành vạch âm, sẽ trở thành quẻ Đoài (☱), và ngược lại; Trong phần "Tuyệt Mệnh", Quẻ Ly (☲) hào giữa là vạch đứt, nếu biến hào giữa, tức vạch âm biến thành vạch dương, sẽ trở thành quẻ Càn (☰). Về quy tắc biến đổi các hào, xin xem chi tiết trong bài "Vương Khổng Đường bàn luận về nguồn gốc phát hưng của các sao trong Bát trạch". Nhưng nếu bạn thấy lý thuyết quá rườm rà, phức tạp, thì chỉ cần ghi nhớ tác dụng cũng như tác hại của tám hướng bếp là được.

BÀI CA QUYẾT VỀ CON CÁI THỪA TỰ

Phiên âm:

*Tham sinh ngũ tử Cự Tam lang;
Vũ Khúc Kim tinh tứ tử cường;
Ngũ Quỷ Liêm Trinh nhị lưỡng cá;
Phụ Bất chỉ hữu bán nhi lang;
Văn Khúc Thuỷ tinh duy nhất tử;
Phá Quân Tuyệt mệnh thủ cô sương;
Lộc Tồn vô tử nhân diên thọ;
Sinh khắc hưu tù tử tế tường.*

Dịch thơ:

Tham Lang năm trai Cự ba chàng;
Vũ Khúc Kim tinh được bốn nam;
Ngũ Quỷ Liêm Trinh trai hai đứa;
Phụ Bất chỉ còn nửa phần nam;
Văn Khúc Thuỷ tinh duy một gã;
Phá Quân Tuyệt Mệnh chỉ cô đơn;
Lộc Tồn không con người sống thọ;
Sinh khắc dữ lành phải xem tường.

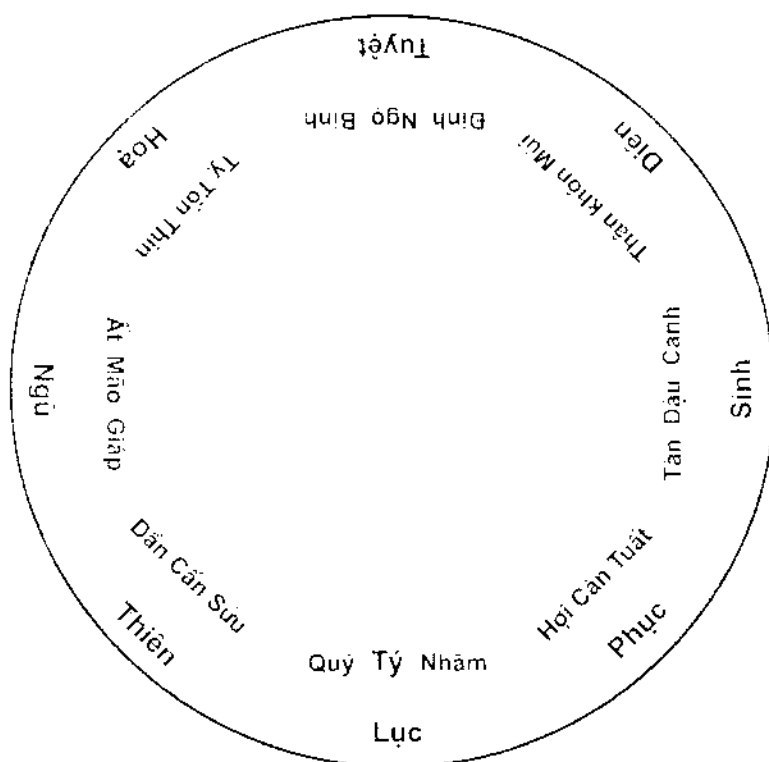
Bài khẩu quyết trên không phải chỉ chuyên căn cứ vào cung mệnh người vợ để tính toán số lượng con cái. Giả sử nam nữ mệnh Khảm được lai lộ và hướng bếp

phương Tốn, thì cũng giống như có được người vợ mệnh Tốn, cũng được hưởng Sinh Khí, như vậy sẽ sinh được con trai, lại thêm phú quý.

Giải thích:

Bài khẩu quyết trên (đã được đề cập đến trong bài "*Bàn về hôn nhân*"), nói về vấn đề con cái thừa tự. Các sao Tham Lang, Vũ Khúc, Ngũ Quỷ... được đề cập trong bài là xét về cung mệnh của người nữ, để xem phối với cung mệnh của người nam được sao nào.

NHÀ MỆNH CÀN (TÂY TỬ)



Nam sinh vào Thượng nguyên đếm ngược từ cung Khâm Nhất Bạch: Mậu Thìn, Đinh Sửu, Bính Tuất, Ất Mùi, Giáp Thìn, Quý Sửu, Nhâm Tuất.

Nữ sinh vào Thượng nguyên đếm xuôi từ cung Trung Ngũ Hoàng: Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn, Tân Sửu, Canh Tuất, Kỷ Mùi.

Nam sinh vào Trung nguyên đếm ngược từ cung Tốn Tứ Lục: Tân Mùi, Canh Thìn, Kỷ Sửu, Mậu Tuất, Đinh Mùi, Bính Thìn.

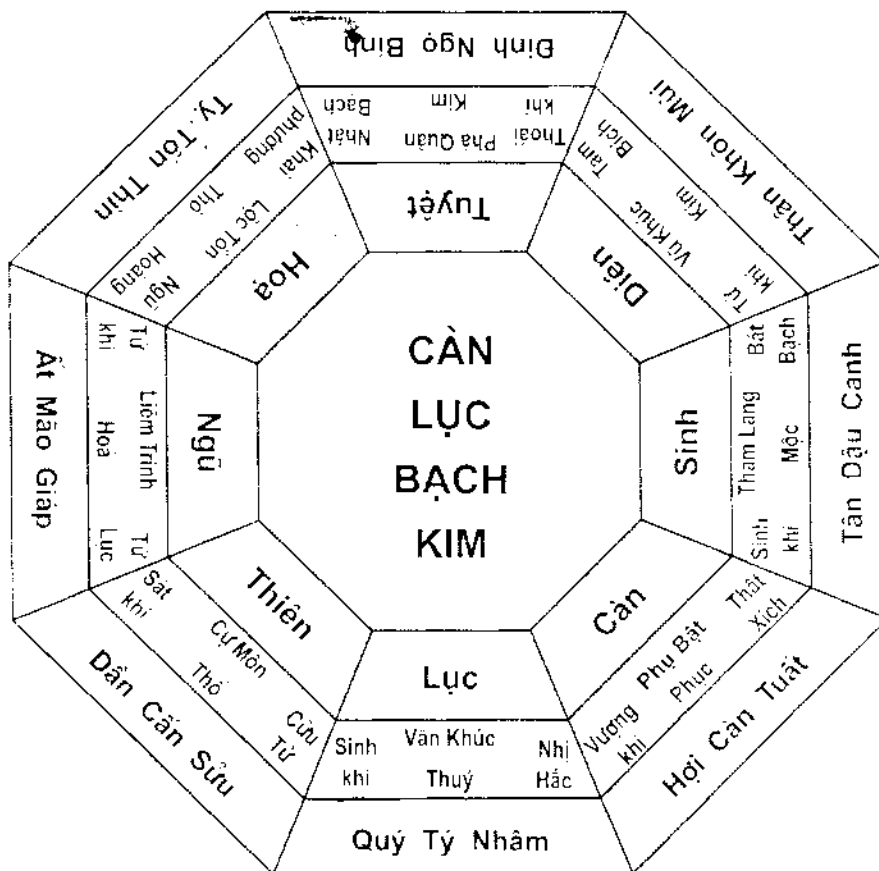
Nữ sinh vào Trung nguyên đếm xuôi từ cung Trung Ngũ Hoàng: Mậu Thìn, Đinh Sửu, Bính Tuất, Ất Mùi, Giáp Thìn, Nhâm Tuất.

Nam sinh vào Hạ nguyên đếm ngược từ cung Đoài Thất Xích: Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn, Tân Sửu, Canh Tuất, Kỷ Mùi.

Nữ sinh vào Hạ nguyên đếm xuôi từ cung Cấn Bát Bạch: Tân Mùi, Canh Thìn, Kỷ Sửu, Mậu Tuất, Đinh Mùi, Bính Thìn.

Những trường hợp trên thuộc mệnh Càn.

THUỖ VÒNG PHƯƠNG TỔN: CÀN CỤC



Người mệnh Càn, phía đông là Ngũ Quỷ, nếu hướng bếp hay lại lộ phạm vào phương này, thì con trai cả khó nuôi. Sau được hai con trai. Phạm vào phương Lục Sát, sẽ tổn thương đến con trai thứ, nên chỉ còn một con trai. Phạm vào phương Hoạ Hại, sẽ tổn thương đến con trai, con gái cả, nên không có con. Nếu đổi sang hướng Sinh Khí, sẽ có năm con trai. Theo nguyên tắc "Cửu tinh chế phục": "*Sinh Khí Tham Lang hàng Ngũ Quỷ; Thiên Y Cự Môn khinh Tuyệt Mệnh; Diên Niên Vũ Khúc chèn Lục Sát*", nếu có vị trí nào phạm phải phương Ngũ Quỷ, cần tu tạo hướng Sinh Khí, thì tai vạ sẽ được tiêu trừ. Tu tạo hướng sinh sẽ tiêu giảm được hung khí.

(Mệnh Càn:

Càn Lục Thiên Ngũ Hoạ Tuyệt Diên Sinh

Phục Khâm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài.)

Hôn nhân

Từng có một người mệnh Càn hỏi Dương Công^[1] rằng: "Việc hôn nhân khó thành, làm thế nào để được nhanh chóng?" Dương Công bèn bảo người này đổi cửa bếp hướng về phương Diên Niên, đặt giường tại phương Khôn của giường cha mẹ, lại ở phòng hướng Diên Niên, quả nhiên nửa năm sau lấy được vợ mệnh Khôn, tức được hướng Diên Niên trong niên mệnh.

Tử tức

Có một người mệnh Càn hiếm con trai, Dương Công bèn giúp đổi cửa bếp quay về hướng Đoài Sinh Khí, sau sinh được năm trai. Nếu cửa bếp quay về hướng Khôn Diên Niên, sẽ được bốn con trai; Quay về hướng Chấn Thiên Y, sẽ được ba con trai. Nói chung, hướng Sinh Khí là vượng phát nhất về đường con cháu. Nếu cửa bếp muốn quay về hướng Dần nhưng lại lầm sang hướng Giáp, là phạm vào hướng Ngũ Quý; Hướng Sửu lầm sang hướng Quý, là phạm vào Lục Sát, đều là đại hung của người mệnh Càn.

Có người mệnh Càn chuyển bếp, lai lộ là phương Càn Tây Bắc, cửa bếp hướng về phương Càn, chỉ sinh toàn con gái, không có con trai. Đó là do sao Phụ Bát không sinh. Người mệnh Càn đặt bếp quay về hướng Ly, chủ về tổn hại con cái hoặc vô sinh, bản thân cũng đau ốm mà yếu thọ. Vì hung tinh Tuyệt Mệnh chuyên chủ về bệnh tật, yếu thọ, tuyệt tự. Ta từng thấy người mệnh Càn xây ba gian bếp tại hướng nam, qua một năm thì con cháu đều chết cả, bản thân cũng mắc bệnh lý, thoát vị hậu môn mà chết.

Có người mệnh Càn di về phương nam, không còn sống trở về. Nói tóm lại, người mệnh Càn nếu hướng bếp, lai lộ, xuất hành, tu sửa, xuất giá, nếu phạm phải phương Tuyệt Mệnh là phương Nam đều là đại hung. Từng có một người nữ mệnh Càn được gả về phương Sinh Khí, sinh được năm con trai. Sau đổi sang phương Đoài, mệnh bếp quay về phía nam, liền chết con trai thứ, bản thân cũng mắc bệnh đờm kết, một tháng sau thì chết. Trong vòng ba năm, con trai cả cùng các con thứ ba, thứ tư, thứ năm đều qua đời.

Lại có người nữ mệnh Càn gả về phương nam, tuy cửa bếp quay về phương Đoài, nhưng sinh được năm con trai, đều chết yếu, đó là do phạm phải lai lộ Tuyệt Mệnh. Nếu đổi hướng bếp quay về hướng Sinh Khí, thì bản thân không bị tổn hại, lại sinh được con trai. Phân phòng ở, tu sửa, lai lộ cũng có tác dụng tương tự. Cửa, phòng, bếp, giường đặt tại phương xấu, quay về hướng tốt, như vậy là tốt đẹp nhất.

^[1] Dương Công: tức Dương Quân Tùng.

trong vòng nửa tháng sẽ thấy ứng nghiệm. Phương Sinh Khí của người mệnh Càn chính là phương Đoài.

Tật bệnh

Có người nam mệnh Càn làm cửa bếp quay về hướng Ly, khiến Ly Hoả gây tổn thương Càn Kim, Hoả của tim khắc Kim của phổi, nên trước là đau tim, đờm hoá, sau là ho, hen suyễn, thổ huyết, ung phổi, đau đầu, chảy nước mũi. Dương Công liền bảo anh ta không nên nấu ăn bằng bếp cũ, mà làm thêm một bếp nhỏ hoặc lò nấu, quay miệng bếp hoặc miệng lò về hướng đông Cấn tức Thiên Y, bếp đặt tại phương Ly, tức phương Tuyệt Mệnh trong bản mệnh, để khu trừ hung hại của phương Ly. Người này dùng bếp mới chừng hơn tháng thì bệnh tình thuyên giảm, dần dứt bệnh không tái phát nữa. Như vậy, Thiên Y chính là cát thần chuyên về trừ bệnh tật.

Có người mệnh Càn, lai lộ cửa bếp phạm phải hai hướng Chấn, Tốn, nên can khí vượng, đau mắt, ngã bị thương tay chân, phong hủi, ghẻ lở, bại liệt. Lại có người mệnh Càn phạm phải phương Ngũ Quỷ, nên mắc bệnh thương hàn, sốt rét, lở chân, hư thận. Có người nữ mệnh Càn phạm phải phương Lục Sát, nên mắc bệnh xích bạch đới, kinh nguyệt đình trệ, thường xuyên sảy thai. Nếu biết đổi lai lộ, cửa bếp quay về hướng Cấn Thiên Y, thì bệnh tật sẽ khỏi. Nếu quay về hướng Khôn Diên Niên, sẽ được sống thọ.

Tai hoạ

Có người mệnh Càn làm cửa bếp quay về hướng Ly, thường phạm phải kiện tụng thị phi, hoả tai, con cái ngã ngược, sát thê. Lại có người mệnh Càn đặt cổng và cửa bếp quay về hướng Ly, có vợ dâm loạn. Thấy ta bèn bảo người đó xoay cửa bếp về hướng Đoài, còn bếp và ống khói trần tại sơn Bính, Ngọ, Đinh, đặt sau cổng chính, để trừ hung hại của phương Ly. Về sau, quả nhiên người vợ không còn dâm loạn nữa.

Lại có người mệnh Càn có lai lộ và hướng bếp phạm vào phương bắc, nên dính vào chuyện án mạng rắc rối.

Nếu phạm vào phương Chấn, chủ về người dưới trộm cắp, trốn chạy, hoặc hoá hoạ, lại tổn hại con trai cả. Nếu phạm phải phương Tốn, sẽ bị đàn bà phía đông nam hiềm khích kiện tụng, tại tổn thương đến mẹ, vợ và con trai, con gái cả. Vận dụng phương pháp hoá giải trong trường hợp Tật bệnh, sẽ có kết quả rất tốt.

Giải thích:

Phần này và bảy phần tiếp theo, tổng cộng tám phần, sẽ lần lượt trình bày cụ thể về những hướng tốt, hướng xấu, những sự cát hung của từng cung mệnh Đông, Tây tứ, trong đó, hai yếu tố quan trọng nhất là cửa bếp và lại lộ, mà cửa bếp vẫn giữ vai trò quan trọng nhất. Về hai đồ hình trên đây, phía dưới đồ hình thứ nhất ghi rõ can chi Giáp Tý của những người thuộc mệnh Càn, nhưng không đầy đủ. Các bạn có thể tham khảo trong phần "Bài ca quyết tính cung mệnh Tam nguyên trên bàn tay".

Ngoài trạch mệnh ra, Dương trạch còn căn cứ vào thủy để lập cục. Thủy, tức yếu tố nước, như sông, suối, ao, hồ..., hoặc nếu không có nước, có thể coi đường đi hay khe, rãnh, hang hốc là Thủy. Thủy tại Ly (phương nam) là Khảm cục; Thủy tại Khảm (phương bắc) là Ly cục; Thủy tại Chấn (phương đông) là Đoài cục; Thủy tại Đoài (phương tây) là Chấn cục; Thủy tại Tốn (đông nam) là Càn cục; Thủy tại Càn (tây bắc) là Tốn cục; Thủy tại Cấn (đông bắc) là Khôn cục; Thủy tại Khôn (tây bắc) là Cấn cục. Bốn phía đều có thủy, mà khoảng cách đến nhà đều như nhau, là Trung cung cục. Nếu dòng nước chảy vòng, khiến hai mặt đều có thủy, thì nhận dòng nước gần hơn làm cục. Nếu Thủy cách nhà trong vòng 20 bước chân, thì cục sẽ quan trọng hơn trạch mệnh. Nếu cách nhà hơn 20 bước chân, thì trạch mệnh sẽ quan trọng hơn cục.

Sau khi đã định được cục hoặc toạ sơn của nhà ở, có thể căn cứ vào phương pháp Tử Bạch nhị cung, sử dụng cửu cung của Lạc thư an chủ tinh tại Trung cung, đồng thời an tám sao còn lại vào tám phương theo trình tự Càn - Đoài - Cấn - Ly - Khảm - Khôn - Chấn - Tốn. Các sao bay đến cung nào, thì căn cứ vào mối quan hệ sinh - khắc về ngũ hành giữa nó và chủ tinh, mà mỗi phương sẽ có tính chất lành - dữ khác nhau. Phương khắc chủ tinh là phương Sát khí; Phương sinh chủ tinh là phương Sinh khí; Chủ tinh sinh ra phương nào, phương đó là Thoái khí (hay Tiết khí); Chủ tinh khắc phương nào, phương đó là Tử khí; Ngũ hành tương tự với chủ tinh là phương Vương khí, Sinh khí, Vương khí là cát lợi; Thoái khí, Sát khí, Tử khí là hung sát. Hướng nhà (đối diện với toạ sơn) được gọi là Quan phương. Do trình tự di chuyển của các sao, mà Ngũ Hoàng luôn nằm ở vị trí Quan phương. Ngũ Hoàng luôn mang sát khí, nên phương này còn gọi là phương Quan sát.

Đồ hình thứ hai là đồ hình phương vị của tám phương cửu tinh hai mươi tư sơn của Càn cục. Trong đó, "Càn Lạc Bạch Kim" tại phần trung tâm biểu thị rằng, người mệnh Càn thuộc sao Lạc Bạch trong cửu tinh, ngũ hành thuộc Kim. Tính từ trung tâm ra, vòng thứ nhất: Càn, Lạc, Thiên, Ngũ, Hoa, Tuyệt, Diên, Sinh tức tám sao Phục Vị, Lạc Sát, Thiên Y, Ngũ Quỷ, Hoa Hại, Tuyệt Mệnh, Diên Niên, Sinh Khí. Tại vòng thứ hai, phần chính giữa là Phụ Bát, Văn Khúc Thủy, Cự Môn Thổ, Liêm Tinh Hỏa, Lộc Tồn Thổ, Phá Quân Kim, Vũ Khúc Kim, Tham Lang Mộc là một hệ thống tên gọi khác của Cửu tinh. Theo các hành tương ứng của chúng (Phụ Bát không có ngũ hành cố định).

Ở bên phải, những cái tên Thất Xích, Nhị Hắc, Cửu Tử, Tứ Lục, Ngũ Hoàng, Nhất Bạch, Tam Bạch, Bát Bạch cũng là một hệ thống tên gọi khác của Cửu tinh. Nhưng những sao này đã không còn nằm ở vị trí cũ, tức không trùng với vị trí của Phục Vị, Lạc Sát, Thiên Y, Ngũ Quỷ... phía trên.

mà đã di chuyển theo quỹ đạo của để an vào chín cung. Vì là Càn cực, nên sao Lục Bạch thuộc Kim là chủ tinh, an ở trung cung. Tám sao còn lại di chuyển theo quỹ đạo như sau:

Sao Thất Xích bay đến phương Càn. Thất Xích thuộc hành Kim, trùng với hành của Trung cung, nên Càn là phương Vương khí.

Sao Bát Bạch bay đến phương Đoài, Bát Bạch thuộc Thổ, Thổ sinh Trung cung Kim, nên Đoài là phương Sinh khí.

Sao Cửu Tử bay đến phương Cấn, Cửu Tử thuộc Hoả, khắc Kim của Trung cung, nên phương Sát Khí, sẽ tiêu giảm cát lợi của phương Sinh khí.

Sao Nhất Bạch bay đến phương Ly, Trung cung Kim sinh Nhất Bạch Thuỷ, nên Ly là phương Thoái khí, sẽ làm tiêu giảm bớt hung hại của Tuyệt Mệnh.

Sao Nhị Hắc bay đến phương Khảm, Nhị Hắc Thổ sinh ra Trung cung Kim, nên Khảm lại là phương Sinh khí.

Sao Tam Bích bay đến phương Khôn, Trung cung Kim khắc Tam Bích Mộc, nên Khôn là phương Tử khí, nên giảm bớt cát lợi của Khôn.

Sao Tứ Lục bay đến phương Chấn, Trung cung Kim khắc Tứ Lục Mộc nên Chấn là phương Tử khí.

Sao Ngũ Hoàng bay đến phương Tốn, nên Tốn là phương Quan Sát hay Quan phương.

Vậy "Thoái khí", "Sát khí", "Tử khí", "Sinh khí", "Vương khí" ở đây biểu thị tính chất của các phương trong mối tương quan với ngũ hành của chủ tinh.

Vòng ngoài cùng là phương vị của hai mươi tư sơn.

Người bản mệnh Càn là thuộc Tây tứ mệnh. Nếu lai lộ phạm hướng Ngũ Quỷ, sẽ tổn thương con trai cả; Nếu phạm hướng Lục Sát, sẽ tổn thương con trai thứ; Nếu phạm hướng Hoạ Hại, sẽ tổn thương con trai cả hoặc con gái cả, sau sẽ không còn con cái. Bởi vậy, cần phải đổi về hướng tốt mới không tổn hại đến con cháu.

Về các vấn đề hôn nhân, tử tức, tật bệnh, tai hoạ của người mệnh Càn đã được trình bày cụ thể trong từng phần, có thể tóm tắt như sau:

Hôn nhân: cửa bếp quay về hướng Diên Niên.

Cầu tự: cửa bếp quay về hướng Sinh Khí hoặc Diên Niên.

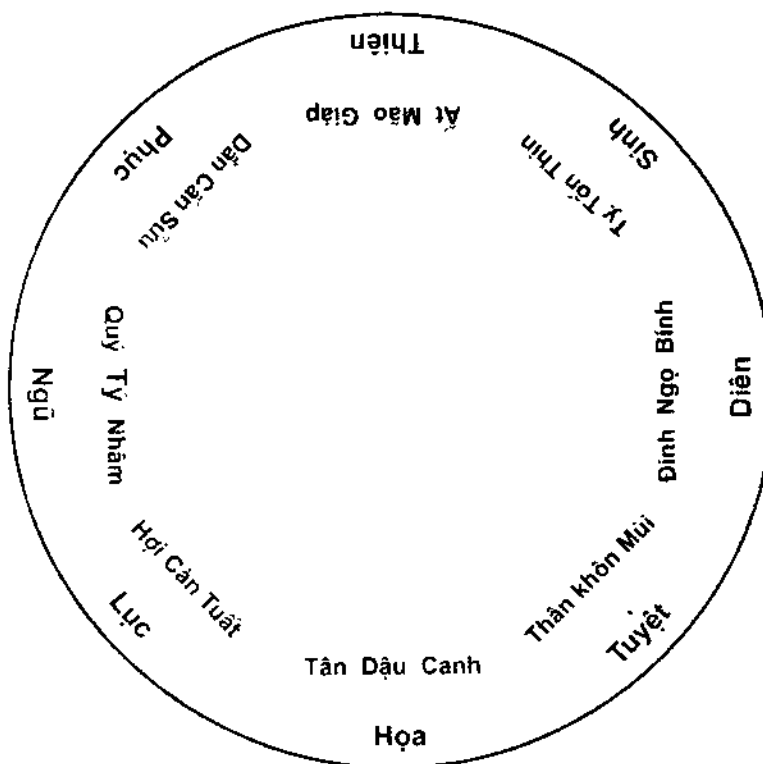
Xuất hành: kỵ đi về hướng nam.

Tật bệnh: xoay cửa bếp về hướng Thiên Y hoặc Diên Niên, đặt bếp hoặc ống khói trần áp phương Ly.

Tai hoạ: xoay cửa bếp về hướng Sinh Khí, đặt bếp hoặc ống khói trần áp phương Ly.

Phần nguyên văn trình bày khá đơn giản dễ hiểu, lại lấy nhiều ví dụ chứng minh, độc giả có thể trực tiếp tham khảo.

NHÀ MỆNH KHẨM (ĐÔNG TỬ)



Nam sinh vào Thượng nguyên: Giáp Tý, Quý Dậu, Nhâm Ngọ, Tân Mão, Canh Tý, Kỷ Dậu, Mậu Ngọ.

Nữ sinh vào Thượng nguyên: Kỷ Tý, Mậu Dần, Đinh Hợi, Bính Thân, Ất Tý, Giáp Dần, Quý Hợi.

Nam sinh vào Trung nguyên: Đinh Mão, Bính Tý, Ất Dậu, Giáp Ngọ, Quý Mão, Nhâm Tý, Tân Dậu.

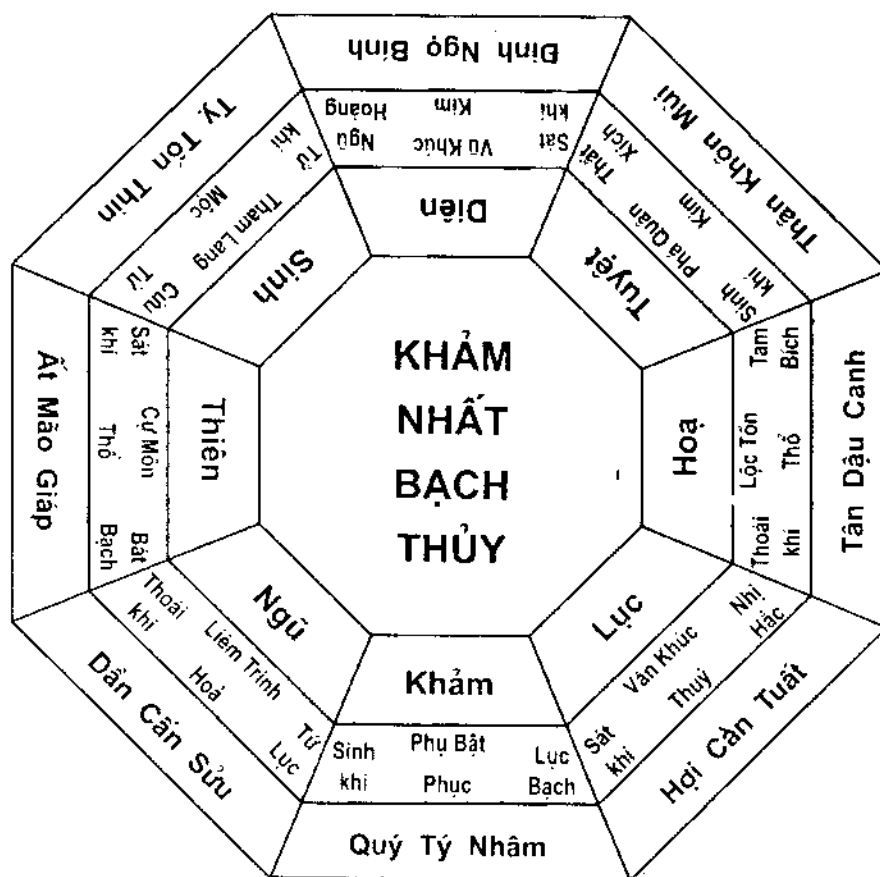
Nữ sinh vào Trung nguyên: Nhâm Thân, Tân Tý, Canh Dần, Kỷ Hợi, Mậu Thân, Đinh Tý.

Nam sinh vào Hạ nguyên: Canh Ngọ, Kỷ Mão, Mậu Tý, Đinh Dậu, Bính Ngọ, Ất Mão.

Nữ sinh vào Hạ nguyên: Bính Dần, Ất Hợi, Giáp Thân, Quý Tý, Nhâm Dần, Tân Hợi, Canh Thân.

Những trường hợp trên đều thuộc mệnh Khâm.

THỦY VÒNG PHƯƠNG LY: KHẨM CỤC



Người mệnh Khảm được lai lộ, cửa bếp hướng Tồn là được hướng Sinh Khí, sẽ sinh được năm con trai: Hướng Ly là hướng Diên Niên, sẽ sinh được bốn con trai: Hướng Chấn là hướng Thiên Y, sẽ sinh được ba con trai: Hướng Khảm là hướng Phục Vị, chỉ sinh được con gái. Hướng Khôn là phạm Tuyệt Mệnh, sẽ tổn thương đến con trai cả, sau tuyệt tự. Hướng Cấn là phạm Ngũ Quỷ, sẽ tổn thương đến con trai út, sau được hai trai. Hướng Cấn là phạm Lục Sát, tổn thương đến con trai cả, sau có một trai. Hướng Đoài là phạm Hỏa Hại, tổn thương con trai cả, con gái cả mà tuyệt tự. Nếu đổi sang hướng Sinh Khí, sẽ lại có con trai. Nếu lấy vợ mệnh Đoài sẽ bất hoà, phạm phải sao Lộc Tồn Thổ, tuy có con trai nhưng không sống thọ.

(Mệnh Khảm:

Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Hỏa Lục

Phục Cấn Chấn Tồn Ly Đoài Khôn Cấn.)

Hôn nhân

Người mệnh Khảm nên lấy vợ mệnh Tốn, cửa bếp nên quay về hướng Tốn (đông nam). Nếu cầu hôn nhân, thì cửa bếp nên quay về hướng Ly (Điên Niên), đồng thời đặt giường ngủ tại phương Ly (chính nam) của giường cha mẹ. Phòng ỏ, lai lộ, hướng tu sửa cũng có ý nghĩa tương tự. Chồng mệnh Khảm lấy vợ mệnh Tốn sẽ có năm con trai, lại ăn ở hoà thuận, là vượng phu ích tử.

Tử tức

Nam mệnh Khảm được lai lộ, cửa bếp hướng Tốn, thì cũng như lấy vợ mệnh Tốn, đều là được hướng Sinh Khí, sẽ sinh được năm con trai, lại giàu sang phú quý. Có người mệnh Khảm vốn không con cái, sau xây thêm phòng ở phía đông bắc mà sinh được năm con trai.

Cũng thấy có người mệnh Khảm lấy vợ mệnh Tốn, quả thực sinh được năm trai. Nhưng sau lại xoay bếp về hướng Khôn, dùng bếp ấy trong mười năm, con cái đều chết hết.

Lại có người vợ mệnh Khảm gặp chồng mệnh Tốn, sinh năm con trai, sau vì chồng chết, nên đổi nhâm cửa bếp quay về hướng Khôn, dùng trong tám năm, các con đều chết hết.

Lại có người mệnh Khảm hỏi thầy ta rằng: "Tôi mệnh Khảm, lỡ lấy phải vợ mệnh Đoài, là phương Hoạ Hại, Lộc Tồn Thố, mệnh lại phạm phải Cô Sát, ắt không có con. Vậy có cách nào để hoá giải chăng?" Thầy ta bèn đáp rằng: "Đổi hướng cổng quay về hướng Tốn đông nam, sẽ được hướng Sinh Khí, có thể sinh năm trai. Tuy mệnh phạm Cô Sát, cũng vẫn sinh được con. Lại đặt thêm bếp nhỏ hoặc lò nấu quay miệng về hướng Càn để vợ nấu ăn riêng, như vậy, vợ cũng được hướng Sinh Khí trong bản mệnh, cũng sinh được con trai". Người này làm theo, sau quả nhiên sinh được năm con. Có thể thấy được rằng hướng bếp của Dương trạch có thể thay đổi được tạo hoá, ứng nghiệm như thần.

Tật bệnh

Có người vợ mệnh Khảm bị bệnh tả do lá lách, chồng mở quán trọ. Thấy ta đi ngang qua trọ lại, ban đêm nghe tiếng người bệnh, bèn bảo anh ta đặt một bếp nhỏ quay cửa về hướng Chấn Thiên Y, cho vợ ăn bếp đấy, bệnh sẽ tự khỏi. Chủ quán bèn nói: "Vợ tôi mắc bệnh tả đã nằm liệt giường nửa năm, mấy ngày nay không ăn được, bệnh trạng nguy kịch khó chữa". Thấy ta bèn đáp: "Dùng bếp mới nấu canh thủ đồ cho chị ta xem sao!" Người vợ uống được nửa chén, nói rằng: "Thơm ngon

quá, đúng là thuốc quý!" Chừng mười ngày sau đã khỏi bệnh. Vốn dĩ cửa bếp hướng về phương Tuyết Mệnh, nên người vợ mới mắc bệnh tả. Thấy ta bảo quay cửa bếp về hướng Chấn, chính là hướng Thiên Y.

Tai hoạ

Người mệnh Khảm nếu phạm phải phương Khôn (tây nam), thì mẹ không hiền, thế thiếp bất hoà, lại mắc bệnh tả, tổn thương đến mẹ, vợ, con cái, hầu gái, tuyệt tự. Nếu phạm phải phương Đoài (tây), sẽ sinh buồn phiền giận dữ, dễ bị thất cố hoặc đao kiếm sát thương, vợ chồng bất hoà, lại gặp tam quang, tức hoả quang (hoả hoạn), huyết quang (đổ máu), lệ quang (có tang), tổn thương đến vợ và hầu gái. Lại bị đàn bà mặt tròn phía tây kiện tụng dẫn đến phá sản. Nếu không bị như vậy, ắt cũng mắc phải các chứng điên cuồng, câm hoặc lao.

Có người vợ mệnh Khảm nấu ăn bằng bếp hướng Đoài Hoạ Hại, trong ba năm treo cổ mười mấy lần, may được lai lộ cát, nên lần nào cũng được cứu sống. Sau đổi hướng cửa bếp sang phương Tốn đông nam, thì không treo cổ nữa. Nếu như mệnh của chồng không hợp với phương Tốn, thì lại bất lợi. Bởi vậy, nếu vợ chồng người mệnh Đông kẻ mệnh Tây, thì nên căn cứ vào mệnh chồng để định hướng tốt cho cửa bếp, mặt khác, dùng phòng ở, giường, nhà vệ sinh trấn hưng để cứu người vợ.

Có người hỏi rằng: "Vợ tôi mệnh Khảm mắc bệnh, mời mẹ vợ đến chăm sóc, không hiểu phương vị phòng ở ra sao, mà bệnh càng nặng hơn". Thấy ta bèn nói rằng: "Nên đổi phòng ở của mẹ vợ sang phía tây, còn vợ ở phía đông của mẹ vợ, dù khoảng cách gần hay xa, cũng có được sự cát lợi của phân phòng". Người này bèn nghe theo, lại thêm xoay bếp về hướng cát cho vợ ăn, bệnh quả nhiên khỏi.

Người mệnh Khảm phạm phải phương Càn Lục Sát, sẽ bị cha, anh chèn ép lằng nhục, cha và con trưởng bất hoà, dấy tờ già bất nhân, dễ bị đao kiếm sát thương hoặc thất cố, con trai cả, vợ, con gái đều chết vì bệnh lao. Lại có người mệnh Khảm xây cổng lớn phương Càn, một năm sau, có ông già qua đường chết tại cổng đó mà lụn bại. Đó là bởi vì cổng xây hướng Lục Sát, nên dễ dính vào án mạng kiện tụng. Nếu vợ mệnh Khảm phạm phải hướng Lục Sát, sẽ bị bố chồng và chồng trách mắng. Người mệnh Khảm phạm phương Cấn, trước tiên sẽ tổn thương đến con trai út, sau hại đến đầy tớ nhỏ, thế thiếp mất cửa, bị trộm năm lần, nô bộc bỏ trốn, lại gặp hoả hoạn.

Giải thích:

Mệnh Khảm là Đông tứ mệnh, ba hướng tốt là các hướng nam: (Ly), đông nam (Tốn) và đông (Chấn), cộng thêm hướng Phục Vị phía bắc (Khảm). Bốn hướng xấu là tây (Đoài), tây bắc (Càn), tây nam (Khôn) và đông bắc (Cấn).

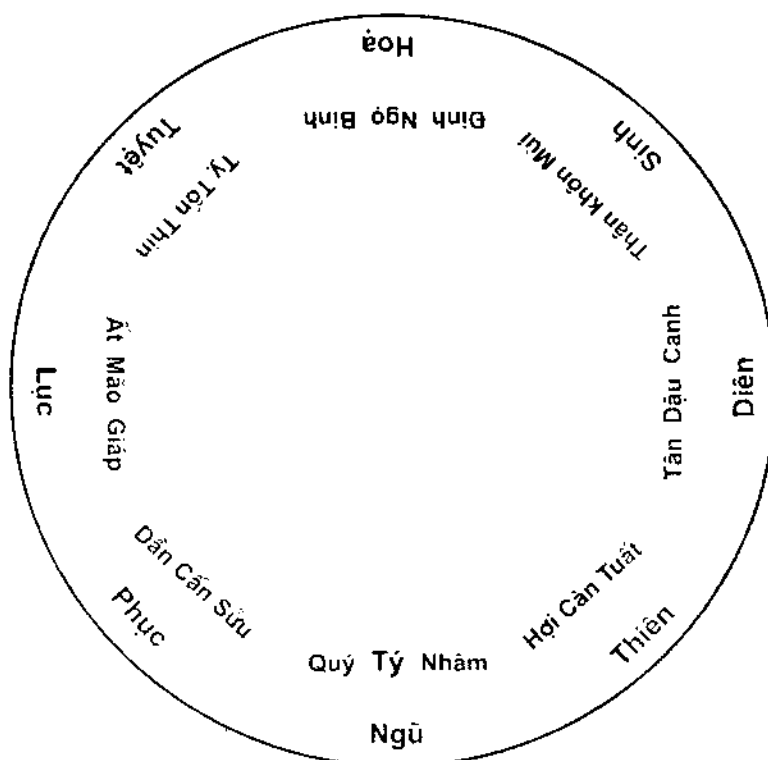
Hôn nhân: Nam mệnh Khảm nên lấy vợ mệnh Tốn, cửa bếp quay về hướng Ly.

Cầu tự: Nam mệnh Khảm lấy vợ mệnh Tốn sinh được nhiều con nhất. Cửa bếp quay về hướng Khôn là xấu nhất, chủ về sát thương con cái.

Tật bệnh: Người mệnh Khảm làm cửa bếp quay về hướng Chấn, có thể trừ tai ngừa bệnh, vì Chấn là hướng Thiên Y. Cửa bếp tối kỵ quay về hướng Tuyệt Mệnh.

Tai họa: Người mệnh Khảm nếu cửa bếp phạm phải các hướng Khôn, Đoài đều có tai họa. Nên làm cửa bếp quay về hướng Tốn.

NHÀ MỆNH CẤN (TÂY TỬ)



Nam sinh vào Thượng nguyên: Bính Dần, Ất Hợi, Giáp Thân, Nhâm Dần, Tân Hợi, Canh Thân.

Nữ sinh vào Thượng nguyên: Giáp Tý, Đinh Mão, Quý Dậu, Bính Tý, Nhâm Ngọ, Ất Dậu, Tân Mão, Giáp Ngọ, Canh Tý, Quý Mão, Kỷ Dậu, Nhâm Tý, Mậu Ngọ, Tân Dậu.

Nam sinh vào Trung nguyên: Kỷ Tỵ, Mậu Dần, Đinh Hợi, Bính Thân, Ất Tỵ, Giáp Dần, Quý Hợi.

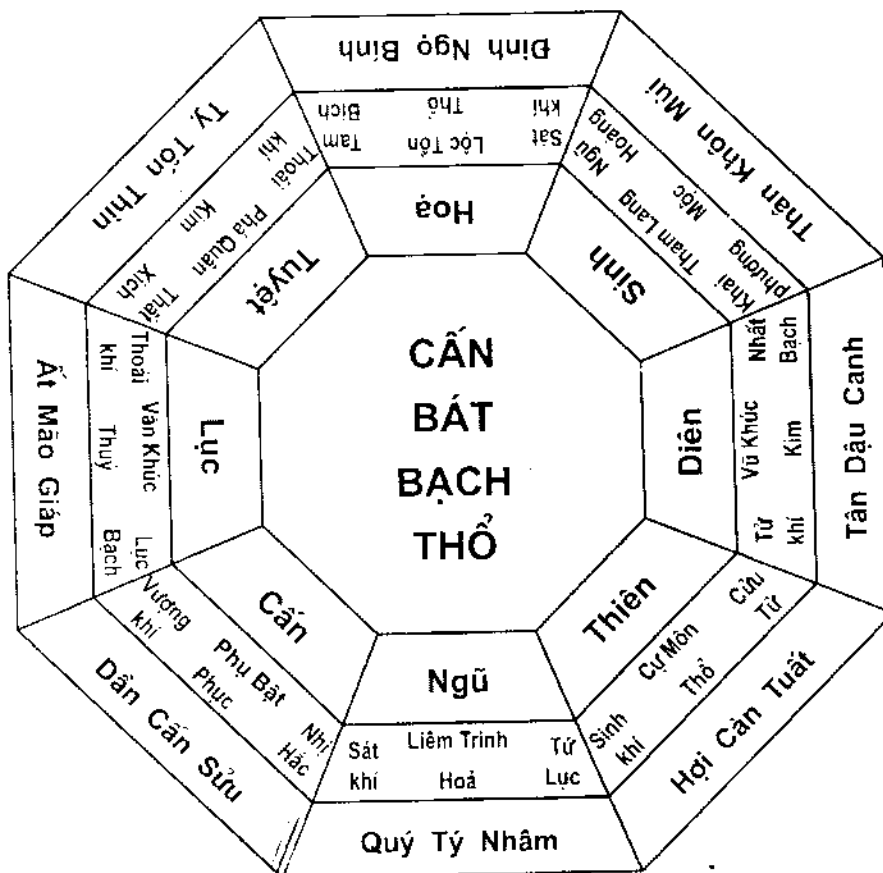
Nữ sinh vào Trung nguyên: Đinh Mão, Canh Ngọ, Bính Tý, Kỷ Mão, Ất Dậu, Mậu Tý, Giáp Ngọ, Đinh Dậu, Quý Mão, Bính Ngọ, Nhâm Tý, Ất Mão, Tân Dậu.

Nam sinh vào Hạ nguyên: Nhâm Thân, Tân Tỵ, Canh Dần, Kỷ Hợi, Mậu Thân, Đinh Tỵ.

Nữ sinh vào Hạ nguyên: Giáp Tý, Canh Ngọ, Quý Dậu, Kỷ Mão, Nhâm Ngọ, Mậu Tý, Tân Mão, Đinh Dậu, Canh Tý, Bính Ngọ, Kỷ Dậu, Ất Mão, Mậu Ngọ.

Những trường hợp trên đều thuộc mệnh Cấn.

THUY VÒNG PHƯƠNG KHÔN: CẦN CỤC



Người mệnh Cấn nếu làm cửa bếp quay về hướng Khôn Sinh Khí, sẽ sinh được năm con trai. Nếu quay về hướng Đoài Diên Niên, sẽ sinh được bốn con trai. Nếu quay về hướng Cấn Thiên Y, sẽ được ba con trai. Nếu quay về hướng Cấn Phục Vị, sẽ chỉ sinh con gái. Phạm phải hướng Tồn Tuyệt Mệnh, trước sát con trai cả, sau hại con gái cả mà tuyệt tự. Lại mắc các bệnh tả, cam, mụn nhọt, diên cuồng, hoặc không có con mà tuyệt tự. Phạm phải hướng Chấn, sẽ hại đến con trai cả mà có một con. Phạm phải hướng Khảm, sẽ hại đến con trai thứ mà có hai con. Phạm phải hướng Ly, sẽ hại đến con trai thứ mà rốt cục không còn con cái, là vì gặp Hỏa Hại Thổ mà tuyệt tự.

(Mệnh Cấn:

Cấn Lục Tuyệt Hỏa Sinh Diên Thiên Ngũ,

Phục Chấn Tồn Ly Khôn Đoài Cấn Khảm.)

Hôn nhân

Người mệnh Cấn lấy vợ mệnh Khôn sẽ sinh được năm con trai; Lấy vợ mệnh Đoài sẽ sinh được bốn con trai, vợ chồng hoà thuận; Lấy vợ mệnh Càn sẽ sinh được ba con trai. Cửa bếp nên quay về hướng Khôn Sinh Khí, nếu cầu hôn nhân nên quay về hướng Đoài Diên Niên.

Tử tức

Người mệnh Cấn làm bếp phạm phải hướng Tốn Tuyệt Mệnh sẽ tuyệt tự.

Tật bệnh

Có một quả phụ mệnh Cấn không có con trai, ăn bếp hướng Tốn trong ba năm, có người con gái bị bệnh phong lao, hết sức nguy kịch. Thấy ta bèn mách rằng: "Nếu làm thêm một bếp quay về hướng Càn Thiên Y, cho con gái ăn bếp ấy, không những bớt bệnh, mà còn được sống thọ. Không được tiếp tục dùng bếp cũ, mà đổi sang dùng bếp hướng Khôn Sinh Khí, như vậy sẽ không hại đến con gái". Người quả phụ làm theo, quả nhiên con gái khỏi bệnh. Cha mẹ có thể hại đến con, từ đó mà suy ra, thì con ắt cũng có lúc hại đến cha mẹ. Nên chữa cho người bệnh, thì đầu tiên, cần sửa phương hướng của cha mẹ hoặc của con cái, sau đó sửa thêm hướng của người bệnh, như thế sẽ nhanh chóng được ứng nghiệm. Nam mệnh Cấn phạm phải hướng Ly, chủ về các bệnh thương phong, ho, đờm hoả, ung nhọt, thổ huyết, gầy mòn vàng vôi; Phạm phải hướng Chấn, sẽ mắc bệnh ly, đi tả ra máu, ngã gãy chân tay, trúng gió, bại liệt, ba năm sau sẽ cùi hủi mà chết. Nếu trẻ con phạm phải cửa bếp hướng Tốn, hoặc phòng ở đặt tại hướng Tốn, dễ bị loét cuống rốn, mạn kinh. Nếu phạm phải hướng Khảm, là nam mắc các bệnh thương hàn, thận hư, di tinh; Là phụ nữ dễ bị bế kinh, băng huyết, sảy thai. Những trường hợp đó đều có thể dùng hướng Càn Thiên Y để giải trừ bệnh tật, hoặc sử dụng lai lộ, phòng ở hướng Đoài Diên Niên, sẽ trở nên cát lợi.

Tai họa

Người mệnh Cấn phạm phải hướng Chấn, sẽ bị người cầm cao kêu hình Mộc ở phía Tây hiểm khích kiện tụng đến phá sản, con cái bất hiếu, hại đến cha mẹ, con trai cả lại bị ngã tổn thương đến chân tay. Nếu người cha làm điều phản nghịch, sẽ miễn được án mạng kiện tụng. Nếu phạm phải hướng Tốn, sẽ hại đến mẹ, vợ, con trai con gái, sau tuyệt tự. Lại tự gây tổn thương đến chân tay mà yếu thọ, bị cha mẹ trách mắng, vợ chồng bất hoà, con trai cả ngỗ nghịch. Phạm phải hướng Ly, chủ vợ rất dâm dăng, hoặc thông qua quan phủ, cậy quyền bắt nạt chồng, làm loạn gia phong, chồng giận dữ thành bệnh. Như sách "*Thủy kinh*" có viết: "Ly Cấn người âm

phá gia phong". Lại thường có chuyện kiện tụng vật vãnh, phá sản, bản thân thường có tang, lại thêm họa tam quang. Có một phú ông mệnh Cấn, bếp lớn nấu đến bảy nồi, nhưng cửa bếp lại nhìn về hướng nam. Tổng cộng có bảy vợ, vợ Cấn phạm Khảm, mất trộm năm lần, lại bị hoả hoạn, thê thiếp trộm của, cùng cha mẹ, nô bộc bỏ trốn, hại đến con trai thứ, bị tai nạn sông nước, lại thương hàn, thận hư, di tinh hư nhược, sau ra bản cùng.

Giải thích:

Mệnh Cấn là Tây tứ mệnh. Ba hướng tốt là tây (Đoài), tây bắc (Cấn) và tây nam (Khôn), cộng thêm hướng Phục Vị đông bắc (Cấn). Bốn hướng xấu là đông (Chấn), đông nam (Tốn), nam (Ly) và bắc (Khảm).

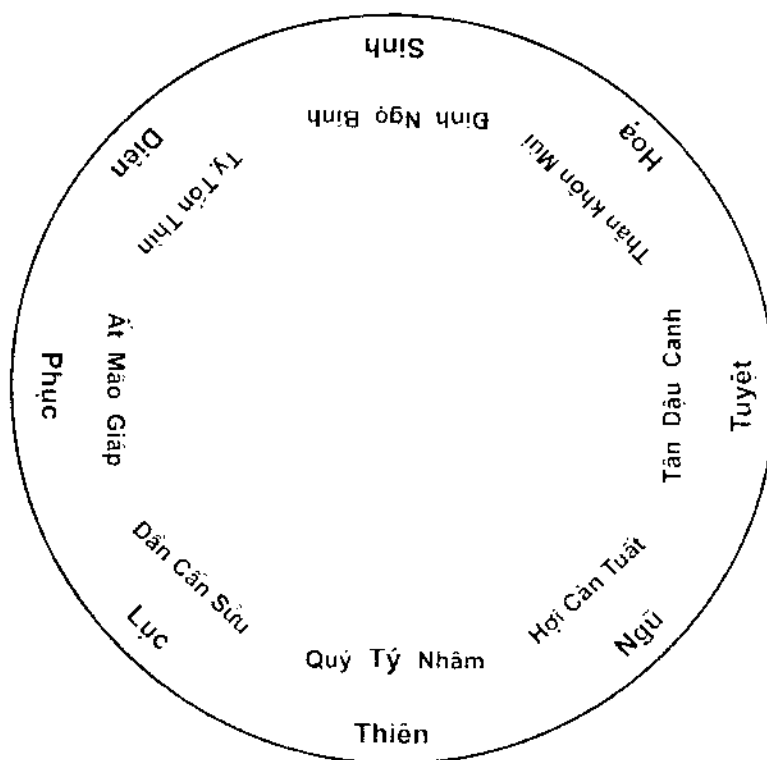
Hôn nhân: Nam mệnh Cấn nên lấy vợ mệnh Khôn, cửa bếp nên nhìn về hướng Đoài Diên Niên.

Cầu tự: Cửa bếp tối kỵ nhìn về hướng Tốn.

Tật bệnh: Người mệnh Cấn nên đặt cửa bếp quay về hướng Khôn, sẽ được hưởng Sinh Khí, khiến cơ thể khoẻ mạnh. Nếu như phạm phải các hướng Ly, Chấn, Tốn, sẽ mắc nhiều bệnh tật, không thể chữa khỏi.

Tai họa: Người mệnh Chấn nếu cửa bếp phạm phải các hướng Tốn, Chấn, Ly, thì tai họa sẽ triển miên không dứt. Nên đổi cửa bếp nhìn về hướng Diên Niên, Phục Vị, sẽ được bình an.

NHÀ MỆNH CHẤN (ĐÔNG TỬ)



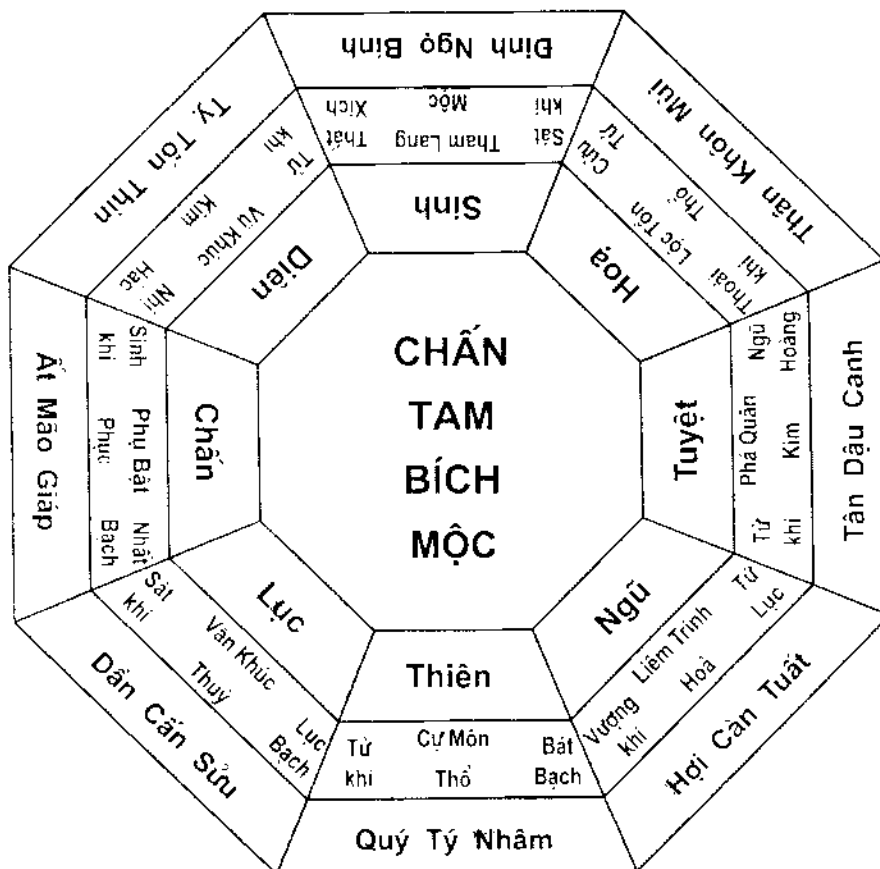
Nam, nữ sinh vào Thượng nguyên: Tân Mùi, Canh Thìn, Kỷ Sửu, Mậu Tuất, Đinh Mùi, Bính Thìn.

Nam, nữ sinh vào Trung nguyên: Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn, Tân Sửu, Canh Tuất, Kỷ Mùi.

Nam, nữ sinh vào Hạ nguyên: Mậu Thìn, Đinh Sửu, Bính Tuất, Ất Mùi, Giáp Thìn, Quý Sửu, Nhâm Tuất.

Những trường hợp trên đều thuộc mệnh Chấn.

THỦY VÒNG PHƯƠNG ĐOÀI: CHẤN CỤC



Người mệnh Chấn nếu được lai lộ, cửa bếp hướng nam Sinh Khí sẽ sinh được năm con trai. Nếu được hướng Tồn Diên Niên sẽ sinh được bốn con trai. Nếu được hướng Khảm Thiên Y sẽ sinh được ba con trai. Được hướng Phục Vị chỉ sinh con gái. Phạm phải hướng Đoài Tuyết Mệnh, con trai út sẽ bị tổn thương đầu tiên, con gái bị đậu mùa, gây mòn mà chết. Phạm phải hướng Cấn Lục Sát, sẽ hại đến con trai út, sau được hai con trai.

(Mệnh Chấn:

Chấn Diên Sinh Hoa Tuyết Ngũ Thiên Lục.

Phục Tồn Ly Khôn Đoài Cấn Khảm Cấn.)

Hôn nhân

Nam mệnh Chấn nên lấy vợ mệnh Ly; Mệnh Tồn, mệnh Khảm là thứ cát. Nếu cầu hôn, nên đặt giường ngủ tại phương Tồn, hôn sự dễ thành. Nếu lấy vợ mệnh Đoài hoặc cửa bếp hướng Đoài, vợ dễ thất cổ chết.

Tử tức

Người mệnh Chấn mà cửa bếp nhìn về hướng Ly, sẽ sinh được năm con trai. Nếu phải người quá già không thể sinh nở, được hướng này, cũng sẽ có được năm người làm hoặc năm nô bộc; Là sư sãi cũng sẽ được năm đồ đệ; Hơn nữa, hướng này còn có thể phát tài lớn, khiến con cái quay về nhà.

Từng có một ông cụ hỏi Thầy ta rằng: "Con trai tôi đi xa lâu không về nhà, vậy có cách nào khiến nó trở về hay không?" Thầy bèn mách ông lão đặt bệ bếp, nhà vệ sinh trấn áp tại phương Tuyệt Mệnh, cửa bếp quay về hướng Sinh Khí, đó là thể gọi con về nhà. Ông cụ dùng bếp đó hơn chục ngày, thì người con ở bên ngoài mới thấy Táo quân mặc võ phục đội mũ đen đến bảo rằng: "Cha người đang gọi gấp, sao chẳng sớm quay về?" Người con bèn lập tức quay về nhà. Ta cũng học theo cách này để giúp người khác gọi con về nhà, tuy là con nuôi cũng ứng nghiệm. Thầy ta từng giúp người làm phép gọi nô bộc bỏ trốn quay về, cũng xoay cửa bếp nhìn về hướng Sinh Khí trong bản mệnh của chủ nhân, đặt bệ bếp trấn áp tại phương Ngũ Quỷ của chủ nhân, kẻ nô bộc kia quả thực đã quay về.

Phương Ngũ Quỷ bị trấn áp, nô bộc sẽ không bỏ trốn. Quay về hướng Sinh Khí, thì nô bộc sẽ đến. Lại có người mệnh Chấn đã già mà không con, nên nhận người con nuôi một tuổi mệnh Tốn, đặt tên là Áp Tý. Khi đứa trẻ được ba tuổi, có người đồng cô nói rằng: "**Không** nên đặt tên là Áp Tý, hãy đổi là Khánh Thọ". Về sau, ông cụ sống đến trăm tuổi vẫn khỏe mạnh, là vì Tốn là hướng Diên Niên của mệnh Khảm, có con mà còn được thọ.

Có người hỏi Thầy ta rằng: "Con bị mụn nhọt, khốc dạ đề, là tại làm sao?" Thầy ta đáp: "Là do xếp phòng ở sai lầm. Hãy để đứa bé nằm tại phương Tốn so với giường cha mẹ, cách một khoảng, như vậy sẽ hoá giải được hướng xấu của phòng ở, lại được cát lợi. Đồng thời, đặt thêm một bếp nhỏ, nhìn về hướng Tốn, cho bà vú ăn bếp ấy, để trừ bỏ bất lợi của bếp cũ". Về sau, đứa bé quả bình an vô sự. Thế nhưng có nhiều bậc cha mẹ không hiểu nguyên lý này, lại cho rằng con mình bị kinh cam, thổ tả, thật đáng buồn thay! Nếu là con mệnh Tây, nên nằm ở phía tây so với giường ngủ của cha mẹ, sẽ cát lợi. Cửa bếp cũng nên quay về hướng tây cho bà vú ăn, sẽ tốt. Ta thường khuyên bạn là thầy thuốc phỏng theo cách này để chữa chứng cam, mụn nhọt ở trẻ nhỏ, mười đứa thì chín đứa được sống, không hề sai sót. Truyền thụ lại cách này, là thể ngộ được đức hiếu sinh của Thượng đế, mở mang dòng dõi cho người đời, tất cả đều nắm trong lòng bàn tay ta. Tích âm đức một cách lặng lẽ, người đời sau sẽ hưng thịnh, há chỉ vì tham lợi lộc ư?

Tật bệnh

Người mệnh Chấn nếu cửa bếp phạm phải hướng Đoài, sẽ bị các bệnh ho, thổ huyết, tổn thương đến phổi. Nếu phạm phải hướng Cấn, sẽ dễ mắc các chứng bệnh lậu, giang mai, tử vị, kiết lỵ, đình nhọt độc. Nếu phạm phải hướng Càn, dễ tổn

thương đến phổi, thổ huyết, ho. Nếu phạm phải hướng Khôn, dễ bị kiệt lý, lâu, đại tiện ra máu.

Tai họa

Người mệnh Chấn nếu phạm phải phương Đoài, chủ về con trai út bất hiếu, tổn hại đến con cháu. Sau lại tổn thương đến con trai cả, con gái út, hầu gái nhỏ, mà tuyệt tự, lại dễ có chuyện thất cổ tự tử. Nếu nữ phạm phải phương này, sẽ dễ mắc bệnh lao, chán ăn. Nếu được lai lộ cát còn có thể vãn hồi được. Nếu phạm phải phương Cấn, sẽ bị dây vào án mạng kiện tụng với người thấp lùn, da vàng ở mé đông bắc, tổn hại đến con trai út, kẻ hầu nhỏ tuổi. Nếu phạm phải phương Càn, sẽ tổn hại đến cha đầu tiên, sau đó sẽ hại đến con trai cả, kẻ hầu lớn tuổi, dễ thất cổ tự tử, bị trộm cắp, hoả hoạn, nô bộc bỏ trốn. Nếu phạm phải phương Khôn, sẽ bị người thấp lùn da vàng ở mé tây nam hiềm khích kiện tụng dẫn đến lụn bại, vợ không hoà thuận, mẹ già không được yên thân, lại tổn hại đến mẹ, vợ, con gái lớn và hầu gái lớn tuổi.

Giải thích:

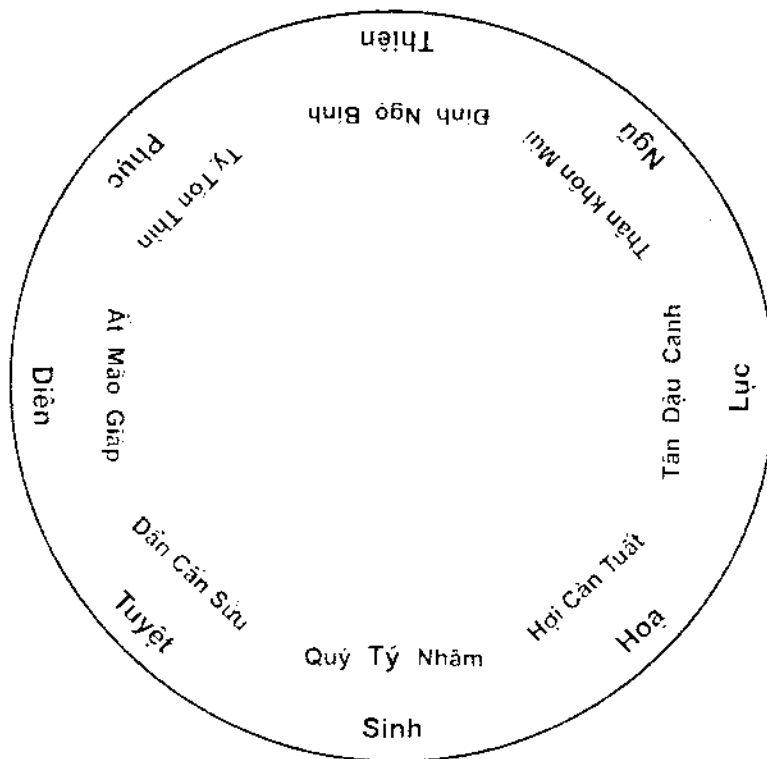
Mệnh Chấn thuộc Đông tứ mệnh, ba hướng tốt trong bản mệnh là nam (Ly), bắc (Khảm), đông nam (Tốn), cùng với hướng đông Phục Vị. Bốn hướng xấu là các hướng tây (Đoài), tây bắc (Càn), tây nam (Khôn) và đông bắc (Cấn).

Hôn nhân: Nam mệnh Chấn nên lấy vợ mệnh Ly. Nếu lấy vợ mệnh Tốn, mệnh Khảm cũng tốt. Nếu muốn cầu hôn nhân, nên quay đầu giường về phương Tốn. Nếu cửa bếp quay về hướng Tây, chủ về vợ thất cổ tự tử, nên đổi sang các hướng tốt.

Cầu tự: Người mệnh Chấn đặt bếp quay về hướng Ly là tốt nhất, sẽ được hưởng Sinh Khí, chủ về đông con nhiều phúc, lại có thể khiến con cái ở bên ngoài trở về với gia đình. Nếu cửa bếp quay về hướng Tốn, chủ về con cái không bệnh tật.

Tật bệnh: Người mệnh Chấn không nên đặt cửa bếp nhìn về bốn hướng xấu.

NHÀ MỆNH TỐN (ĐÔNG TỬ)



Nam sinh vào Thượng nguyên: Canh Ngọ, Kỷ Mão, Mậu Tý, Đinh Dậu, Bính Ngọ, Ất Mão.

Nữ sinh vào Trung nguyên: Nhâm Thân, Tân Ty, Canh Dần, Kỷ Hợi, Mậu Thân, Đinh Tý.

Nam sinh vào Trung nguyên: Giáp Tý, Quý Dậu, Nhâm Ngọ, Tân Mão, Canh Tý, Kỷ Dậu, Mậu Ngọ.

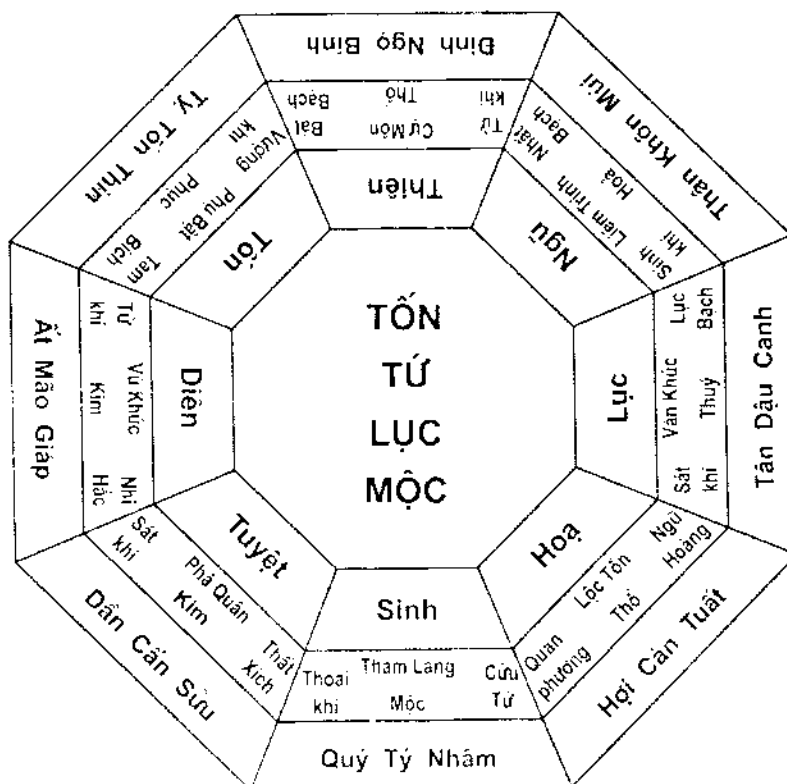
Nữ sinh vào Trung nguyên: Bính Dần, Ất Hợi, Giáp Thân, Quý Tý, Nhâm Dần, Tân Hợi, Canh Thân.

Nam sinh vào Hạ nguyên: Đinh Mão, Bính Tý, Ất Dậu, Giáp Ngọ, Quý Mão, Nhâm Tý, Tân Dậu.

Nữ sinh vào Hạ nguyên: Kỷ Tý, Mậu Dần, Đinh Hợi, Bính Thân, Ất Tý, Giáp Dần, Quý Hợi.

Những trường hợp trên đều thuộc mệnh Tố.

THỦY VÒNG PHƯƠNG CÀN: TỔN CỤC



Người mệnh Tồn được lai lộ hoặc cửa bếp hướng chính bắc Sinh Khí sẽ sinh được năm con trai, hay phòng ở hướng Khảm, tu sửa phương Khảm cũng có tác dụng tương tự. Được hướng đông Diên Niên, sẽ sinh được bốn con trai. Cửa, giường, bàn thờ hướng hỏa, bếp hướng nam, sẽ sinh được ba con trai. Nếu được hướng đông nam, chỉ sinh con gái.

Nếu phạm phải hướng Cấn, chủ về dinh nhọt độc, tổn thương đến con trai út, tuyệt tự. Phạm phải hướng Đoài, chủ về bệnh lao, đậu mùa, tổn thương đến con trai, con gái út, mà được một con. Phạm phải hướng Khôn, sẽ tổn thương đến con trai cả, con gái cả mà sau được hai con. Phạm phải hướng Càn, sẽ tổn thương đến con trai cả, mà không có con cái.

(Mệnh Tồn:

Tồn Thiên Ngũ Lục Hoa Sinh Tuyệt Diên,

Phục Ly Khôn Đoài Càn Khảm Cấn Chấn.)

Hôn nhân

Nam mệnh Tốn nên lấy vợ mệnh Khảm. Lấy vợ mệnh Ly, mệnh Chấn cũng tốt. Nếu muốn cầu hôn nhân, nên đặt giường tại phương Chấn, hôn nhân dễ thành. Nếu lấy vợ mệnh Càn là phu nhân Hoa Hại, vợ sẽ thất cổ tự tử.

Tử tức

Người mệnh Tốn đặt cửa bếp nhìn về hướng Khảm sẽ có năm con trai; Nhìn về hướng Tốn chỉ sinh con gái; Phạm phải hướng Khảm, sẽ tổn hại đến con út và người hầu nhỏ tuổi.

Tai họa

Người mệnh Tốn nếu phạm phải hướng Cấn, trước tiên sẽ hại đến con trai út, sau bản thân cũng bệnh tật mà yếu thọ. Nếu phạm phải hướng Đoài, sẽ vướng chuyện án mạng kiện tụng, hại đến con trai út, con gái út. Phạm phải hướng Càn, sẽ tổn hại đến phụ nữ lớn tuổi, tiếp theo sẽ hại đến con trai trưởng, người hầu. Con trai bất hiếu, mẹ và vợ mắc lao mà chết, bị cha và chồng hiếp đáp lăng nhục, lại bị người đầu to giọng lớn ở mé tây bắc kiện tụng, thắng kiện nhưng tiêu tốn tài sản. Phạm phải hướng Khôn, sẽ bị mẹ và vợ trộm của, mẹ thường tranh chấp, vợ chồng bất hoà, tổn hại đến mẹ, vợ và con trai lớn, con dâu, hầu gái lớn tuổi, thường bị mất trộm, người hầu bỏ trốn và hoả hoạn.

Giải thích:

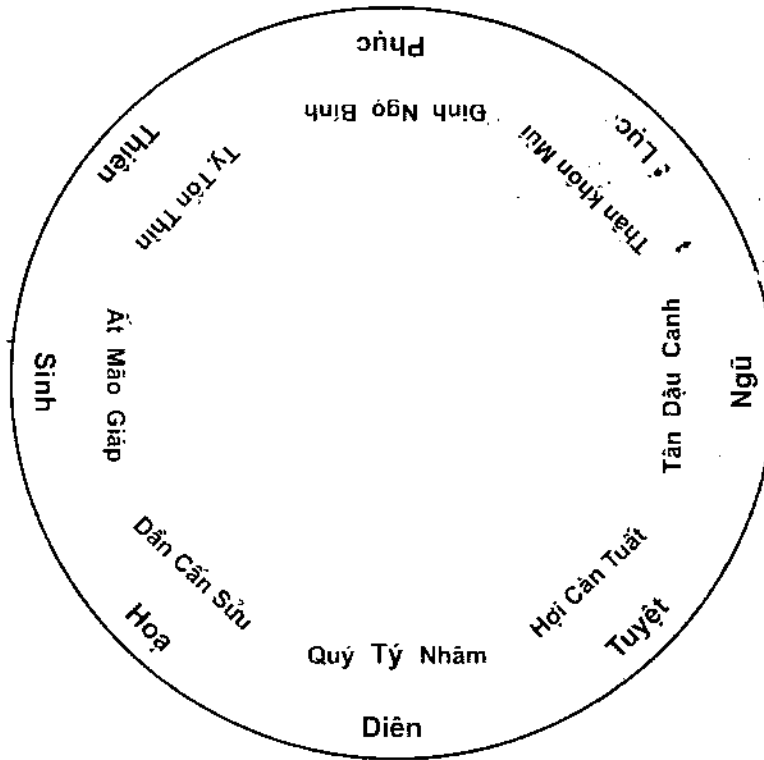
Mệnh Tốn là Đông tứ mệnh, ba hướng tốt của mệnh này là đông (Chấn), nam (Ly), bắc (Khảm), cộng thêm hướng Phục Vị đông nam. Bốn hướng xấu là tây (Đoài), tây bắc (Càn), tây nam (Khôn) và đông bắc (Cấn).

Hôn nhân: Nam mệnh Tốn tốt nhất là lấy vợ mệnh Khảm. Nếu lấy vợ mệnh Ly, mệnh Chấn cũng tốt. Khi muốn tính chuyện hôn sự, nên đặt đầu giường quay về hướng Chấn.

Cầu tự: Cửa bếp tốt nhất nên quay về hướng Khảm, được Sinh Khí sẽ đông con nhiều phúc.

Tai họa: Cửa bếp phạm phải hướng Cấn, Càn, Khôn, trong nhà sẽ có nhiều tai họa, tang tóc.

NHÀ MỆNH LY (ĐÔNG TỬ)



Nam sinh vào Thượng nguyên: Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn, Tân Sửu, Canh Tuất, Kỷ Mùi.

Nữ sinh vào Thượng nguyên: Mậu Thìn, Đinh Sửu, Bính Tuất, Ất Mùi, Giáp Thìn, Quý Sửu, Nhâm Tuất.

Nam sinh vào Trung nguyên: Mậu Thìn, Đinh Sửu, Bính Tuất, Ất Mùi, Giáp Thìn, Quý Sửu, Nhâm Tuất.

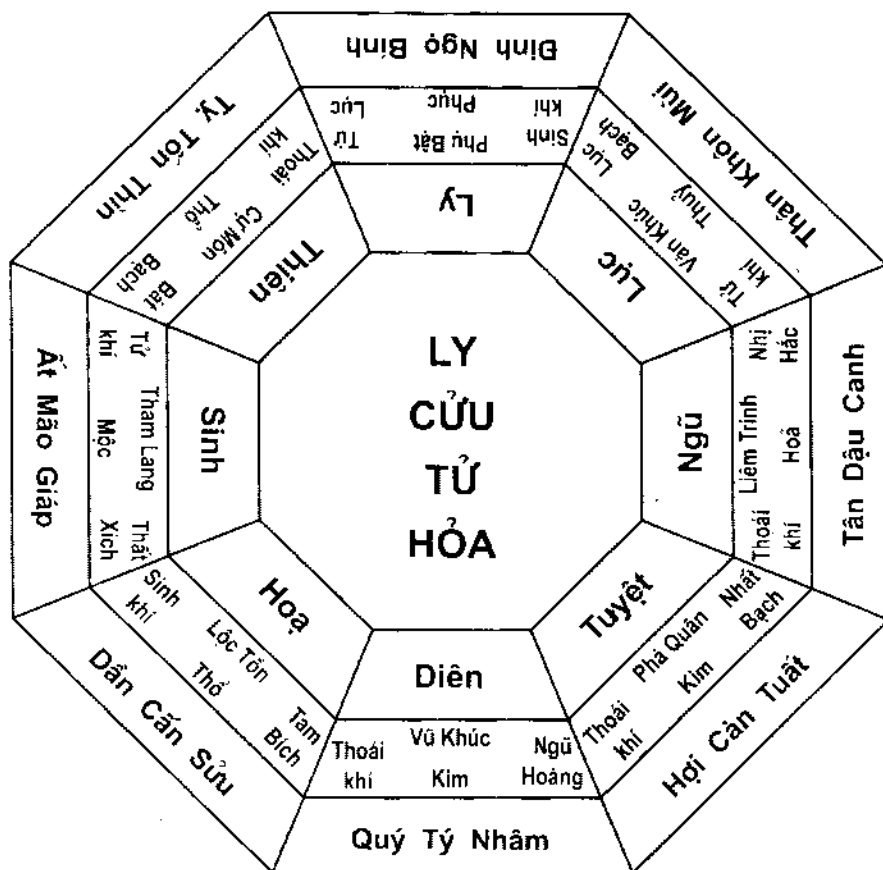
Nữ sinh vào Trung nguyên: Tân Mùi, Canh Thìn, Kỷ Sửu, Mậu Tuất, Đinh Mùi, Bính Thìn.

Nam sinh vào Hạ nguyên: Tân Mùi, Canh Thìn, Kỷ Sửu, Mậu Tuất, Đinh Mùi, Bính Thìn.

Nữ sinh vào Hạ nguyên: Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn, Tân Sửu, Canh Tuất, Kỷ Mùi.

Những trường hợp trên đều thuộc mệnh Ly.

THUỶ VÒNG CHÍNH BẮC: LY CỤC



Người mệnh Ly nếu được lai lộ, cửa bếp hướng Chấn Sinh Khí sẽ sinh năm con trai. Được hướng Khảm Diên Niên sẽ sinh bốn con trai. Được hướng Tồn Thiên Y sẽ sinh ba con trai. Được hướng đông nam chỉ sinh con gái. Phạm phải hướng Cấn Tuyệt Mệnh, con trai cả bị lao, tuyệt tự. Phạm phải hướng Cấn Hỏa Hại, tổn thương đến con trai út, con gái út trước tiên, sau có hai con trai. Phạm phải hướng Khôn Lục Sát, tổn thương đến con trai cả, con gái cả, sau có một con trai. Nếu lai lộ, cửa bếp phạm phải hướng Cấn Tuyệt Mệnh, thì cho dù con trai ở cách xa nhà hàng ngàn dặm, cũng bị thiệt thân mà tuyệt tự, bản thân cũng không sống thọ.

(Mệnh Ly:

Ly Lục Ngũ Tuyệt Diên Hỏa Sinh Thiên,

Phục Khôn Đoài Cấn Khảm Cấn Chấn Tồn.)

Hôn nhân

Nam mệnh Ly nên lấy vợ mệnh Chấn. Lấy vợ mệnh Tốn, mệnh Khảm là thứ cát. Cầu hôn nhân nên đặt giường phòng Khảm, hôn sự dễ thành.

Tử tức

Người mệnh Ly nên làm cửa bếp hướng Chấn, sẽ được năm con. Cửa bếp hướng Càn sẽ tuyệt tự. Cửa bếp hướng Khảm có bốn con trai, hướng Tốn có ba con trai.

Tật bệnh

Người mệnh Ly phạm phải hướng Càn sẽ tổn thương đến phổi, mắc chứng ho, thổ huyết. Phạm phải hướng Khôn, sẽ bị kiết lỵ, phù chân. Phạm phải hướng Đoài, sẽ tổn thương đến phế phủ, ho, nhiều đờm, đau tim, đau mắt. Phạm phải hướng Cấn, dễ mắc bệnh ruột non, ngư khẩu (hạch bạch huyết ở bẹn sưng tấy, mưng mủ, lở loét), giang mai, kiết lỵ. Phương pháp trừ bệnh tương tự như phần trên.

Tai họa

Người mệnh Ly phạm phải hướng Càn sẽ mắc họa thiệt thân, lại xảy ra tranh chấp ẩu đả ở mé tây tắc, khiến vỡ đầu chảy máu, nếu được lai lộ tốt mới không bị chết. Tổn thương đến cha và con trai trưởng, người hầu lớn tuổi. Nếu mệnh vợ phạm phải hướng này, sẽ bị bố chồng trách mắng, đánh đập. Phạm phải hướng Khôn, sẽ sinh chuyện cãi vã, vợ chồng bất hoà, bị bà già mặt vàng mé tây nam kiện tụng đến lụn bại, tổn thương đến mẹ, vợ, con trai lớn, con dâu. Nếu quẻ xấu nhiều, mà cửa bếp lại nhìn về hướng Khôn, thì cha sẽ uống thuốc độc chết. Nếu vợ phạm phải hướng này, sẽ bị bố chồng trách mắng, lại thêm chứng phù chân. Nếu phạm phải hướng Đoài, sẽ tổn hại đến mẹ, thê thiếp, con trai út, con gái út, lại thêm vợ trộm cắp, kẻ hầu nhỏ tuổi trộm của bỏ trốn, mất cửa, hoả hoạn. Phạm phải hướng Cấn, sẽ bị đứa trẻ mặt vàng ở mé đông bắc sinh sự kiện tụng đến phá sản, lại tổn hại đến con trai, con gái nhỏ và người hầu.

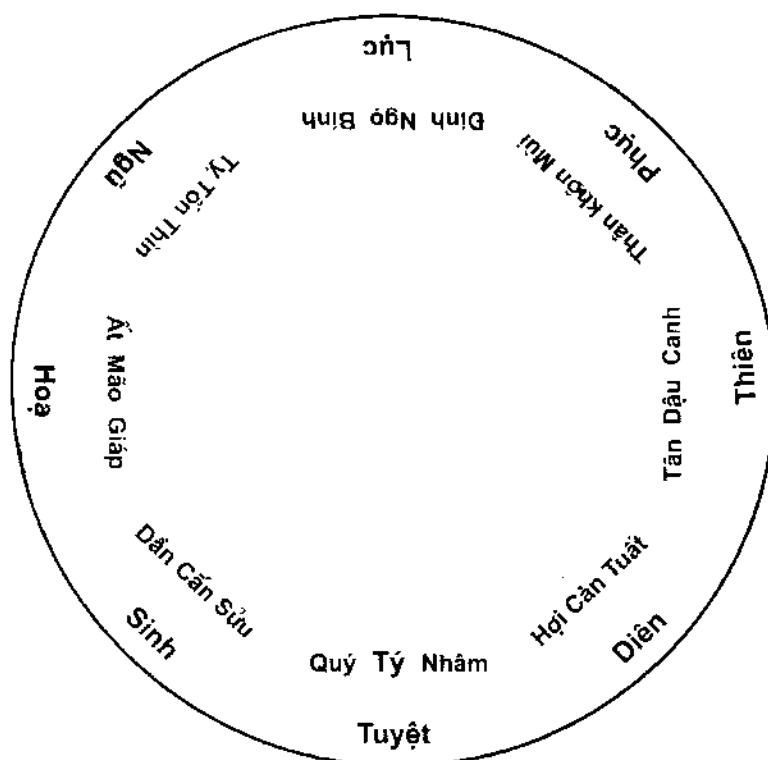
Giải thích:

Người mệnh Khảm thuộc Đông tứ mệnh, có ba hướng tốt là đông (Chấn), đông nam (Tốn), bắc (Khảm), cộng với hướng nam Phục Vị. Bốn hướng xấu là tây bắc (Càn), tây nam (Khôn), tây (Đoài) và đông bắc (Cấn).

Hôn nhân: Nam mệnh Ly lấy được vợ mệnh Chấn là tốt nhất. Lấy vợ mệnh Tốn, mệnh Khảm là thứ cát. Nếu muốn cầu hôn, nên quay đầu giường về hướng Khảm.

Con cái: Người mệnh Ly tốt nhất nên đặt cửa bếp quay về hướng Chấn. Quay về hướng Khảm, hướng Tốn là thứ cát. Tối kỵ quay về hướng Càn.

NHÀ MỆNH KHÔN (TÂY TỨ)



Nam sinh vào Thượng nguyên: Kỷ Ty, Nhâm Thân, Mậu Dần, Tân Ty, Đinh Hợi, Canh Dần, Bính Thân, Kỷ Hợi, Ất Ty, Mậu Thân, Giáp Dần, Đinh Ty, Quý Hợi.

Nữ sinh vào Thượng nguyên: Canh Ngọ, Kỷ Mão, Mậu Tý, Đinh Dậu, Bính Ngọ, Ất Mão.

Nam sinh vào Trung nguyên: Bính Dần, Nhâm Thân, Ất Hợi, Tân Ty, Giáp Thân, Canh Dần, Quý Ty, Kỷ Hợi, Nhâm Dần, Mậu Thân, Tân Hợi, Đinh Ty, Canh Thân.

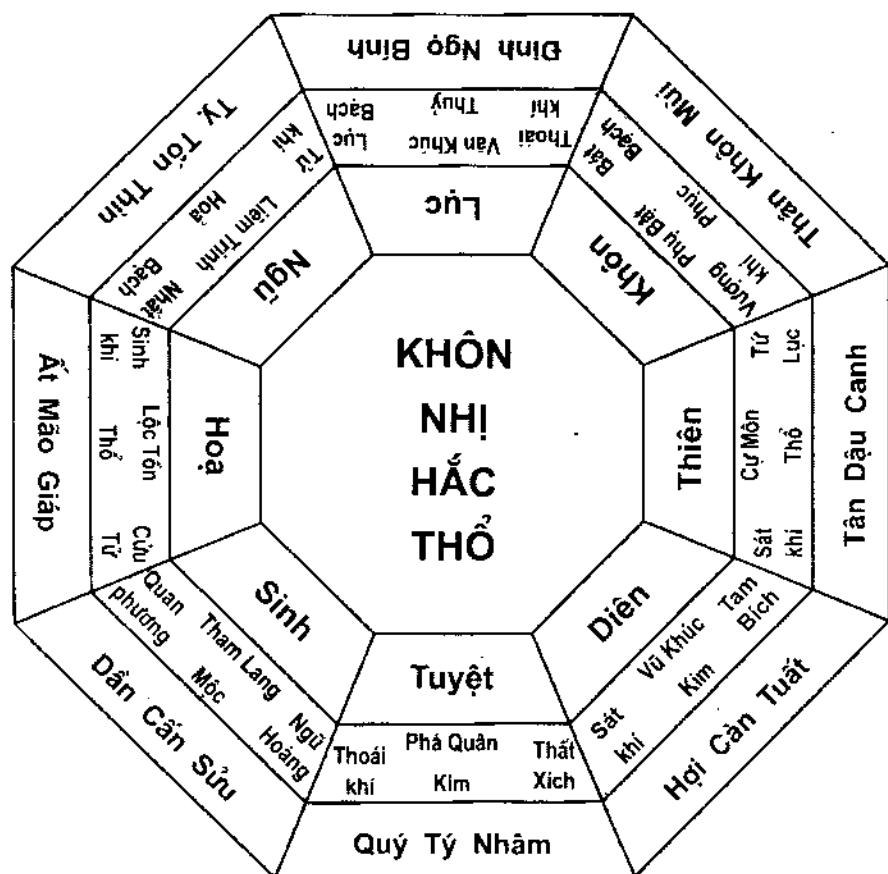
Nữ sinh vào Trung nguyên: Giáp Tý, Quý Dậu, Nhâm Ngọ, Tân Mão, Canh Tý, Kỷ Dậu, Mậu Ngọ.

Nam sinh vào Hạ nguyên: Bính Dần, Kỷ Ty, Ất Hợi, Mậu Dần, Giáp Thân, Đinh Hợi, Quý Ty, Bính Thân, Nhâm Dần, Ất Ty, Tân Hợi, Giáp Dần, Canh Thân, Quý Hợi.

Nữ sinh vào Hạ nguyên: Đinh Mão, Bính Tý, Ất Dậu, Giáp Ngọ, Quý Mão, Nhâm Tý, Tân Dậu.

Những trường hợp trên đều thuộc mệnh Khôn.

THỦY VÒNG PHƯƠNG CẤN: KHÔN CỤC



Người mệnh Khôn nếu được hướng Cấn Sinh Khí, sẽ sinh năm con trai. Được hướng Cấn Diên Niên, sẽ sinh bốn con trai. Được hướng Đoài sinh ba con trai; Được hướng Khôn chỉ sinh con gái. Phạm hướng Khảm tuyệt tự. Có người mệnh Khôn đi về phương Khảm, trong vòng một năm, con cái đều chết vì bệnh mạn kinh, kiết lỵ, đậu mùa, ấy là do phạm phải cung Khảm. Lại có một quả phụ mệnh Khôn, làm bếp hướng Khảm, trong vòng ba năm, hai cháu trai đều chết đuối. Phạm hướng Ly, sẽ tổn hại đến con trai thứ, con gái thứ, còn hai con trai; Phạm hướng Chấn, sẽ tổn hại đến con trai cả, sau tuyệt tự. Phạm hướng Tốn, sẽ tổn hại đến con trai cả, con gái cả, sau còn hai con trai.

(Mệnh Khôn:

Khôn Thiên Diên Tuyệt Sinh Hoà Ngũ Lục,

Phục Đoài Cấn Khảm Cấn Chấn Tồn Ly.)

Hôn nhân

Nam mệnh Khôn nên lấy vợ mệnh Cấn. Nếu lấy vợ mệnh Càn, mệnh Đoài là thứ cát. Muốn cầu hôn nhân, nên đặt giường quay về hướng Càn, hôn sự dễ thành.

Tử tức

Người mệnh Khôn nếu cửa bếp nhìn về hướng Cấn sẽ sinh được năm con trai; Nhìn về hướng Đoài sẽ sinh được ba con trai; Nhìn về hướng Càn sẽ sinh được bốn con trai.

Tật bệnh

Nam nữ mệnh Khôn nếu phạm phải hướng Ly, sẽ bị đau tim, đờm hoả, thổ huyết, dùng lai lộ phương Đoài Sinh Khí sẽ trừ được. Phạm phải hướng Chấn, Tốn, sẽ bị kiết lỵ, nhọt độc. Phạm phải hướng Khảm Tuyệt Mệnh, nam ất thương hàn, sốt rét, suy nhược, yếu thọ, nữ ất bế kinh, băng huyết, lao, có thể dùng hướng Đoài Thiên Y để trừ bệnh, năm ngày hiệu nghiệm, mười một ngày dậy được, hai tháng dứt bệnh. Dùng hướng Càn Diên Niên, hai mươi lăm ngày hiệu nghiệm, ngồi dậy được, tuy vẫn còn ba phần bệnh tật. Hướng Diên Niên được sống thọ. Bếp nhìn về hướng Thiên Y, thì dùng lai lộ phương Diên Niên. Nếu lai lộ là Thiên Y, thì hướng bếp nên là Diên Niên. Những trường hợp khác cũng tương tự.

Tai hoạ

Người mệnh Khôn nếu phạm hướng Khảm, sẽ bị các tai hoạ ngã sông, chết đuối, lại tổn thương đến con trai thứ, sau hại đến con trai trưởng mà tuyệt tự. Là trẻ nhỏ sẽ mắc bệnh mạn kinh, chết yếu. Phạm hướng Ly, sẽ vướng vào án mạng kiện tụng, phá sản, con trai trưởng bất hiếu, dấy tố già bất nhân. Có người mệnh Khôn xây thêm phòng tại phương Chấn. Thầy ta bèn ngăn cản anh ta, nói rằng: "Phương Chấn không nên xây sửa. Nếu xây sửa ở đó, chưa đầy một năm sau, cha của ngươi sẽ tố cáo ngươi tội ngỗ nghịch". Người này không tin, lại nói rằng: "Cha tôi vốn rất yêu thương tôi, mà ghét bỏ em tôi, làm gì có chuyện đó!" Rồi vẫn xây. Chưa tròn năm sau, người cha đi tố cáo thực, anh ta vì thế mà lụn bại. Lúc này, hần mới hỏi Thầy ta rằng: "Phía bắc có căn nhà lớn, tôi muốn đến đấy ở, có được không?" Thầy ta đáp: "Căn nhà ở phía bắc tuy đẹp, nhưng người mệnh Khôn, nếu phạm hướng Khảm, là hướng Tuyệt Mệnh. Người nên ở vài tháng tại hướng Khôn hoặc hướng Chấn, sau đó mới vào ở căn nhà đó. Như vậy không những không có tai hoạ, mà còn được phúc thọ". Người này lại không nghe theo, mà dọn đến đó ở luôn. Hậu quả là chừng hơn năm sau thì chết.

Lại có một người nữ mệnh Khôn xây nhà tại hướng Chấn, bị chồng trách mắng lăng nhúc triền miên. Thấy ta bèn bảo chị ta dỡ nhà đi, mọi việc lại yên ổn. Nếu nam mệnh Khôn phạm phải hướng Tốn, sẽ bị mẹ và vợ lấy trộm của cải, đầy tớ già trộm cắp bỏ trốn, gặp hoả hoạn, gây tổn hại đến mẹ và vợ, lại tổn thương đến con trai lớn, vợ lớn, con dâu lớn.

Giải thích:

Mệnh Khôn thuộc Tây tứ mệnh, có ba hướng tốt là tây (Đoài), tây bắc (Càn), đông bắc (Cấn), cộng với hướng tây nam Phục Vị. Bốn hướng xấu là bắc (Khảm), nam (Ly), đông nam (Tốn) và đông (Chấn).

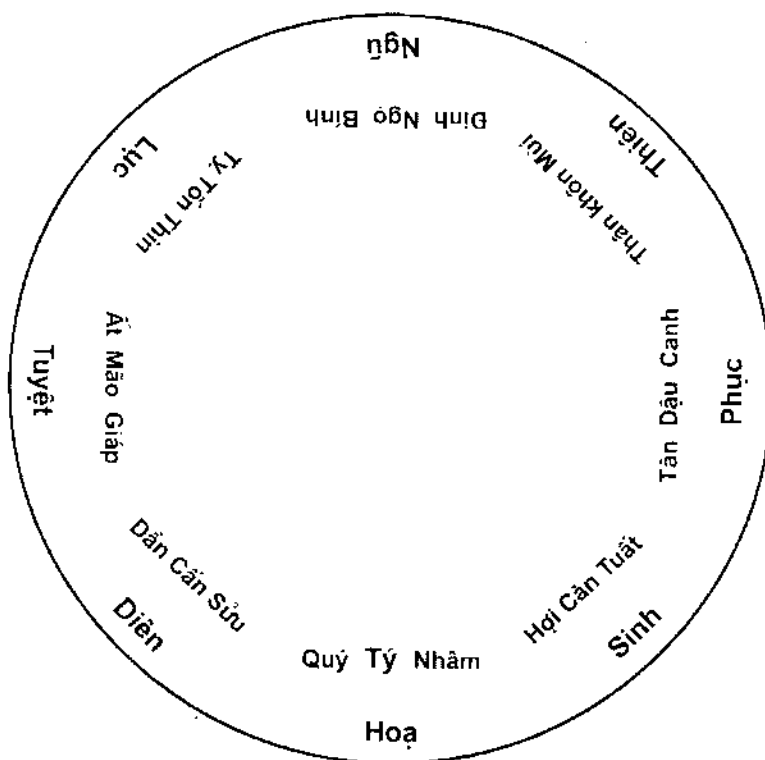
Hôn nhân: Nam mệnh Khôn tốt nhất nên lấy vợ mệnh Cấn. Nếu lấy được vợ mệnh Càn, mệnh Đoài cũng tốt. Nếu muốn cầu hôn nhân, cần xoay đầu giường về hướng Càn.

Cầu tự: Cửa bếp nhìn về hướng Cấn là tốt nhất. Tiếp đó là các hướng Đoài, Càn.

Tật bệnh: Cửa bếp nhìn về hướng Thiên Y hoặc Diên Niên sẽ trừ được bệnh, tuyệt đối không nên phạm hướng Khảm Tuyệt Mệnh.

Tai hoạ: Cửa bếp tối kỵ nhìn về hướng Khảm

NHÀ MỆNH ĐOÀI (TÂY TỨ)



Nam sinh vào Thượng nguyên: Đinh Mão, Bính Tý, Ất Dậu, Giáp Ngọ, Quý Mão, Nhâm Tý, Tân Dậu.

Nữ sinh vào Thượng nguyên: Bính Dần, Ất Hợi, Giáp Thân, Quý Tỵ, Nhâm Dần, Tân Hợi, Canh Thân.

Nam sinh vào Trung nguyên: Canh Ngọ, Kỷ Mão, Mậu Tý, Đinh Dậu, Bính Ngọ, Ất Mão.

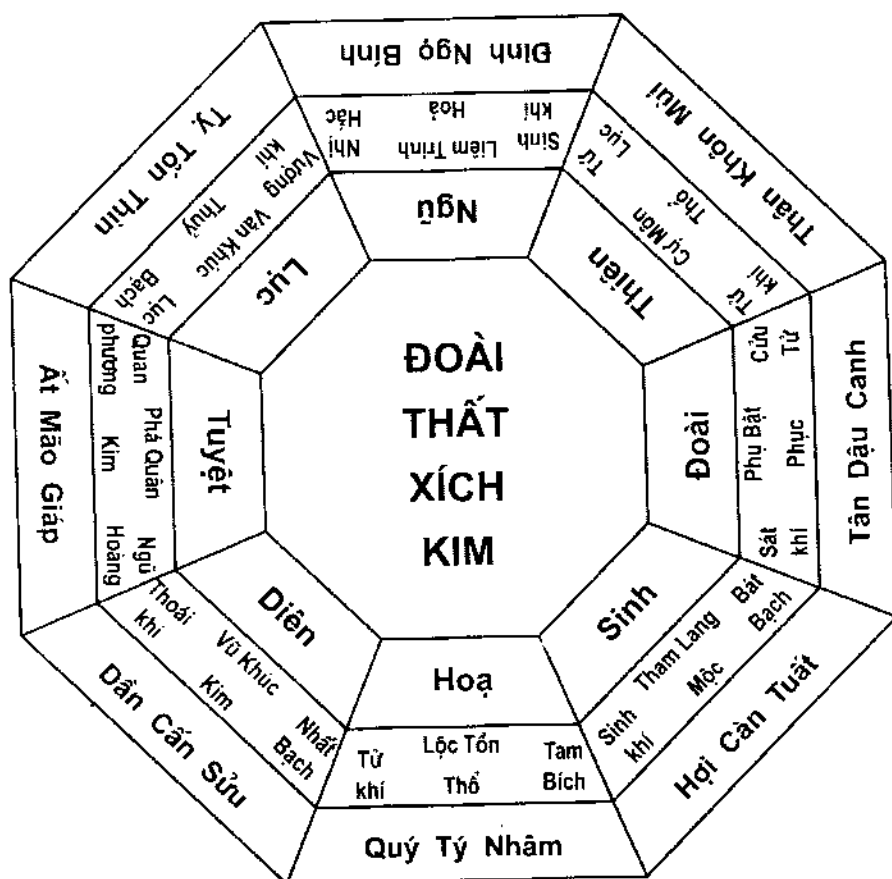
Nữ sinh vào Trung nguyên: Kỷ Tỵ, Mậu Dần, Đinh Hợi, Bính Thân, Ất Tỵ, Giáp Dần, Quý Hợi.

Nam sinh vào Hạ nguyên: Giáp Tý, Quý Dậu, Nhâm Ngọ, Tân Mão, Canh Tý, Kỷ Dậu, Mậu Ngọ.

Nữ sinh vào Hạ nguyên: Nhâm Thân, Tân Tỵ, Canh Dần, Kỷ Hợi, Mậu Thân, Đinh Tỵ.

Những trường hợp trên đều thuộc mệnh Đoài.

THUỶ VÒNG CHÍNH ĐÔNG: ĐOÀI CỤC



Người mệnh Đoài được lai lộ, cửa bếp hướng Cấn sẽ sinh năm con trai. Được hướng Cấn sẽ sinh bốn con trai. Được hướng Khôn sẽ sinh ba con trai. Được hướng Cấn chỉ sinh con gái. Phạm hướng Chấn Tuyệt Mệnh, con sẽ mắc bệnh ly, kinh cam mà tuyệt tự. Phạm hướng Tốn, sẽ tổn hại đến con trai cả, con gái cả mà sau còn hai con trai. Phạm hướng Khảm, sẽ tổn hại đến con trai thứ, con gái thứ mà sau không có con. Nếu như bếp phạm hướng xấu mà không thể đổi được, thì ta không nên ăn ở bếp ấy, để bếp đấy cho người hợp mệnh nấu ăn, còn ta đặt thêm một bếp nhỏ hoặc lò nhỏ khác để sử dụng, chỉ cần cửa lò nhìn về hướng tốt sẽ ứng nghiệm.

(Mệnh Đoài

Phục Cấn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn

Đoài Sinh Hoạ Diên Tuyệt Lục Ngũ Thiên.)

Hôn nhân

Nam mệnh Đoài nên lấy vợ mệnh Cấn, sẽ được năm con trai. Lấy vợ mệnh Cấn, mệnh Khôn là thứ cát. Cầu hôn nên đặt giường tại phương Cấn, hôn sự dễ thành.

Tử tức

Nam mệnh Đoài được vợ mệnh Cấn, sẽ sinh năm con trai; Lấy vợ mệnh Cấn sinh bốn con trai; Lấy vợ mệnh Khôn sinh ba con trai; Lấy vợ mệnh Đoài chỉ sinh con gái; Lấy vợ mệnh Chấn tuyệt tự.

Tật bệnh

Người mệnh Đoài nếu phạm hướng Ly sẽ bị đòn hoả, tai hoạ đổ máu; Phạm hướng Chấn, sẽ tổn hại đến mắt, kiết lỵ, ngã bị thương đến lưng, eo, tay chân; Phạm hướng Tốn, dễ buồn bực ưu phiền, tổn hại đến mắt, thương tật tay chân; Phạm hướng Khảm, sẽ bị thương hàn, bại liệt; Là phụ nữ sẽ bị bế kinh, sảy thai.

Tai hoạ

Người mệnh Đoài nếu phạm phải hướng Chấn, sẽ tổn thương đến con trai trưởng, người hầu ngã tổn thương chân tay, lưng, eo. Có một phú ông mệnh Đoài, xây thêm mấy gian phòng lớn tại phương Chấn. Ba năm sau, hai cháu trai đều chết mà tuyệt tự, sau đó bản thân cũng qua đời. Phạm phải hướng Tốn, sẽ bị người đàn bà căm cao kêu ở phía đông nam khích bác kiện tụng, hoặc cãi cộ với mẹ, vợ dâm dăng, tổn hại đến con trai trưởng, bị tật ở mắt, ngã bị thương chân, tay. Phạm phải hướng Ly, chủ về mất trộm, hoả hoạn, thê thiếp trộm cắp, người hầu bỏ trốn, vợ hay cãi cộ, tổn hại đến cha mẹ, con gái thứ, người hầu gái. Phạm phải hướng Khảm, thường được thăng kiện, nhưng phá sản, lại thêm thuỷ tai, tổn hại đến con trai thứ, con gái thứ, người hầu. Nếu mệnh của con trai thứ hợp với hướng cát của Khảm trạch, thì sẽ tổn thương đến con trai út. Từng có một phụ nữ mệnh Đoài phạm phải hướng Khảm, bị mắc chứng băng huyết, con trai thứ phải chết đuối.

Giải thích:

Mệnh Đoài thuộc Tây tứ mệnh, ba hướng tốt là các hướng tây bắc (Cấn - Sinh Khí), đông bắc (Cấn - Diên Niên) và tây nam (Khôn - Thiên Y), cộng với hướng chính tây Phục Vị. Ba hướng xấu là các hướng đông (Chấn - Tuyệt Mệnh), bắc (Khảm - Hoạ Hại), nam (Ly - Ngũ Quỷ) và đông nam (Tốn - Lục Sát).

Về hôn nhân, nam mệnh Đoài lấy vợ mệnh Càn là tốt nhất; Nếu lấy vợ mệnh Cấn, mệnh Khôn cũng tốt. Nếu muốn cầu hôn nhân, thì trước đó, nên đặt đầu giường quay về hướng Cấn.

Trên đây là những điểm hợp và kỵ đối với Đông tứ mệnh và Tây tứ mệnh.

Sau đây, sẽ phụ thêm bảng tra niên mệnh trong 80 năm gần đây, từ năm 1940 đến năm 2019. Căn cứ vào ngày sinh, độc giả có thể dễ dàng tra được niên mệnh của mình.

BẢNG TRA NIÊN MỆNH

<i>Năm sinh</i>		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>
1940	Canh Thìn	Càn Kim	Ly Hoả
1941	Tân Ty	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ
1942	Nhâm Ngọ	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1943	Quý Mùi	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1944	Giáp Thân	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1945	Ất Dậu	Khảm Thuỷ	Cấn Thổ
1946	Bính Tuất	Ly Hoả	Càn Kim
1947	Đinh Hợi	Cấn Thổ	Đoài Kim
1948	Mậu Tý	Đoài Kim	Cấn Thổ
1949	Kỷ Sửu	Càn Kim	Ly Hoả
1950	Canh Dần	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ
1951	Tân Mão	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1952	Nhâm Thìn	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1953	Quý Ty	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1954	Giáp Ngọ	Khảm Thuỷ	Cấn Thổ
1955	Ất Mùi	Ly Hoả	Càn Kim
1956	Bính Thân	Cấn Thổ	Đoài Kim
1957	Đinh Dậu	Đoài Kim	Cấn Thổ
1958	Mậu Tuất	Càn Kim	Ly Hoả
1959	Kỷ Hợi	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ
1960	Canh Tý	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1961	Tân Sửu	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1962	Nhâm Dần	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1963	Quý Mão	Khảm Thuỷ	Cấn Thổ
1964	Giáp Thìn	Ly Hoả	Càn Kim
1965	Ất Ty	Cấn Thổ	Đoài Kim
1966	Bính Ngọ	Đoài Kim	Cấn Thổ
1967	Đinh Mùi	Càn Kim	Ly Hoả
1968	Mậu Thân	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ
1969	Kỷ Dậu	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1070	Canh Tuất	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1971	Tân Hợi	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1972	Nhâm Tý	Khảm Thuỷ	Cấn Thổ
1973	Quý Sửu	Ly Hoả	Càn Kim
1974	Giáp Dần	Cấn Thổ	Đoài Kim
1975	Ất Mão	Đoài Kim	Cấn Thổ
1976	Bính Thìn	Càn Kim	Ly Hoả
1977	Đinh Ty	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ

1978	Mậu Ngọ	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1979	Kỷ Mùi	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1980	Canh Thân	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1981	Tân Dậu	Khảm Thủy	Cấn Thổ
1982	Nhâm Tuất	Ly Hỏa	Càn Kim
1983	Quý Hợi	Cấn Thổ	Đoài Kim
1984	Giáp Tý	Đoài Kim	Cấn Thổ
1985	Ất Sửu	Càn Kim	Ly Hỏa
1986	Bính Dần	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1987	Đinh Mão	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1988	Mậu Thìn	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1989	Kỷ Tỵ	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1990	Canh Ngọ	Khảm Thủy	Cấn Thổ
1991	Tân Mùi	Ly Hỏa	Càn Kim
1992	Nhâm Thân	Cấn Thổ	Đoài Kim
1993	Quý Dậu	Đoài Kim	Cấn Thổ
1994	Giáp Tuất	Càn Kim	Ly Hỏa
1995	Ất Hợi	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1996	Bính Tý	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1997	Đinh Sửu	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1998	Mậu Dần	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1999	Kỷ Mão	Khảm Thủy	Cấn Thổ
2000	Canh Thìn	Ly Hỏa	Càn Kim
2001	Tân Tỵ	Cấn Thổ	Đoài Kim
2002	Nhâm Ngọ	Đoài Kim	Cấn Thổ
2003	Quý Mùi	Càn Kim	Ly Hỏa
2004	Giáp Thân	Khôn Thổ	Khảm Thủy
2005	Ất Dậu	Tốn Mộc	Khôn Thổ
2006	Bính Tuất	Chấn Mộc	Chấn Mộc
2007	Đinh Hợi	Khôn Thổ	Tốn Mộc
2008	Mậu Tý	Khảm Thủy	Cấn Thổ
2009	Kỷ Sửu	Ly Hỏa	Càn Kim
2010	Canh Dần	Cấn Thổ	Đoài Kim
2011	Tân Mão	Đoài Kim	Cấn Thổ
2012	Nhâm Thìn	Càn Kim	Ly Hỏa
2013	Quý Tỵ	Khôn Thổ	Khảm Thủy
2014	Giáp Ngọ	Tốn Mộc	Khôn Thổ
2015	Ất Mùi	Chấn Mộc	Chấn Mộc
2016	Bính Thân	Khôn Thổ	Tốn Mộc
2017	Đinh Dậu	Khảm Thủy	Cấn Thổ
2018	Mậu Tuất	Ly Hỏa	Càn Kim
2019	Kỷ Hợi	Cấn Thổ	Đoài Kim

BÀN VỀ HÔN NHÂN

Về việc cầu hôn, người đời thường sử dụng phép Lã Tài, nhưng đổi hướng bếp mới chính là phương pháp hiệu quả nhất. Niên mệnh vợ phối hợp với niên mệnh chồng, sẽ có bổ ích lớn. Vợ Đông tứ mệnh kết hợp với chồng Đông tứ mệnh, sẽ có con cái lại hoà thuận. Nếu gả phải chồng Tây tứ mệnh, thì khó đường con cái, lại bất hoà. Mệnh vợ được hướng Sinh Khí trong mệnh chồng sẽ sinh năm con trai; Được hướng Diên Niên sẽ sinh bốn con trai; Được hướng Thiên Y sẽ sinh ba con trai; Được hướng Phục Vị sẽ chỉ sinh con gái. Nếu mệnh vợ phạm phải hướng Ngũ Quỷ trong mệnh chồng, sau vẫn có ba con trai; Phạm phải hướng Lục Sát, chỉ có một con trai; Phạm phải hướng Tuyệt Mệnh, sẽ thành goá bụa, không có con cái, vợ chồng sẽ có một người yếu thọ. Phạm phải hướng Hoạ Hại, tuy không con cái nhưng được sống thọ, vợ chồng chung sống đến bạc đầu. Bởi vậy, khi tính toán sự kết hợp của cung mệnh người vợ, không chỉ tính riêng mệnh của vợ, mà phải kết hợp mệnh vợ với mệnh chồng, nếu được hướng Sinh Khí của chồng là thượng cát; Được hướng Diên Niên, Thiên Y là thứ cát. Những người tính chuyện hôn sự để nối dõi tông đường và những người chưa kết hôn, cần phải lưu ý.

Giải thích:

Đoạn văn này một lần nữa nhắc nhở mọi người rằng, nếu tính chuyện hôn nhân không nên căn cứ vào phép hợp hôn Lã Tài. Vì như đã nhắc đến trong phần trước, phương pháp hợp hôn Lã Tài chỉ là một biện pháp tạm thời nhằm mục đích cự tuyệt việc thông hôn với dị tộc, chứ không dựa trên một nền tảng lý luận hợp lý. Sử dụng phương pháp thay đổi hướng bếp sẽ hiệu nghiệm hơn rất nhiều. Chú trọng đến hướng của bếp và phương đặt bếp chính là một đặc trưng chủ yếu của phái Bát Trạch.

BÀN VỀ TỬ TỨC

(Người thất đức, bị sao Thiên Hình^[1] chiếu mệnh, hoặc người già không chuẩn)

Về chuyện con cái, người đời không biết cung mệnh của mình, hoặc dù biết cung mệnh nhưng lại dùng nhầm hướng, gây tổn thương đến con cái. Nay sử dụng các cục mệnh rõ ràng, tập hợp trạch hướng tám phương, đồ hình du niên ở phía trên, để tiện cho việc rước lành tránh dữ. Thầy ta thể nghiệm cái đức hiếu sinh của Thượng đế, giúp người mở rộng đường nối dõi, nên người cầu tự nên biết trân trọng. Phép cầu tự, thì miệng bếp nên nhìn về hướng Phục Vị, đợi đến khi Thiên Ất Quý Nhân chiếu đến cung này, gọi là "đến mệnh", sẽ sinh con trai, cực kỳ linh nghiệm. Thiên Ất Quý Nhân tức là quẻ Khôn, cách tính đã trình bày tại phần trước.

^[1] Thiên Hình: Một sao xấu, chủ về cô khắc, hình thương, tai hoạ, yếu mệnh, ít con cái.

Giải thích:

Đoạn văn này một lần nữa nhấn mạnh, muốn cầu tự, cần phải lợi dụng hướng của bếp. Phương pháp cầu tự là xoay cửa bếp nhìn về hướng Phục Vị, đợi khi lưu niên Thiên Ất Quý Nhân bay đến phương này, sẽ sinh được quý tử. Về cách tính Thiên Ất Quý Nhân, xem trong phần "Phối hướng bếp với cung mệnh Tam nguyên" tr. 41.

BÀN VỀ TẬT BỆNH

(Người oan khiên, bị họa ma quỷ, người đang mắc bệnh không chuẩn)

Trời đất ngũ hành định vị, tức năm cung đông Mộc, tây Kim, nam Hoả, bắc Thủy, trung ương Thổ. Khôn, Cấn, Tuất, Mậu, Kỷ là Thổ. Ứng với tám quẻ của dương trạch, như hai quẻ Chấn và Tốn, nếu người mệnh Khôn Thổ, Cấn Thổ đặt lại lộ, hướng bếp phạm phải hai hướng đó, sẽ bị lỵ, tả, trĩ, vì Mộc khắc Thổ là lá lách. Lại như Ly thuộc Hoả, khắc Kim là phần phổi của người mệnh Càn, dễ các chứng ho, lao. Là vì ngũ tạng, ứng với ngũ hành. Mà phương hướng, quẻ hào của gia trạch từ đó mà suy ra. Lại có Khảm Thủy khắc phần tâm kinh của người mệnh Ly Hoả, từ đó dẫn đến các chứng đau tim, đờm hoả. Hai quẻ Khôn Thổ, Cấn Thổ khắc phần thận kinh của người mệnh Khảm Thủy, sinh ra chứng phù thũng. Trong nhà phạm phải hai quẻ Càn Kim, Đoài Kim, khắc người mệnh Chấn Mộc, Tốn Mộc, gây thương gan, hại mắt, phiền não thất cổ.

Giải thích:

Đoạn văn này nói rõ, lục phủ ngũ tạng của con người đều ứng với ngũ hành, bởi vậy giữa phủ tạng và tám quẻ dương trạch nảy sinh quan hệ sinh khắc. Theo lý luận Trung y, lục phủ ngũ tạng trong cơ thể người tương ứng với ngũ hành như sau:

Ngũ hành	Kim	Mộc	Thủy	Hoả	Thổ
Tạng	Phổi	Gan	Thận	Tim	Lách
Phủ	Ruột già	Mật	Bàng quang	Ruột non	Dạ dày
Nam khí	Táo	Phong	Hàn	Nhiệt	Thấp

BÀN VỀ TAI HOẠ

(Người chăm tích đức, làm việc thiện sẽ không chuẩn)

Tai họa thị phi, là phụ thuộc vào quan hệ sinh khắc của các hướng quẻ trong cung mệnh, đã trình bày chi tiết ở phía trước. Người trí tuệ nên tùy cơ mà suy đoán, chắc chắn sẽ được ứng nghiệm.

Giải thích:

Người ta sống trên đời không ai lại muốn vướng mắc vào tai họa, thị phi. Cuộc sống đang êm ả xuôi chiều, đột ngột gặp tai bay vạ gió, đó thực sự là một đòn chí mạng vào tâm lý. Bởi vậy, tránh né tai họa chính là một thuộc tính bản năng của con người.

Phía trên phần chính văn đã ghi chú rõ: "người chăm tích đức, làm việc thiện sẽ không chuẩn". Nghĩa là những người thường xuyên làm việc thiện, tích lũy công đức, thì cho dù tính theo niên mệnh sẽ có khả năng gặp tai họa, nhưng rốt cục vẫn được bình yên, không bị tổn thương. Đây là sự thể hiện của tư tưởng nhân quả báo ứng, như dân gian vẫn thường nói: "thiện lai thiện báo, ác giả ác báo". Phái Bát Trạch đã đưa quan điểm này vào hệ thống lý luận của mình, đây là điều rất phù hợp với mô thức tư duy và nhu cầu tâm lý của người Á Đông, mặt khác, còn có tác dụng khuyến khích làm việc thiện.

BÀN VỀ CẦU TÀI

(Những người cưỡng cầu, thất đức sẽ không chuẩn)

Về việc cầu tài, thì niên mệnh phải hợp với hướng tốt của cửa bếp. Nếu cửa bếp nhìn về hướng Sinh Khí sẽ đại phú, trong vòng một tháng sẽ phát tài lớn. Sinh Khí Mộc tinh ứng nghiệm tại năm, tháng Hợi, Mão, Mùi. Nếu cửa bếp nhìn về hướng Thiên Y Cự Môn Mộc tinh, sẽ phát tài tại năm, tháng Thân, Tý, Thìn, có được ngàn vàng. Nếu cửa bếp nhìn về hướng Diên Niên Vũ Khúc Kim tinh, sẽ ngày ngày đắc tài, được giàu có trung bình. Nhìn về hướng Phục Vị Phụ Bát Thủy tinh, sẽ phát tiểu phú, ngày ngày đều được của lễ, ứng nghiệm tại năm, tháng Hợi, Mão, Mùi, cực kỳ linh nghiệm.

Giải thích:

Đoạn văn này nói về vấn đề cầu tài, vẫn gắn liền với hướng tốt của cửa bếp. Nếu cửa bếp nhìn về hướng Sinh Khí trong bản mệnh, sẽ phát tài lớn; Nếu nhìn về hướng Thiên Y, sẽ phát tài trung bình; Nếu nhìn về hướng Phục Vị, sẽ phát tài nhỏ. Nhưng tương tự với những đoạn văn trên, trước khi đi vào bàn luận cụ thể, người viết cũng nhất mạnh: "những người cưỡng cầu, thất đức sẽ không chuẩn", tức những người lòng dạ tầm tố, chỉ mong kiếm tiền không chính đáng, thì cho

dù cửa bếp được hướng tốt, cũng không thể phát tài. Chỉ có những người bình thường đã chăm chỉ tích đức, thì tài vận mới năng đến nhà.

BÀN VỀ XÂY SỬA

(Những người công đức lớn, hoặc người đại ác, ứng nghiệm sẽ chậm)

Nhà ở có toạ, có hướng, mà mệnh có Đông có Tây. Người thời nay chỉ hay bàn về hướng đông, hướng tây của toạ sơn mà không quan tâm đến hướng đông, tây của cung mệnh, đó là sai lầm. Cần phải phối cung mệnh với toạ sơn, như vậy mới được cát lợi hoàn toàn. Nhà toạ Càn hướng Tốn thì cổng chính, ban thờ hương hoả, phòng ở, giường ngủ, cửa hàng nên đặt tại bốn hướng Càn, Khôn, Cấn, Đoài, cửa bếp nên nhìn về bốn hướng Tây tứ, phòng ốc ở các phương Tây tứ nên cao lớn. Bệ lò, nhà xí, cối xay nên đặt ở phương Đông tứ. Bố trí như vậy sẽ mang lại cát lợi cho toạ sơn hướng tây. Người Tây tứ mệnh ở nhà đó sẽ tốt, người Đông tứ mệnh ở nhà đó sẽ hung. Người mệnh Càn, Khôn, Cấn, Đoài nên ở nhà có toạ sơn thuộc mười hai sơn phương tây; Người mệnh Khảm, Ly, Chấn, Tốn nên ở nhà có toạ sơn thuộc mười hai sơn phương đông. Có người hỏi rằng: "Bỏ mệnh mà xây sửa theo toạ sơn, sẽ thế nào?" Thầy ta đáp: "Nhà ở có thể sửa được chứ cung mệnh không thể sửa, nếu theo niên mệnh sẽ cát lợi". Lại có người hỏi: "Nên nhà khó đổi toạ hướng, thì phải làm thế nào?" Thầy ta bèn đáp: "Như nhà toạ Cấn hướng Khôn, sẽ bất lợi cho chủ nhà mệnh Đông, chủ nhà nên ở phòng nhỏ bên mé trái, như vậy sẽ cát lợi. Hoặc xây thêm hành lang bên trái, cũng cát lợi. Nếu chủ nhà đó mệnh Đông, sẽ rất tốt. Những phòng có cùng toạ sơn với nhà nên để cho cháu con Tây tứ mệnh ở, đặt thêm phòng thờ, nhà xí, cối xay, sẽ cát lợi. Nếu không, nên cho em trai hoặc cháu trai hợp mệnh ở đó, hoặc cho người khác ở thuê, di cửa sau, hoặc bỏ không làm phòng khách, mà bản thân mình không đặt giường tại phòng đó cũng được.

Giải thích:

Đoạn văn này bàn về vấn đề tu tạo, nhấn mạnh rằng trạch mệnh cũng quan trọng không kém gì toạ sơn. Tầm quan trọng của trạch mệnh đã được đề cập nhiều lần tại những đoạn văn trước đó. Còn toạ sơn, hay toạ, là phương mà căn nhà dựa lưng vào. Các nhà địa lý học dù xây dựng dương trạch hay âm trạch đều rất coi trọng toạ hướng. Toạ sơn được xác định căn cứ vào hai mươi tư sơn của la bàn, và hướng mạch núi, mạch nước. Sau khi xác định được cục thế, cần xem toạ sơn thuộc mười hai sơn Đông tứ mệnh hay mười hai sơn Tây tứ mệnh, để phối hợp với cung mệnh của chủ nhà. Người Đông tứ mệnh ở Đông tứ trạch; Người Tây tứ mệnh ở Tây tứ trạch, không được hỗn loạn. Nếu là nhà cũ, không đổi được toạ, hướng, hoặc đổi chủ nhà mới không hợp niên mệnh, có thể sử dụng phương pháp chuyển vị trí giường để bổ cứu. Nói tóm lại, tính chất cát hung của toàn bộ căn nhà không thể chỉ dựa vào hướng bếp là có thể giải quyết được, mà còn phải kết hợp với các phương pháp xây sửa nhà mới hoặc chuyển vị trí giường.

BÀI CA QUYẾT ĐOÁN TRẠCH MỆNH THÔNG THIÊN CHIẾU THUYẾT KINH

Quý nhập Lôi môn thương trường tử.

(Quý vào cửa Sấm hại con cả)

Quý, tức Ngũ Quý Liêm Trinh Hoả; Lôi là sấm, tức phương Chấn, ứng với trường nam (con trai cả). Câu này có nghĩa là nếu cổng chính hướng Càn mà tại phương Chấn chính đông lại xây phòng ở cao to, là rất xấu. Ở đây căn cứ vào phương vị của cổng chính để xem xét phương hướng xây nhà cao. Như cổng hướng Càn, chiếu theo "*Du niên ca*": "Càn Lục Thiên Ngũ Hoạ Tuyệt Diên Sinh", thì Ngũ Quý rơi vào cung Chấn, Càn Kim khắc Chấn Mộc, sẽ tổn thương đến con trai trưởng. Cũng không nên đặt giường ngủ tại phương Chấn, Càn là cửa Tây trạch, không hợp với phương chính đông là phương Đông tứ, nên người mệnh nào ở đó cũng hung. Từng thấy có người mệnh Càn làm cửa bếp hướng Chấn, mà con trai trưởng chết; Người mệnh Càn lấy vợ mệnh Chấn, có con cũng khó nuôi. Nếu xây phòng ở phương Chấn, trong vòng một tháng con trai cả sẽ chết. Lại có người mệnh Càn sử dụng lại lộ phương Chấn, cũng bị tai hoạ tương tự. Phòng ở của người mệnh Càn cũng không nên phạm phải hướng này. Phương vị của Âm trạch mồ mả cũng tương tự như vậy. Các phương vị khác có thể loại suy ra từ đây.

Ca quyết

Quý nhập Lôi môn thương trường tử.

(Quý vào cửa Sấm hại con cả)

Câu này có nghĩa là cổng chính tại phương Càn sẽ khắc phòng ở, giường ngủ tại phương Chấn, vì phương Chấn là phương Ngũ Quý nên tổn thương đến con trai cả, như vậy là cung khắc cung.

Hoả kiến thiên môn thương lão ông.

(Lửa gặp cổng trời hại lão ông)

Câu này có nghĩa là cổng chính tại phương Ly Hoả sẽ khắc phòng ở, giường ngủ tại phương Càn (Càn là trời, là cha). Cổng phương Ly thì Càn là phương Tuyệt Mệnh, cũng là cung khắc cung, nên sẽ hại đến cha.

Ly xâm tây Đoài ông thương nữ.

(Ly phạm Đoài cha hại con gái)

Cổng lớn đặt phương Ly chính nam sẽ khắc phòng ỏ, giường ngủ tại phương Đoài, cũng tương tự như trường hợp "Hoả kiến thiên môn". Cần tượng trưng cho cha, Đoài tượng trưng cho thiếu nữ, nên nói "cha hại con gái".

Tốn nhập Khôn vị mẫu ly ông.

(Tốn nhập cung khôn mẹ lia cha)

Cổng lớn tại phương Tốn Mộc khắc phòng ỏ, giường ngủ tại phương Khôn, Khôn tượng trưng cho mẹ, nên "Chấn gặp Khôn mẹ không sống thọ".

Đoài phương Chấn Tốn trưởng nhi nữ.

(Phương Đoài, Chấn Tốn trai, gái trưởng)

Túc cổng lớn quay hướng Đoài, nếu hướng Chấn có nhà cao sẽ tổn hại con trai cả; Nếu hướng Tốn có nhà cao sẽ tổn hại con gái cả.

Cấn Ly âm phụ giáo gia phong.

(Cấn Ly đàn bà rối gia phong)

Nếu cổng chính trở phương Cấn, mà phương Ly có nhà cao, hoặc đặt giường tại phương đó, vì Ly là phương Hoả Hại Lộc Tồn, sao Lộc Tồn âm vượng, chủ âm thịnh dương suy, nên mới nói "âm phụ giáo gia phong" (đàn bà quấy rối gia phong)

Cấn Hoả tiểu khẩu đa tật bệnh;

(Cấn Hoả trẻ con nhiều tật bệnh)

Nếu cổng chính mở ở phương Cấn, mà phương Khảm có nhà cao, sẽ phạm phải Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hoả, như vậy, trẻ nhỏ trong nhà sẽ sinh nhiều bệnh tật.

Khôn Khảm trung nam mệnh tử chung.

(Khôn Khảm trai thứ phải chết non)

Cổng chính tại phương Khôn, mà phương Khảm có nhà cao là không được yên ổn, vì phạm phải Tuyệt Mệnh Phá Quân. Lại thêm Khôn Thổ khắc Khảm Thủy, tổn thương đến con trai thứ.

Giải thích:

Đây là bài ca quyết chuyên bàn về quan hệ sinh khắc giữa phương vị của cổng chính và phòng ỏ, giường ngủ, đại ý là: Cổng lớn tại phương Cấn sẽ khắc phòng, giường tại phương Chấn; Cổng chính tại phương Ly sẽ khắc phòng, giường tại phương Cấn; Cổng chính tại phương Ly sẽ khắc phòng, giường tại phương Đoài; Cổng chính phương Đoài sẽ khắc phòng, giường tại phương Chấn; Cổng chính phương Cấn sẽ khắc phòng, giường tại phương Ly; Cổng chính phương Khôn sẽ khắc phòng, giường tại phương Khảm. Những quan hệ xung khắc này đều có cơ sở từ nguyên lý sinh khắc của ngũ hành.

TÍNH CHẤT CÁT HUNG CỦA CÁC SAO

Sinh Khí, Tham Lang, Mộc tinh: cát, vượng phát chi trưởng.

Thiên Y, Cự Môn, Thổ tinh: cát, vượng phát chi thứ.

Diên Niên, Vũ Khúc, Kim tinh: cát, vượng phát chi út.

Tuyệt Mệnh, Phá Quân, Kim tinh: hung, tổn hại con trai trưởng.

Ngũ Quỷ, Liêm Trinh, Hoả tinh: hung, tổn hại chi trưởng.

Hoạ Hại, Lộc Tồn, Thổ tinh: hung, tổn hại chi thứ.

Lục Sát, Văn Khúc, Thuỷ tinh: hung, tổn hại chi út.

Giải thích:

Đây là tính chất cát hung của tám sao đối với vấn đề thừa tự. Nhưng các sao cũng có lúc đắc vị và không đắc vị, các sao đắc vị sẽ vượng phát, cát lợi, sao không đắc vị sẽ suy vi.

BÀI CA QUYẾT VỀ PHI CUNG

Phiên âm:

*Trung cung phi xuất Càn;
Khước dữ Đoài tương liên;
Cấn Ly tâm Khảm vị;
Khôn Chấn Tốn cư thiên;
Tốn phục nhập Trung cung.*

Dịch thơ:

Trung cung bay đến Càn;
Lại cùng Đoài nối liền;
Cấn Ly tìm sang Khảm;
Khôn Chấn Tốn xoay vần;
Tốn lại về Trung cung.

Thành phần Cửu cung

Nhất Bạch thuộc Khảm Thuỷ;
Nhị Hắc thuộc Khôn Thổ;
Tam Bích thuộc Chấn Mộc;
Tứ Lục thuộc Tốn Mộc;
Ngũ Hoàng thuộc Trung Thổ
(quyền tổng tám phương, uy thâm tám hướng);
Lục Bạch thuộc Càn Kim;
Thất Xích thuộc Đoài Kim;
Bát Bạch thuộc Cấn Thổ;
Cửu Tử thuộc Ly Hoả.

Giải thích:

Cửu tinh, tức chín ngôi sao như trong bài "*Thành phần Cửu cung*", là khái niệm cơ bản của địa lý phong thủy. Bài ca quyết thứ nhất là trình tự của Phi cung, có thể tham khảo trình tự đó trong phần "Bàn tay Cửu cung". Đây cũng chính là trình tự quỹ đạo di chuyển của Cửu tinh trong Cửu cung, sau khi sao Ngũ Hoàng rời khỏi Trung cung.

NGỌC LIỄN KINH

Phiên âm:

*Càn Hợi Tuất sơn tòng Tỵ khởi;
Khảm Quý Nhâm địa hướng Thân cầu
Đoài Canh Tân vị tuyền Dậu tẩu;
Khôn Mùi Thân sơn Nhâm thượng lưu;
Ly Bính Đinh sơn Đinh thượng khởi;
Tốn Tỵ long thân hâu vi thủ;
Sửu Cấn Dần sơn phùng Hợi vị;
Chấn Mão Ất sơn Dần thượng du;
Bát quái trường sinh khởi phúc đức;
Vô nghĩa chi nhân bất khả cầu.*

Dịch thơ:

Sơn Càn, Tuất, Hợi đếm từ Ty;
Nơi Khảm, Quý, Nhâm tính bởi Thân;
Đoài Canh, Tân chạy đi theo Dậu;
Khôn, Mùi, Thân xuất phát từ Nhâm;
Ly Bính Đinh từ Đinh đếm tiếp;
Tốn, Tỵ, Thìn theo đến cùng Thân;
Sơn Sửu, Cấn, Dần tìm đến Hợi;
Nơi Chấn, Mão, Ất đuổi theo Dân;
Tám quẻ trường sinh khởi phúc đức;
Những phương bát nghĩa chẳng nên cầu.

Như tại Càn, Tuất, Hợi, thì xuất phát từ Ty là Phúc đức, Bính Ôn hoàng (dịch bệnh), Ngọ Tiến tài, Đinh Trường bệnh (bệnh tật), Mùi Tố tụng, Khôn Quan tước, Thân Quan quý, Canh Tự điều (thất cô), Dậu Vượng trang (vượng điền trang), Tân Hưng phúc, Tuất Pháp trường, Càn Điền cuồng, Hợi Khẩu thiệt (thị phi), Nhâm Vượng tâm (lợi tầm), Tỵ Tiến điền (thêm ruộng), Quý Khốc khắp (tang tóc), Sửu Cô quả, Cấn Vinh phúc, Dần Thiểu vong (chết non), Giáp Xương dâm (dâm dăng), Mão Thân nhân (hôn nhân), Ất Hoan lạc (vui vẻ), Thìn Bại tuyệt, Tốn Vượng tài.

ĐỒ HÌNH NGỌC LIỄN KHAI MÔN PHÓNG THỦY LỤC SÚC

Thường khai môn (trở cửa), phóng thủy (hướng nước chảy đi) có nhiều phương pháp khác nhau, tục lệ các nơi chưa định. Có người dựa vào ngũ âm, có người dựa vào bát quái, có người dựa vào cát tinh Sinh Khí Tham Lang, có người lại dựa vào lai long của toạ hướng, có người dựa vào hào tượng của lai lộ, dựa vào cát tinh Bát Bạch Thổ trong niên mệnh. Phương pháp khác nhau, sử dụng bất nhất, tập hợp tất cả lại thành các đồ hình thông dụng như ở phần sau đây.

Giả sử nhà toạ tây bắc, hướng đông nam, khai môn phóng thủy tại ba sơn Tuất, Càn, Hợi, thì vị trí bố trí gia súc, cối xay, cối giã, nhà vệ sinh được trình bày cụ thể tại đồ hình như sau đây.

Giải thích:

"Ngọc liễn kinh" là bài ca quyết về tính chất cát hung của hai mươi tư dạng toạ, hướng của âm, dương trạch, gọi là "khởi Phúc đức", tức bắt đầu từ Phúc đức. Trình tự của hai mươi tư phương là: 1. Phúc đức; 2. Ôn hoàng (dịch bệnh); 3. Tiến tài; 4. Trường bệnh (bệnh tật triển miên); 5. Tổ tụng; 6. Quan tước; 7. Quan quý; 8. Tự điều (tự treo cổ); 9. Vượng trang (vượng điền trang); 10. Hưng phúc; 11. Pháp trường; 12. Diên cường; 13. Khẩu thiệt (điều tiếng thị phi); 14. Vượng tàm (có lợi cho tằm dâu); 15. Tiến điền (thêm ruộng); 16. Khốc khắp (tang tóc khóc than); 17. Cô quả; 18. Vinh phúc (vinh hiển); 19. Thiếu vong (chết yếu); 20. Xương dâm (dâm dăng); 21. Thân nhân (hôn nhân kết thân); 22. Hoan lạc (vui vẻ); 23. Bại tuyệt (lụn bại phá sản); 24. Vượng tài (phát về của). Mỗi toạ sơn khác nhau, sẽ có cách tính toán cát hung khác nhau, như đã trình bày trong bài ca quyết:

Sơn Tuất, Càn, Hợi: đếm từ Tý Phúc đức, Bính Ôn hoàng, cho đến Tốn Vượng tài;

Sơn Nhâm, Tý, Quý: đếm từ Thân Phúc đức, Canh Ôn hoàng, cho đến Khôn Vượng tài;

Sơn Canh, Dậu, Tân: đếm từ Dậu Phúc đức, Tân Ôn hoàng, cho đến Canh Vượng tài;

Sơn Mùi, Khôn, Thân: đếm từ Nhâm Phúc đức, Tý Ôn hoàng, cho đến Hợi Vượng tài;

Sơn Bính, Ngọ, Đinh: đếm từ Đinh Phúc đức, Mùi Ôn hoàng, cho đến Ngọ Vượng tài;

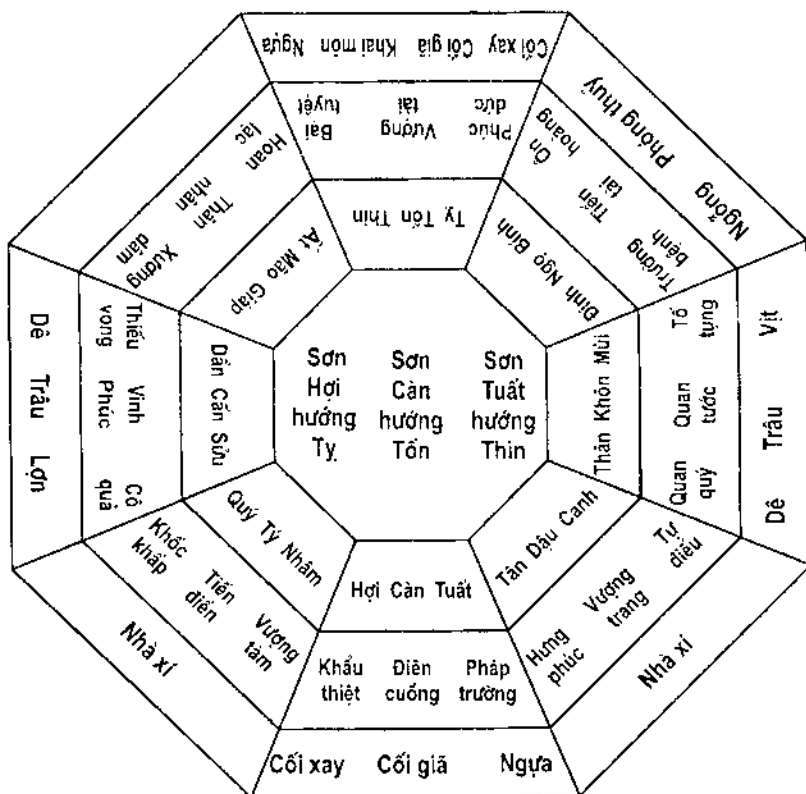
Sơn Thìn, Tốn, Ty: đếm từ Thân Phúc đức, Canh Ôn hoàng, cho đến Khôn Vượng tài;

Sơn Sửu, Cấn, Dần: đếm từ Hợi Phúc đức, Nhâm Ôn hoàng, cho đến Càn Vượng tài;

Sơn Ất, Mão, Giáp: đếm từ Dần Phúc đức, Giáp Ôn hoàng, cho đến Cấn Vượng tài;

Như vậy, tính chất cát hung của mỗi sơn là khác nhau, căn cứ vào thủy cục nhà ở khác nhau, mà tính chất cát hung của 24 sơn cũng có sự thay đổi. Khi xây dựng nhà cửa hoặc định huyết mộ, cần dùng la bàn để định ra cục của dương trạch hoặc âm trạch, sau đó những vật có

tác dụng tăng cường cát lợi nên đặt ở hướng tốt, những vật có tác dụng trấn áp hung khí đặt ở hướng xấu. Dưới đây là các đồ hình có kèm theo giải thích về tám cực của "Ngọc Liên kinh".



Toạ Tuất hướng Thìn: Các sơn Nhâm, Tý và Khôn, Thân là hướng sao Tham Lang Mộc và Vũ Khúc Kim, dời huyết tự nhiên sẽ hưng. Tại hướng đông nam, nếu có dòng nước chảy đi, là hợp cục, vàng ngọc chồng chất đầy nhà, giàu có vô kể, nhân khẩu đông đến trăm nghìn, người nhà sống thọ, giỏi giang.

Sơn Càn hướng Tốn: Hướng Tốn, hướng Tý có nước đến là cát lợi. Canh, Dậu đều là hướng vượng, hướng cát lợi, nếu có dòng sông lớn chảy đến là không tầm thường. Tại hướng Đinh, hướng Giáp có dòng nước chảy đi, trong nhà sẽ có bậc công khanh; Tại hướng Tân, hướng Đoài nếu có nước chảy đi là phá cục, trong nhà sẽ có người cô quả. Tại hướng Chấn, hướng Tốn, nếu có dòng nước chảy thẳng đi, thì cần chú ý đến con trai cả, có nuôi cũng không tốt.

Sơn Hợi hướng Tý: Phương Tốn Tý là Tham Lang, tốt. Tại hướng Thân, hướng Canh, hướng Tân, hướng Dậu có nước từ phương nam đến, vàng ngọc chồng chất, phát tài bất ngờ. Tại hướng Đinh có dòng nước chảy đi, sẽ được vinh hoa quan tước, nếu có ngựa, dê đi đến, thì phụ nữ mang thai. Tại Canh, Tân, Thìn, Tốn nếu có dòng nước phá cục, trong ba năm hai lần có tang sự đau buồn, sản nghiệp ra tro.

Giải thích:

Trên đây là đồ hình thể hiện tính chất cát hung của 24 sơn đối với dương trạch, âm trạch toạ Tuất hướng Thìn, toạ Càn hướng Tốn, toạ Hợi hướng Tý. Tại mỗi sơn nên xây dựng những gì, nên nuôi loại gia súc nào, đã được thể hiện rõ trong đồ hình. Có một điểm cần chú ý là, hướng vốn là tốt, nếu có dòng nước chảy đi sẽ trở thành hung, nếu có dòng nước chảy đến là cát; Hướng vốn là hung, nếu có dòng nước chảy đi là cát, nếu có dòng nước chảy đến là hung.

Phần giải nghĩa phía dưới đồ hình trên giảng giải trên cơ sở phương vị hai mươi tư sơn phối hợp với ngũ hành thủy pháp, căn cứ vào phương vị của lai long để phán đoán tính chất cát hung của phương vị thủy chảy đến và chảy đi. Tuy trên đồ hình chỉ căn cứ vào phương vị hai mươi tư sơn để "khởi Phúc đức", nhưng để hiểu được căn cứ của lời giải thích phía dưới mỗi đồ hình, chúng ta còn phải tìm hiểu một khái niệm nữa, đó là "khởi Trường sinh".

Trước hết, cần xác định được Trường sinh ngũ hành của 24 sơn. Có bài ca quyết như sau:

Giáp Dần Thìn Tốn đại giang Thủy;
Tuất Khảm Thân Tân Thủy diệp đồng;
Chấn Cấn Ty Tam nguyên thuộc Mộc;
Ly Nhâm Bính Ất Hoả vi tông;
Đoài Đinh Càn Hợi Kim toạ xứ;
Sửu Quý Khôn Canh Mùi Thổ trung.

Nghĩa là:

Giáp, Dần, Thìn, Tốn, Tuất, Khảm (Tý), Thân, Tân thuộc Thủy;
Chấn (Mão), Cấn, Ty thuộc Mộc;
Ly (Dậu), Nhâm, Bính, Ất thuộc Hoả;
Đoài (Ngọ), Đinh, Càn, Hợi thuộc Kim;
Sửu, Quý, Khôn, Canh, Mùi thuộc Thổ.

Ứng với mỗi cục, Trường Sinh có điểm khởi đầu khác nhau: Kim cục khởi Trường Sinh tại sơn Tý; Mộc cục khởi Trường Sinh tại sơn Hợi; Thủy cục và Thổ cục khởi Trường Sinh tại sơn Thân; Hoả cục khởi Trường Sinh tại sơn Dần.

Trường Sinh ngũ hành tiếp tục phối hợp với Cửu tinh (thực chất chỉ có 7 sao) theo trình tự và trạng thái cát hung như sau: 1. Trường Sinh (cát); 2. Tham Lang (cát); 3. Mộc Dục (hung); 4. Văn Khúc (hung); 5. Quan Đới (hung); 6. Văn Khúc (hung); 7. Lâm Quan (cát); 8. Vũ Khúc (cát); 9. Đế Vượng (cát); 10. Vũ Khúc (cát); 11. Suy (hung); 12. Cự Môn (hung); 13. Bệnh (hung); 14. Tuyệt (hung); 15. Tử (hung); 16. Liêm Trinh (hung); 17. Mộ (hung); 18. Phá Qiân (hung); 19. Tuyệt (hung); 20. Lộc Tồn (hung); 21. Thai (hung); 22. Lộc Tồn (hung); 23. Dưỡng (cát); 24. Tham Lang (cát). Trường Sinh được tính lần lượt theo chiều kim đồng hồ.

Trong đó: Dương, Trường Sinh là Tham Lang; Quan Đới, Mộc Dục là Văn Khúc; Lâm Quan, Đế Vượng là Vũ Khúc; Suy là Cự Môn; Bệnh, Tử là Liêm Trinh; Mộ là Phá Quân; Tuyệt, Thai là Lộc Tồn, tổng cộng gồm bảy sao (thất diệu).

Lời giải thích phía dưới đồ hình phán đoán tính chất lành dữ của yếu tố thủy tại mỗi sơn căn cứ vào khởi Trường Sinh. Tương tự, tại phương tốt, có nước chảy đến là cát, có nước chảy đi là hung; Tại phương xấu, có nước chảy đến là hung, có nước chảy đi là cát.

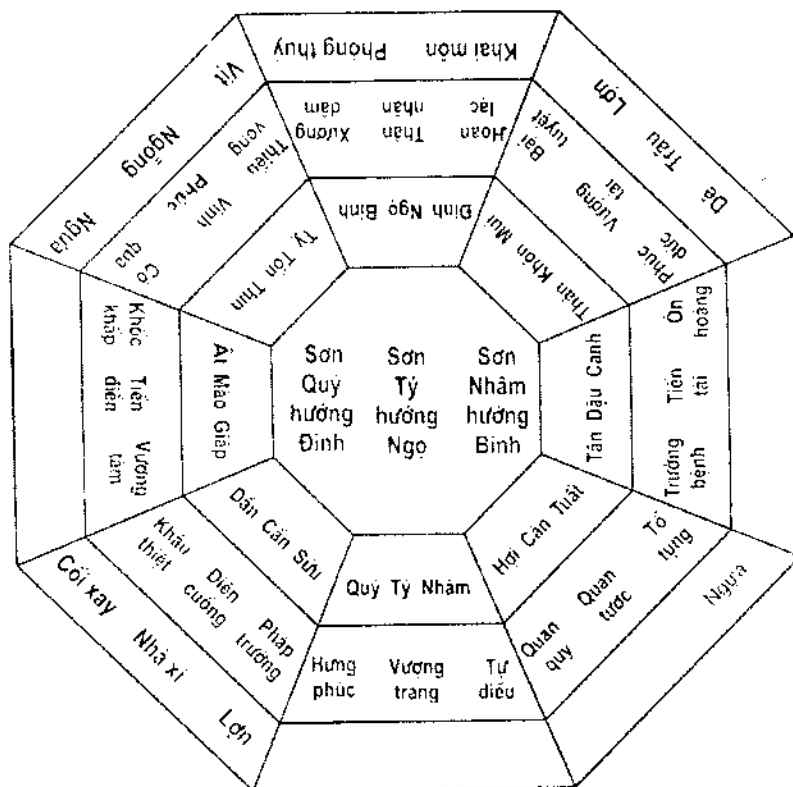
Như vậy, trong đồ hình trên, ta có:

Toạ Tuất hướng Thìn: Tuất thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân, nên hướng Nhâm (Vũ Khúc), Tý (Đế Vượng) là sao Vũ Khúc, Khôn (Tham Lang), Thân (Trường Sinh) là sao Tham Lang, đều là hướng tốt, nên có nước chảy đến. Ất, Mão, Giáp đều là hướng Liêm Trinh, là hướng xấu, nếu có dòng nước chảy đi thì lại hoá tốt.

Toạ Càn hướng Tốn: Càn thuộc Kim, khởi Trường Sinh từ Tý, được hướng Tốn (Tham Lang) và Tý (Trường Sinh) đều là hướng tốt, nếu có thủy đến là cát lợi. Canh (Vũ Khúc), Dậu (Đế Vượng) đều là hướng tốt, nếu có dòng sông lớn chảy đến thì tốt càng thêm tốt. Hướng Đinh (Văn Khúc), Giáp (Lộc Tồn) là hướng xấu, nếu có dòng nước chảy đi thì hoá tốt, trong nhà sẽ có người làm quan. Hướng Tân (Vũ Khúc), Đoài (Đế Vượng) vốn là hướng tốt, nếu bị thủy chảy đi phá cục, thì trong nhà sẽ có người cô quả. Thìn (Dương), Tốn (Tham Lang) vốn là hướng tốt, nếu gặp thủy chảy đi, thì dễ tổn hại đến con trưởng.

Toạ Hợi hướng Tý: Hợi thuộc Kim, nên cũng tương tự như sơn Càn, hướng Tốn, hướng Tý là hướng Tham Lang, tốt. Hướng Thân (Lâm Quan), Canh, Tân (Vũ Khúc), Dậu (Đế Vượng) đều là hướng tốt, nếu có dòng nước từ nam chảy lại, thì sẽ giàu có phát tài. Hướng Đinh Văn Khúc xấu, nếu thủy chảy đi lại hoá phúc. Nhưng nếu các hướng tốt Canh, Tân, Thìn, Tốn có dòng nước chảy đi, thì trong ba năm hai lần có người chết, gia sản lụn bại.

Bảy đồ cục còn lại, nguyên lý cũng tương tự như trên.

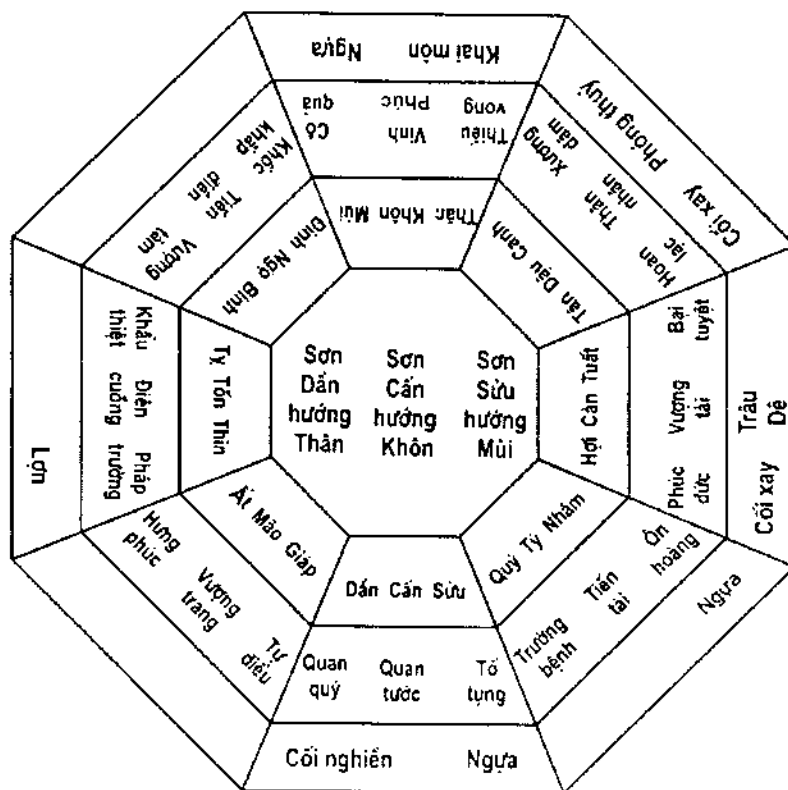


Sơn Nhâm hướng Bính (Nhâm thuộc Hoả, khởi Trường Sinh từ Dần): Được hướng Dần (Trường Sinh), Giáp (Tham Lang) là hướng Tham Lang. Hướng Tỵ (Lâm Quan), Ngọ (Đế Vượng) nếu có nước đến rất cát lợi. Hướng Canh (Tuyệt), Tuất (Mộ) nếu gặp thuỷ chảy đi là tốt, gia đình giàu có, con cái hiếu thuận. Nhưng nếu hướng Tỵ (Lâm Quan), hướng Bính (Vũ Khúc) có thuỷ chảy đi, thì con cái thành mồ côi, nhưng thuỷ chảy đến lại là thế cát lợi. Hướng Dần (Trường Sinh), hướng Giáp (Tham Lang) nếu có thuỷ chảy đi phá cục, sẽ gặp nhiều trắc trở, vợ con ly tán.

Sơn Tý hướng Ngọ (Tý thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Canh (Tham Lang), Mùi (Dưỡng), Khôn (Tham Lang), Thân (Trường Sinh) nếu thấy thủy chảy đến là cục phú quý. Hướng Dậu (Mộc Dục), Tân (Văn Khúc), Tuất (Quan Đới), Càn (Văn Khúc) có thủy chảy đến, chủ về phụ nữ dâm dăng. Long chảy đi, chắc chắn sẽ gặp hình thương. Hướng sinh vượng gặp dòng nước phá cục (chảy đi) không nên chọn. Hướng Văn Khúc có dòng nước chảy đến sẽ gặp dịch bệnh, hoả hoạn. Hướng Bính (Lộc Tồn), hướng Tốn (Phá Quân) có dòng nước chảy đi, gia tộc sẽ có người làm quan to. Bởi vậy, hướng đi hay hướng đến cần phải phân biệt rõ.

Sơn Quý hướng Đinh (Quý thuộc Thổ, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng huyệt nên ở Mùi (Dương), Thân (Trường Sinh), hướng Thân nên gặp thủy đến. Cần

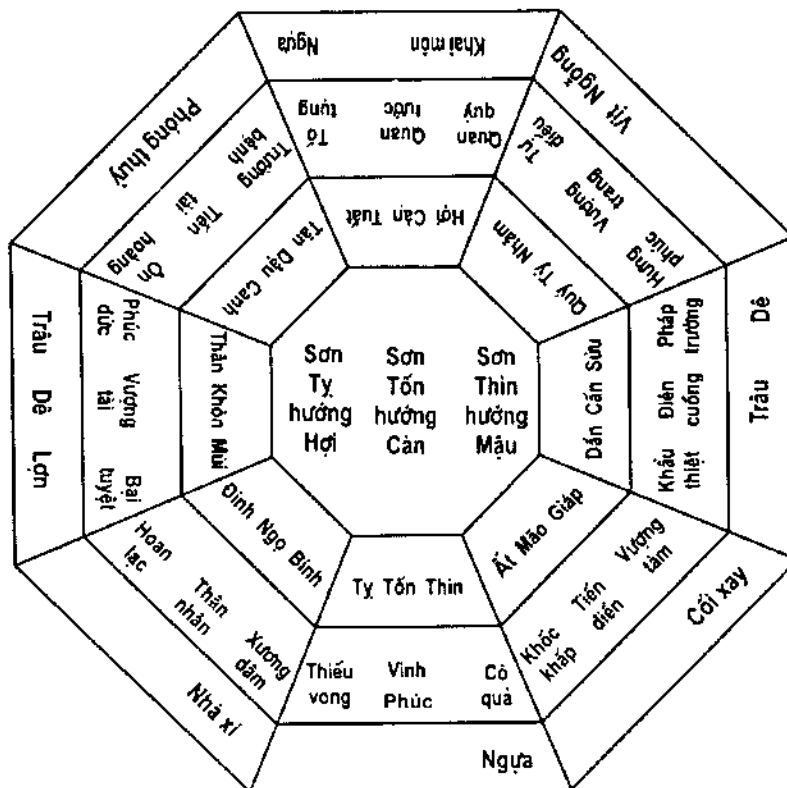
để phòng dòng nước chảy đến tại phương Thìn (Mộ), Tốn (Phá Quân). Hướng Bính (Lộc Tồn) có nước chảy đi thì không còn tai họa. Hướng Dậu (Mộc Dục), Tân (Văn Khúc) nếu có dòng nước chảy thẳng đến ắt gặp tai ương. Nếu là hướng thủy triều đến hoặc nước chảy đến, ba năm hai lần có người chết hoặc gặp trộm cướp hao tài.



Sơn Sưu hương Mùi (Sưu thuộc Thổ, khởi Trường Sinh từ Thân): Tại hướng Mùi (Dương), Khôn (Tham Lang) nếu có nước chảy đến, hướng Hợi (Lâm Quan), Nhâm (Vũ Khúc) có nước chảy đến, thì huyết kiên cố, người chết được yên. Hướng Dậu (Mộc Dục), Tân (Văn Khúc), Bính (Lộc Tồn), Tốn (Phá Quân) nếu có dòng nước chảy đi, trong nhà sẽ sinh người tài giỏi. Hướng Thìn (Mộ), Ngọ (Thái) có nước chảy đến thì nhà cửa lụn bại, người nhà đau ốm, dễ điên cuồng, bị bệnh lao, ngổ ngược, dễ mắc họa gươm đao.

Sơn Cấn hương Khôn (Cấn thuộc Mộc, khởi Trường Sinh từ Hợi): Tại hướng Dần (Lâm Quan), Mão (Đế Vượng) có nước chảy đến; Cung Cấn (Tham Lang) tại hướng Tuất (Dương), Hợi (Trường Sinh) có nước chảy từ bên trái đến là tốt, tại phương Mão (Đế Vượng), Ất (Vũ Khúc) nên có nước chảy đến. Hướng Canh (Lộc Tồn), Đinh (Liêm Trinh) có nước chảy đi, trong nhà có người làm quan to. Hướng Bính (Liêm Trinh), Tân (Lộc Tồn) có nước chảy đi cũng không hung. Kỳ nhất là hướng Mùi (Mộ), hướng Ngọ (Tử) có dòng nước chảy thẳng đến, chủ về nghèo khổ.

Sơn Dẫn hướng Thân (Dẫn thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Thân (Trường Sinh), hướng Canh (Tham Lang) có dòng nước chảy đến mình đường là cát. Hướng Hợi (Lâm Quan), Nhâm (Vũ Khúc), Tý (Đế Vượng) có nước chảy đến là cát lợi. Hướng Tân (Văn Khúc), hướng Tuất (Quan Đới) có dòng nước chảy đi là tốt. Các hướng Tỵ (Tuyệt), Ngọ (Thai), Dậu (Mộc Dục) có dòng nước chảy đi là tốt, chảy ngang qua là xấu, có dòng nước chảy xộc thẳng đến sẽ tổn hại nhân khẩu, con cháu goá bụa.

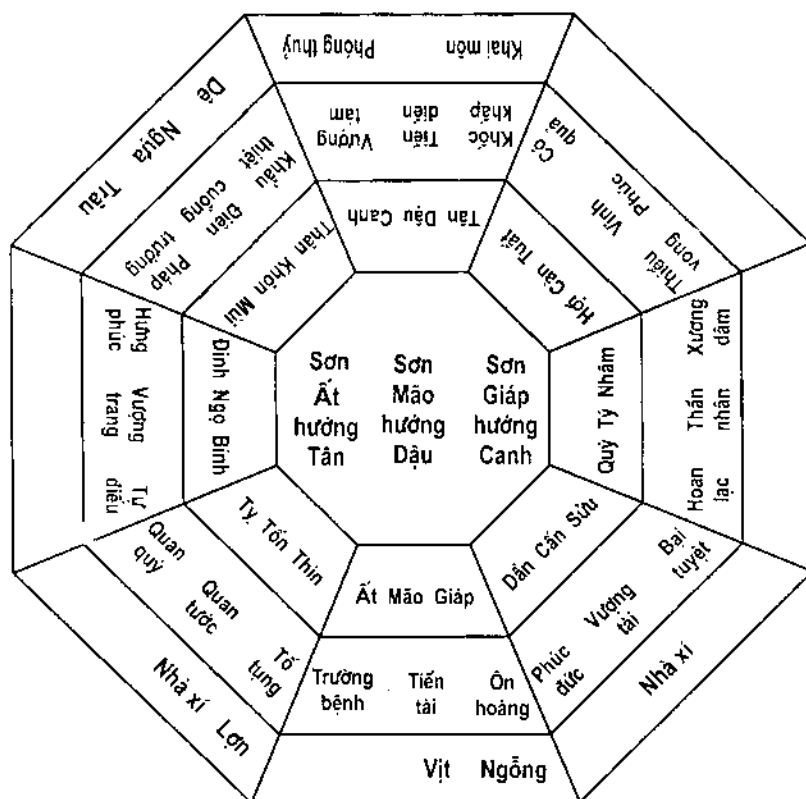


Sơn Thìn hướng Tuất (Thìn thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Dậu (Mộc Dục), Tuất (Quan Đới) kỵ có nước đến; Hướng Thân (Trường Sinh), Canh (Tham Lang), Nhâm (Vũ Khúc), Tý (Đế Vượng), Quý (Vũ Khúc) gặp thủy đến là tốt, nếu gặp thủy chảy đến trước mộ, trước huyệt là tốt đẹp nhất. Hướng Dậu (Mộc Dục), hướng Tân (Văn Khúc) có nước chảy đi, sẽ được hiển đạt. Hướng Canh, hướng Nhâm có nước chảy đi sẽ tổn hại đến vợ. Nếu được lai long tốt, huyệt mộ đúng hướng, trăm nhà ngàn hộ được vinh quang.

Sơn Tốn hướng Càn (Tốn thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Thân (Trường Sinh), hướng Khảm Tý (Đế Vượng) nên có nước chảy đến trước mộ, nếu được dòng nước như thế là tốt nhất. Hướng Canh (Lộc Tồn), hướng Tân (Văn Khúc), hướng Thân (Tuyệt), hướng Dậu (Mộc Dục) có dòng nước chảy đến là cực

xấu, chắc chắn sẽ gặp phải dịch bệnh. Hướng Thân, hướng Tý có dòng nước chảy đi, khó bảo toàn được tính mệnh, người chết yếu, gia tộc tuyệt tự. Ngày xưa Nhan Hôi^[1] ở vào thế đất này, đến nay người đời còn truyền tụng. Nên người xem phong thủy phải quan sát cho kỹ.

Sơn Ty hướng Hợi (Ty thuộc Mộc, khởi Trường Sinh từ Hợi): Hướng Càn (Tham Lang), hướng Nhâm (Tham Lang), hướng Tuất (Dưỡng) gặp nước đến; Hướng Dần (Lâm Quan), hướng Mão (Đế Vương) có dòng nước từ phía nam chảy đến, thì gia tộc đời đời phú quý, không gặp tai họa. Hướng Canh (Lộc Tồn), hướng Quý (Văn Khúc) có dòng nước chảy đi sẽ vượng phát về điền sản. Hướng Tý (Mộc Dục), hướng Ngọ (Tủ) kỵ gặp dòng nước chảy lại. Hướng Khôn (Phá Quân), hướng Mùi (Mộ), hướng Giáp (Vũ Khúc) là hướng xấu, nếu thường xuyên có dòng nước chảy đi sẽ nuôi dưỡng cho thi hài, bùn nước nhập quan tài.



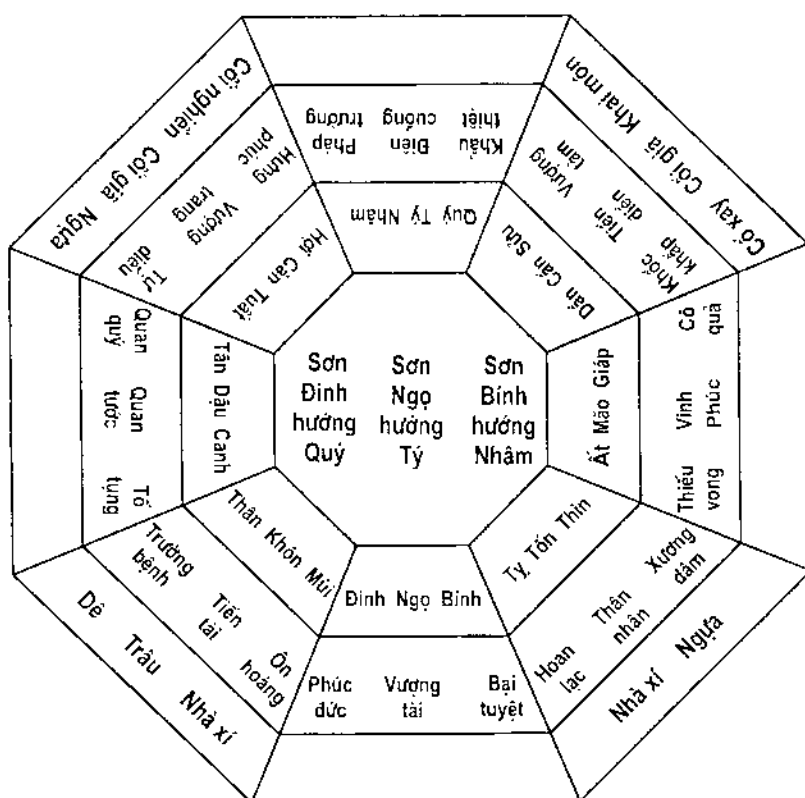
Sơn Giáp hướng Canh (Giáp thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Nhâm (Vũ Khúc), Tý (Đế Vương), Khôn (Tham Lang), Thân (Trường Sinh) là hướng sao Tham Lang và Vũ Khúc, nếu gặp thủy đến sẽ vinh hiển, phát đạt, gia đình luôn được bình yên. Tại hướng Dậu (Mộc Dục), Tân (Văn Khúc) có dòng nước chảy đi, sẽ vượng phát về người; Nếu có dòng nước chảy qua minh đường, chủ về

^[1] Nhan Hôi: Một học trò giỏi của Khổng Tử, nhưng chết trẻ.

người chết yếu, nếu đặt mộ xây nhà tại đó, sẽ chủ về mồ côi goá bụa, thường xuyên gặp tai hoạ.

Sơn Mão hướng Dậu (Mão thuộc Mộc, khởi Trường Sinh từ Hợi): Hướng Dậu (Thai) gặp nước đến là xấu nhất. Cung Càn, hướng Tuất (Dương), Hợi (Trường Sinh) gặp nước đến đều tốt. Hướng Canh (Lộc Tồn), hướng Dậu (Thai) có nước chảy đi, trong nhà sẽ có người làm quan, phú quý khác thường. Hướng Mùi (Mộ), Khôn (Phá Quân) gặp thủy đến tai hoạ khó lường, nếu trước huyệt gặp nước đến chủ về dịch bệnh, mỗi năm đều có người chết yếu, lại thêm kiện tụng, phá sản.

Sơn Ất (Hoả) hướng Tân (Ất thuộc Hoả, khởi Trường Sinh từ Dần): Hướng Tỵ (Lâm Quan), hướng Ngọ (Đế Vượng) đón nước từ bên trái chảy đến; Hướng Sửu (Dưỡng), hướng Dần (Trường Sinh) gặp nước từ bên phải chảy đến, gặp hai dòng nước này là thêm vinh hiển. Hướng Càn (Phá Quân), hướng Nhâm (Lộc Tồn) có nước chảy đi, của cải giàu hơn Mạnh Thường Quân. Hướng Thân (Bệnh), hướng Tý (Thai) không nên gặp nước. Hướng Tuất (Mộ) đề phòng có nước đến, sẽ gặp phải đại hình, vợ lại bị kẻ khác gian dâm.



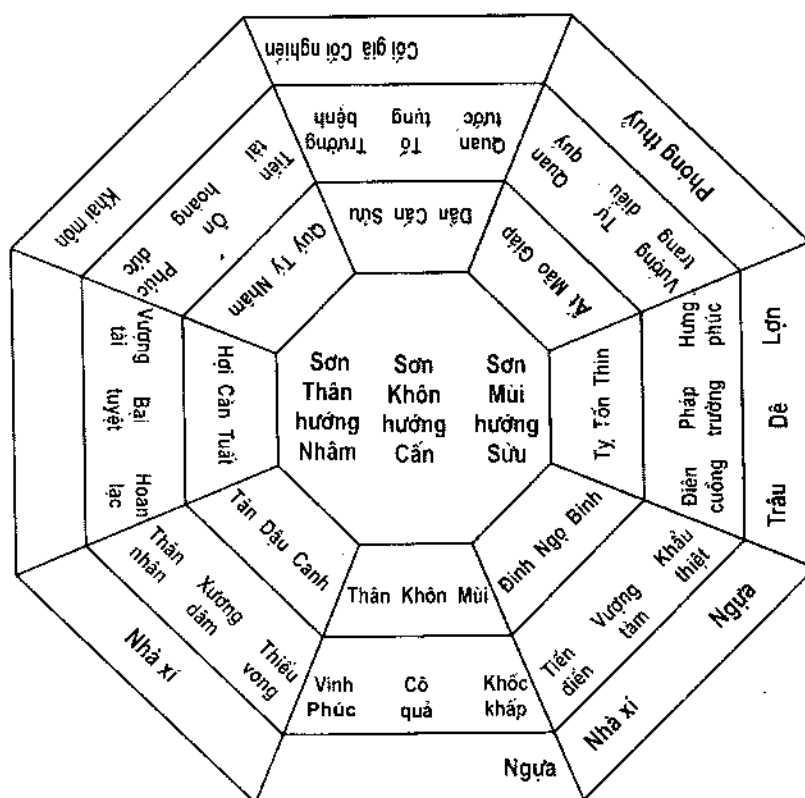
Sơn Bính hướng Nhâm (Bính thuộc Hoả, khởi Trường Sinh từ Dần): Hướng Sửu (Dưỡng), hướng Dần (Trường Sinh) có dòng nước chảy qua minh đường; Hướng Nhâm (Lộc Tồn), hướng Càn (Phá Quân) có dòng nước chảy đi, các phòng, các

phương vị đều được vượng phát về điền sản, sống thọ ngang với Bành Tổ^[1]. Hướng Tý (Lâm Quan), hướng Bính (Vũ Khúc) có dòng nước ôm vòng, sẽ cát lợi phú quý lâu dài, năm ba chục năm không lụn bại. Nếu hướng Tuất (Mộ) có dòng nước chảy vòng đến, chắc chắn sẽ gặp tai ương, gặp phải hình thương tại đất khách quê người.

Sơn Ngọ hướng Tý (Ngọ thuộc Hoả, khởi Trường Sinh từ Dần): Sa (núi nhỏ) và thủy cần phải kết hợp với nhau. Hướng Sửu (Dưỡng), hướng Cấn (Tham Lang), hướng Dần (Trường Sinh), hướng Giáp (Tham Lang) thấy nước chảy đến; Hướng Càn (Phá Quân), hướng Nhâm (Lộc Tồn) có nước chảy đi, thì gia tộc đời đời giàu có. Hướng Mùi (Suy) có nước chảy đến, Tý đuổi Dần, đầu quân làm giặc hại tổ tông. Xin hãy nhận rõ phương hướng, nếu từ cung Tốn (Văn Khúc) có dòng nước chảy đi, thì con cháu được làm quan to, ruộng đất rộng bao la.

Sơn Đinh hướng Quý (Đinh thuộc Kim, khởi Trường Sinh từ Tý): Hướng Canh (Vũ Khúc), hướng Dậu (Đế Vượng) nên có dòng nước chảy qua, nhưng phải là lai long tốt, huyết ngay ngắn đúng hướng. Hướng Giáp, hướng Ất (Lộc Tồn) có dòng nước chảy đi là tốt về của cải, ruộng đất hàng vạn khoảnh. Hướng Thìn (Dưỡng), hướng Thân (Lâm Quan), hướng Tý (Trường Sinh) có dòng nước chảy thẳng đến là vượng phát. Hướng Thân (Lâm Quan), hướng Bính (Tham Lang) có nước đến sẽ giàu sang hơn cả Tiểu Dương Châu.

^[1] Bành Tổ: Một nhân vật trong truyền thuyết Trung Hoa cổ đại, tương truyền ông thọ trên 700 tuổi, nên được coi là biểu tượng của tuổi thọ.



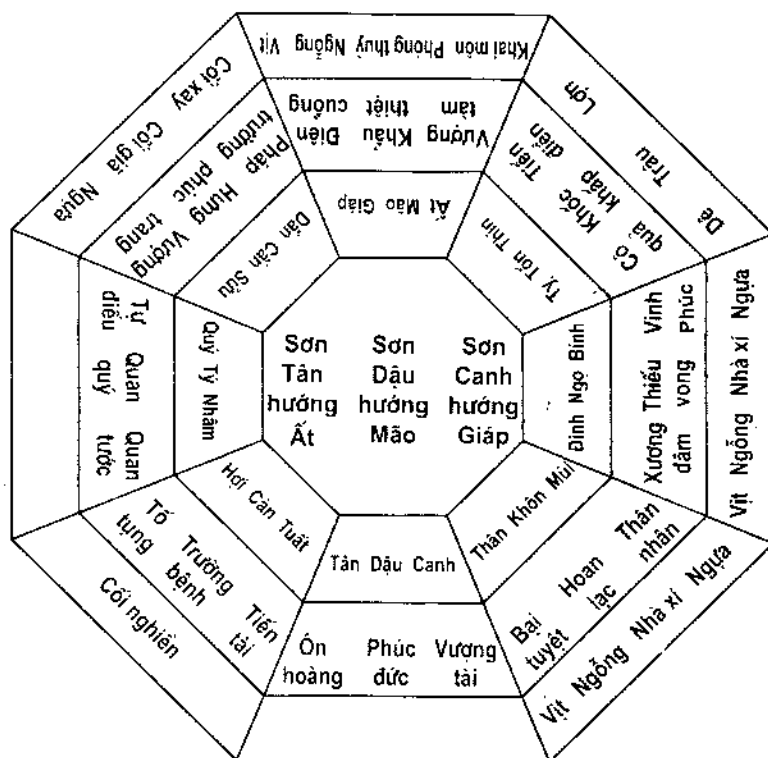
Sơn Mùi hương Sửu (Mùi thuộc Thổ, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Mão (Tử), hướng Ất (Liêm Trinh) kỵ gặp nước đến. Hướng Tý (Đế Vượng) có thủy đến là rất tốt. Hướng Khôn (Tham Lang), hướng Thân (Trường Sinh) nếu có nước đến cũng tốt tương tự, phúc lộc kéo dài vô cùng. Hướng Thìn (Mộ), hướng Tốn (Phá Quân) gặp thủy đến là rất hung, tới kỵ có dòng nước chảy vòng vào phương Khảm Tý. Hướng Giáp, hướng Ất (Liêm Trinh) có dòng nước chảy đi sẽ vượng phát về tài sản, giàu có hơn cả Thạch Sùng^[1].

Sơn Khôn hương Cấn (Khôn thuộc Thổ, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Hợi (Lâm Quan), Nhâm (Vũ Khúc), Tý (Đế Vượng), Quý (Vũ Khúc) gặp nước đến là tốt. Hướng Bính (Lộc Tồn), Ất (Liêm Trinh) có nước chảy đi sẽ không có tai họa, cất nhà đặt mộ tại cục đó sẽ giàu có. Hướng Thìn (Mộ) có nước đi, hướng Dần (Bệnh) có nước đến, gia sản hoá thành tro, liên năm tai họa, không thấy vui vẻ, chỉ gặp đau buồn, con gái trong nhà có thai.

Sơn Thân hương Nhâm (Thân thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Hợi (Lâm Quan), hướng Tý (Đế Vượng), có dòng nước chảy đến; Hướng Sửu (Suy) có nước chảy đi, thì con trai làm quan to, phú quý tại quê người. Hướng Giáp (Liêm Trinh), hướng Bính (Lộc Tồn) có dòng nước chảy đi sẽ không gặp tai họa, ngựa báu

^[1] Thạch Sùng: Tên một viên quan đời Tấn ở Trung Quốc, nổi tiếng về giàu có xa hoa.

yên vàng phụng sự quân chủ, khắp họ hàng đều nhà cao cửa rộng, giàu có thịnh vượng, giàu có bậc nhất tại quê nhà.



Sơn Canh hướng Giáp (Canh thuộc Thổ, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Nhâm (Vũ Khúc), Hợi (Lâm Quan) có nước chảy đến là đại vượng, nhưng dòng nước cần uốn khúc, nơi được dòng nước vòng ôm sẽ được vinh hiển, long tinh lạng, hồ rình châu, con gái trong nhà hiền thực lương thiện. Tồi kỵ hướng Mão (Tử) và Dần (Bệnh) gặp dòng nước chảy vòng đến, gia sản lụn bại, liên năm dịch bệnh.

Sơn Dậu hướng Mão (Mão thuộc Kim, khởi Trường Sinh từ Ty): Hướng Thìn (Dưỡng), hướng Ty (Trường Sinh) có dòng nước chảy đến sẽ phát tài phát lộc quanh năm. Hướng Cấn (Phá Quân) có dòng nước chảy đi, trong nhà sẽ có người làm quan to, đòi đòi nhà cao cửa rộng. Hướng Canh, Tân (Vũ Khúc) dựng nhà đặt mộ, bốn hướng Lộc Tồn đều có nước chảy đi, con cháu cưới ngựa vào châu triều, tất thấy đều tài giỏi xuất chúng.

Sơn Tân hướng Ất (Tân thuộc Thủy, khởi Trường Sinh từ Thân): Hướng Khôn (Tham Lang), hướng Thân (Trường Sinh) nên có nước chảy đến, từ hai bên phải trái chảy ngang hướng vào huyệt. Hướng Bính (Lộc Tồn), Giáp (Liên Trinh), Thìn (Mộ) nên có nước chảy đi. Cần phải quan sát rõ hướng nước. Phương vượng là phương Thân, Quý, Canh. Nước chảy đi từ hướng Thìn (Mộ), Ty (Tuyệt), Ngọ (Thai), Mão (Tử) chảy ngược về hướng Khôn, Thân sẽ gặp dịch bệnh, con cái chết yểu, tuyệt tự.

MÔN LÂU NGỌC LIỄN KINH

Phiên âm:

*Phúc đức an môn đại cát tinh;
Niên niên tiến bảo đắc điền trang;
Chủ tiến khoa giáp lợi danh dương;
Hữu sinh quý tử bất tâm thường.*

Dịch thơ:

Cổng phương Phúc đức đại cát tinh;
Liên năm được của được điền trang;
Rộng đường khoa cử được danh lợi;
Lại sinh quý tử chẳng tâm thường.

Trở cổng tại phương Phúc đức là đại cát lợi, chủ về gia súc đầy đàn, tầm dâu vượng phát, người nhà học hành đỗ đạt, rộng đường công danh, trong vòng ba năm thêm người, sinh quý tử, thăng quan tiến chức, phát tài, là đại cát.

Phiên âm:

*Ôn hoàng chi vị mạt an môn;
Tam niên ngũ tải nhiễm thời ôn;
Cánh hữu ngoại nhân lai tự ải;
Nữ nhân sinh sản mệnh nan tồn.*

Dịch thơ:

Ôn hoàng hướng đấy dừng trở cổng
Liên năm bệnh dịch chẳng yên thân;
Lại có người ngoài đến thất cố;
Đàn bà sinh nở mệnh khó toàn.

Nếu trở cổng tại hướng Ôn hoàng, dễ mắc các bệnh truyền nhiễm như đậu mùa, kiết lỵ, người lớn kẻ bé trong nhà dễ mắc bạo bệnh, gặp nạn chết đuối, thủy tai, sét đánh, phụ nữ khó đẻ, vương mắc hình khắc thị phi, có người ngoài đến thất cố gây kiện tụng phá sản, rất bất lợi.

Phiên âm:

*Tiến tài chi vị thị tài tinh;
Tại thử an môn bách sự nghi;
Lục súc điền tầm nhân khẩu vượng;
Gia quan tiến tước hữu thanh danh.*

Dịch thơ:

Tiến tài là sao về tiền của;
Cổng đặt phương này trăm sự lành;
Gia súc tầm dâu, nhân khẩu vượng;
Thăng quan tiến chức được thanh danh.

Trở cổng tại phương Tiến tài, chủ về tiến rước tài lộc, thêm nhân đinh, thu hút được ruộng vườn, văn khế ở phương tây, thăng quan tiến lộc, gia súc đầy đàn, ruộng vườn rộng rãi, là điềm người khác mang của đến cho.

Phiên âm:

*Trường bệnh chi vị tật bệnh trọng;
Thử vị an môn lập kiến hung;
Gia trưởng hộ đình mục tật hoạn;
Thiếu niên bạo tốt ngục lao trung.*

Dịch thơ:

Trường bệnh là phương nhiều tật bệnh;
Cổng đặt chốn này rước hung vào;
Gia chủ, nhân đinh thường đau mắt;
Thanh niên chết yếu chốn nhà lao.

Đặt cổng phương Trường bệnh, chủ nhà bất nhân, mắt mờ tim đau, người trong nhà đau bệnh, con trâu trẻ tuổi chết đột tử, thường vướng mắc chuyện thị phi kiện tụng đến phá sản, trộm cướp trong nhà cấu lết với người ngoài cướp bóc, gia đình không được yên ổn.

Phiên âm:

*Tố tụng chi phương đại bất tường;
An môn chiêu hoạ nhạ tai ương;
Diễn viên tài vật âm nhân tổn;
Thời tao khẩu thiết não nhân trường.*

Dịch thơ:

Phương tố tụng là phương cực xấu;
Đặt cổng rước hoạ phạm tai ương;
Mất đất tán tài hại người nữ;
Kiện tụng thị phi thật đáng thương.

Trở cổng phương Tố tụng, sẽ xảy ra tranh chấp tài sản, tai ương hoạ hại triển miên đến phá sản. Gia súc, tầm dâu đều bất lợi, bị tiểu nhân ám hại, làm cho lụn bại, không được yên ổn.

Phiên âm:

*An môn Quan tước tối cao cường;
Sĩ nhậ cao trạch nhập đế hương;
Thứ sĩ đương niên tài đại vượng;
Thiên ban cát khánh tổng vinh xương.*

Dịch thơ:

Trở cổng nên tìm phương Quan tước;
Được người cất nhắc đến cung đình;
Người thường vượng phát về tiền của;
Phúc lành nghìn mối được quang vinh.

Trở cổng phương Quan tước, chủ về thăng quan tiến chức, thêm nhân đinh, phát đạt lương thiện. Người thường thì ruộng vườn, gia súc sinh sôi, của cải nhân đinh vượng phát.

Phiên âm:

Quan quý vị thượng hảo an môn;

Định chủ danh oanh vị tước tôn;

Điền địa tài nhân khẩu vượng;

Kim ngân tài vật bất tu luân.

Dịch thơ:

Tại phương Quan quý nên đặt cổng;

Danh vọng hơn người lại chức cao;

Ruộng đất, tiền của, nhân đinh vượng;

Châu báu bạc vàng đếm xuể sao.

Trở cổng phương Quan quý, sẽ sinh quý tử, đường công danh rộng mở, thu hút ruộng vườn, nhà cửa, khế ước, gia súc, được của bất ngờ, phát về tiền của, tầm dâu, giàu phúc đức.

Phiên âm:

Tự điều vị thượng bất tương đương;

An môn lập kiến hữu tai ương;

Đao binh ôn hoả tạo hoành sự;

Ly hương tự ải nữ nhân thương.

Dịch thơ:

Tại phương Tự điều đừng trở cổng;

Trở cổng lập tức gặp tai ương;

Bình đao, dịch bệnh, nhiều tai vạ;

Rời quê, thất cố, nữ thiệt thân.

Trở cổng tại phương Tự điều, sẽ gặp nạn treo cổ tự tử, chết đuối, tổn hại nhân đinh, kiện tụng phá sản. Nam phải xa quê, nữ dễ khó, gia súc, tài sản đều bất lợi.

Phiên âm:

Vượng trang an môn tối cát lợi;

Tiến tài tiến bảo cập điền trang;

*Bắc phương âm nhân tiến thư khế;
Đại hoạch tâm tư lợi thắng thường.*

Dịch thơ:

Trở cống Vương trang là cát lợi;
Vượng phát tiền tài với ruộng vườn;
Đàn bà phương bắc giao văn khế;
Tầm dâu phần thịnh lợi khác thường.

Trở cống phương Vương trang, sẽ thu hút được ruộng vườn, tài sản của người xung quanh, thu nạp được ruộng đất, văn khế, gia súc, của cải của phụ nữ tại phương bắc, thêm nhân đinh, vượng phát người mệnh Mộc.

Phiên âm:

*Hưng phúc an môn thọ mệnh trường;
Niên niên tứ quý thiếu tai ương.
Sĩ nhân tiến chức gia quan tước;
Thữ nhân phát phúc tiến điền trang.*

Dịch thơ:

Cổng nơi Hưng phúc dài tuổi thọ;
Quanh năm liên thắng ít tai ương;
Kẻ sĩ thăng quan thêm chức lớn;
Người thường phát phúc thêm ruộng vườn.

Trở cống phương Hưng phúc, sẽ được phúc thọ, người nhà bình yên, người nam người nữ đều trong sạch, kẻ sĩ đường công danh rộng mở, người thường cũng có phúc, gia súc sinh sôi, sinh ra người trung hiếu.

Phiên âm:

*Pháp trường vị thượng đại hung ương;
Nhược an thử vị thụ hình thương;
Quan tai lao ngục bị gia toả;
Lưu đồ phát phối xuất tha hương.*

Dịch thơ:

Phương vị Pháp trường gây hoạ xấu;
Đặt cổng phương này chịu hình thương;
Kiện tụng ở tù chịu xiềng xích;
Hoặc phải đi đầy tại tha hương.

Trở cổng hướng Pháp trường, chủ về án mạng kiện tụng, đầy ải chốn quê người, bị đàn bà liên lụy, bất lợi.

Phiên âm:

*Điên cuồng chi vị bất khả khoa;
Sinh ly tử biệt cập điên tà;
Điên địa* thoát tiêu nhân khẩu bại;
Thuỷ hoả ôn hoàng tuyệt diệt gia.*

Dịch thơ:

Phương vị Diên cuồng không nên phạm;
Sinh ly tử biệt với diên hùng;
Ruộng đất tiêu ma người lụn bại;
Nước, lửa, dịch bệnh tận diệt vong.

Trở cổng phương Diên cuồng, chủ về các chứng diên tà, dâm loạn, phụ nữ dễ khó, đàn ông rượu chè háo sắc, thanh niên chết đột tử, cha con chia lìa, không được sống yên ổn, của cải hao tán.

Phiên âm:

*Khẩu thiết an môn đại bất tường;
Thường chiêu vô cô bị tai ương;
Phụ phụ tương tiên nhật trực hữu;
Vô đoan huynh đệ đấu tranh cường.*

Dịch thơ:

Cổng nơi Khẩu thiết thực không lành;
Thường hay oan uổng chịu tai ương;

Chồng vợ suốt ngày sinh xô xát;

Anh em vô cớ lại tranh giành.

Trở công phương Khẩu thiệt, thường xuyên vướng mắc phải điều tiếng thị phi, kiện tụng không dứt, con cái ngỗ nghịch bất hiếu, con dâu hay chửi bới, gia súc khó chăm, mọi sự đều bất lợi.

Phiên âm:

Vượng tâm vị thượng hảo tu phương;

Thử vị an lai gia đạo xương;

Lục súc tỉ tâm giai đại vượng;

Toạ trâu mễ cốc mãn thương tương.

Dịch thơ:

Vượng tâm là hướng tu phương tốt;

Đặt công phương này nhà ấm no;

Gia súc tằm tơ đều vượng phát;

Ngồi thu thóc lúa chất đầy kho.

Trở công phương Vượng tâm rất có lợi cho điền sản, của cải dồi dào, thêm nhiều con cháu, cần kiệm hiếu thiện. Nếu là người mệnh Hoả gây dựng cơ nghiệp, thì việc tằm tơ còn thịnh vượng gấp bội.

Phiên âm:

Tiến điền vị thượng phúc miên miên;

Thường chiêu tài bảo tử tôn hiền;

Cánh chủ ngoại nhân lai ký vật;

Kim nhân tài bảo phú điền viên.

Dịch thơ:

Được hướng Tiến điền là có phúc;

Thu rước tiền tài cháu con ngoan;

Lại được người ngoài đến gửi của;

Bạc vàng tích lũy giàu ruộng vườn.

Trở cống hương Tiến điển, chủ về thu hút điển sản, văn khế của người khác, ăn ở hiền đức, hay làm điều thiện, được người gửi gắm của cải, gia súc sinh sôi.

Phiên âm:

*Khốc khắp chi môn bất khả khai;
Niên niên tai hoạ đáo gia lai;
Uống tử thiếu vong nam cộng nữ;
Bi khắp lưu lệ nhật doanh tai.*

Dịch thơ:

Cống phương Khốc khắp không nên mở;
Liên năm tai hoạ ập đến nhà;
Nam nữ chết oan hay yếu mệnh;
Buồn thương khóc lóc lệ không khô.

Trở cống phương Khốc khắp, trong nhà thường xuyên có chuyện tang tóc khóc than, khổ sở vì dịch bệnh, như đậu mùa, chần sởi, trai gái đều chết yếu, phụ nữ lắm bệnh, tiền của phá tán, gia súc bất lợi.

Phiên âm:

*Cô quả chi phương tai đại hung;
Tu chi quả phụ toạ đường trung;
Lục súc điền tàm câu tổn bại;
Cánh kiêm nhân tán tẩu tây đông.*

Dịch thơ:

Cô quả phương này rất tai hại;
Trở cống mà xem vợ mất chồng;
Gia súc, ruộng, tằm đều thất bát;
Người nhà ly tán bỏ quê hương.

Trở cống phương Cô quả, trong nhà sẽ có quả phụ không người nương tựa, phải lưu lạc đến quê người, nhà cửa lụn bại, gia sản tiêu tán, gia súc thất bát, bất lợi.

Phiên âm:

Vinh phúc vị thượng tối kham tu;
An môn đoán đích vượng nhân trừ;
Phát tích gia đình vô tai hoạ;
Phú quý vinh hoa sự nghiệp thu.

Dịch thơ:

Vinh phúc phương này nên xây dựng;
Đặt cổng người nhà ắt vinh quang;
Gia đình vượng phát không tai hoạ;
Phú quý vinh hoa sự nghiệp thành.

Trở cổng phương Vinh phúc, sẽ được vinh hoa phú quý, ruộng vườn tằm tơ bội thu, tiền bạc dồi dào, gia súc sinh sôi, vượng phát cho người mệnh Hỏa.

Phiên âm:

Thiếu vong chi vị bất khả khoa;
Nhất niên chi nội khốc thanh hoa;
Hiếu tửu âm nhân tự ải tử;
Lôi thiên thương tử tử thiên nha.

Dịch thơ:

Phương vị Thiếu vong đừng nên phạm;
Một năm sẽ gặp chuyện ma chay;
Nghiện rượu, phụ nữ tự thất cổ;
Thiên lôi giáng sét giết con trai.

Trở cổng hướng Thiếu vong, sẽ tổn thương đến người nhỏ tuổi, vợ dễ nhảy sông thất cổ chết uống, phụ nữ lâm bệnh, tửu sắc mà phá sản.

Phiên âm:

Xương dân chi vị bất khả tu;
Tu chi dân loạn sự vô hưu;

*Thất nữ hoài thai tùy nhân tẩu;
Nhất gia đại tiểu bất tri tu.*

Dịch thơ:

Xương dâm phương ấy đừng xây cổng;
Xây rồi dâm loạn rồi gia phong;
Con gái chữa hoang theo trai trốn;
Một nhà vô sĩ chẳng ngại ngùng.

Trở cổng phương Xương dâm, nam nữ trong nhà ham mê tửu sắc, dâm dật vô liêm sỉ; bại hoại gia phong. Phụ nữ dâm loạn, con gái chữa hoang, gia súc hao tổn.

Phiên âm:

*Thân nhân vị thượng hảo tu phương;
Tu chi thân thích tận hiền lương;
Thường thời vãng lai đa cát khánh;
Kim ngân tài bảo mãn thương tương.*

Dịch thơ:

Phương vị Thân nhân nên trở cổng;
Họ hàng thân thích hãy hiền hoà;
Qua lại thường xuyên nhiều phúc lộc;
Châu báu bạc vàng chứa đầy kho.

Trở cổng phương Thân nhân, sẽ thu hút tiền của, thêm nhân đinh, gia súc sinh sôi. Người mệnh Hoả rất phát đạt.

Phiên âm:

*Hoan lạc môn tu cánh tiến tài;
Thường hữu trưng âm nhân tống lai;
Diễn tâm lục súc giai hưng vượng;
Phát phúc thanh danh hưởng tự loi.*

Dịch thơ:

Cổng nơi Hoan lạc là thêm lộc;
Thường được đàn bà hiến của tiên.;
Ruộng, tầm, gia súc đều sinh vượng;
Phúc đức thanh danh tựa sấm rền.

Trở cổng phương Hoan lạc, sẽ thu hút được tiền tài của cải của hộ phá sản phương nam, gia súc sinh sôi, có phụ nữ tặng tiền bạc. Người mệnh Mộc phát đạt.

Phiên âm:

*Bại tuyết chi phương bất khả tu;
Tu chi linh lạc bất kham sầu;
Nhân đình tổn hại vô tông tích;
Phụ tử đông tây các tự đầu.*

Dịch thơ:

Tại phương Bai tuyết đừng xây cổng;
Xây rồi lưu lạc phải đau thương;
Nhân đình hao hụt không dấu vết;
Cha con ly tán ở đôi phương.

Trở cổng phương Bai tuyết, chủ về phá sản tán tài, chết vì dịch bệnh, thất cố, nhảy sông. Gặp hoạ do bão gió, hoả hoạn, thuỷ tai, bất lợi.

Phiên âm:

*Vượng tài môn thượng yếu quân tri;
Phú quý thăng thiên nhiệm phát huy;
Hiển đẳng nhân đình gia nghiệp thắng;
Nhất thân phong hậu thọ tể mi.*

Dịch thơ:

Đặt cổng Vượng tài anh nên biết;
Phú quý thăng quan thoả vầy vùng;

Nhân đình vượng phát sự nghiệp thịnh;

Một đời sung túc thọ vô cùng.

Trở cổng phương Vượng tài, sẽ được người đàn bà hiền của, lại được sống thọ.
Người mệnh Hỏa sẽ phát đạt.

Giải thích:

Trên đây là nội dung của "*Môn lâu Ngọc liên kinh*" cùng lời chú giải cụ thể cho từng phần. Môn lâu ở đây chỉ cổng chính, cổng lớn, nên "*Môn lâu Ngọc liên kinh*" là bài ca quyết phân tích về tính chất cát hung của từng phương vị trở cổng. Hai mươi tư sơn có tính chất cát hung khác nhau, tính chất cát hung của mỗi sơn được tính căn cứ vào tọa sơn của căn nhà, như đã trình bày ở trong phần "*Ngọc liên kinh*".

Phái Bát Trạch cực kỳ coi trọng hướng bếp và cổng chính. Bếp là thực thân, cổng là nơi đóng mở, bởi vậy, đây là hai dạng kiến trúc cực kỳ quan trọng đối với tổng thể kiến trúc nhà ở. Phương vị đặt cổng hoặc hướng cổng không tốt sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đối với toàn bộ gia đình. Dù là nhà ở của dân thường, dinh quan lại, hay cung điện hoàng gia, đều cực kỳ coi trọng phương vị và hướng của cửa.

Qua nội dung những bài ca quyết trên, có thể thấy được rằng: Phương vị tốt để trở cổng gồm 12 hướng Phúc đức, Tiến tài, Quan tước, Quan quý, Vượng trang, Hung phúc, Vượng tâm, Tiến điền, Vinh phúc, Thân nhân, Hoan lạc, Vượng tài. Phương vị xấu cũng gồm 12 hướng Ôn hoàng, Tật bệnh, Tổ tụng, Tự diếu, Pháp trường, Diên cường, Khẩu thiệt, Khốc khắp, Cô quả, Thiếu vong, Xương âm, Bại tuyệt. Hướng tốt sẽ giúp ích cho phát tài, thăng quan, đông con cháu, giàu có, vinh hiển, hôn nhân dễ thành; Hướng xấu dễ dẫn đến tang tóc, phá sản, bất hiếu, kiện tụng, mồ côi goá bụa. Mỗi hướng sẽ có các tính chất cụ thể khác nhau. Nếu không may đặt cổng đúng hướng xấu, cần tìm cách dịch chuyển sang hướng tốt.

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH CÀN

Sơn Càn hướng Tốn; Sơn Hợi hướng Ty; Sơn Tuất hướng Thìn.

Nhà mệnh Càn lợi vào năm, tháng Mùi, Thân, Dậu, nhập mộ ở Tý, ứng nghiệm ở Sửu. Với trạch Càn, phương Đoài là phương thuần cát, phương Cấn kém hơn, không tốt bằng Đoài Dậu là đệ nhất. Khảm là phương Lục Sát, Chấn là phương Ngũ Quỷ, Tốn là phương Hoạ Hại, Ly là phương Tuyệt Mệnh Phá Quân, đều là những hướng bất lợi.

Nhà mệnh Càn có hướng Tốn, không nên trở cổng ở đúng hướng Tốn, mà nên trở cổng hơi lệch sang bên phải về hướng Ty, như vậy sẽ hợp với hướng Phúc đức trong Ngọc Liên kinh, lại hợp với nguyên tắc Tây tứ trạch mở cửa Bạch Hổ là

thượng cát. Cổng chính mở ở hướng Tỵ, trở hai cửa bên. Cửa phương Đoài mở về sơn Canh, lại không phạm phải sát tinh hướng Tốn là tốt nhất. Hoặc cổng chính trở về hướng Khôn theo nguyên tắc âm dương già kết hợp (Càn - Khôn), lại được hướng Diên Niên Vũ Khúc Kim tinh, trợ giúp cho cung mệnh, lại hợp với cục thể trời đất định vị. Nhưng có thuyết cho rằng không nên đặt cổng chính tại hướng Khôn, vì phi Tam Bích tại Khôn, nên khí của nó sẽ gây ảnh hưởng xấu (Càn Lục Bạch Kim khắc Tam Bích Mộc nên Khôn là phương Tử khí). Càn là Lục Bạch Kim tinh, nhập trung cung, sao Thất Xích bay đến bản cung (Càn) là toạ vượng (Thất Xích Kim cùng hành Kim với Lục Bạch Kim nên Càn là phương Vượng khí). Sao Bát Bạch Thổ bay đến cung Đoài, Bát Bạch Thổ sinh chủ tinh Lục Bạch Kim, nên Đoài được phương Sinh khí, nên là thượng thượng cát. Nếu trở cổng hướng Cấn, là hướng Thiên Y Cự Môn Thổ tinh, Thổ sinh Càn Kim, phương sinh trung cung, cũng là thượng cát. So sánh ba phương vị trên, thì Khôn Tỵ nên mở cổng lớn, Đoài mở cổng phụ, Cấn mở cổng ngách, như vậy ba hướng tốt đã đầy đủ.

Giải thích:

Ba sơn Càn, Hợi, Tuất đều thuộc phương Càn, là Tây tứ trạch. Trạch Càn nên mở cổng chính phương Tỵ, tốt nhất là hơi lệch về hướng Tốn; Cũng có thể trở cổng tại phương Khôn. Cổng phụ và cổng ngách nên mở tại phương Đoài và phương Cấn.

Phần này và bảy phần tiếp theo trình bày về vị trí trở cổng của Bát trạch, căn cứ vào thuyết Bát trạch và Cửu cung phi tinh (hay Tử Bạch diệu pháp). Chủ tinh của toạ sơn an tại Trung cung, tám sao còn lại sẽ bay ra tám phương theo quỹ đạo nhất định. Căn cứ vào mối quan hệ sinh khắc về ngũ hành giữa phi tinh tại tám cung với chủ tinh, để xác định tính chất của các phương. Phương sinh chủ tinh là phương Sinh khí; Phương khắc chủ tinh là phương Sát khí; Chủ tinh sinh ra phương nào, phương đó là Thoái khí (hay Tiết khí); Chủ tinh khắc phương nào, phương đó là Tử khí; Ngũ hành tương tự với chủ tinh là phương Vượng khí. Sinh khí, Vượng khí là cát lợi; Thoái khí, Sát khí, Tử khí là hung sát. Tính chất của các phương này sẽ gây ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến bốn hướng tốt và bốn hướng xấu theo Bát trạch. Nếu phương vị nào vừa hợp với hướng tốt của Bát trạch, vừa hợp với hướng tốt của Tử Bạch phi tinh, mới là phương vị thuần cát. Có thể tham khảo đồ hình "Thuỷ vòng phương Tốn: Càn cục".

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH KHẨM

Sơn Tỵ hướng Ngọ; Sơn Nhâm hướng Bính; Sơn Quý hướng Đinh.

Trạch Khảm lợi vào năm, tháng Thân, Tý, nhập mộ lợi ở Thìn, ứng nghiệm ở Thân, Tý. Trạch Khảm có cung toạ rất tốt, có thể mở cổng nhỏ ở bên cạnh, mở cửa hậu ở phương Nhâm, phương Quý, tức vẫn thuộc bản cung, là cát lợi. Không nên

lấn sang phương Hợi, phương Sửu. Trạch Khảm có phương Tốn là Sinh Khí, phương Chấn là Thiên Y, phương Ly là Diên Niên, đều có thể trở cổng mở đường đi. Nhưng tính theo Tử Bạch điều pháp, ba phương này cũng có chỗ không cát lợi hoàn toàn. Phương Càn là Lục Sát, phương Khôn là Tuyệt Mệnh, phương Cấn là Ngũ Quỷ, phương Đoài là Hoạ Hại, đều không cát lợi.

Tính theo Tử Bạch điều pháp, thì Khảm là Nhất Bạch Thuỷ tinh nhập trung cung, Lục Bạch Kim bay đến bản cung (Khảm), nên toạ sơn là phương Sinh khí (Lục Bạch Kim sinh Khảm Thuỷ). Sao Nhị Hắc bay đến cung Càn, sao Bát Bạch bay đến cung Chấn, nên Càn Chấn đều là phương Sát khí. Thế nhưng Chấn lại là phương Thiên Y Cự Môn, nên tại Chấn có thể mở cổng ngách để trợ giúp cho cổng chính. Nếu mở được cổng chính, lại là hợp với nguyên tắc Đông tứ trạch mở cổng chính hướng đông sẽ cát lợi. Sao Tam Bích bay đến cung Đoài Lộc Tồn, sao Tứ Lục bay đến cung Cấn Liêm Trinh Ngũ Quỷ, đều là phương Thoái khí. Sao Thất Xích bay đến cung Khôn là phương Sinh khí. Sao Cửu Tử bay đến phương Tốn, cũng là phương Tử khí. Tốn vốn là phương Sinh Khí Tham Lang, lại gặp Tử khí, nên đặt cổng phụ tại đây để trợ cát cho cổng chính. Tra xét trong thư tịch, thấy viết trở cổng phương Tốn, Mộc nhập cung Khảm, nên được phú quý, lại thấy rất nhiều nhà mệnh Khảm mở cổng chính phương Tốn, mà phần nhiều đều được cát lợi. Khôn là hướng Tuyệt Mệnh Phá Quân, nhưng điều được Sinh khí, nên nhà toạ Quý hướng Đinh cũng có khi mở cổng chính tại sơn Thân hướng Khôn, do Thất Xích Kim sinh Khảm Thuỷ nên là phương Sinh khí, được sao Sinh chiếu, lại hợp với dòng nước đến bên phải, đây là điều tồn nghi để đợi tra cứu.

Bên trái không nên mở cổng, do sao Ngũ Hoàng tại phương Ly Vũ Khúc Diên Niên, nên sách "*Địa lý diễn văn*" cho rằng không cát lợi, do trực xung. Ta lại tham khảo sách "*Nguyên chính*", thấy ngoài nha môn, hỷ môn, cổng chính ra, còn nhà dân, phàm là hướng Đinh đều không nhất thiết trở cổng phụ ở phương Vũ Khúc (Ly), Lộc Tồn (Đoài), Phá Quân (Khôn), mở thẳng cổng chính tại hướng Bính là thuần cát. Sơn Tý hướng Ngọ cũng là cổng phụ mở thẳng hướng, cổng chính mở tại hướng Bính là rất cát lợi. Nếu là sơn Nhâm hướng Bính, thường là thuỷ mé tả chảy sang mé hữu, mới hợp với thuỷ pháp. Cửa chính mở hướng Tốn, Tý là phương vị Lâm Quan của sơn Hoả (Nhâm), lại gặp sao Tham Lang, là rất cát lợi, không nên câu nệ vào một cuốn "*Nguyên chính*" mà cho rằng phương Tốn không thể mở cổng. Nhà hướng Bính, cổng phụ nên mở đối diện là cát lợi. Cổng lớn, cổng phụ không nên mở ở phương Tý, vì sẽ phá vỡ lộc của hướng Bính. Nên biết hướng Đinh, hướng Ngọ mở cổng chính tại Bính là tốt nhất; Hướng Bính mở cổng chính tại Tốn là tốt nhất. Nếu nhà hướng Bính chỉ có một cổng, thì trở thẳng đúng hướng là cát lợi. Nếu nhà hướng Ngọ nên mở cổng chính tại sơn Ất, Mão phía đông là hợp cát. Nếu

nhà hướng Đinh trở cổng chính hướng Bính, tại phương Khôn trở thêm một cổng đón nước chảy đến cũng cát lợi. Cùng là nhà mệnh Khảm, nhưng trong phép khai môn cụ thể lại có khác nhau, đó là căn cứ vào mặt địa hình để định ra.

Giải thích:

Ba sơn Quý, Tý, Nhâm đều thuộc phương Khảm, là Đông tứ trạch. Đoạn văn trình bày hướng hợp để khai môn cho từng toạ sơn. Có thể tham khảo đồ hình "Thủy vòng phương Ly: Khảm cục".

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH CẤN

Toạ Cấn hướng Khôn; Toạ Sửu hướng Mùi; Toạ Dần hướng Thân.

Nhà mệnh Cấn lợi vào năm, tháng Thân, Dậu, Tuất, nhập mộ tại Dần, ứng nghiệm tại ngành út. Có phương Càn Kim là Thiên Y, phương Khôn là Sinh Khí, phương Đoài là Diên Niên, đều có thể trở cổng. Phương Khảm là Ngũ Quỷ, phương Ly là Hoạ Hại, phương Chấn là Lục Sát, phương Tốn là Tuyệt Mệnh, đều không nên trở cổng. Lại theo Tử Bạch diệu pháp, Cấn là Bát Bạch Thổ tinh nhập trung cung, Sao Nhị Hắc Thổ bay đến bản cung, nên toạ được phương Vượng khí (cùng hành Thổ với trung cung). Sao Cửu Tử bay đến cung Càn, là phương Sinh khí, nên trở cửa phương Càn là tốt nhất. Sao Nhất Bạch bay đến cung Đoài, nên tuy khí không thuần (Bát Bạch Thổ khắc Nhất Bạch Thủy, nên Đoài là phương Tử khí, làm giảm cát lợi của Diên Niên), nhưng cũng có thể trở cổng, đào giếng. Sao Tam Bích bay đến cung Ly, sao Tứ Lục bay đến cung Khảm, đều là phương Sát khí, nên Khảm lại càng xấu. Sao Ngũ Hoàng bay đến cung Khôn, mà Khôn là hướng Tham Lang Thủy, bị Cấn Thổ khắc. Bởi vậy, hướng Khôn nên mở cổng giữa (nhị môn), mở cổng chính hướng Càn là tốt nhất; Các hướng Canh, Dậu, Tân là tốt thứ hai.

Giải thích:

Ba sơn Cấn, Sửu, Dần đều thuộc phương Đoài, là Tây tứ trạch. Nhà mệnh Đoài tốt nhất nên mở cổng tại các phương Càn, Đoài, Khôn. Có thể tham khảo đồ hình "Thủy vòng phương Khôn: Cấn cục".

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH CHẤN

Sơn Mão hướng Dậu; Sơn Giáp hướng Canh; Sơn Ất hướng Tân.

Nhà mệnh Chấn lợi vào năm, tháng Hợi, Dần, Mão, nhập mộ ở Mùi, ứng nghiệm tại ngành trưởng. Nhà mệnh Khảm có cung toạ Phục Vị là phương tốt, được phương Tốn là Diên Niên, phương Ly là Sinh Khí, phương Khảm là Thiên Y, đều có thể trở cổng đặt bếp. Phương Càn là Ngũ Quỷ, phương Khôn là Hoạ Hại, phương Cấn là Lục Sát, phương Đoài là Tuyệt Mệnh, đều là hướng xấu. Còn tính theo Tử Bạch điều pháp, Chấn là Tam Bích Mộc nhập trung cung, sao Nhất Bạch nhập bản cung, nên cung toạ được phương Sinh khí (Nhất Bạch Thuỷ sinh Tam Bích Mộc). Sao Nhị Hắc bay đến cung Tốn, sao Bát Bạch bay đến cung Khảm, sau Thất Xích bay đến cung Ly, tuy khí có chỗ không thuận (Tốn, Khảm là Tử khí, Ly là Sát khí), nhưng vẫn có thể trở cổng. Sao Tứ Lục bay đến cung Càn, là phương Vượng khí (cùng hành Mộc), nên phương Càn có thể đào giếng đặt bếp. Sao Ngũ Hoàng bay đến cung Đoài, là rất bất lợi. Căn cứ theo phép Bát trạch, không có chỗ nào có thể mở cổng hậu. Mé bên tả bên hữu phương Phục Vị có thể mở cổng ngạch ngõ sau, căn cứ vào đó để trở cổng cũng tốt. Nhà mệnh Chấn, mệnh Tốn không nên trở cổng Tốn, vì Tốn Kim khắc Chấn Mộc. Cổng phụ nên mở hướng Canh, hợp Nạp Giáp, cũng được.

Giải thích:

Ba sơn Mão, Giáp, Ất đều thuộc phương Chấn, là Đông tứ mệnh. Cổng chính nên mở hướng Tốn, Khảm, Ly, cổng phụ nên mở hướng Canh. Có thể tham khảo đồ hình "Thuỷ vòng phương Đoài: Chấn cục".

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH TỐN

Sơn Tốn hướng Càn; Sơn Tỵ hướng Hợi; Sơn Thìn hướng Tuất.

Nhà mệnh Tốn có lợi vào năm, tháng Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão, nhập mộ tốt ở Mùi, ứng nghiệm vào con gái cả. Phương Chấn là Diên Niên, phương Khảm là Sinh Khí, phương Ly là Thiên Y, đều là hướng tốt. Mở cổng phương đông tại các hướng Giáp, Mão, Ất, mở cổng phương Khảm tại các hướng Nhâm, Tý, Quý đều là cát lợi. Cổng không nên mở thẳng hướng. Phương Càn là Hoạ Hại, phương Khôn là Ngũ Quỷ, phương Cấn là Tuyệt Mệnh, phương Đoài là Lục Sát, đều là hướng xấu. Lại tính theo Tử Bạch điều pháp, Tốn là Tứ Lục Mộc tinh, nhập trung cung. Sao Tam Bích Mộc bay đến bản cung (Tốn) nên toạ được phương Vượng khí. Sao Nhị Hắc bay đến cung Chấn, tuy khí tốt không thuận (Tứ Lục Mộc khắc Nhị Hắc Thổ, Chấn là phương Tử khí), nhưng cũng hợp với tài vận quan lộc, Chấn là phương Diên

Niên, nên có thể trở cổng tại đây. Sao Ngũ Hoàng bay đến cung Càn là bất lợi. Sao Lục Bạch bay đến cung Đoài, nên Đoài là phương Sát khí. Sao Thất Xích bay đến phương Cấn, nên cũng là phương Sát khí. Sao Bát Bạch bay đến cung Ly, tuy Ly là phương Tử khí nhưng không có hung sát. Sao Cửu Tử bay đến cung Khảm, nên phương này có thể trở cổng.

Giải thích:

Ba sơn Tốn, Ty, Thìn đều thuộc phương Tốn, là Đông tứ mệnh. Nhà mệnh Tốn có thể trở cổng tại các hướng Giáp, Mão, Ất, Nhâm, Tý, Quý, nhưng cổng chính không nên mở thẳng hướng nhà. Cổng giữa, cổng ngách thì không kiêng. Có thể tham khảo đồ hình "Thủy vòng phương Càn: Tốn cục".

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH LY

Sơn Ngọ hướng Tý; Sơn Đinh hướng Quý; Sơn Bính hướng Nhâm.

Nhà mệnh Ly lợi vào năm, tháng Dần, Mão, Ty, Ngọ, nhập mộ tốt ở Tuất, ứng nghiệm với con gái thứ. Nhà mệnh Ly có cung Phục Vị là hướng tốt. Phương Tốn là Thiên Y, phương Chấn là Sinh Khí, phương Khảm là Diên Niên, đều là hướng tốt, nhưng trong đó Khảm là phương xung khắc. Phương Càn là Tuyết Mệnh, phương Khôn là Lục Sát, phương Đoài là Ngũ Quỷ, phương Cấn là Hoạ Hại, đều là hướng xấu. Lại phối với Tử Bạch diệu pháp, Ly là Cửu Tử Hoả tinh nhập trung cung. Sao Tứ Lục Mộc bay đến bản cung (Ly) nên được tọa là phương Sinh khí (do Tứ Lục Mộc sinh Cửu Tử Hoả). Sao Lục Bạch bay đến cung Khôn, là phương Tử khí. Sao Nhị Hắc bay đến cung Đoài, là phương Thoái khí, lục sự đều cát lợi. Sao Bát Bạch bay đến cung Tốn là phương Thoái khí, đào giếng làm bếp đều có lợi, có thể trở cổng ngách, còn cổng chính trở tại phương Giáp, Ất Mộc là tốt nhất. Nếu mở cổng giữa (nhị môn) không nên mở chính hướng, mà hơi lệch sang bên trái về hướng Nhâm, bổ trợ cho Chấn, sẽ cát lợi. Nhà hướng Tý không nên trở cổng tại Tý, mà nên mở ở hướng Quý sẽ cát lợi. Nói tóm lại, cổng nên làm lệch một sơn so với hướng chính, không nên đặt đối diện với tọa sơn. Hai hướng Nhâm, Quý giao hoán với nhau để trở cổng cũng được.

Giải thích:

Ba sơn Ngọ, Đinh, Bính đều thuộc phương Ly, là Đông tứ mệnh. Cổng chính nên trở tại phương Giáp, Ất. Còn cổng giữa (trung môn) không nên đặt đúng hướng chính mà làm lệch sang một sơn, như nhà hướng Tý thì đặt cổng ở phương Quý. Có thể tham khảo đồ hình "Thủy vòng chính bắc: Ly cục".

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH KHÔN

Sơn Khôn hướng Cấn; Sơn Thân hướng Dần; Sơn Mùi hướng Sửu.

Nhà mệnh Khôn lợi vào năm, tháng Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, nhập mộ tốt ở Thìn, ứng nghiệm với vợ gia chủ. Phương Cấn là Diên Niên, phương Cấn là Sinh Khí, phương Đoài là Thiên Y, đều có thể đặt cổng. Phương Khảm là Tuyệt Mệnh, phương Ly là Lục Sát, phương Chấn là Hoạ Hại, phương Tốn là Ngũ Quỷ. Lại phối với Tử Bạch diệu pháp, Khôn là Nhị Hắc Thổ tinh. Sao Bát Bạch Thổ bay đến bản cung (Khôn), nên được toạ là phương Vượng khí. Các cung khác đều không thuần cát. Cần cứ theo sách "*Nguyên chính*", thì tại Sửu, Cấn, Dần có thể mở cổng chính, tại Cấn, Đoài có thể mở cổng ngách để trợ cát. Tử Bạch diệu pháp là để tính toán ba hướng tốt để trở cửa, rất hiếm khi gặp phương thuần cát, nên không nhất thiết phải câu nệ. Chỉ nên biết rằng, Tây tứ trạch Cấn, Khôn, Cấn, Đoài nếu đặt môn lộ Bạch Hổ sẽ tốt; Đông tứ trạch Chấn, Tốn, Khảm, Ly nếu đặt môn lộ Thanh Long sẽ tốt. Tại ba hướng tốt có dòng nước chảy đến, án, hướng tốt, đường cục tốt, hướng chính của nhà nếu hướng được theo thì hướng, nếu không được, thì tìm hướng tốt khác để lập hướng, sẽ có lợi hơn. Không nên lập hướng tại nơi có dòng nước chảy đi.

Giải thích:

Ba sơn Khôn, Thân, Mùi đều thuộc phương Khôn, là Tây tứ mệnh. Nhà mệnh Khôn có thể mở cổng chính tại ba hướng Sửu, Cấn, Dần; Cửa ngách mở tại hai hướng Cấn, Đoài. Chính văn nhấn mạnh rằng, có rất ít phương vị thuần cát, tức phù hợp với cả phép Bát trạch và Tử Bạch diệu pháp, bởi vậy không nên quá câu nệ. Có thể tham khảo đồ hình "Thủy vòng phương Cấn: Khôn cục". Nhà Đông tứ trạch nên trở cổng Thanh Long, nhà Tây tứ trạch nên trở cổng Bạch Hổ.

PHÉP KHAI MÔN ĐỐI VỚI NHÀ MỆNH ĐOÀI

Sơn Dậu hướng Mão; Sơn Canh hướng Giáp; Sơn Tân hướng Ất.

Nhà mệnh Đoài lợi vào năm, tháng Ty, Mùi, Thân, Dậu, nhập mộ tốt ở Thìn, ứng nghiệm với con gái út. Phương Cấn là Sinh Khí, phương Khôn là Thiên Y, đều là hướng tốt để mở cổng. Trong đó, Cấn là "trùng trùng sinh khí", rất cát lợi (tính theo Tử Bạch diệu pháp, Cấn cũng là phương Sinh khí, nên gọi là "trùng trùng sinh khí"). Khảm là Hoạ Hại, Chấn là Tuyệt Mệnh. Tốn tuy là phương Lục Sát, Ly

tuy là phương Ngũ Quỷ, nhưng không đến nỗi hung hại, vì có khí tốt (theo Tử Bạch diệu pháp, Tốn là phương Vượng khí, Ly là phương Sinh khí). Phối với Tử Bạch diệu pháp, Đoài là Thất Xích Kim tinh nhập trung cung. Sao Cửu Tử Hoả bay đến cung toạ, nên không hoàn toàn tốt đẹp (Cửu Tử Hoả khắc Thất Xích Kim, Đoài là phương Sát khí), nên cổng hậu không nên mở ở mé phải, mé trái trung cung, mà nên mở tại phương Càn hoặc phương Khôn. Sao Nhất Bạch bay đến cung Cấn, tuy là phương Thoái khí, nhưng Diên Niên trợ giúp cho Kim. Sao Tứ Lục bay đến cung Khôn, "ngã khắc vi tài" (bị chủ tinh khắc là được của), nên không sợ Tử khí. Sao Ngũ Hoàng bay đến cung Chấn, Mộc không khắc Kim. Sao Bát Bạch bay đến cung Càn, sinh sinh không dứt, lợi ích vô cùng. Nhà mệnh Đoài mở cổng phương Càn, là phương vị thuận cát không pha tạp. Sách "*Nguyên chính*" nói rằng, mở cửa phương Cấn là không tốt. Ta từng thấy nhiều nhà mệnh Đoài mở cổng hướng Cấn, chưa từng thấy gặp điều gì bất lợi. Mở cửa đối diện với toạ sơn, tại Giáp, Mão, Ất cũng tốt. Nếu làm hai lớp cổng, thì cổng ngoài đặt đúng với hướng nhà. Hay nhà hướng Ất, hướng Mão mở cổng tại hướng Giáp; Nhà hướng Giáp mở cổng tại hướng Cấn cũng tốt.

Giải thích:

Ba sơn Dậu, Canh, Tân đều thuộc phương Đoài, là Tây tứ mệnh. Cổng chính tốt nhất mở tại phương Càn, vì Càn là phương "trùng trùng sinh khí", vừa là phương Sinh Khí theo phép Bát trạch, vừa là phương Sinh khí theo Tử Bạch diệu pháp, cũng có thể mở tại phương Cấn hoặc Giáp, Mão, Ất. Nếu làm hai lớp cổng, lớp cổng bên ngoài có thể đặt đúng hướng chính, hoặc cũng có thể đặt tại hướng Cấn. Có thể tham khảo đồ hình "Thủy vòng chính đông: Đoài cục".

THIÊN XÍCH (THƯỚC TRỜI)

Kích thước của các kiến trúc trong nhà nên là số lẻ, không nên là số chẵn. Như cổng nên là 3 thước, 9 thước, 2 thước 7 tấc rưỡi, rộng 7 thước, 9 thước, 6 thước 3 tấc rưỡi. Hai lầu gác cao lớn, nên là 4 thước, 9 thước, 3 thước 6 tấc rưỡi, rộng 5 thước, 9 thước, 4 thước 5 tấc rưỡi. Nên dùng bốn loại thước đo để đo lường, lấy tiêu chuẩn là bốn dạng thước đo đều cát lợi. Các khoảng cách đều không rời số 9 mà thêm nửa tấc, như vậy, bốn loại thước đo đều cát lợi.

PHÉP ĐO LƯỜNG

Nguyên văn:

Loại thứ nhất là thước Tử Phòng; Loại thứ hai là thước gập (khúc thước); Loại thứ ba là thước Lỗ Ban; Loại thứ tư là thước Huyền Nữ (mỗi thước gồm chín tắc). Lại nói: Thước Lỗ Ban là loại thước thợ gỗ hay dùng, mỗi tắc quản một chữ, đó là: tài (của cải), ly (chia lìa), bệnh (đau ốm), nghĩa (đạo nghĩa), quan (quan chức), kiếp (tai hoạ), hại (hoạ hại), bản (gốc), bốn chữ tài, nghĩa, quan, bản là cát. Loại thước Lỗ Ban này khác với loại thước Lỗ Ban đang nhắc đến ở đây, nên không bàn đến.

Thước Tử Phòng gồm chín tắc tương ứng với chín bộ: Kim tinh (cát), Hoả tinh (hung), La Hầu (hung), Mộc tinh (cát), Tử khí (cát), Văn tinh (hung), Kế Đô (hung), Nguyệt Bội (hung), Thuỷ tinh (cát).

Thước gập gồm chín tắc tương ứng với chín bộ: một tắc là Nhất Bạch (cát), sáu tắc là Lục Bạch (cát), tám tắc là Bát Bạch (cát); Còn hai tắc, ba tắc, bốn tắc, năm tắc, bảy tắc đều là hung.

Thước Lỗ Ban gồm chín tắc chia làm mười ba bộ: tài toại diên tăng (thêm của thêm ruộng), sinh tai khẩu thiệt (sinh tai hoạ thì phi), phân định tổn thê (tổn hại đến vợ), ly hương tuyệt nghĩa (xa quê dứt nghĩa), chiêu tài tiến nghiệp (được của phát nghiệp), vượng tài cát lợi (vượng của tốt lành), sinh quý tử cát (sinh được quý tử), tiến tài sinh tử (rước của sinh con), hoành hoạ hung thân (gặp vạ hung thân), trường bệnh sự lữ (bệnh lâu quân dịch), quan ti khiến liên (kiện tụng vạ lây), ôn hoà thoái tài (dịch bệnh hao của), tiến bảo cát lợi (rước của tốt lành).

Thước Huyền Nữ gồm chín tắc chia làm tám bộ: quý nhân (cát), thiên tai (hung), thiên hoạ (hung), thiên tài (cát), quan lộc (cát), cô độc (hung), thiên bại (hung), phụ bất (cát).

Phàm là kích thước của nhà ở cổng cửa, đều phải dùng bốn loại thước này đo đạc, chọn kích thước mà cả bốn loại thước đều tốt. Dùng một tấm gỗ rộng bốn tắc, dài chín tắc để đo thử bốn loại thước này, thì chỗ hung chỗ cát sẽ rõ ràng. Nói tóm lại, số không khởi chín, gập số chín là cát. Chín tắc là một thước, chín thước là một trượng, lại cộng thêm nửa tắc tài, thì tất cả các loại thước đo đều ra cát.

Giải thích:

Hai đoạn trên đều là phần phụ thêm ở cuối sách, trình bày về các loại thước và yêu cầu về đo đạc trong xây dựng thời xưa. Khi đo lường cổng cửa, cửa sổ, cho đến chu vi nền móng, đều dùng số lẻ, không nên dùng số chẵn. Bởi vì số lẻ là số sinh, còn số chẵn là số tử.

Bốn loại thước thường sử dụng trong việc đo đạc xây dựng là thước Tử Phòng, thước gấp, thước Lỗ Ban và thước Huyền Nữ. Bốn loại thước này đều quy định một thước gồm chín tấc. Đó chính là một quy định mang ý nghĩa đặc thù do các nhà tướng mệnh học đặt cho thước đo, để phù hợp với nguyên lý "gấp chín là tốt". Trong phần chính văn đã trình bày rõ, kích thước của các kiến trúc nhà ở phải đáp ứng được tiêu chuẩn, cả bốn loại thước đều đo ra kết quả tốt.

PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG GIƯỜNG

Nguyên văn:

Kích thước của giường phải là số lẻ, nên dài 6 thước 3 tấc rưỡi hoặc 5 thước 4 tấc rưỡi, rộng 4 thước 5 tấc rưỡi, giường nhỏ là 3 thước 6 tấc rưỡi. Chiều cao của giường cũng nên là số lẻ.

Giường không nên nổi chân, cũng không nên thay chập cũ mới, không nên rút đầu giường, không nên cửa bít, không nên cất hẹp, không nên đóng giường bằng gỗ cây long não, kỵ sử dụng các cây gỗ mọc gần mồ mả, thần đàn. Dát giường gồm bảy thanh, không nên là số chẵn. Giường nên đóng bằng gỗ đình tán, gỗ ngô đồng, gỗ sến, gỗ xoan, chọn những loại cây nở hoa kết quả. Giường kỵ bị cửa phòng trực xung, trong trường hợp đó, nên dùng bình phong chắn ở giữa, sẽ được yên ổn. Giường nên đặt tại ba phương tốt là Sinh Khí, Thiên Y, Diên Niên trong bản mệnh. Đóng giường nên chọn ngày, tốt nhất nên chọn ngày vượng tướng trong mùa, tránh những ngày chính tứ phế, bàng tứ phế. Khi đặt giường cũng kỵ những ngày này.

Giải thích:

Các nhà tướng mệnh học rất coi trọng đến giường ngủ, quy định tỉ mỉ từ chất liệu cho đến kích thước. Về chất liệu làm giường, không nên dùng gỗ long não hoặc lấy gỗ ở cây cối mọc gần mồ mả, thần đàn. Về kích thước, cần dùng số lẻ, thêm nửa tấc, nửa tấc đó gọi là "bán tài" tức "thêm tài" (thêm của). Về ngày tháng đóng giường cũng như làm giường, nên chọn ngày vượng tướng mà tránh ngày chính, bàng tứ phế.

Ngày vượng tướng: Can của ngày có ngũ hành tương tự hoặc tương sinh ngũ hành của chi tháng. Mùa xuân: ngày Giáp, Ất; mùa hạ ngày Bính, Đinh; mùa thu ngày Canh, Tân; mùa đông ngày Nhâm, Quý.

Ngày tứ phế là những ngày có can chi tương khắc với can chi của ngày vượng khí; Mùa xuân: kỵ can Canh, Tân và chi Thân, Dậu; Mùa hạ: kỵ can Nhâm, Quý và chi Tý, Hợi; Mùa thu: kỵ can Giáp, Ất và chi Dần, Mão; Mùa đông: kỵ can Bính, Đinh và chi Tỵ, Ngọ. Ngày hình tứ phế là ngày phạm phải cả can và chi vô khí; ngày bàng tứ phế là ngày có can hoặc chi vô khí.

PHƯƠNG PHÁP LÀM BẾP

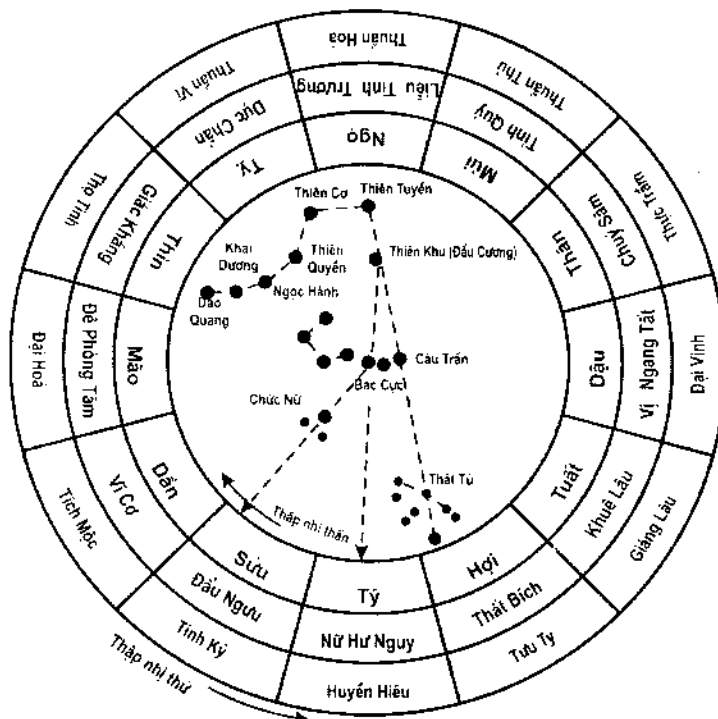
Nguyên văn:

Chiều dài bảy thước chín tấc, bên trên tượng trưng cho Bắc Đẩu, bên dưới ứng với chín châu. Chiều rộng bốn thước, tượng trưng cho bốn mùa. Chiều cao ba thước, tượng trưng cho tam tài. Cửa lò rộng sáu tấc, dựa theo lục hợp. Cao một thước hai tấc, tượng trưng cho mười hai tháng. Đặt hai búa, tượng trưng cho mặt trăng mặt trời, lớn chừng tám tấc, tượng trưng cho bát phong. Cần phải sử dụng gạch mới, đất sạch, trộn với nước thơm, tuyệt đối không được lẫn với đất bụi. Dùng gan lợn trộn vào trong đất, như vậy sẽ khiến đàn bà hiếu thuận. Khi lấy đất làm bếp, trước tiên cần đào bỏ lớp đất dày khoảng năm tấc đất trên bề mặt, để lấy đất sạch phía dưới, sau đó dùng nước giếng và nước thơm nhào trộn, như vậy sẽ đại cát.

Giải thích:

Bếp cũng được yêu cầu tỉ mỉ về kích thước, mỗi kích thước tượng trưng cho một sự vật hiện tượng tương ứng. Trên bếp nên đặt hai chiếc búa tượng trưng cho mặt trăng, mặt trời. Vì xưa kia thường đắp lò bằng đất để đun nấu, nên trong đoạn văn có quy định rõ về kích thước của lò cũng như cách lấy đất, nhào đất để đắp lò.

ĐỒ HÌNH ĐẤU CƯƠNG THẬP NHỊ THẦN



Cán Đẩu quay đông; Thiên hạ đều xuân.

Cán Đẩu quay nam; Thiên hạ đều hè.

Cán Đẩu quay tây; Thiên hạ đều thu.

Cán Đẩu quay bắc; Thiên hạ đều đông.

Giải thích:

Trên đây là đồ hình Đẩu Cương thập nhị thần, tức đồ hình về sự di chuyển của Đẩu Cương (cán sao Bắc đẩu) trên bầu trời.

Sao Bắc Đẩu gồm bảy ngôi sao Thiên Khu, Thiên Tuyền, Thiên Cơ, Thiên Quyển, Ngọc Hành, Khai Dương, Dao Quang. Sao thứ nhất (Thiên Khu), sao thứ năm (Ngọc Hành), sao thứ bảy (Dao Quang) hợp thành Đẩu Cương. Thập nhị thần, hay còn gọi là vòng Nguyệt kiến, là vị trí mà các sao Đẩu Cương chỉ vào tại mỗi tháng trong một năm. Đẩu Cương của Bắc Đẩu chỉ vào đâu, thì nguyên khí của tháng ở tại đấy.

Thập nhị thứ là mười hai vùng trời mà mặt trời, mặt trăng giao hội. Trong một năm, mặt trời và mặt trăng gặp nhau 12 lần, nên gọi là thập nhị thứ.

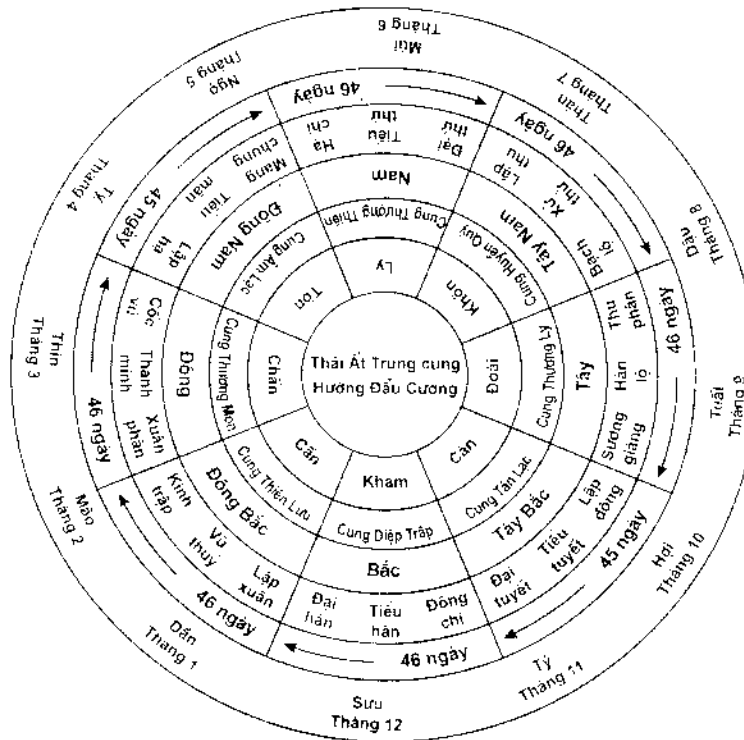
Trong đồ hình trên, tính từ trong ra, vòng trung tâm mô tả lại vị trí của chòm sao Bắc Đẩu cùng một số chòm sao khác. Vòng tròn thứ nhất là vị trí của thập nhị thần (nguyệt kiến); Vòng tròn thứ hai là vị trí của nhị thập bát tú. Vòng tròn ngoài cùng là thập nhị thứ.

PHỤ LỤC I

HOÀNG THẠCH CÔNG

DƯƠNG TRẠCH ĐẠI BÁT MÔN

ĐỒ HÌNH THÁI NHẤT DU CUNG



Ngày Thái Ất dịch chuyển, trời sẽ làm ra mưa gió để tương ứng.

Vào ngày đó có gió là tốt, được mùa no đủ, dân chúng yên vui, ít bệnh tật;

Có gió sớm sẽ mưa nhiều; Có gió muộn sẽ nắng hạn.

Giải thích:

Trong 24 tiết, quan trọng nhất là tám tiết sau: nhị phân (Xuân phân, Thu phân), nhị chí (Hạ chí, Đông chí), tứ lập (Lập xuân, Lập hạ, Lập thu, Lập đông). Tám tiết này kết hợp với "Thái Ất di cung" tạo thành "Cửu cung bát phong".

Thái Ất chính là Bắc Thần, do sao Bắc Đẩu chuyển động vòng quanh sao Bắc Cực, mỗi phương vị dịch chuyển ứng với một cung, tương ứng với một quẻ trong Bát quái và một tiết. Mỗi khi Thái Ất di chuyển vị trí, sẽ phản ánh sự biến đổi về thời tiết ở tám tiết. Mỗi tiết đều có một loại gió đặc trưng riêng, nên gọi chung là "bát phong". Loại gió này nếu xuất hiện đúng thời điểm chuyển dịch, cả năm sẽ mưa thuận gió hoà. Nếu mưa gió xuất hiện trước thời điểm giao thời, là khí dư thừa, thời tiết trong năm sẽ mưa nhiều. Nếu mưa gió xuất hiện sau thời điểm giao thời, là khí không đủ, năm đó sẽ nắng hạn.

HOÀNG THẠCH CÔNG DƯƠNG TRẠCH ĐẠI BÁT MÔN

Bí quyết về công chính của dương trạch, vốn do Hoàng Thạch Công bí mật truyền thụ cho người đời sau, nhưng người sau không truy cứu về nguồn gốc, nên xuất hiện rất nhiều thuyết khác nhau, phiên tạp mơ hồ, khiến người học không biết theo ai. Ta nghiên cứu nhiều năm, hiểu khá rõ ràng, nay xem các luận thuyết về dương trạch, tìm tòi chỗ đích xác tinh thâm, cắt bỏ chỗ phiên tạp mơ hồ, để soạn nên cuốn "*Dương trạch yếu lãm*", vẽ hình Đông tứ trạch, Tây tứ trạch, bát môn động tĩnh, tinh cung sinh khắc mật chỉ, thực là chỗ then chốt của họa phúc, tồn vong, hưng phế. Nay công bố rộng trong thiên hạ, khiến cho mọi người khi xây nhà, đều nên mở cổng tại hướng Thiên Ất, Diên Niên, Sinh Khí, mà tránh xa hướng Ngũ Quỷ, Lục Sát, Hoạ Hại, Tuyệt Mệnh. Các sao xấu Liêm Trinh, Phá Quân, Lộc Tồn, Văn Khúc, những hướng đó nên làm thấp, nhỏ, khuyết lõm. Nhận rõ các sao tốt Vũ Khúc, Cự Môn, Tham Lang, nơi đó nên làm cao to, chính vị. Hiểu rõ điều này, có thể biến nhà xấu thành nhà tốt. Nên mới nói sửa một cổng tốt hơn sửa một nhà. Đây quả thực là một báu vật dùng trong xây dựng, đặt cổng.

Căn cứ vào "*Du niên ca*" để xác định các phương vị tốt xấu:

Càn Lục Thiên Ngũ Hoạ Tuyệt Diên Sinh;

Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Hoạ Lục;

Cấn Lục Tuyệt Hoạ Sinh Diên Thiên Ngũ;

Chấn Diên Sinh Hoạ Tuyệt Ngũ Thiên Lục;

Tốn Thiên Ngũ Lục Hoạ Sinh Tuyệt Diên;

Ly Lục Ngũ Tuyệt Diên Hoạ Sinh Thiên;

Khôn Thiên Diên Tuyệt Sinh Hoạ Ngũ Lục;

Đoài Sinh Hoạ Diên Tuyệt Lục Ngũ Thiên.

Tại những phương vị tốt nên đặt cổng chính, nên cao rộng. Những phương vị xấu nên thấp, nhỏ, khuyết lõm, không nên trở cổng. Khiến cho người học nhận biết được rõ ràng, tác dụng to lớn, khiến việc xây dựng không mắc phải sai lầm.

Chữ thứ nhất (Càn, Khảm, Cấn...) là Phục Vị, chỉ về hướng cổng chính.

Lục là Lục Sát, ứng với sao Văn Khúc trên trời, ngũ hành thuộc Thủy, phương này không nên trở cổng, nên thất vị, thấp, nhỏ.

Thiên là Thiên Ất, là sao Cự Môn, thuộc dương Thổ, là tốt thứ nhì, phương này nên xây dựng cao lớn đắc vị, trở cổng sẽ cát lợi.

Ngũ là Ngũ Quỷ, là sao Liêm Trinh, thuộc Hoả, đại hung, phương này không nên trở cống, nên thất vị, thấp, nhỏ.

Hoạ là Hoạ Hại, là sao Lộc Tồn, thuộc âm Thổ, đại hung, phương này không nên trở cống, nên thất vị, thấp, nhỏ.

Tuyệt là Tuyệt Mệnh, là sao Phá Quân, thuộc âm Kim, đại hung, phương này không nên trở cống, nên thất vị, thấp, nhỏ.

Diên là Diên Niên, là sao Vũ Khúc, thuộc dương Kim, là tốt thứ ba, phương này đắc vị nên xây cao lớn, trở cống sẽ cát lợi.

Sinh là Sinh Khí, là sao Tham Lang, thuộc dương Mộc, là tốt thứ nhất, phương này nên xây cao lớn đắc vị, trở cống sẽ cát lợi.

Hai sao Tả Phụ, Hữu Bật tùy theo bản mệnh mà biến hoá, đều thuộc âm Mộc, đại hung.

THẤT TINH ĐỊNH VỊ TƯƠNG SINH

Cự Môn sinh Vũ Khúc, Vũ Khúc sinh Văn Khúc, Văn Khúc sinh Tham Lang, Tham Lang sinh Liêm Trinh, Liêm Trinh sinh Lộc Tồn, Lộc Tồn sinh Phá Quân, Phá Quân sinh Văn Khúc, Văn Khúc lại sinh Liêm Trinh, cứ như vậy trở đi trở lại, sinh sinh vô cùng. Gặp hướng cát tinh nên làm cao lớn đắc vị, sẽ được cát lợi; Nếu hướng hung tinh mà làm cao lớn, sẽ là hung hại, không hề sai lệch. Cự Môn không sinh Phá Quân, Liêm Trinh không sinh Cự Môn, Văn Khúc không sinh Phụ Bật, Phụ Bật vô sinh.

NGŨ HÀNH SINH HOÁ

Kim sinh Thuỷ, Thuỷ sinh Mộc, Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim.

Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thuỷ, Thuỷ khắc Hoả, Hoả khắc Kim.

Giáp Kỷ hoá Thổ; Ất Canh hoá Kim; Bính, Tân hoá Thuỷ; Đinh Nhâm hoá Mộc; Mậu, Quý hoá Hoả.

Khi xem nhà, xem mộ, định cát hung, đoán lành dữ, tuy có các số Bát quái, Cửu cung, thất sát, cửu tinh cùng hai mươi tư sơn, nhưng về cơ bản vẫn căn cứ vào quy luật sinh hóa của ngũ hành mà định ra.

BÀI CA QUYẾT VỀ SỰ BIẾN HOÁ CỦA THẤT TINH

Phiên âm:

*Thất tinh biến hoá hữu căn nhân;
Kim Mộc Thuỷ Hoả Thổ trung tâm;
Thấu triệt ngũ hành sinh khắc lý;
Gia gia hào tượng đắc quân bình.*

Dịch nghĩa:

Bảy sao biến hoá có nguồn căn;
Kim Mộc Thuỷ Hoả Thổ xoay vần;
Ngũ hành sinh khắc nếu hiểu rõ;
Nhà nhà hào tượng được cân bằng.

THUỘC TÍNH NGŨ HÀNH CỦA CỬU TINH

Tám phương tuy chia thành hai mươi tư sơn, nhưng xét về thuộc tính, vẫn được bắt nguồn từ Bát quái. Bởi vậy trong xem hướng nhà, chỉ định ra phép "Đại bát môn" (tám hướng cổng chính). Còn tính hướng cổng theo hai mươi tư sơn là sai lầm.

Phép biến hoá: Sinh Khí Tham Lang Mộc; Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hoả; Thiên Ất Cự Môn Thổ; Diên Niên Vũ Khúc Kim; Lục Sát Văn Khúc Thuỷ; Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim; Họa Hại Lộc Tồn Thổ; Phụ Bật đều thuộc Mộc. Bản cung tức Phục Vị; Phân chia thành động tĩnh, chính duy.

Càn là cha, Khôn là mẹ, Chấn lần đầu được con trai, nên gọi là trưởng nam (con trai trưởng); Khảm lần hai được con trai, nên gọi là trung nam (con trai thứ); Cấn lần ba được con trai, nên gọi là thiếu nam (con trai út). Tốn lần đầu được con gái, nên gọi là trưởng nữ (con trai cả); Ly lần thứ hai được con gái, nên gọi là trung nữ (con gái thứ); Đoài lần thứ ba được con gái, nên gọi là thiếu nữ (con gái út).

ĐỒ HÌNH HAI MƯƠI TƯ SƠN

Tuất Hợi thuộc Càn nguyên;
Nhâm Quý thuộc Khảm nguyên;
Sửu Dần thuộc Cấn nguyên;
Giáp Ất thuộc Chấn nguyên;
Thìn Tỵ thuộc Tốn nguyên;
Bính Đinh thuộc Ly nguyên;
Mùi Thân thuộc Khôn nguyên;
Canh Tân thuộc Đoài nguyên.

HOÀNG THẠCH CÔNG TRÚC TIẾT PHÚ

(trích)

Phiên âm:

*Chấn dương nhất trạch tu phối Tốn;
Khảm trạch tu phối Ly gia hương;
Càn trạch tu phối Khôn gia chủ;
Cấn trạch tu phối Đoài gia trang.
Càn Đoài phối thành Chấn Tốn quái;
Trường nam trường nữ định tao ương.
Chấn Tốn phối thành Khôn Cấn quái;
Thiếu nam lão mẫu tại gia tang.
Khôn Cấn trang thành Khảm tam dương;
Trung nam tuyệt diệt bát hoàn hương.
Trung nam hợp thành Ly gia Hoả;
Phụ phụ tiên cát hậu hoàn thương.
Trung nữ hợp thành Thiên Trạch Lý;
Lão phu thiếu nữ kiến tang vong.*

Kiến kỳ niên hạn tinh nguyệt hạn;
 Càn Đoài Dậu Thân khắc Mộc phương.
 Chấn Tốn vượng tướng Dần Mão Mộc;
 Khắc Tý Khôn gia thiếu tử vong.
 Khôn Cấn tử quý thương trung tử;
 Khảm nhược khắc Hoả Tý Hợi đương.
 Ly gia Ty Ngọ thuận Kim phá;
 Niên hạn luân lưu kiến tổn thương.
 Thả thuyết dương âm bất tử pháp;
 Thời sư thiết yếu tế thôi tường;
 Dương đa định nhiên thương phụ nữ;
 Âm đa hậu thứ tổn nhi lang;
 Âm dương phối hợp gia phú quý;
 Bất tu quảng lăm loạn quai trường.

Dịch thơ, giải thích:

BÀI PHÚ ĐỐT TRE CỦA HOÀNG THẠCH CÔNG

Trạch Chấn là dương nên phối Tốn;
 Trạch Khảm nên cùng Ly kết đôi;
 Trạch Càn nên phối cùng Khôn mệnh;
 Trạch Cấn nên tìm chủ mệnh Đoài.

Bốn câu trên đây căn cứ vào tính chất của Bát quái để tìm ra hướng Diên Niên cát lợi. Bốn hướng Diên Niên trên đây (Chấn phối Tốn, Khảm phối Ly, Càn phối Khôn, Cấn phối Đoài) là đạo vợ chồng, là yếu quyết trong xây dựng nhà ở.

Càn Đoài phối cùng quẻ Chấn Tốn;
 Trường nam trường nữ gặp tại ương.

Càn Đoài thuộc Kim, Chấn Tốn thuộc Mộc, Kim khắc Mộc. Lại thêm Càn gặp Chấn là Ngũ Quỷ Liêm Trinh, gặp Tốn là Hoả Hại Lộc Tồn, hai sao này đều hung. Đoài gặp Chấn là Tuyệt Mệnh Phá Quân, gặp Tốn là Lục Sát Văn Khúc, hai sao

này đều hung. Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ, bị khắc chế, lại gặp hung tinh, nên vào năm, tháng Kim hội cục, tai hoạ sẽ đến với trưởng nam, trưởng nữ.

Chấn Tốn phối hợp quẻ Khôn Cấn;

Mẹ già, trai út phải tang vong.

Chấn Tốn thuộc Mộc, Khôn Cấn thuộc Thổ, Mộc khắc Thổ. Chấn gặp Khôn là Hoạ Hại Lộc Tồn, gặp Cấn là Lục Sát Văn Khúc, đều hung. Tốn gặp Khôn là Ngũ Quỷ Liêm Trinh, gặp Cấn là Tuyệt Mệnh Phá Quân, đều hung. Khôn là mẹ, Cấn là thiếu nam, bị khắc chế, lại gặp hung tinh, vào năm, tháng hội cục sẽ tổn thương đến mẹ và con trai út.

Khôn Cấn sắp đôi cùng quẻ Khảm,

Trung nam tuyệt diệt chẳng hồi hương.

Khôn, Cấn thuộc Thổ, Khảm thuộc Thuỷ, Thổ thuộc Thuỷ. Khôn gặp Khảm là Tuyệt Mệnh Phá Quân, gặp Cấn là Ngũ Quỷ Liêm Trinh, đều hung. Khảm là trung nam, bị khắc chế, lại gặp hung tinh, vào năm, tháng hội cục, trung nam sẽ bị tổn hại đến sinh mệnh.

Trung nam hợp với quẻ Ly Hoả;

Vợ chồng trước lợi sau tổn thương

Khảm là trung nam thuộc Thuỷ, Ly là trung nữ thuộc Hoả, là hai quẻ vợ chồng. Tuy phối hợp với nhau được Diên Niên, nhưng vì Hoả khắc Thuỷ, nên vợ chồng trước thì cát lợi, sau vẫn bị thương tổn.

Trung nữ hợp thành quẻ Thiên Trạch

Bố cùng gái út gặp thương vong.

Ly là trung nữ thuộc Hoả, thiên là trời, tức quẻ Càn Kim; trạch là đầm, tức quẻ Đoài Kim, Hoả khắc Kim. Ly gặp Càn là Tuyệt Mệnh Phá Quân, gặp Đoài là Ngũ Quỷ, đều là hung tinh. Càn là cha, Đoài là con gái út, bị khắc chế, lại gặp hung tinh, vào năm tháng hội cục, cha và con gái út sẽ bị tổn hại đến tính mạng.

Gặp phải năm hạn cùng tháng hạn;

Càn, Đoài, Thân, Dậu khắc Mộc phương.

Khi trở cổng, nếu cổng đặt đúng hướng xấu, phòng ở đặt ở phương khắc, quẻ và thể tổn hại lẫn nhau, cổng và phòng ở khắc lẫn nhau mà sinh hung, hung phát vào năm, tháng, ngày hạn. Như phương Chấn Tốn thuộc Mộc, nếu gặp hung tinh, sẽ chịu tai hoạ từ Càn Đoài Kim, hung hại sẽ phát vào năm, tháng Thân, Dậu.

Chấn Tốn vượng tướng Dần Mão Mộc;

Khắc Tý Khôn trai út tử vong.

Chấn Tồn vượng tướng tại phương Dần, Mão Mộc, Cấn Khôn Thổ sẽ bị khắc bởi Chấn, Tồn Mộc, hung hại phát vào năm, tháng, ngày Dần, Thân. Khôn là Thổ, con trai út tức Cấn Thổ.

Khôn Cấn tứ quý hại trai thứ;

Khảm như khắc Hoả Tý Hợi thương.

Khôn Cấn thuộc Thổ, Thổ vượng vào tứ quý, tứ quý tức Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Tý là Khảm, Khôn Cấn Thổ khắc Khảm Thuỷ, hung hại sẽ phát tác vào ngày, tháng, năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Còn Ly Hoả nếu bị Khảm Thuỷ khắc, thì hung hại sẽ phát tác vào ngày, tháng, năm Tý, Hợi.

Thuần Kim tối kỵ Ly Ty Ngọ;

Năm hạn luân lưu gặp tổn thương.

Ly là Hoả, Càn Đoài là thuần Kim, lại là phương sao xấu. Nếu Ly Hoả khắc thuần Kim, hung hại sẽ phát tác vào ngày, tháng, năm Ty, Ngọ Hoả. Nếu năm hạn luân lưu là Kim, lại khắc tiếp với Mộc, chắc sẽ tổn hại đến nhân khẩu, tài sản.

Lại xem âm dương không cân xứng;

Làm thầy phải biết tính kỹ càng;

Dương nhiều ắt hại đến người nữ;

Âm nhiều người nam sẽ tổn thương;

Âm dương cân xứng nhà phú quý;

Không nên gây loạn hoạ khôn lường.

Thiên về dương sẽ tổn hại đến người nữ, nặng về âm sẽ thương tổn đến người nam. Nhà cửa phải đạt đến mức độ âm dương cân bằng mới có thể trở nên phú quý.

PHƯƠNG PHÁP TƯỚNG TRẠCH

Nhà ở trong thiên hạ, tuy nhiều đến vô vàn, nếu như nhà ở được định tướng, tuy nhiều cũng có thể coi như một. Là thế nào?

Nhà ở của người ta, không thể không có cổng. Cổng được hợp tốt, không thể không có hướng. Đã có phương hướng, sẽ định ra phương vị quẻ, xem cổng nhà thuộc về quẻ nào, sau đó tìm trong bài ca quyết "*Đại du niên*" đến quẻ này, dùng cổng để đối chiếu với nhà ở. Nếu tại phương cát tinh mà phòng ốc cao lớn, là được cát lợi. Gặp phương hung tinh mà xây dựng cao lớn, là hung.

Lại xem cát tinh có đặc đặc vị hay không, nếu đặc vị là tốt. Tham Lang gặp Khảm, gặp Chấn, gặp Tốn; Cự Môn gặp Ly, gặp Khôn, gặp Cấn; Vũ Khúc gặp Khôn, gặp Cấn, gặp Càn, gặp Đoài, như vậy là đặc vị thượng cát, chắc chắn sẽ con cháu đầy đàn, phú quý dài lâu. Nếu Tham Lang gặp Ly; Cự Môn gặp Càn, gặp Đoài; Vũ Khúc gặp Khảm, là tiết khí, trung cát, chủ con cháu khá đủ đầy, giàu có trung bình. Nếu Tham Lang gặp Khôn, gặp Cấn; Cự Môn gặp Khảm; Vũ Khúc gặp Chấn, gặp Tốn, là khắc hạ, thứ cát, tuy cũng vượng về người, phát về của, nhưng rồi cũng suy tàn. Còn thuận lợi không được lâu dài là vì không đặc vị, đó là Tham Lang gặp Càn, gặp Đoài; Cự Môn gặp Chấn, gặp Tốn; Vũ Khúc gặp Kim, là cát tinh bị khắc, là thất vị, chủ về nhân đình hao tổn, tài sản lụn bại, mọi sự đều không thuận lợi. Nên mới nói rằng:

Cát tinh thụ khắc phản vi hung;

Quân tử đạo tiêu tiểu nhân thông.

Tái giả hung tinh cao kỷ bội;

Trạch khí tận thời tai mãn môn.

(Cát tinh bị khắc lại hoá hung;

Đạo quân tử diệt tiểu nhân thông;

Lại thêm hung tinh cao gấp mấy;

Trạch khí hết rồi hoá chất chồng.)

Lại nói rằng: Có tĩnh trạch và động trạch, tĩnh trạch không sinh, động trạch chủ sinh, vậy nên nhà ở, được phân chia thành động tĩnh. Vậy thế nào là tĩnh trạch? Ví dụ nhà mở cổng hướng Khảm, Ly, Chấn, Đoài mà chỉ có một viện, không có hai, ba dãy phòng song song, gọi là chính tĩnh trạch. Khi xem xét phương vị, chỉ cần căn cứ theo phương pháp sắp xếp cố định (theo "*Du niên ca*"), không cần phải dùng phép Xảo phiên Bát quái. Nên mới nói "tĩnh trạch không sinh". Thế nào là động trạch? Ví dụ nhà mở cổng hướng Khảm, Ly, Chấn, Đoài (tứ chính), mà phòng

ốc lóp lóp, có đến ba, bốn, năm, sáu dãy phòng song song, khí động sẽ sinh, như vậy là chính động trạch.

Nguyên tắc xác định du tinh như sau: Tứ chính động trạch cần dùng phép Xảo phiên Bát quái. Giả sử như xây một ngôi nhà toạ bắc hướng nam, xây ba dãy nhà song song, cổng chính mở ở chính nam, tức phương Ly. Sử dụng "*Đại du niên ca*", câu "Ly Lục Ngũ Tuyệt Diên Hoà Thiên Sinh" đếm cho đến cổng Khảm Diên Niên thì dừng lại. Tại phương vị Khảm Diên Niên, lại sử dụng "*Đại du niên ca*", câu "Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Hoà Lục", đếm cho đến Ly, cũng là Diên Niên. Lật một lần như vậy, tức phép Xảo phiên Bát quái đã định. Cổng phương Ly là Diên Niên Vũ Khúc Kim tinh, Kim sinh ra dãy nhà thứ hai, là Văn Khúc Thuỷ; Thuỷ sinh ra dãy nhà thứ ba, là Tham Lang Mộc. Nên mới nói: động trạch chủ sinh. Ba chính động trạch còn lại là Khảm Chấn Đoài cũng tương tự như vậy.

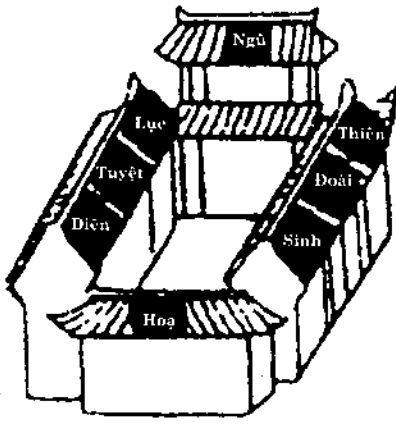
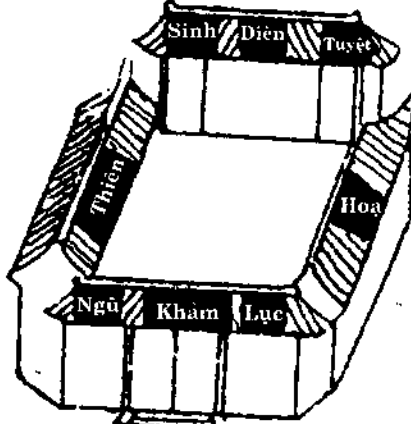
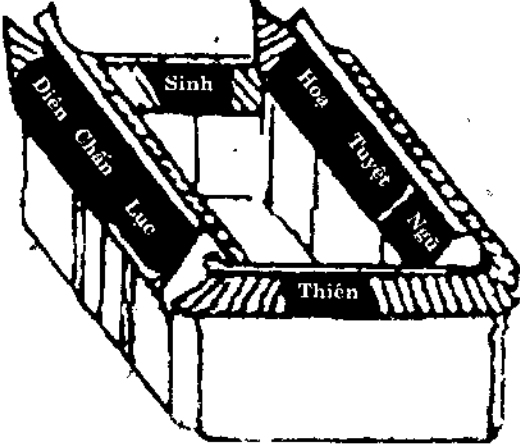
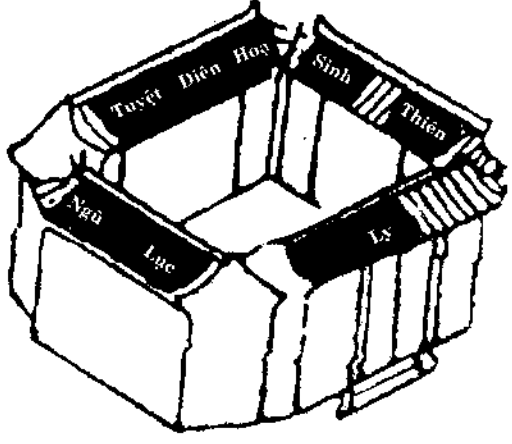
Nếu mở cổng tại Càn, Cấn, Tốn, Khôn (tứ duy), mà chỉ có một viện, gọi là tứ duy tĩn trạch, căn cứ vào phương pháp sắp xếp cố định (theo "*Du niên ca*"), tuyệt đối không được sử dụng phương pháp tương sinh liên tục. Nên mới nói: "Tĩn trạch không sinh".

Thế nào là tứ duy động trạch? Tức nhà mở cổng tại tứ duy Càn, Cấn, Tốn, Khôn, mà phòng ốc lóp lóp, có đến ba, bốn dãy nhà song song, khí động sẽ sinh, như vậy gọi là tứ duy động trạch. Giả sử có một căn nhà toạ bắc hướng nam, xây bốn dãy nhà song song, mở cổng hướng đông nam Tốn, nên sử dụng "*Đại du niên ca*" câu "Tốn Thiên Ngũ Lục Hoà Sinh Tuyệt Diên", đếm đến phương vị phòng Ly, chính là phương Thiên Ất Cự Môn Thổ tinh, sinh dãy nhà thứ hai là Vũ Khúc Kim tinh; Kim sinh dãy nhà thứ ba là Văn Khúc Thuỷ tinh; Thuỷ sinh dãy nhà thứ tư là Tham Lang Mộc tinh. Nên viết: động trạch chủ sinh. Ba duy Càn, Khôn, Cấn cũng tương tự như vậy.

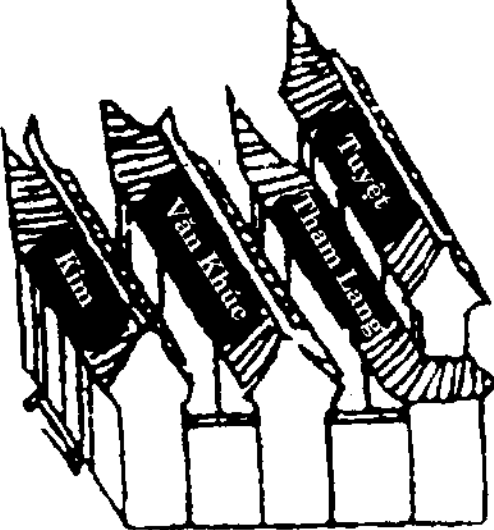
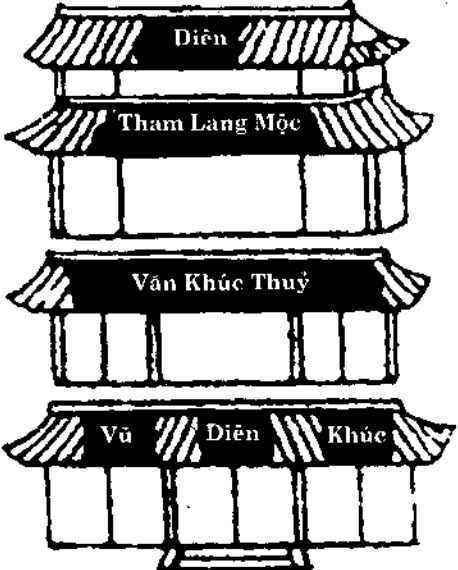
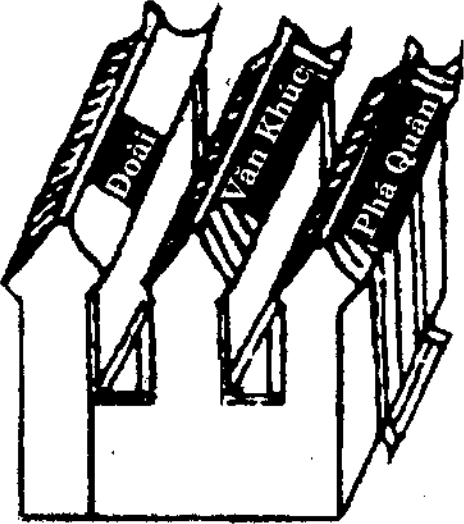
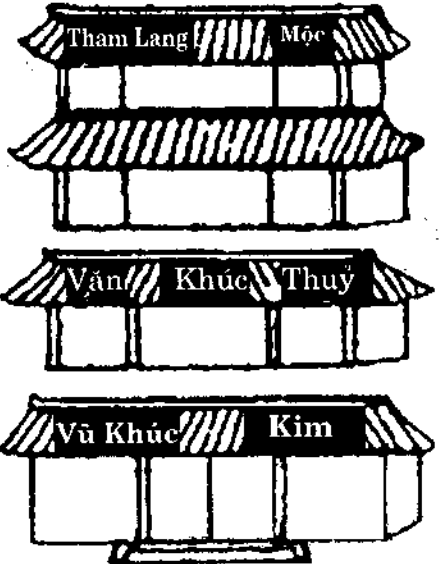
ĐỒ HÌNH BÁT MÔN ĐỘNG TỈNH TRẠCH

Bát môn tướng trạch bao gồm: tứ chính tỉnh trạch, tứ duy tỉnh trạch, tứ chính động trạch, tứ duy động trạch, như những đồ hình sau đây:

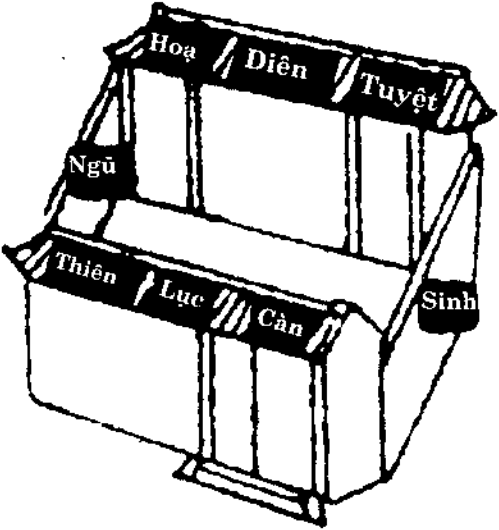
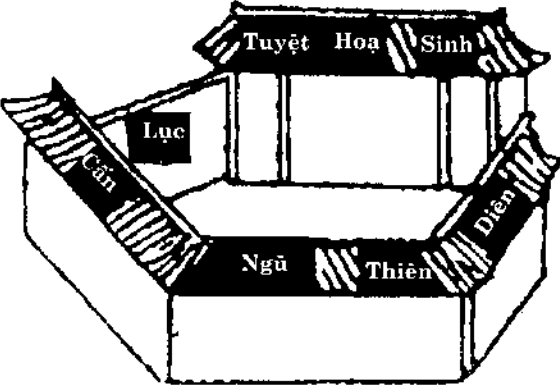
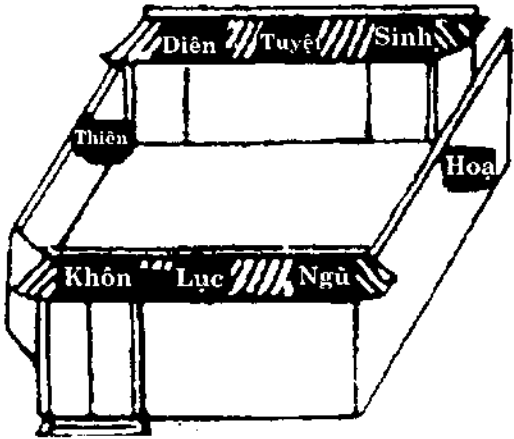
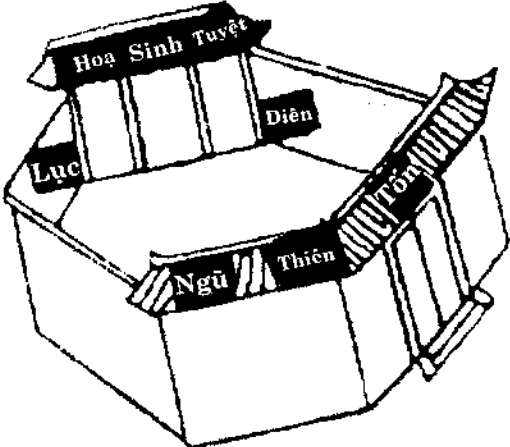
TỨ CHÍNH TỈNH TRẠCH

Tứ chính tỉnh trạch cổng Đoài	Tứ chính tỉnh trạch cổng Khảm
Nhà tọa đông hướng tây mở cổng Đoài Dùng "Du niên ca" câu "Đoài Sinh Hoa Diên Tuyệt Ngũ Lục Thiên"	Nhà tọa nam hướng bắc mở cổng Khảm Dùng "Du niên ca" câu "Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Hoa Lục"
	
Tứ chính tỉnh trạch cổng Chấn	Tứ chính tỉnh trạch cổng Ly
Nhà tọa tây hướng đông mở cổng Chấn Dùng "Du niên ca" câu "Chấn Diên Sinh Hoa Tuyệt Ngũ Thiên Lục"	Nhà tọa bắc hướng nam mở cổng Ly Dùng "Du niên ca" câu "Ly Lục Ngũ Tuyệt Diên Hoa Sinh Thiên"
	

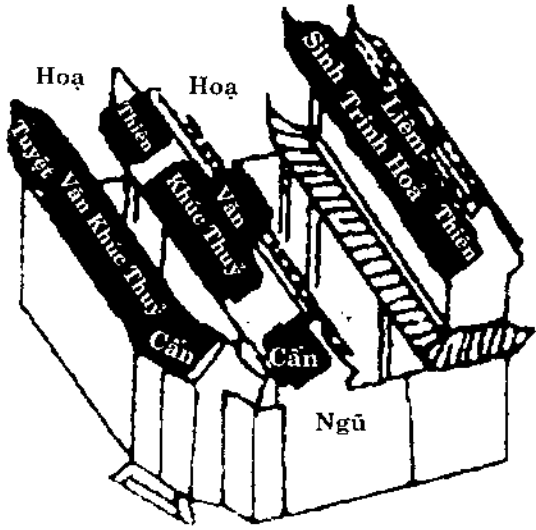
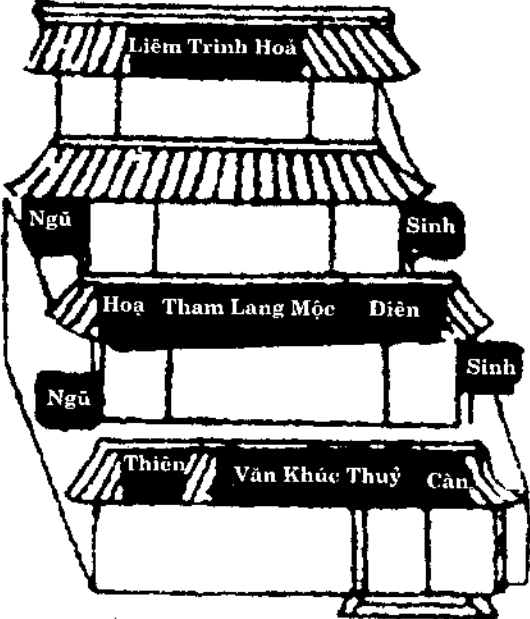
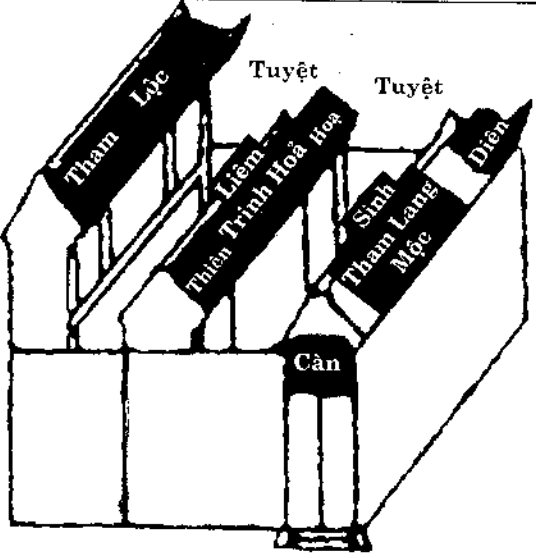
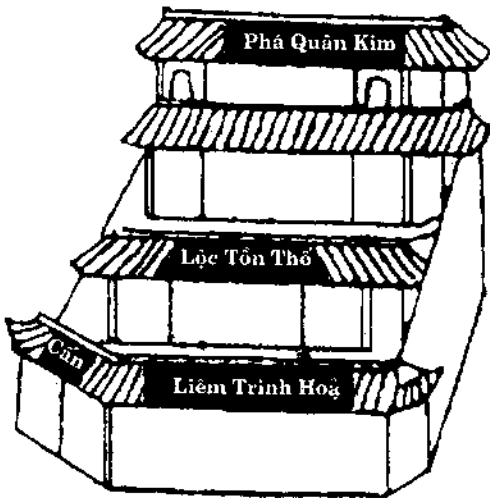
TỬ CHÍNH ĐỘNG TRẠCH

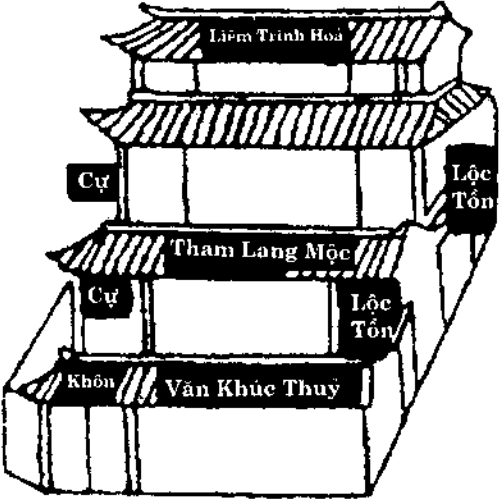
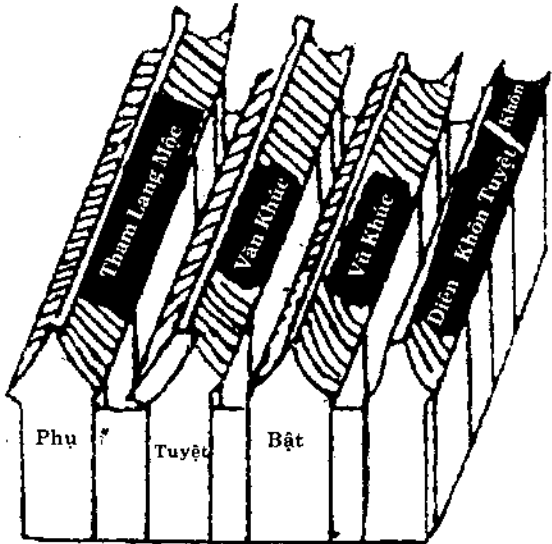
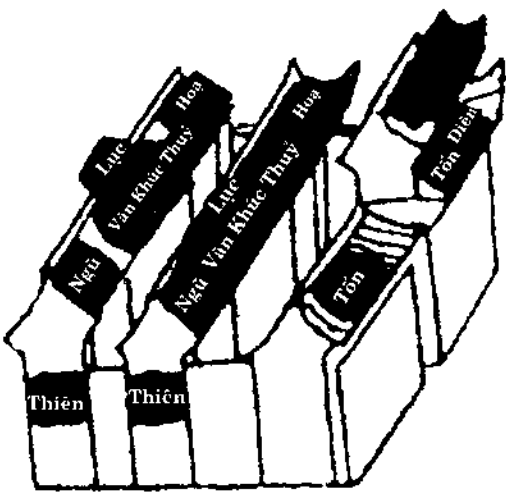
Tứ chính động trạch cổng Chấn	Tứ chính động trạch cổng Khảm
Nhà toạ tây hướng đông mở cổng Chấn Dùng phép Xảo phiên Bát quái tương sinh	Nhà toạ nam hướng bắc mở cổng Khảm Dùng phép Xảo phiên Bát quái tương sinh
	
Tứ chính động trạch cổng Đoài	Tứ chính động trạch cổng Ly
Nhà toạ đông hướng tây mở cổng Đoài Dùng phép Xảo phiên Bát quái tương sinh	Nhà toạ bắc hướng nam mở cổng Ly Dùng phép Xảo phiên Bát quái tương sinh
	

TỨ DUY TỈNH TRẠCH

Tứ duy tỉnh trạch cổng Càn	Tứ duy tỉnh trạch cổng Cấn
Nhà toạ nam hướng bắc mở cổng Càn Dùng "Du niên ca" câu "Càn Lục Thiên Ngũ Hoà Tuyệt Diên Sinh"	Nhà toạ nam hướng bắc mở cổng Cấn Dùng "Du niên ca" câu "Cấn Lục Tuyệt Hoa Sinh Diên Thiên Ngũ"
	
Tứ duy tỉnh trạch cổng Khôn	Tứ duy tỉnh trạch cổng Tốn
Nhà toạ bắc hướng nam mở cổng Khôn Dùng "Du niên ca" câu "Khôn Thiên Diên Tuyệt Sinh Hoà Ngũ Lục"	Nhà toạ bắc hướng nam mở cổng Tốn Dùng "Du niên ca" câu "Tốn Thiên Ngũ Lục Hoà Sinh Tuyệt Diên"
	

TỬ DUY ĐỘNG TRẠCH

Tử duy động trạch cổng Cấn Nhà toạ tây hướng đông mở cổng Cấn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục	Tử duy động trạch cổng Cấn Nhà toạ nam hướng bắc mở cổng Cấn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục
	
Tử duy động trạch cổng Cấn Nhà toạ đông hướng tây mở cổng Cấn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục	Tử duy động trạch cổng Cấn Nhà toạ nam hướng bắc mở cổng Cấn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục
	

Tứ duy động trạch cổng Khôn	Tứ duy động trạch cổng Tốn
Nhà toạ bắc hướng nam mở cổng Khôn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục	Nhà toạ bắc hướng nam mở cổng Tốn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục
	
Tứ duy động trạch cổng Khôn	Tứ duy động trạch cổng Tốn
Nhà toạ đông hướng tây mở cổng Khôn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục	Nhà toạ tây hướng đông mở cổng Tốn Nối liền các điểm chính giữa là tương sinh liên tục
	

TỔNG QUÁT VỀ DƯƠNG TRẠCH

Muốn biết sự hưng suy của nhà cửa, cần phải tìm hiểu về Đông trạch, Tây trạch. Cổng làm về hướng Càn, Khôn, Cấn, Tốn, gọi là tứ duy; Nhà quay về hướng Chấn, Đoài, Khảm, Ly, gọi là tứ chính.

Càn là hướng tây bắc, Khôn là hướng tây nam, Cấn nằm đông bắc, Đoài nằm chính tây, đó là Tây tứ trạch. Chấn là hướng chính đông, Tốn là hướng đông nam, Ly nằm chính nam, Khảm nằm chính bắc, đó là Đông tứ trạch. Thường Đông tứ trạch không mở cổng hướng Tây tứ; Tây tứ trạch không mở cổng hướng Đông tứ, là vì lẽ đó. Tứ duy, tứ chính, xem xét kỹ can chi, sẽ hiểu rõ các đồ hình dưới đây.

Tứ duy bao hàm cái ý tương sinh liên tục, mở cổng tại các hướng Càn, Khôn, Cấn, Tốn là gọi là cổng tứ duy. Nếu mở cổng tứ duy, bắt đầu khởi "*Du niên ca*" từ cổng chính, đếm xuôi chiều đến chính giữa của dãy phòng thứ nhất, xem được sao nào, rồi tra xem ngũ hành của sao đó. Sau đó, tính theo quan hệ tương sinh, dãy phòng thứ nhất sinh ra dãy phòng thứ hai; dãy phòng thứ hai sinh ra dãy phòng thứ ba, căn cứ vào quan hệ ngũ hành tương sinh giữa các dãy phòng để tính toán, gọi là tương sinh liên tục. Tiếp đó, xem các nhà cao thuộc về sao nào, thì sẽ biết sự cát hung của nhà ở, đó chính là phương pháp tính toán cát hung cho nhà ở.

Về tứ chính, có phép tính Xảo phiên Bát quái: mở cổng tại các hướng Chấn, Đoài, Khảm, Ly gọi là cổng tứ chính. Phàm là cổng tứ chính, cần khởi "*Du niên ca*" từ căn phòng chính cao lớn nằm tại toạ phương, đếm xuôi đến cổng chính, xem cổng chính được sao nào. Đó chính là phép Xảo phiên Bát quái. Tiếp theo, tra xem ngũ hành của sao đó, rồi bắt đầu tính từ dãy phòng thứ nhất có đặt cổng, tính theo phương pháp ngũ hành tương sinh liên tục, xem các phòng cao lớn thuộc sao nào, có quan hệ lành dữ ra sao với nhà ở. Có thể tham khảo các hình vẽ ở phần trước.

Với tĩnh trạch, cần phải tính toán sự xung khắc giữa cổng và nhà, nhận rõ phương vị các sao. Động trạch cần tìm hiểu rõ sự hợp, kỵ giữa cung và sao, xem xét vị trí bay đến của các sao.

Thường nhà có một, hai dãy phòng là tĩnh trạch; Có ba, bốn đến năm, sáu, bảy, tám dãy phòng là động trạch. Động trạch lại chia làm tứ duy động trạch, tính theo phương pháp tương sinh liên tục; tứ chính động trạch, tính theo phép Xảo phiên Bát quái. Nên mới nói, động sẽ sinh. Tĩnh trạch, bất luận là tứ duy hay tứ chính, đều đếm lần lượt từ cổng chính, nơi hưng thịnh mà xây dựng cao lớn, sẽ gặp bại hoại. Cát tĩnh cũng không nên tương khắc với cung (phương vị cửu cung bát quái).

Nên mới nói: Nhận rõ phương vị các sao, quan sát vị trí bay đến của các sao, xem là hợp hay kỵ, để tính toán mức độ cát hung.

Diên Niên Vũ Khúc Kim, nằm ở phía tây thì cát lợi. Thiên Ất Cự Môn Thổ, nằm ở phía đông sẽ hung hại. Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hoả, kỵ Khảm, Càn, Đoài. Phương Cấn kỵ Lục Sát. Văn Khúc gặp Khôn, Cấn, Đoài, Ly đều không cát lợi. Vũ Khúc, Phá Quân gặp Chấn, Tốn, Ly kết oan gia. Tham Lang gặp Khôn, Cấn, Trung cung thành thù địch.

Diên Niên tức Vũ Khúc thuộc Kim; Thiên Ất tức Cự Môn thuộc Thổ; Ngũ Quỷ tức Liêm Trinh thuộc Hoả; Lục Sát tức Văn Khúc thuộc Thuỷ; Tuyệt Mệnh tức Phá Quân thuộc Kim; Sinh Khí tức Tham Lang thuộc Mộc; Hoạ Hại tức Lộc Tồn thuộc Thổ, đó chính là thuộc tính ngũ hành của các sao. Càn Đoài thuộc Kim, Chấn Tốn thuộc Mộc, Cấn Khôn và Trung cung thuộc Thổ, Ly nam thuộc Hoả, Khảm bắc thuộc Thuỷ, đó chính là thuộc tính ngũ hành của Bát quái. Diên Niên Kim nằm ở phương Dậu Kim, tức sao và cung đắc vị, sẽ là cát lợi. Thiên Ất Thổ, nằm ở phía đông tức Chấn Mộc, tức cung khắc sao, sẽ bất lợi. Các sao Ngũ Quỷ, Lục Sát cũng loại suy từ đó.

Tương sinh là thịnh, tương khắc là suy. Luận về cao thấp, khắc là hung, sinh hợp là cát. Kích thước lớn nhỏ cũng tương tự như vậy.

Theo như phần trên đã nói, xét về lẽ sinh khắc của các sao, phạm khi xem xét nhà ở, đầu tiên phải xem cổng mở về hướng nào, sau đó xác định là cổng tứ duy hay tứ chính, kết cấu nhà thuộc động trạch hay tĩnh trạch. Xem phòng chính nào cao lớn, thì lấy phòng đó làm phương vị đặt sao. Nếu cung sinh ra sao, là cát lợi; Nếu cung và sao khắc nhau, là hung; Nếu sao sinh ra cung, là tiết khí; Nếu sao và cung cùng một hành, là hoà hợp (tỷ hoà). Cổng và cung cũng nên tương sinh hoặc tỷ hoà, không nên khắc, tiết.

Càn là cha, Khôn là mẹ, Chấn là trưởng nam, Khảm là thứ nam. Ly Tốn là con gái cũng là con dâu, Cấn Đoài là con gái, cùng là con trai.

Càn nằm tại tây bắc, thuộc Kim, là quẻ dương già, nên mới nói Càn là cha. Khôn nằm tại tây nam thuộc Thổ, là quẻ âm già, nên mới nói Khôn là mẹ. Chấn nằm tại chính đông, thuộc dương Mộc, là quẻ trưởng nam; Tốn nằm tại đông nam thuộc âm Mộc, là quẻ trưởng nữ. Khảm nằm ở chính bắc thuộc dương Thuỷ, là quẻ trung nam; Ly nằm ở chính nam thuộc âm Hoả, là quẻ trung nữ. Cấn nằm đông bắc thuộc Thổ, là quẻ thiếu dương, là thiếu nam; Đoài nằm chính tây thuộc Kim, là quẻ thiếu âm, là thiếu nữ. Ngũ hành của quẻ chính là ngũ hành của đạo trời. Quan hệ cha con trong các quẻ chính là quan hệ cha con của nhân luân. Người học hiểu rõ điều này, sau đó sẽ biết được lẽ hưng suy.

Quý vào cửa sấm, con trai Huệ Vương chết ở nước Tề. Liêm ở nhà trời, cha Ngũ Tử Tư chịu hình tại Sở.

Quý tức Ngũ Quý Liêm Trinh, là hung tinh. Nếu như nhà mệnh Chấn (Chấn tức sấm) mở cổng Càn, thì nhà bị cổng khắc. Từ cổng Càn khởi "Đại du niên ca", thì Ngũ Quý rơi vào phòng phương Chấn. Càn Kim Chấn Mộc, Chấn bị Càn khắc, chủ về tổn hại đến con trai trưởng. Như con trai của Lương Huệ Vương phải bỏ mạng ở nước Tề, chính vì nguyên do này. Nếu mở cổng Chấn, mà phương Càn lại xây nhà cao, đếm từ cổng Cấn, thì Ngũ Quý Liêm Trinh rơi vào cung Càn. Liêm Trinh thuộc Hoả, Hoả khắc Càn Kim, chủ về tổn thương đến cha. Xưa cha của Tướng quốc Ngũ Tử Tư bị Sở vương giết chết, cũng vì lẽ đó.

Cam La nhà sớm phát; Gặp Cấn Đoài Diên Niên.

Lã Vọng phải muộn màng; Gặp Càn Khôn Vũ Khúc.

Càn, Đoài là thiếu dương, thiếu âm. Càn, Khôn, là lão dương, lão âm. Diên Niên, Vũ Khúc đều thuộc Kim, Kim gặp Càn Đoài sẽ vượng, gặp Khôn Cấn sẽ sinh. Sao bay đến cung sinh vượng, sao và cung hoà được hoà hợp. Cấn, Đoài là dương trẻ, âm trẻ, chủ về sớm vượng phát; Càn và Khôn là dương già, âm già, chủ về vượng phát muộn. Đó chính là lý do tạo nên sự khác biệt giữa Cam La và Lã Vọng.

Cam La là người Hạ Sái nước Sở thời Chiến Quốc, từ nhỏ đã thông minh kiệt xuất, là một chính trị gia trẻ tuổi nổi tiếng. Lã Vọng tuổi tác đã cao, mới bỏ triều Thương ra đi, sau phò tá Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương lật đổ nhà Thương, lập nên nhà Chu.

Hương dụng tinh thấp trệ, sẽ nghèo khổ như Nguyên Hiên, Kiêm Lâu; Hương cát tinh cao lớn, sẽ giàu có như Đào Chu, Y Đốn.

Dụng tinh cũng là cát tinh, tức Diên Niên, Sinh Khí, Thiên Ất. Phương cát tinh nếu làm thấp nhỏ, hoặc tại phương vị đặt sao, sao sinh ra cung, thành ra tiết khí, chủ về bản hàn. Phương vị cát tinh nếu xây cao lớn, mà tại phương vị đặt sao, cung sinh ra sao, gọi là cao cường, chủ về phú quý. Nguyên Hiên, Kiêm Lâu là những người hiền nhưng suốt đời thanh bản. Đào Chu tức Phạm Lãi, là nhà buôn giàu có. Y Đốn sống cùng thời với Đào Chu Công, được Đào Chu Công chỉ điểm cho làm ăn trở nên giàu có.

Tử Hạ khóc con mà mù mắt, do Chấn Khảm Cấn bị tổn thương; Trang Sinh vợ chết gò chậu hát, bởi Đoài Tốn Ly bị khinh nhờn.

Chấn là trưởng nam, Khảm là trung nam, Cấn là thiếu nam, ba cung này nếu bị khắc, sẽ chủ về khắc con trai. Đoài là thiếu nữ, Tốn là trưởng nữ, Ly là trung nữ, ba cung này nếu bị khắc, chủ về tổn thương đến phụ nữ.

Rắn kinh giấc mộng, đều là nhà Đoài cổng Càn; Sư tử Hà Đông, chỉ vì Ly cao Khảm thấp.

Nhà Đoài làm cổng Càn, nhà Càn làm cổng Đoài, tức dương già cùng âm trẻ, chủ về sinh nhiều con gái. "Rắn kinh giấc mộng", tức mơ thấy rắn, nghĩa là điềm sinh con gái, lấy điển từ "*Kinh Thi*". Khảm, Ly tức quẻ vợ chồng, nếu nhà phương Ly cao mà nhà phương Khảm thấp, tức dương bị âm khinh nhờn, chủ về sợ vợ. Sư tử Hà Đông là lời chế nhạo của Tô Đông Pha đối với bà vợ dữ dằn của Trần Tạo.

Hoả phạm cung Càn, Dạng Đế giết cha mà tự lập. Kim vào nhà sấm, Dịch Nha giết con để nịnh vua.

Nhà mệnh Ly mở cổng Càn, nhà mệnh Càn mở cổng Ly, hoặc bị sao Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hoả bay đến cung Càn, đều là Hoả phạm Càn. Càn là quẻ cha, nếu bị khắc, sẽ sinh ra con ngỗ nghịch bất hiếu, như Tuỳ Dạng Đế giết cha. Nhà mệnh Càn mở cổng Chấn, hoặc Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim rơi vào cung Chấn, Chấn tức sấm, nên như vậy là "Kim vào nhà sấm", tức Chấn bị Càn khắc, chủ về con trai bị cha ghét bỏ. Hoả phạm Càn, Kim phạm Chấn, đều là cha con sát hại lẫn nhau, dẫn đến tuyệt tự.

Phụ Bát nhập cung Càn, Hạng Vũ bắt cha của Bái Công; Phụ Bát nhập Cấn Đoài, Quách thị diệt dòng dõi Giả Tương.

Hai sao Tả Phụ, Hữu Bát đều thuộc Mộc, Cấn, Khôn thuộc Thổ, Càn Đoài thuộc Kim. Mộc vào cung Khôn, Cấn, tức sao khắc cung; Mộc vào cung Càn, Đoài, tức cung khắc sao. Càn, Khôn là cha mẹ; Cấn, Đoài là con cháu, nên chủ về cha con thù địch, hoặc gặp vợ hung dữ mà tuyệt tự. Hạng Vũ cùng Lưu Bang tranh bá, bắt cha của Lưu Bang doạ làm thịt, tuy trước đó đã cùng Lưu Bang kết huynh đệ. Quách Thị là vợ Giả Lư, do ghen bóng gió nên giết chết nhũ mẫu, khiến con trai nhỏ không ăn sữa người khác mà chết, sau họ Giả thành ra tuyệt tự.

Tiểu Súc cùng Cấu, phòng khuê gặp nhục Tân Đài; Đại Quá cùng Khuê, con gái nhìn trộm Hàn Thọ.

Nhà Tốn mở cổng Càn hợp thành quẻ Phong Thiêu. Tiểu Súc; Nhà Càn mở cổng Tốn hợp thành quẻ Thiên Phong Cấu; Nhà Đoài mở cổng Tốn hợp thành quẻ Trạch Phong Đại Quá; Nhà Ly mở cổng Đoài hợp thành quẻ Hoả Trạch Khuê. Phạm phải những trường hợp đó, chủ về trong nhà có chuyện dâm loạn, con gái lăng lơ.

Mối nhục Tân Đài: Vệ Tuyên Công bản tính dâm đảng, chiếm vợ của con trai, giữ tại Tân Đài. Hàn Thọ là một anh chàng đẹp trai làm thuộc hạ của Giả Sung. Con gái Giả Sung thích Hàn Thọ, ngầm tư thông với anh ta

Chấn nhập Cấn, anh em tranh chấp trong nhà; Cấn nhập Càn, vui vầy con hiền thặng chức.

Chấn là anh, Cấn là em, Chấn nhập Cấn tức nhà Chấn cổng Cấn, nhà Cấn cổng Chấn, tức anh chèn ép em, chị em dâu xung khắc. Cấn là con, Càn là cha, Cấn nhập Càn, thì Càn được Cấn sinh, là diêm cha sống thọ, con vinh hiển.

Lộc Tôn Phá Quân được thế, Triều Thố tự chuốc tai ương; Diên Niên Thiên Ất hợp cùng, Bình Tân nhận về phúc lớn.

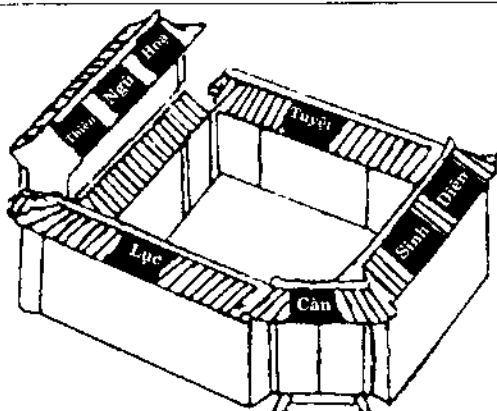
Lộc Tôn tức Hoạ Hại, thuộc Thổ; Phá Quân tức Tuyệt Mệnh, thuộc Kim, đều là sao dữ. Nếu hung tinh lại gặp phải cung hợp, nghĩa là đắc thế, sẽ có tai hoạ khó lường, như Triều Thố thời Hán khuyên vua diệt Ngô, Sở mà bị giết. Diên Niên là Vũ Khúc Kim tinh, Thiên Ất tức Cự Môn Thổ tinh, đều là sao lành. Sao lành gặp phải cung hợp, là đắc thế, sẽ gặp giàu có bất ngờ. Như Công Tôn Hoảng từ phạm áo vải một bước lên công hầu.

Cái lẽ cát hung đã rõ ràng, thêm vào mấy lời bàn thiển lậu, để tạm cùng hiểu. Lại thêm tranh minh hoạ rõ ràng, kèm vào ở phần sau.

"*Dương trạch bát môn bí chỉ*" của Hoàng Thạch Công, ta khảo cứu kỹ càng, lấy Bát quái làm chủ, Cửu tinh là khách. Hai thứ ấy hoà hợp là cát, không hoà hợp là hung. An sao sắp quẻ, đều có quy luật, vẽ thành đồ hình bát môn cát hung, để cho mọi người đều biết rõ chỗ hợp chỗ kỵ, đạt được phúc thọ vô cùng.

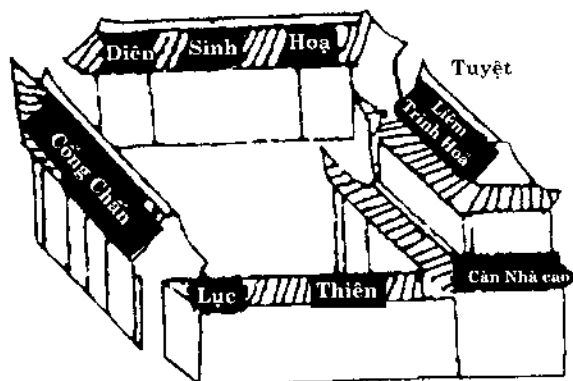
TÁM BỐ CỤC NHÀ Ở NÊN TRÁNH

Quỹ nhập lôi môn (Quỹ vào cửa sấm)



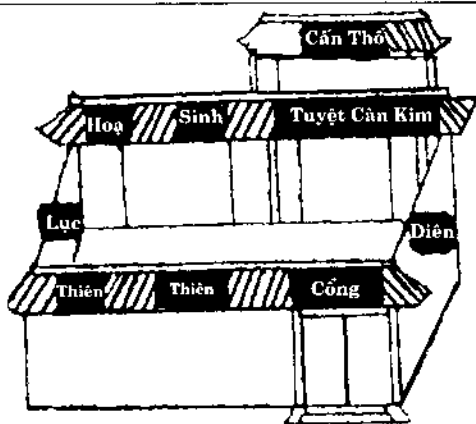
Hình vẽ là căn nhà có bố cục tĩnh trạch, tọa đông hướng tây, mở cửa Càn, phương Chấn đặt phòng chính, khởi "Du niên ca" từ cổng Càn, đếm đến Chấn là hung tinh Ngũ Quỷ, như vậy là "Quỹ vào cửa sấm". Hành Kim của cổng Càn khắc hành Mộc của phòng Chấn, chủ tổn hại con trai cả.

Liêm cư thiên phủ (Liêm ở nhà trời)



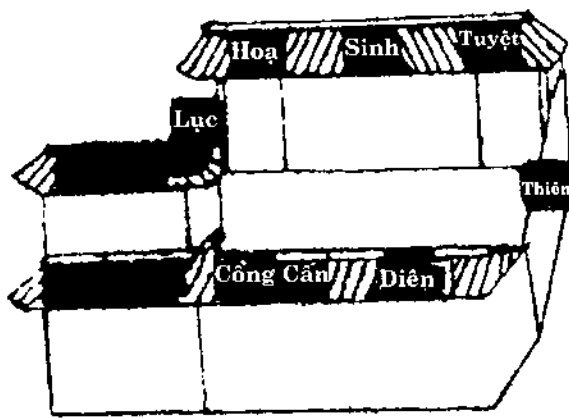
Hình vẽ là căn nhà tọa nam hướng bắc mở cửa Chấn, dựng nhà cao ở phương Càn tây bắc. Khởi "Du niên ca" từ cổng Chấn, đến phương Càn là hung tinh Ngũ Quỷ Hoả, Hoả khắc hành Kim của cung Càn, Kim Càn tượng trưng cho cha, nên đây là tượng cha bị xung khắc, chủ về tổn hại đến cha.

Tổn khắc cung Cấn



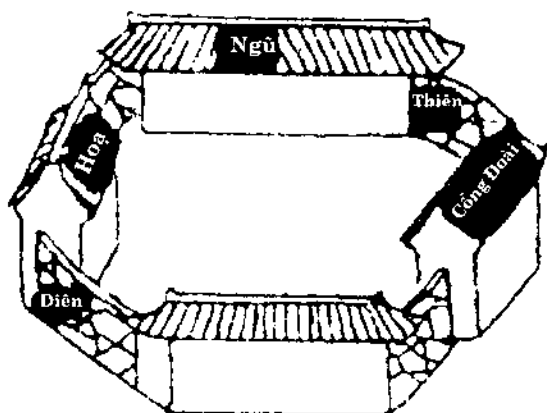
Hình vẽ là căn nhà tọa Khảm hướng Ly mở cổng Tổn, tại phương vị Cấn xây phòng cao. Bắt đầu khởi "Đại Du niên ca" từ cổng Tổn, đếm đến Cấn là hung tinh Tuyệt Mệnh Phá Quân. Lại thêm hành Mộc của cổng Tổn khắc Cấn Thổ, chủ về chị em gái, chị dâu em chồng bất hoà, tổn thương đến con trai út.

Cổng Tổn khắc Khôn



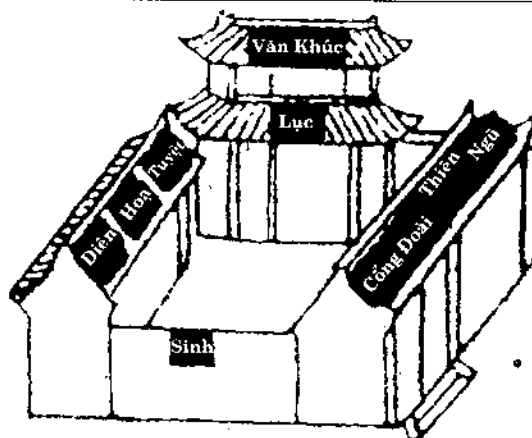
Hình vẽ là căn nhà tọa Khảm hướng Ly mở cổng phương Tổn, tại phương Khôn xây phòng cao, hoặc đặt phòng chính, Khôn là phương vị hung tinh Ngũ Quỷ, lại thêm hành Mộc của cổng Tổn khắc hành Thổ của cung Khôn, Khôn là tượng mẹ, nên chủ về khắc mẹ, lại chủ về con gái cả ngõ ngược.

Kim vào nhà sấm



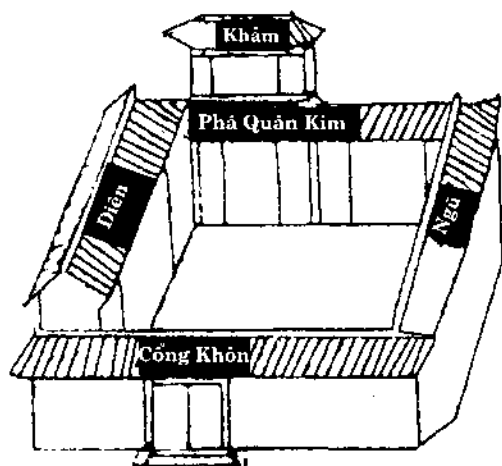
Hình vẽ là căn nhà tọa nam hướng bắc mở cổng hướng Đoài, tại phương Chấn dựng phòng cao. Bắt đầu từ cổng Đoài khởi "*Đại Du niên ca*", đếm đến phương Chấn là hung tinh Phá Quân Kim. Chấn là tượng trưởng nam, bị hành của cổng và sao khắc, nên chủ về em gái chèn ép anh, tổn thương đến con trai trưởng.

Đoài khắc cung Tốn



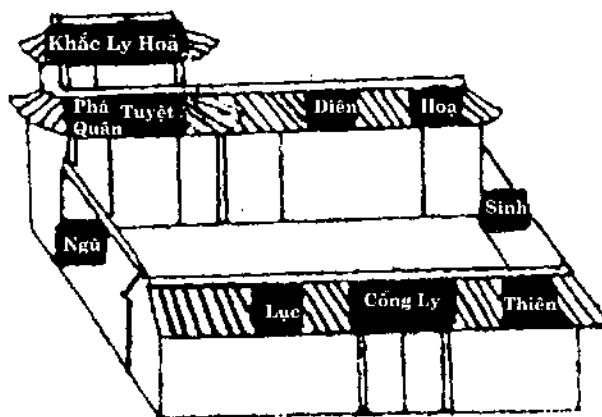
Hình vẽ là nhà mệnh Cấn hướng Khôn mở cổng Đoài, tại phương Tốn dựng phòng cao. Bắt đầu từ cổng Đoài khởi "*Đại Du niên ca*", đếm đến phòng Tốn là hung tinh Lục Sát Vân Khúc. Lại thêm mệnh Thổ của cổng Cấn khắc mệnh Mộc của cung Tốn, Tốn là tượng trưởng nữ, nên chủ về tổn thương đến con gái cả, con dâu cả.

Khôn khắc cung Khảm

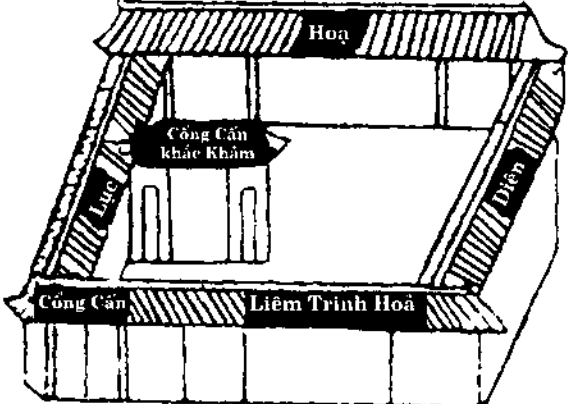
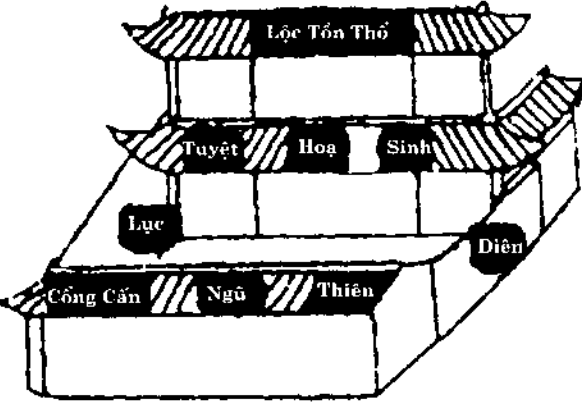
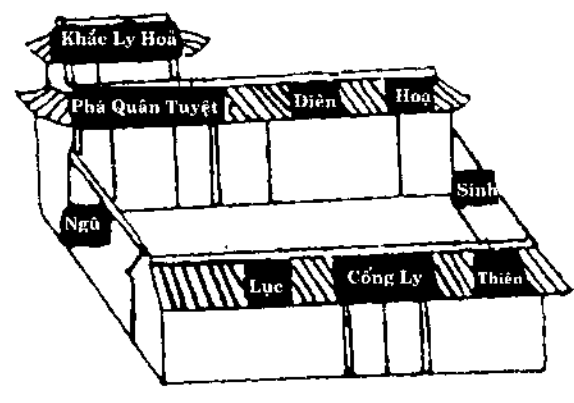
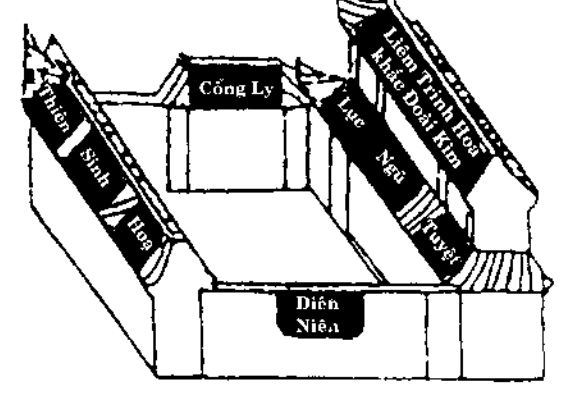


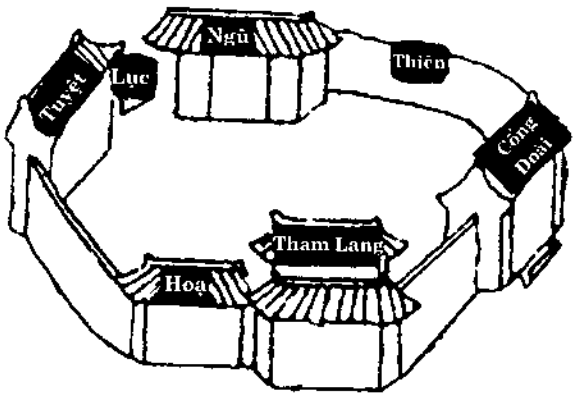
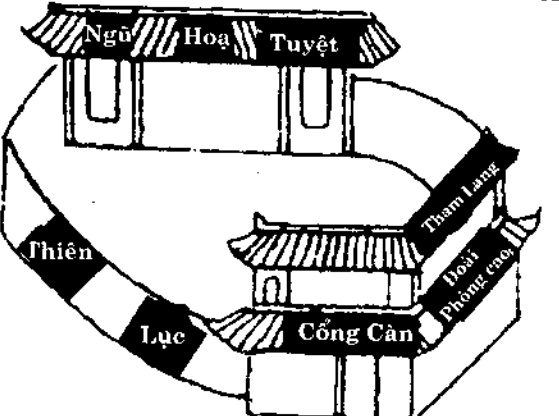
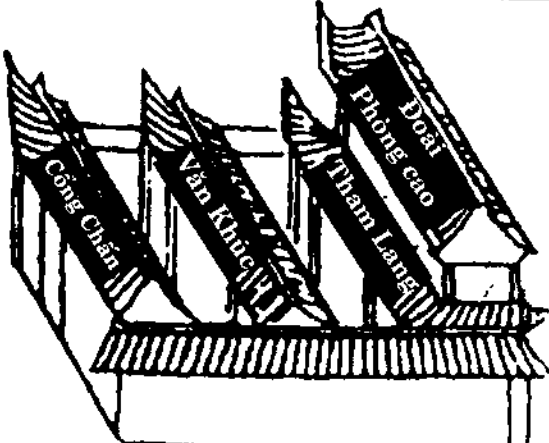
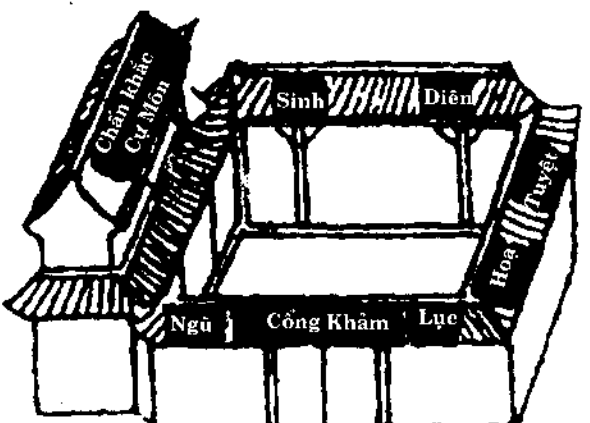
Hình vẽ là nhà mệnh Cấn hướng Khôn mở cổng Khôn, tại phương Khảm chính bắc xây nhà cao. Bắt đầu từ cổng Khôn khởi "*Du niên ca*", đến phòng Khảm là hung tinh Phá Quân. Hành Thổ của cổng Khôn khắc hành Thủy của cung Khảm, Khảm là tượng cho trung nam, nên chủ về khắc con trai thứ.

Hoả phạm cung Càn

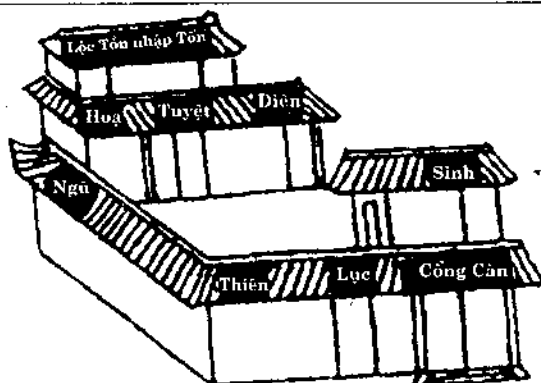


Hình vẽ là nhà tọa Khảm hướng Ly mở cổng Ly, từ cổng Ly khởi "*Đại Du niên ca*", đến căn phòng cao ở phương Càn là hung tinh Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim, lại thêm hành Hoả của cổng Ly khắc hành Kim của cung Càn, Càn là cha, nên chủ về khắc cha, hoặc bị con gái thứ, con dâu thứ phá hoại gia đình.

Cung, sao tương khắc	Lộc Tồn đắc thế
	
Hình vẽ là căn nhà mệnh Khảm mở cổng Cấn, từ cổng Cấn khởi "Đại du niên ca" đếm đến phương Khảm là hung tinh Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hoả, bị hành Thủy của cung Khảm khắc. Lại thêm hành Thổ của cổng Cấn khắc hành Thủy của cung Khảm. Khảm là trung nam, Cấn là thiếu nam, cung và sao xung khắc lẫn nhau, chủ về tuyệt tự.	Hình vẽ là căn nhà mệnh Ly mở cổng Cấn, từ cổng Cấn khởi "Đại du niên ca", đến phòng phương Ly là hung tinh Hoả Hại Lộc Tồn. Lộc Tồn Thổ nhập cung Ly Hoả, Thổ được Hoả sinh, tức hung tinh được thêm quyền thế, chủ về gặp tai hoạ và bị đàn bà làm rối loạn gia phong.
Tốn khắc cung Cấn	Ly khắc cung Đoài
	
Hình vẽ là căn nhà mệnh Cấn, mở cổng Tốn. Từ cổng Tốn khởi "Đại du niên ca", đến Cấn là hung tinh Tuyết Mệnh Phá Quân Kim. Lại thêm hành Mộc của cổng Tốn khắc hành Thổ của cung Cấn, Cấn là thiếu nam, Tốn là trưởng nữ, nên chủ về chị dâu hiếp đáp em chồng, cô hại cháu trai, nên tuyệt tự. Lại chủ về sinh ra người diên khùng.	Hình vẽ là căn nhà mệnh Đoài mở cổng phương Ly, từ cổng Ly khởi "Đại du niên ca", đến phòng phương Đoài là hung tinh Liêm Trinh Hoả, Đoài lại là thiếu nữ, thuộc Kim; Đoài là mệnh, Kim là phối, Kim bị Hoả khắc, chủ về các chứng ho, lao, bệnh về máu, tổn thương đến con gái út, con dâu út.

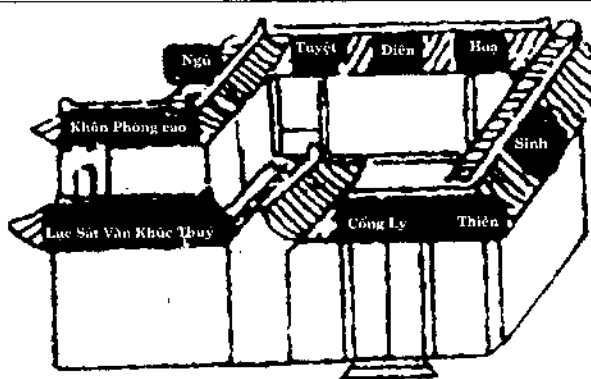
Tham Lang nhập Càn	Tham Lang nhập Đoài
	
Hình vẽ là nhà mệnh Càn mở cổng Đoài, bắt đầu từ cổng Đoài khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đến Càn là sao lành Sinh Khí Tham Lang Mộc, hành Mộc của sao bị hành Kim của cung Đoài khắc, như vậy là sao lành thất vị. Càn là cha, số của Mộc là 3, số của Kim là 4, nên chủ về tổn thương đến cha và con trai thứ ba, thứ tư.	Hình vẽ là căn nhà mệnh Tốn mở cổng Càn, ở phương Đoài xây phòng cao. Bắt đầu từ cổng Càn khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đến Đoài là sao lành Tham Lang Mộc, bị Đoài Kim khắc; Cung Tốn Mộc lại bị cổng Càn Kim khắc. Càn là cha chồng, Tốn là con dâu, chủ về việc phòng khuê dâm loạn và tổn thương đến con gái.
Tứ chính Xảo phiên (Tứ chính động trạch dùng Xảo phiên Bát quái)	Cự Môn nhập Chấn
	
Hình vẽ là nhà toạ Đoài mở cổng Chấn, gồm ba dãy phòng, nên là tứ chính động trạch. Từ toạ cung là cung Đoài khởi "<i>Đại du niên ca</i>", Xảo phiên đến Chấn gặp Phá Quân Kim; Kim sinh ra dãy nhà thứ hai, là Văn Khúc Thủy; Thủy sinh ra dãy nhà thứ ba, là Tham Lang Mộc, nên vẫn là Tham Lang nhập Đoài.	Hình vẽ là căn nhà cổng Khâm, tại phương Chấn có phòng cao. Bắt đầu từ cổng Khâm khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đến phòng cao phương Chấn là sao lành Thiên át Cự Môn Thổ, là Cự Môn nhập cung Chấn. Cự Môn Thổ bị Chấn Mộc khắc, chủ về phá sản, sạt nghiệp, tổn thương đến nam giới.

Lộc Tồn nhập Tồn



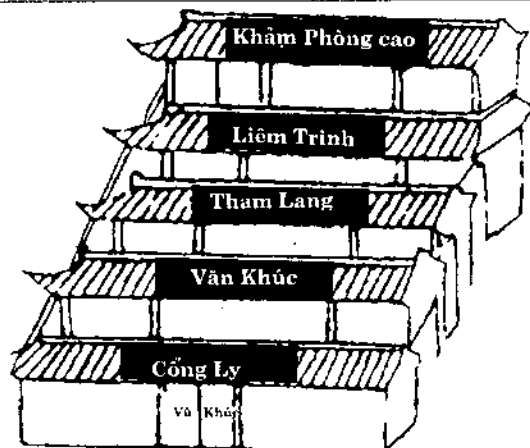
Hình vẽ là căn nhà mở cổng Càn, tại phương Tồn có phòng cao. Bắt đầu từ cổng Càn khởi "*Đại du niên ca*", đến phòng cao phương Tồn gặp hung tinh Họa Hại Lộc Tồn Thổ, Thổ bị hành Mộc của cung Tồn khắc, chủ về tổn thương đến phụ nữ, trong nhà có chuyện xấu truyền ra ngoài.

Lục Sát nhập Khôn



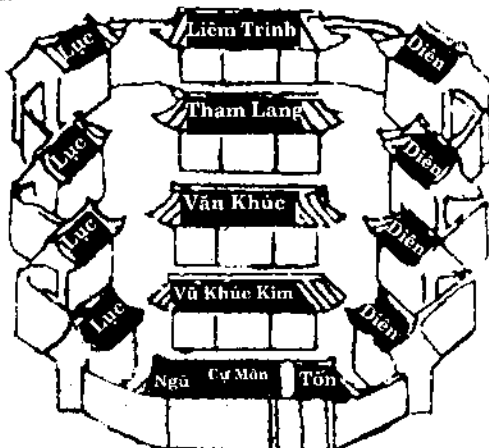
Hình vẽ là căn nhà mệnh Khảm mở cổng Ly, ở phương Khôn có phòng cao. Từ cổng Ly khởi "*Đại du niên ca*" đến cung Khôn gặp hung tinh Lục Sát Văn Khúc Thuỷ, Thuỷ bị hành Thổ của cung Khôn khắc, chủ về thương tổn đến phụ nữ, gia súc, lại chủ về mẹ già nhiều bệnh tật.

Tứ chính Xảo phiên (Tứ chính động trạch dùng phép Xảo phiên Bát quái)

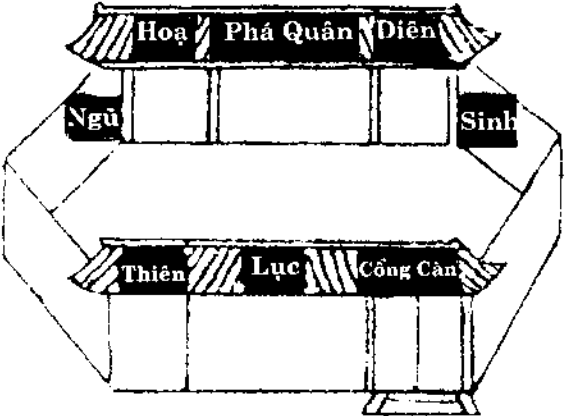
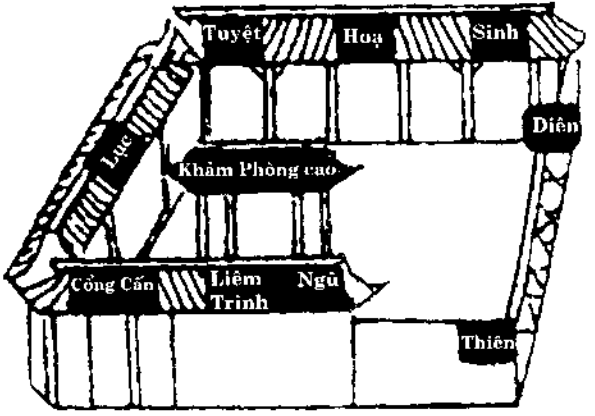
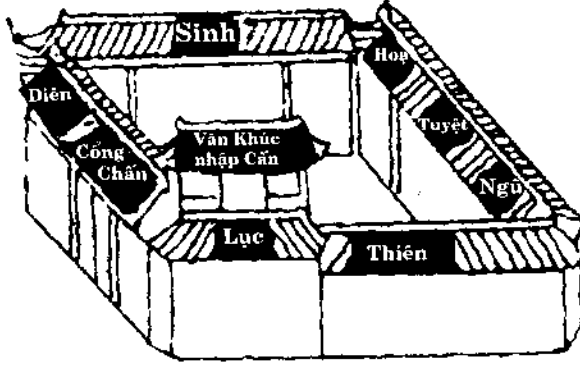
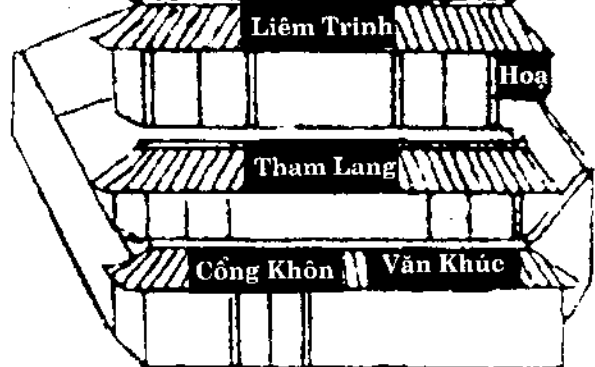


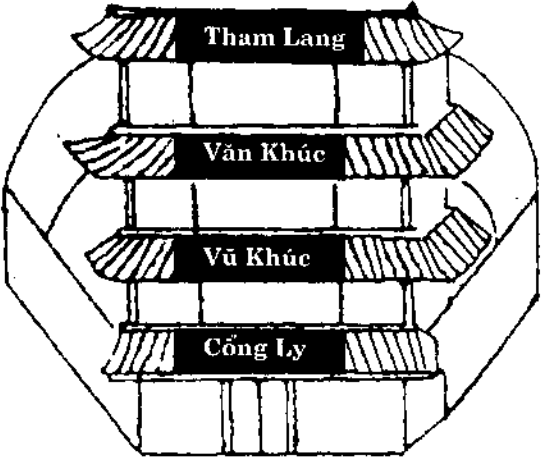
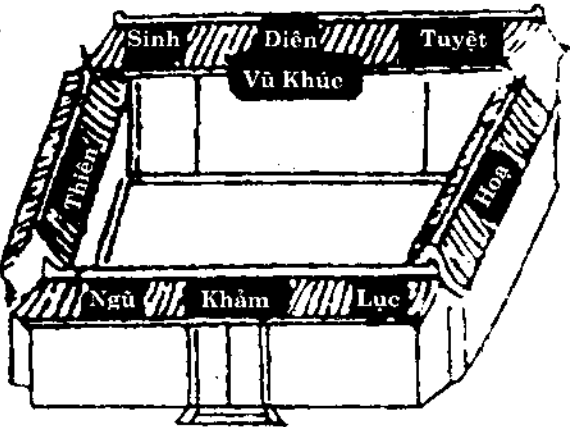
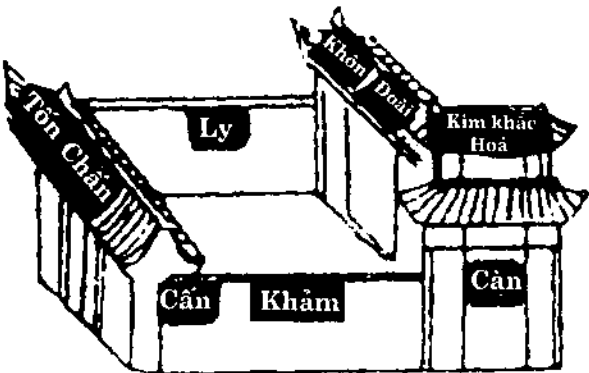
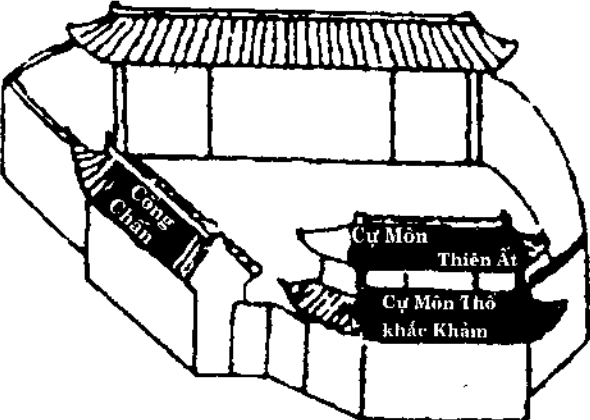
Hình vẽ là nhà tọa Khảm hướng Ly mở cổng Ly, gồm bốn dãy phòng, nên là Tứ chính động trạch. Động sẽ sinh, nên áp dụng phép Xảo phiên Bát quái. Bắt đầu từ phòng cao phương Khảm khởi "*Du niên ca*", đếm đến cổng Ly gặp Diên Niên Vũ Khúc Kim tinh. Kim sinh dãy phòng thứ hai là Vân Khúc Thuỷ tinh; Thuỷ sinh dãy phòng thứ ba là Tham Lang Mộc tinh; Mộc sinh dãy phòng thứ tư tại tọa Khảm là Liêm Trinh Hoả tinh. Đây cũng là cục diện "Liêm Trinh nhập Khảm".

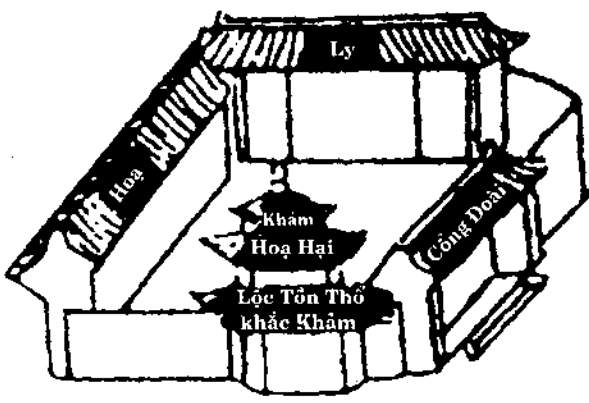
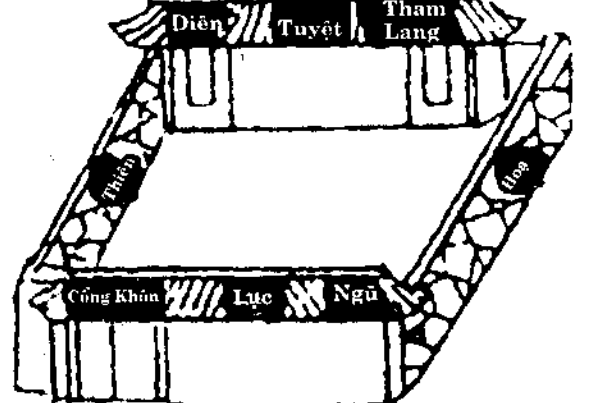
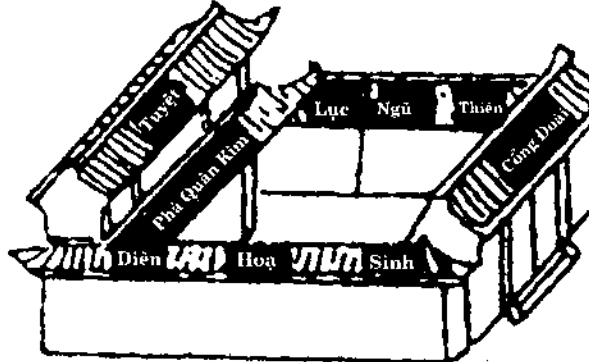
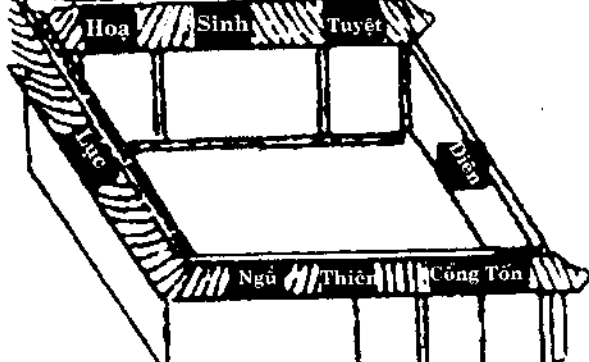
Tứ duy liên tục (Tứ duy động trạch dùng phép tương sinh liên tục)



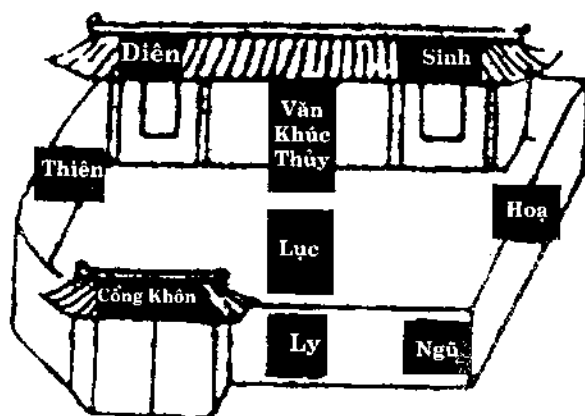
Hình vẽ là căn nhà mệnh Khảm hướng Nam mở cổng Tồn, có năm dãy phòng, nên thuộc Tứ duy động trạch. Động trạch có sinh, nên dùng phép tương sinh liên tục, từ cổng Tồn khởi "*Du niên ca*", đếm đến cung Ly, gặp Cự Môn Thổ tinh. Thổ tinh sinh dãy phòng thứ hai là Vũ Khúc Kim tinh; Kim tinh sinh dãy phòng thứ ba là Vân Khúc Thuỷ tinh; Thuỷ tinh sinh dãy phòng thứ tư là Tham Lang Mộc tinh; Mộc tinh sinh dãy phòng thứ năm tại phương Khảm là Liêm Trinh Hoả tinh.

Phá Quân nhập Ly 	Liên Trinh nhập Khảm 
Hình vẽ là nhà mệnh Ly mở cổng Cấn, từ cổng Cấn khởi "<i>Đại du niên ca</i>" đến cung Ly gặp hung tinh Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim, cung và cửa khác nhau (Ly Hoả khác Cấn Kim), chủ về gặp trộm cướp, nhiều đời theo nghiệp binh đao, lại chủ về chó, ngựa tổn hại đến người, con gái con dâu bất hiếu	Hình vẽ là nhà mở cổng Cấn, phương Khảm có phòng cao. Từ cổng Cấn khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đến cung Khảm gặp hung tinh Ngũ Quỷ, sao bị cung khác (Khảm Thuỷ khác Liêm Trinh Hoả), cung bị cổng khác (Cấn Thổ khác Khảm Thuỷ); Cung Khảm thuộc Thuỷ, gặp Ngũ Quỷ, chủ về gặp thủy tai, lưu lạc, sinh con diên khùng.
Văn Khúc nhập Cấn 	Tứ duy tiếp tục (Tứ duy động trạch dùng phép tương sinh liên tục) 
Hình vẽ là căn nhà mở cổng Chấn, tại phương Cấn có phòng cao. Bắt đầu từ cung Cấn khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đến cung Cấn gặp hung tinh Lục Sát Văn Khúc Thuỷ, hành Thuỷ của sao bị hành Thổ của cung Cấn khác, chủ anh em thù hận, tổn hại đến người nhỏ tuổi, tuyệt tự.	Hình vẽ là nhà mệnh Khảm hướng nam, mở cổng Khôn, gồm ba dãy phòng, đây là Tứ duy động trạch, nên sử dụng phương pháp tương sinh liên tục, khởi "<i>Du niên ca</i>" từ cổng Khôn, đến Ly gặp Văn Khúc Thuỷ; Thuỷ sinh dãy phòng thứ hai là Tham Lang Mộc; Mộc sinh dãy phòng thứ ba là Liên Trinh Hoả.

Ly cao Khảm thấp	Vũ Khúc nhập Ly
	
Hình vẽ là căn nhà tọa Khảm cổng Ly, nhà Khảm thấp, cổng Ly cao, gồm ba dãy phòng, thuộc Tứ chính động trạch. Khởi "Đại du niên ca" từ tọa Khảm, Xảo phiên đến cổng Ly, gặp cát tinh Diên Niên Vũ Khúc Kim, Kim bị Ly Hoả khắc, chủ khắc chồng, vợ hung dữ không nghe lời.	Hình vẽ là căn nhà tọa nam hướng bắc mở cổng phương Khảm, từ cổng Khảm khởi "Đại du niên ca", đến phòng phương Khảm gặp cát tinh Vũ Khúc Kim, tuy sao Kim bị cung Ly Hoả khắc, nhưng không ảnh hưởng đến cát tinh Diên Niên. Thế nhưng cũng khiến vợ chồng thường xuyên bất hoà.
Liên cư thiên phủ (Liên ở nhà trời)	Cự Môn nhập Khảm
	
Bố cục này đã được trình bày ở phần trước, nhưng chỉ nói rằng nhà làm cổng Chấn mà phương Cấn có phòng cao là phạm "Liên ở nhà trời", chưa nói tại phương Cấn có cổng Chấn hoặc tháp cao nằm sát gần cũng coi như phạm phải điều kiêng kỵ này, nên vẽ hình trên để trình bày rõ lẽ cát hung của Liên Trinh.	Hình vẽ là căn nhà mở cổng phương Chấn, tại phương Khảm xây phòng cao. Từ cổng Chấn khởi "Đại du niên ca", đến cung Khảm gặp cát tinh Thiên Ất Cự Môn Thổ, tuy là sao tốt, nhưng vì hành Thổ của sao khắc hành Thuỷ của cung Khảm, nên chủ khắc con trai, phá sản, trong nhà có quả phụ, mồ côi cha mẹ.

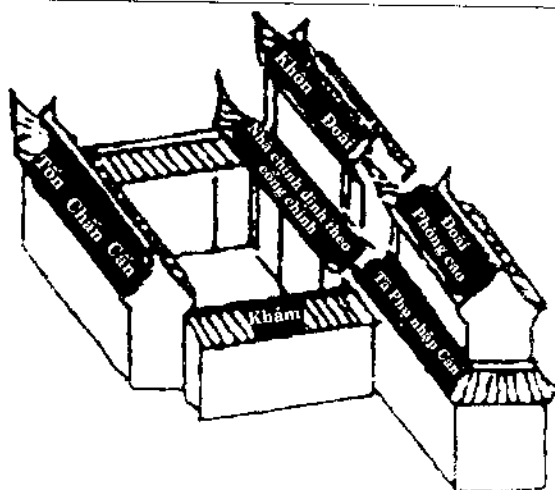
Lộc Tồn nhập Khảm	Tham Lang nhập Cấn
	
Hình vẽ là căn nhà mở cổng Đoài, tại phương Cấn có phòng cao. Từ cổng Đoài khởi "Đại du niên ca", đếm đến cung Khảm gặp hung tinh Hoạ Hại Lộc Tồn Thổ. Thổ khắc cung Khảm Thuỷ, mà cung Khảm tượng trưng cho trung nam, nên chủ về khắc con trai thứ và gặp hoạ khó lường.	Hình vẽ là căn nhà toạ Khảm hướng Ly, mở cổng Khôn, bên cạnh căn phòng cung Khảm có một cây tọ. Bắt đầu từ cổng Khôn khởi "Đại du niên ca", đến cung Cấn gặp cát tinh Sinh Khí Tham Lang Mộc. Tham Lang tuy là cát tinh, nhưng ngật vì Mộc khắc cung Cấn Thổ, chủ về tổn thương đến con trai nhỏ
Phá Quân nhập Chấn	Vũ Khúc nhập Chấn
	
Hình vẽ là nhà mệnh Chấn mở cổng Đoài, tại phương Chấn dựng phòng cao. Từ cổng Đoài khởi "Đại du niên ca", đếm đến Chấn gặp hung tinh Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim, Chấn Mộc bị sao Kim khắc. Chấn là tượng trưng nam, nên con trai trưởng sẽ bị tổn thương, chủ về lụn bại.	Hình vẽ là căn nhà mở cổng Tốn, tại phương Chấn có tháp cao cạnh phòng ở. Bắt đầu từ cổng Tốn khởi "Đại du niên ca", đến căn phòng bên tháp cao gặp cát tinh Diên Niên Vũ Khúc Kim, tuy Vũ Khúc là cát tinh, nhưng hiềm một nỗi hành Kim khắc hành Mộc của cung Chấn, chủ về tổn hại con trai cả và cháu lớn.

Văn Khúc nhập Ly



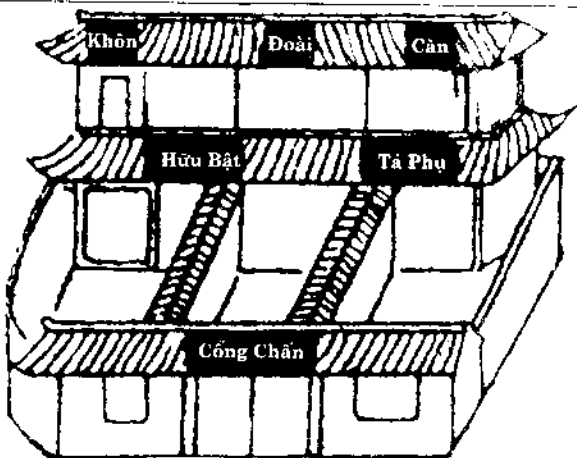
Hình vẽ là nhà mệnh Khảm hướng Ly nam mở cổng Khôn, ở hướng Ly chính nam trước cổng nhà có một cột đá thẳng đứng. Bắt đầu khởi "Đại du niên ca" từ cổng Khôn, đến cung Ly gặp hung tinh Lục Sát Văn Khúc Thủy, Thủy khắc Ly Hoả, chủ về tổn hại bà bầu, phá tài, tổn hao nhân đinh.

Tả Phụ nhập Càn



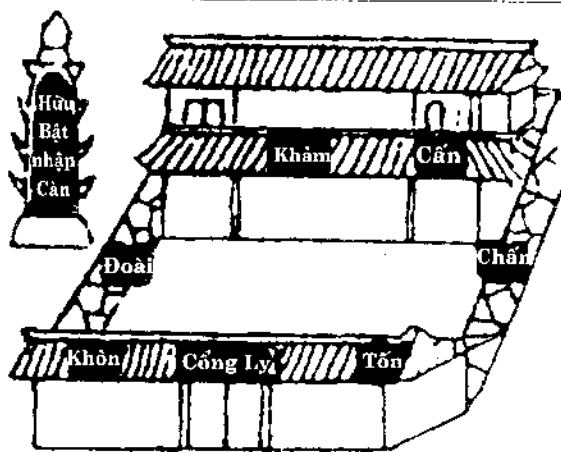
Tả Phụ nhập Càn, là nhà mệnh Đoài, hướng Chấn, xây hai khu nhà, phương Càn xây nhà cao, mở cổng phương Chấn để ra vào. Đây chính là kiểu nhà "một nhà chia hai viện". Tả Phụ là sao Mộc, bị cung Càn Kim khắc, chủ về lụn bại.

Tả Phụ nhập Càn



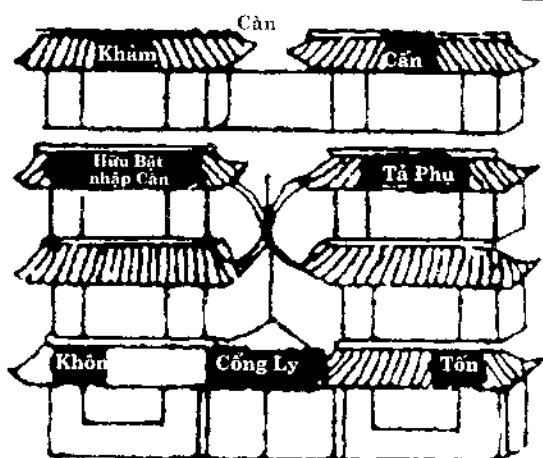
Hình vẽ là căn nhà toạ Đoài hướng Chấn đông, ở mé trái của phòng chính có thêm một phòng cao có cổng ra vào, đây cũng là thế Tả Phụ nhập Càn.

Hữu Bát nhập Càn



Hữu Bát nhập Càn: nhà mệnh Khảm hướng Ly, xây hai khu nhà, mở cổng ở khoảng giữa của hai khu nhà, hoặc mở cổng ở một khu nhà, nhưng để cho người hai bên cùng ra vào, nghĩa là hai nhà chung một cổng. Hữu Bát là Mộc tinh, bị cung Càn Kim khắc, chủ về tuyệt tự.

Hữu Bát nhập Càn



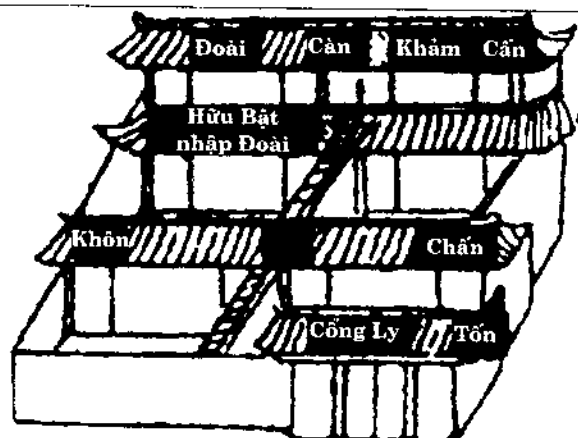
Tả Phụ nhập Đoài



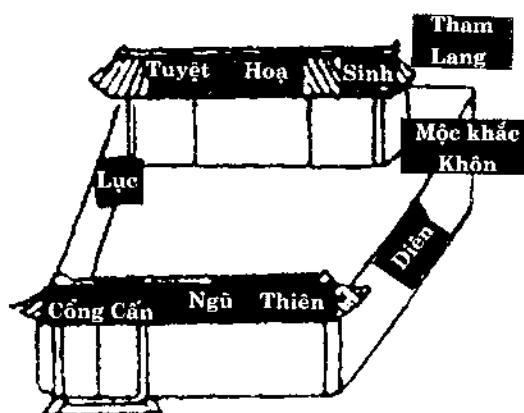
Hình vẽ là căn nhà mệnh Khảm hướng nam, ở mé tây phòng chính xây thêm một căn phòng cao, hoặc nằm gần tháp cao, là thể Hữu Bát nhập Càn. Nếu người ở trong phòng cao ra vào tại cổng khác, hay tháp cao bên cạnh nằm cách xa phòng ở, thì không coi là Hữu Bát nhập Càn.

Tả Phụ nhập Đoài: Hình vẽ là căn nhà mệnh Ly hướng bắc, bên mé trái phòng chính tức phía chính tây xây thêm một phòng cao, hai bên ra vào chung một cổng; Hoặc có tháp cao nằm gần mé trái căn nhà, cũng là thể Tả Phụ nhập Đoài, tính chất cát hung của nó cũng tương tự như trường hợp Tả Phụ nhập Càn.

Hữu Bát nhập Đoài

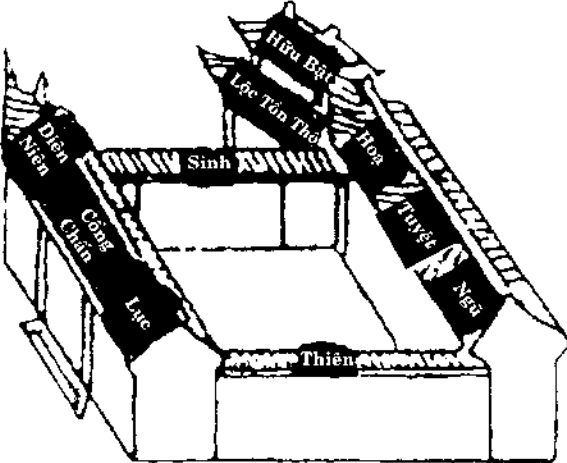
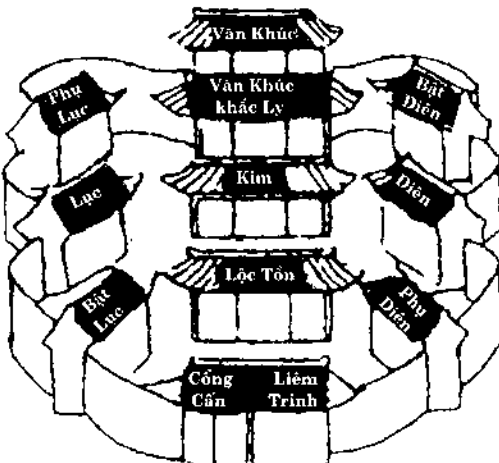


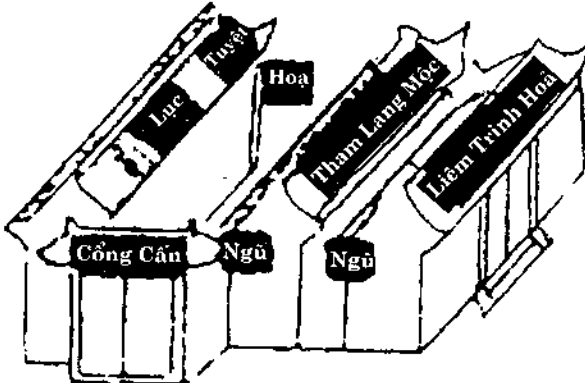
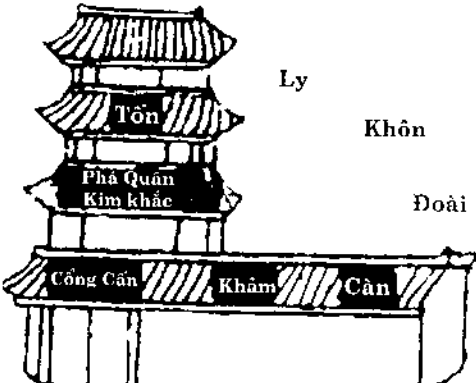
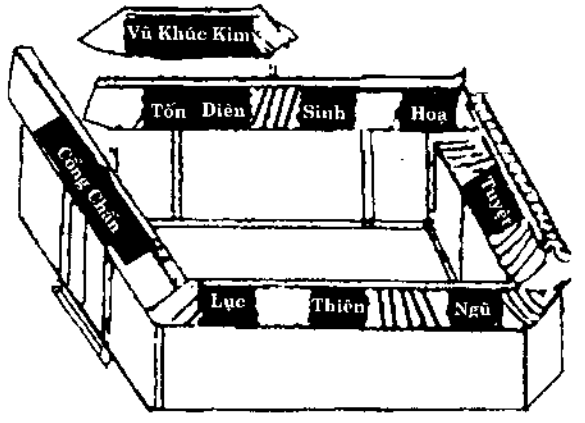
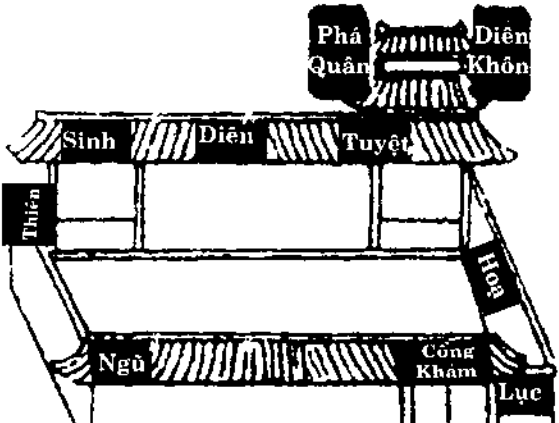
Tham Lang nhập Khôn



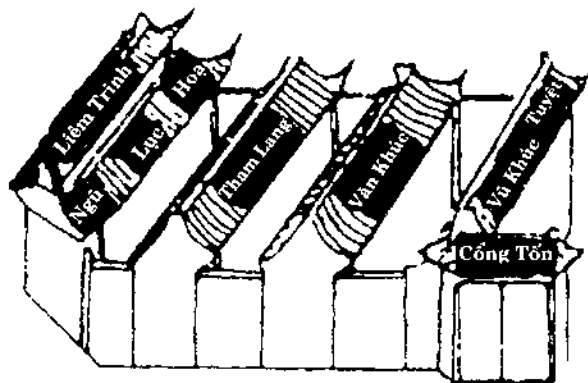
Hữu Bát nhập Đoài: Hình vẽ là căn nhà mệnh Đoài hướng nam, bên mé phải của phòng chính xây phòng cao, hai bên đi chung một cổng; Hoặc mé phải của phòng chính nằm gần cổng chào hoặc tháp cao. Tính chất cát hung cũng tương tự như trường hợp "Hữu Bát nhập Càn".

Hình vẽ là nhà mệnh Ly mở cổng Cấn, tại phương Khôn có đóng đá, cột đá cao. Bắt đầu từ cổng Cấn khởi "Đại du niên ca", đến phương Khôn gặp Tham Lang Mộc tinh, tuy là cát tinh, nhưng Mộc khắc hành Thổ của cung Khôn, Khôn tượng trưng cho mẹ, chủ về tổn hại đến mẹ, gặp tai vạ bất ngờ.

Lộc Tồn đắc thế	Tứ duy tiếp tục (Tứ duy động trạch dùng phép tương sinh liên tục)
	
Hình vẽ là căn nhà mệnh Đoài toạ tây hướng đông mở cổng phương Chấn, ở góc tây nam tức phương Khôn dựng một căn gác cao. Từ cổng Chấn khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đếm đến gác cao tại cung Khôn, gặp hung tinh Hoà Hại Lộc Tồn Thổ, Thổ gặp cung Khôn Thổ, tức hung tinh Lộc Tồn đắc thế. Hơn nữa, căn gác cao nằm ở mé phải của khu nhà, là Hữu Bát, hình thành thế Hữu Bát nhập cung Khôn, không chỉ khắc mẹ, mà còn hao tổn nhân đinh, phá sản, lại thêm rước hoạ bất ngờ.	Hình vẽ là căn nhà toạ Ly hướng Khảm mở cổng Cấn, gồm bốn dãy phòng ở, đây là bố cục Tứ duy động trạch. Động sẽ sinh, ở đây sử dụng phép tương sinh liên tục, từ cổng Cấn khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đến cung Khảm ở giữa dãy phòng thứ nhất gặp sao Ngũ Quỷ Liêm Trinh Hoả; Hoả sinh dãy phòng thứ hai là Lộc Tồn Thổ tinh; Thổ sinh dãy phòng thứ ba là Vũ Khúc Kim tinh; Kim sinh dãy phòng thứ tư là Văn Khúc Thuỷ tinh. Phòng ở phương Ly cao lớn, sao Thuỷ khắc cung Ly Hoả, Ly là tượng trung nữ, chủ về khó sinh, tổn hại đến vợ, phá sản hao tài.

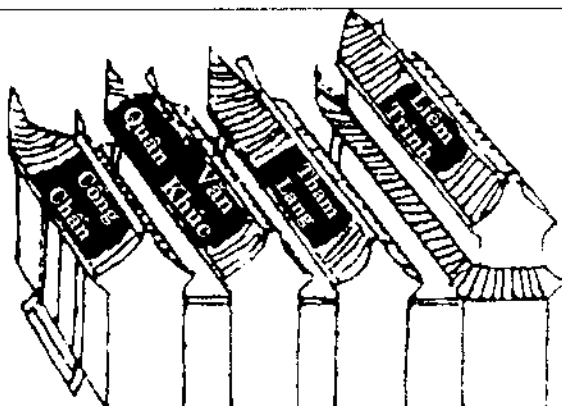
Cát trạch hung tinh (nhà tốt sao xấu)	Phá Quân nhập Tốn
	
Hình vẽ là căn nhà mệnh Đoài cổng Cấn, tối kỵ xây ba dãy phòng, vì Tham Lang Mộc sẽ rơi vào dãy phòng thứ hai, thành thế Tham Lang nhập trung cung; Liêm Trinh rơi vào dãy phòng thứ ba ở cung Đoài, hình thành thế Liêm Trinh nhập Đoài. Như vậy là cục diện nhà tốt gặp sao xấu, chủ về phá sản, tuyệt tự, học giả cần hết sức tránh, đừng nên nhất loạt coi Cấn Đoài gặp nhau là được Diên Niên.	Hình vẽ là căn nhà mở cổng Cấn, tại phương Tốn có căn phòng cao. Từ cổng Cấn khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đếm đến Tốn gặp hung tinh Tuyệt Mệnh Phá Quân. Phá Quân thuộc Kim, khắc cung Tốn Mộc. Tốn là tượng trưởng nữ, bị Phá Quân khắc, chủ về tổn hại đến phụ nữ, tuyệt tự.
Vũ Khúc nhập Tốn	Tả Phụ nhập Khôn
	
Hình vẽ là căn nhà mở cổng Chấn, tại phương Tốn xây phòng cao. Bắt đầu từ cổng Chấn khởi "<i>Đại du niên ca</i>", đến phương Tốn gặp sao Diên Niên Vũ Khúc Kim. Diên Niên tuy là cát tinh, nhưng hiểm vì Kim tinh khắc cung Tốn Mộc, chủ về đàn ông không vợ, lại chủ về mất mẹ.	Nhà mệnh Ly mở cổng Khâm, mé trái của phòng chính, tại góc Khôn có một ngôi đình cao, tạo thành hình thế Tả Phụ, rơi vào cung Khôn, nên Khôn Thổ bị Ta Phụ Mộc khắc. Cung Khôn lại gặp hung tinh Tuyệt Mệnh Phá Quân, Khôn là tượng mẹ, nên chủ về tổn thương đến mẹ, hại đến phụ nữ.

Tứ duy tiếp tục



Hình vẽ là căn nhà mệnh Đoài mở cổng Tôn, đây là kiểu nhà Tứ duy động trạch. Sử dụng phương pháp tương sinh liên tục, từ cổng Tôn khởi "Đại du niên ca" đếm đến hướng Chấn tức phần giữa của dãy nhà thứ nhất gặp sao Diên Niên Vũ Khúc Kim; Kim sinh dãy nhà thứ hai Văn Khúc Thủy; Thủy sinh dãy nhà thứ ba Tham Lang Mộc; Mộc sinh dãy nhà thứ tư Liêm Trinh Hoả, tạo thành cục diện Liêm Trinh nhập Đoài, chủ về phụ nữ mắc chứng lao, bệnh về máu, dễ khó.

Tứ chính xảo phiên



Hình vẽ là căn nhà mệnh Càn mở cổng Chấn, đây là bố cục kiểu Tứ chính động trạch, dùng phép Xảo phiên Bát quái, khởi "Đại du niên ca" từ toạ Đoài, đếm đến chính giữa dãy phòng thứ nhất được sao Tuyệt Mệnh Phá Quân Kim; Kim sinh dãy phòng thứ hai là Văn Khúc Thủy; Thủy sinh dãy phòng thứ ba là Tham Lang Mộc; Mộc sinh dãy nhà thứ tư là Liêm Trinh Hoả, tạo thành cục diện Liêm Trinh nhập Đoài, không phải là Tham Lang nhập trung cung, chủ về tổn thương con gái út.

PHỤ LỤC II
THƯỜNG THỨC VỀ
PHONG THỦY NHÀ Ở

CHƯƠNG 1

TÂM QUAN TRỌNG CỦA CỬA CHÍNH

Sách "Bát trạch minh kính" viết rằng: "Bản thân nhà ở không có cát hung, mà tốt hay xấu là trông vào cửa chính".

Sách "Biện luận Tam thập thiên" cũng viết: "Nhà ở quan trọng nhất là cửa chính, vì cửa chính là lối vào của khí".

Cửa chính của một ngôi nhà cũng như chiếc miệng của con người, đóng vai trò vô cùng quan trọng, quyết định đến sự tốt, xấu, lành, dữ trong phong thủy nhà ở.

Cửa chính khi đối diện với những vật thể, những kiến trúc khác nhau, sẽ đem lại những ảnh hưởng khác nhau về phong thủy. Bởi vậy, các đồ vật bài trí ở phía trong và phía ngoài cửa chính, màu sắc của cửa cùng hoa văn trên cửa đều có ảnh hưởng đến phong thủy của cả ngôi nhà.

★ Cửa chính đối diện với cửa sổ là thế tán tài?

Cửa chính là nơi ra vào của tất cả các thành viên trong gia đình. Nếu cửa chính nằm ở hướng tốt, thì gió hay không khí đi vào qua cửa chính đều là tốt lành. Khi cửa chính và cửa sổ nằm trên một trục thẳng, nếu như số lượng cửa sổ không nhiều, thì ảnh hưởng không lớn. Nhưng nếu cửa sổ có kích thước lớn, số lượng lại nhiều, thì khí tốt sẽ theo đó mà thoát ra ngoài, không còn được tích tụ ở trong nhà. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến vận khí của nhà ở, ảnh hưởng đến tiền bạc của cải là thứ quan hệ mật thiết nhất với mỗi con người, khiến gia chủ dễ hao tài tán lộc, thu không đủ chi. Rất nhiều kiến trúc nhà ở hiện đại đều phạm phải điểm kiêng kỵ này. Vậy chúng ta cần phải hoá giải ra sao?

Rất đơn giản, hãy đặt một vài chậu cây cảnh trước cửa sổ, như vậy sẽ giữ được khí lành không bị thất tán ra bên ngoài. Như vậy, tài vận của gia chủ sẽ dần được phục hồi, chuyển từ hao tài sang tích lộc.

Chú ý: không nên dùng các loài cây cảnh có gai nhọn.

*** Treo bát quái trên mi cửa liệu có gây bất lợi cho nhà đối diện?**

Đi một vòng qua các khu nhà, bạn có thể phát hiện ra rằng, có rất nhiều nhà treo bát quái hoặc gương bát quái trên mi cửa chính. Động tác này là nhằm mục đích hoá giải các khí xấu chiếu vào nhà. Nhưng trong tình trạng đất đai ngày càng khan hiếm, mật độ nhà cửa ngày càng dày đặc như hiện nay, tình trạng bát quái nhà này chiếu vào cửa hoặc cửa sổ nhà kia là hết sức phổ biến. Chắc hẳn nhiều người sẽ băn khoăn, không biết treo bát quái trên cửa có gây ảnh hưởng bất lợi cho nhà đối diện hay không?

Xin các bạn yên tâm, cho dù bị bát quái chiếu thẳng vào nhà cũng không có gì đáng ngại. Vì bát quái là một ký hiệu vũ trụ, chỉ có tác dụng hoá giải điềm dữ, chứ không hề gây bất lợi. Về cơ bản, bản thân bát quái không mang sát khí. Thông thường, bát quái được in trên chất liệu gỗ, thi thoảng còn đính kèm một miếng gương nhỏ ở chính giữa, nên được gọi là gương bát quái.

Nhưng nếu như phía trên bát quái lại kèm thêm chạc đỉnh ba hoặc tranh thần tướng cười hổ, tay cầm vũ khí, thì sự việc sẽ khác. Vì chạc đỉnh ba và vũ khí trên tay thần tướng đều là vật sắc nhọn, hổ trắng cũng mang sát khí, nếu đối diện với cửa nhà người khác sẽ gây bất lợi cho họ. Bởi vậy, nếu muốn treo kèm những vật phong thuỷ trên, không nên chọn phương vị đối diện với cửa nhà người khác!

*** Cửa chính đối diện với nhau có gây bất lợi không?**

Người xưa nói "Cửa nhà đối diện với nhau là tướng cãi nhau", chủ về bất hoà.

Người ta thường gọi tình huống này là phạm phải "môn xung sát"^[1]. Tác hại trực tiếp khi phạm phải "môn xung sát" là người trong nhà dễ vướng vào chuyện thị phi, người nhà thường xuyên cãi vã, tranh chấp vì những chuyện vặt vãnh. Nghiêm trọng hơn, có thể gây ảnh hưởng đến công việc, dễ va chạm với đồng nghiệp, xung đột với cấp trên...

Tuy nhiên, cửa đối cửa thường không gây hạn lớn, trừ phi có thêm một hành lang dài và thẳng đâm vào giữa cửa. Trong trường hợp này, người trong nhà sẽ liên tiếp gặp rắc rối.

Phạm phải "môn xung sát", mà cửa chính lại quay về các hướng đông, đông bắc, tây bắc, bắc, thì đàn ông trong nhà dễ gặp chuyện phiền phức; Còn nếu cửa chính quay về các hướng nam, đông nam, tây, tây nam, thì phụ nữ trong nhà dễ vướng chuyện thị phi. Bởi vì đông, đông bắc, tây bắc, bắc thuộc các hướng quẻ

^[1] Môn xung sát: hung sát do hai cửa chính trực xung.

Chấn, Càn, Cấn, Khảm, chủ về nam giới, những hướng này phạm xung sát sẽ gây bất lợi cho người nam. Còn nam, đông nam, tây, tây nam thuộc các hướng quẻ Ly, Tốn, Đoài, Khôn, chủ về nữ giới; Những hướng này phạm xung sát đương nhiên sẽ gây bất lợi cho người nữ.

Phương pháp hoá giải: Khi phạm phải "môn xung sát", cách hoá giải đơn giản nhất là làm bậu cửa cho cửa chính, ít nhất cũng phải cao một tấc^[1]. Nếu muốn hiệu quả hoá giải tốt hơn nữa, nên đặt một bộ tiền cổ Ngũ đế^[2] phía dưới bậu cửa.

★ Màu sắc của cổng chính có ảnh hưởng đến phong thủy không?

Trong lý thuyết phong thủy nhà ở, cổng chính chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, cần phải tính toán sao cho cổng quay về hướng quẻ tốt, hợp với phương vị của sao lành đương vận^[3]. Bởi vậy sách phong thủy xưa đã nói: "Nhà ở quan trọng nhất là cổng chính, phòng ngủ và phòng bếp" (*Dương trạch tam yếu môn, chủ, táo*).

Cổng chính, ngoài việc đặt ở vị trí có lợi, thu nhận được khí lành của hướng quẻ, vận tốt của sao lành, thì màu sắc của cổng cũng cần được chú ý.

Sách "*Huyền không bí chỉ*" có viết: "Trùng trùng xung khắc, sẽ gặp tiêu vong; Lớp lớp tương sinh, thêm nhiều phúc lộc" (*Trùng trùng khắc nhập, lập kiến tiêu vong; Vị vị sinh lai, liên thiêm tài hỷ*), tức các sự vật liên quan đến phong thủy xung khắc nhau là hết sức bất lợi, còn nếu các sự vật có mối quan hệ tương sinh, vận khí sẽ cát tường.

Xét trên phương vị bát quái, mỗi phương vị đều ứng với ngũ hành. Cổng chính mở về phương vị nào, sẽ chịu tác động của phương vị đó. Nếu cổng chính được ngũ hành của phương vị tương sinh tương trợ sẽ cát lợi. Nhưng nếu như cổng chính bị ngũ hành của phương vị khắc hao, sẽ là điềm dữ.

Trước hết, xin được trình bày về nguyên lý tương sinh tương khắc của ngũ hành: Người Trung Quốc xưa quan niệm vũ trụ được tổ hợp từ ngũ hành, tức năm nhân tố căn bản là Kim (kim loại), Mộc (cây cối), Thủy (nước, chất lỏng), Hoả (lửa), Thổ (đất). Các tổ hợp năng lượng này tương tác lẫn nhau, thiên biến vạn hoá.

[1] Tấc: về các đơn vị đo lường như tấc, thước... trong cuốn sách đều căn cứ vào thước Lỗ Ban.

[2] Tiền cổ Ngũ đế: Tiền cổ bằng đồng lưu hành dưới năm triều đại Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh đời Thanh, dân gian quan niệm năm loại tiền này tập hợp thành bộ có thể trừ tà.

[3] Đương vận: Trường phái phong thủy Huyền Không quan niệm rằng, trong mỗi một vận (chu kỳ 20 năm) sẽ có một sao có vượng khí lớn nhất, dù sinh hay khắc ta cũng trở nên cát lợi, gọi là sao đương vận. Sao này thay đổi theo từng vận.

Người xưa đã khái quát tất cả những biến hoá vô cùng tận đó thành nguyên lý tương sinh tương khắc của ngũ hành, coi đó là nguồn gốc sâu xa của mọi biến hoá.

◆ *Quan hệ tương sinh của ngũ hành:*

1. Kim sinh Thủy
2. Thủy sinh Mộc
3. Mộc sinh Hoả
4. Hoả sinh Thổ
5. Thổ sinh Kim

◆ *Quan hệ tương khắc của ngũ hành:*

1. Kim khắc Mộc
2. Mộc khắc Thổ
3. Thổ khắc Thủy
4. Thủy khắc Hoả
5. Hoả khắc Kim

Giải thích về nguyên lý tương sinh tương khắc của ngũ hành:

Nguyên lý ngũ hành tương sinh nhận định, Kim có thể sinh Thủy, vì khi kim loại bị đun nóng đến một nhiệt độ nhất định, sẽ nóng chảy và trở thành chất lỏng. Mà trong ngũ hành, các chất lỏng đều thuộc Thủy. Thủy sinh Mộc, là vì cây cối phải có nước mới duy trì được sự sống. Mộc có thể sinh Hoả, là vì người xưa dùng củi đun nấu, củi gỗ khi đốt cháy sẽ tạo ra lửa. Hoả sinh Thổ, vì người xưa quan sát thấy sau khi các vật chất bị lửa thiêu huỷ, đều biến thành tro bụi. Tro bụi sẽ bồi đắp cho mặt đất, nên kết luận Hoả có thể sinh Thổ. Còn Thổ sinh Kim lại càng rõ ràng hơn, vì tất cả các kim loại đều được lấy lên từ lòng đất.

Nguyên lý tương khắc của ngũ hành quan niệm: Kim khắc Thổ, vì thường dùng rìu rựa kim loại để chặt cây cối. Mộc khắc Thổ, vì cây cối không ngừng vươn rễ đâm sâu, toả rộng vào lòng đất, hút chất dinh dưỡng từ lòng đất. Thổ khắc được Thủy, vì người ta thường dùng đất đắp đê, đập để ngăn cản dòng nước. Thủy khắc Hoả, là vì có thể dùng nước để dập tắt lửa. Hoả khắc Kim, vì sức nóng của lửa có thể nung chảy mọi kim loại.

Trong phong thủy bát quái, cổng chính là bộ phận quan trọng nhất của nhà ở. Người xưa thường ví cổng chính của một căn nhà tựa như phần miệng của con người. Với vai trò là chiếc "miệng" của căn nhà, cổng chính là điểm mấu chốt quyết

định đến sự lạnh dữ của nhà ở. Những luồng khí đi vào qua cổng chính sẽ chịu ảnh hưởng ở mức độ nhất định bởi màu sắc của cổng trong mối tương quan với phương vị và các đồ đạc trưng bày.

Tám phương vị là: đông, đông nam, nam, tây nam, tây, tây bắc, bắc, đông bắc, mỗi phương vị tương ứng với các hành khác nhau.

Đông, đông nam thuộc Mộc

Nam thuộc Hoả

Tây nam, đông bắc thuộc Thổ

Tây, tây bắc thuộc Kim

Bắc thuộc Thuỷ

Căn cứ vào màu sắc của ngũ hành, mỗi phương vị sẽ hợp và kỵ với những màu sắc nhất định. Bởi vậy, màu sắc của cổng chính cũng phải lựa chọn sao cho tương ứng với từng phương vị. Sau đây, chúng tôi sẽ liệt kê những màu sắc hợp và kỵ với mỗi hướng cổng:

♦ *Cổng hướng đông: thuộc phương Chấn*

Phương đông thuộc Mộc, thích hợp dùng Thuỷ tương sinh, dùng Mộc tương trợ; kỵ bị Kim tương khắc, bị Hoả tiêu hao. Mộc có ảnh hưởng không lớn, nên xếp vào hạng trung bình.

Màu sắc của cổng:

Phù hợp: Mộc (màu xanh ngọc, xanh lá cây), Thuỷ (màu đen, xanh lam)

Kỵ: Kim (màu vàng, trắng), Hoả (màu đỏ, tím, da cam)

Bình thường: Thổ (vàng, nâu)

♦ *Cổng hướng đông nam: thuộc phương Tốn*

Đông nam cũng thuộc Mộc, nên tương tự như trường hợp cổng hướng đông.

♦ *Cổng hướng nam: thuộc phương Ly*

Nam thuộc hành Hoả, thích hợp dùng Mộc tương sinh, dùng Hoả tương trợ, kỵ bị Thuỷ tương khắc, bị Thổ tiêu hao; Kim có ảnh hưởng không lớn, xếp vào hạng trung bình.

Màu sắc của cổng:

Phù hợp: Mộc (màu xanh ngọc, xanh lá cây), Hoả (màu đỏ, tím, da cam)

Kỵ: Thuỷ (màu đen, xanh lam), Thổ (màu vàng, nâu)

Bình thường: Kim (màu vàng, trắng)

♦ *Cổng hướng tây nam: thuộc phương Khôn*

Tây nam thuộc hành Thổ, thích hợp dùng Hoả tương sinh, dùng Thổ tương trợ, kỵ bị Mộc tương khắc, bị Kim tiêu hao; Thuỷ có ảnh hưởng không lớn, xếp vào hạng trung bình.

Màu sắc của cổng:

Phù hợp: Hoả (màu đỏ, tím, da cam), Thổ (màu vàng, nâu)

Kỵ: Mộc (màu xanh ngọc, xanh lá cây), Kim (màu vàng, trắng)

Bình thường: Thuỷ (màu đen, xanh lam)

♦ *Cổng hướng tây: thuộc phương Đoài*

Tây thuộc hành Kim, thích hợp dùng Thổ tương sinh, dùng Kim tương trợ, kỵ bị Hoả tương khắc, bị Thuỷ tiêu hao; Mộc có ảnh hưởng không lớn, xếp vào hạng trung bình.

Màu sắc của cổng:

Phù hợp: Thổ (màu vàng, nâu), Kim (màu vàng, trắng)

Kỵ: Hoả (màu đỏ, tím, da cam), Thuỷ (màu đen, xanh lam)

Bình thường: Mộc (màu xanh ngọc, xanh lá cây)

♦ *Cổng hướng tây bắc: thuộc phương Càn*

Tây bắc cũng thuộc hành Kim, nên tương tự như trường hợp cổng hướng tây.

♦ *Cổng hướng bắc: thuộc phương Khảm*

Bắc thuộc hành Thuỷ, thích hợp dùng Kim tương sinh, dùng Thuỷ tương trợ, kỵ bị Thổ tương khắc, bị Mộc tiêu hao; Hoả có ảnh hưởng không lớn, xếp vào hạng trung bình.

Màu sắc của cổng:

Phù hợp: Kim (màu vàng, trắng), Thuỷ (màu đen, xanh lam)

Kỵ: Thổ (màu vàng, nâu), Mộc (màu xanh ngọc, xanh lá cây)

Bình thường: Hoả (màu đỏ, tím, da cam)

♦ *Cổng hướng đông bắc: thuộc phương Cấn*

Đông bắc thuộc hành Thổ, nên tương tự trường hợp cổng hướng tây nam.

Ngoài việc chú ý đến màu sắc của bản thân cổng, những vật trưng bày ở phần cổng, như thảm lau chân, cũng cần phải lựa chọn màu sắc theo nguyên lý tương sinh, tương trợ với màu sắc của cổng, để đạt được tiêu chuẩn "lớp lớp tương sinh, thêm nhiều phúc lộc"

Sách "*Tâm kinh*" có viết: "Sắc cũng là không, không cũng là sắc", ý chỉ sự vật biến đổi vô thường. Thế nhưng tất cả mọi sinh vật trên thế giới này, khi chưa được siêu thoát, vẫn phải chịu tác động của mọi sức mạnh tốt, xấu, lành, dữ từ thế giới, từ vũ trụ. Không thể vịn vào một câu "mọi thứ đều là hư không" mà mặc kệ tất cả, trừ phi đã tu hành đắc đạo trở thành Phật, Bồ tát hay A La Hán. Khi chúng ta còn là người trần mắt thịt, vẫn phải tìm cách bài trí, sắp xếp môi trường sống sao cho hài hoà với không gian, để nhận được sự trợ giúp của thiên nhiên, vũ trụ.

Chữ "không" trong phong thuỷ Huyền không nghĩa là "thường xuyên giao hoán", vì tại các nguyên, vận khác nhau, tính chất cát, hung của từng phương vị sẽ thay đổi, giao hoán lẫn nhau.

★ Cửa chính đối diện với góc tường có vấn đề gì không?

Nếu cửa chính bị góc tường chiếu thẳng vào, lý thuyết phong thuỷ gọi là phạm "phi nhận sát"^[1], dễ khiến người nhà gặp vấn đề về sức khoẻ hoặc bị kim khí tổn thương. Nếu lại thêm cửa chính quay về hướng bất lợi hoặc vào đúng phương vị sao xấu, thì vấn đề càng nghiêm trọng hơn nữa, rất dễ gây hoạ "huyết quang" (tai nạn đổ máu).

Cách hoá giải "phi nhận sát": Đặt một đôi kỳ lân bằng đồng hai bên cửa chính, trên mi cửa treo một tấm gương phẳng hoặc lồi. Gương có tác dụng phản xạ lại "phi nhận sát", nên sẽ hoá giải được sát khí. Nhưng tuyệt đối không được treo gương lõm, vì gương lõm không những không thể phản xạ sát khí, mà còn khiến chúng được tích tụ, thu hút lại nhiều hơn. (Tác dụng của mỗi loại gương sẽ được trình bày rõ hơn tại mục sau)

★ Cửa chính đối diện với cửa nhà vệ sinh sẽ gây bất lợi?

Trong sách "*Tuyệt tâm phú*" có viết: "Chỉ mình dương thì không sinh, chỉ mình âm thì không thành" (*có dương bất sinh, độc âm bất thành*).

Nhà vệ sinh là nơi ẩm ướt, ô uế, tức chỉ gồm khí thuần âm (độc âm).

^[1] Phi nhận sát: hung hại do bị góc nhọn, mũi nhọn hướng thẳng vào.

Như trên đã nói, cửa chính đối với căn nhà như chiếc miệng trên cơ thể con người. Nếu chúng ta ăn vào những thức ăn ôi thiu, không đảm bảo, sẽ tác động xấu đến sức khoẻ. Tương tự như vậy, khi cửa chính có vấn đề, sẽ phá hỏng phong thủy của cả nhà, tác động xấu đến vận khí của mọi thành viên trong gia đình.

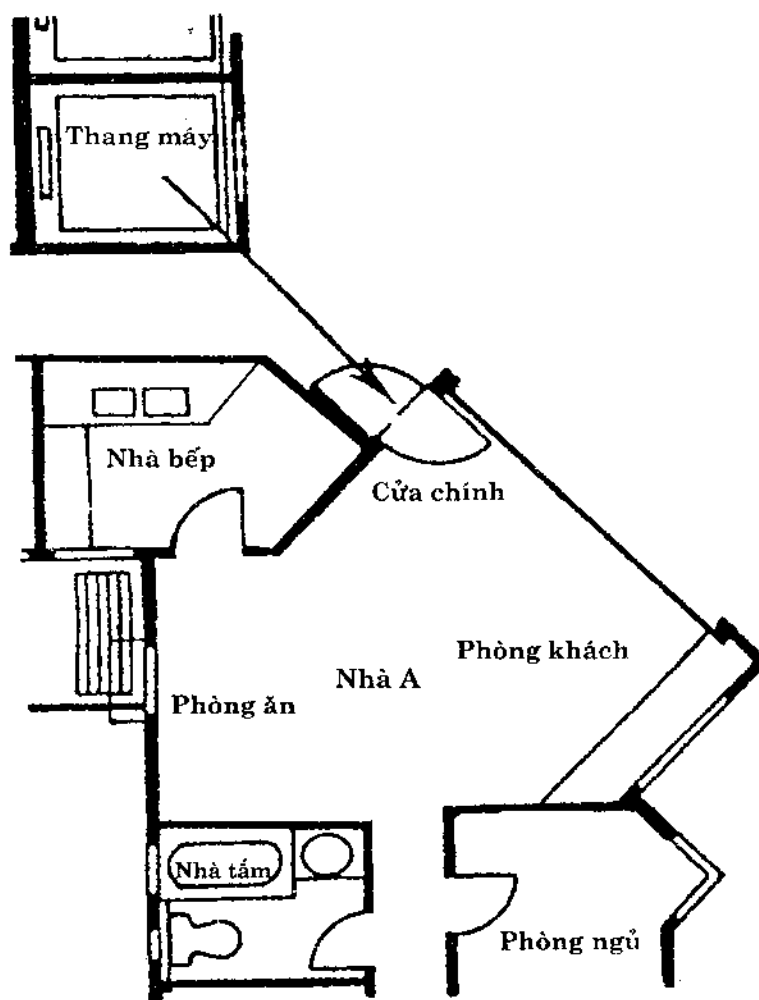
Cửa chính thuộc khí thuần dương, trong khi nhà vệ sinh lại thuộc khí thuần âm. Nếu cửa chính đối diện với cửa nhà vệ sinh, sẽ khiến cho âm dương mất cân bằng. Các nhà phong thủy thường cho rằng, phạm vào lỗi phong thủy này dễ khiến gia chủ hao tài tán lộc. Phương pháp hoá giải đơn giản nhất, là treo rèm hạt cườm ở cửa nhà vệ sinh, nhằm cản trở xung sát giữa cửa chính và cửa nhà vệ sinh, giảm đến mức thấp nhất các ảnh hưởng xấu.

★ Cửa nhà vệ sinh đối diện với cửa bếp phải chăng là không tốt?

Nhà vệ sinh là nơi tích tụ khí ảm thấp (thấp khí), tức khí thuần âm, không có sinh khí.

Nhà bếp là nơi đặt bếp, đặt lò đun nấu, tức nơi tích tụ khí tảo hoả.

Khí thuần âm và khí tảo hoả đều là những khí xấu. Sách "*Tuyệt tâm phú*" có viết: "chỉ mình dương thì không sinh, chỉ mình âm thì không thành", khí tảo hoả và khí thuần âm chính là hai loại khí cực đoan chưa được điều hoà, nên đều không trợ giúp cho vận khí.



Cửa chính của nhà A đối diện với góc tường, khiến người trong nhà dễ gặp vấn đề về sức khoẻ, dễ bị va chạm, tai nạn

Nếu cửa phòng tắm đối diện với cửa nhà bếp, sẽ khiến cho hai luồng khí trên xung đột, hình thành cục diện thuỷ hoả bất hoà, khiến gia chủ vận khí không suôn sẻ, người nhà vận khí bất ổn, tốt xấu bất thường, hay sinh bệnh ngầm.

Phương pháp hoá giải trong trường hợp này khá đơn giản, chỉ cần treo một tấm rèm màn hạt cườm trước cửa nhà vệ sinh hoặc nhà bếp, vấn đề sẽ được giải quyết.

*** Trên cổng xếp có nên khảm phù điêu đầu thú hay không?**

Nhà ở bình thường không cần thiết khảm, treo các loại phù điêu đầu thú, hổ phù trên cổng cửa, trừ khi cổng chính phạm phải xung khí. Nhưng kể cả trong

trường hợp đó, muốn treo hay khảm phù điêu đầu thú cũng phải quan sát cẩn thận, nếu phía đối diện có nhà ở, tuyệt đối không nên sử dụng phương pháp này, vì chắc chắn sẽ gây tác hại cho nhà đối diện.

Một số chuyên gia phong thủy cho rằng quét chu sa lên các hình đầu thú, hồ phù sẽ "khai quang" cho linh vật, để tăng cường sức mạnh hoá giải sát khí. Nhưng với nhà ở, động tác này là không nên, vì sát khí của phù điêu đầu thú sẽ quá mạnh, khiến những nhà bị nó chiếu thẳng vào sẽ gặp tai hoạ khó lường, như mắc bệnh nặng, gặp nạn đổ máu...

Trong trường hợp bị phù điêu đầu thú của nhà đối diện chiếu thẳng vào, tốt nhất không nên dùng những vật phong thủy mang sát khí nặng như kiếm kết bằng tiền cổ để "lấy độc trị độc", không những không hoá giải được bất lợi do "môn xung sát", mà còn gây tổn hại cho cả hai bên, khiến cả hai nhà đều gặp phải vận hạn, tật ách. Nếu không thể thuyết phục hàng xóm dỡ bỏ phù điêu đầu thú, có thể treo một gương bát quái lỗi trên mi cửa chính để hoá giải.

★ Cửa chính đối diện với cầu thang máy là tốt hay xấu?

Nhiều nhà ở hiện nay có cửa chính nhìn thẳng vào cầu thang máy. Phần nhiều các chuyên gia phong thủy nhận định rằng, nếu cửa chính đối diện với cầu thang máy sẽ gây bất lợi cho tài vận của gia chủ. Cho dù gia chủ có thu nhập dồi dào đến đâu, thì số tiền đó cũng nhanh chóng dội nón ra đi. May chăng cũng chỉ giữ lại được chút ít chẳng thấm tháp vào đâu.

Cửa chính đối diện với cầu thang máy là phạm vào "khai khẩu sát", chủ về rắc rối thị phi.

Thế nhưng nếu thang máy tuy đối diện với cửa chính nhưng nằm ở phương vị dương vận, đúng vào hướng vượng, thì lại là "xung đúng cung dương vận là cực quý", dữ cũng hoá lành.

Nhưng thường rất ít người có thể phân biệt rõ các vị trí lành, dữ, nên khi cửa chính bị thang máy chiếu vào, tốt nhất nên nhanh chóng phải tìm cách hoá giải.

Phương pháp hoá giải: Treo gương lên trên mi cửa, bậc cửa chính làm cao hơn.

★ Khi cửa chính đối diện với cầu thang

Tại các chung cư kiểu cũ, thường có tình trạng cửa chính đặt đối diện với cầu thang, có thể chia làm hai dạng như sau:

1. Cửa chính đối diện với phần cầu thang đi xuống
2. Cửa chính đối diện với phần cầu thang đi lên.

Nếu cửa chính đối diện với đoạn cầu thang đi lên, thì tình hình tài lộc của gia chủ sẽ rất kém, thu không đủ chi. Trong trường hợp đó, gia chủ không nên cho người khác vay tiền, bằng không tiền cho vay sẽ "mọt đi không trở lại".

Phương pháp hoá giải: Treo một tấm gương lõm lên trên mi cửa, nhằm thu lại những vượng khí đã thất tán, như vậy, sẽ có thể chuyển "tán tài" thành "tụ tài".

★ Bậu cửa cao bao nhiêu là phù hợp với phong thủy?

Hiện nay, vẫn có nhiều nhà ở đặt bậu cửa tại các cửa ra vào. Từ góc độ vệ sinh, bậu cửa có tác dụng ngăn cản không cho đất bụi bay vào trong nhà. Ngoài ra, theo quan niệm phong thủy, trong nhiều trường hợp, bậu cửa cũng có tác dụng tích cực trong việc rước lành tránh dữ.

Thế nhưng, bậu cửa phải làm cao bao nhiêu mới hợp phong thủy? Điều đó còn phụ thuộc vào điều kiện địa hình của không gian quanh nhà. Nếu như trước cửa nhà là một khoảng đất bằng phẳng, rộng rãi, thì bậu cửa nên làm cao hơn bình thường, chừng năm tấc là vừa. Con số năm ở đây tượng trưng cho ngũ hành. Như vậy, vượng khí của căn nhà sẽ được bậu cửa chặn lại, chỉ tụ lại ở trong nhà mà không bị thất tán ra ngoài.

Nếu cửa nhà bị một con đường dài đâm thẳng vào, tức phạm phải "thương sát"^[1], thì bậu cửa tốt nhất làm cao ba tấc sáu phân, vì con số này tương tự với số ngày trong một năm (360 ngày, thực ra một năm có 365 ngày, nhưng thời xưa người ta không tính số lẻ).

Còn nếu cửa chính không phạm phải điểm xung sát nào, thì bậu cửa chỉ cần cao một tấc hai phân là được, con số này tượng trưng cho 12 tháng trong một năm. Về việc đo đạc, có thể dùng thước Lỗ Ban, vì đây là đơn vị đo lường theo tiêu chuẩn cổ xưa của người Trung Quốc.

★ Tác dụng rước lành tránh dữ của bậu cửa

Thuật xem tướng quan niệm, nếu phần mũi người ta có tướng "giếng bếp có vách" sẽ tích lũy được tiền của. Tương tự, trong phong thủy, bậu cửa tại cửa ra vào cũng như một vách ngăn để giữ cho khí đất tích tụ trong nhà, không bị thất tán ra

^[1] Thương sát: hung sát do bị vật thẳng, dài như cây thương dài lao thẳng vào nhà.

bên ngoài. Nếu như cửa chính đối diện với cầu thang đi xuống, thì bậc cửa phải làm cao hơn, nếu không, khí đất rất dễ bị thất thoát, nói theo quan điểm phong thủy, đó là thế "không tụ tài".

Nếu như cửa chính bị đường đi đâm thẳng vào, tức phạm phải "thương sát", thì cách hoá giải tốt nhất là làm bậc cửa, phía dưới bậc cửa lót một bộ tiền cổ Ngũ đế, sẽ hoá giải được sát khí.

Làm bậc cửa sẽ mang lại rất nhiều lợi ích, chứ không có tác hại gì, chỉ có điều bậc cửa không nên làm quá cao, dễ gây nguy hiểm cho trẻ em.

★ Màu sắc cửa xếp, cổng sắt có ảnh hưởng đến phong thủy không?

Những màu sắc khác nhau đều mang tần số màu khác nhau, các tần số đó cũng sẽ gây ảnh hưởng đến phong thủy. Vậy, lớp cửa xếp, cổng sắt bên ngoài cửa chính nên dùng màu gì thì tốt? Màu sắc của lớp cửa xếp bên ngoài cũng cần phải theo nguyên lý tương thích với màu sắc của cửa chính.

Cửa xếp thông thường làm bằng tôn hoặc sắt, bố trí bên ngoài lớp cửa chính bằng gỗ, tạo thành hai tầng cửa. Xét về mặt vị trí, thì cửa chính giữ vị trí chính, ở bên trong; cửa xếp giữ vị trí phụ, ở phía ngoài. Sách "*Huyền không bí chỉ*" có viết: "Trùng trùng xung khắc, sẽ gặp tiêu vong; Lớp lớp tương sinh, thêm nhiều phúc lộc", bởi vậy, màu sắc của cửa xếp tốt nhất nên tương sinh, tương trợ với màu sắc của cửa chính.

(Trước khi đọc bài này, nên tham khảo bài "*Màu sắc của cửa chính có ảnh hưởng đến phong thủy không*", sẽ thuận tiện hơn cho việc theo dõi)

Tốt: cửa xếp và cửa chính có quan hệ "lớp lớp tương sinh":

1. Ngũ hành của màu cửa xếp sinh ra ngũ hành của màu cửa chính là đại cát.
2. Ngũ hành của màu cửa xếp trùng với ngũ hành của màu cửa chính, tốt.

Xấu: cửa xếp và cửa chính có quan hệ "trùng trùng xung khắc":

1. Ngũ hành của màu cửa xếp xung khắc với ngũ hành của màu cửa chính.
2. Ngũ hành của màu cửa chính sinh ra ngũ hành của màu cửa xếp, như vậy là "tiêu hao", cũng không tốt.

Bình thường, không tốt không xấu:

Ngũ hành của màu cửa chính xung khắc với ngũ hành của màu cửa xếp, như vậy là chủ khắc chế khách, vua khắc chế tôi, là bình thường.

Sau đây, sẽ lấy ví dụ cụ thể để độc giả dễ hiểu hơn:

Một căn nhà tọa Mão hướng Dậu (quay lưng về đông, quay mặt về tây), cửa chính mở hướng tây.

Theo ngũ hành thì phương tây thuộc Kim, cửa chính thích hợp với màu vàng tươi hoặc trắng, vì đó là những màu tượng trưng cho hành Kim. Khi đó, cửa xếp nên chọn màu vàng sẫm hoặc nâu, như vậy sẽ là Thổ sinh Kim, tức ngũ hành của màu cửa xếp sinh ra ngũ hành của màu cửa chính, hình thành cục diện "lớp lớp tương sinh".

Ở đây có một điểm cần lưu ý, nếu cửa mở vào đúng phương vị các sao thần sát "Chính Quan Sát" hay "Bệnh Phù", thì cho dù thuộc hành nào, cũng không nên dùng màu đỏ gạch, nếu không, sẽ gây ảnh hưởng xấu đến tình hình sức khỏe của người trong nhà.

Nếu muốn sử dụng màu cửa chính để tăng cường vận tốt cho nhà ở, thì phương pháp cao tay nhất là phải am hiểu Huyền không ngũ hành. Bài viết này chỉ trình bày về các kiến thức phong thủy nhập môn cơ bản, thuộc trường phái Bát quái. Nhưng nếu như tinh thông hệ thống phong thủy Bát quái, sẽ có thể tiếp thu các kiến thức phong thủy của trường phái khác một cách nhanh chóng, thuận lợi hơn.

*** Các hoa văn trang trí trên cổng chính và cổng xếp có ảnh hưởng đến phong thủy không?**

Đối với dương trạch, cho dù bạn thuộc trường phái phong thủy nào, cũng phải hết sức thận trọng khi xếp đặt, bài trí phần cổng chính, vì cổng chính sẽ ảnh hưởng đến vận khí của cả nhà.

Cổng chính, ngoài việc phải hợp với phương vị ngũ hành, thì màu sắc và hoa văn trang trí cũng có tác động đến phong thủy. Vấn đề màu sắc của cổng chính đã được trình bày kỹ tại bài viết "Màu sắc của cổng chính có ảnh hưởng đến phong thủy không", bài này sẽ chuyển sang trình bày về phần hoa văn trang trí.

Các hoa văn trang trí được tổ hợp từ các hình cơ bản, mỗi loại hình cơ bản lại tương ứng với các hành khác nhau trong ngũ hành:

Kim: hình tròn, hình bán nguyệt

Mộc: hình chữ nhật, hình chuỗi dài

Thủy: tổ hợp được hình thành từ các hình tròn hoặc bán nguyệt, như hình bông hoa, hình gợn sóng.

Hoả: hình tam giác, hình đa giác.

Thổ: hình vuông

Khi sử dụng hoa văn trang trí để phối hợp với phong thuỷ, cần phải nắm được nguyên lý tương sinh tương khắc của ngũ hành:

Nếu như ngũ hành của hoa văn trang trí trên cổng chính hoặc cổng xếp có quan hệ tương sinh hoặc tương đồng với ngũ hành của hướng cổng thì sẽ cát lợi.

Nếu như ngũ hành của hoa văn trang trí trên cổng khắc chế hoặc tiêu hao, tiêu hao ngũ hành của hướng cổng, sẽ ảnh hưởng xấu đến phong thuỷ.

Nếu như ngũ hành của hướng cổng khắc chế ngũ hành của hoa văn trang trí trên cổng chính, cổng xếp, thì không tốt không xấu, chủ vất vả nhưng có thu hoạch.

Sau đây, sẽ căn cứ vào phương vị hướng cổng để trình bày về quan hệ hoà hợp và xung khắc giữa ngũ hành của hoa văn trang trí và ngũ hành của hướng cổng:

◆ *Cổng hướng đông (thuộc phương Chấn)*

Phương đông thuộc Mộc, thích hợp dùng Thuỷ tương sinh, dùng Mộc tương trợ; kỵ bị Kim tương khắc, bị Hoả tiêu hao. Thổ có có ảnh hưởng trung bình, không tốt không xấu.

Nguyên lý phối hợp hoa văn trang trí:

Hợp: Mộc: vạch thẳng, hình chữ nhật; Thuỷ: hình gợn sóng, hình bông hoa.

Kỵ: Kim: hình tròn, hình bán nguyệt; Hoả: hình tam giác, hình mũi nhọn.

Bình thường: Thổ: hình vuông.

◆ *Cổng hướng đông nam (thuộc phương Tốn)*

Đông nam cũng thuộc Mộc, nên cách phối hợp tương tự như trường hợp cổng hướng đông.

◆ *Cổng hướng nam (thuộc phương Ly)*

Phương nam thuộc Hoả, thích hợp dùng Mộc tương sinh, dùng Hoả tương trợ; kỵ bị Thuỷ tương khắc, bị Thổ tiêu hao. Kim có có ảnh hưởng trung bình, không tốt không xấu.

Nguyên lý phối hợp hoa văn trang trí:

Hợp: Mộc: vạch thẳng, hình chữ nhật; Hoả: hình tam giác, hình mũi nhọn.

Kỵ: Thuỷ: hình gợn sóng, hình bông hoa; Thổ: hình vuông.

Bình thường: Kim: hình tròn, hình bán nguyệt.

◆ *Cổng hướng tây nam (thuộc phương Khôn)*

Tây nam thuộc Thổ, thích hợp dùng Hoả tương sinh, dùng Thổ tương trợ; kỵ bị Thuỷ tương khắc, bị Kim tiêu hao. Thuỷ có có ảnh hưởng trung bình, không tốt không xấu.

Nguyên lý phối hợp hoa văn trang trí:

Hợp: Hoả: hình tam giác, hình mũi nhọn; Thổ: hình vuông.

Kỵ: Mộc: vạch thẳng, hình chữ nhật; Kim: hình tròn, hình bán nguyệt.

Bình thường: Thuỷ: hình gợn sóng, hình bông hoa.

◆ *Cổng hướng tây (thuộc phương Đoài)*

Phương tây thuộc Kim, thích hợp dùng Thổ tương sinh, dùng Kim tương trợ; kỵ dùng Hoả tương khắc, dùng Thuỷ tiêu hao. Mộc có có ảnh hưởng trung bình, không tốt không xấu.

Nguyên lý phối hợp hoa văn trang trí:

Hợp: Thổ: hình vuông; Kim: hình tròn, hình bán nguyệt.

Kỵ: Hoả: hình tam giác, hình mũi nhọn; Thuỷ: hình gợn sóng, hình bông hoa.

Bình thường: Mộc: vạch thẳng, hình chữ nhật.

◆ *Cổng hướng tây bắc (thuộc phương Càn)*

Tây bắc cũng thuộc Kim, nên cách phối hợp tương tự như trường hợp cổng hướng tây.

◆ *Cổng hướng bắc (thuộc phương Khảm)*

Phương bắc thuộc Thuỷ, thích hợp dùng Kim tương sinh, dùng Thuỷ tương trợ; kỵ bị Thổ tương khắc, bị Mộc tiêu hao. Hoả có có ảnh hưởng trung bình, không tốt không xấu.

Nguyên lý phối hợp hoa văn trang trí:

Hợp: Kim: hình tròn, hình bán nguyệt; Thuỷ: hình gợn sóng, hình bông hoa.

Kỵ:; Thổ: hình vuông; Mộc: vạch thẳng, hình chữ nhật

Bình thường: Hoả: hình tam giác, hình mũi nhọn.

◆ *Cổng hướng đông bắc (thuộc phương Cấn)*

Đông bắc thuộc Thổ, nên cách phối hợp tương tự như trường hợp cổng mở hướng tây nam.

*** Cửa có nhiều khí tạp phải làm thế nào?**

Theo quan niệm phong thủy dương trạch, một căn nhà không nên mở quá nhiều cửa. Ngoài cửa trước ra, nếu mở thêm cửa sau và hai cửa bên, như kiến trúc của nhiều cao ốc, khu chung cư hiện nay, thì phong thủy sẽ kém. Có người gọi cục diện này là thế "Tứ diện Sở ca" (bốn bề vây bủa), tức thu hút hết các luồng khí từ bốn bên, làm cho khí trong nhà trở nên hỗn tạp, không thuần, dễ khiến vận khí tốt xấu bất thường. Nếu muốn bố trí theo kiểu này, nhất định phải tinh thông và biết vận dụng các phương pháp tính quẻ rút hào đối tượng, nếu không sẽ có nhiều hậu quả khó lường.

Sách *"Địa lý biện chính sơ"* có viết: "Đại nguyên không gồm sáu mươi tư quẻ, tổng cộng ba trăm tám mươi tư hào, mỗi quẻ mỗi hào đều có ý nghĩa riêng", bởi vậy, hướng của phải hết sức chú ý đến phương vị của quẻ, hào.

Nếu nhà ở mở bốn cửa ở bốn bên, muốn giảm bớt khí tạp, chỉ cần đóng kín hai trong số bốn cửa đó (nếu như là cửa tự động thì càng dễ xử lý, cần tắt hệ thống, để ở chế độ ngừng hoạt động), hoặc chỉ mở một cửa cố định, cửa này sẽ thu hút vượng khí Đại nguyên không, đồng thời khí này sẽ được giữ ở trong nhà, như vậy, sẽ có phong thủy phát tài.

Phần lớn nhà ở chỉ mở một cửa ra vào, thế nhưng trong nhà vẫn có rất nhiều cánh cửa: cửa phòng ngủ, cửa phòng làm việc, cửa phòng bếp, cửa nhà vệ sinh... Theo lý thuyết phong thủy, với những căn nhà có diện tích dưới một nghìn thước vuông (khoảng hơn 100m²), không nên có quá năm cánh cửa. Nếu số lượng cửa quá nhiều, nên thường xuyên đóng kín cửa phòng vệ sinh và phòng bếp, khiến khí tảo dương của nhà bếp và khí thuần âm của nhà vệ sinh không bị tổn động trong nhà, như vậy, khí trong nhà sẽ trở nên trong lành hơn, khiến vận khí ổn định, cả nhà được mạnh khỏe an khang.

*** Nhà ở có nên thiết kế cửa vòm (cửa tò vò)?**

Gần đây, rất nhiều người thích thiết kế cửa vòm cho nội thất nhà ở. Đi dạo một vòng qua các căn hộ mới xây, có thể dễ dàng nhận ra sự hiện diện của lối kiến trúc này. Tuy rằng rất ít nhà thiết kế cửa chính theo lối cửa tò vò, nhưng cửa vòm lại là lựa chọn phổ biến cho cửa phòng ngủ, cửa nhà bếp, thậm chí cả trần nhà trang trí cũng làm hình mái vòm.

Xét theo quan điểm phong thủy, các hình hình học đều ứng với ngũ hành, như hình tròn thuộc Kim, hình vuông thuộc Thổ, hình chữ nhật thuộc Mộc, hình tam giác thuộc Hoả, hình lượn sóng thuộc Thủy.

Cửa tò vò có hình bán nguyệt, ứng với hành Kim trong ngũ hành.

Nhiều chuyên gia phong thủy nhận định rằng, hình tròn mang sát khí. Chùa chiền, miếu mạo dùng kiến trúc cửa tò vò không có vấn đề gì, bởi người ở trong chùa miếu phần lớn là độc thân, ít dính dáng duyên trần, nên không sợ tác động của sát khí. Nhưng nhà ở bình thường dùng kiến trúc cửa tò vò là không cát lợi, dễ khiến gia chủ vướng mắc chuyện thị phi, hoặc có vấn đề về sức khỏe.

Nhưng nếu hình tròn gặp đúng vận, vẫn được coi là tốt. Theo phong thủy Huyền không, trong vận bảy, từ năm 1984 đến năm 2003, tượng quẻ là quẻ Đoài, ngũ hành thuộc Kim, hình dạng là hình tròn. Trường phái phong thủy Huyền không rất coi trọng vấn đề dương vận, nếu gặp đúng vận, sẽ cát lợi, nếu không gặp vận, sẽ suy bại. Hình tròn là đúng vận trong vận bảy, nên sử dụng cửa tò vò trong vận này vẫn là cát lợi.

Thế nhưng cần hết sức chú ý, bắt đầu từ năm 2004 là chuyển sang vận thứ tám, hình tròn sẽ không gặp vận, các kiến trúc nội thất trong nhà ở cần phải tương ứng với phong thủy của nhà ở, nếu không sẽ rất bất lợi. Nhưng qua hết một vận cũng đã hai chục năm, nhân cơ hội này để sửa sang, đại tu lại căn nhà, cũng là một chuyện tốt nên làm.

★ Treo gương bát quái có hoá giải được xung sát không?

Rất nhiều chuyên gia phong thủy khuyên gia chủ treo bát quái hoặc gương bát quái lên một số vị trí tại cửa chính và cửa sổ. Vậy rốt cục, treo gương bát quái nhằm mục đích gì?

Bát quái có tác dụng ngăn chặn sát khí, đặc biệt khi cửa chính phạm phải Thái Tuế, cửa sổ bị vật nhọn đâm vào, lại ở vị trí Tuế Phá^[1], thì gương bát quái sẽ có tác dụng hoá giải rất hữu hiệu. Nếu bát quái lại được gia trì hoặc khai quang, thì uy lực hoá giải càng lớn mạnh. Nếu phát hiện cửa sổ nhà bạn có vật nhọn đâm thẳng vào, lựa chọn đơn giản nhất là treo gương bát quái để hoá giải.

^[1] Tuế Phá: Phương vị đối xứng với Thái Tuế, khu vực của Tuế Phá nhiều âm khí, nên dễ phát sinh tai họa.

★ Treo la bàn có hoá giải được xung sát không?

Trên thị trường hiện nay có bán một loại la bàn kích cỡ rất nhỏ, không chỉ dùng để xem phong thủy, mà còn có tác dụng hoá giải tà khí. Vì loại la bàn này không chỉ gọn nhẹ, mà còn có lỗ để xỏ dây treo, rất thuận tiện cho sử dụng.

Trên mặt la bàn có khắc các thiên can, địa chi, bát quái. Tất cả mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ, kể cả các loại tà khí, sát khí, đều tương ứng với âm dương, ngũ hành, bát quái. Bởi vậy, nếu có phương vị nào phạm phải sát khí, có thể treo la bàn để hoá giải.

Giả sử vị trí đầu giường của bạn bị bốn cầu chiếu vào, có thể treo la bàn trên đầu giường để hoá giải tà khí.

★ Cửa chính bị biển báo giao thông hoặc cột đèn chiếu thẳng vào phải hoá giải ra sao?

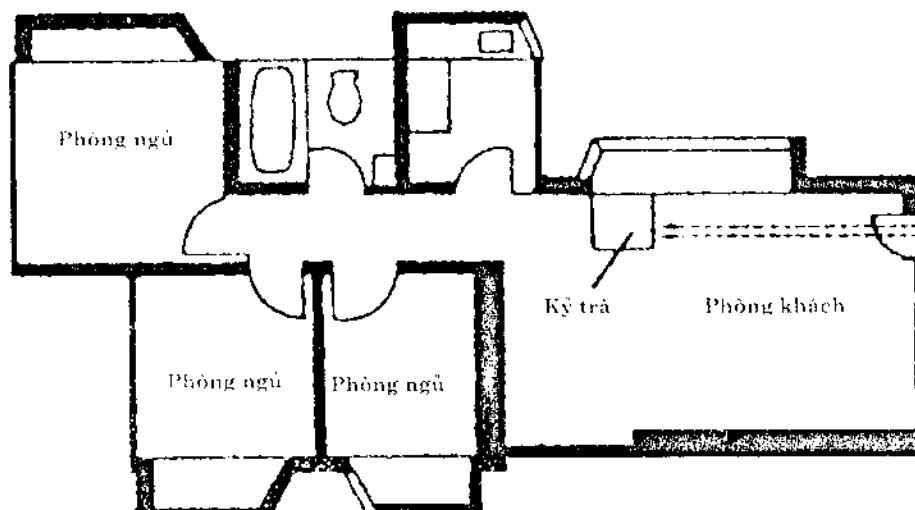
Nếu cửa chính bị cột đèn hoặc biển báo giao thông chiếu thẳng vào là rất bất lợi, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và sự nghiệp, cần nhanh chóng tìm cách hoá giải. Phương pháp hoá giải là lấy dây xích sắt quấn quanh chân cột đèn hoặc biển báo ba vòng, sau đó dùng khoá khoá chặt hai đầu dây xích lại. Như vậy sẽ có thể khắc chế được tính hung của cột đèn, biển báo, đem lại chuyển biến tốt cho vận khí.

★ Cửa chính đối diện với cửa phòng ngủ, có gây bất lợi cho người trong phòng không?

Trong nhiều căn hộ hiện đại có tình trạng cửa chính đối diện với cửa ra vào của một trong những phòng ngủ, tức cửa chính và cửa phòng ngủ "trực xung" với nhau. Các chuyên gia phong thủy phần nhiều đều nhận định, mọi hình thức "xung" đều không tốt. Tuy phong thủy Huyền không quan niệm "xung đúng cung dương vận là cực quý", nhưng phần lớn chúng ta đều không phân biệt được phương vị nào là dương vận, nên để đảm bảo an toàn, tốt nhất là cố gắng tránh thuê hoặc mua những căn nhà có cửa chính đối diện với cửa phòng ngủ. Vì nếu không gặp đúng vận, cửa chính đối diện với cửa phòng ngủ sẽ khiến cho người ở trong phòng đầy vận khí tốt xấu bất thường, dễ vướng mắc vào chuyện thị phi, kiện tụng.

Phương pháp hoá giải thực ra rất đơn giản:

1. Thường xuyên đóng chặt cửa phòng ngủ.
2. Tại khoảng cách giữa cửa chính và cửa phòng ngủ, đặt một chiếc tủ hoặc kỷ trà, vấn đề sẽ được giải quyết (như hình vẽ).



Trong hình vẽ, cửa chính vốn đối diện với cửa phòng ngủ, đặt một kỷ trà ở khoảng giữa hai cửa để chặn luồng khí xung, vấn đề sẽ được hoá giải.

CHƯƠNG 2

TÂM QUAN TRỌNG CỦA PHÒNG NGỦ

Phòng ngủ là nơi nghỉ ngơi của các thành viên gia đình, trung bình mỗi ngày chúng ta ở trong phòng ngủ 7, 8 tiếng, tức một phần ba thời gian trong ngày. Bởi thế, phòng ngủ đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người.

Các vật dụng trong phòng ngủ, như giường, đèn ngủ, bàn trang điểm, kệ đầu giường... đều có ảnh hưởng đến phong thủy. Ngoài tủ đựng quần áo ít gây tác động đến phong thủy, những đồ vật khác đều phải hết sức lưu ý đến cách bày biện. Chương này sẽ trình bày cụ thể về cách bài trí đồ đạc trong phòng ngủ.

*** Giường ngủ cao bao nhiêu là phù hợp?**

Giường ngủ hiện nay có mẫu mã hết sức phong phú, với độ cao phổ biến chừng hơn một thước (khoảng trên dưới 35 phân) Cũng có nhiều người thích dùng giường hộp tatami thay cho giường ngủ.

• Giường ngủ ngày xưa thường cao hơn bây giờ, vì hai nguyên nhân sau:

1. Mặt giường cách mặt đất càng cao, càng khó nhiễm khí ẩm thấp từ mặt đất.
2. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, vi khuẩn thường tập trung tại khoảng không gian cách mặt đất từ hai đến ba thước. Trẻ em bị hạn chế về chiều cao, dễ bị nhiễm vi khuẩn, nên thường xuyên đau ốm. Bởi vậy, làm giường cao sẽ tránh được vấn đề này.

Từ đó, có thể kết luận rằng, giường ngủ tính cả đệm, tốt nhất nên cao hơn nền nhà khoảng hai thước. Nếu dùng giường hộp tatami, cũng nên chọn loại cao hai thước, ngăn gỗ dưới mặt giường có thể dùng để cất quần áo, nhưng không nên để các dụng cụ kim loại hay điện thoại hỏng.

Trước đây, loại giường hai tầng được sử dụng khá phổ biến. Khi sử dụng giường tầng, cần lưu ý những điểm sau đây:

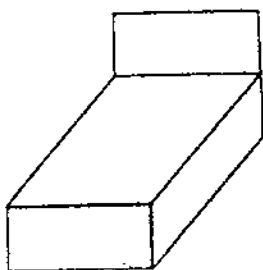
1. Người nằm tầng trên cần phải chú ý đến độ cao so với trần nhà, tối thiểu khi ngồi lên, không chạm đầu vào trần.
2. Người ở tầng dưới nên chú ý vệ sinh gầm giường. Gầm giường quá bẩn, nhiều rác rưởi hoặc nhồi nhét quá nhiều đồ vật, sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và vận khí của người sử dụng.

*** Hình dáng của thành giường có ảnh hưởng đến phong thủy không?**

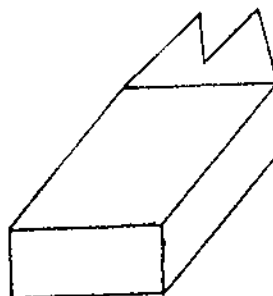
Giường ngủ hiện nay được thiết kế ngày càng hiện đại, đa dạng, theo đó, thành đầu giường cũng có rất nhiều kiểu dáng khác nhau.

Các bạn đã biết, các hình khối khác nhau sẽ tương ứng với ngũ hành khác nhau. Nếu thành đầu giường có hình vuông hoặc hình bán nguyệt là rất cát lợi, nhưng tối kỵ dùng hình tam giác, vì hình tam giác thuộc Hoả, đầu giường có hình Hoả, sẽ khiến tinh thần của chủ nhân giảm sút, tính tình trở nên nóng nảy. Những người bất hợp với Hoả nếu ngủ trên loại giường này, có thể giảm bớt bệnh tật, nhưng về lâu dài vẫn có tác hại, bởi vậy, không phải lúc nào cũng nên hào hứng với các mẫu giường kiểu mới.

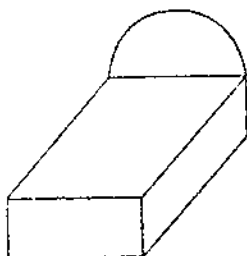
Thành giường hình tròn thuộc hành Kim, vì Kim mang sát khí, nên nếu ngủ trên giường có thành hình tròn dễ gây vấn đề cho sức khỏe. Nhưng cũng tùy theo từng trường hợp cụ thể. Những người cần phải dùng Kim để bổ trợ, như người thuộc mệnh Kim, lại sinh vào mùa hạ, tức thời điểm Kim đã suy yếu, lại hợp với những loại giường ngủ có thành hình tròn. Vì khi đó, Kim của hình tròn sẽ tương trợ cho họ, khiến vận số của họ trở nên tốt đẹp hơn. Bởi vậy, chuyện phong thủy là không thể rập khuôn theo một nguyên tắc cứng nhắc.



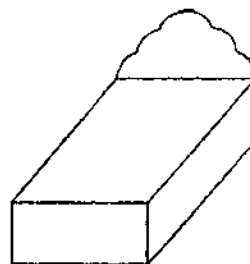
Thành giường hình vuông hoặc hình chữ nhật thuộc hành Thổ hoặc hành Mộc, có lợi cho ổn định công việc.



Thành giường hình tam giác, thuộc hành Hoả, làm ngành nghề gì cũng không nên sử dụng.



Thành giường hình tròn (hoặc bán nguyệt) thuộc hành Kim, hợp với người theo nghề văn chương, cũng hợp với người theo nghiệp võ bị, quân sự.



Hình dáng của thành giường được tổ hợp từ nhiều hình bán nguyệt, tương ứng với hành Thủy, thích hợp cho các công việc mang tính sáng tạo, đầu tư.

★ Có nên treo đồng hồ ở đầu giường hay không?

Đồng hồ treo tường gần như đã trở thành một vật dụng tất yếu của mọi gia đình. Thông thường, các gia đình đều treo đồng hồ tại phòng khách hoặc phòng ăn để tiện theo dõi thời gian.

Thế nhưng cũng có nhiều người thích treo đồng hồ tại tất cả các phòng. Tôi đã từng thấy có nhiều cặp vợ chồng treo đồng hồ tại bức tường phía đầu hoặc chân giường ngủ, như vậy là không hợp với phong thủy.

Treo đồng hồ tại đầu giường cũng tựa như tấm bia đặt trên phần mộ. Treo đồng hồ trên bức tường đối diện với giường ngủ cũng có ý nghĩa tương tự.

Nếu nhất định phải treo đồng hồ trong phòng ngủ, về nguyên tắc, trừ vị trí đầu và đuôi giường ra, treo ở những chỗ khác sẽ không có vấn đề gì đáng ngại.

Trong phòng làm việc cũng không nên treo đồng hồ ở khoảng tường phía trên bàn làm việc. Những vị trí khác đều có thể treo đồng hồ mà không gặp bất lợi.

★ Phương pháp hoá giải khi xà ngang dè xuống giường ngủ?

Nếu giường ngủ của bạn bị xà ngang chiếu thẳng xuống, sẽ rất bất lợi. Xà ngang dè giường không những gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng giấc ngủ, mà xà ngang chiếu xuống bộ phận nào trên cơ thể, bộ phận đó sẽ sinh bệnh tật. Bởi vậy, nếu phát hiện ra xà ngang chiếu thẳng xuống giường, cách tốt nhất là nhanh chóng chuyển giường sang chỗ khác.

Nhưng nếu như phòng ngủ của bạn quá chật hoặc không tìm được chỗ nào không bị xà ngang vắt qua để chuyển giường sang, bạn có thể làm trần giả để che xà ngang đi, hoặc treo tiên cổ Ngũ đế tại hai đầu xà để hoá giải.

★ Bóng đèn chiếu thẳng xuống giường có ảnh hưởng đến sức khoẻ hay không?

Hiện tượng bóng đèn chiếu thẳng xuống phòng ngủ tạo thành thế bóng đèn dè giường là hết sức phổ biến trong kiến trúc nhà ở hiện nay.

Với những phòng ngủ có diện tích hẹp, lại kê giường đôi, khó tránh bị bóng đèn chiếu thẳng xuống một bộ phận nào đó của giường. Nếu như chiếu đúng vào phần đầu của chủ nhân, dễ khiến tinh thần sa sút, suy nhược thần kinh. Nếu chiếu đúng phần bụng, dễ sinh bệnh tật về đường tiêu hoá.

Dẫu không nghiêm trọng bằng tình trạng xà ngang dè giường, nhưng tốt nhất vẫn nên cố gắng không để bóng đèn chiếu thẳng xuống giường ngủ, nên tìm cách chuyển dịch giường ngủ hoặc chuyển bóng đèn sang chỗ khác.

Các bạn nên nhớ, tất cả các loại bóng đèn nếu chiếu xuống giường ngủ đều có tác hại như nhau, không phân biệt bóng đèn huỳnh quang hay bóng đèn tròn.

★ Bộ giường liền với tủ có tốt không?

Để thuận tiện cho sử dụng và tiết kiệm không gian, trên thị trường hiện nay đã tung ra khá nhiều mẫu giường gắn liền với tủ. Trong số đó, có khá nhiều mẫu giường liền tủ được thiết kế theo dạng kệ tủ ngang chồng lên trên đầu giường. Nếu sử dụng mẫu giường này, sẽ gặp phải tình trạng "tủ đè đầu giường"

Bị tủ đè qua đầu giường cũng giống như bị xà ngang đè qua đầu giường, nhưng do tác hại không nghiêm trọng bằng, nên dễ bị mọi người xem nhẹ. Nên nếu các bạn quyết định mua kiểu giường liền tủ, tốt nhất nên chọn những mẫu thiết kế mà phần tủ không đè lên đầu giường, sẽ tốt hơn cho sức khỏe của bạn.

★ Khi đặt tivi trong phòng ngủ cần chú ý những điều gì?

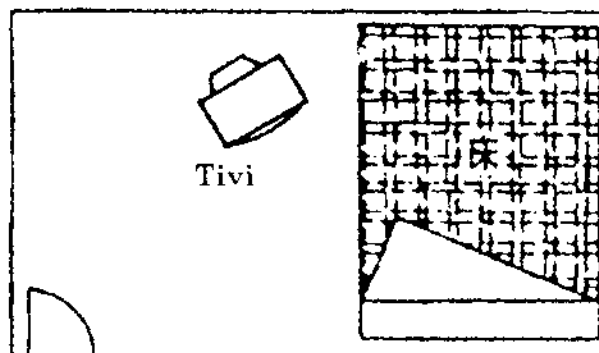
Mức sống của chúng ta đã được nâng cao, đời sống vật chất ngày thêm phong phú, nên hiện nay, một gia đình sở hữu hai hoặc nhiều chiếc tivi đã trở thành chuyện phổ biến. Không hiếm gia đình đặt tivi trong phòng ngủ để có thể vừa nằm vừa xem.

Xét trên góc độ phong thủy và sức khỏe, việc bày tivi trong phòng ngủ là không nên. Vì các thành thị hiện nay đều "tắc đất tắc vàng", diện tích nhà cửa, phòng ngủ phần lớn đều nhỏ hẹp. Nếu thường xuyên tiếp xúc với những thiết bị điện có độ bức xạ cao ở cự ly gần là rất có hại. Khoa học đã chứng minh rằng, nếu đặt tivi ở đầu giường, sẽ làm tăng tỉ lệ mắc nhiều bệnh nan y. Hơn nữa, dòng điện và tia bức xạ còn ảnh hưởng xấu đến khí của đất.

Nhưng nếu các bạn vẫn nhất định muốn đặt tivi trong phòng ngủ, thì cần lưu ý những vấn đề sau:

Không nên đặt tivi ở đầu giường hoặc đuôi giường. Các chuyên gia phong thủy nhận định, đặt tivi ở đầu giường hoặc đuôi giường, sẽ gây cảm giác như nằm ngủ trong mộ, với chiếc tivi ở vị trí bia mộ, như vậy là cực kỳ bất lợi cho vận khí. Trừ hai vị trí này ra, có thể đặt tivi ở hai bên giường, hoặc xéo về phía đầu hoặc đuôi giường, khoảng cách càng xa càng tốt.

Nếu như chọn được vị trí cát lợi để đặt tivi sẽ giúp ích thêm cho phong thủy, nhưng để tìm ra vị trí này, cần phải tiến hành suy đoán, nghiên cứu về mặt lý, khí.



Đây là vị trí tốt nhất để đặt tivi trong phòng ngủ.

★ Tủ lạnh có nên đặt ở đầu giường?

Khá nhiều gia đình phạm phải các lỗi phong thủy sơ đẳng trong việc bố trí giường ngủ. Nhiều nhà sử dụng loại sofa giường làm giường ngủ, đầu giường tiếp giáp với tủ lạnh, cách bài trí như vậy là đã phạm phải điều kiêng kỵ của phong thủy. Tủ lạnh là thiết bị điện, vốn dĩ không nên đặt gần chỗ ngủ. Hơn nữa, trong quá trình hoạt động, tủ lạnh sẽ tạo ra từ trường mạnh, đặc biệt từ trường ở bộ phận tán nhiệt phía sau hoặc phía dưới tủ lạnh là rất lớn, cộng thêm khí lạnh, hơi ẩm và tiếng ồn, sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

Nếu để trẻ em ngủ tại vị trí này, thì cho dù học tập chăm chỉ đến đâu, cũng khó mà đạt được thành tích như ý.

Nếu người lớn ngủ tại vị trí này, thì sẽ trở nên thiếu sáng suốt trong công việc, tinh thần uể oải, kém minh mẫn.

Nếu người sử dụng là các cụ già, sẽ khiến tình trạng sức khỏe của họ ngày càng sa sút.

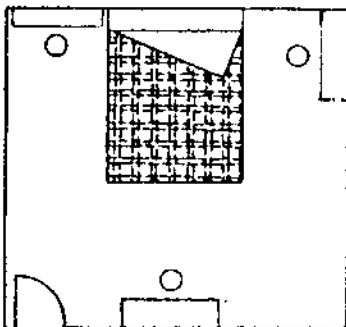
★ Bàn trang điểm nên đặt ở đâu?

Bàn trang điểm là nơi làm đẹp dành cho chị em phụ nữ, cũng cần phải chọn vị trí đặt sao cho phù hợp với phong thủy.

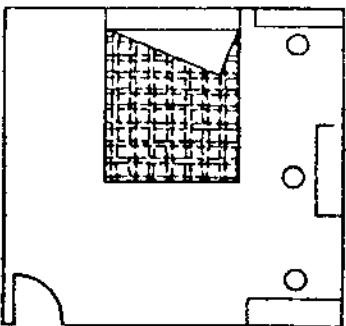
1. Gương trên bàn trang điểm không nên đặt đối diện với cửa phòng, vì dễ khiến người bước vào phòng ngủ giật mình bởi bóng của chính mình trong gương.

2. Gương trên bàn trang điểm không nên chiếu thẳng vào đầu giường, vì dễ khiến người nằm ngủ trên giường gặp ác mộng hoặc tinh thần uể oải.

Cũng có loại bàn trang điểm được thiết kế hai cánh cửa trang trí bên gương, nên khi không cần dùng đến gương, có thể đóng cửa để che lại. Bàn trang điểm loại này có thể đặt ở bất kỳ vị trí nào, mà không sợ bị đối cửa hay chiếu vào đầu giường.



Những vị trí đặt bàn trang điểm như trên là không phù hợp với phong thủy.



Những vị trí đặt bàn trang điểm như trên là phù hợp với phong thủy.

CHƯƠNG 3

TẦM QUAN TRỌNG CỦA NHÀ BẾP

Nhà bếp chiếm một vai trò quan trọng trong phong thủy nhà ở. Ngày nay, các loại bếp ga, bếp điện, lò vi sóng, nồi điện... đã được sử dụng phổ biến để thay thế cho các loại bếp, lò cổ điển. Ngoài bếp ra, vị trí sắp xếp của các vật dụng khác như tủ lạnh, vòi nước, bàn thờ Táo quân cũng có tác động đến phong thủy của nhà bếp.

Nhà bếp là nơi đun nấu đồ ăn, những đồ ăn được nấu nướng từ nhà bếp là nguồn cung cấp năng lượng cho chúng ta, và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của cả gia đình. Nếu bếp đặt ở vị trí xấu, sẽ khiến tình trạng sức khỏe của các thành viên trong gia đình ngày một sa sút; Ngược lại, nếu chọn được vị trí tốt để đặt bếp, sức khỏe của cả gia đình sẽ được đảm bảo. Bởi vậy, vấn đề phong thủy của nhà bếp là không thể xem nhẹ.

★ Nhà bếp nên đặt ở hướng nào thì cát lợi?

Trong kiến trúc nhà ở thời xưa, nhà bếp thường được đặt bên cạnh nhà. Nhưng trong kết cấu nhà ở hiện đại, phòng bếp đã được chuyển hẳn vào trong nhà.

Nhà bếp là nơi nổi lửa nấu nướng, nên xét theo ngũ hành, nhà bếp thuộc hành Hoả.

Nếu nhà bếp đặt ở phía bắc của căn nhà, phương bắc thuộc Thuỷ, sẽ hình thành cục diện "Thuỷ Hoả giao hoà" (thuỷ hoả ký tề), chủ về gia đình bình an.

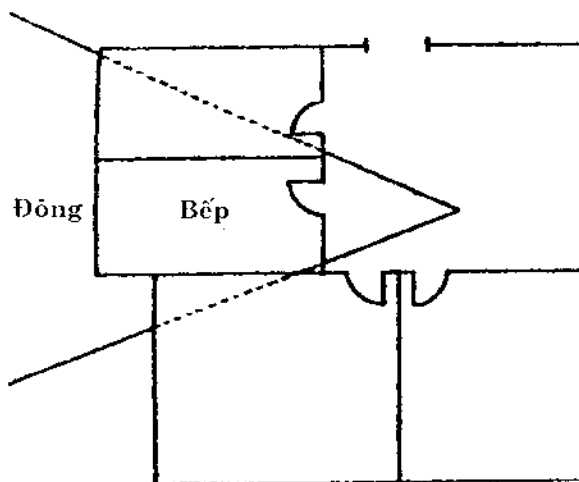
Nếu nhà bếp đặt ở phía đông hoặc phía đông nam, hai hướng này đều thuộc hành Mộc, nên sẽ hình thành cục diện "Mộc Hoả thông sáng", chủ về gia chủ thường được quý nhân phù trợ.

Nếu nhà bếp đặt ở phía đông bắc của căn nhà, đông bắc thuộc hành Thổ, sẽ hình thành cục diện "Hoả Thổ tương sinh", tức dung hoà, hoà hợp. Hoả là quẻ trung âm, Thổ là quẻ thiếu dương, như vậy là âm dương giao hoà, cục diện này là trung cát (cát lợi trung bình).

Nếu nhà bếp đặt ở phía nam của căn nhà, phương nam thuộc Hoả, sẽ hình thành thế Hoả khí quá vượng, cục diện này là tiểu cát (cát lợi ít).

Nếu nhà bếp đặt ở hướng tây hoặc tây bắc, hai hướng này đều thuộc hành Kim, sẽ hình thành thế Hoả Kim xung khắc, chủ về vận khí tốt xấu bất thường.

Nếu nhà bếp đặt ở hướng tây nam, tây nam là hướng sao Bệnh Phù^[1], xét về ngũ hành thuộc hành Thổ, Thổ Bệnh Phù sẽ tiêu hao Hoả khí, chủ về người nhà nhiều bệnh tật.



Trong hình vẽ, nhà bếp nằm ở hướng đông, hình thành thế "mộc hoả thông sáng", là cục diện cát lợi. Nhưng vào năm 1993, Ngũ Hoàng^[1] và Tam Sát^[2] đều nằm ở phương đông, nên cát lại biến thành hung, có thể hoá giải bằng cách bày kỳ lân đồng hoặc giấy trang kim màu vàng tươi tại bất kỳ vị trí nào trong nhà bếp.

* Nên đặt bếp ở vị trí nào?

Bếp là một trong ba vấn đề quan trọng của phong thuỷ nhà ở, nên việc bài trí bếp nấu cần hết sức thận trọng. Để các bạn đọc ít có dịp tiếp cận, nghiên cứu phong thuỷ vẫn có thể bài trí bếp nấu đúng cách, bài viết này sẽ cung cấp cho độc giả một số lý thuyết giản đơn, thực dụng như sau:

1. Tối kỵ để vòi nước chiếu thẳng vào bếp, vì như vậy, sẽ khiến người trong gia đình dễ mắc phải các bệnh đường ruột.
2. Không nên để vòi nước chạy qua bên dưới bếp.
3. Phải thường xuyên lau dọn bếp nấu cho sạch sẽ, nếu không, sẽ ảnh hưởng đến khí của bếp, gây tác động xấu đến sức khoẻ của người trong gia đình.

^[1] Bệnh Phù: Tức sao Nhị Hắc, thường gieo rắc bệnh tật khi gặp phải.

^[2] Ngũ Hoàng: Ngũ Hoàng, còn gọi là sao Liêm Trinh, là đại sát tinh, có hung tính mạnh nhất trong số các phi tinh, vị trí của Ngũ Hoàng đại sát thay đổi theo từng năm, với chu kỳ 10 năm.

^[3] Tam Sát: Tam Sát: là sát tinh trong tam hợp Thái tuế gồm Kiếp sát, Tai Sát và Tuế Sát. Tam Sát là hung tinh có uy lực chỉ đứng sau Ngũ Hoàng.

*** Nồi cơm điện nên đặt ở vị trí nào?**

Những kiểu bếp lò xây bằng gạch, đun bằng củi, than thịnh hành trước đây có lẽ đã "thất truyền" trong xã hội hiện đại. Nhà bếp thời nay hầu hết đều sử dụng bếp ga và nồi cơm điện để thay thế. Bài viết này sẽ trình bày về nồi cơm điện như một loại "bếp" thời hiện đại.

Đặt bếp, phải chú ý đến hướng bếp. Tương tự, khi sử dụng nồi cơm điện, cũng phải chú ý đến hướng đặt nồi. Nhiều chuyên gia phong thủy coi phía công tắc của nồi cơm điện chính là hướng của nồi cơm.

Xét về ngũ hành, thì nồi cơm điện cũng thuộc Hoả. Sau đây, sẽ căn cứ vào hướng của nồi cơm điện để phân tích lành, dữ:

1. Công tắc hướng về phía bắc: Phương bắc thuộc hành Thuỷ, Thuỷ gặp Hoả hình thành thế "Thuỷ Hoả giao hoà", là cát lợi, chủ về gia đình bình an.

2. Công tắc hướng về phía nam hoặc đông nam: Hai hướng này đều thuộc hành Mộc, gặp Hoả hình thành thế "Mộc Hoả tương sinh", cũng là cát lợi, chủ về việc người trong gia đình thường được quý nhân phù trợ.

3. Công tắc hướng về phía đông bắc: Đông bắc thuộc hành Thổ, gặp Hoả hình thành thế "Hoả Thổ tương sinh", là trung cát.

4. Công tắc hướng về phía nam: Phương nam thuộc Hoả, gặp Hoả hình thành thế hoả khí quá vượng, như vậy là tiểu cát.

5. Công tắc hướng về phía tây hoặc tây bắc: Hai hướng này đều thuộc hành Kim, Kim gặp Hoả tạo thành thế Hoả khắc Kim, tiểu hung, chủ về người trong nhà vận khí tốt xấu bất thường.

6. Công tắc hướng về phía tây nam: Là hung, vì tây nam thuộc Thổ, thuộc quẻ âm, hướng sao Bệnh Phù, gặp Hoả của nồi cơm điện sẽ giúp tà khí sinh vượng, càng trở nên hung dữ, dễ khiến người trong nhà sinh nhiều bệnh tật.

Nồi cơm điện gia dụng đều có kích cỡ gọn nhẹ, nên sẽ chẳng khó khăn gì để bạn xoay cho nó quay về hướng tốt.

*** Vòi nước, bồn rửa trong nhà bếp nên đặt ở vị trí nào?**

Sách phong thủy xưa có viết: "núi quản người nước quản của" (sơn quản nhân, thủy quản tài). Phong thủy học quan niệm, yếu tố nước gắn liền với tài vận, nên bất kể là dương trạch hay âm trạch, đều phải chú ý đến vị trí của yếu tố nước.

Yếu tố nước trong nhà bếp, chính là bồn rửa. Vòi nước là nguồn nước, còn bồn rửa khi chứa đầy nước chính là nơi tích tụ nước, khi không chứa nước sẽ trở thành chỗ thoát nước. Nếu bồn rửa, vòi nước đặt đúng vị trí đương vận, thì tình hình tài chính của gia chủ sẽ có chuyển biến tốt.

Nếu như bên ngoài căn nhà có yếu tố nước như hồ, ao, sông, biển, sẽ tính phương vị dựa vào điểm trung tâm của toàn bộ căn nhà. Nhưng khi xem xét yếu tố nước ở bên trong căn nhà, sẽ tính phương vị dựa vào điểm trung tâm của mỗi một khoảng không gian, mỗi một căn phòng (mỗi vật một thái cực).

Yếu tố nước đặt tại vị trí Linh thần hoặc Chiếu thần^[1] là vượng nhất. Sách "*Thiên ngọc kinh*" có viết: "Chính thần đặt ở vị trí chính, đưa nước vào vị trí Linh thần", và "Nhận biết được Linh thần và Chính thần, chẳng mấy mà rộng bước đường mây", tức cho rằng vị trí Linh thần có nước sẽ là cát lợi. Ngoài vị trí Linh thần, nếu ở vị trí Chiếu thần có nước, thì nước ấy gọi là nước "thôi quan" (thăng quan tiến chức), cũng là cát lợi. Còn nước ở vào vị trí Chính thần là thể đại hung, chủ về phá tài.

Từ năm 1984 (Giáp Tý) đến năm 2003 (Quý Mùi) là vận thứ bảy (thất vận) thuộc Hạ nguyên:

Phương vị linh thần: phương đông, nên có nước, chủ về vượng tài.

Phương vị chiếu thần: tây nam, nên có nước, chủ về tụ tài.

Phương vị chính thần: phương tây, kỵ gặp nước, chủ về phá tài.

Từ năm 2004 (Giáp Thân) đến năm 2023 (Quý Mão) là vận thứ tám (bát vận) thuộc Hạ nguyên:

Phương vị linh thần: tây nam, nên có nước, chủ về vượng tài.

Phương vị chiếu thần: phương đông, nên có nước, chủ về tụ tài.

Phương vị chính thần: đông bắc, kỵ gặp nước, chủ về phá tài.

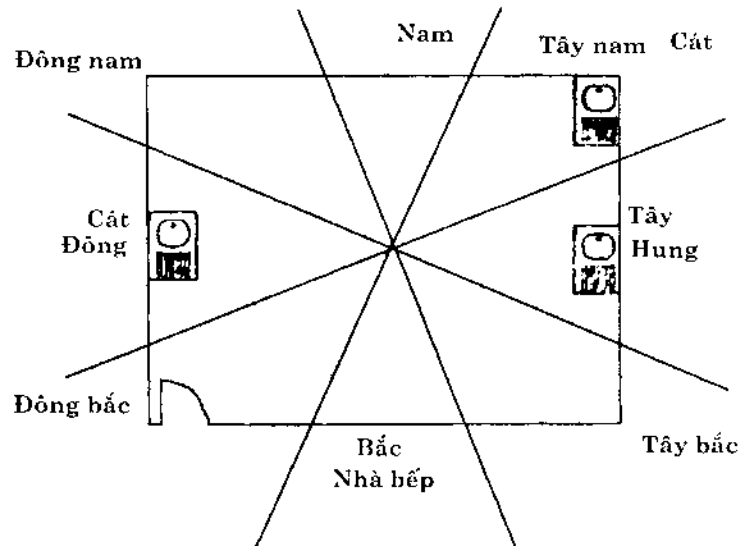
Từ năm 2024 (Giáp Thìn) đến năm 2043 (Quý Hợi) là vận thứ chín (cửu vận) thuộc Hạ nguyên:

Phương vị linh thần: phương bắc, nên có nước, chủ về vượng tài.

Phương vị chiếu thần: đông nam, nên có nước, chủ về tụ tài.

^[1] Linh thần, Chiếu thần: Theo phái phong thủy Huyền không, mỗi số sẽ quản thủ một vận, khi đến vận của số nào thì số đó sẽ là Chính thần, nên Chính thần chính là đương vận; vị trí đối xứng với Chính thần là Linh thần, vậy Linh thần là thất vận, vị trí ở tương ứng với số của Chính thần là Chiếu thần

Phương vị chính thần: phương nam, kỵ gặp nước, chủ về phá tài.



Từ năm 1984 đến năm 2003 (vận thứ bảy), đặt nước (bồn rửa) tại phía đông và phía tây nam của nhà bếp là cát lợi, tốt cho tài vận; Nhưng nếu đặt bồn rửa ở phía tây, sẽ không tốt, dễ gây hao tài phá lộc.

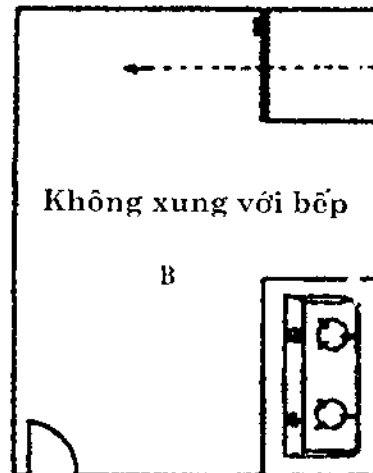
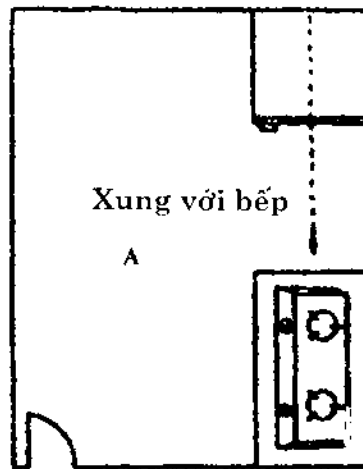
★ Tủ lạnh nên đặt ở vị trí nào?

Tủ lạnh là nơi cất trữ thức ăn, mà thức ăn tốt hay hư hỏng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của mỗi người. Bởi vậy, vị trí đặt tủ lạnh cũng phải tính toán sao cho phù hợp với phong thủy.

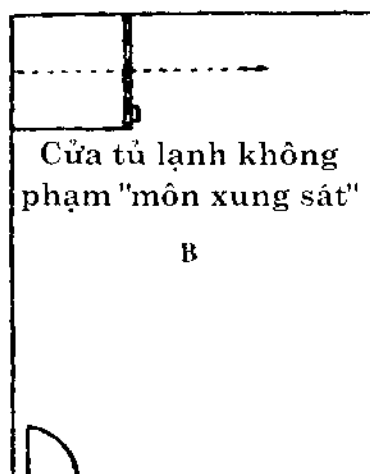
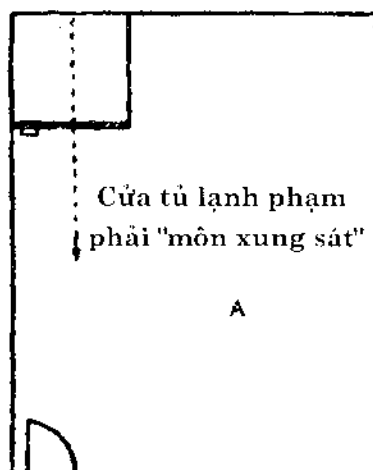
Chọn vị trí đặt tủ lạnh, cần phải chú ý đến hai điểm sau:

1. Cửa tủ lạnh không nên đối diện với cửa nhà bếp, vì như vậy, sẽ ảnh hưởng đến thời gian bảo quản của thực phẩm, tác động xấu đến tình hình sức khỏe của người trong nhà. Theo phong thủy, cửa tủ lạnh trực xung với cửa nhà bếp là phạm phải "môn xung sát".

2. Cửa tủ lạnh không nên đặt đối diện với bếp.



Trong hình A, cửa tủ lạnh xung với bếp nấu, nên đổi hướng cửa tủ như hình B, vấn đề sẽ được hoá giải.



Trong hình A, cửa tủ lạnh trực xung với cửa bếp, phạm "môn xung sát", nên đổi hướng như hình B, vấn đề sẽ được hoá giải.

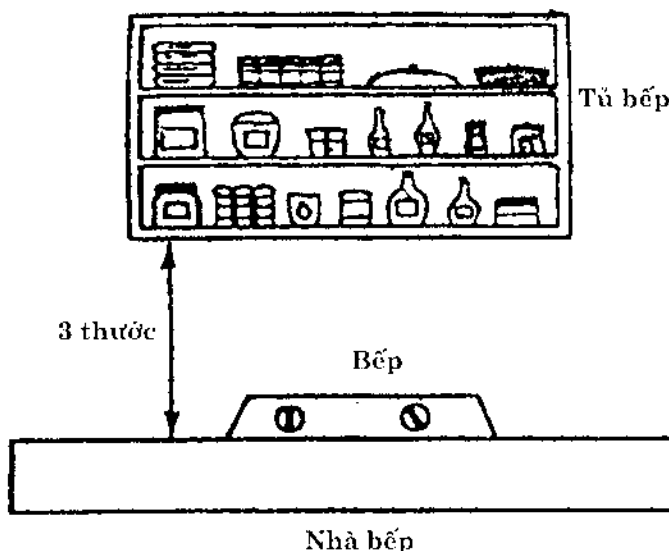
*** Tủ bếp có ảnh hưởng đến phong thủy không?**

Chăm thuận tiện cho việc nấu nướng, nhà bếp luôn phải trang bị đầy đủ những dụng cụ làm bếp cần thiết, như bát, đĩa, dũa, thìa, gia vị mắm muối... Các dụng cụ này đều cần phải có chỗ để, nên nhiều bà nội trợ đã cho lắp các tủ bếp treo trên tường làm nơi cất giữ, vừa tiết kiệm không gian, vừa thuận tiện để sử dụng trong khi làm bếp.

Tủ bếp có thể lắp đặt tại bất kỳ vị trí nào trong nhà bếp, chỉ cần chú ý một điểm, là tủ bếp không được đè lên trên bếp nấu.

Nếu nhất định phải lắp đặt tủ bếp ở phía trên bếp nấu, thì khoảng cách không nên quá gần, vì sẽ gây bất lợi, ngoài việc gây vướng víu cho việc nấu nướng, còn tác động xấu đến sức khỏe của các thành viên gia đình. Khoảng cách tối thiểu giữa bếp và tủ bếp là ba thước, như vậy mới phù hợp với nguyên tắc phong thủy.

Còn máy hút mùi ít gây ảnh hưởng đến phong thủy, nên lắp phía trên bếp nấu không coi là đè lên bếp.



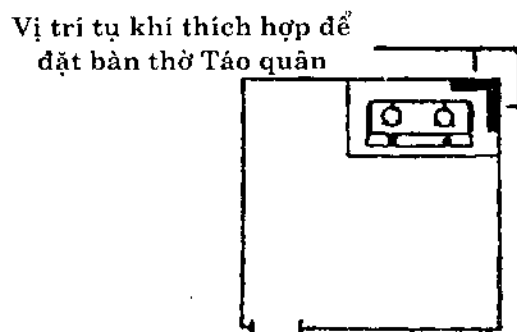
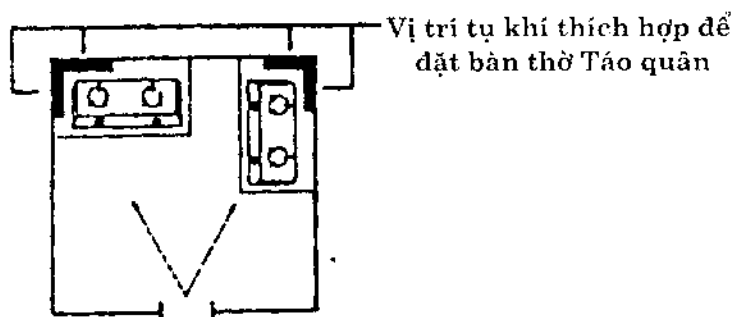
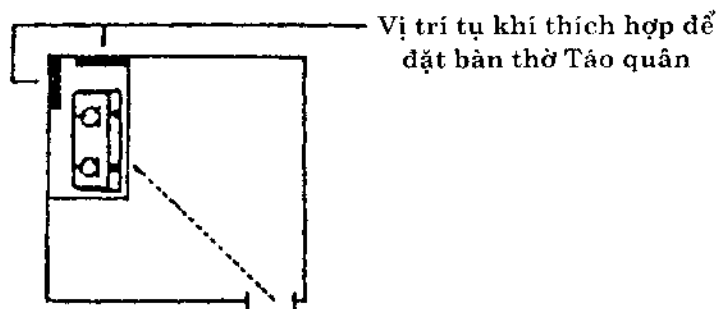
*Khoảng cách tối thiểu giữa bếp và tủ bếp là ba thước
mới phù hợp với nguyên tắc phong thủy.*

★ Nhà bếp có nhất định phải lập bàn thờ Táo quân hay không?

Tín ngưỡng dân gian của người Trung Quốc có sức ảnh hưởng rất sâu rộng, phần nhiều người dân đều cho rằng, nhà bếp nhất định phải thờ Táo quân. Nhưng thực chất, không nhất thiết phải lập bàn thờ Táo quân trong bếp. Xưa nay có rất nhiều người không cúng Táo quân mà đâu có gặp phải tai ương gì!

Thờ cúng Táo quân chắc chắn sẽ phải thắp hương, khi đốt hương sẽ tạo nên dòng khí và sức nóng, gây ảnh hưởng đến phong thủy. Bởi vậy, bàn thờ Táo quân cần phải đặt ở vị trí cát lợi, như vị trí tụ khí trong bếp.

Vị trí tụ khí thường là góc tường đối diện chéo với cửa bếp (như trong hình vẽ minh họa). Nếu bàn thờ Táo quân được đặt đúng vị trí cát lợi, sẽ giúp ích cho sức khỏe của các thành viên trong gia đình. Bởi vậy, nếu như gia đình bạn có thói quen thờ cúng Táo quân, cần chọn đúng vị trí để lập bàn thờ.



CHƯƠNG 4

VAI TRÒ CỦA CÁC YẾU TỐ KHÔNG GIAN XUNG QUANH NHÀ Ở

Các yếu tố không gian xung quanh nhà có mối liên hệ mật thiết với nhà ở về cả sinh hoạt và phong thủy.

Không gian xung quanh nhà ở bao gồm rất nhiều yếu tố đa dạng như cao ốc, nhà tầng, núi sông, ống khói, đường đi... Mỗi yếu tố đều gây tác động đến phong thủy của ngôi nhà, có tác động tốt, cũng có tác động xấu, và có thể ảnh hưởng đến các mặt sức khỏe, sự nghiệp, tài vận của các thành viên trong nhà. Bởi vậy, chương này sẽ chuyên trình bày về tác động của các yếu tố không gian đối với phong thủy của nhà ở, hy vọng những tri thức này có thể giúp ích được các bạn trong việc xử lý các vấn đề có liên quan đến phong thủy.

*** Cửa sổ đối diện với gương hoặc chảo sắt có bất lợi hay không?**

Các thành thị lớn hiện nay đều ở trong tình trạng đất chật người đông, không gian sống chật hẹp, nên tình trạng cửa sổ nhà mình đối diện với cửa sổ nhà hàng xóm đã trở nên vô cùng phổ biến. Nếu như treo chảo sắt phía dưới cửa sổ nhà mình để ngăn chặn tà khí, sẽ gây bất lợi cho nhà đối diện. Tại các khu dân cư mới hầu như không còn ai sử dụng phương pháp này, như tại những vùng thôn quê hẻo lánh, thì thoảng vẫn bắt gặp những trường hợp "ích kỷ hại nhân" như vậy.

Mọi người thường nhận định rằng, treo chảo sắt sẽ có tác dụng hoá giải tà khí. Thế nhưng nếu như nhà khác bị chảo sắt chiếu vào, sẽ khiến vận khí của nhà đó trở nên tốt xấu bất thường.

Phương pháp hoá giải như sau:

1. Nếu thấy phía cửa sổ đối diện treo chảo sắt, cần buông rèm cửa để hoá giải.
2. Có thể trồng cây, hoa trước cửa sổ. Mọi người thường cho rằng, xương rồng không gai có tác dụng hoá giải tà khí. Nhưng nếu không tìm được xương rồng, cũng có thể thay bằng cây trầu bà.

★ Qua cửa sổ nhìn thấy đồ lót, có vấn đề gì không?

Trong kiến trúc nhà ở kiểu cũ, ban công thường hướng ra mặt đường, nên sẽ đối diện với ban công của nhà đối diện. Nếu như nhà đối diện phơi quần áo tại ban công nhà họ, thì chắc hẳn dù không muốn, bạn vẫn tường tận về tình hình ăn mặc của các thành viên trong nhà họ.

Trong tình hình đó, rất nhiều người quan tâm đến phong thuỷ thắc mắc rằng, nếu ban công nhà đối diện thường xuyên phơi phóng đồ lót nữ thì có ảnh hưởng xấu đến phong thuỷ của nhà mình hay không?

Rất nhiều nam giới đều quan niệm rằng, đồ lót của phụ nữ là một thứ rất tà môn, vậy đâu là nguyên nhân gây nên nỗi ác cảm đó? Là vì chị em khi "đến tháng" nếu không biết xử lý vệ sinh thoả đáng, sẽ dấy bẩn ra đồ lót. Những chất bài tiết đều là uế khí, uế khí thuộc âm, do đó, sân phơi quần áo trở nên nặng nề âm khí.

Tất nhiên, hàng xóm muốn phơi gì, treo gì ở ban công, chúng ta không thể can thiệp được. Cách tốt nhất là không nên bày ban thờ thần ở ban công (kể cả tranh thờ Thiên Quan Tứ Phúc, tức Tử Vi Đế Quân), không để các ban thờ, tranh tượng thờ đó đối diện với sân phơi, như vậy, sẽ không ảnh hưởng xấu đến phong thuỷ. Nếu bạn đặt bàn thờ, tranh tượng thờ ở ban công, bất các vị thần phải sớm chiều đối diện với đủ loại quần áo, chắc chắn sẽ tác động xấu đến vận khí của cả nhà.

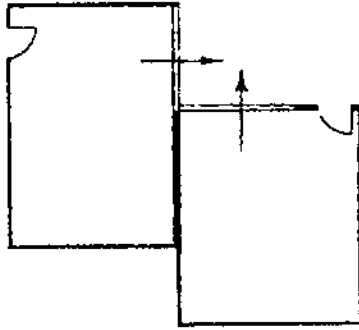
★ Cửa sổ hai nhà quá gần nhau liệu có ảnh hưởng đến phong thuỷ?

Đây là một vấn đề rất thường gặp tại các khu nhà ở hiện đại: cửa sổ đối diện với cửa sổ nhà hàng xóm, khoảng cách lại rất gần, vậy rút cục như thế có ảnh hưởng đến phong thuỷ không?

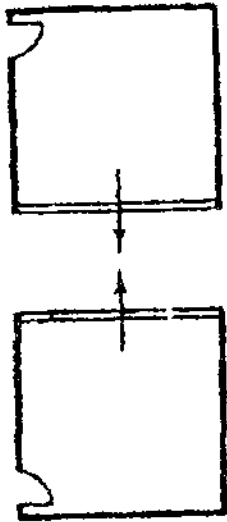
Trước hết, cần nói rõ, khoảng cách là bao xa thì được coi là gần. Nếu như khoảng cách dưới 10m (chừng 33 thước) tức là gần, nếu như hai cửa sổ đối diện cách nhau hơn 10m, thì cơ bản không có ảnh hưởng gì.

Nếu cửa sổ nhìn thẳng vào cửa sổ nhà hàng xóm ở khoảng cách gần, dễ khiến cho vận số của người nhà tốt xấu bất thường. Vì phong thuỷ của hai căn nhà chưa chắc đã hoàn toàn giống nhau, cửa sổ đối nhau sẽ khiến vận khí của hai nhà giao tiếp với nhau qua cửa sổ, bởi vậy, mà trở nên bất ổn. Nhưng hiện tượng này chỉ giới hạn ở cửa sổ phòng khách, nếu cửa sổ phòng khách không đối diện với nhau, khoảng cách gần cũng không có vấn đề gì đáng ngại.

Để hoá giải vấn đề này, chỉ cần thiết kế cho cửa sổ nhà bạn một tấm rèm, mọi bất lợi tự nhiên sẽ tiêu biến.



Cửa sổ không nhìn vào nhau, khoảng cách gần cũng không có vấn đề gì.



Cửa sổ hai nhà nhìn thẳng vào nhau ở khoảng cách quá gần sẽ gây bất lợi.

*** Nhà có quá nhiều cửa sổ là tốt hay xấu?**

Cửa sổ là nơi đón nhận khí dương (ánh sáng mặt trời thuộc khí dương), nếu cửa sổ quá ít sẽ khiến cho âm thịnh dương suy, ngược lại, cửa sổ quá nhiều sẽ gây dương thịnh âm suy, đều không đạt được tiêu chuẩn cân bằng âm dương. Mặt khác, nếu cửa sổ quá nhiều, sẽ hình thành nhiều hướng cửa sổ, có cửa hướng về nơi khí lạnh, có cửa lại quay về nơi khí xấu, như vậy sẽ gây rối loạn cho phong thủy của cả nhà.

Vậy nếu nhà ở lỡ thiết kế quá nhiều cửa sổ, cần phải hoá giải bằng cách nào?

Thứ nhất, không nên mở hết toàn bộ các cửa sổ, chỉ cần mở một vài cửa đủ để thông khí là đủ. Thứ hai, cửa sổ quá nhiều sẽ khiến ánh sáng quá chói, cần phải dùng rèm cửa che bớt. Thứ ba, về rèm cửa, nên chọn loại màn mỏng, vì có thể điều chỉnh được độ sáng.

*** Nhà ở gần khu vệ sinh công cộng có ảnh hưởng gì không?**

Trong những chung cư kiểu cũ, mỗi tầng chỉ có một khu vệ sinh chung, nên chắc chắn sẽ có một hoặc vài nhà ở phải tiếp cận với khu vực vệ sinh này. Các chuyên gia phong thủy đều nhận định rằng, nhà ở gần khu vệ sinh công cộng là vị trí rất bất lợi, dễ gây ảnh hưởng xấu cho sức khỏe của các thành viên gia đình. Nhưng nếu đã an cư tại những vị trí đó, không thể chuyển đi đâu khác, thì vẫn có những cách hoá giải dành cho trường hợp này.

Trước khi trình bày về cách hoá giải, xin được liệt kê những mặt bất lợi khi nhà ở gần khu vệ sinh công cộng:

1. Nhà vệ sinh công cộng là nơi khí âm tích tụ, có ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe của con người, đặc biệt là dễ gây bệnh tật về đường tiết niệu.

2. Xét về khía cạnh môi trường, thì mùi hôi thối từ nhà vệ sinh sẽ thu hút các loài côn trùng, động vật có hại như gián, chuột, gieo rắc các mầm bệnh có hại.

Phương pháp hoá giải: vì nhà vệ sinh công cộng là nơi tích tụ khí âm, nên nếu nhà ở gần đó, trong nhà nên thắp đèn trường minh, hoặc thắp sáng một bóng đèn bất kỳ trong nhà suốt ngày đêm.

Nhà ở nên vệ sinh sạch sẽ, thoáng dăng, để các loài côn trùng, động vật gây hại không thể sống ký sinh trong nhà.

*** Nhà ở gần phòng chứa rác hay trạm biến áp có vấn đề gì không?**

Theo lý thuyết phong thủy, phòng chứa rác và trạm biến áp là hai đối tượng hoàn toàn khác nhau về bản chất:

Phòng chứa rác: là nơi chứa đựng rác rưởi dơ bẩn, nên khí âm cực nặng, dễ thu hút các loại chuột bọ, ruồi muỗi tập trung đến, thường xuyên bốc mùi hôi thối.

Phương pháp hoá giải: Đặt một ngọn đèn trường minh ngoài cửa, dùng khí dương của ánh đèn để xua đuổi khí âm. Ngoài ra, cần hết sức chú ý đến vệ sinh nhà cửa.

Trạm biến áp: là nơi phân phối điện cho mỗi tầng, mỗi khu nhà, nên là nơi hoả khí vượng nhất, thuộc khí thuần dương táo hoả.

Nếu như cửa nhà đối diện với trạm biến áp, dễ khiến người trong nhà tính khí nóng nảy, dễ cáu giận, đồng thời dễ mắc các bệnh ngoài da.

Phương pháp hoá giải: trước cửa treo hoặc bài trí một số đồ ngọc hoặc sành sứ, tức dùng Thổ để tiêu hao hoả khí.

*** Nhà ở gần nghĩa trang hoặc nhà tang lễ phải hoá giải ra sao?**

Nhà ở của người sống gọi là dương trạch, nên dương trạch chỉ tất cả những nhà cửa phục vụ cho các hoạt động của người sống, như nhà ở, văn phòng, công xưởng, cửa hàng... Còn nơi an nghỉ của người chết là âm trạch, mà chúng ta vẫn quen gọi là mồ, mả.

Nhà tang lễ hay nghĩa trang đều là nơi âm khí bao trùm, nếu làm nhà ở gần những nơi đó, khí âm trong nhà sẽ rất thịnh, dễ khiến người trong nhà thường xuyên bệnh tật hoặc gặp tiểu nhân gây chuyện thị phi.

Có ba phương pháp hoá giải như sau:

1. Cần phải mở cửa nhà về hướng quẻ dương vận.
2. Thường xuyên mở những cửa sổ hướng về hướng dương vận để thu nạp vượng khí.
3. Nếu bản thân không am hiểu về phong thuỷ, sẽ khó thực hiện được phương pháp 1 và 2. Khi đó, có thể đặt đèn trường minh tại phòng khách để tăng cường khí dương cho căn nhà.

*** Nhà ở gần chùa miếu có ảnh hưởng đến phong thuỷ không?**

Sách phong thuỷ xưa có viết: "Thần phía trước, miếu phía sau là thế đất thuận sát khí" (*Thần tiền miếu hậu vi cô sát chi địa*).

"Thần phía trước, miếu phía sau", tức phiếm chỉ nhà cửa ở gần chùa chiền, miếu mạo, nhà thờ...

Trước đây, nhiều nhà ở gần chùa miếu, nhà thờ thường treo chảo sắt dùng để xào nấu ở bên ngoài cửa sổ. Nhưng đây có thực sự là cách hoá giải tốt hay không?

Người xưa cho rằng, những vật có hình tròn và lồi lên đều có khả năng cản trở, hoá giải sát khí, như vậy, chảo đáy tròn rất phù hợp với yêu cầu này. Hơn nữa, qua một thời gian đun nấu, chảo có màu đen, đáy chảo dính thêm nhiều dầu mỡ, quan niệm dân gian cho rằng như vậy, khả năng cản trở sát khí của chảo sắt sẽ càng hiệu quả hơn. Nhưng sẽ rất tức cười nếu đem chiếc chảo lấm lem đó treo tại những khu nhà hiện đại. Mặt khác, chảo sắt có thể phản chiếu xung khí sang nhà người khác, nên đây là cách làm ích kỷ, vô lương tâm. Chúng ta cần tìm những biện pháp phong thuỷ khác để hoá giải. Tốt nhất là nên treo gương lồi hoặc gương phẳng ở nơi hướng về chùa chiền hay nhà thờ, như thế sẽ đảm bảo mỹ quan. Nếu không hoá giải, dễ khiến người trong nhà thường xuyên đau ốm, tính khí sẽ trở nên nóng nảy, cáu bẳn.

★ Nhà ở gần bến tàu điện ngầm có vấn đề gì không?

Song song với việc phát triển các tuyến đường sắt ngầm tại nhiều đô thị hiện đại, rất nhiều nhà cửa đã phải xây dựng bên trên ga tàu điện ngầm. Mặt khác, do giao thông thuận tiện, giá nhà đất quanh ga tàu điện ngầm thường đắt hơn so với những khu vực khác.

Nhà cửa ở gần ga tàu điện ngầm về cơ bản không có vấn đề gì đáng ngại về phong thủy, nhưng có một vài điểm đáng chú ý sau đây:

Nếu như đường ray đi xuyên qua phía dưới căn nhà, sẽ khiến cho phong thủy của nhà ở trở nên rất xấu, phạm phải "xuyên tâm sát" dưới lòng đất, gây ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đối với những người sinh sống ở tầng dưới, dễ xảy ra vấn đề về sức khỏe, vận khí bất ổn.

Thế nhưng nếu như nội thất của nhà ở được bài trí hợp với phong thủy, hướng nhà hợp với vận quẻ, thì có thể đảm bảo cho tài vận và sức khỏe của người trong nhà được ổn định. Nhưng nếu gia chủ không am hiểu về vận quẻ, tốt nhất nên chọn mua nhà ở những tầng cao.

Nếu như bạn mua nhà ở gần ga hoặc đường tàu điện ngầm, cần chú ý đến vị trí ban thờ, nếu ban thờ đặt ở hướng không tốt, lại bị ảnh hưởng bởi "xuyên tâm sát" dưới lòng đất, sẽ khiến vận khí của gia đình càng trở nên suy vi.

Trong vận tám (bát vận, từ năm 2004 đến năm 2023), hướng đông bắc là hướng vượng, phù hợp để đặt bàn thờ.

Ngoài ra, bạn cũng phải chịu khó xem lịch "*Thông thảng*" mỗi năm, để tìm hiểu về phương vị của vận số mỗi năm, sao Thất Xích nằm ở phương nào, thì đó chính là phương vị cát lợi, đặt bàn thờ tại đó sẽ khiến vận số của người trong nhà được bình ổn, đồng thời cũng hoá giải được ảnh hưởng xấu của "xuyên tâm sát" dưới lòng đất.

★ Làm thế nào để hoá giải quang sát^[1]?

Nếu nhà ở nằm tại những vị trí thường xuyên bị ánh đèn chiếu phải là phạm phải quang sát. Như một số cao ốc, khu chung cư nằm đối diện với chỗ đường ngoặt hoặc khúc ngoặt của cầu vượt, ban đêm khi xe cộ đi qua chỗ ngặt này, ánh sáng từ đèn pha trước đầu xe sẽ quét thẳng vào nhà hoặc một tầng nhà, như vậy, những nhà ở đó sẽ phải chịu tác hại của "quang sát", khiến tình hình sức khỏe của người trong gia đình trở nên xấu đi.

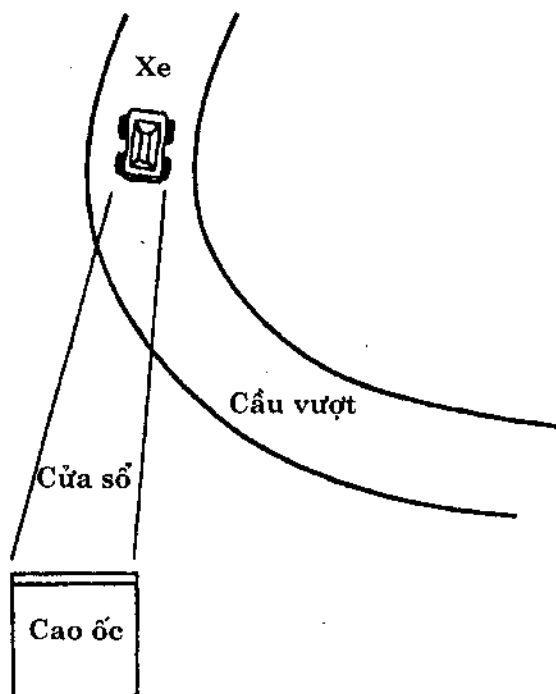
^[1] Quang sát: hung sát do ánh sáng mang lại.

Nếu quang sát đến từ hướng xung khắc, thì tác hại càng trở nên nghiêm trọng.

Nếu nhà ở phạm phải quang sát, có thể tham khảo những phương pháp hoá giải như sau:

1. Lắp rèm dày cho cửa sổ, tối đến cần buông kín rèm.

2. Treo bát quái bên ngoài cửa sổ, nhưng phải chọn loại không đánh gương, vì gương sẽ phản xạ ánh sáng về phía người lái xe, gây ảnh hưởng đến tầm nhìn của họ, dễ xảy ra tai nạn.



Vị trí nhà ở như hình vẽ trên thường xuyên bị đèn pha xe cộ chiếu thẳng vào, tức phạm phải quang sát.

★ Cửa sổ nhà đối diện với những gì là cát lợi?

Những độc giả đã từng đọc qua sách phong thuỷ hẳn đều hiểu rõ các khái niệm "tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, tiền Chu Tước, hậu Huyền Vũ".

Bài viết này sẽ trình bày riêng về "tiền Chu Tước".

"Tiền Chu Tước" là chỉ về khoảng không gian phía trước căn nhà, còn gọi là "minh đường". Nhiều chuyên gia phong thuỷ coi khoảng không gian bên ngoài cửa sổ là "minh đường", tức mặt nhà có mở nhiều cửa sổ nhất. Vì cửa sổ là nơi đón nhận

ánh sáng mặt trời, mà ánh sáng mặt trời chính là khí dương, dương trạch coi dương là hướng của nhà.

Khi đã tìm được hướng của căn nhà, bạn hãy đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài, chú ý xem có những vật gì trong khu vực "minh đường". Nếu như trong minh đường xuất hiện những sự vật sau là cát lợi:

1. Ao nước, hồ bơi
2. Công viên, sân bóng
3. Bãi đỗ xe, cung đường vòng lại
4. Hồ nước, sông ngòi
5. Biển

Qua cửa sổ nhìn thấy nước, đó là nước minh đường, có thể tăng cường tài vận, nếu theo nghề kinh doanh buôn bán, thì vị trí này sẽ trợ giúp cho việc làm ăn của bạn trở nên phát đạt.

Nếu trước cửa sổ là khoảng không rộng rãi, tức minh đường thông thoáng, tuy tài vận không tốt bằng khi thấy nước, nhưng vẫn rất ổn định.

★ Nhà ở gần đồi núi, phong thủy có tốt không?

Phong thủy học quan niệm, núi ở gần nhà phần lớn đều là thế cát lợi. Núi ở phía sau nhà là thế "kháo sơn" (núi dựa); Núi ở phía trước nhà là thế "triều sơn" (núi châu); Núi ở bên trái nhà gọi là "Thanh Long sa"⁽¹⁾ (núi Thanh Long), núi ở bên phải nhà gọi là "Bạch Hổ sa" (núi Bạch Hổ). Phía sau có "kháo sơn", sẽ có người quyền thế phù trợ; Bên trái, bên phải dựa vào sa Thanh Long, sa Bạch Hổ, sẽ được người dưới giúp đỡ. Phía trước có "triều sơn", sẽ được quý nhân khắp bốn phương phù trợ. Bởi vậy, gần nhà có núi đều là thế cát lợi.

Tuy vậy, tùy theo hình dạng, núi được phân chia thành núi tốt và núi xấu. Núi có thể chia làm hai loại lớn, là minh sơn và liệt sơn. Minh sơn, tức núi tốt, là những núi có hình thế đẹp đẽ, cây cối tốt tươi. Liệt sơn, tức núi xấu, là những núi đá khô cằn, cây cỏ xơ xác.

Núi có hình dạng khác nhau, cũng có những tác động khác nhau về phong thủy. Lý thuyết phong thủy rất coi trọng việc phân tích các thế núi cùng mức độ ảnh hưởng của chúng. Về hình thù của núi, đơn giản nhất là chia làm ngũ tinh (năm sao), phức tạp hơn là chia thành cửu tinh cửu biến (chín sao, chín biến hình).

⁽¹⁾ Sa: núi nhỏ, núi phụ bên cạnh chủ sơn.

Cửu biến có chín loại:

Biến thứ nhất: Chính thể (hình cơ bản): Không có Thanh Long, Bạch Hổ (bên trái, bên phải không có núi).

Biến thứ hai: Khai khẩu (mở miệng): Sườn núi dốc thẳng.

Biến thứ ba: Huyền nhũ (vách rủ): Bên trên có đỉnh, bên dưới có sườn, gồm đủ Thanh Long, Bạch Hổ (bên trái, bên phải đều có núi).

Biến thứ tư: Cung cước (chân cong): Thanh Long (núi bên trái) dài mà Bạch Hổ (núi bên phải) ngắn, hoặc Bạch Hổ dài mà Thanh Long ngắn.

Biến thứ năm: Song tý (hai tay): Có hai sa Thanh Long và hai sa Bạch Hổ (bên trái có sa Thanh Long trong và sa Thanh Long ngoài, bên phải có sa Bạch Hổ trong và sa Bạch Hổ ngoài).

Biến thứ sáu: Đơn cổ (một vế): Có sa Thanh Long nhưng không có sa Bạch Hổ, hoặc có sa Bạch Hổ nhưng không có sa Thanh Long.

Biến thứ bảy: Trắc não (đầu nghiêng): Đỉnh núi nằm lệch sang một bên.

Biến thứ tám: Một cốt (không xương): Không có đỉnh núi, hình núi yếu ớt.

Biến thứ chín: Bình diện (bằng phẳng): Núi không cao, xuất hiện tại vùng đất bằng.

Cửu tinh (chín sao) cũng gồm chín loại:

1. Tham Lang, thuộc Mộc: Đỉnh tròn, thân thẳng.
2. Cự Môn, thuộc Thổ: Đỉnh bằng, hình như bức bình phong.
3. Lộc Tồn, thuộc Thổ: Đỉnh bằng, chân núi nhấp nhô không bằng phẳng.
4. Văn Khúc, thuộc Thủy: Hình núi khúc khuỷu như cành liễu.
5. Liêm Trinh, thuộc Hỏa: Núi có nhiều ngọn nhọn lồm chồm.
6. Vũ Khúc, thuộc Kim: Núi có hình bán nguyệt, khá cao.
7. Phá Quân, thuộc Kim: Đỉnh núi hình bán nguyệt, chân núi nghiêng đều.
8. Tả Phụ, thuộc Kim: Trước cao sau thấp, trước sau đều có hình bán nguyệt.
9. Hữu Bật, thuộc Thủy: Núi không cao, chỉ hơi nhô lên ở nơi đất bằng, không có hình thù cố định.

Có thuyết cho rằng sao Tả Phụ nằm ở bên trái minh đường, sao Hữu Bật nằm ở bên phải minh đường, nên có núi bên trái gọi là Tả Phụ, có núi bên phải gọi là Hữu Bật, dùng để phong bế dòng nước phía trước, tức có tác dụng đóng Thiên môn, bít

Địa hộ, nếu thiếu một bên sẽ không thể đạt được "tả phụ hữu bát" (bên trái phò, bên phải đỡ). Thuyết này và thuyết Tả Phụ Kim, Hữu Bát Thuỷ trong Cửu tinh là khác nhau: một thuyết nói về vị trí của núi, thuyết Cửu tinh nói về hình của núi.

Thuyết "cửu tinh cửu biến" thuộc tầng lớp khá sâu trong lý thuyết phong thuỷ. Nên những người mới học cũng có thể tham khảo một lý thuyết phân loại đơn giản dễ hiểu hơn, là thuyết "Ngũ tinh" (năm sao). Thuyết Cửu tinh trên đây cũng được phát triển từ thuyết Ngũ tinh mà thành. Mặt khác, còn có hai giả thuyết về Cửu tinh, một là của Dương Quân Tùng đời Đường, trình bày trong tác phẩm "*Hám long kinh*", chính là giả thuyết trên đây; Còn một thuyết khác với đại diện là tác phẩm "*Cửu tinh truyền biến*" của Liêu Vũ đời Tống, quan niệm chín ngôi sao này bao gồm sao Thái Dương, sao Thái Âm, sao Kim Thuỷ, sao Mộc, sao Thiên Tài, sao Thiên Cương, sao Cô Diệu, sao Táo Hoả, sao Tảo Đãng.

Khái niệm "sao" (tinh) ở đây được dùng để chỉ những ngọn núi phù hợp với yêu cầu của phong thuỷ. Sau đây, chúng tôi sẽ giảng giải một cách giản đơn về Ngũ tinh (năm sao):

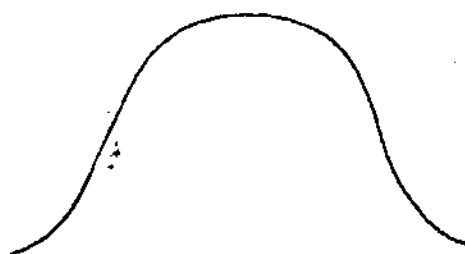
Kim tinh (núi hình Kim): Núi có hình bán nguyệt

Mộc tinh (núi hình Mộc): Núi cao, đỉnh húi có hình tròn.

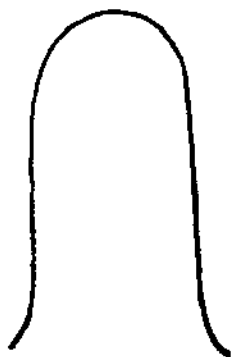
Thuỷ tinh (núi hình Thuỷ): Gồm nhiều ngọn núi có hình bán nguyệt liên nhau.

Hoả tinh (núi hình Hoả): Núi có hình tam giác, đỉnh núi nhọn.

Thổ tinh (núi hình Thổ): Đỉnh núi bằng phẳng, núi gần như có hình vuông.



Kim tinh (núi hình Kim)



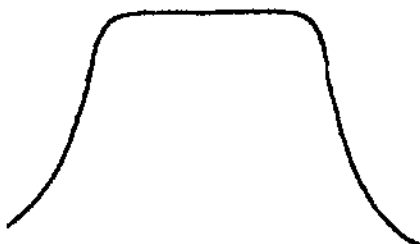
Mộc tinh (núi hình Mộc)



Hoả tinh (núi hình Hoả)



Thủy tinh (núi hình Thủy)



Thổ tinh (núi hình Thổ)

Gần núi hình Kim, là thế đất sinh ra nhiều quan lớn và võ tướng.

Gần núi hình Mộc, là thế đất sinh ra nhiều nhà văn hoặc người có danh vọng.

Gần núi hình Thủy, là thế đất sinh ra nhiều người tài trí, vượng về nữ giới.

Gần núi hình Hoả, là thế đất sinh ra nhiều người lắm bệnh tật.

Gần núi hình Thổ, là thế đất sinh ra người giàu có, như nhà buôn, doanh nghiệp.

Theo như những phân tích trên, thì ngoài núi hình Hoả ra, hầu như những hình núi còn lại đều được coi là cát tinh, nếu gần nhà có những ngọn núi như thế, thì sẽ được khí núi làm lợi thêm cho phong thủy.

★ Gần nhà có cột ống khói, phải hoá giải thế nào?

Nếu cửa hoặc cửa sổ nhà ở nhìn thấy ống khói là đã phạm phải xung sát, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình sức khỏe của người trong gia đình.

Trong trường hợp đó, có thể lựa chọn những cách hoá giải như sau:

1. Treo gương lồi trên cửa sổ nhìn về hướng ống khói.

2. Mặt sau gương lồi cần đặt tiền cổ Ngũ đế, tức tiền đồng lưu hành tại năm đời vua Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh nhà Thanh.

Gương lồi có tác dụng ngăn cản sát khí, tiền cổ Ngũ đế có thể gia tăng uy lực trừ tà cho gương lồi, vì tiền cổ Ngũ đế tụ được khí của tam tài thiên, địa, nhân, nên có được sức mạnh đó. Nhưng phải sử dụng tiền thật mới có tác dụng, tiền giả hoàn toàn không có tác dụng hoá giải sát khí.

★ Biển quảng cáo neon chiếu thẳng vào nhà có tác hại gì?

Nhiều cửa hàng hay thương hiệu thường sử dụng biển quảng cáo neon. Tại các thành phố hiện nay, tình trạng biển quảng cáo neon nằm sát cạnh nhà dân, khu dân cư đã trở thành chuyện quen thuộc. Rất nhiều nhà vì biển quảng cáo mà đến cửa sổ cũng không dám mở. Xét trên quan điểm phong thủy, như vậy là rất bất lợi.

Bởi vì ánh sáng từ đèn neon sẽ tạo ra quang sát.

Nếu ánh sáng của biển quảng cáo quá mạnh, sẽ khiến cho căn phòng của bạn sáng trưng cả đêm, ảnh hưởng xấu đến chất lượng giấc ngủ của cả nhà.

Nếu đèn quảng cáo nằm đúng hướng xung của căn nhà, dễ gây hoả hoạn, hoặc khiến tính khí của các thành viên gia đình trở nên nóng nảy, dễ cáu giận. Phương nam thuộc Hoả, không may biển quảng cáo nằm đúng hướng nam của nhà ở, sẽ khiến hoả khí quá vượng, cần đặc biệt chú ý đến những vật dễ cháy trong nhà để phòng hoả hoạn xảy ra. Biển quảng cáo nằm ở hướng tây nam cũng không tốt, vì tây nam là hướng sao Bệnh Phù, ánh sáng là năng lượng (quang năng là một dạng năng lượng), có tác dụng tăng cường tính hung của sao Bệnh Phù, chủ về sức khỏe kém, nhiều bệnh tật.

Phương pháp hoá giải: treo rèm dày hoặc màn sáo có màu xanh sẫm bên cửa sổ, buổi tối khi đèn quảng cáo bật sáng, cần kéo kín rèm lại. Như vậy, vấn đề sẽ được giải quyết.

★ Nhà ở có khí sắc hay không?

Trong cuốn "*Hai mươi bí quyết phong thủy khi mua nhà*" có viết: "Điều thứ hai mươi, là kỵ mua nhà mà tường vách u ám tối tăm, ở vào nhà đó sẽ thất vận", nghĩa là cần chú ý quan sát khí sắc của căn nhà.

Cũng giống như mắt thường không nhận ra được tia tử ngoại hay hồng ngoại, linh khí của một căn nhà không phải là một thứ cụ thể có thể chỉ ra được. Nhưng khi bạn quan sát một căn nhà, cho dù mới được trang trí sơn sửa lại, nhưng trông vẫn có vẻ u ám, tối tăm, tức phong thủy của căn nhà đó không tốt.

Ngược lại, nếu như căn nhà đã được sử dụng khá lâu mà chưa từng sơn sửa lại, vẫn phải quan sát rõ ràng, chi tiết toàn bộ tường vách, để kiểm tra, nhận định về khí sắc của căn nhà.

★ Ngã ba sông suối và ngã tư đường có ảnh hưởng đến phong thủy hay không?

Sách "*Thanh nang tự*" có viết: "long mạch phân chia ra thư và hùng để thành âm và dương, nước gặp ngã ba cần phải quan sát kỹ để nhận ra long mạch"

Ngã ba sông, suối là nơi giao lưu của nước. Sách phong thủy xưa có viết: "cao hơn một phân cũng là núi, thấp hơn một phân cũng là sông", đường sá tuy không phải là sông suối, nhưng theo quan niệm phong thủy, đường sá cũng được coi là "hư thủy", nên ngã tư cũng được coi là nơi nước giao nhau. Bởi vậy, ngã ba hay ngã tư cũng được coi là "thủy khẩu".

Trong vận bảy (thất vận) từ năm 1984 đến năm 2003, phương đông là Linh thần, tây nam là Chiếu thần, nếu có nước ở hai phương vị này sẽ rất tốt. Trong vận thứ tám (bát vận) từ năm 2004 đến năm 2023, Linh thần vị ở tây nam, Chiếu thần vị ở phương đông, có nước sẽ tốt. Bởi vậy, trong hai vận này, nếu như phía tây nam hoặc phía đông của cửa hàng có ngã ba hoặc ngã tư đường, thì việc làm ăn sẽ phát đạt. Nếu ngã ba hoặc ngã tư đường nằm ở phía đông hoặc phía tây nam nhà ở, thì vận khí của nhà cửa sẽ trở nên hưng vượng.

Nhưng triệt để hơn, vẫn còn phải kết hợp với vận số của từng năm. Ví dụ trong năm 1993, hướng đông là hướng dữ nhất, nếu phía đông có yếu tố nước lại là hung.

★ Cửa sổ phòng khách nhìn thẳng vào cửa sổ nhà bếp hoặc phòng vệ sinh của nhà khác có vấn đề gì không?

Phòng khách là nơi tập trung của toàn bộ thành viên trong gia đình, là nơi tập trung khí thuần dương, vì con người mang theo khí dương.

Phòng bếp là nơi đun nấu thức ăn, nên tích tụ khí táo hỏa. Hỏa cũng là khí dương, nên khí của nhà bếp là khí táo dương. Ngược lại, phòng vệ sinh là nơi ẩm thấp dơ dáy, nên tích tụ khí thuần âm.

Có nhiều căn nhà, khi nhìn qua cửa sổ phòng khách, sẽ trông thấy các phòng bếp, phòng vệ sinh của nhà hàng xóm. Tình trạng đó sẽ khiến cho khí trong nhà trở nên hỗn tạp, chủ người trong nhà vận khí bất ổn, tốt xấu thất thường. Kể cả khi có thu nhập cao, cũng sẽ xảy ra nhiều chuyện bất thường dẫn đến hao tài tốn của. Nếu thực sự xảy ra những chuyện như thế, có thể đặt một chiếc đèn trường minh bên cửa sổ để ổn định khí dương trong phòng khách.

Nhưng nếu như khoảng cách giữa hai căn nhà xa trên 100m, thì cho dù cửa sổ phòng khách có nhìn thẳng vào bếp hay phòng vệ sinh của hàng xóm cũng không hề hấn gì, vì với khoảng cách đó, khí táo dương hay độc âm khó có thể giao lưu được với khí dương trong nhà mình.

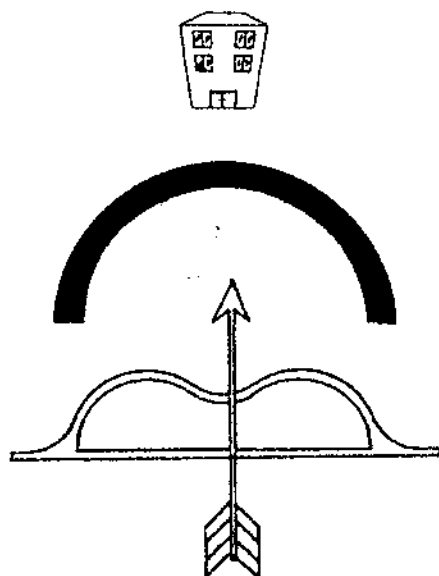
★ Phân biệt dòng nước đai lưng và dòng nước phản cung

Sách phong thủy xưa có viết: "núi quản người, nước quản tiền của" (sơn quản nhân đình thủy quản tài), mà theo quan niệm phong thủy, đường sá cũng thuộc thủy, nên cũng gây ảnh hưởng đến cửa cải.

Dòng nước đai lưng, còn gọi là dòng nước ôm vòng, chỉ con đường uốn cong ôm vòng quanh nhà ở hoặc khu chung cư. Còn dòng nước phản cung cũng là con đường uốn cong nhưng theo chiều ngược lại, khiến nhà cửa nằm đối diện với vòng cung, tạo thành thế như bị cánh cung nhắm bắn phải, nên phong thủy học gọi đó là "phản cung", tức cánh cung ngược.

Nếu quanh nhà có dòng nước đai lưng ôm vòng, thì tài lộc ngày càng thịnh vượng, công tác cũng thuận lợi muôn bề, tiền tài vận khí đều hanh thông.

Nếu nhà ở gặp phải dòng nước phản cung, tình hình kinh tế sẽ nhanh chóng sa sút, công việc bấp bênh trắc trở liên miên, vận nhà nghèo mạt. Trừ phi nội thất bài trí hợp với thiên cơ, đắc được nguyên vận, thì còn có cơ may vãn hồi được cục diện kinh tế ở mức trung bình.



Ngôi nhà trong hình vẽ bị xung bởi dòng nước phản cung, tựa như bị một cánh cung nhắm thẳng vào nhà, rất bất lợi.

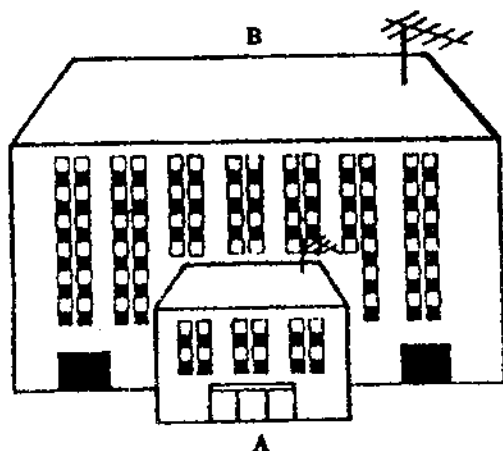
*** Bị chặn bởi toà cao ốc lớn có phạm phải Kiệu sát hay không?**

Rất nhiều người trong chúng ta có thể còn xa lạ với sao Kiệu tinh, nhưng với những chuyên gia phong thủy, đây là một khái niệm hết sức quen thuộc.

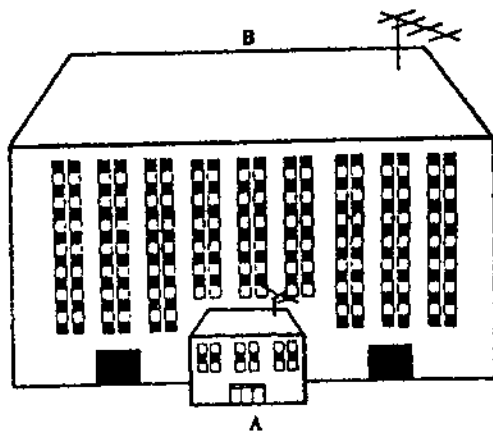
Núi cao hoặc các toà cao ốc cao lớn, cột điện cao thế đều được coi là Kiệu tinh, nếu nhà bạn ở gần những vật thể đó, chúng có thể giúp nhà bạn chắn gió, hồi chuyển khí. Nhưng nếu khoảng cách xa hơn, mà những vật thể đó lại nằm đúng hướng hung, thì chúng sẽ trở thành Kiệu tinh.

Nếu phía sau khu nhà của bạn có một toà cao ốc khá lớn, thì sẽ được coi là "kháo sơn" (núi dựa) hoặc "phụ mẫu sơn" (núi cha mẹ), chủ về được sự nâng đỡ của cấp trên hoặc sự dẫn dắt của người trên.

Nhưng nếu so sánh với kích cỡ của khu nhà bạn ở, toà cao ốc phía sau quá cao lớn, thì sẽ hình thành nên thế bị đè nén, tức đã phạm phải Kiệu sát, chủ về việc dễ bị bắt nạt, lấn lướt. Phạm phải xung sát này, cấp trên không được cấp trên tạo điều kiện, mà còn thường xuyên chỉ trích, gây khó dễ. Bởi vậy, phạm phải Kiệu sát là không cát lợi. Trừ phi Kiệu tinh nằm ở hướng thất vận, nó sẽ có tác dụng hồi chuyển khí, biến hung thành cát, thế bất lợi tự nhiên sẽ được hoá giải.



Trong hình vẽ, căn nhà A có toà nhà B làm "phụ mẫu sơn", vì toà nhà B tạo thành thế nương tựa cho căn nhà A.



Trong hình vẽ, toà nhà B trở thành Kiêu tinh của căn nhà A, vì toà nhà B tạo nên thế đè nén, lấn lướt đối với nhà A.

CHƯƠNG 5

TẦM QUAN TRỌNG CỦA BÀI TRÍ NỘI THẤT

Bài trí nội thất không chỉ là việc bày biện các vật dụng như bàn ghế, giường tủ, ti vi, tủ lạnh, tủ giày... mà đây thực sự là một công việc phức tạp, đòi hỏi sự đầu tư công phu.

Nếu những vật dụng trên được bày đúng vị trí cát lợi, sẽ đem lại vận khí tốt lành cho gia chủ. Nhưng nếu như đặt tại vị trí hung, rất dễ gây ảnh hưởng xấu về mặt phong thủy.

Ví dụ, nếu bạn tuổi khỉ, lại đặt các vật trang trí có hình hổ trong nhà, sẽ khiến cho vận khí của bạn trở nên suy vi, sức khoẻ cũng ngày càng sút kém.

Nếu như đặt các đồ trang trí có hình ngựa ở phương nam của nhà ở, vì phương nam thuộc Ly thuộc Hoả, mà ngựa lại thuộc Càn thuộc Kim, nên sẽ xung khắc lẫn nhau, gây nên các ảnh hưởng tai hại. Sự tác động qua lại này cũng giống như khi ta trộn lẫn các chất hoá học khác nhau, sẽ tạo ra nhiều loại phản ứng.

Những bài viết tiếp theo đây sẽ trình bày về ảnh hưởng của việc bài trí nội thất đối với phong thủy.

★ Cách phối hợp giữa màu sắc của đồng hồ và phương vị

Nếu treo hoặc đặt đồng hồ tại phía đông hoặc đông nam của căn nhà, tốt nhất nên lựa chọn các màu xanh ngọc, xanh lá cây, có hình vuông sẽ cát lợi, bởi vì màu sắc và hình dạng đều thuộc Mộc.

Nếu treo hoặc đặt đồng hồ tại phía nam, nên chọn các gam màu đỏ, tím, vàng cam, với hình bát giác sẽ cát lợi, vì màu sắc và hình dạng đều thuộc Hoả.

Nếu treo hoặc đặt đồng hồ tại phía tây nam hoặc đông bắc, nên chọn các màu vàng hoặc nâu, với hình vuông sẽ cát lợi, vì màu sắc và hình dạng đều thuộc Thổ.

Nếu treo hoặc đặt đồng hồ tại phía tây hoặc tây bắc nên chọn màu trắng hoặc vàng với hình tròn sẽ cát lợi, vì màu sắc và hình dạng đều thuộc Kim.

Nếu treo hoặc đặt đồng hồ tại phía bắc nên chọn màu xanh lam hoặc đen, với hình tròn sẽ cát lợi, vì màu sắc và hình dạng đều thuộc Thủy.

★ Vị trí đặt đồng hồ có ảnh hưởng đến phong thủy không

Trong "*Kinh Dịch*" có viết: "cát, hung, lành, dữ đều sinh ra từ động", nên các sự vật hoạt động, chuyển động đều ảnh hưởng đến phong thủy.

Bất kể là loại đồng hồ nào, thì các kim giờ, phút, giây của nó cũng không ngừng chuyển động. Nếu đặt đồng hồ trong phòng khách, có mấy điểm cần lưu ý sau đây:

1. Nên đặt hoặc treo đồng hồ tại phương Chu Tước, vì Chu Tước là phía trước nhà, phía trước vốn thuộc động.

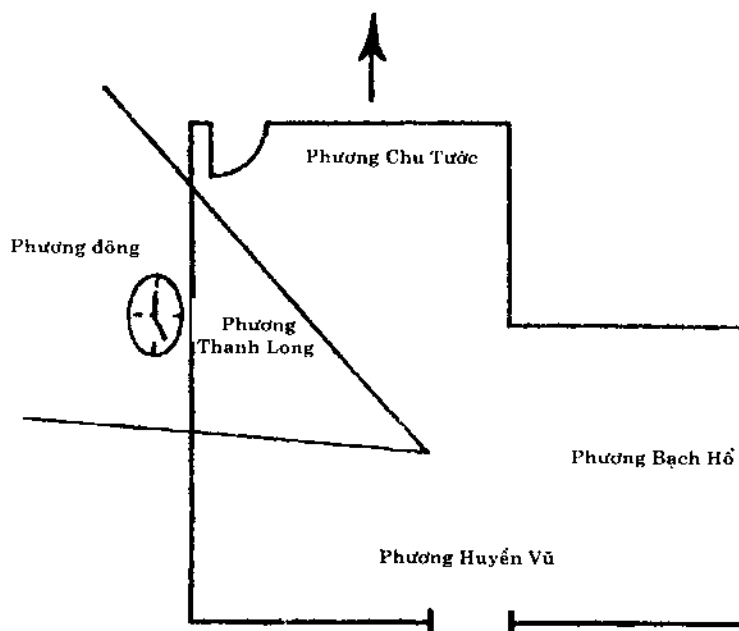
2. Nên đặt hoặc treo đồng hồ tại phương Thanh Long (bên trái phòng khách), vì Thanh Long là phương tốt lành.

3. Không nên treo đồng hồ tại phương Bạch Hổ (bên phải phòng khách), vì Bạch Hổ là phương xấu.

4. Không nên treo đồng hồ ở phương Huyền Vũ, vì Huyền Vũ là phía sau, nên tĩnh không nên động.

5. Không nên treo đồng hồ ở ngay phía trên bàn trang điểm, vì dễ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng.

6. Nếu đặt hoặc treo đồng hồ trong phòng ngủ, cũng theo như nguyên tắc của phòng khách, ngoài ra, không nên treo ở vị trí trên đầu giường.



Đồng hồ đặt ở phương Thanh Long sẽ cát lợi, tốt nhất nên lựa chọn màu xanh lá cây hoặc xanh ngọc.

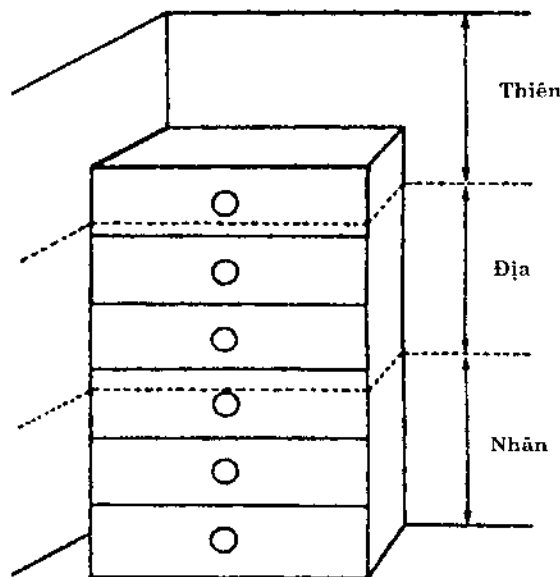
★ Chiều cao của tủ giày có ảnh hưởng đến phong thủy không?

Các đồ vật trong nhà hầu như đều gây ảnh hưởng đến phong thủy, có điều có thứ gây ảnh hưởng mạnh và rõ rệt, có thứ ảnh hưởng rất ít và mờ nhạt. Như bát đĩa cốc chén hầu như không có mấy ảnh hưởng, còn giường ngủ, bàn sách... có ảnh hưởng khá rõ. Nhiều đồ đạc nếu được bài trí không đúng cách dễ gây tác động xấu đến sức khỏe và vận khí của người trong nhà.

Trong điều kiện đời sống vật chất ngày càng sung túc, giày dép hiện nay đã trở thành thời trang chứ không còn là nhu yếu phẩm, nên số lượng giày dép của mỗi gia đình là khá nhiều. Tương ứng với đó, các nhà thường trang bị các loại tủ giày có kích thước khá lớn để có được nhiều không gian sử dụng.

Nhưng về nguyên tắc, tủ giày không nên cao quá một phần ba chiều cao của nhà, vì không gian nhà chia làm ba phần ứng với tam tài, trên cùng là "thiên", ở giữa là "nhân", dưới cùng là "địa". Tủ giày là nơi cất giày, tức đồ vật sử dụng cho phần chân, nên thuộc "địa". Nếu tủ giày quá cao, sẽ khiến cho tam tài mất cân bằng, "thiên tài" và "nhân tài" bị thu hẹp, đương nhiên sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và vận khí của người nhà.

Nhưng nếu nhà bạn đã lỡ mua phải tủ giày quá cao, cũng không nhất thiết phải đổi đi. Chỉ cần bạn không xếp những giày, dép đã đi ở những ngăn tủ vượt quá cái mốc một phần ba đó, sẽ không gây ảnh hưởng xấu. Hoặc dứt khoát dành riêng nửa trên của chiếc tủ để cất những đôi giày, dép mới, chưa từng xỏ chân. Những giày dép đã qua sử dụng đã mang khí đất, cần xếp đúng vào vị trí "địa tài". Như vậy, tam tài của nhà ở sẽ có được thể cân bằng.



Tủ giày

★ Đặt đèn trường minh trong phòng có tác dụng gì?

Đèn trường minh là loại đèn gì? Thời xưa, đây là một loại đèn được thắp sáng liên tục, thường dùng trong thờ cúng, thờ Phật. Còn khái niệm đèn trường minh hiện nay đã trở nên đơn giản hơn, tất cả những loại đèn được bật suốt 24 tiếng một ngày đều được coi là đèn trường minh.

Tất cả những loại đèn dây tóc hoặc đèn huỳnh quang thường dùng đều có thể trở thành đèn trường minh. Về màu sắc, có thể sử dụng màu trắng hoặc vàng. Từ năm 2004 đến năm 2023 là vận tám (bát vận) theo quan niệm của phái phong thủy Huyền không, vận tám thuộc quẻ Cấn, ngũ hành thuộc Thổ, nên chọn bóng đèn màu vàng, màu nâu là hữu hiệu nhất, vì đó là màu của hành Thổ. Nếu không tìm được bóng đèn màu vàng, nâu, có thể dùng chao đèn màu vàng, nâu để thay thế.

Phong thủy là một học thuyết thuộc âm dương học, trong đó, khí âm là khí xấu, còn khí dương là khí lành. Bóng tối là âm, ánh sáng là dương. Nếu như trong phòng có đặt đèn trường minh, thì khí dương sẽ theo ánh sáng để lan toả khắp phòng, khiến vận khí của nhà ở sẽ trở nên bình ổn.

Nhà ở hiện đại thường có kết cấu cửa chính mở ngay vào phòng khách. Vị trí của chính gọi là "huyền quan" thường là nơi nhiều bóng tối, bởi vậy, đặt đèn trường minh ở gần cửa chính hoặc trong phòng khách, sẽ có hiệu quả tốt hơn. Khi có người bước từ bên ngoài vào, ánh đèn sẽ chiếu vào người đó, khiến khí dương phủ khắp thân người, sẽ giúp ích cho vận khí của mọi thành viên trong gia đình trở nên thuận lợi.

Bởi vậy, chúng ta thường thấy rất nhiều nhà thắp đèn trường minh bên cửa ra vào, nhằm mục đích đổi vận.

★ Nhà ở nên treo những loại tranh nào?

Người hiện đại rất coi trọng hưởng thụ vật chất, nên việc bố trí nội thất càng phải thận trọng, tỉ mỉ, không thể qua loa. Để vận khí của gia đình thêm cát lợi, nên chọn loại tranh treo tường nào là tốt nhất? Các bạn có thể tham khảo những loại dưới đây:

1. Tranh cá chép (cửu ngư đồ): Tranh vẽ chín con cá chép đang bơi lội. Số chín chữ Hán là cửu, ngụ ý trường cửu, vĩnh cửu, cá chữ Hán là ngư, ngụ ý vạn sự như ý. Nên tranh cá chép tượng trưng cho sự cát tường.

2. Tranh tam dương: Tranh vẽ ba chú dê. Ba dê, trong tiếng Hán là "tam dương", ngụ ý "tam dương khai thái" (ba hào dương mở ra vận thái), trong đó

"dương" (dê) đồng âm với chữ "dương" của khí dương. Còn "Thái" là tên một quả rất tốt lành trong "*Kinh Dịch*". Nên treo tranh ba chú dê ngụ ý đón rước điều cát lợi, có thể mang lại vận may cho gia chủ.

3. Ngoài tranh vẽ cá và dê có thể mang lại điềm cát tường, cũng có thể chọn lựa các loại tranh "trăm chim châu phượng hoàng" (bách điều triều hoàng), "ếch xanh giỡn nước" (thanh oa hý thủy), "vua khỉ dâng thọ" (hầu vương hiến thủy), "trăm tuần mã" (bách tuần đồ)...

4. Trang phong cảnh với đường nét, màu sắc ôn hoà, ví dụ: tranh mặt trời mọc, tranh sơn thủy, tranh hoa mẫu đơn. Sau một ngày làm việc vất vả trở về nhà, bước chân vào phòng khách, sự hài hoà tươi tắn của tranh vẽ sẽ đem lại cho bạn cảm giác thư giãn, thoải mái.

5. Tranh vẽ thần tiên hay Phật cũng có thể treo trong nhà, nhưng bạn nên nhớ cần chọn những vị thần, Phật có dung mạo hiền từ, phúc hậu.

★ Nhà ở không nên treo những loại tranh nào?

Bài viết trên đã giới thiệu với độc giả những loại tranh phù hợp để treo trong nhà. Sau đây sẽ trình bày với độc giả về những loại tranh không nên lựa chọn.

1. Không nên treo những tranh vẽ có màu sắc quá u ám hoặc quá nhiều màu đen, vì những tranh vẽ kiểu này dễ mang lại cho người xem cảm giác nặng nề, suy giảm ý chí, bị quan, mất hứng thú làm việc.

2. Không nên treo tranh vẽ các loại thú dữ, vì dễ gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của các thành viên trong gia đình.

3. Nếu là tranh vẽ nhân vật, không nên treo quá một bức, vì nếu treo quá nhiều tranh nhân vật, dễ khiến tâm trạng của người trong nhà trở nên bất ổn, mất cân bằng tâm lý, dễ căng thẳng thần kinh.

4. Không nên treo tranh vẽ cảnh hoàng hôn, mặt trời lặn, vì dễ khiến nghị lực giảm sút, mất tinh thần.

5. Không nên treo tranh ảnh của người thân đã quá cố, vì sẽ gia tăng áp lực cho bạn.

6. Không nên treo tranh vẽ thác nước, vì hình tượng này chủ về người trong nhà vận khí bất ổn.

7. Không nên treo tranh vẽ có quá nhiều màu đỏ, vì dễ khiến người trong nhà bị tổn thương, hoặc tính khí nóng nảy.

Nếu bạn đang cần chọn mua tranh vẽ để trang trí cho căn nhà của mình, xin hãy ghi nhớ kỹ những điều nên và không nên trên đây nhé!

★ Nhà ở nên trồng những loại cây cảnh nào?

Thực ra, bày cây cảnh trong nhà là điều hoàn toàn có thể. Nhưng cây cảnh cũng có thể gây ảnh hưởng tốt và xấu đến phong thủy. Bởi vậy, nhưng ai có sở thích chơi hoa, cây cảnh cần phải hết sức thận trọng khi bày cây, hoa trong nhà.

Những loài cây có gai nhọn như đỗ quyên, hoa hồng, xương rồng gai tuyệt đối không nên bày làm cảnh trong nhà, vì sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người trong gia đình, khiến người nhà theo nhau ngã bệnh.

Nên chọn những loài cây cảnh có cành lá tốt tươi, với sắc xanh là chủ yếu, cũng có thể chọn cây hoa.

Có thể lựa chọn những loại cây sau đây: hoa lan tím, vạn niên thanh, xương rồng không gai, trầu bà,... là những loài cây xanh tươi đầy sức sống, có thể đem lại sinh khí cho nhà ở và sự phấn chấn, hăng hái trong công việc. Nhưng bạn cần phải chú ý chăm sóc chúng, chứ không phải chỉ mang về bỏ đấy là có thể điếm nhiên hưởng lợi. Nếu phát hiện có lá héo cành khô, cần nhanh chóng cắt bỏ, nếu không, sẽ dễ khiến công việc gặp đình trệ, khó khăn, vận khí của người trong nhà không thuận. Cũng có nhiều người thích bày cây, hoa nhựa hoặc vải lụa trong nhà, vì đó là những thứ không có sinh mệnh, nên không gây mấy ảnh hưởng đến phong thủy.

Nhưng cần chú ý rằng, nếu muốn đặt hòn giả sơn làm nền cho cây cảnh, không nên chọn những khối đá có hình dạng lởm chởm, khắp khểnh, vì những vật nhiều mũi nhọn đều mang sát khí, dễ gây tổn thương, bệnh tật cho người trong nhà.

★ Bộ dao nĩa trang sức nên đặt ở vị trí nào?

Một số gia đình thích treo, gắn các bộ dao nĩa cỡ lớn hoặc đao kiếm trên tường để trang trí. Xin quý độc giả chớ nên hiểu lầm, những dao nĩa đó hoàn toàn không phải là dao ăn, nĩa ăn, mà là bộ dao nĩa mang tính trang trí làm bằng gỗ, có bán nhiều trên thị trường. Nhiều người khi đi tham quan, du lịch, nhìn thấy những đao, nĩa, đao, kiếm hay hay liền mua về treo lên tường trang trí.

Thế nhưng nhiều khi vì treo không đúng vị trí, nên những vật trang sức đó lại gây ảnh hưởng xấu đến phong thủy, thậm chí còn là nguyên nhân dẫn đến những việc không may.

Ví dụ, nếu treo dao, kiếm tại phía tây bắc là rất không cát lợi. Bởi vì tây bắc thuộc Càn thuộc Kim, mà dao lại là vật sắc nhọn, dù làm bằng gỗ hay bằng kim loại cũng vậy. Nên đặt những vật trang trí như dao, nĩa tại phương vị Kim sẽ tăng cường sức mạnh của khí Kim, gây tác động xấu đến sức khỏe của người trong nhà, dễ khiến người trong nhà bị thương, sái khớp gãy xương, chân tay thường xuất hiện các vết bầm tím. Treo tại hướng tây cũng có hậu quả tương tự, vì hướng tây cũng thuộc hành Kim.

Bởi vậy, người xưa cho rằng lấy số sáu của tây bắc thêm vào số bảy của tây sẽ trở thành quả Quả quẻ Lý^[1], các quẻ này đều là "giao kiếm sát"^[2]. Nên nếu treo dao tại hướng tây, lại treo nĩa tại hướng tây bắc hoặc ngược lại, thì sức khỏe của người nhà sẽ sút kém nghiêm trọng. Cho dù là dao nĩa làm bằng gỗ, lại chỉ là vật trang trí chứ không phải đồ thật, cũng cần phải chú ý đến phương hướng khi bài trí.

Nếu dao, nĩa treo tại hướng đông hoặc đông nam, ảnh hưởng sẽ không lớn. Chỉ có hướng tây và tây bắc là tối kỵ treo dao, nĩa. Đồng thời, cũng cần phải lưu ý đến vị trí của hai sao Ngũ Hoàng và Bệnh Phù trong mỗi năm. Nếu một trong hai thần sát này chiếu vào nhà, cũng gây ảnh hưởng xấu đến tình hình sức khỏe.

★ Uy lực của kiếm tiền đồng

Trong rất nhiều bộ phim ma, phim kinh dị, thường thấy cảnh các đạo sĩ sử dụng kiếm kết bằng tiền đồng cổ để phục yêu hàng ma. Tiền đồng từ lâu đã không được lưu thông, nên kiếm kết bằng tiền đồng cổ thứ thiệt là rất ít, phần lớn kiếm tiền đồng bày bán trên thị trường hiện nay đều là đồ giả.

Nhiều người cho rằng kiếm tiền đồng có thể xua đuổi tà khí, nên thường mang về treo ở một vị trí bất kỳ trong nhà. Vậy rốt cuộc kiếm tiền đồng có thích hợp để treo trong nhà không? Mời các bạn đọc hãy tham khảo những phân tích sau đây:

1. Kiếm tiền đồng có tác dụng xua đuổi tà khí, nên nếu trong nhà không xuất hiện âm hồn quỷ quái, thì không cần treo kiếm.

2. Kiếm luôn mang theo ít nhiều sát khí, nên nếu tùy tiện treo mắc bất kể loại kiếm nào trong nhà rất dễ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người trong gia đình, khiến họ dễ bị thương, gặp tai nạn.

^[1] Theo phong thủy Huyền không, tây bắc ứng với số sáu, phương Càn, tây ứng với số bảy, phương Trạch, quẻ Trạch chồng lên quẻ Càn tạo thành quẻ Quả, quẻ Càn chồng lên quẻ Trạch tạo thành quẻ Lý.

^[2] Giao kiếm sát: Hung hại do hai thanh kiếm giao nhau, tức Kim gặp Kim.

Vì những lý do đó, không nên treo kiếm tiền cổ trong nhà ở, vì nếu treo đúng hướng dữ hoặc phương vị khắc với vận số sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của người nhà. Nhưng nếu như cửa sổ bị sát khí hoặc chái nhà khác trực xung, có thể treo kiếm tiền đồng để hoá giải, nhưng phải thực hiện hết sức thận trọng. Cần dùng la bàn tìm ra phương vị cát lợi để treo kiếm, nhằm tránh gây tổn hại đến phong thủy nhà mình hoặc nhà hàng xóm.

*** Trong nhà có nên bày quạt giấy trang trí không?**

Rất nhiều gia đình thích bày quạt giấy trong nhà như một món đồ trang trí. Thường những quạt giấy dùng để trang trí đều có kích thước khá lớn, được trang trí các hình vẽ rực rỡ và thường được nhuộm màu đỏ. Vậy bày quạt giấy trong nhà có ảnh hưởng đến phong thủy hay không?

Phần nhiều quạt giấy dùng để trang trí được nhuộm màu đỏ, vì người Á Đông thường quan niệm màu đỏ là màu của sự may mắn, tốt lành, nên trong những ngày vui, dịp lễ như tết nhất, cưới hỏi, thường treo, hoặc dán, hoặc bày những vật màu đỏ để thể hiện không khí hoan hỷ.

Thế nhưng, chiếc quạt giấy khi đã được nhuộm màu đỏ sẽ thuộc hành Hoả. Đặt Hoả ở tám phương vị khác nhau, sẽ gây ra những ảnh hưởng khác nhau, vì tám phương vị đều thuộc về các hành khác nhau, nếu không hoà hợp với ngũ hành của phương vị, chắc chắn sẽ gây ra ảnh hưởng bất lợi.

Nếu đặt tại hướng đông hoặc đông nam: đông và đông nam đều thuộc Mộc, Hoả diệt Mộc, nên bất lợi.

Nếu đặt tại hướng nam: nam thuộc Hoả, Hoả gặp Hoả khiến Hoả khí quá vượng, cũng bất lợi.

Nếu đặt tại hướng tây nam hoặc đông bắc: tây nam và đông bắc đều thuộc Thổ, Hoả sinh Thổ, nên cát lợi.

Nếu đặt tại hướng tây hoặc tây bắc: tây và tây bắc thuộc Kim, hành Hoả của quạt giấy sẽ khắc chế hành Kim của phương vị, nên bất lợi.

Nếu đặt tại hướng bắc: bắc thuộc Thủy, hành Thủy của phương vị sẽ khắc chế hành Hoả của quạt giấy, là bình thường, không tốt không xấu.

Quạt giấy màu đỏ nếu được đặt ở đúng phương vị cát lợi, sẽ giúp người trong gia đình trở nên thông minh sáng láng, sự nghiệp hanh thông.

Ví dụ: quạt giấy màu đỏ đặt tại hướng đông hoặc đông nam là bất lợi. Hai phương vị này đại diện cho con trưởng hoặc người từ 31 đến 45 tuổi, nên sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến vận số của những đối tượng này.

Phương nam thuộc trung nữ, tức phụ nữ từ 16 đến 31 tuổi, nếu đặt quạt màu đỏ tại phương vị này, những người thuộc độ tuổi trên sẽ vượng phát.

Sau đây là bảng liệt kê những đối tượng tương ứng với từng phương vị, cung cấp cho độc giả tham khảo:

Phương đông: trưởng nam hoặc nam giới từ 31 đến 45 tuổi.

Đông nam: trưởng nữ hoặc phụ nữ từ 31 đến 45 tuổi.

Phương nam: trung nữ hoặc phụ nữ từ 16 đến 30 tuổi.

Tây nam: mẹ, hoặc phụ nữ từ 46 tuổi trở lên.

Phương tây: thiếu nữ, hoặc phụ nữ từ 1 tuổi đến 15 tuổi.

Tây bắc: cha, hoặc nam giới từ 46 tuổi trở lên.

Phương bắc: trung nam, hoặc nam giới từ 16 đến 30 tuổi.

Đông bắc: thiếu nam, hoặc nam giới từ 1 đến 15 tuổi.

*** Có phải treo chuông gió trước cửa sẽ gọi âm hồn đến?**

Trong dân gian vẫn thường có quan niệm rằng, treo chuông gió sẽ gọi âm hồn vào nhà. Thế nhưng theo lý thuyết phong thủy, chuông gió có thể hoá giải các tà khí ma quỷ. Vậy chúng ta nên nghe ai mới đúng?

Để làm sáng tỏ mâu thuẫn này, trước hết xin được giải thích về nguồn gốc của quan niệm dân gian trên. Chúng ta thường thấy các nhà sư hoặc đạo sĩ khi cầu cúng, hành pháp thường sử dụng một pháp khí có tên gọi "chuông kim cương"^[1]. Rung lắc chuông kim cương có thể thỉnh các thần linh hoặc âm hồn đến trước đàn thụ lễ. Các pháp sư đương nhiên có đủ pháp thuật để "xử trí" các thần linh hoặc âm hồn đã được vời đến. Còn như người vốn dĩ không có pháp thuật để tương thông với thần linh, nếu tùy tiện rung lắc chuông, thì thần đâu chẳng thấy, lại mời đến hàng bày âm hồn ma quỷ.

Trong trường hợp của chuông gió, khi bị gió lay động phát ra âm thanh, cũng có thể nảy sinh hiệu ứng như trên. Nhưng điều đó còn căn cứ vào vị trí treo chuông.

^[1] Chuông kim cương: còn gọi là kiến trùy (tiếng Phạn: vajraghanta), một pháp khí Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, với một đầu là quả chuông, một đầu là chùy kim cương.

Nếu chuông treo đúng hướng xấu mới có hậu quả tai hại, hướng xấu chính là hướng quẻ âm, tức tây nam và đông bắc. Nếu không may cửa nhà bạn lại mở đúng các hướng đó, thì tốt nhất nên sử dụng các biện pháp hoá giải sát khí khác, hoặc phải tiến hành khai quang cho chuông gió, như vậy mới không đến nỗi rước âm hồn vào nhà.

★ Bàn học, bàn làm việc nên đặt ở vị trí nào.

Đối với các bậc cha mẹ, việc học tập của con cái chính là vấn đề đáng quan tâm hàng đầu, vì thành tích học tập sẽ quyết định đến số mệnh và tương lai của lớp trẻ. Nếu bạn biết cách bố trí góc học tập của con cái sao cho phù hợp với phong thủy, chắc chắn sẽ giúp ích đáng kể cho sự nghiệp đèn sách của con bạn.

Bàn học là nơi dùng để học hành, ôn tập, viết lách, làm việc, nên chọn vị trí đặt bàn học chính là một vấn đề phong thủy khá phức tạp. Bài viết sẽ trình bày về vấn đề này dựa theo quan điểm của hai phái Loạn đầu và Lý khí^[2].

Phái Loạn đầu gồm hai chi phái Đại Loạn đầu và Tiểu Loạn đầu. Phái Đại Loạn đầu chuyên nghiên cứu ảnh hưởng của mạch núi, địa thế, dòng nước, công trình kiến trúc. Phái Tiểu Loạn đầu lại chú trọng về việc bài trí sắp xếp trong nhà. Theo quan điểm của phái Tiểu Loạn đầu, khi tìm vị trí đặt bàn học cần chú ý đến những điểm sau:

1. Không đặt bàn học đối diện với cửa ra vào: vị trí này khiến người sử dụng thiếu tập trung, dễ đau đầu, mệt mỏi, dễ mắc bệnh tật về đường hô hấp.
2. Không đặt bàn học quay lưng vào cửa sổ hoặc cửa ra vào: cửa ở sau lưng sẽ khiến cho việc học tập thiếu hiệu quả, thành tích thi cử giảm sút.
3. Không đặt bàn học ngay dưới xà ngang: bị xà ngang chiếu xuống đầu dễ gây mệt mỏi, đau đầu, dễ phạm sai lầm.
4. Không đặt bàn học ngay dưới bóng đèn: dễ thiếu ánh sáng do sắp bóng, ngoài việc ảnh hưởng đến thị lực, còn tác động xấu đến tinh thần.
5. Không nên đặt bàn học gần cửa ra vào.
6. Chỗ ngồi cần phải nhìn ra phía cửa.
7. Không nên đóng giá sách phía trên chỗ ngồi.

^[2] Loạn đầu và Lý khí là hai trường phái phong thủy lớn. Phái Loạn đầu nghiêng về nghiên cứu hình thế, bố cục, còn gọi là phái Hình thế hay phái Giang Tây, do Dương Quán Tùng đời Đường khởi xướng. Phái Lý khí, còn gọi là phái Lý pháp, phái Phúc Kiến, do khởi đầu từ vùng Mân Trung, chủ yếu căn cứ vào lý của âm dương, ngũ hành, bát quái, cửu tinh, Hà Lạc để tính toán.

Theo phái Lý khí học, chúng ta có thể áp dụng lý luận "Cửu cung phi tinh" để tìm ra vị trí thích hợp. Trong số chín ngôi sao này, thì vị trí "Tứ Lục" là sao Văn Xương, chủ về thi cử đỗ đạt, là có lợi nhất cho sự nghiệp học hành, nên đặt bàn học tại vị trí của "Tứ Lục", sẽ giúp đầu óc minh mẫn, nâng cao hiệu quả học tập.

Nếu không thể đặt bàn học tại đúng vị trí sao Văn Xương, cũng có thể đặt bàn học ở vị trí trung tâm, hướng về phương vị sao Văn Xương, như vậy cũng có thể thu hút được khí lành từ ngôi sao này.

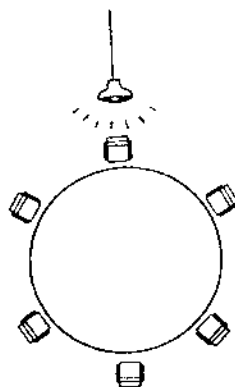
Chọn được phương vị tốt cũng chỉ là điều kiện phụ trợ. Còn điều cốt yếu, tất nhiên, vẫn phải trông vào sự cố gắng tích cực của bản thân mỗi người.

★ Tìm vị trí thích hợp cho bàn ăn.

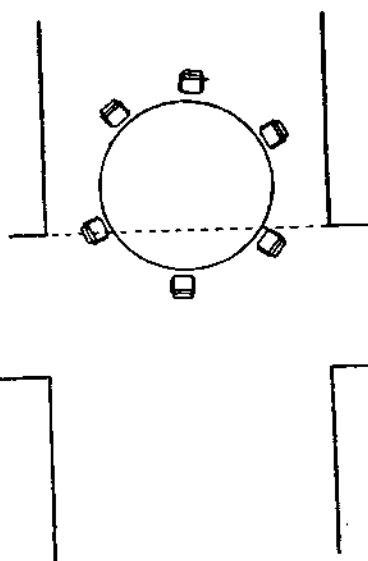
Thường những căn nhà rộng từ 60m² trở lên đã có thể bố trí phòng khách và phòng ăn riêng biệt. Không gian của phòng ăn thường không quá rộng, thường chỉ đủ để đặt một bộ bàn ghế ăn.

Về nguyên tắc, khi xác định vị trí đặt bàn ăn, cần chú ý năm vấn đề sau đây:

1. Không nên đặt bàn ăn chắn ngang lối đi từ phòng bếp đến phòng khách.
2. Ghế ngồi không nên đặt dưới bóng đèn, vì khi dùng bữa, người ngồi trên ghế sẽ bị bóng đèn dè xuống đỉnh đầu.
3. Bàn ăn không nên bị cửa ra vào trực xung, vì cửa ra vào là nơi thu hút khí, nên luồng khí đi vào là khá mạnh.
4. Bàn ăn không nên đặt đối diện với nhà vệ sinh, vì nhà vệ sinh là nơi ô uế, tích tụ nhiều khí âm. Đặt bàn ăn đối diện với cửa nhà vệ sinh không những gây khó chịu cho người dùng bữa, mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe.
5. Bàn ăn không nên đặt đối diện với nhà bếp, vì nhà bếp là nơi tích tụ dầu mỡ, khói lửa, nhiệt độ thường cao hơn bình thường, nếu đặt bàn ăn đối diện với bếp dễ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, khiến tính khí trở nên nóng nảy, dễ cáu giận.



Bóng đèn chiếu thẳng xuống ghế ngồi là bất lợi, gây ảnh hưởng xấu đến người ngồi tại vị trí đó.



Một phần bàn ăn nằm lấn sang lối đi, là không hợp với phong thủy.

*** Quạt thông gió cần lắp ở vị trí nào?**

Trong học thuật phong thủy, khả năng ứng biến là vô cùng quan trọng, vì xã hội hiện đại có rất nhiều sự vật hiện tượng không có trong thời cổ đại, và cùng với sự phát triển của lịch sử, cũng có rất nhiều sự vật hiện tượng liên tục bị đào thải, và biến mất khỏi cuộc sống hiện tại. Như quạt thông gió là một sản phẩm hiện đại không có trong xã hội cổ xưa, vậy phải dựa vào đâu để tìm vị trí lắp đặt cho nó? Sách phong thủy xưa tất nhiên không hề có ghi chép nào liên quan đến sản phẩm này, vậy phải chăng quạt thông gió có thể tùy ý lắp đặt mà không gây bất kỳ ảnh hưởng tốt, xấu nào?

Chúng ta có thể tiến hành phân tích tính chất, tính năng của quạt thông gió để kết hợp với phong thủy, thuật số, nhằm tìm ra vị trí thích hợp cho nó. Cơ chế hoạt động của quạt thông gió là thông qua chuyển động của cánh quạt để hút không khí tồn đọng trong nhà ra ngoài. Như vậy, tính chất đầu tiên mà chúng ta có thể chỉ ra được, đó là "động", tức sự chuyển động của quạt; Thứ hai, là "khí", vì nó có thể hút không khí trong phòng ra ngoài. Theo quan điểm Huyền học, "động tĩnh" và "khí học" là hai hệ thống lý luận cực kỳ quan trọng, nếu nắm vững được hai hệ thống lý luận này, thậm chí có thể xoay chuyển được cả vận số của con người.

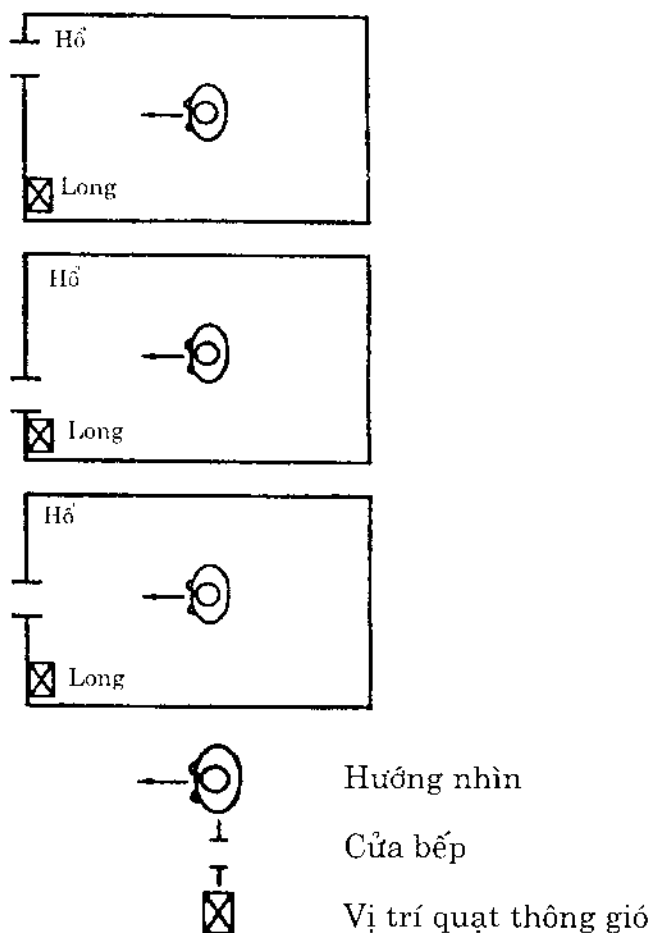
Theo quan điểm phong thủy, "động" thuộc dương, có các tác dụng phát triển, chân hưng, tăng cường, nên nhiều chuyên gia phong thủy sử dụng những vật chuyển động như bể cá (cá và nước đều chuyển động), đồng hồ quả lắc... để tăng cường sức mạnh cho một phương vị nào đó. Từ đó mà suy ra, đặc tính "động" của quạt thông gió rất phù hợp với nguyên tắc "động" trong phong thủy, bởi vậy, quạt thông gió nên đặt ở phương vị cát lợi của nhà ở, ví như các phương "Sinh Khí", "Diên Niên", "Thiên Y" trong lý luận Bát trạch, hoặc các phương "Thất Xích", "Bát Bạch" trong Cửu cung phi tinh, lợi dụng đặc tính "động" của quạt thông gió để tăng cường sức mạnh của các phương vị cát tường. Ngược lại, nếu lắp quạt thông gió tại các phương "Tuyệt Mệnh", "Ngũ Quỷ", "Lục Sát", hoặc nghiêm trọng hơn nữa là các hướng hung "Ngũ Hoàng", "Nhị Hắc", thì sát khí sẽ mạnh lên gấp bội.

Trong nhà ở hiện đại, quạt thông gió chủ yếu được lắp tại phòng bếp, nên chúng ta có thể áp dụng một số nguyên lý phong thủy giản đơn để tìm ra vị trí lắp đặt cho phù hợp.

Việc lắp đặt quạt gió chủ yếu dựa trên nguyên lý "khí động", dùng "động" của quạt gió để khuếch trương các tác động cát lợi. Các khái niệm "tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, tiền Chu Tước, hậu Huyền Vũ" trong phong thủy học được bắt nguồn từ lý luận của phái Loạn đầu - một học thuyết chuyên nghiên cứu về hình thế, môi trường sống. Đứng trong nhà, nhìn ra phía cửa, thì phần tường bên trái cửa là hướng Thanh Long, chủ cát lợi, phần tường bên phải cửa là hướng Bạch Hổ, chủ hung hại.

Đặt quạt hút gió tại hướng thanh long sẽ tăng cường được khí cát lợi của Thanh Long.

Nếu cầu kỳ hơn, cũng có người sử dụng lý luận "Thành môn quyết" để bố trí vị trí quạt thông gió, cũng có hiệu quả rất tốt.



* Phương pháp bài trí các loại đồ điện

Mỗi căn nhà đều có phương vị Ngũ Hoàng, nhưng chỉ cần giữ cho phương vị này ở trạng thái tĩnh, không động, về cơ bản sẽ không gây phiền toái. Như sách "*Nguyên hợp hội thông*" có viết: "Ngũ Hoàng Thổ tinh là Mậu Kỷ đại sát, bất luận nằm ở hướng sinh hay khắc đều hung, nên tĩnh, không nên động". Không nên "động" ở phương vị Ngũ Hoàng, như đặt chỗ ngồi, đặt bể cá, mở cửa..., có thể sẽ tránh được các tác động xấu.

Các loại đồ điện hoạt động nhờ điện năng, đều có dòng điện chạy qua. Dòng điện chính là động lực. Ngoài ra, còn có từ trường, tĩnh điện, tần số quang, âm thanh... nảy sinh trong quá trình hoạt động cũng đều là động lực. Tất cả những vật chuyển động đều ảnh hưởng đến phong thủy, nếu đặt tại phương vị hung, rất dễ kích thích hung tính, hình thành nên sát khí. Bởi vậy, cũng phải thận trọng khi chọn vị trí cho thiết bị điện. Nhìn từ mức độ ảnh hưởng đến phong thủy, cần đặc

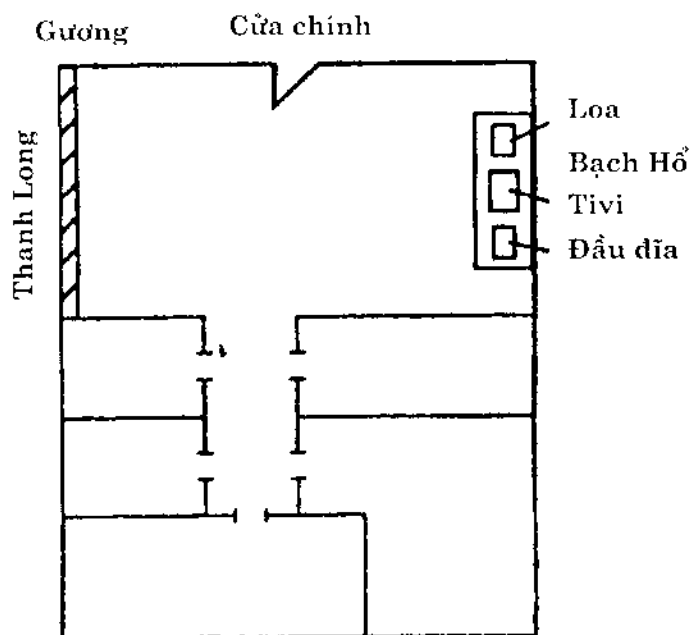
biệt chú ý đến các loại đồ điện như tivi, dàn loa, máy điều hoà, máy vi tính, máy giặt, tủ lạnh, vì mức độ tiêu hao điện năng lớn, nên hình thành dòng điện khá mạnh. Chúng cần được đặt ở phương vị cát lợi, tốt nhất là hướng Thanh Long, và tối kỵ phương vị Ngũ Hoàng.

Vậy làm thế nào để nhận biết vị trí của đồ điện là lành hay dữ?

Trước tiên, cần phải biết phân biệt các phương vị. Đứng trong nhà, quay mặt ra phía cửa, bức tường bên trái của cửa là Thanh Long, đây là phương vị tốt để xếp đặt các đồ điện, còn bức tường bên phải của cửa là Bạch Hổ, không nên đặt đồ điện tại phương vị này.

Nếu như thiết bị điện nhà bạn đặt đúng tại phương Bạch Hổ, tác động của đồ điện sẽ khiến cho Bạch Hổ mạnh mà Thanh Long yếu, tạo nên cục diện "Bạch Hổ chèn ép Thanh Long", rất không cát lợi. Nếu phạm phải điểm kiêng kỵ này, có thể sử dụng các phương pháp hoá giải sau:

Lắp một tấm gương lớn tại phương Thanh Long, để phản chiếu các hình ảnh tại phương Bạch Hổ. Như vậy, sẽ khiến cho sức mạnh của hai bên được cân bằng, tạo nên thế "long hổ hài hoà", chủ về quan hệ giao tế tốt, có nhiều bạn bè giúp đỡ. Nhưng cần chú ý, gương phải treo ở hướng tốt.



Trong hình vẽ, tại phương vị Bạch Hổ đặt quá nhiều đồ điện, hình thành thế "Bạch Hổ chèn ép Thanh Long". Phương pháp hoá giải là treo một tấm gương lớn tại vị trí Thanh Long.

★ Ngựa và ảnh hưởng đối với phong thủy

Theo quái tượng bát quái, ngựa thuộc quẻ Càn, mà Càn thuộc Kim, tương ứng với phần đầu trên cơ thể người, tượng của quẻ là Trời. Bởi vậy, không nên đặt các vật trang trí có hình ngựa ở hướng nam, vì phương nam thuộc Hoả, sẽ tạo thành thế "lửa đốt cửa trời". Phạm phải điều kỵ này, rất dễ dẫn đến những tình huống bất lợi sau đây:

1. Người trong nhà dễ bị tật bệnh ở phần đầu, như đau đầu, chóng mặt.
2. Con cái không hiếu thảo, thường xung đột với cha mẹ.
3. Người trong nhà dễ mắc chứng ho khan do phổi nóng.

Phương pháp hoá giải khá đơn giản: chuyển các vật trang trí này sang vị trí khác, các vấn đề bất lợi tự nhiên sẽ biến mất.

Cần đặc biệt chú ý rằng, nếu trong nhà có người tuổi Tý thì càng không nên đặt những vật trang trí có hình ngựa tại hướng nam, nếu không, người tuổi chuột sẽ rất dễ đau ốm. Bởi vì phương chính nam xung khắc với chuột, lại là hướng do ngựa làm chủ, đặt ngựa ở hướng nam sẽ gia tăng lực xung khắc này.

★ Rùa có thể hoá giải sát khí

Nhiều chuyên gia phong thủy nhận định, đặt các vật trang trí hình rùa trong nhà sẽ có lợi cho phong thủy.

Xét từ góc độ phong thủy học, mai rùa gỗ lên trông giống như chiếc gương lồi, bởi vậy, mai rùa có thể hoá giải sát khí. Ngoài ra, rùa còn là một động vật có tuổi thọ cao, nên đã được liệt vào trong "tứ linh", được coi là loài động vật tượng trưng cho phúc lành. Bởi vậy, các vật trang trí hình rùa có thể được bày ở trong nhà như một biểu tượng cát tường. Nếu đặt tại nơi phạm xung sát, sẽ có tác dụng hoá giải sát khí.

★ Voi và ảnh hưởng đối với phong thủy

Nhiều người có sở thích bày biện các đồ trang trí có hình voi, như voi sứ, voi ngọc, voi đồng, voi đá... trong nhà ở. Theo quan điểm phong thủy học, những vật trang trí hình voi có tác dụng tăng cường sức mạnh cho toạ hướng.

Theo phong thủy, tác toà nhà nên có "kháo sơn" ở phía sau, mà voi hình thể to lớn, vững chãi như núi. Đặt voi ở toạ hướng, sẽ tăng cường sức mạnh cho toạ

hướng. Nếu sau nhà không có núi dựa, có thể sử dụng đồ trang trí hình voi để làm "kháo sơn".

★ Tính hung của vật trang trí có hình hổ

Những vật trang trí hình hổ mang lại cảm giác oai vệ, có uy nghi của kẻ mạnh, linh hoạt nhạy bén khác thường. Bởi vậy, nhiều người thích bày tranh hoặc tượng hổ trong nhà ở hoặc văn phòng. Nhưng cần chú ý đến năm tuổi, vì có những tuổi rất kỵ những vật trang trí hình hổ.

Theo thuật số, thì hổ, ngựa và chó là kỵ nhau, bởi vậy, người tuổi Ngọ và tuổi Tuất không nên bày những đồ trang trí có hình hổ tại nhà ở hay văn phòng, nếu không, sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tài vận trắc trở, dễ gặp kiện tụng hoặc tai họa đổ máu.

Người tuổi Dần cũng không nên bày các đồ trang trí có hình hổ, vì như tục ngữ nói: "một núi không thể có hai hổ", tuổi Dần gặp hổ dễ gặp tiểu nhân hoặc kinh địch, công việc không suôn sẻ, gặp nhiều trở ngại.

★ Tượng sư tử nên đặt ở vị trí nào?

Trong các dịp lễ hội, tết nhất, rất nhiều nơi thường tổ chức múa lân để tăng thêm không khí tung bừng, náo nhiệt. Bởi vậy, trong quan niệm của mọi người, sư tử được coi là một loài động vật mang lại niềm vui và sự tốt lành.

Nhiều chuyên gia phong thủy cũng nhận định, sư tử có thể hoá giải, ngăn trừ tà khí, bởi vậy, thường kiến nghị chủ nhà đặt đôi sư tử đá tại những vị trí phạm phải xung sát.

Nhiều nhà máy, công xưởng hoặc cửa hàng lớn thường được trang trí bằng một đôi sư tử khá lớn, mà vị trí đặt tượng sư tử không nhất thiết là ở phương vị phạm xung sát. Khi đó, sư tử còn có tác dụng "chiêu tài", gọi tài lộc đến. Nhưng khi sử dụng sư tử vào mục đích "chiêu tài", cần chú ý đến những điểm sau:

1. Cần chọn những cặp sư tử được tạc bằng chất liệu đá tốt.
2. Sư tử cần được tạo hình uy nghi, dũng mãnh.
3. Sư tử cần được đặt ở vị trí "chiêu tài".
4. Cần chọn ngày lành tháng tốt để đặt tượng sư tử.
5. Cần chọn ngày lành tháng tốt để tiến hành khai quang cho tượng sư tử.

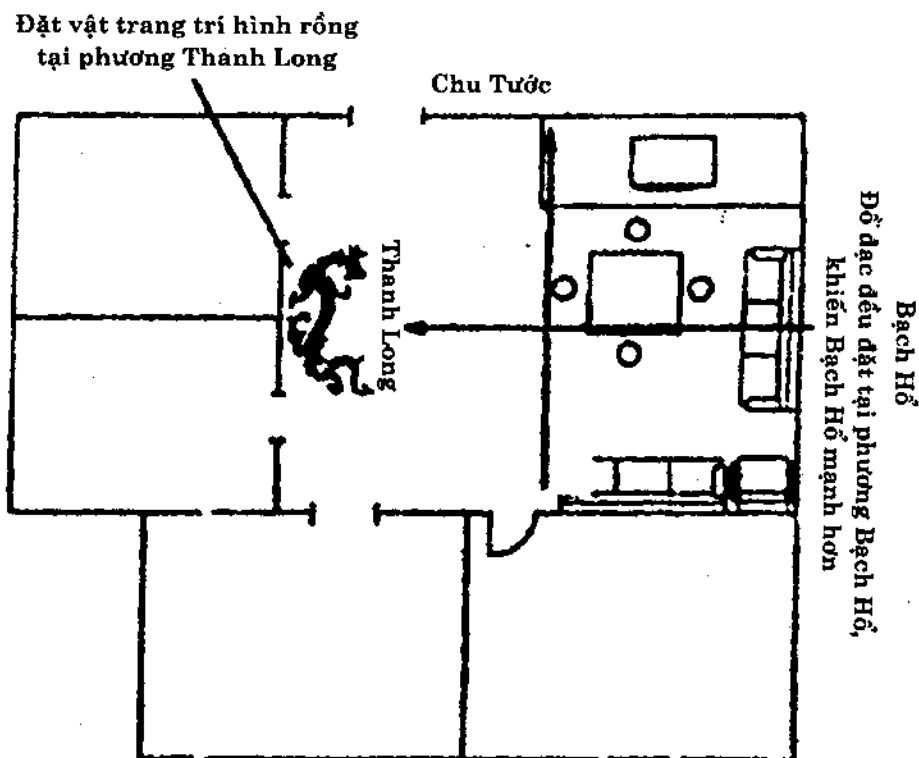
Vì sát khí của sư tử khá mạnh, nên khi bày sư tử trong nhà ở, chỉ nên đặt tại các vị trí bàn thờ thần hoặc bậu cửa sổ, quay đầu ra ngoài. Nếu không được xếp đặt đúng cách, sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của người trong nhà. Còn nếu đặt ở văn phòng, công ty, sẽ không gặp phải những vấn đề đáng ngại đó.

★ Rồng và ảnh hưởng đối với phong thủy

Rồng cũng là một con vật trong "tứ linh". Có nhiều truyền thuyết về nguồn gốc của loài vật linh thiêng này. Tại Trung Quốc và nhiều nước Á Đông, y phục của hoàng đế đều được thêu hình rồng, gọi là "long bào", qua đó đủ thấy rằng từ lâu hình tượng rồng đã tượng trưng cho sự tôn quý tột bậc.

Trong nhà ở của bạn, nếu phương Thanh Long yếu thế, có thể sử dụng các tranh, tượng rồng để tăng cường sức mạnh cho phương vị này.

Nếu phần lớn các thiết bị, vật dụng trong nhà đều được đặt tại phương Bạch Hổ, thì Thanh Long sẽ trở nên yếu thế. Trong trường hợp đó, có thể chuyển bớt đồ đạc sang phương Thanh Long, nhưng nếu không gian hạn hẹp, phương Thanh Long không còn chỗ để, thì cũng có thể đặt vật trang trí hình rồng tại phương Thanh Long để gia tăng sức mạnh cho phương vị này.



Cách bài trí vật trang sức hình rồng

★ Khả năng rước lành tránh dữ của kỳ lân

Kỳ lân cũng là một trong "tứ linh", người xưa quan niệm đây là một loài thú giàu đức nhân từ, tượng trưng cho điềm lành. Theo truyền thuyết, kỳ lân rất thích giúp đỡ người tốt, phù trợ cho người hiếu thuận, lương thiện, bởi thế mà được coi là loài thú nhân từ. Nếu gặp kẻ xấu, kỳ lân sẽ đuổi theo cắn, bởi vậy, trộm cướp hay người theo nghề cờ bạc, ma tuý, mại dâm đều không muốn bày kỳ lân trong nhà.

Cũng giống như rồng, kỳ lân là một loài vật truyền thuyết, với phần đầu giống rồng, có hai sừng, thân hình giống hươu, phủ đầy vảy, lông đuôi dài, cuộn sóng, thần thái cực kỳ sinh động. Kỳ lân là một loại totem của Trung Quốc cổ đại.

Hiện nay trên thị trường có bày bán rất nhiều loại kỳ lân với chủng loại hết sức phong phú, nhiều phong cách tạo hình khác nhau, được chế tác từ nhiều loại nguyên liệu như sứ, đồng, ngọc, đá,... và cũng mang những chức năng phong thủy khác nhau.

Người xưa tin rằng, totem kỳ lân sở hữu nguồn sức mạnh thần bí nguyên thủy. Với tư cách là một "linh vật", kỳ lân chính là hoá thân của sự hiền hoà, nhân từ, nên đương nhiên, nó cũng mang trong mình những đặc tính đó. Ngoài ra, kỳ lân còn có những tác dụng dưới đây:

1. Tránh tà, ngăn cản sát khí: Nếu cửa chính bị hành lang trực xung, phạm phải "xuyên tâm sát" (hay "thương sát"), có thể dùng một đôi kỳ lân để hoá giải. Trong trường hợp hành lang khá ngắn, sát khí không quá mạnh, chỉ cần sử dụng một kỳ lân đơn. Nhưng nếu hành lang dài mà thẳng, tức sát khí mãnh liệt, có thể dùng ba kỳ lân để hoá giải.

2. Hoá giải Tam Sát: Phương vị của Tam Sát là khác nhau tùy theo năm hạn, có thể tra vị trí của Tam Sát trong sách "*Thông thảng*" hoặc các sách tra cứu về vận số của từng năm. Để hoá giải Tam Sát cần sử dụng ba kỳ lân (tốt nhất là kỳ lân đã được khai quang) đặt ở phương vị Tam Sát, đầu kỳ lân đặt quay về hướng Tam Sát.

3. Cải vận, giảm nhẹ tai ương cho gia đình: Kỳ lân là loài vật tượng trưng cho cát tường, nếu đặt kỳ lân trong nhà, sẽ có tác dụng trấn trạch trừ tà, tăng gia phúc lộc cho gia đình, không chỉ trợ giúp gia chủ sự nghiệp hanh thông, mà còn xoay chuyển tài vận. Ngoài ra, kỳ lân còn có thể giúp gia chủ tránh được khí độc gây vận xấu. Kỳ lân dùng trong mục đích cải vận tốt nhất cần được khai quang, thì mới có thể phát huy công lực một cách trọn vẹn.

4. Hoá giải bất lợi của Bạch Hổ: đặt một đôi kỳ lân tại vị trí Bạch Hổ trong nhà ở, có thể hoá giải được tính hung của phương Bạch Hổ, bảo vệ người nhà bình yên. Đặc biệt khi phương vị Bạch Hổ bị ống khói hoặc vật sắc nhọn xung phải, thì kỳ lân đã qua khai quang có thể hoá giải rất hiệu nghiệm.

Trên đây là bốn vấn đề phong thuỷ thường gặp có thể dùng kỳ lân hoá giải. Ngoài những tác dụng trên, kỳ lân còn có khả năng hoá giải tà khí của các hung tinh trong vận hạn. Sau đây là phương vị của Bạch Hổ ứng với năm hạn của mỗi con giáp:

Tuổi	Năm hạn	Phương vị Bạch Hổ
Tý	2008	Thân (tây nam)
Sửu	2009	Dậu (tây)
Dần	2010	Tuất (tây bắc)
Mão	2011	Hợi (tây bắc)
Thìn	2012	Tý (bắc)
Tỵ	2013	Sửu (đông bắc)
Ngọ	2014	Dần (đông bắc)
Mùi	2015	Mão (đông)
Thân	2016	Thìn (đông nam)
Dậu	2017	Tỵ (đông nam)
Tuất	2018	Ngọ (nam)
Hợi	2019	Mùi (tây nam)

Kỳ lân tượng trưng cho sự tốt lành, có thể đặt tại bất kỳ phương vị nào trong nhà ở. Kỳ lân đã qua khai quang có khả năng trấn trạch, trừ tà, tăng gia phúc lộc. Kỳ lân lại được tạo hình tinh xảo, có tính thẩm mỹ cao, sẽ là món quà rất ý nghĩa để mừng nhà mới.

★ Khả năng trừ tà, chiêu tài của tỳ hưu

Tỳ hưu là một loài mãnh thú mang tính thần thoại, tương truyền con đực gọi là tỳ, con cái gọi là hưu, nhưng hiện nay, cả đực và cái đều được gọi chung bằng cái tên tỳ hưu.

Thời xưa, tỳ hưu được chia làm hai loại một sừng và hai sừng, trong đó, loại một sừng gọi là "thiên lộc", có tác dụng chiêu tài rước lộc; Còn loại hai sừng gọi là "tịch tà", có tác dụng xua đuổi tà khí. Về sau, không còn phân biệt hai sừng hay một sừng nữa, tỳ hưu chủ yếu được chế tác với hình dạng một sừng. Hiện nay, người ta vẫn gọi loài thú này là tỳ hưu hoặc tịch tà, cái tên thiên lộc hầu như đã bị lãng quên. Tại Trung Quốc, cùng với múa rồng, múa lân, còn có hình thức múa tỳ hưu, nhằm mục đích xua đuổi tà khí, đem đến vận may và niềm vui.

Về mặt tạo hình, tỳ hưu có rất nhiều chủng loại, trong đó, phổ biến nhất là tạo hình đầu một sừng, thân phủ lông bờm dài và xoắn, có thể còn được thêm đôi cánh, đuôi có lông xoắn.

Tỳ hưu được chế tác từ rất nhiều vật liệu, như ngọc, đá, gỗ, sành sứ, đồng..., có nơi còn làm tỳ hưu vải.

Cùng là các loài linh vật, nhưng tỳ hưu và kỳ lân có điểm khác nhau: tỳ hưu là loài mãnh thú có tác dụng trấn trạch trừ tà, người xưa còn dùng tỳ hưu để trấn mộ, tức làm nhiệm vụ bảo vệ huyết mộ. Trước những ngôi mộ cổ đều có đặt tượng tỳ hưu. Qua đó, chứng tỏ sát khí của tỳ hưu là khá mạnh.

Tỳ hưu có những chức năng phong thủy sau đây:

1. Trấn trạch trừ tà: Đặt tỳ hưu đã được khai quang trong nhà, có thể thay đổi vận xấu, tăng cường vận tốt, xua đuổi tà khí, trấn trạch, tức làm nhiệm vụ bảo hộ gia đình, giúp cả nhà bình yên vô sự.

2. Rước tài đón lộc: Đây là tác dụng được rất nhiều người biết tới. Các sòng bài, sòng bạc đều thấy bày tỳ hưu. Tỳ hưu khá hữu hiệu trong việc chiêu tài, giữ của, kể cả tài lộc chính đáng hay "ngoài luồng". Bởi vậy, người theo nghiệp kinh doanh nên bày tỳ hưu trong nhà ở hoặc công ty.

3. Hoá giải Ngũ Hoàng đại sát: Đặt tỳ hưu ở phương vị của Ngũ Hoàng đại sát. Nếu Ngũ Hoàng đại sát chiếu thẳng vào cửa chính, cần đặt một đôi tỳ hưu.

★ Cần chú ý đến vị trí của linh vị tổ tiên trên ban thờ.

Phong thủy học quan niệm, cửa chính, phòng ngủ và nhà bếp là ba bộ phận quan trọng nhất của nhà ở, nhưng ban thờ, hay phòng thờ cũng là bộ phận không thể xem nhẹ. Vì nếu thần linh và tổ tiên bị đặt vào vị trí bất lợi, bị kìm nén, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến vận khí của nhà ở và người nhà.

Bên trái ban thờ là phương Thanh Long, bên phải ban thờ là phương Bạch Hổ. Cũng tương tự, Thanh Long là vị trí tốt, còn Bạch Hổ là vị trí xấu. Linh vị hoặc tro xương của người quá cố nên đặt tại vị trí Thanh Long.

Nếu ban thờ có bày tượng Quan Công, lại càng cần phải chú ý. Vì Quan Công tay phải cầm đao, khiến sát khí bên mé phải rất nặng nề. Nếu bất cẩn đặt linh vị hoặc lọ tro của người quá cố bên tay phải, sẽ bị đao của Quan Công xung đến, uy hiếp đến tổ tiên. Tự nhiên, sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe và vận số của người trong gia đình.

★ Vài điều về bể cá phong thủy

Nuôi cá cảnh là một thú vui lành mạnh. Đặt một bể cá vàng trong nhà, cảnh cá bơi nước chảy sẽ khiến căn nhà như tăng thêm sinh khí. Những lúc trà dư tửu hậu, ngắm nhìn đàn cá tung tăng bơi lội, chắc chắn sẽ khiến tâm hồn ta thư thái, giải tỏa bớt mọi căng thẳng, bộn bề của công việc. Mặt khác, xét theo quan điểm phong thủy, bể cá được xem là một công cụ bổ sung vận khí, nếu biết vận dụng đúng cách, sẽ phát huy được khả năng trừ tà, phát lộc khá hữu hiệu.

Vậy do đâu mà một bể cá tưởng chừng chỉ có tác dụng giải trí lại có được chức năng phong thủy quan trọng đến vậy? Để giải đáp cho câu hỏi này, chúng ta hãy tiến hành phân tích hai đối tượng là cá và nước. Trong quan niệm phong thủy, nước, đặc biệt là nước chảy, có khả năng kích hoạt khí tốt hoặc xấu ở phương vị mà nó chiếm hữu. Mỗi trường phái phong thủy sẽ có những cách vận dụng khác nhau, nhưng chủ yếu đều căn cứ vào số lượng, màu sắc và chủng loại cá cảnh, ví dụ dựa vào số lượng cá để vạch quẻ, dựa vào màu sắc cá cảnh để phối hợp với ngũ hành... Thực chất, chọn được chủng loại cá cảnh thích hợp cũng có thể đạt được hiệu quả rước lành tránh dữ.

Cá rồng có hình dáng đẹp, thân dài dẹt tựa như lưỡi dao, tính hung dữ, nên nhiều người bày bể cá rồng hướng về phương vị xung sát để thu giữ sát khí. Ngoài ra, cá rồng cũng khá hữu hiệu trong việc tăng cường tài lộc. Nhưng vì cá rồng khá hung dữ, nên thường thu hút được nguồn lợi "ngoài luồng". Những người kinh

doanh các nghề "mặt trái" nhiều nguy hiểm nhưng lợi nhuận cao như sòng bạc, hộp đêm thường thích nuôi loại cá này.

Những loại cá có màu đen như cá Molly đen (cá bình trà đen, cá mún đen), cá cánh bướm (cá bánh lái) thường được dùng để hoá giải sát khí, trong đó, hiệu quả nhất là cá Molly đen. Cá cánh bướm vừa có thể hoá giải sát khí, vừa có thể tăng tài phát lộc, nhưng tính khí hiền lành hơn.

Một số người gặp tai nạn giao thông vẫn bình yên vô sự, nhưng cả bể cá Molly đen nuôi trong nhà lại chết một lượt. Cũng có người sáng ra tỉnh dậy thấy cả đàn Molly đen đã chết hết trong vòng một đêm, vừa bước chân ra đường, suýt nữa bị bốn hoa từ tầng trên rơi trúng đầu. Những ví dụ thực tế đó đã chứng minh được khả năng hoá giải sát khí của loài cá này.

Những loài cá có màu sắc rực rỡ như cá đĩa, cá chép gấm, cá vàng thường có tính khí hiền lành, được sử dụng để thu hút tài lộc chính đáng, ngoài ra, còn giúp cho gia chủ có được các mối quan hệ hài hoà, tốt đẹp, giảm bớt khó khăn trong công việc. Tuy khả năng chiêu tài phát lộc không thật mạnh mẽ, nhưng có thể giúp cho vận khí bình ổn, khiến gia chủ được yên tâm, vui vẻ làm ăn.

Lựa chọn loài cá nào là trông vào nhu cầu của bạn!

★ Điểm khác biệt giữa gương lồi, gương lõm và gương phẳng

Thời xưa, gương là tấm đồng được mài thật nhẵn, thật bóng, tất nhiên, hình ảnh phản chiếu sẽ không thể rõ nét bằng các loại gương hiện nay. Nhưng vào thời cổ, gương đồng là một món đồ xa xỉ, phải là người giàu có, sang trọng mới có được. Trong khi ngày nay, gương đã trở thành một vật dụng hết sức phổ thông, rẻ tiền, bất kỳ ai cũng có thể mua được.

Về mặt phong thủy, gương cũng có khá nhiều chức năng. Tùy theo hình dáng của gương, như gương lồi, gương lõm hay gương phẳng, mà chúng cũng có các công dụng khác nhau.

Gương lồi cũng giống như mai rùa, có hình cầu lồi lên. Bởi vậy, khi nhà ở bị các vật thể mang sát khí xung phải, gương lồi rất hữu dụng trong việc ngăn chặn sát khí, nên cũng được coi là một công cụ hoá giải sát khí. Có rất nhiều vật thể mang sát khí, như: cột đèn, các vật thể có hình dáng nhọn sắc, con đường chạy thẳng vào nhà, cột cờ, khoảng không giữa hai toà nhà cao, biển báo giao thông, ống khói...

Nếu cửa chính hoặc cửa sổ bị các vật mang sát khí chiếu thẳng vào, có thể treo gương lồi trước cửa để hoá giải.

Tác dụng của gương lõm là trái ngược so với gương lồi: gương lồi dùng để "phân tán", còn gương lõm dùng để "tích tụ". Nếu phương vị nào có hiện tượng thất tán khí đất hoặc các vật thể cát lợi cách nhà quá xa, có thể treo gương lõm để thu tóm, thu hút lại.

Ví dụ, khi cửa chính đối diện với cầu thang đi xuống, khí đất trong nhà sẽ thất tán. Lúc này, nên treo một gương lõm trước cửa để thu hút lại khí đất.

Hay như cửa sổ nhà bạn nhìn thẳng ra một trái núi có hình thù đẹp đẽ, thuộc loại núi Văn Xương, có lợi cho đường học vấn, chỉ có điều cách nhà quá xa. Khi đó, hãy treo một tấm gương lõm trước cửa sổ, để thu nạp khí tốt của núi Văn Xương.

Còn về gương phẳng, nếu đặt trong nhà cũng có tác dụng thu hút, thu tóm, còn nếu treo ngoài cửa chính hoặc cửa sổ sẽ có tác dụng phản xạ. Cũng có người cho rằng treo gương phẳng tại phương vị cát lợi, sẽ có tác dụng thu hút khí tốt; Đồng thời, khi treo tại phương vị bị xung sát, lại có tác dụng ngăn cản, hoá giải khí xấu.

MỤC LỤC

Giới thiệu	4
Lời nói đầu	5
Lời tựa	10
Phạm lậ	12

BÁT TRẠCH MINH KÍNH QUYỂN THƯỢNG

Bàn về số mệnh nam nữ	17
Bảng nạp âm sáu mươi hoa giáp	19
Trình tự bố cục Tiên thiên Bát quái của Phục Hy	25
Đồ hình Đông, Tây tứ trạch theo phương vị Bát quái	27
Phương vị Tiên thiên Bát quái	28
Phương vị Hậu thiên Bát quái	28
Hà đồ	29
Lạc thư	29
Đồ hình Tiên thiên Bát quái phối tượng số Hà đồ	30
Đồ hình Hậu thiên Bát quái phối tượng số Hà đồ	30
Đồ hình Tiên thiên Bát quái chuyển hoá thành Hậu thiên Bát quái	31
Đồ hình Tiên thiên Bát quái phối số Lạc thư	33
Đồ hình Hậu thiên Bát quái phối số Lạc thư	33
Bài ca quyết tính Tam nguyên Giáp Tý trên bàn tay	34
Du niên ca	37
Tính sát cát hung	38
Bài ca quyết về Đông tứ trạch	42
Bài ca quyết về Tây tứ trạch	42
Cửu tinh đồ phối Cửu cung tam nguyên Bát quái	43
Phối hướng bếp với cung mệnh Tam nguyên	45
Bảng tính Cửu cung trạch mệnh theo Tam nguyên	47
Tiếp quyết	48
Bảng tra cung mệnh Tam nguyên của nam nữ	51

Đồ hình bát trạch Đông tứ, Tây tứ.....	53
Vương Khổng Đường bàn luận về nguồn gốc cát hung của các sao.....	58
Sơ đồ bố cục Tiên thiên Bát quái.....	61
Phúc nguyên.....	61
Cổng chính	62
Lục sự	63
Nhà vệ sinh.....	63
Phòng ở	64
Giường	64
Bếp lò, cửa lò.....	65
Xây bếp	67
Bàn về hôn nhân	68
Tìm tháng tốt cho hôn nhân theo mệnh nữ.....	72
Hạ Thượng sát.....	73
Cô Hư sát trong tháng cưới gả của nam nữ	74
Âm dương giao tạp.....	74
Bảng tra Lã Tài hợp hôn	75
Số cung mệnh tam nguyên của nam nữ.....	78
Bảng tra cung mệnh Tam nguyên nam nữ hợp hôn.....	79
Đồ hình Giá thú chu đường.....	80
Phân tích những sai lầm trong cách tính nam nữ hợp hôn.....	80
Bàn về xây sửa	82
Dương trạch Lục Sát	87
Hoa Phấn sát.....	89
Làm bếp tránh ngày Tuyệt Yên Hoả	89
Tuyệt Yên Hoả sát trong phân phòng	90
Cửu tinh	91
Bốn hướng cát tinh	91
Bốn hướng hung tinh	91
Phương pháp làm bếp cầu phát tài.....	92
Phương pháp cầu tự	93
Phương pháp cầu tài	93
Những ngày kỵ làm giường và đặt giường.....	94
Ngày La Thiên đại kỵ nhật (kỵ xây sửa).....	94

Ngày Hối khí (kỵ xây sửa)	95
Ngày Thần khóc quỷ sầu (kỵ làm mọi việc)	96
Ngày kỵ dùng đồ cúng trong ma chay	96
Mậu Kỳ Đô Thiên	97
Phương vị Bát quái	97
Đông, Tây bát trạch	98
Thuộc tính của Bát quái	99
Ngũ hành của Cửu tinh	99
Tam nguyên Cửu tinh	100
Tổng quát	101
Hình thế	101
Tầng gác	103
Số gian	103
Cổng cửa và lối đi	104
Phương pháp xác định Du tinh	106
Giếng trời	107
Giường	108
Bếp: Bài về đặt bếp	109
Giếng	110
Hầm, hố	112
Hoàng Tuyền quyết	112
Tính chất cát hung của Hoàng Tuyền	114
Địa chi Hoàng Tuyền	115
Bạch Hổ Hoàng Tuyền	116
Bát sát Hoàng Tuyền	117
Số mệnh	118
Nguyên tắc chế phục của cửu tinh	119

BÁT TRẠCH MINH KÍNH QUYỂN HẠ

Đồ hình Thìn nam Tuất bắc phân chéo	121
Bài ca quyết chống quẻ Nguyên Không tính lai lộ chuyển nhà	123
Bài ca quyết về hướng quẻ lai lộ của bếp	125
Tổng quát về tám phương vị cát hung	127
Hướng của bếp	128

Phòng ở	128
Tu phương	129
Đồ hình Sinh Khí	130
Đồ hình Thiên Y	131
Đồ hình Diên Niên	132
Đồ hình Hoạ Hại	133
Đồ hình Lục Sát.....	134
Đồ hình Ngũ Quỷ.....	135
Đồ hình Tuyệt Mệnh.....	136
Đồ hình Phục Vị	137
Bài ca quyết về con cái thừa tự.....	138
Nhà mệnh Càn (Tây tứ).....	140
Thủy vòng phương Tốn: Cấn cục	141
Nhà mệnh Khảm (Đông tứ)	146
Thủy vòng phương Ly: Khảm cục	147
Nhà mệnh Cấn (Tây tứ).....	151
Thủy vòng phương Khôn: Cấn cục	152
Nhà mệnh Chấn (Đông tứ)	155
Thủy vòng phương Đoài: Chấn cục	156
Nhà mệnh Tốn (Đông tứ)	159
Thủy vòng phương Càn: Tốn cục	160
Nhà mệnh Ly (Đông tứ).....	162
Thủy vòng chính bắc: Ly cục	163
Nhà mệnh Khôn (Tây tứ)	165
Thủy vòng phương Cấn: Khôn cục	166
Nhà mệnh Đoài (Tây tứ).....	169
Thủy vòng chính đông: Đoài cục	170
Bảng tra niên mệnh	173
Bàn về hôn nhân.....	175
Bàn về tử tức.....	175
Bàn về tật bệnh.....	176
Bàn về tai hoạ	177
Bàn về cầu tài	177
Bàn về xây sửa.....	178

Bài ca quyết đoán trạch mệnh thiên chiếu thủy kinh.....	179
Tính chất cát hung của các sao.....	181
Bài ca quyết về phi cung	181
Ngọc Liễn kinh	182
Đồ hình Ngọc Liễn khai môn phóng thủy lục súc	184
Môn lâu Ngọc Liễn kinh.....	196
Phép khai môn đối với nhà mệnh Càn.....	207
Phép khai môn đối với nhà mệnh Khảm	208
Phép khai môn đối với nhà mệnh Cấn.....	210
Phép khai môn đối với nhà mệnh Chấn.....	211
Phép khai môn đối với nhà mệnh Tốn	211
Phép khai môn đối với nhà mệnh Ly.....	212
Phép khai môn đối với nhà mệnh Khôn	213
Phép khai môn đối với nhà mệnh Đoài.....	213
Thiên xích	214
Phép đo lường	215
Phương pháp đóng giường.....	216
Phương pháp làm bếp.....	217
Đồ hình Đẩu Cương thập nhị thần.....	218

PHỤ LỤC I: HOÀNG THẠCH CÔNG DƯƠNG TRẠCH ĐẠI BÁT MÔN

Đồ hình Thái Nhất du cung.....	220
Hoàng Thạch Công dương trạch đại bát môn.....	221
Thất tinh định vị tương sinh.....	222
Ngũ hành sinh hoá.....	222
Bài ca quyết về sự biến hoá của thất tinh.....	223
Thuộc tinh ngũ hành của Cửu tinh.....	223
Đồ hình hai mươi tư sơn.....	224
Hoàng Thạch Công trúc tiết phú.....	224
Bài phú đốt tre của Hoàng Thạch Công.....	225
Phương pháp tướng trạch.....	228
Đồ hình về bát môn động tĩnh trạch	230
Tứ chính tĩnh trạch.....	230
Tứ chính động trạch.....	231

Tứ duy tĩnh trạch.....	232
Tứ duy động trạch.....	233
Tổng quát về dương trạch	235
Tám bố cục nhà ở nên tránh	240

PHỤ LỤC II: THƯỜNG THỨC VỀ PHONG THỦY NHÀ Ở

CHƯƠNG 1: TẦM QUAN TRỌNG CỦA CỬA CHÍNH

Cửa chính đối diện với cửa sổ là thế tán tài?	254
Treo bát quái trên mi cửa liệu có gây bất lợi cho nhà đối diện?.....	255
Cửa chính đối diện với nhau có gây bất lợi không?.....	255
Màu sắc của cổng chính có ảnh hưởng đến phong thủy không?	256
Cửa chính đối diện với góc tường có vấn đề gì không?	260
Cửa chính đối diện với cửa nhà vệ sinh sẽ gây bất lợi?.....	260
Cửa nhà vệ sinh đối diện với cửa bếp phải chăng là không tốt?	261
Trên cổng xếp có nên khám phù điêu đầu thú hay không?	262
Cửa chính đối diện với cầu thang máy là tốt hay xấu?.....	263
Khi cửa chính đối diện với cầu thang.....	263
Bậu cửa cao bao nhiêu là phù hợp với phong thủy?	264
Tác dụng rước lành tránh dữ của bậu cửa.....	264
Màu sắc cửa xếp, cổng sắt có ảnh hưởng đến phong thủy không?.....	265
Các hoa văn trang trí trên cổng chính và cổng xếp có ảnh hưởng đến phong thủy không?	266
Cửa có nhiều khí tạp phải làm thế nào?	269
Nhà ở có nên thiết kế cửa vòm (cửa tò vò)?.....	269
Treo gương bát quái có hoá giải được xung sát không?.....	270
Treo la bàn có hoá giải được xung sát không?	271
Cửa chính bị biển báo giao thông hoặc cột đèn chiếu thẳng vào Phải hoá giải ra sao?	271
Cửa chính đối diện với cửa phòng ngủ, có gây bất lợi Cho người trong phòng không?	271

CHƯƠNG 2: TẦM QUAN TRỌNG CỦA PHÒNG NGỦ

Giường ngủ cao bao nhiêu là phù hợp?	273
Hình dáng của thành giường có ảnh hưởng đến phong thủy không?	274

Có nên treo đồng hồ ở đầu giường hay không?	275
Phương pháp hoá giải khi xà ngang đè xuống giường ngủ?	275
Bóng đèn chiếu thẳng xuống giường có ảnh hưởng đến sức khoẻ hay không?	276
Bộ giường liền với tủ có tốt không?.....	276
Khi đặt tivi trong phòng ngủ cần chú ý những điều gì?	276
Tủ lạnh có nên đặt ở đầu giường?	277
Bàn trang điểm nên đặt ở đâu?	277

CHƯƠNG 3: TẦM QUAN TRỌNG CỦA NHÀ BẾP

Nhà bếp nên đặt ở hướng nào thì cát lợi?	279
Nên đặt bếp ở vị trí nào?	280
Nồi cơm điện nên đặt ở vị trí nào?	281
Vòi nước, bồn rửa trong nhà bếp nên đặt ở vị trí nào?.....	281
Tủ lạnh nên đặt ở vị trí nào?	283
Tủ bếp có ảnh hưởng đến phong thuỷ không?	285
Nhà bếp có nhất định phải lập bàn thờ Táo quân hay không?	286

CHƯƠNG 4: VAI TRÒ CỦA CÁC YẾU TỐ KHÔNG GIAN XUNG QUANH NHÀ Ở

Cửa sổ đối diện với gương hoặc chảo sắt có bất lợi hay không?	288
Qua cửa sổ nhìn thấy đồ lót, có vấn đề gì không?.....	289
Cửa sổ hai nhà quá gần nhau liệu có ảnh hưởng đến phong thuỷ?	289
Nhà có quá nhiều cửa sổ là tốt hay xấu?	290
Nhà ở gần khu vệ sinh công cộng có ảnh hưởng gì không?	291
Nhà ở gần phòng chứa rác hay trạm biến áp có vấn đề gì không?	291
Nhà ở nằm gần nghĩa trang hoặc nhà tang lễ phải hoá giải ra sao?	292
Nhà ở gần chùa miếu có ảnh hưởng đến phong thuỷ không?.....	292
Nhà ở gần bến tàu điện ngầm có vấn đề gì không?	293
Làm thế nào để hoá giải quang sát?	293
Cửa sổ nhà đối diện với những gì là cát lợi?	294
Nhà ở gần đồi núi, phong thuỷ có tốt không?	295
Gần nhà có cột ống khói, phải hoá giải thế nào?	299
Biển quảng cáo neon chiếu thẳng vào nhà có tác hại gì?	299
Nhà ở có khí sắc hay không?	300
Ngã ba sông suối và ngã tư đường có ảnh hưởng đến phong thuỷ hay không?	300

Cửa sổ phòng khách nhìn thẳng vào cửa sổ nhà bếp hoặc phòng vệ sinh	
Cửa nhà khác có vấn đề gì không?.....	301
Phân biệt dòng nước đại lung và dòng nước phản cung.....	301
Bị chắn bởi toà cao ốc lớn có phạm phải Kiêu sát hay không?.....	302

CHƯƠNG 5: TẦM QUAN TRỌNG CỦA BÀI TRÍ NỘI THẤT

Cách phối hợp giữa màu sắc của đồng hồ và phương vị.....	304
Vị trí đặt đồng hồ có ảnh hưởng đến phong thủy không	305
Chiều cao của tủ giày có ảnh hưởng đến phong thủy không?.....	306
Đặt đèn trường minh trong phòng có tác dụng gì?	307
Nhà ở nên treo những loại tranh nào?	307
Nhà ở không nên treo những loại tranh nào?	308
Nhà ở nên trồng những loại cây cảnh nào?	309
Bộ dao nĩa trang sức nên đặt ở vị trí nào?.....	309
Uy lực của kiếm tiền đồng	310
Trong nhà có nên bày quạt giấy trang trí không?.....	311
Có phải treo chuông gió trước cửa sẽ gọi âm hồn đến?	312
Bàn học, bàn làm việc nên đặt ở vị trí nào.	313
Tìm vị trí thích hợp cho bàn ăn.....	314
Quạt thông gió cần lắp ở vị trí nào?	315
Phương pháp bài trí các loại đồ điện	317
Ngựa và ảnh hưởng đối với phong thủy.....	319
Rùa có thể hoá giải sát khí	319
Voi và ảnh hưởng đối với phong thủy	319
Tính hung của vật trang trí có hình hổ	320
Tượng sư tử nên đặt ở vị trí nào?.....	320
Rồng và ảnh hưởng đối với phong thủy	321
Khả năng rước lành tránh dữ của kỳ lân.....	322
Khả năng trừ tà, chiêu tài của tỳ hưu	324
Cần chú ý đến vị trí của linh vị tổ tiên trên ban thờ.....	325
Vài điều về bể cá phong thủy	325
Điểm khác biệt giữa gương lồi, gương lõm và gương phẳng.....	326

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
Số 4 - Tống Duy Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT : (04) 38257063 * Fax : (04) 39289143

BÁT TRẠCH MINH KÍNH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập: MẠNH LINH
Trình bày: BIENTAP.COM
Vẽ bìa: NSMINHLAM
Sửa bản in: THANH NGÀ

Mọi ý kiến góp ý xin viết tại
diễn đàn <http://webphongthuy.com>

In 1000c, khổ 19 x 27cm, tại Công ty CP in và TM Á Phi
Quyết định xuất bản số: 184 - 2009/CXB/199NT - 10/HN
In xong và nộp lưu chiểu năm 2009

BÁT TRẠCH MINH KÍNH

八字明鏡



"Bát trạch minh kính" là một bộ sách phong thủy cổ nổi tiếng, đồng thời cũng là tác phẩm tiêu biểu của trường phái Bát Trạch. Phái Bát Trạch ra đời vào thời Đường và rất thịnh hành vào thời Tống. Sau thời Tống, trường phái này vẫn tiếp tục được truyền thừa qua nhiều thế hệ, duy trì được vị trí độc tôn trong lĩnh vực bố trí phong thủy dương trạch. Lý luận của phái Bát Trạch từ lâu đã ăn sâu vào tâm tưởng của người dân.

Sở dĩ phái Bát Trạch chiếm được địa vị hàng đầu trong nền phong thủy học truyền thống, là vì trường phái này đã hệ thống hoá, giản hoá các lý luận phong thủy phức tạp để trở nên đơn giản dễ hiểu hơn, quy nạp thành những luận điểm dễ tiếp nhận. Với tinh thần đó, "Bát trạch minh kính" đã đưa ra rất nhiều phương pháp thao tác cụ thể, trực quan, mang giá trị thực tiễn cao, rất phù hợp để ứng dụng trong đời sống thường ngày. Các lý luận của phái Bát Trạch chủ yếu xuất phát từ niên mệnh và Tam nguyên, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của hướng cửa, hướng bếp và tính chất lành dữ của các phương hướng, dung hoà các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất, tạo nên một hệ thống lý luận phong thủy dương trạch hoàn chỉnh.



PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM
92E Lý Thường Kiệt ĐT: 043. 9 427 393. Fax: 043. 9 427 407
Website: <http://www.nsminhlam.com.vn>
Email: nsminhlam@gmail.com

BÁT TRẠCH MINH KÍNH



GIÁ: 139.000Đ